Hector Malot

VÔ GIA ĐÌNH

Dịch giả: Hà Mai Anh

Nguyên tác: Sans Famille

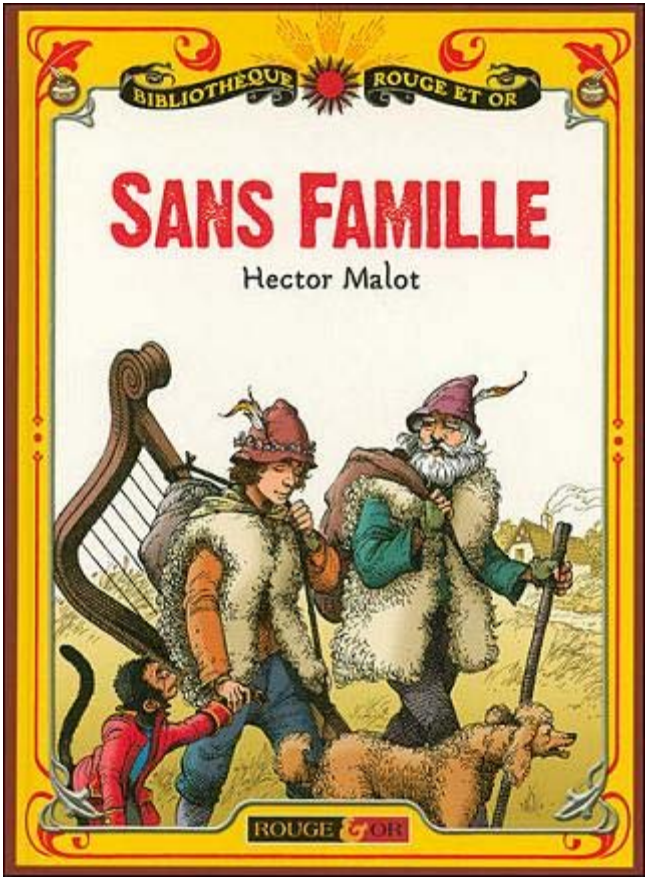

Vnthuquan.net, 2009.

LỜI NÓI ĐẦU

Truyện VÔ GIA ĐÌNH này dịch ở quyển SANS FAMILLE, một tiểu thuyết hay nhất trong các tác phẩm của Hector Malot, một danh văn nước Pháp.

Tiểu thuyết Sans Famille xuất bản lần đầu tiên về năm 1878, được công chúng rất hoan-nghênh và được Viện Hàn-Lâm Pháp khen-thưởng, cho vào hạng sách hữu ích. Vì có một giá trị về văn-chương cũng như về phương diện giáo-dục, nên sách đó đã được lưu hành trong các nam-nữ học-đường.

Không những thế, các nước Anh, Đức, Nhật, Trung-Hoa, vân vân, cũng nhận thấy ích lợi của cuốn sách đó nên đã phiên dịch ra trên mười thứ tiếng và phát hành khắp nơi.

Ở nước ta, năm 1931, ông Nguyễn đỗ Mục và ông Đào-Hùng đã theo bản văn của Tàu "Khổ nhi lưu lãng ký" dịch ra Việt văn nhan đề là "Vô gia đình" (Tiểu thuyết giáo dục Đứa trẻ khốn nạn), đăng báo "Trung Bắc Tân Văn" và in thành sách do nhà "Tân Việt Nam Thư Xã" xuất bản.

Nay, để cho truyện được sát với nguyên tác chữ Pháp, về tư tưởng cũng như về văn từ, theo ý muốn của một số bạn yêu văn, tôi không quản tài trí thiển sơ, cố gắng phiên dịch, may ra có ích phần nào trong học văn của các bạn thanh niên.

"Vô gia đình" là truyện một đứa bé bị bỏ đường, được một thôn phụ nuôi nấng như con. Không may, chồng thôn phụ đó làm thợ bị một tai nạn lao động thành tàn tật, buộc lòng phải bán em cho một ông lão diễn trò rong.

Cuộc phân ly đau đớn. Rồi đến cuộc đời lang thang, trôi dạt của em trên đất Pháp và đất Anh. Những biến cố liên tiếp xảy ra, nhưng nhờ trí thông minh, lòng quả cảm, em đã phấn đấu và đã vượt mọi gian nan.

Sau em tìm được mẹ cùng em trai và không quên trả ơn những người đã cứu giúp em trong những ngày gian khổ.

"Vô gia đình" nêu cho ta một tấm gương ưu cần, nhẫn nại, một tinh thần thanh cao và tự lập, một chí phấn đấu không sờn, nhất là lòng trung hậu tuyệt vời.

Ngoài giá trị về đạo đức, câu truyện lại ly-kỳ và vô cùng cảm động nên không những được giới học sinh ưa chuộng mà mọi người ai đã đọc một vài trang đầu không thể bỏ qua không xem hết.

Trong lúc phong trào "chấn hưng đạo đức" đang sôi nổi trên Thế giới Tự do, tôi mong rằng bản dịch "Vô gia đình" này sẽ giúp một phần mọn vào công cuộc "vãn hồi chính đạo" lớn lao đó.

Saigon, ngày 23-3-1958

DỊCH GIẢ

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Phần I - Chương I

LÀNG TÔI

Tôi là một đứa trẻ bỏ rơi.
Nhưng cho đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có một người mẹ như những đứa trẻ khác, vì lúc nào tôi khóc thì lại có một bà đến ôm ấp, dỗ dành cho tôi nín.
Không bao giờ tôi đi ngủ lại không có bà đến vuốt ve tôi. Về mùa đông, khi gió gieo tuyết vào cửa kính trắng xóa, bà kéo chân tôi ủ vào hai bàn tay bà và ru tôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ giọng hát và câu hát của bà.
Khi tôi chăn bò trên những con đường cỏ xanh hay ở bãi hoang mà chợt gặp mưa to, bà vội vã chạy ra đón, kéo vạt áo che đầu cho tôi và đưa tôi về.
Khi tôi cãi nhau với một đứa trẻ khác, bà bảo tôi kể lại cho bà nghe rồi bà tìm lời ngọt dỗ tôi và bao giờ cũng cho tôi là phải.
Vì những điều đó và nhiều điều khác nữa, vì giọng nói âu yếm, vì đôi mắt trìu mến của bà, vì những sự vỗ về thương yêu tôi, vì vẻ nhân từ

của bà dẫu khi mắng mỏ tôi, tôi cứ tưởng bà là mẹ tôi.
Đây, tại sao tôi biết bà chỉ là mẹ nuôi tôi thôi.
Làng tôi, hay gọi cho đúng, nơi tôi được nuôi nấng – vì tôi không có làng riêng cho tôi, không có nơi sinh mà không có cả cha lẫn mẹ nữa – làng mà tôi đã sống trong thời thơ ấu gọi là Tả-Văn-Ông, một làng vào hạng nghèo nhất ở nước Pháp.
Sự nghèo nàn đó không phải là tại dân cư đần độn hay lười biếng mà chính là vì vị trí của làng ở vào một nơi ít màu mỡ. Đất không sâu, muốn được hoa màu tốt phải có đồ bón nhưng ở miền này đều thiếu thốn. Vì thế người ta chỉ thấy (trong thời tôi ở đấy) một số ít ruộng được cày cấy, còn toàn là những bãi hoang bao la để cho bụi rậm và cỏ mọc đầy. Trên những bãi cao đó, lác đác cũng có một vài khóm cây to nhưng khi những ngọn gió may thổi đến thì còn trơ những cành khẳng khiu.
Muốn tìm những cây đẹp, phải xuống lũng, đến chỗ các bờ sông con; trong những đồng cỏ hẹp mới có những cây giẻ cao và những cây sồi xanh tốt.
Chính ở trong một những lũng đó, trên bờ suối, một dòng suối, đổ vào phụ lưu sông Loa, là nhà thân yêu của tôi, thời thơ ấu.
Ở đấy, cho đến năm lên tám, tôi không hề trông thấy một người đàn ông nào trong nhà. Tuy nhiên, mẹ tôi không phải góa bụa, vì chồng bà đi làm thợ đẽo đá ở Ba-Lê cũng như phần đông người ở miền này. Từ ngày tôi đến tuổi hiểu biết, tôi không thấy ông ta về lần nào. Thỉnh thoảng bạn ông có về quê thì ông nhắn tin thôi.
- Bà Liên ơi! Ông ấy vẫn khỏe mạnh, có nhờ tôi về nói cho bà biết là việc làm ăn cũng khá và có gửi ít tiền về đây. Bà đếm lại xem.
Tin tức có thế thôi. Bà Bảo-Liên cũng đành biết có thế thôi: chồng bà mạnh giỏi, công việc đều, làm ăn khá.
Ông Bảo-Liên ở mãi Ba-Lê không về, không phải là trong gia đình có chuyện xích mích gì đâu. Việc bất hòa không phải là nguyên nhân cuộc xa vắng đó. Ông phải ở luôn Ba-Lê là vì công việc bắt buộc, có thế thôi. Khi ông tuổi già, ông sẽ trở về. Với số tiền cóp nhặt, dành dụm, vợ chồng ông sẽ khỏi bị đói rét trong những ngày suy yếu.
Một ngày về tháng một, trời sắp tối, có một người đàn ông mà tôi không quen, đến đứng ngoài bờ giậu. Tôi ở trên hè đang chẻ củi. Người lạ mặt đứng ngoài nghển đầu vào hỏi tôi có phải đây là nhà bà Bảo-Liên không.
Tôi mời ông ta vào. Ông khách đẩy cửa bước vào.
Ông ta lấm như vùi. Những vấy bùn chỗ khô, chỗ ướt bám từ đầu xuống chân. Trông thấy thế, ai cũng hiểu rằng ông ta đã vất vả trên

những con đường lầy lội. Nghe có tiếng người, mẹ tôi chạy ra thì vừa gặp ông ta đang vào. Ông ta nói:
- Tôi đem tin ở Ba-Lê về đây.
Đó là một câu rất quen tai, nhưng giọng nói câu đó nghe khác hẳn giọng nói các câu mấy lần trước thường kèm thêm những tin: "ông ấy khỏe mạnh, làm ăn khá".
Mẹ tôi chắp tay lại và kêu to:
- Trời ơi! Chắc có tin chẳng lành cho chồng tôi!
- Phải đấy. Bà đừng lo sợ quá. Ông nhà bị thương, may không chết. Nhưng có lẽ rồi thành tật. Hiện giờ ông nằm nhà thương. Tôi nằm giường bên cạnh. Nhân tôi về quê, ông bảo đi qua nhắn giúp. Thôi, chào bà, tôi không thể ở lâu được vì còn phải đi ba dặm nữa, mà trời đã sắp tối rồi.
Mẹ tôi muốn biết thêm, lưu ông khách ở lại ăn cơm. Đường thì xấu, mà người ta lại bảo trong rừng có nhiều chó sói, nên ông ta cũng vui lòng ở lại. Ông ta ngồi trong góc cạnh lò sưởi vừa ăn vừa kể lại cho chúng tôi nghe.
Ông Liên bị gióng xây nhà đổ sập xuống đè phải. Xét ra lúc bấy giờ không phải việc của ông ở đấy nên chủ thầu không chịu bồi thường.
Ông khách nói thêm:
- Thực không may! Phải kẻ tinh khôn hơn có lẽ họ tìm cách đòi được tiền cấp dưỡng chung thân. Nhưng ông nhà thì chẳng được đồng nào.
Ông ta vừa sấy quần áo cứng cộp vì bùn khô lại vừa nhắc lại câu: "Thực không may!" với một vẻ buồn thành thực như tỏ ra rằng nếu vào địa vị ông, ông sẽ vui lòng xin cưa phăng đi một chân hòng đòi khoản cấp dưỡng chung thân. Để kết thúc câu chuyện, ông nói:
- Tuy nhiên, tôi đã khuyên ông nhà đệ đơn kiện chủ thầu.
Mẹ tôi nói:
- Kiện thì tốn kém lắm.
- Phải, nhưng lúc được kiện thì sao?
Mẹ tôi muốn đi Ba-Lê xem sao nhưng đi là cả một sự phiền phức vì cuộc đi rất diệu vợi và tốn nhiều tiền.
Sáng hôm sau, chúng tôi đến hỏi ý kiến Linh mục làng. Cha bảo để xét xem mẹ tôi ra đó có ích gì, thì hãy nên đi. Rồi Cha viết thư cho Cha Tuyên úy ở nhà thương ông Liên nằm điều trị. Mấy hôm sau, Cha nhận được thư trả lời, bảo mẹ tôi không phải đi, cần gởi ít tiền ra cho ông để kiện chủ thầu.
Ngày, tháng qua. Thỉnh thoảng lại có thư về hỏi tiền. Lá thư cuối cùng khẩn bách hơn, bảo nếu hết tiền thì đem bán bò đi.

Những ai đã sống ở nhà quê, mới biết có bao nhiêu khổ não, đau đớn trong hai tiếng “bán bò”.
Trước con mắt nhà bác vật, bò là một giống nhai lại, đối với du khách đó là con vật tô điểm cho phong cảnh nên thơ mỗi khi nó nghếch cái mõm đẫm sương trên đám cỏ, với trẻ con ở tỉnh, bò là nguồn cà phê sữa, bánh pho-mát kem. Nhưng đối với dân quê, còn có những điều hơn thế. Nhà dù nghèo đến thế nào, đông đến thế nào, nếu trong chuồng có được một con bò cái thì nhất định không phải nhịn đói. Với một cái dây thừng để dài hay quấn gọn trên sừng, một đứa trẻ có thể chăn nó trên những con đường đầy cỏ xanh non, không phải mất tiền mua. Rồi chiều đến, cả gia đình có đủ bơ để ăn súp, đủ sữa để dầm khoai. Cha, mẹ, con cái, người lớn cũng như trẻ con, mọi người đều sống về con bò.
Mẹ tôi và tôi, chúng tôi cũng sống, sống rất no đủ về con bò của chúng tôi, ngoài sữa ra không hề cần đến thịt thà. Con bò cái đó không những là vú nuôi của chúng tôi, nó lại còn là một người bạn thân nữa. Ta chớ tưởng con bò là một con vật không biết gì, trái lại, nó là một giống rất thông minh và có nhiều đức tính ngày đêm nảy nở do sự huấn luyện mà ra. Chúng tôi vuốt ve nó, chúng tôi nói chuyện với nó, nó hiểu chúng tôi. Với nó, bằng đôi mắt dịu hiền, nó có thể tỏ cho chúng tôi biết ý muốn hoặc sự cảm biết của nó. Nói tóm lại, chúng tôi yêu nó và nó cũng mến chúng tôi.
Thế mà nó và chúng tôi phải lìa nhau, lìa nhau vì phải bán nó mới hài lòng ông Liên.
Hôm sau, một người lái đến. Sau khi ngắm nghía con Hồng-Ti rồi vừa sờ nắn, vừa lắc đầu sau khi nói đi nhắc lại đến trăm lần là con bò này chẳng vừa ý ông ta chút nào, bò nhà nghèo, khó bán lại, ít sữa mà sữa lại xấu. Sau cùng, ông ta cũng cố gắng mua, cốt để tỏ lòng tốt và để giúp đỡ bà Liên là một người đàn bà đảm đang.
Con Hồng-Ti khốn khổ kia, hình như nó cũng biết câu chuyện vừa diễn ra nên nó không chịu ra khỏi chuồng và kêu rống lên.
Người lái tháo cái roi vẫn quàng ở cổ, đưa cho tôi và bảo:
- Em vào phía sau đánh cho nó ra.
Mẹ tôi bảo:
- Đừng làm thế!
Rồi cầm lấy dây, mẹ tôi nói nhẹ nhàng:
- Hồng-Ti, ra đây! Ngoan!
Con Hồng-Ti không kháng cự nữa. Ra đến đường cái, người lái buộc dây bò vào sau xe, thế là nó phải chạy theo ngựa.
Chúng tôi trở về nhà, vẫn còn nghe thấy tiếng bò kêu, lâu lâu mới

hết.
Thế là hết sữa, hết bơ. Từ nay, sáng ăn bánh suông, chiều ăn khoai với muối.
Bán bò được mấy hôm thì đến ngày lễ "Tuần Thánh". Năm ngoái, cũng ngày này, mẹ tôi đã làm một bữa bánh rán, bánh sữa, rất ngon. Tôi ăn lấy ăn để, mẹ tôi tỏ vẻ sung sướng vô cùng.
Bấy giờ chúng tôi còn Hồng-Ti, nó cho sữa pha bột, cho bơ để bỏ chảo.
Bây giờ không còn Hồng-Ti nữa, hết sữa, hết bơ, hết ngày "Tuần Thánh". Tôi nghĩ mà buồn.
Nhưng mẹ tôi đã đem lại cho tôi một sự ngạc nhiên. Không phải vay mượn ai, bà đã xin hàng xóm người này một chén sữa, người kia một miếng bơ. Khoảng trưa, tôi về nhà, thấy bà đang lúi húi đổ bột vào cái chảo sành lớn.
Tôi lại gần mẹ tôi và nói:
- A! Nhà có bột!
Mẹ tôi vừa cười vừa đáp:
- Có chứ! Bột đấy! Chính bột mì đấy! Minh xem có mịn không!
Lòng tôi muốn hỏi bột đó dùng để làm gì, nhưng tôi không dám nói ra. Tôi cũng muốn nhắc hôm nay là ngày lễ "Tuần Thánh" nhưng sợ làm mẹ tôi phiền lòng.
Chợt mẹ tôi hỏi:
- Đố Minh biết bột dùng để làm gì?
- Làm bánh mì.
- Làm gì nữa?
- Làm cháo sữa.
- Gì nữa?
- Trời! Con không biết!
- Có. Con biết đấy. Nhưng con là đứa trẻ ngoan nên con không nói đấy thôi. Con biết hôm nay Thứ Ba, ngày "Tuần Thánh" được ăn bánh rán, bánh sữa. Nhưng con thấy nhà hết bơ, hết sữa nên con không dám nhắc đến. Phải không?
- Mẹ…
- Mẹ biết trước thế. Nên mẹ đã sắp đặt để đến ngày lễ con khỏi phải nhăn nhó. Con nhìn trong thùng xem.
Tôi mở mạnh nắp ra. Tôi thấy nào sữa, nào bơ, nào trứng, nào khoai.
Mẹ tôi bảo:
- Lấy trứng ra đây cho mẹ làm. Con đi gọt khoai đi!
Trong khi tôi thái khoai, mẹ tôi đập trứng cho vào bột, đánh đều rồi

thỉnh thoảng lại trộn vào một thìa sữa.
Khi bột đã hòa xong, mẹ tôi đặt chậu lên đống tro nóng để đến chiều làm, vì bữa tối chúng tôi mới dùng đến. Cho được thành thực, tôi xin thú rằng ngày hôm đó tôi thấy dài quá và nhiều lần tôi vào bếp mở trộm tấm khăn phủ chậu bột ra nom.
Mẹ tôi gắt:
- Đừng mở. Bột bị lạnh không nở đâu!
Nhưng tôi thấy bột vẫn nở tốt. Nhiều chỗ phồng lên và trên mặt có thứ như nước dùng. Bột lên men sao mà thơm thế, sực mùi trứng và sữa.
Mẹ tôi bảo tôi:
- Con nhóm bếp đi.
Không cần phải bảo đến hai lần, tôi vào bếp luôn vì đã nóng ruột lắm rồi. Trong giây lát một ngọn lửa to đã bốc lên trong lò. Ánh sáng chập chùng chiếu khắp căn bếp.
Mẹ tôi liền tháo chảo ở trên tường xuống, đặt lên lò:
- Lấy bơ cho mẹ.
Tôi đem ra, bà hớt một miếng vào đầu dao và bỏ vào chảo, bơ chảy ra và kêu xèo xèo.
A! Bơ thơm ngon quá vì đã lâu tôi không ngửi thấy mùi. Đồng thời, tôi lại được nghe một thứ âm nhạc vui tai do lửa reo và tiếng mỡ nổ hòa nên.
Trong khi tôi chăm chú nghe những âm thanh đó, thì hình như có tiếng chân bước ngoài sân. Ai lại có thể đến làm bận ta trong giờ này? Có lẽ bà hàng xóm sang xin lửa chăng?
Nhưng tôi cũng chẳng để ý đến việc đó vì mẹ tôi đang múc ở chậu ra một thìa bột trắng tinh đổ vào chảo. Lúc này không phải là lúc bỏ đi chơi.
Tiếng gậy chạm vào ngưỡng cửa rồi hốt nhiên cánh cửa toang ra. Một người đàn ông bước vào. Nhờ ánh đèn tỏ, tôi trông rõ người đó mặc một cái áo lu trắng, tay chống chiếc gậy to.
Người đó nói giọng chương chướng:
- Đây cũng ăn “Lễ Tuần Thánh” à? Cứ làm đi.
Mẹ tôi bắc vội chảo ra, kêu to:
- A! Ông đã về đấy à?
Xong, mẹ tôi cầm cánh tay tôi, đun tôi lại chỗ ông ta; ông đứng dừng lại. Mẹ tôi bảo tôi:
- Cha con đấy!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương II
NGƯỜI CHA NUÔI

Tôi lại gần để hôn ông, nhưng ông lấy đầu gậy ngăn tôi lại và hỏi:
- Đứa này là đứa nào?
- Cu Minh đấy.
- Bà có bảo tôi là…
- Có. Nhưng không phải, vì…
- A! Không phải, không phải.
Ông giơ cao gậy, tiến lại phía tôi, tự nhiên tôi lùi lại.
Tôi đã làm gì? Tôi có lỗi gì? Tại sao lại có sự nhạt nhẽo khi tôi đến hôn ông? Tôi không đủ thời giờ để suy nghĩ về việc đó, nó làm rối bời trong óc tôi.
Ông nói:
- Nhà này cũng ăn "Lễ Tuần Thánh". Tốt lắm. Tôi đang đói bụng đây. Có gì ăn bữa tối không?
- Tôi đang làm bánh tráng.
- Bánh tráng, biết rồi. Nhưng không phải thứ đồ ăn dành cho một người đã đi bộ hơn mười dặm đường.
- Vì nhà chẳng có gì. Mà tôi không biết ông về.
- Thế nào? Không, không có gì mà ăn à?
Ông nhìn chung quanh rồi nói:
- Bơ kia thôi!
Rồi ông ngước mắt lên trần nhìn chỗ treo mỡ xưa nay, nhưng đã lâu, cái móc vẫn để trơ và dưới sà ngang có treo lơ thơ mấy nhánh tỏi và hành.
Ông lấy gậy chọc mấy nhánh hành xuống và nói:
- Hành đây thôi. Độ 4, 5 củ và một chút bơ là đủ làm súp rồi. Bà hãy bỏ bánh ra, cho hành vào.
Lấy bánh ở chảo ra! Mẹ tôi không cưỡng lại. Trái lại, mẹ tôi răm rắp làm theo ý ông. Còn ông ngồi tót trên ghế dài cạnh bếp. Tôi không dám ra khỏi chỗ mà cái đầu gậy của ông đã chỉ định tôi ở đó. Tựa vào cạnh bàn, tôi đứng nhìn ông.
Ông trạc 50 tuổi, mặt phũ, tướng nghiệt, đầu hơi vẹo do thương tích gây nên. Hình thù đó làm tôi khiếp sợ.
Mẹ tôi lại đặt chảo lên bếp.
Ông nói:
- Làm súp bằng tí bơ thế thôi à?

Nói xong, ông tự cầm đĩa đổ cả cục bơ vào chảo.
Thế là hết bơ và cũng hết theo cả bánh rán.
Vào lúc khác thì chắc chắn tôi rất buồn về tai họa đó, nhưng lúc ấy tôi không tưởng gì đến bánh rán, bánh sữa mà chỉ nghĩ một điều là người có vẻ phũ phàng kia lại là cha tôi.
Cha ta, cha ta! Tôi lẩm bẩm tiếng đó trong mồm.
Ngày thường tôi không bao giờ tự hỏi để định rõ thế nào là một người cha. Tôi chỉ mường tượng cha là một người mẹ có tiếng nói to. Đến bây giờ, nhìn người cha tự trên trời rơi xuống kia, tôi đâm ra đau đớn, sợ hãi.
Tôi muốn đến hôn ông, ông đã cầm gậy ngăn tôi lại. Tại sao thế? Mẹ tôi không bao giờ gạt tôi ra khi tôi đến hôn người, mà còn bế tôi lên và ôm chặt vào lòng nữa.
Chợt ông bảo tôi:
- Sao mày cứ đứng như tượng thế, rét lắm à? Ra dọn đĩa lên bàn đi.
Tôi vội vàng tuân lệnh. Đã nấu xong. Mẹ tôi múc ra cái đĩa.
Ông liền rời góc lò sưởi đến bàn, ngồi vào ăn, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn tôi.
Tôi bối rối và lo quá đến nỗi không nuốt được. Tôi cũng nhìn ông, nhưng nhìn trộm thôi, mỗi lần gặp mắt ông thì tôi lại trông xuống.
Chợt ông giơ thìa về phía tôi và hỏi:
- Thằng này ngày thường vẫn ăn hơn hôm nay chứ?
- Nó vẫn ăn được.
- Mặc xác nó. Nếu nó nhịn hẳn càng tốt.
Tôi chẳng buồn nói gì. Mẹ tôi cũng chẳng hơn gì tôi. Bà lẳng lặng đi quanh bàn, chăm chú hầu chồng.
Ông lại hỏi tôi:
- Thế mày không đói à?
- Không.
- Vậy đi ngủ đi. Cố ngủ ngay đi, nếu không, tao cáu tiết.
Mẹ tôi đưa mắt cho tôi, ngụ ý bảo phải nghe lời không được phụng phịu. Nhưng sự dặn dò đó vô ích vì tôi không nghĩ đến việc làm reo.
Cũng như nhiều nhà khác của người dân quê, căn bếp nhà tôi vừa là chỗ đun nấu, vừa là chỗ để ngủ. Gần lò bếp để những thức dùng vào việc nấu ăn: bàn, chạn, thùng đựng bánh. Đầu kia là tấm ngựa. Một góc là chỗ mẹ tôi nằm. Góc đối diện là giường tôi ngủ có che tấm riềm đỏ.
Tôi vội cởi áo ngoài và đi nằm. Còn ngủ, lại là một chuyện khác. Mệnh lệnh không thể bắt người ta ngủ được. Người ta chỉ có thể ngủ được khi nào buồn ngủ hay khi nào lòng yên.

Thế mà, tôi không buồn ngủ, lòng tôi không yên, thì bảo rằng chợp mắt làm sao được? Hơn thế nữa tôi còn bứt rứt, buồn khổ. Người ấy là cha tôi à? Tại sao lại hắt hủi tôi như thế?
Quay mặt vào tường tôi cố xua đuổi những ý nghĩ đó trong đầu để ngủ theo lệnh của ông ta. Nhưng vô hiệu. Không những không ngủ được mà tôi lại thấy càng tỉnh táo hơn.
Một lúc khá lâu tôi cũng không ước đoán được là bao nhiêu, tôi thấy có người đến gần giường tôi.
Chân bước kéo lê, bước chậm chạp và nặng nề. Tôi biết ngay không phải là mẹ tôi.
Một luồng hơi nóng thoảng qua tóc tôi. Rồi có tiếng hỏi:
- Mày ngủ chưa?
Tôi khôn không trả lời, vì những tiếng “tao cáu tiết” còn văng vẳng bên tai tôi.
Mẹ tôi nói:
- Nó ngủ rồi. Tính nó thế, hễ nằm xuống là ngủ ngay. Ông cứ nói đi không sợ nó nghe thấy đâu.
Đáng lẽ tôi phải nói là tôi còn thức nhưng tôi không dám vì người ta đã ra lệnh cho tôi ngủ mà tôi không ngủ là tôi có lỗi.
Mẹ tôi bắt đầu hỏi:
- Việc kiện của ông đã đi đến đâu rồi?
- Thua rồi! Các quan Tòa quả quyết rằng tôi có lỗi đứng dưới gióng xây và người chủ thầu không phải đền gì.
Nói xong, ông đấm mạnh xuống bàn và văng những lời thô tục.
Ông nói:
- Kiện thua, tiền mất, chân què, cùng khốn. Đã thế, về đây lại trông thấy thằng bé con, tại sao bà lại không làm theo lời tôi bảo?
- Vì tôi không thể làm được.
- Bà không thể đưa nó đến Nhà Phúc?
- Tôi không nở đem cho một đứa trẻ tôi đã nuôi bằng sửa của tôi và tôi yêu.
- Nhưng không phải con bà.
- Mải sau, tôi cũng định làm theo lời ông, nhưng lúc đó nó lại ốm.
- Ốm?
- Phải, nó ốm. Không phải là lúc đem nó đến Nhà Phúc để giết nó. Phải không?
- Thế khi nó đã khỏi?
- Nó không khỏi ngay. Hết bệnh ấy lại đến bệnh khác. Nó ho, ho như xé ruột gan! Ấy chính vì bệnh đó mà thằng Niết nhà ta mất đấy. Nếu tôi đem thằng Minh ra tỉnh, tất nó cũng sẽ chết nốt!

- Nhưng về sau?
- Năm tháng qua. Tôi đã có công đợi đến ngày đó thì tôi cũng còn đợi được.
- Hiện giờ nó lên mấy?
- Tám tuổi.
- Vậy thì đến năm lên tám, nó sẽ lại phải đi đến chỗ mà ngày trước người ta đã định cho nó.
- Ông ơi! Ông đừng làm thế!
- Đừng làm thế? Ai cấm ta được? Bà tưởng ta có thể giữ nó suốt đời?
Một lúc yên lặng. Tôi có thể thở được. Vì lúc nãy, nỗi cảm xúc đưa lên đến tận cổ, làm tôi nghẹn thở.
Mười phút sau, mẹ tôi lại cất tiếng:
- Ba-Lê đã thay đổi tính nết ông nhiều quá! Trước khi đi Ba-Lê ông có nói với tôi như thế đâu?
- Có lẽ. Nhưng điều đích xác nhất là nếu Ba-Lê đã cải hóa tôi thì nó cũng đã bẻ què chân tôi. Bây giờ kiếm ăn thế nào được để nuôi tôi và nuôi bà? Nhà ta hết cả tiền rồi. Bò cũng bán rồi. Khi ta không còn gì để ăn, ta có còn nên nuôi nữa một đứa trẻ không phải con ta?
- Nó là con tôi.
- Không phải con bà mà cũng không phải con tôi. Không phải con trẻ nhà quê. Tôi đã nhắm kỹ lúc nó ăn cơm: nó gầy gò, mảnh dẻ, không có cánh tay, không có bắp chân.
- Đó là đứa trẻ đẹp nhất vùng này.
- Đẹp. Tôi không cãi. Nhưng phải mạnh mẽ. Nó có thể mài cái đẹp ra ăn được không? Người ta có thể xốc vác với hai cái vai như nó không? Nó là đứa trẻ tỉnh thành. Những trẻ tỉnh thành ở đây ta không cần đến.
- Tôi nói rằng nó là một đứa trẻ ngoan. Nó thông minh và có nghĩa. Nó sẽ làm việc cho ta.
- Trong khi chờ đợi, ta phải làm việc cho nó. Bà trông thân hình tôi, tôi không thể làm gì được nữa.
- Nếu cha mẹ nó đến đòi, ông sẽ ăn nói làm sao?
- Cha mẹ nó à? Không biết nó có cha mẹ không? Nếu có, người ta đã đi tìm rồi, đi tìm từ tám năm nay rồi còn gì. A! Tôi đã dại dột tưởng rằng một ngày kia, cha mẹ nó sẽ tìm đến chuộc nó và trả công nuôi nó. Tôi chỉ là một thằng khờ, thằng xuẩn. Chỉ vì nó được bọc trong những cái tã viền ren, nhưng những cái tã đẹp đó không có nghĩa là cha mẹ nó sẽ đến tìm nó. Có lẽ họ đã chết rồi.
- Nếu họ còn sống, một ngày nào họ sẽ đến hỏi ta. Tôi yên trí rằng

thế nào họ cũng đến.
- Ớ! Đàn bà hay nói bướng!
- Nếu họ đến thực?
- Tôi cho nó vào Nhà Phúc. Vấn tắt có thế thôi. Việc đó cũng làm cho tôi buồn, nhưng bắt buộc phải làm. Sáng mai tôi dẫn nó đến nhà Xã Trưởng. Bây giờ tôi đến thăm bác Phan. Tôi sẽ trở về trong một giờ.
Cánh cửa mở ra rồi đóng lại. Ông Liên đã đi chơi.
Bấy giờ, tôi ngồi nhổm dậy, gọi luôn:
- Mẹ ơi!
Bà chạy đến bên giường tôi.
- Mẹ có để con vào Nhà Phúc không?
- Không, con ạ, không.
Rồi bà hôn tôi và ôm chặt tôi trong cánh tay. Sự âu yếm đó làm cho tôi vững dạ thêm. Tôi không khóc nữa. Bà dịu dàng hỏi tôi:
- Thế con không ngủ à?
- Không phải lỗi tại con.
- Mẹ có mắng con đâu. Vậy con đã nghe được tất cả những lời của ông Liên?
- Vâng, mẹ không đẻ ra con "nhưng" ông Liên không phải là cha con.
Tôi nói những câu đó không cùng một giọng vì tôi thất vọng biết bà không phải là mẹ tôi, nhưng tôi rất sung sướng có phần hãnh diện, thấy ông Liên không phải là cha tôi, vì thế có sự tương phản trong tình cảm của tôi, nó lộ ra trong tiếng nói.
Nhưng mẹ tôi không tỏ vẻ gì là đã biết tâm trạng của tôi.
Mẹ tôi nói:
- Lắm lúc mẹ cũng muốn nói cho con biết sự thật, nhưng con chẳng khác gì con mẹ, nên bỗng dưng chẳng lẽ nói ra. Con ơi! Người mẹ sinh con ra, như con đã nghe thấy, không biết ở đâu. Hiện còn sống hay chết? Cũng chẳng ai biết. Một buổi sáng kia ở Ba-Lê khi ông Liên đi làm qua Đại lộ Bảo-Tương, một con đường rộng, hai bên trồng cây, bỗng ông nghe thấy tiếng con nít khóc. Những tiếng đó hình như từ một khuôn cửa vườn nọ đưa ra. Lúc đó là tháng Hai. Trời mờ mờ sáng, ông nhìn chung quanh xem có ai để hỏi thì ông trông thấy một người đàn ông ở sau một gốc cây to chạy vuột ra trốn mất. Chắc hẳn, người đó đợi xem có ai nhìn thấy đứa trẻ mà hắn đã bỏ ở cửa vườn là hắn trút được gánh nặng. Ông Liên cuống quít vì đứa trẻ càng khóc già, hình như nó thấy dịp may đã đến phải bám lấy, không để bỏ qua. Trong khi ông Liên đang suy nghĩ không biết làm thế nào thì đám thợ khác cũng đến nơi. Người ta bàn tán rồi đưa đứa trẻ về sở Cảnh binh. Đứa bé cứ khóc hoài. Nó rét chăng?

Nhưng ở văn phòng Cảnh Sát Trưởng ấm lắm. Có lẽ nó đói thì đúng hơn. Người ta tìm một bà gần đây đến cho nó bú. Nó vồ lấy. Nó đói thật. Lúc bấy giờ người ta mới cởi áo nó ra bên lò sưởi. Thì ra là một đứa con trai xinh đẹp độ 5, 6 tháng, hồng hào, to, mập, trông rất hay. Những tã và khăn bọc đứa bé chứng minh rõ ràng đó là con nhà giàu. Đứa trẻ này có lẽ bị bắt cóc rồi đem bỏ đường. Đó là lời giải thích của ông Cảnh Sát Trưởng. Người ta làm gì bây giờ? Sau khi đã ghi tất cả những lời khai của ông Liên, tả hình dạng đứa bé cùng những khăn, tã không mang dấu hiệu, ông Cảnh Sát Trưởng bảo: trong những người hiện diện nếu không ai muốn rước nó về nuôi thì ông cho đưa nó vào Nhà Phúc. Còn nói thêm một đứa bé kháu khỉnh, khỏe mạnh thế này thật dễ nuôi. Cha mẹ nó tất nhiên sẽ phải tìm nó và sẽ trọng thưởng người đã có công nuôi nấng nó. Ông Cảnh Sát Trưởng nói xong, Bảo Liên tiến ra xin rước nó về nuôi. Người ta giao nó cho ông ẳm về. Ngày ấy, mẹ còn có một đứa con trai bằng tuổi con. Mẹ nuôi sữa hai đứa cùng lúc xem như chẳng có gì khó nhọc. Cứ như thế mà ta trở thành mẹ con.

- Ồ! Mẹ!

- Không may là con của mẹ nuôi được ba tháng thì mất, bấy giờ ta lại thương con nhiều hơn. Mẹ quên mất rằng con không phải là con ruột. Nhưng khốn nạn là ông Liên lại không quên việc này. Và ba năm sau không thấy cha mẹ con đến tìm con, ít nhất họ không tìm ra con, thì ông ấy muốn đưa con vào Nhà-Phúc. Con đã nghe vì sao mẹ không nghe lời ông ấy?

Tôi vừa khóc vừa ôm chặt lấy mẹ tôi vừa kêu lên:

- Ồ! Mẹ ơi! Đừng đưa con đi Nhà-Phúc. Mẹ Liên ơi! Xin mẹ, đừng đưa con đi Nhà-Phúc.

- Không. Con ơi! Con không phải đi đâu. Mẹ sẽ sắp xếp việc này. Ông Liên thật không phải là người ác. Coi đó! Ông ấy gặp nhiều trở ngại và lo lắng trong tương lai. Rồi chúng ta sẽ làm việc, cả con cũng phải làm việc nữa.

- Vâng, con sẽ làm bất cứ gì mẹ muốn. Nhưng đừng đưa con đến Nhà-Phúc.

- Con sẽ không phải đi, nhưng với một điều kiện là con phải đi ngủ ngay, đừng để ông ấy về trông thấy con còn thức.

Sau khi đó hôn tôi, mẹ bắt tôi phải quay mặt vào tường mà ngủ. Tôi muốn ngủ lắm, nhưng lòng tôi quá run sợ và kích động đến nỗi khó có sự bình an để rơi vào giấc ngủ.

Như vậy, người mẹ rất tốt, rất thương tôi lại không phải là mẹ tôi. Thế thì một người mẹ thật là thế nào? Tốt hơn bà mẹ tôi bây giờ và

thương tôi hơn hay sao? Ồ! Không, không thể có được.
Nhưng cứ theo óc suy nghĩ của tôi lúc bấy giờ thì một người cha thế nào vẫn không tàn nhẫn như ông Liên và quyết không giơ gậy lên và nhìn tôi bằng con mắt lạnh lùng.
Ông muốn đem tôi cho Nhà-Phúc. Liệu mẹ tôi có thể giữ được không? Mà Nhà-Phúc là cái gì?
Trong làng có hai đứa trẻ mà người ta thường gọi là trẻ Nhà-Phúc. Mỗi đứa đeo một lắc chì có số ở cổ. Chúng ăn mặc rách rưới và bẩn thỉu. Trẻ con trong làng thường chế riễu, đánh đập chúng. Có đứa độc ác hơn, xua đuổi chúng như những con chó lạc để nô đùa, cũng bởi những con chó lạc không người che chở.
A! Tôi không muốn như những đứa trẻ đó. Tôi không muốn có số đeo ở cổ, tôi không muốn có những đứa trẻ chạy theo tôi và kêu: "Vào Nhà-Phúc đi! Vào Nhà-Phúc đi!"
Nghĩ tới đó, tôi phát rét lên, hai hàm răng run cầm cập. Tôi không ngủ được. Mà ông Liên cũng sắp về.
May sao, ông không về đúng giờ hẹn. Và cái ngủ đã đến với tôi trước khi ông về.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương III
ĐOÀN HÁT RONG

Đêm trước tôi đã mê man trong một cơn ác mộng đầy sợ hãi lo âu, nên sáng dậy, cử chỉ thứ nhất của tôi là sờ lại giường, nhìn những vật chung quanh nhà để yên trí là trong đêm, người ta đã không bế tôi đi nơi khác.
Suốt buổi sáng hôm đó, ông Liên không nói gì. Tôi tưởng rằng dự định đem tôi đi Nhà-Phúc đã bỏ rồi. Có lẽ, mẹ tôi đã nói được cho tôi ở lại.
Nhưng đến trưa, ông Liên bảo tôi đội mũ và theo ông.
Sợ quá, tôi đưa mắt nhìn mẹ để cầu cứu. Nhưng bà ra hiệu cho tôi phải tuân lời, đồng thời, bàn tay bà sẽ đưa đi đưa lại, ngụ ý bảo không việc gì mà sợ.
Không nói năng gì, tôi bước ra theo ông.
Con đường từ nhà tôi vào trong làng xa quá, phải đi đến một giờ. Trong thời gian đó, ông không hề nói với tôi một câu nào. Ông bước

khập khiễng, cổ cứng đờ, thỉnh thoảng quay cả hai vai lại nhìn xem tôi có còn theo nữa không.
Ông định đưa tôi đi đâu?
Câu hỏi này làm tôi buồn, mặc dầu bàn tay của mẹ tôi đã ra hiệu cho tôi vững lòng, và muốn thoát cái nguy hiểm tuy không trông thấy nhưng tôi đã cảm thấy tôi định chạy trốn. Vì thế, tôi cố ý đi chùn lại đằng sau. Khi nào cách xa ông, tôi sẽ nhảy xuống hố rồi trốn đi, ông không thể nào đuổi kịp tôi được.
Đầu tiên, ông bảo tôi bước theo gót chân ông. Nhưng sau đó có lẽ đoán được ý định của tôi, ông liền cầm cánh tay dắt đi.
Tôi chỉ còn nước theo chân ông thôi, hết nhúc nhích.
Chúng tôi cứ như thế mà vào tới trong làng. Trên đường, mọi người đi ngang qua đều quay đầu lại nhìn chúng tôi, vì lúc đó, tôi lếch thếch lôi thôi như một con chó giận dỗi đang bị xích cổ lôi đi.
Khi chúng tôi đến trước cửa hàng cà phê, một người đàn ông đứng nơi cửa gọi ông Liên và mời ông vào.
Ông liền nắm tai tôi và đẩy tôi đi lên trước, ông vào sau rồi đóng cửa lại. Tôi cảm thấy dễ thở. Hiệu cà phê có vẻ không phải là một nơi nguy hiểm. Vả lại đã từ lâu, khi bước ngang hiệu cà phê, tôi muốn vào xem lắm.
Quán cà phê Đức Bà này không biết ấy là gì?
Đã bao nhiêu lần tôi hỏi thế?
Tôi thường trông thấy những người ở quán ra, mặt đỏ gay, chân lại run lẩy bẩy khi ra cửa. Mỗi lần tôi đi ngang qua thường nghe thấy tiếng kêu, hát ca rung cả cửa kính.
Người ta làm gì trong đó? Sau bức màn đỏ có những trò gì? Bây giờ tôi sẽ được trông thấy.
Trong khi ông Liên ngồi vào một bàn để nói chuyện với chủ quán là người đã gọi ông, tôi tìm chỗ gần lò sưởi để ngồi và nhìn liếc quanh tôi.
Trong góc gần nơi chỗ tôi ngồi, có một ông già, cao lớn, râu bạc, mặc một bộ quần áo kỳ dị chưa từng trông thấy bao giờ. Trên đầu đội một cái mũ phớt cao màu xám có cắm những lông chim xanh đỏ; mấy chùm tóc trắng bạc dài thỏng xuống tận vai. Trên người mặc một chiếc áo bằng da cừu, lông quay vào phía trong ôm chặt lấy người. Chiếc áo đó không có tay, nhưng từ hai lỗ lớn trên vai thò ra hai cánh tay mặc nhung mà một thời đã có màu xanh. Hai cái ghệt lớn bằng len cao lên đến tận đầu gối, và chúng được giữ chặt bằng những vải đỏ quấn chéo nhiều lần quanh chân.
Ông ta ngồi dựa vào ghế, bàn tay phải đỡ lấy cằm và khuỷu tay

chống lên đầu gối co lại. Không bao giờ tôi trông thấy một người sống mà lại có dáng vẻ bình an như thế, chẳng khác chi một pho tượng trong Nhà Thờ.
Ở gần chỗ ông ngồi, có ba con chó đang nằm ép vào nhau cho ấm, không động đậy; một con chó trắng, một con chó lông đen và một con chó cái nhỏ lông xám, có vẻ tinh khôn và dịu dàng. Con chó trắng đội một cái mũ cảnh binh cũ kỹ, có dây da buộc xuống cằm.
Khi tôi tò mò nhìn ông già thì ông Liên và chủ quán thầm thì bàn tán. Tôi nghe thấy họ đang nói về chuyện của tôi.
Ông Liên bảo rằng ông ấy đang định đưa tôi đến gặp Xã Trưởng, để nhờ người này nói với Nhà-Phúc trả thù lao cho việc nuôi dưỡng tôi. Điều này chắc mẹ tôi đã được biết rồi, và tôi hiểu ngay rằng nếu ông Liên nuôi tôi có lợi, thì tôi không lo sợ gì nữa.
Ông già như không để ý chuyện của hai ông kia, nhưng đã nghe được tất cả. Chợt ông giơ tay phải về phía tôi và hỏi ông Liên:
- Có phải thằng bé này nó làm phiền ông?
- Chính nó!
- Ông nghĩ rằng ban quản trị Nhà-Phúc quận ông sẽ trả công nuôi dưỡng hằng tháng cho ông chăng?
- Đương nhiên rồi! Thằng bé không có cha và tôi nuôi nó, phải có người ứng phó chi phí thì mới công bình chứ?
- Tôi không nói là không. Nhưng ông cho rằng bất cứ điều gì là công bình đều được thực hiện cả, phải không?
- Điều đó, không.
- Đúng vậy, không đời nào ông lại xin được tiền trợ cấp.
- Thế thì tôi cho nó vào Nhà-Phúc. Nếu tôi không giữ nó nữa, có luật nào lại bắt tôi nuôi nó suốt đời?
- Ngày xưa, ông đã thuận rước nó về, thế là ông đã cam kết giữ nó.
- Tôi sẽ không giữ nó nữa. Khi nào tôi cần cho nó ra đường, tôi sẽ cho nó ra.
- Có lẽ có một cách cho nó ra ngay bây giờ – ông già ngừng và nghỉ một tí rồi nói tiếp – cho nó ra ngay bây giờ mà ông lại được ít tiền.
- Nếu ông mách tôi kế đó, tôi xin thết ông một chai rượu và vui lòng thết.
- Gọi rượu đi! Việc ông tất xong.
- Chắc chắn?
- Chắc chắn.
Ông già bỏ ghế dựa, lại ngồi đối diện với ông Liên. Lạ lùng quá, khi ông đứng dậy, có vật gì lùng bùng trong áo da cừu của ông: tôi đoán trong đó có con chó con.

Ông sắp nói gì? Có chuyện gì sắp diễn ra?
Tôi nhìn theo ông, lòng xúc động nặng nề.
- Ý ông muốn rằng thằng bé này không được ăn ở nhà ông lâu thêm nữa hoặc nếu nó cứ tiếp tục ăn thì người ta phải trả tiền ông, có phải thế không?
- Đúng thế, vì rằng…
- Khỏi "vì rằng". Ông phải biết nguyên nhân đó vô ích cho tôi, tôi không cần biết nguyên nhân. Chỉ cần biết ông không muốn nuôi nó nữa là đủ rồi. Nếu vậy, ông cho tôi, tôi nuôi.
- Cho ông?
- Thì ông muốn trút gánh nặng mà!
- Cho ông một đứa trẻ như thế này, một đứa bé đẹp vì nó là một đứa bé đẹp, ông hãy coi xem.
- Tôi đã coi rồi.
- Minh, con lại đây.
Tôi bước run run đến cạnh bàn, ông già nói:
- Lại đây. Con đừng sợ.
Ông Liên nói tiếp:
- Ông nhìn lại xem.
- Tôi không bảo nó xấu, tôi không cần đến. Nuôi những quái thai không phải việc của tôi.
- Nhưng nếu là một quái thai hai đầu, hay là một thằng lùn.
- Thì ông đã không đuổi nó vào Nhà-Phúc. Ông phải biết một cái quái thai có thể có giá trị nếu người ta biết lợi dụng, hoặc cho gánh hát thuê, hoặc tự mình khai thác lấy. Nhưng mà thằng bé này không phải quái thai mà cũng không lùn, nó được cấu tạo như tất cả mọi người, thành ra nó không được việc gì.
- Được việc làm lụng chứ!
- Nó yếu quá.
- Nó yếu à? Coi lại xem. Nó khỏe như những đứa trẻ lành mạnh. Ông trông đôi chân nó kia, không có đôi chân nào thẳng thắn hơn.
Ông Liên vừa nói vừa vén quần tôi lên. Ông già chê:
- Mảnh dẻ quá!
Ông Liên nói:
- Còn hai cánh tay nữa.
- Tay cũng như chân, tạm được, nhưng không chịu đựng được nhọc nhằn lao khổ.
- Nó không chịu đựng được à? Ông nắn những bắp thịt nó xem.
Ông già đưa bàn tay xương xẩu ra sờ nắn bắp chân tôi, rồi lắc đầu bĩu môi.

Tôi đã từng chứng kiến một tấn kịch tương tự. Khi người lái đến mua bò nhà tôi. Người lái đó cũng sờ, cũng nắn. Người lái đó cũng lắc đầu, bĩu môi nói: Không phải giống bò tốt và không thể bán lại được. Rồi rốt cục lại cũng mua, cũng dắt đi. Ông già này biết đâu rồi sẽ mua tôi và dắt tôi đi không? Mẹ ơi! Mẹ Liên ơi!
Biết bao chuyện chẳng may, mà mẹ lại không ở đây, chẳng thể bênh vực tôi.
Nếu đủ can đảm thì tôi đã lên tiếng rằng chỉ đêm trước ông Liên bảo tôi mảnh dẻ, chân tay yếu đuối; nhưng tôi hiểu rằng dẫu nói lên cũng chẳng ích gì, chỉ rước thêm đòn gậy, nên tôi đành ngậm miệng nín thinh.
Ông già nói:
- Thằng bé như thế này, vơ tay là có cả lố. Nói thật với ông! Đây là đứa trẻ thành phố, thành ra không thích hợp làm việc ruộng đồng. Thử cho thằng bé dắt bò đi cày xem, ông coi nó chịu được bao lâu?
- Mười năm.
- Không đến một tháng.
- Nhưng ông hãy xem.
- Tự ông xem đi rồi biết.
Tôi đứng nơi cuối bàn giữa ông Liên và ông già, người đẩy qua, kẻ đẩy lại, nhiều lần. Sau cùng ông già lên tiếng:
- Thế này vậy, dẫu sao tôi cũng muốn có nó. Tuy nhiên, tôi chỉ thuê thằng bé chứ không mua nó. Mỗi năm, tôi trả ông 20 phật-lăng.
- 20 phật-lăng?
- Vậy là cao giá lắm rồi. Tôi trả tiền trước. Ông nhận lấy bốn đồng bạc đáng giá, đồng thời, ông cũng thoát được cái nợ.
- Nhưng nếu tôi giữ thằng bé, Nhà-Phúc sẽ trả cho tôi mỗi tháng hơn 10 phật-lăng.
- Chỉ 7, 8 phật-lăng thôi, tôi đã biết giá, mà ông còn phải nuôi nó nữa.
- Nó sẽ làm việc.
- Nếu ông cảm thấy nó có thể làm được việc, ông đã không nóng lòng xua đuổi nó đi. Người ta nhận nuôi trẻ trong Nhà-Phúc không phải vì chi phí nhận được, mà là công việc chúng làm cho họ. Chúng làm đầy tớ, những đầy tớ làm việc nhà thay vì có lương lại không được lĩnh công. Còn nếu ông nghĩ thằng bé này giúp ông được, ông phải nên nuôi nó.
- Dù sao tôi sẽ vẫn được 10 phật-lăng mỗi tháng.
- Nếu Nhà-Phúc thay vì giao cho ông, lại đưa về cho người khác, có phải ông chẳng được gì không? Có phải là ông vẫn bấp bênh chứ? Nếu ông làm giao dịch với tôi, ông không e ngại gì, ông không cần

phải lo lắng, chỉ việc thò tay lấy tiền.
Nói xong, ông móc trong túi ra một chiếc ví da, đếm 4 đồng bạc trắng xóa, rồi ném lên mặt bàn, làm kêu những tiếng leng keng.
Ông Liên nói:
- Ông nên biết rằng, ngày nào đó thằng bé này sẽ có cha mẹ.
- Ích gì cho tôi?
- Có lợi cho người nuôi chứ! Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về.
Câu nói của ông Liên: "Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về" làm cho tôi khinh ghét ông ta vô cùng. Thực là con người tham ác.
Ông già nói:
- Chính ông đợi mãi, món lời ấy không đến nên ông mới định đuổi nó ra đường. Sau này nếu cha mẹ nó đến thật thì họ hỏi ai? Chắc là hỏi ông chứ hỏi gì tôi, người ngoại cuộc.
- Nếu chính ông gặp cha mẹ nó trước?
- Thế thì chúng ta giao ước rằng một ngày kia cha mẹ nó tìm đến thì món lợi phải chia đôi. Bây giờ tôi trả ông 30 phật-lăng.
- Đúng 40 phật-lăng.
- Không. Công việc của nó sẽ giúp tôi không đáng món tiền đó.
- Nào những việc gì nó sẽ phải giúp ông? Muốn chân tốt thì chân nó tốt, muốn tay tốt thì tay nó tốt. Tôi nhất định giữ giá đó. Thế ông bảo nó thích hợp việc gì cho ông?
Ông già tưng hửng nhìn ông Liên, nhắp nhắp cốc rượu rồi nói:
- Để cùng đi với tôi cho có bạn. Tôi có tuổi rồi, đôi khi sau một ngày đi rong mệt nhọc, chiều xuống, gió lạnh, mưa sa, tôi thường cảm thấy cô đơn, có nó tôi sẽ khuây lòng.
- Chắc hẳn vì thế mà chân phải cứng?
- Nó sẽ phải múa, phải nhảy, phải đi. Đi rồi lại nhảy, tóm lại là nó sẽ nhập vào đoàn ca vũ của ông Bầu Vỹ-Tiên.
- Thế đoàn ấy ở đâu?
- Ông Bầu Vỹ-Tiên là tôi. Còn đoàn của tôi, nếu ông nghi ngờ thì tôi xin giới thiệu ngay, chắc là ông cũng muốn biết.
Nói xong, ông mở cái áo da cừu ra, lấy ra một con vật lạ, ôm vào ngực. Chính con vật đó, nhiều lần tôi thấy nó lùng bùng trong áo ông mà tôi tưởng lầm là con chó con. Con vật đó là con vật gì? Có phải là con vật không? Tôi không tìm thấy tên để gọi con vật kỳ lạ đó mà tôi mới trông thấy lần thứ nhất. Hai tay và hai chân nó để trần, vì chính nó có hai tay và hai chân chứ không phải những cẳng như những con vật khác, nhưng da tay và da chân nó đều đen chứ không trắng

hoặc có sắc thịt. Đâu nó cũng đen và to hơn nắm tay tôi. Mặt thì rộng và ngắn, mũi hếch có hai lỗ cách nhau, môi vàng. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất là hai con mắt nó gần nhau, mở trừng trừng và sáng như gương.
Ông Liên kêu:
- A! Con khỉ!
Tiếng đó làm cho tôi bớt sợ vì nếu tôi chưa bao giờ trông thấy khỉ; nhưng tôi đã nghe nói đến nó một đôi lần. Vậy không phải là thằng bé tí hon đen sì đứng trước mặt tôi, là con khỉ.
Ông Vỹ-Tiên nói:
- Con này là đầu trò của đoàn tôi. Hảo-Tâm ơi! Con ra chào công chúng đi!
Hảo-Tâm đưa tay lên môi và gởi cho chúng tôi một cái hôn.
Vỹ-Tiên lại lấy tay vẫy con chó trắng, nói:
- Bây giờ, chú Lãnh-Nhi rất hân hạnh được giới thiệu các bạn trước quý khán giả có mặt tại đây.
Con chó trắng, từ nãy giờ vẫn nằm yên, vùng dậy, đứng bằng hai chân sau, hai chân trước khoanh vào ngực, cúi chào thấp quá đến nỗi cái mũ cảnh binh chấm đất.
Thi lễ xong, Lãnh-Nhi quay vào phía các bạn, một tay vẫn để ngang ngực, một tay ra hiệu.
Hai con chó khác, đã túc trực, liền đứng dậy, cầm tay nhau – như kiểu người ta dắt tay nhau – tiến lên sáu bước, rồi lại lùi xuống ba bước cúi chào toàn thể.
Vỹ-Tiên nói:
- Con mà tôi gọi là Lãnh-Nhi, có nghĩa là chỉ huy, nó là trưởng của những con chó kia. Nó thuộc giống chó Ý, rất thông minh, giữ việc truyền lệnh của tôi cho các bạn nó. Con lông đen kia, tráng kiện và phong nhã, nên gọi là Hiệp-Nhi. Còn con thứ ba, một con chó cái dòng dõi Anh Quốc, dịu dàng thùy mị, nên có tên là Thùy-Nhi. Cùng những nghệ sĩ tài ba này, tôi đã du hành qua nhiều nước, tùy theo vận khí may mắn hay là không, mà tiền thu thập được dồi dào hay ít ỏi, cũng chỉ để tồn tại trong cuộc sống này. Lãnh-Nhi!
Con chó trắng khoành hai chân trước lại.
- Lãnh-Nhi, lại đây nào, bạn của ta. Ta yêu cầu chú hãy lịch sự một chút. – mấy con vật này được dạy dỗ rất tử tế, tôi luôn luôn nói chuyện lịch sự với chúng – Chú vui lòng nói cho thằng bé đang tròn xoe mắt nhìn chú, bây giờ là mấy giờ.
Lãnh-Nhi buông xuống hai chân, đến bên người chủ, thò chân vào túi áo da, sau khi bới tìm trong túi áo khách ông già, nó lấy ra một chiếc

đồng hồ lớn bằng bạc. Nó nhìn rồi sủa lên hai tiếng rất rõ, hai tiếng mạnh mẽ rõ ràng, tiếp đó nó lại kêu lên ba tiếng nhỏ nhẹ.
Lúc ấy đúng là hai giờ ba khắc.
Vỹ-Tiên nói:
- Tốt lắm! Cám ơn chú, Lãnh-Nhi; và bây giờ chú hãy mời cô Thùy-Nhi ra nhảy dây để chúng tôi được thưởng thức tài nghệ cô một chút.
Lãnh-Nhi liền bới túi áo khách ông già lấy ra một cuộn dây. Nó ra hiệu cho Hiệp-Nhi. Con này chạy ra đứng một bên. Lãnh-Nhi ném cho nó một đầu dây. Rồi cả hai con cầm dây quay lên thả xuống. Khi dây quay đều tay, Thùy-Nhi nhảy vào trong vòng và nhảy lên, nhảy xuống dịu dàng, mắt nhìn chủ.
Ông già nói:
- Đấy ông xem. Đám học trò tôi rất thông minh. Nhưng khiếu thông minh đó cần được so sánh thì mới có giá trị rõ rệt. Vì thế, tôi muốn lấy thằng bé vào đoàn của tôi. Nó sẽ đóng vai con vật. Óc thông minh của đám học trò tôi sẽ được nổi bật lên.
Ông Liên hỏi:
- Ồ! Làm con vật…
Vỹ-Tiên nói tiếp:
- Phải có trí khôn. Tôi chắc rằng thằng bé này không chịu kém nếu nó được huấn luyện. Ta có thể tìm ngay bằng chứng nếu nó thông minh, nó hiểu, ở với ông Bầu Vỹ-Tiên nó sẽ được diễm phúc đi ngao du khắp nước Pháp và các nước khác nữa, được sống một đời tự do, không phải theo sau con bò, quanh năm suốt tháng không phải dầm dãi ở cánh đồng. Còn như nếu nó kém thông minh, thì nó khóc, nó kêu. Mà ông Bầu Vỹ-Tiên rất ghét những đứa trẻ làm tàng, ông không cần cho nó theo. Lúc đó đứa trẻ làm tàng sẽ phải vào Nhà Phúc để ăn ít và làm nhiều.
Tôi cũng khá thông minh để hiểu những câu nói ấy, nhưng từ chỗ hiểu đến chỗ thực hành có một quãng ghê gớm khó qua.
Hiển nhiên là đám học trò của ông Vỹ-Tiên ngộ thật, vui thật và được đi ngao du luôn luôn cũng là cái thú. Nhưng đi theo họ thì phải lìa mẹ tôi.
Nếu tôi không chịu đi, có lẽ tôi cũng không còn được ở với mẹ tôi nữa, người ta sẽ đưa tôi vào Nhà Phúc.
Óc tôi bối rối, nước mắt tôi ràn rụa. Chợt ông Vỹ-Tiên lấy đầu ngón tay sẽ đập vào má tôi mà nói:
- Thế là thằng bé này đã hiểu, vì nó không kêu. Nó đã biết lẽ phải. Vậy, ngày mai…
Tôi kêu lên:

- Ông ơi! Để con ở nhà với mẹ con. Con xin ông tha cho con.
Tôi đang nói, con Lãnh-Nhi kêu ầm lên làm lấp cả tiếng tôi. Nó vừa cắn vừa nhảy lên bàn chỗ con Hảo-Tâm ngồi. Con này thừa dịp mọi người quay lại nhìn tôi, bưng cốc rượu còn đầy của chủ lên uống. Nhưng Lãnh-Nhi là một trật tự viên tinh mắt đã nhìn thấy con khỉ uống vụng và là một đầy tớ trung thành đã chạy đến ngăn cản kịp thời.
Vỹ-Tiên bảo con khỉ:
- Hảo-Tâm, mi đã tham lam và ăn cắp. Lại ngay góc kia đứng quay mặt vào tường. Còn Hiệp-Nhi hãy lại canh nó cho ta. Nếu nó động đậy sẽ cho nó cái tát. Còn Lãnh-Nhi, tốt lắm. Đưa chân cho ta bắt.
Con khỉ chạy ngay vào góc tường, tiếng kêu chin chít. Còn con chó vẫy đuôi sung sướng, giơ chân cho chủ.
Vỹ-Tiên nói tiếp với ông Liên:
- Ta hãy trở lại câu chuyện ban nãy. Tôi xin đưa ông 30 phật-lăng.
- Không được. Đúng 40.
Cuộc bàn cãi bắt đầu. Ông Vỹ-Tiên ngừng lại nói:
- Thằng bé này đứng đây mãi, có vẻ buồn. Nên cho ra ngoài sân chơi một lát.
Đồng thời, ông đưa mắt cho ông Liên.
Ông Liên bảo:
- Phải đấy. Cho mày ra sân. Khi nào gọi mới được vào. Nếu không nghe tao cáu tiết.
Ra sân, tôi không còn bụng dạ nào mà chơi được. Tôi ngồi trên một hòn đá, tư lự. Cái số phận của tôi đang được định đoạt trong giờ phút này. Nó sẽ ra sao? Cái rét và cái lo làm cho tôi gai người.
Vỹ-Tiên và ông Liên bàn cãi lâu lắm, vì hơn một giờ sau ông Liên mới ra sân.
Ông lững thững ra một mình. Ông định dắt tôi giao cho Vỹ-Tiên chăng?
Ông bảo tôi:
- Thôi, đi về nhà.
Về nhà! Có lẽ tôi không phải xa mẹ tôi nữa. Tôi định hỏi ông Liên, nhưng không dám vì ông có vẻ buồn thiu.
Đường về lẳng lặng. Nhưng khi còn mươi phút nữa tới nhà thì ông Liên dừng bước, quay lại kéo tai tôi thật đau và dặn rằng:
- Về nhà, nếu mày bép xép, nhắc lại những điều mà mày đã nghe thấy ở quán cà phê thì mày chết với tao. Nghe chưa?

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương IV
NHÀ MẸ TÔI

Khi chúng tôi vừa bước chân về đến nhà thì mẹ tôi hỏi ngay:
- Thế nào? Ông Xã Trưởng bảo sao?
- Tôi không đến Trụ sở xã.
- Sao không đến?
- Không đến, vì tôi gặp mấy ông bạn ở quán cà phê Đức-Bà giữ lại ngồi chơi. Khi ở đấy ra thì muộn quá. Để mai đi vậy.
Như vậy, ông Liên đã thôi việc giao dịch với ông già có lắm chó. Trên đường về, nhiều lần tôi tự hỏi, chắc là lại có mưu mẹo gì đây. Nhưng nghe câu cuối cùng ông vừa nói thì tôi yên tâm và không ngờ vực gì nữa. Vì ngày hôm sau, chúng tôi lại phải đến Trụ Sở xã, thì chắc chắn rằng ông Liên đã bỏ việc bán tôi cho ông Vỹ-Tiên.
Mặc dầu ông Liên đã đe dọa tôi, nếu được lúc thuận tiện thế nào tôi cũng kể lại chuyện cho mẹ tôi nghe. Nhưng suốt cả buổi chiều ông Liên không đi đâu cả. Tối đến, tôi phải đi ngủ, tiếc không sao có dịp nói với mẹ tôi.
Tôi lên giường ngủ, định tâm đến hôm sau thể nào cũng nói cho mẹ tôi hay.
Nhưng sáng hôm sau, khi tôi thức dậy thì tôi không thấy mẹ tôi đâu cả.
- Mẹ ơi!
- Bà ấy vào làng đến chiều mới về.
Tôi không hiểu sao sự vắng mặt của bà làm cho tôi lo âu ghê gớm. Hôm qua, bà không nói là hôm nay có việc phải vào làng. Sao bà không đợi chúng tôi cùng đi, vì trưa nay ông Liên sẽ đưa tôi đến chỗ Xã trưởng? Trước khi chúng tôi đi không biết bà có kịp về không? Một sự sợ hãi mơ hồ làm hồi hộp trái tim tôi. Không biết rõ cái nguy hiểm nó đang đe dọa tôi, nhưng tôi cảm thấy một tai nạn gì sắp xảy đến cho tôi.
Ông Liên cứ chòng chọc nhìn tôi.
Tôi phải ra vườn lánh mặt.
Cái vườn đó, không to lắm, nhưng đối với nhà tôi, rất có giá trị vì chính nó nuôi chúng tôi, cung cấp cho chúng tôi, trừ lúa mì ra, gần hết các thức ăn hàng ngày, nào khoai, đậu, nào bắp cải, củ cải trắng, đỏ… Vì thế, không một tấc đất nào bỏ không. Thế mà mẹ tôi cũng dành cho tôi một mẩu đất con để trồng những cỏ, những cây, những

rêu mà tôi nhặt ở ria rừng hay ở bờ giậu khi đi chăn bò, về cắm đầy đặc trong mẩu vườn của tôi.
Vườn tôi không phải là một hoa viên với những lối đi rải cát, với những luống hoa xinh đẹp mà những khách qua đường phải dừng chân bên hàng giậu xén đều để ghé trông. Nhưng tôi thấy nó đẹp và quý nó vì nó là của tôi, của riêng tôi.
Mùa hè trước, tôi kiếm được ít hạt giống về trồng. Tính đến mùa xuân tới thì mới nở hoa. Nhưng đó là những giống hoa sớm nên không đợi hết mùa đông nó đã lần lượt khai hoa.
Tính tò mò tôi lúc này càng thấy chấn động. Cây trường thọ đã có nụ vàng. Cây đinh hương đã đâm mấy cành chi chít những điểm tim tím. Và trong đám lá dăn-gợn của cây ngọc-trâm-hoa trổ lên mấy búp như sắp nở tung ra. Tôi thích thú vô cùng.
Nhưng còn một khoảng vườn mà tôi lưu tâm nhất là chỗ tôi đã trồng một thứ cây lạ, không có ở vùng này mà người ta đã cho tôi, đó là cây cúc-vu. Người ta đã bảo giống cây này có những củ như khoai tây nhưng thơm ngon hơn. Những hứa hẹn đó đã nẩy cho tôi một ý kiến là sẽ làm cho mẹ tôi một bữa phải ngạc nhiên. Vì thế tôi không nói gì cho mẹ tôi biết. Nó có nảy mầm mọc lá, mẹ tôi sẽ tưởng là một giống hoa. Rồi đến ngày nào đó có củ, nhằm lúc mẹ tôi vắng nhà, tôi bới lên làm món súp tân kỳ - tôi chưa nấu súp bao giờ, nhưng chắc cũng dễ - và múc ra đĩa.
Ai sẽ phải ngạc nhiên? – Mẹ tôi.
Ai sẽ được vui sướng? – Mẹ tôi.
Thế là chúng tôi có một món ăn mới thay cho món khoai thường xuyên và mẹ tôi cũng bớt đau khổ về việc bán con Hồng-Ti.
Người sáng chế ra món ăn đó là tôi, là cu Minh. Như vậy tôi cũng có ích cho gia đình tôi đấy chứ.
Với dự định lớn lao ấy, ai cũng hiểu rằng tôi chăm chú đến cây cúc-vu biết là dường nào. Ngày nào tôi cũng ra xem nó đã mọc đến đâu. Vì tôi nóng lòng chờ đợi nên thấy nó chẳng mọc được tí nào.
Tôi quỳ xuống đất, chống hai tay cúi đầu nhìn đám cúc-vu.
Bỗng có tiếng gọi tôi rất gấp. Tiếng ông Bảo-Liên. Ông ấy muốn gì tôi?
Tôi vội vàng chạy về nhà.
Tôi tái mặt khi thấy ông Vỹ-Tiên với đàn chó đứng trước lò sưởi. Tôi hiểu ngay Bảo-Liên muốn gì.
Biết thân là không hy vọng gì Bảo-Liên thương tôi, cứu tôi, tôi liền chạy đến ông già:
- Ông ơi! Ông thương con. Ông đừng bắt con đi.

Rồi tôi khóc òa lên.
Ông già nhẹ nhàng bảo tôi:
- Nín đi. Con ơi! Đi với ta, con sẽ không khổ đâu, ta không hay đánh trẻ con. Rồi con có những học trò ta làm bạn, chúng rất vui. Con còn tiếc gì nữa?
- Mẹ tôi! Mẹ tôi!
Bảo-Liên kéo tay tôi và nói:
- Dù sao, mày cũng không được ở cái nhà này nữa. Đi với ông già hay đi Nhà Phúc. Mày chọn đằng nào thì chọn!
- Không! Tôi chỉ ở với mẹ tôi.
Bảo-Liên nổi giận đùng đùng gầm thét:
- À! Mày nhiễu tao có phải không? Nếu mày muốn đánh để tao đánh cho mày xem.
Vỹ-Tiên can:
- Thằng bé này nó nhớ mẹ nó. Không nên vì thế mà đánh nó. Nó có lòng tốt đấy.
- Nếu ông nựng nó, nó lại kêu già!
- Bây giờ ta thanh toán cho xong đi.
Nói xong Vỹ-Tiên xỉa lên bàn 8 đồng 5 phật-lăng. Bảo-Liên vơ luôn bỏ túi.
Vỹ-Tiên hỏi:
- Gói đồ đâu?
Bảo-Liên đưa một bọc, gói bằng chiếc mùi soa xanh thắt bốn góc, nói:
- Đây.
Vỹ-Tiên cởi nút mùi-soa xem: trong có hai sơ-mi và một cái quần vải của tôi.
Vỹ-Tiên nói:
- Không đúng như lời đã giao ước. Quần áo lành đâu? Đây ông đưa toàn đồ rách.
- Không có đồ nào khác.
- Nếu hỏi thằng này tất nó sẽ nói không đúng. Nhưng thôi, tôi không muốn cãi với ông vì tôi không có thì giờ. Tôi phải đi bây giờ. Đi bé con! À, tên nó là gì?
- Lê-Minh.
- Vậy Lê-Minh hãy cầm gói đồ, đi trước con Lãnh-Nhi. Tiến đằng trước, tiến!
Tôi khóc và giơ hai tay về phía ông già, rồi về phía Bảo-Liên nhưng cả hai người đều ngoảnh mặt đi. Tôi thấy bàn tay ông già cầm cổ tay tôi kéo đi.

Phải đi.
Than ôi! Ngôi nhà yêu dấu, khi bước chân khỏi cửa, tưởng chừng như tôi đã để lại một miếng da, miếng thịt của tôi.
Tôi vội nhìn chung quanh tôi, nhưng mắt tôi mờ đi vì ràn rụa nước mắt, tôi chẳng nhìn thấy ai để kêu cứu cả. Không có một ai trên đường và cũng không có người nào ở cánh đồng cỏ gần đó.
Tôi cất tiếng gọi:
- Mẹ ơi! Mẹ Liên ơi!
Nhưng không ai trả lời. Tiếng kêu của tôi nghẹn dần.
Tôi phải theo, Vỹ-Tiên không buông cổ tay tôi.
Bảo-Liên nói theo:
- Lên đường mạnh giỏi!
Rồi ông ta vào nhà.
Than ôi! Thế là hết!
Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Minh! Con đi đi chứ!
Và bàn tay ông ta kéo tôi đi.
Lúc đó, tôi đi cạnh ông. May sao ông không bắt tôi đi nhanh và hình như ông theo bước chân tôi, đi chậm lại.
Con đường chúng tôi đi dần dần lên núi và theo hình chữ chi. Mỗi một chỗ ngẹo, tôi lại nhìn thấy nhà mẹ tôi nhỏ dần, nhỏ dần đi. Nhiều lần tôi đã đi qua con đường này, tôi biết rằng chỉ còn một chỗ ngẹo nữa là còn trông thấy nhà tôi thôi. Qua chỗ này vài bước, lên tới cao nguyên thì hết; hết cả không còn gì. Trước mặt tôi phong cảnh lạ lùng, sau lưng tôi là căn nhà ở đấy, cho tới ngày nay, tôi đã sống sung sướng mà rồi đây có lẽ không bao giờ tôi lại được nhìn thấy nữa.
May sao cái dốc đó khá dài. Nhưng đi mãi rồi chúng tôi cũng lên đến đầu dốc.
Vỹ-Tiên vẫn nắm cổ tay tôi. Tôi nói:
- Ông cho con nghỉ một chút.
- Được con cứ nghỉ.
Thế là lần đầu tiên ông già buông cổ tay tôi ra.
Nhưng đồng thời, ông đưa mắt nhìn con Lãnh-Nhi và ra hiệu, con này hiểu ngay. Lập tức, Lãnh-Nhi bỏ đàn chó và đến ngồi chồm hổm bên tôi.
Tôi hiểu là ông già đã ra lệnh cho con chó gác tôi. Nếu tôi làm một cử động gì để trốn, nó sẽ nhảy vào cắn chân tôi.
Tôi tìm chỗ ngồi trên một mỏm đá đầy cỏ êm. Lãnh-Nhi theo sát tôi.
Ngồi trên mỏm đá, tôi đưa mắt tìm mẹ tôi, nước mắt cứ tràn ra.

Dưới chân tôi là một thung lũng mà ở đó, chúng tôi vừa đi qua, cánh rừng và cánh đồng cỏ rồi đến chỗ thấp hơn hiện lẻ loi ngôi nhà êm đềm của tuổi thơ tôi, ngôi nhà mẹ tôi.
Nhà đó dễ nhận ra vì ở giữa đám cây cao, có một làn khói xanh xanh từ mái bếp tỏa lên trời và bay về phía tôi ngồi.
Không rõ vì quá tưởng tượng hay vì sự thực mà làn khói đó đưa đến bên tôi một mùi quen thuộc của cành sồi, thứ củi duy nhất mà chúng tôi đã dùng trong suốt mùa đông. Tôi mường tượng như là đang ngồi cạnh bếp nhà tôi, trên chiếc ghế dài, hai chân vùi vào đống tro, gió luồn vào nóc bếp hắt khói vào mặt chúng tôi. Mặc dầu, tôi ở xa và ngồi cao, trông về nhà tôi, mọi vật đều giữ nguyên hình rất rõ, duy có phần rút nhỏ đi thôi.
Trên đống phân khô, con gà mái nhà tôi, con gà cuối cùng còn lại, đang đi lại kiếm ăn, nhưng nó trông nhỏ đi nhiều. Nếu người không biết nó thì cho đó là con chim câu. Đầu nhà, tôi nhìn thấy cây táo thân cong mà tôi vẫn giả làm ngựa để cưỡi. Rồi, bên cạnh dòng suối như một giải bạc trên đám cỏ xanh, tôi nghĩ đến cái rãnh sâu mà tôi đã cố công đào, xẻ để chạy cánh cối xay, một thứ chong chóng tôi chế mất bao nhiêu thì giờ mà nó không sao quay được.
Tất cả mọi vật đều ở chỗ cũ, từ cái xe một bánh của tôi, cái cày làm bằng cành cây của tôi, cái chuồng thỏ khi chúng tôi còn nuôi thỏ, cho đến cái vườn, cái vườn thân yêu của tôi, nhìn rõ mồn một.
Ai sẽ xem nó nở. Những bông hoa xấu số của tôi? Ai sẽ sờ đến khóm cúc-vu của tôi? Chắc hẳn là Bảo-Liên, con người độc ác.
Chỉ còn một bước nữa là tôi mất tất cả những thức thân yêu đó.
Chợt trên con đường về nhà tôi, tôi nhìn xa xa thấy bóng cái mũ vải trắng. Nó biến vào trong đám cây rồi lại hiện ra.
Từ chỗ tôi đến đó xa quá nên tôi chỉ nhìn thấy sắc trăng trắng của cái mũ lượn ở trong đám cành cây như một cánh bướm mùa xuân. Cũng có những lúc lòng người nhìn rõ hơn mắt, dù là những con mắt tinh nhất. Vì thế, tuy đứng xa, tôi biết ngay là mẹ tôi. Phải, chính mẹ tôi đấy. Không còn nghi ngờ gì nữa.
Vỹ-Tiên chợt gọi tôi:
- Minh ơi! Ta tiếp tục đi đi!
- Ô! Thưa ông, con xin ông cho con…
- Bảo-Liên nói không đúng. Mày không có chân. Mới đi có thế đã nhọc. Như thế thì còn làm ăn gì được.
Tôi không trả lời. Tôi cứ nhìn về phía nhà tôi.
Chính mẹ tôi. Chính mũ vải của bà, chính chiếc áo xanh của bà. Chính bà đó. Bà rảo bước hình như mong cho chóng về tới nhà. Về

đến cổng, bà đẩy cửa vào, đi qua sân rất nhanh.
Tôi liền đứng choàng dậy trên mỏm đá, không để ý đến con Lãnh-Nhi nhảy đến bên tôi.
Mẹ tôi không ở trong nhà lâu, bà ra ngay và hớt hải chạy ngang chạy ngửa trong sân, hai cánh tay giơ lên thất vọng. Mẹ tôi đang tìm tôi đấy.
Tự nhiên tôi cúi mình về đằng trước gào to:
- Mẹ ơi! Mẹ ơi!
Nhưng tiếng gọi của tôi không xuống tới chân núi, không át nổi tiếng suối rì rào. Nó tắt hẳn trong khoảng không.
Vỹ-Tiên hỏi tôi:
- Gì thế? Mày điên à?
Không trả lời, tôi đứng trơ, hai mắt rọi sâu về phía mẹ tôi, nhưng mẹ tôi nào có biết tôi còn đang được đứng gần mẹ tôi. Bà không nghĩ ngửng đầu lên để nhìn tôi.
Bà đi lại qua sân, ra hẳn ngoài đường nhìn tứ phía. Tôi lại gào to hơn nhưng cũng như lần trước, không hiệu quả gì.
Bấy giờ Vỹ-Tiên nghi hoặc, cũng leo lên mỏm đá, chỗ tôi. Ông nhận ngay thấy cái mũ trăng trắng đang cử động. Ông nói một mình:
- Khốn nạn cho thằng bé!
Phấn khởi bởi câu nói của ông, tôi liền kêu:
- Ông ơi! Ông thương con? Ông cho con về với mẹ con.
Nhưng ông cầm cổ tay tôi dắt xuống và nói:
- Con ơi! Chúng ta nghỉ đã lâu rồi. Bây giờ đi đi.
Tôi định giật tay ông ra nhưng ông già giữ chặt quá. Ông gọi:
- Lãnh-Nhi đâu! Hiệp-Nhi đâu!
Tức thì hai con chó vây tôi. Hiệp-Nhi đi trước, Lãnh-Nhi đi sau. Đi được vài bước, tôi quay đầu lại. Chúng tôi đã qua đỉnh núi. Tôi không nhìn thấy thung lũng và nhà tôi nữa. Xa xa, chỉ thấy những ngọn đồi xanh lô nhô trên nền trời cao rộng. Mắt tôi nhòa trong khoảng vô tận.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương V
LÊN ĐƯỜNG

Người ta không cần phải là một con quỷ hay cần phải dự trữ thịt tươi để ăn mới mua trẻ con đến 40 phật-lăng!

Ông Vỹ-Tiên không ăn thịt tôi, cũng là sự hiếm có trong bọn người chuyên mua con nít, vì ông không phải là người ác.
Đây là một bằng chứng.
Chúng tôi ở trên ngọn núi phân cách triền sông Loa và triền sông Đô mà Vỹ-Tiên không cho tôi nhìn nhà cũ và lại nắm tay tôi lôi đi. Một lát sau thì chúng tôi xuống sườn núi phía Nam.
Ông buông tay tôi ra và nói:
- Bây giờ, con đi thong thả bên cạnh ta. Nhưng con đừng quên rằng nếu con chạy trốn thì Lãnh-Nhi và Hiệp-Nhi sẽ đuổi theo ngay. Răng chúng nó dài lắm đấy.
Chạy trốn ư? Tôi nhận thấy bây giờ không thể làm được. Vì thế, tôi không nghĩ đến sự trốn.
Tôi thở dài.
Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Con buồn? Ta hiểu lắm và không ghét con đâu. Con cứ khóc đi, tha hồ khóc nếu con không cầm được nước mắt. Có điều con nên nhớ rằng không phải ta đưa đi để đày ải con đâu. Nếu ở lại con sẽ trở nên thế nào? Chắc chắn là phải vào Nhà-Phúc. Những người đã nuôi con không phải là cha và mẹ của con. Mẹ con, mà con vẫn gọi, thương yêu con lắm, nay xa bà thì con nhớ. Điều đó tốt lắm. Nhưng con thử nghĩ xem, bà ta có thể trái ý chồng mà giữ con được không? Còn người chồng không đến nỗi tàn nhẫn như con tưởng. Ông ta hết tiền rồi, lại mang cái chân tàn tật không làm lụng được. Ông ta nghĩ không thể chịu nhịn đói để nuôi con. Con ơi! Con nên hiểu rằng đời người ta là một cuộc chiến đấu, trong đó người ta thường không thể làm được những điều người ta muốn.
Đó là những điều dạy dỗ đầy kinh nghiệm, nhưng bấy giờ có một tiếng kêu to hơn làm át những lời khuyên ấy đi, đó là những tiếng lòng của buổi chia ly.
Tôi sẽ không bao giờ được nhìn thấy người đã nuôi nấng tôi, vuốt ve tôi, người mà tôi thương yêu nhất trên đời: Mẹ tôi.
Mỗi khi nghĩ đến thì tôi lại nghẹn ngào. Tuy nhiên, đi luôn bên cạnh Vỹ-Tiên, tôi cố nhắc lại trong óc những điều ông vừa bảo tôi.
Ông nói rất phải, Bảo-Liên không phải cha tôi. Lý nào bắt ông ấy phải nhịn đói nuôi tôi. Ngày trước, ông ấy đã sẵn lòng rước tôi về nuôi, bây giờ ông ấy đuổi tôi chỉ vì không thể cưu mang tôi được nữa. Thế thì không phải một hôm nay mà tôi phải nhớ đến ông ấy, mà tôi còn phải nhớ tất cả những năm tôi đã lớn lên trong nhà ông.
Vỹ-Tiên thỉnh thoảng lại nói bên tai tôi:
- Con ơi! Hãy nghĩ kỹ những điều ta nói: Đi với ta, con không đến nỗi

khổ đâu!
Sau khi đã xuống một quãng sườn núi dốc, chúng tôi tới một vùng đất hoang dã, phẳng lì và mênh mông đến tận chân trời. Không cây lớn, không nhà cửa. Đó là một cao nguyên móc đầy những bụi rậm đỏ hoe; đây đó có những đám cây kim-tước cằn cỗi rập rờn theo làn gió.
Vỹ-Tiên giơ tay chỉ vào bãi hoang bảo tôi:
- Con xem, bây giờ thì khó trốn lắm. Lãnh-Nhi và Hiệp-Nhi săn đuổi ngay.
Lúc đó, tôi không nghĩ đến việc trốn. Tôi chỉ nghĩ không biết bây giờ đi đâu? Đi đến nhà ai?
Dù sao, ông già cao lớn, đẹp lão râu bạc này có lẽ không ghê gớm như óc tưởng tượng lúc ban đầu. Nếu ông là thầy tôi thì may ra cũng không đến nỗi là ông thầy ác nghiệt.
Chúng tôi đi mãi trong một niềm cô quạnh hết truông đến bãi, xa xa nổi mấy ngọn đồi trơ trụi.
Với óc non dại của tôi, tôi cứ tưởng tượng du lịch là ra khỏi lũy tre làng, được quan sát những phong cảnh đẹp, nhưng thực tế ra, trái hẳn với những điều mắt thấy lúc bấy giờ.
Là lần thứ nhất trong đời mà tôi phải đi một mạch dài không nghỉ. Thầy tôi bước đều chân, cõng con Hảo-Tâm trên vai, hoặc đeo trong đảy. Mấy con chó chạy lon ton cạnh chủ.
Thỉnh thoảng ông lại nói với con chó một câu thân ái khi tiếng Pháp, khi bằng thứ tiếng mà tôi không hiểu.
Xem ra chủ cũng không và những con chó cũng không biết nhọc. Riêng tôi, không thế, tôi thấy lả người. Vì sức đã kiệt, cố theo kịp thầy tôi. Tôi không dám nghỉ chân.
Thầy tôi nói:
- Những chiếc guốc nó làm cho con khó đi. Đến Ích-Sơn ta sẽ mua giầy cho con.
Câu đó làm cho tôi phấn khởi.
Thực vậy, xưa nay tôi vẫn mơ ước một đôi giầy. Con ông Xã trưởng và con người chủ tiệm ăn đều đi giầy cả. Mỗi sáng chủ nhật, khi dự lễ Nhà Thờ, chúng đi êm ả trên nền gạch, còn tôi và những người nhà quê khác, lê những đôi guốc to kêu chí chát điếc tai.
- Ích-Sơn còn xa lắm không?
Vỹ-Tiên cười to và nói:
- Đó là tiếng nói của lòng con! Con ơi! Con muốn có giầy lắm phải không! Ta hứa cho con những đôi giầy đế đinh. Ta cũng hứa sẽ mua cho con một cái quần nhung, một cái áo vét và một cái mũ. Ta mong

những cái đó sẽ an ủi con để con cố sức mà đi chừng sáu dặm đường nữa.
Đôi giầy đế đinh! Tôi thích quá và nguôi dần nỗi buồn.
Không, chắc chắn thầy tôi không phải là một người độc ác.
Người độc ác thì có bao giờ nhìn thấy đôi guốc của tôi nó làm tôi đau chân?
Đôi giầy, đôi giầy đế đinh! Một quần ngắn bằng nhung! Một áo vét! Một cái mũ! A! Nếu mẹ tôi được trông thấy tôi ăn mặc tươm như thế, tất lấy làm hãnh diện lắm.
Khốn nỗi Ích-Sơn còn xa lắm.
Mặc dầu giầy đinh và quần nhung ở cách đây sáu dặm đường mà chúng tôi còn phải đi, tôi thấy khó lòng đi nổi quãng đường xa đó.
May sao, thời tiết đến giúp tôi.
Trời vẫn xanh từ lúc khởi hành, dần dần kéo mây đen rồi đổ mưa, một trận mưa nhỏ hạt và liên miên.
Vỹ-Tiên có áo da cừu đủ che mưa. Con Hảo-Tâm gặp giọt mưa thứ nhất đã chui vào hang cũ. Còn những con chó với tôi, chúng tôi không có gì che thân, đành chịu để nước mưa thấm đến da. Tuy vậy, những con chó có cách giũ lông, vảy cho bớt nước, còn tôi không được phú cái phương tiện thiên nhiên ấy, đành phải bước chân dưới những hạt mưa dày giá lạnh.
Chợt thầy tôi hỏi tôi:
- Con có dễ bị cảm không?
- Con không biết. Con không nhớ có bị cảm bao giờ.
- Như vậy tốt. Trong người con khỏe đấy. Nhưng ta không muốn dãi dầu con một cách vô ích. Hôm nay chúng ta đi đến đây thôi. Phía trước có một làng, chúng ta sẽ vào tìm nhà ngủ.
Làng đó không có quán trọ và chả nhà nào muốn chứa một hạng hành khất có đứa trẻ và đàn chó theo sau, người cũng như vật đều lấm chư chôn như vùi. Họ trả lời:
- Đây không phải chỗ trọ. Rồi họ đóng sầm cửa lại. Chúng tôi đi hết nhà nọ đến nhà kia, không một nhà nào cho chúng tôi vào cả. Có lẽ phải đi luôn bốn dặm nữa cho tới Ích-Sơn? Không được nghỉ chăng?
Đêm tối dần, mưa càng lạnh. Tôi thấy chân tôi cứng đờ như chân gỗ. Tôi nhớ đến nhà mẹ tôi và nghĩ:
- Ở nhà sung sướng quá!
Cuối cùng, một người ở làng có lòng từ thiện cho chúng tôi vào tạm trú ở buồng chứa cỏ, và giao hẹn không được đốt lửa.
- Ông già đưa diêm cho tôi giữ, mai ông đi tôi sẽ trả.
Thế là ít ra chúng tôi cũng có một mái nhà để trú ẩn trong đêm mưa

lạnh.
Vỹ-Tiên là một người cẩn thận đã mang sẵn lương thực. Trong cái túi nhà binh ông vẫn đeo trên vai, có chứa một tấm bánh mì. Ông liền lấy ra chia làm bốn miếng.
Lúc bấy giờ tôi mới biết ông già đã giữ kỷ luật trong đoàn một cách nghiêm ngặt như thế nào.
Lúc chúng tôi tìm nhà đến ngủ nhờ, con Hiệp-Nhi chạy sộc vào nhà nọ rồi ra luôn với miếng vỏ bánh mì ngậm ở miệng.
Vỹ-Tiên trông thấy chỉ nói:
- Hiệp-Nhi! Giỏi thật! Tối sẽ hay!
Khi ông già lấy bánh ra, tôi quên hẳn việc con Hiệp-Nhi ăn cắp thì thấy nó cúi đầu buồn bã.
Chúng tôi ngồi trên hai bó cỏ, hai người hai bên, con Hảo-Tâm ở giữa. Ba con chó xếp hàng trước mặt chúng tôi. Lãnh-Nhi và Thùy-Nhi nghếch mõm nhìn chủ, còn Hiệp-Nhi thì cúi đầu và tai cụp xuống.
Vỹ-Tiên hạ lệnh:
- Quân ăn cắp không được đứng trong hàng, phải ra một góc và nghỉ ăn bữa tối. Hiệp-Nhi bò ra khỏi chỗ, đến một góc mà Vỹ-Tiên vừa chỉ tay. Nó chui vào trong đám cỏ khô. Chúng tôi không trông thấy nó nữa, nhưng nghe thấy tiếng u ú như than khóc.
Xử xong, ông già đưa bánh cho tôi. Rồi ông vừa ăn vừa ném dần những miếng bánh nhỏ cho con Hảo-Tâm và hai con chó.
Mấy tháng gần đây, nhà tôi tuy bán bò rồi, nhưng tôi cũng không đến nỗi kham khổ. Ôi món súp nóng mẹ tôi vẫn làm ngon biết bao mặc dầu không có bơ! Không chiều nào là không có. Bên cạnh đống lửa, êm ấm biết bao! Tôi sung sướng chui vào trong chăn, che kín cả đầu. Nhưng than ôi! Còn đâu nữa nào đệm, nào chăn! Có được cái ổ băng cỏ khô cũng quý lắm rồi! Mình đau như giần. Chân sứt vì guốc, tôi gây gấy rét trong bộ quần áo đẫm nước.
Trời tối đã lâu rồi, tôi không sao ngủ được.
Vỹ-Tiên hỏi:
- Minh ơi! Răng con lập cập, con rét à?
- Vâng hơi rét.
Tôi nghe thấy ông già mở đảy.
Ông nói:
- Ta cũng không có nhiều quần áo. Đây có cái sơ mi khô và cái gi-lê cũ. Con cởi áo ướt ra mặc tạm vậy. Rồi con chui sâu vào đám cỏ khô, con sẽ đỡ rét và ngủ được.
Có phải ngày nào rồi cũng như hôm nay không? Đi bộ dưới trời mưa không nghỉ, ngủ trong vựa cỏ, rét run người, bánh khô thay súp,

không người thương hại, không người yêu dấu, không có mẹ ở bên mình nữa!
Khi tôi đang trằn trọc, trái tim nao nao, nước mắt ràn rụa, tôi thấy một hơi nóng rọi vào mặt tôi. Tôi giơ tay ra thì thấy lông mềm của con Lãnh-Nhi. Nó lại gần tôi rất nhẹ nhàng không làm xạo cỏ. Nó hít đầu tôi, hơi thở của nó đưa vào mặt, vào tóc tôi.
Nó muốn gì?
Nó liền nằm trên ổ cỏ bên cạnh tôi rồi êm ái, nó liếm bàn tay tôi.
Cảm động về sự vuốt ve đó, tôi ôm đầu nó và ép vào mình.
Nó kêu những tiếng nho nhỏ, đặt một chân vào bàn tay tôi rồi nằm yên không cử động.
Lúc đó, tôi quên hết buồn bực. Cổ tôi như được nới ra, tôi thở nhẹ nhàng: Tôi không cô quạnh nữa, tôi đã có một người bạn.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương VI
BƯỚC ĐẦU CỦA TÔI

Hôm sau chúng tôi lên đường sớm.
Mưa tạnh. Trời xanh. Nhờ gió thổi ban đêm nên bùn đã ráo. Trong các bụi rậm bên đường, chim chóc ca hót vui tai. Mấy con chó nhảy nhót chung quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng Lãnh-Nhi lại đứng hai chân quay về phía tôi kêu ăng ẳng hai ba tiếng, nó muốn bảo tôi:
- Can đảm lên! Can đảm lên!
Đó là một con chó rất khôn. Nó hiểu hết và làm cho người ta hiểu nó. Nó không nói được, nhưng tôi không nghĩ thế. Chỉ một cái đuôi, nó có thể biểu lộ ra bao nhiêu ý chí và hùng hồn hơn con mắt, cái lưỡi của người nhiều. Vì thế, lời nói trở nên vô ích giữa Lãnh-Nhi và tôi; ngay buổi đầu tiên, chúng tôi đã hiểu nhau rồi.
Từ bé đến giờ không bao giờ tôi ra khỏi làng, nên nói đến tỉnh tôi rất thích được đi xem.
Nhưng tôi phải thú thực rằng thị xã Ích-Sơn đã làm cho tôi mất hứng. Những ngôi nhà cổ kính có tháp, có lẽ chỉ bổ ích cho những nhà thích khảo cổ, không làm cho tôi vui mắt chút nào.
Tuy nhiên tôi vẫn nhìn kỹ những ngôi nhà đó, không phải là để xem cách kiến trúc, vẻ mỹ lệ mà chỉ để xem trong đó có một hiệu giầy nào chăng?

Đôi giầy của tôi, đôi giầy ông già đã hứa, bây giờ đến lúc được xỏ chân!
Cái ngôi hàng đáng quý ấy, ngôi hàng sắp cung cấp cho tôi đôi giầy mới không biết ở chỗ nào?
Tôi chỉ để mắt tìm ngôi hàng đó, còn ngoại giả, nào tháp, nào lầu, nào đài kỷ niệm, tôi chẳng thiết gì.
Vì thế mối ký ức độc nhất mà thành Ích-Sơn còn để lại cho tôi là cái cửa hàng tường ám khói, trông tối om, ở cạnh chợ. Mặt hàng có bày bán nhiều đồ cũ: súng gỉ, áo nhà binh thêu những lon vàng và những ngù vai tua bạc, rất nhiều đèn và một thúng đồ sắt cũ trong có vô số khóa hỏng. Phải bước xuống ba bậc nữa mới vào được trong hàng. Đó là một phòng lớn và thấp, có lẽ từ ngày cất nóc đến nay, mặt trời chưa ngó tới bao giờ.
Sao một vật quý giá như đôi giầy lại có thể bán trong cái hiệu ghê tởm này được?
Tuy nhiên, Vỹ-Tiên khi bước vào hiệu này đã biết rõ là phải được việc, nên một lúc sau tôi được cái diễm phúc là xỏ chân vào đôi giầy đế sắt nặng gấp mười lần đôi guốc của tôi.
Tính rộng rãi của thầy tôi đến đó chưa hết. Mua xong giầy, thầy tôi còn sắm cho tôi một cái áo vét nhung xanh, một cái quần len và một cái mũ phớt, tóm lại là đủ các thứ mà thầy tôi đã hứa.
Một kẻ xưa nay mặc toàn đồ vải, nay có áo nhung, xưa nay chỉ dùng guốc gỗ, nay có giầy đế sắt, xưa nay chỉ lấy tóc để đỡ nắng mưa, nay có mũ phớt, thực không ngờ đến. Thầy tôi thực là một người tử tế nhất trên đời, một người quảng đại nhất và giầu nhất.
Sự thực thì nhung đã sờn, sự thực thì len đã xác, cũng sự thực là khó mà phân biệt được màu sắc của một cái mũ phớt đã trải bao phong trần, nhưng lúc đó tôi thích quá thành ra lóa mắt không nhận thấy những khuyết điểm ở bộ đồ mới của tôi.
Tôi vội mặc quần áo mới. Nhưng trước khi trao quần áo cho tôi, thầy tôi đã chế hóa nó đi, làm cho tôi vừa kinh ngạc vừa đau lòng.
Thì ra khi về đến nhà trọ, thầy tôi đã lấy kéo trong đảy cắt cụt hai ống quần đến đầu gối.
Thấy tôi nhìn bằng đôi mắt kinh hãi, thầy tôi bảo:
- Việc này cốt làm cho con khác hẳn những đứa trẻ khác. Chúng ta đang ở Pháp, ta cho con mặc kiểu Ý-đại-lợi. Rồi nếu chúng ta sang Ý, ta sẽ cho con mặc kiểu Pháp-quốc, không khó khăn gì.
Tôi chưa hết kinh ngạc, thầy tôi nói tiếp:
- Chúng ta là ai? Là những tài tử phải không? Là những kịch sĩ thì phải gợi tính hiếu kỳ của công chúng, tức là phải làm thế nào cho

công chúng chú ý mới được. Con có tin rằng với những bộ quần áo nhà giàu hay dân quê, chúng ta diễn trò, người ta phải dừng lại nhìn chúng ta không? Chắc chắn không! Phải thế không con? Con phải biết ở đời sự quảng cáo một khi cũng cần thiết, điều đó đáng buồn, nhưng ta không thể làm khác được.
- Vì lẽ đó, có khi mới buổi sáng ta là người Pháp, chưa đến buổi chiều ta đã là người Ý rồi.
Quần tôi cắt cụt đến đầu gối. Bít tất dài của tôi được thầy tôi dùng dây quấn chéo ở ngoài như chiếc sà cạp. Còn mũ của tôi cũng được quấn thêm nhiều giải lụa sặc sỡ, và đính thêm một túm hoa bằng len. Tôi không rõ người ngoài coi bộ dạng đó sẽ nghĩ gì về tôi. Nhưng để tỏ ra là thành thực, tôi xin nói là tôi tự thấy mình đẹp quá. Mà có lẽ đẹp thật vì con Lãnh-Nhi, bạn tôi, đã ngắm nghía tôi rất lâu và giơ chân bắt tay tôi lấy làm thỏa thích.
Sự thay hình của tôi không những được Lãnh-Nhi khen ngợi mà còn được Hảo-Tâm vui vẻ tán thành, vì trong khi tôi mặc quần áo, nó vừa nhăn mặt vừa bắt chước bộ điệu tôi và phóng đại ra. Khi tôi mặc xong, nó để hai tay lên cạnh sườn, đứng ngả đầu về đằng sau gật gù và "cười" lên những tiếng kêu chế nhạo.
Tôi thường nghe thấy người ta nói rằng: thực là một vấn đề bổ ích nếu xét được giống khỉ có biết cười hay không. Tôi tưởng rằng những người nêu ra vấn đề đó là những nhà bác học chỉ biết ngồi trong xó buồng, không bao giờ trông thấy con khỉ và để công nghiên cứu giống khỉ.
Còn tôi, được sống trong tình thân mật với khỉ, với Hảo-Tâm, trong một thời gian khá lâu, tôi có thể nói quyết rằng giống khỉ biết cười và lắm khi làm cho tôi mất thể diện nữa. Cái cười của giống khỉ nhất định không giống cái cười của người. Nhưng khi có một tình cảm gì làm cho nó hoan hỉ, người ta trông thấy hai bên mép nó kéo về đằng sau, hai mí mắt nó dăn lại, hai hàm răng nó rung động lên, nhất là hai con mắt nó tỏa ra một tia lửa như hai hòn than hồng thổi lên.
Những dấu hiệu đặc biệt của cái cười đó đã có lần làm cho lòng tự ái của tôi rất khó chịu.
Khi tôi đội mũ xong, Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Ngày mai là phiên chợ, ta sẽ mở cuộc biểu diễn. Con đã ăn mặc xong rồi, bây giờ chúng ta bắt tay vào việc để đến mai con có thể "nhập nghề".
Tôi tự hỏi, không biết "nhập nghề" là cái gì thì Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Nghĩa là con sẽ ra sân khấu lần thứ nhất diễn trò trước công chúng.
Ông nói tiếp:

- Ngày mai là buổi diễn đầu tiên, con sẽ có mặt ở đó. Nay ta dạy con đóng vai trò mà con phải phụ trách.
Tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cả.
- Con ơi, vai trò tức là những việc con phải làm trong buổi diễn. Ta đưa con đi, không phải là cốt cho con cái thú đi chơi, vì ta chẳng giàu có gì. Đưa con đi là để cho con làm việc. Mà việc của con chính là việc đóng trò với đồ đệ của ta.
Tôi lo sợ quá kêu lên:
- Con không biết diễn trò.
- Chính vì thế mà ta phải dạy con. Chắc con cũng biết rằng không phải tự nhiên mà con Lãnh-Nhi biết đi bằng hai chân sau, không phải vì khoái chí mà con Thùy-Nhi thích nhảy dây. Chúng phải tập tành khá nhiều và khá lâu mới được có những biệt tài đó và đã làm cho chúng thành những kịch sĩ kỳ diệu. Thế thì con, con cũng phải tập luyện những vai mà con phải đóng với chúng. Vậy ta phải thực hành luôn.
Thuở ấy, tôi có một ý nghĩ rất ngây thơ về sự đi làm. Tôi tưởng tượng đi làm tức là phải cuốc đất, chặt cây, đẽo đá và không biết gì khác nữa.
Vỹ-Tiên nói:
- Bản kịch mà chúng ta sắp diễn nhan đề là "Người đầy tớ của ngài Hảo-Tâm". Đây là cốt truyện: Ngài Hảo-Tâm từ trước vẫn có một người đầy tớ rất vừa ý là Lãnh-Nhi. Nhưng Lãnh-Nhi ngày một già yếu nên ngài Hảo-Tâm muốn nuôi một người đầy tớ khác. Lãnh-Nhi được ủy đi tìm người đầy tớ đó, nhưng hắn không tìm một con chó khác để kế chân. Hắn tìm một đứa con trai tên là Minh.
- Như con.
- Không như con, mà chính là con, con ở làng lên tỉnh để giúp việc cho ngài Hảo-Tâm.
- Nhưng con khỉ làm gì có đầy tớ?
- Trong kịch thì có. Con đến nơi, ngài Hảo-Tâm nhận thấy con có vẻ khờ dại.
- Thế thì buồn quá.
- Không sao vì để làm trò cười thôi. Con hãy tưởng tượng đến một nhà giàu để hầu hạ thực, và họ sai con dọn bàn ăn chẳng hạn. Kia là cái bàn sẽ dùng khi diễn trò. Con lại xem và thử đặt bát đĩa.
Trên bàn đó, có mấy cái đĩa, một cái cốc, một con dao, một cái dĩa và một cái khăn trắng.
- Sẽ phải xếp đặt thế nào nhỉ?
Đứng bên cạnh bàn, tôi tự hỏi thế, mặt thuỗn ra, mồm há hốc, đầu

cúi về đằng trước, hai tay đưa ra, luống cuống không biết phải làm gì trước.
Thầy tôi vỗ tay, cười ngặt ngoẹo:
- Hay! Hay tuyệt! Cách vận dụng dung mạo của con khéo lắm. Thằng bé ta nuôi trước con làm hỏng vì coi bộ láu lỉnh quá. Con trông khờ khạo, vẻ ngây thơ của con rất thích hợp.
- Con chẳng hiểu con làm gì.
- Chính điều đó lại là điều cốt yếu. Đến mai, hay trong vài ngày nữa. Con sẽ hiểu rõ những điều mà con sẽ phải làm. Lúc đó con phải nhớ lại cái điệu bộ bối rối của con bây giờ và làm như con không biết gì. Nếu con diễn lại được cái điệu bộ ngây ngô và cái dáng điệu lúng túng đó, con sẽ thành công to. Vai trò của con là phải diễn tả một người quê mùa, không trông thấy gì và không biết gì. Anh ta đến nhà một con khỉ, anh tự thấy mình ngu xuẩn và vụng về hơn con khỉ. Kẻ ngu hơn con khỉ, đó là vai của con. Muốn đóng cho được hoàn toàn, con chỉ việc giữ dáng điệu của con như ngày hôm nay là được.
"Người đầy tớ của ngài Hảo-Tâm" không phải là kịch dài, diễn độ 20 phút là xong. Nhưng chúng tôi phải luyện tập và diễn thử đến ba tiếng đồng hồ. Vỹ-Tiên bắt tôi và nhất là những con chó làm đi làm lại một việc đến ba lần, bốn lần, có khi đến mười lần.
Thực vậy, những con chó hay quên một vài phần trong vai của chúng nên Vỹ-Tiên lại phải bắt đầu và dạy lại.
Lúc đó, tôi nhận thấy thầy chúng tôi là một người rất nhẫn nại và ôn hòa. Tôi còn nhớ ở làng tôi, người ta đối đãi với súc vật một cách khác hẳn. Chửi và đánh là hai phương pháp duy nhất để huấn luyện gia súc.
Sự diễn tập dù phải kéo dài đến bao nhiêu, thầy chúng tôi không hề bực tức một lần nào, không hề chửi rủa một câu nào. Khi nào không vừa ý, thầy tôi chỉ nghiêm nét mặt nói:
- Lãnh-Nhi! Hỏng, không được! Hay Hảo-Tâm! Mày không bao giờ để ý cả. Phải mắng bây giờ!
Có thế thôi. Chỉ có thế là cùng.
Buổi diễn tập xong, thầy tôi bảo tôi:
- Này con! Con xem con có thể theo nghề diễn trò được không?
- Con không biết.
- Con có ngại không?
- Không. Con có phần thích.
- Như thế thì tốt lắm. Con có tư chất thông minh và có nết, quý hơn nữa là có sự chú ý. Chú ý và dễ bảo thì làm gì cũng được. Con hãy trông những con chó của ta và so sánh nó với con Hảo-Tâm. Con

Hảo-Tâm có lẽ lanh lợi hơn và thông minh hơn, nhưng nó rất khó bảo. Nó dễ thuộc, nhưng dễ quên. Nó không bao giờ vui lòng làm những điều ta sai bảo. Lại hay học hặc, bướng bỉnh. Đó là bản tính của nó, nên ta không bực tức. Giống khỉ không như giống chó, nó không có ý thức về bổn phận và do đó kém xa giống chó. Con có hiểu không?
- Dạ.
- Vậy, con ơi! Con phải chú ý, phải dễ bảo. Phải hết lòng, hết sức vào công việc con làm. Trong đời phải như thế.
- Thầy thực là hiện thân của sự nhẫn nại. Suốt buổi diễn tập, lúc nào thầy cũng bình tĩnh không hề gắt gỏng với con hay với các con vật bao giờ.
Vỹ-Tiên mỉm cười nói:
- Từ trước đến giờ con chỉ ở cạnh những người dân quê độc ác với loài vật, họ tưởng muốn sai khiến loài vật lúc nào cũng phải có cái gậy trong tay.
Tôi cãi:
- Mẹ tôi rất tốt với con Hồng-Ti.
Ông nói:
- Thế là bà ấy biết lẽ phải. Bà ấy sáng suốt hơn mọi người khác, bà hiểu rằng ngọt ngào hơn là hung hãn. Ta không bao giờ đánh những con vật ta nuôi. Chúng sẽ khiếp sợ, sự khiếp sợ làm nhụt trí khôn. Hơn nữa ta cũng không bao giờ nổi giận lên với chúng, vì nếu ta phát khùng thì ta không phải là ta nữa, ta sẽ không giữ được cái tính kiên trì mà con đã nhận thấy. Chính những kẻ dạy cũng là người đã học lại được nhiều. Ta đã cho con chó của ta bao nhiêu bài học thì ngược lại, ta đã nhận của chúng bấy nhiêu bài. Ta mở mang trí khôn cho chúng, chúng tu dưỡng tính tình cho ta.
Nghe câu nói lạ, tôi cười.
- Con cho thế là lạ lùng phải không? Một con chó có thể dạy được người? Thế mà thực đấy. Con thử nghĩ xem. Con có nhận thấy rằng một con chó bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của chủ không?
- Điều đó đúng lắm.
- Vì thế, khi đã bắt tay vào việc giáo hóa một con vật, người chủ phải giữ gìn tư cách. Trong khi dạy Lãnh-Nhi, giả sử ta phát khùng, phát cáu, con Lãnh-Nhi sẽ làm gì? Nó cũng sẽ theo gương ta phát khùng, phát cáu, rồi thành ra hư hỏng. Con chó thường là tấm gương phản chiếu của người nuôi. Cho ta xem con chó của con, ta có thể bảo con là người thế nào. Quân cướp có con chó ăn cướp, kẻ trộm có con chó ăn trộm. Người quê mùa có con chó thô thục. Người phong nhã

có con chó đáng yêu.
Các bạn tôi, ba con chó và con khỉ, được tôi đóng thêm trong trò nên vui thích lắm, chúng nhìn ngày mai đến không e sợ gì. Về phần chúng, chúng đã được làm đi làm lại đến trăm, nghìn lần rồi.
Còn tôi, tôi không được yên tâm như chúng. Tôi nghĩ ngợi: nếu tôi diễn hỏng, thầy tôi sẽ bảo sao? Khách xem sẽ nói gì? Ý nghĩ đó làm rối óc tôi. Khi tôi ngủ, tôi mê thấy những người đến xem ôm bụng cười, chế nhạo tôi.
Vì thế, sáng hôm sau, lúc rời nhà trọ ra chỗ diễn, lòng tôi xao xuyến vô cùng.
Vỹ-Tiên đi trước, đầu cao, ngực ưỡn, tay ve vẩy, chân bước theo nhịp còi ông thổi bài khiêu vũ. Sau ông là Hảo-Tâm. Với bộ nhung phục Đại-tướng Anh, áo quần đỏ, lon vàng, mũ cao đỉnh cắm một chiếc lông dài, Hảo-Tâm bệ vệ cưỡi trên lưng Lãnh-Nhi. Rồi cách xa một chút để tỏ ý kính trọng, Hiệp-Nhi và Thùy-Nhi xếp hàng đôi đi sau. Cuối cùng là tôi.
Vẻ linh đình của đoàn chúng tôi làm mọi người chú ý. Hơn nữa tiếng còi lanh lãnh của thầy tôi lại lọt vào tới trong cùng nhà, gợi óc tò mò của dân phố Ích-Sơn. Họ chạy ra cửa. Họ vén màn cửa sổ để xem chúng tôi đi qua. Một lũ trẻ con theo sau chúng tôi, cả mấy người nhà quê cũng nhập bọn thành một đoàn dài.
Sân khấu của chúng tôi được thiết lập một cách nhanh chóng: một cuộn dây chăng chung quanh bốn gốc cây thành hình vuông dài, chúng tôi ở giữa.
Phần thứ nhất của cuộc diễn gồm có những trò nhảy, múa của những con chó. Chúng diễn thế nào tôi cũng không biết vì óc tôi còn mải ôn lại những vai trò tôi sắp ra và rất lo lắng.
Tôi chỉ nhớ rằng Vỹ-Tiên cất còi vào túi, lấy vĩ cầm ra kéo những khúc khiêu vũ rất nhịp nhàng hoặc những bài êm ái du dương.
Công chúng đến mỗi lúc một đông, chen chúc chung quanh hàng dây chắn. Tôi ngửng mặt lên, mắt tôi vấp phải trăm nghìn con mắt tò mò nhìn chòng chọc vào và ném ra những tia chói lọi.
Phần thứ nhất chấm dứt. Lãnh-Nhi mồm ngậm cái bát gỗ con, đi bằng hai chân sau, viếng các quý khán giả chung quanh hàng dây. Khi không còn ai ném tiền cho nữa, nó đặt bát xuống sân, lấy hai chân trước kề vào áo khán giả nào ngoan cố, ăng ẳng hai ba tiếng và lấy chân vỗ vào túi quý vị đó như muốn mở ra.
Lúc đó, công chúng cười như phá lên, kẻ nói đùa, người chế nhạo:
- Con chó tinh thế! Nó biết người nào túi nặng!
- Thôi cho ra đi!

- Anh ta sắp cho!
- Anh ta không cho!
- Cho đi! Gia tài chú anh sẽ đền bù cho anh!
Thế là cuối cùng những đồng bạc dù nằm sâu ở đáy túi cũng phải lòi ra.
Trong khi đó Vỹ-Tiên không nói một câu gì, mắt không quên nhìn bát tiền, tay luôn luôn kéo những bài khi nhặt, khi khoan.
Lát sau, Lãnh-Nhi ngậm bát tiền đầy đem lại cho chủ, có vẻ hãnh diện lắm.
Bây giờ đến lượt Hảo-Tâm và tôi ra trò.
Vỹ-Tiên ra hiệu bằng tay kéo và tay đàn cho chúng tôi và nói:
- Thưa các bà, thưa các ngài, chúng tôi xin tiếp tục buổi diễn bằng một kịch vui "Người đầy tớ của ngài Hảo-Tâm". Một người như tôi không bao giờ tự hạ để khoe hay và khen trước những tài tử của mình. Tôi trân trọng đề nghị một điều là xin quý vị hãy để mắt, để tai vào tấn kịch và sửa soạn tay để tán thành.
Cái mà Vỹ-Tiên gọi là kịch vui đó là một tấn tuồng câm, nghĩa là một bản diễn toàn bằng điệu bộ chứ không dùng lời. Mà bắt buộc phải như thế vì một lẽ rất dễ hiểu là hai vai chính trong kịch không biết nói. Và vai thứ ba là tôi, tôi không thể mở miệng nói ra được hai tiếng.
Tuy nhiên muốn cho công chúng dễ hiểu. Vỹ-Tiên nói giáo đầu trước khi mỗi trò sắp ra.
Vừa kéo khúc quân hành, ông vừa giới thiệu lúc Hảo-Tâm ra sân khấu:
"Đây là ngài Hảo-Tâm, Đại-tướng Anh-Quốc đã thăng quan tiến chức và làm giàu trong thời kỳ chiến tranh ở Ấn-Độ. Từ trước đến giờ ngài có một kẻ hầu là con Lãnh-Nhi. Nhưng ngày nay ngài muốn dùng người để thay thế. Ngài có thừa đủ phương tiện để làm việc xa xỉ đó: những giống vật đã làm nô lệ cho loài người lâu lắm rồi, bây giờ là lúc đổi lại. Trong khi đợi người đầy tớ mới, Đại-tướng Hảo-Tâm đi lại chững chạc trong sân, miệng ngậm điếu xi-gà lớn. Ngài lại tinh quái nhắm thở khói vào mặt khán giả.
Đợi lâu, Đại-tướng nóng ruột, ngài bắt đầu trợn mắt lên như sắp nổi trận lôi đình, rồi ngài cắn môi, rồi ngài đập chân xuống đất".
Đến tiếng đập thứ ba, tôi phải ra trò do Lãnh-Nhi dắt.
Nếu tôi quên thì đã có Lãnh-Nhi nhớ. Tôi đang bàng hoàng, Lãnh-Nhi bỗng giơ chân ra dắt tôi vào cạnh Đại-tướng.
Vừa nhìn thấy tôi, Đại-tướng giơ hai tay lên trời thất vọng. Tìm cho ngài người đầy tớ thế này ư? Rồi, ngài ngửa đầu nhìn kỹ mặt tôi, ngắm chung quanh tôi và so vai lên tỏ ý không bằng lòng. Điệu bộ

ngài trông rất ngộ, toàn thể đều cười ầm. Công chúng hiểu rằng Đại-tướng nhận thấy tôi là một kẻ đại ngu ngốc. Mà chính ngay khán giả cũng cho tôi là thằng ngu ngốc.
Vở kịch đã chú ý xây dựng để phô diễn được hết cái ngu ngốc của một người xuẩn. Mỗi một xen, tôi lại phải tỏ một vài cử chỉ khờ dại, trái lại con Hảo-Tâm lại có dịp để biểu lộ trí thông minh và tài lanh lợi của nó.
Sau khi đã ngắm nghía tôi từ chân đến đầu, Đại-tướng tỏ ý thương tình và cho tôi ăn.
Vỹ-Tiên nói:
- Đại-tướng nghĩ rằng khi thằng bé này được ăn no thì nó không ngốc nữa. Chúng ta hãy xem sao.
Tôi vào ngồi cạnh một cái bàn con, trên có đặt đủ bộ đồ dùng để ăn cơm. Trước mặt tôi có một cái khăn đặt trong cái đĩa.
Cái khăn này dùng để làm gì? Lãnh-Nhi ra hiệu cho tôi bảo dùng đi. Nhưng dùng thế nào bây giờ?
Tôi nghĩ ngợi mãi, rồi cầm khăn lên xì mũi vào.
Thấy vậy, Đại-tướng cười ngặt nghẹo. Lãnh-Nhi thất vọng ngã lăn ra bốn chân chỏng lên trời.
Nhận thấy mình lầm, tôi ngắm nghía cái khăn lần nữa, nghĩ mãi, nghĩ mãi mới ra. Tôi liền cầm khăn cuộn lại thành cái cà vạt quàng vào cổ.
Lãnh-Nhi lại lăn đùng ra. Đại-tướng lại ôm bụng cười.
Rồi tôi cứ dùng nhầm mãi, Đại-tướng bực mình lôi tôi ra khỏi ghế. Ngài ngồi vào chỗ tôi, dùng xuất ăn đã dành cho tôi.
A! Đại-tướng dùng khăn ăn rất thạo! Một cách rất duyên dáng, ngài đặt một đầu khăn vào khuy áo, còn đầu kia trải trên đầu gối. Rồi ngài bẻ bánh và uống rượu một cách rất tự nhiên.
Ăn xong, ngài lại không quên dùng tăm xỉa bộ răng trắng ởn.
Tiếng vỗ tay nổi dậy một góc đường. Và cuộc diễn kết thúc một cách rất hoàn hảo.
Con khỉ đã thông minh biết bao! Người đầy tớ thực đã khờ dại biết bao!
Khi trở về nhà trọ, thầy tôi không dứt lời khen ngợi tôi. Tôi rất sung sướng đã làm thầy tôi vui lòng.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương VII
HỌC VỠ LÒNG

Đó là những nghệ sĩ đại tài của đoàn Vỹ-Tiên – tôi muốn nói những con chó và khỉ – nhưng những tài đó không được thay đổi và biến hóa.
Khi chúng tôi diễn xong ba hay bốn trò thì người ta biết hết chương trình. Mà chúng chỉ có thể diễn đi lại những trò đó thôi.
Vì thế, không thể đóng lâu ở một tỉnh nào. Ở Ích-Sơn được ba ngày, chúng tôi lại phải tìm đi nơi khác.
- Thưa thầy, bây giờ đi đâu?
Tôi đánh bạo hỏi thầy tôi như thế. Thầy tôi nhìn tôi và trả lời:
- Con biết vùng này à?
- Không.
- Thế sao con lại hỏi bây giờ đi đâu?
- Để biết.
- Biết cái gì?
Tôi bí quá, nhìn vào con đường trắng xóa trước mặt tôi dài dằng dặc vào tận một thung lũng sâu và rậm rạp, không tìm được câu trả lời.
Thầy tôi nói tiếp:
- Nếu ta bảo con là chúng ta đến Ô-Lạc, để đi Boóc-Đô, rồi từ Boóc-Đô lại đi Py-rê-nê, thì con có hiểu gì không?
- Thế thầy, thầy biết rõ miền này à?
- Ta không đi qua bao giờ.
- Thế sao thầy cũng biết những nơi chúng ta phải đi?
Thầy tôi nhìn tôi một lúc lâu như muốn tìm hiểu gì trong tôi. Đoạn thầy tôi hỏi tôi:
- Con không biết đọc phải không?
- Không.
- Con có biết thế nào là quyển sách không?
- Có. Người ta thường mang sách đến Nhà Thờ để đọc kinh, khi người ta không niệm bằng tràng hạt nữa; con đã được nhìn thấy nhiều sách, những trang sách đẹp, trong có ảnh, ngoài bọc da.
- Tốt. Vậy con có hiểu người ta đã đặt vào trong sách những câu kinh không?
- Có.
- Người ta có thể đặt những điều khác nữa ở trong sách. Khi con niệm tràng hạt thì con đọc lại những tiếng mà mẹ con đã đặt vào tai con. Những tiếng đó từ tai con xếp vào óc con để rồi khi con niệm thì những tiếng đó xuống đầu lưỡi con và ra trên môi con. Còn như những người đọc kinh bằng sách thì họ không rút những tiếng ở trong óc họ ra. Họ dùng mắt để lấy những tiếng đó trong sách ra vì

những tiếng đó đã đặt sẵn trong sách. Thế nghĩa là học đọc đấy.
Tôi mừng quá, như một người không ngu ngốc nữa, đã hiểu thấy những điều người ta nói cho mình hay, liền nói:
- Con đã trông thấy người ta đọc sách.
Thầy tôi nói tiếp:
- Người ta đã làm ra sách chép kinh, thì người ta cũng có thể làm sách chép những điều khác được. Ta cũng có một quyển sách, khi nào rỗi sẽ đưa con coi. Ta sẽ tìm thấy trong sách đó những chuyện của những tỉnh mà ta đi qua. Những người đã ở hay đã đi qua những tỉnh đó đã "để" vào trong cuốn sách của ta những điều họ đã trông thấy hay đã nghe thấy. Ta chỉ việc mở cuốn sách của ta ra đọc là biết được những tỉnh đó. Ta biết chuyện các nơi đó chẳng khác chi có người kể bên tai cho ta nghe vậy.
Tôi vốn sống ở nơi quê mùa, xa thanh giáo, nên không có ý niệm gì về đời sống văn minh. Những lời nói đó của thầy tôi đã chiếu rọi vào óc tôi trước còn lộn xộn, sau sáng sủa dần. Thực ra mẹ tôi cũng đã cho tôi đi học, nhưng chỉ học được một tháng thôi. Trong tháng đó người ta không hề đặt quyển sách vào tay tôi, cũng không hề dạy tôi tập đọc hay tập viết. Tóm lại người ta không hề cho tôi một bài học nào bất cứ dưới một hình thức nào.
Quý độc giả cũng không nên đem những công việc hiện hữu ở các trường học ngày nay mà cho lời tôi nói là vô lý. Vì thuở tôi nói đây, có một số rất nhiều làng ở nước Pháp không có trường học. Ở những làng có trường học thì các ông thầy vì một lẽ này hay lẽ khác, nghĩa là các ông không biết gì hay có biết nhưng còn công việc khác phải làm, các ông chẳng dạy gì cả. Các ông chỉ có việc giữ trẻ con khỏi chạy rông, tưởng rằng thế là đủ nhiệm vụ rồi.
Đó là trường hợp ông thầy ở làng tôi. Không biết ông có đôi chút học thức không? Có thể có, tôi không dám buộc ông vào tội dốt. Nhưng sự thật là trong suốt thời gian tôi đến nhà ông, ông không hề cho bạn tôi cũng như cho tôi một bài học ngắn nào. Ông vốn chuyên nghề đẽo guốc, nên ông chỉ làm việc cho guốc. Từ sáng đến tối, người ta thấy ông lúi húi làm bắn chung quanh ông những vỏ bào, gỗ dẻ hay gỗ đào. Chẳng bao giờ ông nói với chúng tôi một lời, trừ ra khi ông hỏi thăm cha mẹ chúng tôi, hay nói về trời rét, trời mưa. Đến việc tập đọc, làm tính, tuyệt nhiên ông không nói một tiếng nào.
Về việc này, ông giao cho cô con gái thay ông để dạy chúng tôi. Nhưng cô này chuyên nghề may thuê, cũng chăm làm như cha. Trong khi ông bào, ông đẽo thì cô đẩy kim, kéo kim.
Phải làm để sống. Vì chúng tôi cả thảy là 12 học sinh, mỗi tháng mỗi

người phải trả 50 xu. Như vậy 6 phật-lăng không đủ nuôi sống hai nhân mạng trong 30 ngày. Những cái guốc và đồ khâu phải bổ túc cho số thu nhập của nhà trường. Vì thế, có đến trường, có đi học, mà tôi không được chữ nào.
Tôi vừa đi vừa nghĩ. Một lúc lâu, tôi hỏi Vỹ-Tiên:
- Học đọc có khó lắm không?
- Khó cho những kẻ tối dạ. Khó hơn nữa cho những kẻ không có chí. Con có tối dạ không?
- Con không biết. Nhưng nếu thầy dạy con tập đọc, con chắc rằng con không đến nỗi không có chí.
- Tốt lắm. Chúng ta sẽ học, khi nào sẵn thì giờ.
Khi nào có thì giờ! Sao không bắt đầu ngay từ bây giờ? Tôi không hiểu rằng học đọc cũng khó, có dễ đâu. Tôi tưởng tượng lập tức tôi mở quyển sách là tôi đọc được ngay.
Hôm sau trong khi đi đường, tôi thấy thầy tôi cúi xuống đất nhặt một mảnh gỗ mỏng, cát bụi bám gần khắp. Thầy tôi bảo tôi:
- Sách tập đọc của con đây.
Quyển sách sao lại là một mảnh gỗ? Tôi nhìn thầy tôi xem có ý chế riễu tôi chăng. Tôi thấy vẻ mặt của thầy tôi nghiêm trang nên tôi lại nhìn kỹ mảnh gỗ của thầy tôi vừa nhặt được.
Đó là một mảnh gỗ, một mảnh gỗ giẻ thôi, dài bằng hai cánh tay, rộng bằng hai bàn tay, hai mặt nhẵn nhụi. Ở trên không thấy một chữ hay một nét vẽ nào cả.
Đọc thế nào trên mảnh gỗ đó? Mà đọc cái gì?
Thầy tôi cười và hỏi tôi:
- Con nghĩ gì thế?
- Thầy định riễu con?
- Con ơi! Không. Sự chế riễu đôi khi cũng tốt là để cải hóa một thói xấu. Nhưng nếu dùng để đùa cợt một người dốt thì lại là vô ý thức. Con hãy đợi khi đến chòm cây ở đằng kia, chúng ta sẽ nghỉ và con sẽ được xem ta dạy con học bằng mẩu gỗ đó.
Chúng tôi rảo bước đến chòm cây. Túi bỏ ra, chúng tôi ngồi trên đám cỏ xanh non, thỉnh thoảng điểm vài bông cúc trắng. Hảo-Tâm được tháo xích, trèo tót lên cây, rung hết cành nọ đến cành kia như để làm rụng hạt giẻ. Còn những con chó yên lặng hơn, nhất là mệt nhọc hơn, nằm cuộn tròn chung quanh chúng tôi.
Bấy giờ Vỹ-Tiên móc dao trong túi ra, cầm miếng gỗ cố tách thành từng miếng rất mỏng. Khi chẻ xong, thầy tôi lấy lưỡi dao gọt nhẵn cả hai mặt. Xong thầy tôi cắt thành từng miếng vuông nhỏ đều nhau, tôi đếm được 12 miếng.

Tôi chăm chú nhìn thầy tôi làm. Mặc dầu tôi nghĩ nát óc, tôi cũng không thể hiểu với nghĩ mẩu gỗ đó, thầy tôi làm sách bằng cách nào. Tôi tuy dốt nát thực, nhưng tôi cũng biết, một quyển sách phải có những tờ giấy trắng, bên trên có ghi những dấu đen đen. Bảo là sách thì những tờ giấy đâu? Những dấu đen đen đâu?
Thầy tôi nói:
- Đến mai ta sẽ lấy mũi dao khắc trên mỗi miếng gỗ đó một chữ tự mẫu. Con sẽ học và nhận mặt từng chữ. Khi con đã thuộc tất cả các chữ không nhầm, con sẽ ghép được những tiếng ta đọc cho con nghe, thế là con có thể tự mình nhìn trong sách mà đọc được.
Từ hôm đó, trong túi tôi lúc nào cũng chứa đầy những miếng gỗ đẹp. Rồi không bao lâu tôi đã thuộc tất cả tự mẫu. Nhưng biết đọc lại là chuyện khác. Không phải ngày một ngày hai mà đọc được. Đã có lúc tôi nghĩ mình rất dại tự nhiên lại xin học chữ.
Cho được công bình với mình, tôi phải nói ra rằng không phải vì tôi lười mà tôi nghĩ thế, chính là vì lòng tự ái của tôi bị xúc phạm.
Thực vậy, khi dạy học cho tôi, Vỹ-Tiên nghĩ rằng cùng một lúc có thể dạy Lãnh-Nhi được vì con chó có thể xem giờ đồng hồ được thì tại sao lại không nhận được mặt chữ.
Thế là chúng tôi cùng học chung một bài. Tôi là bạn học của Lãnh-Nhi, hay Lãnh-Nhi là bạn học của tôi, cái đó tùy ý độc giả gọi sao cũng được.
Lẽ dĩ nhiên, Lãnh-Nhi không đọc lên được những chữ nó trông thấy vì nó không biết nói, nhưng khi những miếng gỗ bày ra trên cỏ, nó biết lấy chân kéo ra những chữ mà thầy tôi đọc lên.
Buổi đầu, tôi học tấn tới hơn Lãnh-Nhi nhiều. Nhưng nếu tôi thông minh hơn nó thì nó cũng có trí nhớ hơn tôi. Cái gì nó đã thuộc rồi thì nó nhớ mãi mãi, không bao giờ quên. Vả nó không đãng trí, nên không bao giờ nó ngập ngừng hoặc sai nhầm cả.
Một hôm tôi đọc sai, thầy tôi nói luôn:
- Lãnh-Nhi sẽ biết đọc trước Minh.
Con chó nghe thấy, có lẽ nó hiểu nên nó đắc chí vẫy vẫy cái đuôi.
Vỹ-Tiên lại nói:
- Ngu hơn loài vật, trong khi diễn trò thì hay, chứ lúc học mà thế thì xấu hổ lắm.
Tôi bực quá, hết sức chăm chú, không dám sao lãng một chút nào. Ít lâu tôi đọc được, khi đó con Lãnh-Nhi đáng thương hại chỉ biết "viết" tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bản tự mẫu.
Vỹ-Tiên hỏi tôi:
- Bây giờ con đọc chữ thông rồi, con có muốn đọc "nốt nhạc" không?

- Có phải khi con biết đọc nốt nhạc, con sẽ hát được như thầy không?
Một đôi khi Vỹ-Tiên có hát. Nghe ông hát, lòng tôi rất thích thú nhưng ông không biết.
- Vậy con muốn hát như ta?
- Ô! Hát như thầy! Hát làm sao được. Con chỉ muốn hát thôi.
- Con thích nghe ta hát?
- Thích nhất đời! Con họa mi hót đã hay, mà tiếng thầy còn hay hơn, mà giọng thầy lại thay đổi luôn. Khi thầy hát lên, thầy có thể sai khiến được lòng con, khi con muốn khóc, khi con muốn cười. Và câu này con nói ra thì có lẽ thầy cho là xuẩn: khi thầy hát giọng êm ái và buồn rầu, nghe những tiếng hát đó tự nhiên con nhớ đến mẹ con, trông thấy mẹ con ở nhà. Tuy nhiên, con vẫn không hiểu những lời trong bài hát đó vì bằng tiếng Ý-đại-lợi.
Tôi vừa nói vừa nhìn thầy tôi. Tôi thấy thầy tôi dơi dân dấn nước mắt. Lúc đó tôi không nói nữa và hỏi thầy tôi rằng:
- Con nói thế làm cho thày buồn?
Bằng giọng cảm động, thầy tôi đáp:
- Không, con ạ. Con không làm ta buồn đâu, trái lại, con làm ta nhớ lại thuở thanh niên, những ngày tươi đẹp của ta thôi. Con cứ yên tâm. Ta sẽ dạy cho con biết hát. Vì con là một đứa trẻ có tâm hồn, con cũng sẽ làm cho người ta khóc được và con sẽ được hoan hô. Con sẽ hiểu…
Nói đến đây, thầy tôi bỗng ngắt lại. Tôi cho rằng về vấn đề này thầy tôi không muốn đi xa hơn nữa. Còn cái lý do nó làm cho thầy tôi ngừng lời thì tôi không sao đoán được. Mãi mãi về sau này tôi mới được rõ nguyên nhân trong những trường hợp đau khổ cho tôi. Sau này, tôi sẽ xin kể lại đến việc đó.
Sáng hôm sau, thầy tôi bắt đầu gọt những miếng gỗ vuông và dùng mũi dao khắc những dấu vào các miếng gỗ ấy, chẳng khác chi lần trước, để làm sách dạy âm nhạc cho tôi.
Tuy nhiên, công việc lần này của thày tôi có phần khó khăn hơn vì những dấu làm nhạc phổ rất tỉ mỉ, đòi hỏi nhiều công trình hơn là bản tự mẫu.
Mỗi miếng gỗ gọt nhẵn hai mặt, mặt nào cũng kẻ năm vạch ngang: một mặt ghi dấu sol, một mặt ghi dấu fa. Khi đã làm xong đâu đấy, bài học bắt đầu. Tôi xin thú thực rằng những bài đó cũng khó vào óc không kém những bài tập đọc. Hơn một lần, ông Vỹ-Tiên là người rất kiên nhẫn với các con chó, đã phải gắt với tôi.
Thày tôi kêu to:

- Với một con vật, người ta có thể chịu đựng được vì người ta biết nó là loài vật, còn con, con làm ta đến chết mất thôi!
Thầy tôi vừa nói vừa giơ hai tay lên trời như "làm tuồng", rồi vỗ đét xuống đùi. Hảo-Tâm hay có tính bắt chước những cái lạ, liền "rập" đúng cái cử chỉ đó. Nó thường ngồi cạnh nhìn tôi tập hát. Khi tôi ấp úng, nó liền chạy ra, giơ thẳng hai tay lên trời, rồi vỗ đét vào đùi, tôi bực mình quá không làm sao được.
Đã thế, thầy tôi lại nói thêm:
- Hảo-Tâm nó cũng riễu con đấy!
Nếu tôi dám thì tôi đã cãi rằng nó riễu cả thầy lẫn trò đấy. Nhưng phần vì kính trọng, phần vì nể sợ thầy tôi, nên tôi không dám ứng đối thế.
Không bao lâu, những bước đầu đã vượt qua với bao khó nhọc, tôi đã cầm giấy đọc được những nốt nhạc mà thầy tôi ghi cho tôi.
Hôm đó, thày tôi không vỗ đùi nữa mà lấy tay sẽ đập đập vào hai bên má tôi tỏ dấu thân yêu và tuyên bố rằng nếu tôi tiếp tục học như thế tôi sẽ trở thành một đại danh ca.
Quý độc giả đã biết, sự học của tôi không phải thực hành trong một ngày mà hàng tuần, hàng tháng với những mảnh gỗ lúc nào cũng chèn đầy trong túi.
Hơn nữa, việc học của tôi lại không được đều đặn như việc học của học trò đến trường vào những giờ nhất định. Tôi đây, chỉ có lúc nào thày tôi rảnh việc thì tôi mới học được.
Mỗi ngày, chúng tôi phải đi cho hết đoạn đường hoặc dài, hoặc ngắn tùy theo những làng ở cách nhau xa hay gần. Chúng tôi phải diễn trò mỗi khi gặp chỗ đông đúc có thể thu được tiền. Chúng tôi phải luyện lại những vai trò cho các con chó và con Hảo-Tâm. Chúng tôi phải làm cơm bữa sáng, bữa chiều. Ngoài những việc đó, mới là thì giờ để học chữ hay học nhạc. Nơi dừng chân để học phần nhiều là trong quán chợ, dưới gốc cây hay bên đống đá, mà bãi cỏ hay vệ đường thường dùng bàn làm để bày những bảng gỗ.
Cách giáo dục này khác hẳn cách giáo dục phần đông những trẻ bằng tuổi tôi được đến trường. Chúng không phải làm lụng gì. Chỉ có việc học. Thế mà nhiều khi chúng còn phàn nàn không đủ thì giờ để làm bài. Nhưng có một điều – còn quan trọng gấp mấy thì giờ cần thiết để học tập, đó là sự chuyên cần. Không phải cái thời gian ta dùng để học một bài, nó ghi được bài đó vào ký ức của ta đâu, chính là cái ý chí hiếu học vậy.
Phúc cho tôi, tôi đã đem được hết tâm trí vào sự học, không thú chơi đùa cám dỗ. Nếu tôi chỉ có thể làm việc được trong phòng với hai tay

bịt tai, hai mắt dán vào quyển sách như vài đứa trẻ khó tính khác, thì tôi sẽ trở nên như thế nào? – Chẳng làm trò gì được, vì chúng tôi không có buồng để ở, và trong khi đi đường, tôi phải nhìn luôn xuống chân cho khỏi vấp ngã.
Thế mà, tôi cũng đã học được đôi điều, đồng thời cũng tập quen đi đường trường, một môn học không kém bổ ích bằng những bài của thầy tôi. Tôi là đứa trẻ yếu ớt khi còn ở với mẹ tôi. Bà Liên đã kêu tôi là "đứa trẻ tỉnh thành". Vỹ-Tiên đã chê tôi "chân tay mảnh dẻ quá", như vậy đủ hiểu thể cách của tôi hồi đó thế nào.
Ở gần thầy tôi, tôi được sống những nơi thoáng đãng, tôi lại đi nhiều, chân tay trở nên cứng cáp, lồng ngực nở nang ra, da dầy dạn như sắt, thế tôi có thể chịu được rét cũng như bức, mưa cũng như nắng, chịu được đau buồn, thiếu thốn, mệt nhọc, coi như không.
Cái trường huấn luyện này thực là một đại phúc cho tôi, vì nó đã đào tạo để sau này đủ sức phấn đấu với những tai biến hiểm nghèo, ghê gớm dồn dập sả vào đầu tôi trong những ngày niên thiếu bơ vơ.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương VIII
NÚI QUẠNH ĐỒNG HOANG

Chúng tôi đã đi qua một phần miền Nam nước Pháp: O-Véc, Vơ-Lay, Vi-ve-re, Kéc-xi, Ru-éc, Xê-ven, Lăng-Đốc. Hành trình của chúng tôi rất giản dị: chúng tôi cứ tiến thẳng phía trước mặt, đi cầu may. Khi nhìn xa thấy làng nào không đến nỗi xơ xác lắm, chúng tôi chỉnh bị một cuộc lâm trường rất rầm rộ. Tôi trang sức cho chó, đội mũ cho Thùy-Nhi, vận áo cho Hiệp-Nhi, dán lông mày giả cho Lãnh-Nhi để đóng vai ông già càu nhàu. Cuối cùng tôi ép Hảo-Tâm phải mặc áo Đại-tướng. Việc này rất khó nhọc vì con khỉ biết rằng vận áo nghĩa là sắp phải làm việc nên nó chống lại, nhảy nhót và giở nhiều trò kỳ quặc để trốn mặc áo. Tôi phải gọi đến Lãnh-Nhi giúp sức nó mới chịu "lai hàng".
Sửa soạn xong, Vỹ-Tiên thổi còi đi trước, chúng tôi thứ tự theo sau. Vào làng, nếu số người xem đông thì chúng tôi diễn, trái lại nếu người ít quá xem chừng không thu được mấy, chúng tôi lại tiếp tục đi. Chỉ đến những thị xã lớn là chúng tôi ở nhiều ngày. Những hôm đó, buổi sáng rỗi, tôi được phép đi chơi rong phố với Lãnh-Nhi – dĩ

nhiên nó không khoác áo tuồng.
Vỹ-Tiên xưa nay vẫn giữ tôi luôn bên cạnh, bây giờ mới thả cho tôi tự do.
Ông bảo tôi:
- Cái ngẫu nhiên đã đưa con đi khắp nước Pháp trong khi những trẻ bằng tuổi con đang cắp sách đi học; vậy con phải mở rộng mắt ra, nhìn lấy và học lấy. Có điều gì con không hiểu, có điều gì làm con bối rối, con cứ hỏi ta, đừng sợ. Có lẽ ta không thể trả lời được tất cả những câu hỏi của con vì ta không dám tự phụ là biết hết, nhưng có lẽ nhiều câu ta cũng có thể giải thích làm thỏa được ý con. Vốn dĩ, ta có chuyên là ông bầu của đám vật làm trò rong đâu, vì ta đã học những điều khác, không phải những điều để "giới thiệu Lãnh-Nhi hay Hảo-Tâm trước quý khán giả" như bây giờ đâu!
- Thày đã học nghề gì?
- Một ngày kia ta sẽ cho con biết. Bây giờ con hãy biết rằng một người làm nghề "trình diễn chó" cũng có thể có địa vị trong xã hội. Và con cũng hiểu rằng nếu bây giờ con đang ở bậc thang dưới cùng trong xã hội, con rất có thể – nếu con quyết chí – có thể dần dần tới một bậc cao hơn. Điều đó tùy theo cảnh ngộ một ít, còn tùy ở con rất nhiều. Con ơi! Con hãy nghe những bài học của ta, những lời khuyên của ta. Sau này khôn lớn, con sẽ nhớ đến – ta mong thế – nhớ đến người nghệ sĩ giang hồ già nua đã dứt con ở trong tay người mẹ nuôi con, chắc con phải ngậm ngùi và biết ơn, vì ta yên trí rằng cái duyên gặp gỡ giữa ta và con sẽ đem lại hạnh phúc cho con.
Tôi không hiểu thầy tôi trước kia đã ở vào bậc nào trong bức thang xã hội mà mỗi khi hơi nói chạm thì thày tôi lại thôi. Điều đó nhiều lần gợi trí tò mò và làm cho óc tôi phải suy nghĩ. Nếu Vỹ-Tiên đã ở trên một bậc cao trong bức thang xã hội như có lần ông đã nói thì tại sao bây giờ ông phải tụt xuống bậc thấp? Ông lại cho rằng tôi có thể lên cao nếu tôi muốn, tôi chẳng là cái gì, không biết gì, không gia đình và không một ai giúp đỡ. Thế sao chính ông lại bị xuống thấp?
Sau khi đã vượt qua núi O-Véc, chúng tôi đến miền hoang dã Kéc-xi. Ở đây mặt đồng mấp mô như sóng gợn, không trồng trọt gì, chỉ có những đám rừng thưa thớt, còm cõi. Đó là một miền bần bạc nhất và quạnh hiu nhất. Trong vùng, tuyệt nhiên không có một vũng nước nào. Không có suối, không có sông, không có ao. Đây đó, người ta nhìn thấy những dòng cạn khô, đáy lởm chởm đá. Nước đã chảy hết vào vực thẳm và ngấm xuống đất để rỉ ra những chỗ xa và chảy vào suối hoặc những sông con.
Ở giữa cánh đồng cháy nắng, đó là làng Bastide Murat (Bát-ti-đơ

Muy-ra). Chúng tôi vào tìm chỗ trọ và ngủ đêm trong vựa cỏ của một hàng cơm.
Chiều hôm đó, trước khi đi ngủ, Vỹ-Tiên nói chuyện với tôi:
- Chính ở đây, trong vùng này, và có lẽ ngay trong quán trọ này đã sinh ra một người, người đó làm chết bao nhiêu quân lính, xuất thân chỉ là một trẻ chăn ngựa, rồi trở nên Hoàng tử, rồi lên đến ngôi Vua, người đó tên là Murat. Người ta coi là một vị anh hùng và lấy tên đặt cho làng này. Ta có quen ông ấy và đã nhiều lần nói chuyện với ông ấy.
Tôi buột miệng hỏi:
- Khi ông ấy còn chăn ngựa?
- Không, khi ông ấy đã làm Vua rồi. Tuy ta mới đến làng Bastide này là lần thứ nhất, nhưng ta đã gặp ông ta tại thành Naples ở giữa triều đình.
- A! Thầy quen vua!
Tôi thích chí kêu to quá làm thầy tôi phải bật cười và cười mãi.
Chúng tôi ngồi trên cái ghế dài trước chuồng ngựa, lưng tựa vào tường còn nóng, vì phơi nắng cả ngày. Trên đầu chúng tôi lá sung rườm rà, những con ve sầu ri rỉ điếc tai. Trước mặt chúng tôi trăng tròn hiện lên quá nóc nhà và đang dần dần lên cao. Ban ngày nóng nực bao nhiêu thì đêm đó êm ả mát dịu bấy nhiêu.
Vỹ-Tiên hỏi tôi:
- Con có buồn ngủ không? Nếu không, ta kể chuyện vua Murat cho con nghe.
- Ô! Xin thầy kể cho con nghe.
Rồi thầy tôi kể từ đầu chí cuối chuyện đó cho tôi nghe. Chúng tôi ngồi trên ghế hàng mấy giờ đồng hồ, thầy tôi thì nói, tôi thì mắt để vào mặt thầy tôi, lấp loáng trong ánh trăng xanh. Phải, chuyện đó có thể có được, không những có thể có mà còn thực nữa. Từ trước tới giờ, tôi không có một ý niệm gì về sử cả. Ai kể cho mà nghe? Mẹ tôi chắc chắn là không kể, vì bà cũng chẳng biết sử là gì. Bà sinh trưởng ở làng Tả-văn-Ông, rồi bà cũng sẽ từ trần ở đó. Óc bà không hề đi xa hơn con mắt của bà. Và đối với con mắt của bà thì vũ trụ chỉ là vòm trời từ trên đỉnh núi Ô-đui đến tận chân trời bao quanh mà thôi.
Thầy tôi thực đã trông thấy bao nhiêu là điều lạ, điều hay.
Vậy thì trong thời niên thiếu, thầy tôi đã làm gì? Và tại sao đến lúc tuổi già, thày tôi lại ở trong hiện trạng này?
Đó là một câu hỏi nó làm cho óc non của tôi phải suy nghĩ.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương IX
NGƯỜI KHỔNG LỒ VỚI ĐÔI GIẦY BẢY DẶM

Đi hết miền hoang dã, chúng tôi tới một thung lũng mát mẻ xanh tươi, đó là thung lũng sông Dordogne. Chúng tôi ghé tại đây nhiều ngày vì đất phì nhiêu và dân phong phú. Chúng tôi diễn trò liên tiếp và với cái bát con, Lãnh-Nhi cũng hái được lắm tiền.
Một cái cầu lửng lơ trên không như treo bởi những sợi dây của Thánh-Mẫu, nằm ngang trên con sông, nước chảy lững lờ; đó là cầu Quy-giác và sông Dordogne.
Một thành phố hoang tàn với những hầm, những hồ, những tháp và ở giữa những bức tường đổ nát của một nhà tu, cây cối mọc um tùm, tiếng ve kêu ra rả. Đó là thành phố thánh Emillion.
Ngày nay, tất cả những cảnh tượng đó lu mờ trong óc tôi, duy có cảnh trí sau này hiện còn rõ rệt trong trí nhớ.
Chúng tôi lưu lại một đêm trong một làng nhỏ. Sáng hôm sau chúng tôi lên đường lúc mặt trời chưa mọc.
Sau khi đi mãi trên con đường đầy bụi, hai bên trồng nho, chúng tôi đến một khoảng mênh mông, phong cảnh hiện ra trước mắt như một bức tranh.
Một con sông lượn quanh trái đồi mà chúng tôi vừa đến. Bên kia bờ sông, nổi lên san sát những mái nhà; những tháp chuông của một thành phố rộng lan mãi tận chân trời. Biết cơ man nào là nhà! Cơ man nào là ống khói! Một vài ống khói ngất nghểu như những cái cột đại-dài vượt hẳn lên, nhả ra những cuộn khói đen, tỏa theo chiều gió rồi tan ra thành một đám sương phủ mờ trên thành phố. Dưới sông, thuyền đậu chen chúc bên nhau. Những cột buồm, dây buồm, cánh buồm đâm chi chít như đám cây rừng, trong đó những sắc cờ phân phất bay ngang. Người ta nghe thấy những tiếng tù và, tiếng sắt, tiếng nồi súp-de, tiếng búa, thêm vào đó, có cả tiếng xe cộ chạy ầm ầm trên bến nữa.
Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Thành phố Boóc-Đô đây!
Đối với đứa trẻ sinh hoạt như tôi, từ bé đến giờ chỉ được trông thấy những làng khỉ ở vùng Cờ-rơ (Cereux), hơn chút nữa là những tỉnh nhỏ tình cờ tôi được trông thấy khi dưới đường, thì thành phố này là một cảnh tiên.
Không nghĩ ngợi gì, tôi đứng ngay lại, yên lặng nhìn đằng trước tôi,

chỗ gần, chỗ xa và khắp cả chung quanh tôi. Xong, mắt tôi chú vào điểm: khúc sông có tàu thuyền đậu. Thực vậy, chỗ đó có một hoạt động tưng bừng mà tôi chưa nhìn thấy bao giờ.
Có những chiếc tàu, thẳng cánh buồm, nghiêng mình chạy xuôi; những chiếc khác, chạy ngược dòng, chậm hơn. Cũng có chiếc đứng yên như những hòn đảo. Cũng có chiếc quay tròn như cánh chong chóng. Sau cùng, cũng có những chiếc không cột, không buồm nhưng có một cái ống nhả từng cuộn khói đen lên trời, chạy ngang, chạy dọc rất nhanh, rẽ làn nước vàng và để lại ở đằng sau những luồng bọt trắng xóa.
Thấy tôi ngơ ngác, Vỹ-Tiên giảng nghĩa cho tôi:
- Đến giờ nước triều lên. Những tàu này mới ở biển vào; chúng đã đi xa và đi lâu nên nước sơn đã bạc, và vỏ ngoài đã gỉ. Những chiếc kia vừa rời bến. Còn những chiếc đang quay ở giữa sông là chúng xoay quanh neo để hướng mũi tàu vào sóng triều lên. Còn những chiếc đang chạy hiên ngang trong đám khói đen kia là những chiếc tàu dắt.
Tôi được nghe bao nhiêu tiếng lạ và trông thấy bao nhiêu điều mới!
Từ trước đến giờ, không bao giờ chúng tôi nghỉ lâu ở những tỉnh đã đi vì chúng tôi ít trò quá, phải đi mỗi ngày một nơi để diễn thì mới có khách xem. Với những kịch sĩ của đoàn Vỹ-Tiên, chương trình khó lòng mà biến hóa cho nhiều. Vì thế khi chúng tôi đã diễn xong "Người đầy tớ của Ngài Hảo-Tâm", "Cái chết của Đại-tướng", "Công bình vẫn thắng", "Liều thuốc tẩy", và ba bốn bản nữa là hết. Khán giả đã xem đủ và cho là đủ rồi. Phải đem "Người đầy tớ của Ngài Hảo-Tâm" hay "Liều thuốc tẩy" đến một nơi khác mà công chúng chưa được xem.
Nhưng đến đây, thành Boóc-Đô là một đô thị lớn, ở đó, khán giả thay đổi luôn luôn. Chúng tôi chỉ luân chuyển đi các phố là có thể diễn ba xuất mỗi ngày. Công chúng không đến nỗi kêu như ở Ca-ô:
- Cứ mãi một trò!
Ở Boóc-Đô được ít lâu, chúng tôi lại phải đi tỉnh Pô. Từ ngoại châu thành Boóc-Đô đến dẫy núi Py-rê-nê, chúng tôi phải qua một bãi sa mạc người ta thường gọi là Lăng-Đê.
Tôi tuy không phải là con chuột con nói trong chuyện ngụ ngôn, trông thấy cái gì cũng lạ, cũng hay và cũng sợ, nhưng trong đoạn đầu cuộc hành trình trên sa mạc, tôi bị một cái nhầm to khiến thầy tôi cười mãi và chế nhạo mãi đến tỉnh Pô mới thôi.
Rời Boóc-Đô được 7, 8 ngày, sau khi theo bờ sông Ga-ron đến Lăng-gôn thì chúng tôi sẽ sang đường đi Mông-mác-săng. Không còn vườn nho, không còn đồng cỏ, không còn vườn quả nữa. Chỉ thấy toàn rừng thông và bụi rậm. Nhà dân cư mỗi ngày một thưa,

một tồi tàn hơn. Rồi chúng tôi đi qua một giải đồng không mông quạnh, mặt đất mấp mô và bát ngát đến chân trời. Không có chỗ nào cày cấy, không có rừng, xa xa toàn đất xám. Gần chúng tôi, hai bên đường rêu phủ, lác đác có những bụi gai khô và những cây kim-tước cằn cỗi.
Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Chúng ta đang ở bãi Lăng-Đê đây. Còn phải đi trong sa mạc này từ 20 đến 25 dặm nữa. Con phải để hết can đảm vào hai chân con.
Tôi nghĩ không những phải để hết can đảm vào hai chân mà còn phải để vào óc vào tim nữa vì đi trên con đường hình như vô tận này, tôi cảm thấy một sự buồn khó thể khua tan được.
Từ thuở đó đến giờ, tôi đã nhiều lần đi biển. Mỗi khi tôi ở giữa biển mà không trông thấy bóng một cánh buồm nào là lòng tôi lại thấy phảng phất một mối buồn khôn tả như cái buồn mà tôi cảm thấy trong bãi sa mạc này. Khác nào như ở trên biển cả, chúng tôi đưa mắt nhìn khắp bốn phương, cho tới chân trời chìm đắm trong màn sương thu, chẳng thấy gì cả, chỉ thấy màu đất xám mênh mông, hiu quạnh ở trước mặt chúng tôi.
Chúng tôi cứ tiến. Lắm lúc, ngước mắt nhìn chung quanh, tôi tưởng chừng như giậm chân nguyên một chỗ, không tiến được bước nào vì cảnh tượng cứ y nguyên: vẫn bụi gai, vẫn khóm kim-tước, vẫn đám rêu và vẫn những cỏ dương, lá rậm và mềm, nhấp nhô theo làn gió như những lớp sóng rờn.
Từng quãng rất xa mới lại thấy những khu rừng nhỏ. Nhưng những khu rừng này cũng chẳng làm phong cảnh thêm vui mắt như ở các nơi khác. Rừng toàn là những cây thông chặt hết cành. Khắp thân đều mang những vết chém sâu. Ở những vết thương đó chảy ra những giọt nhựa bám vào vỏ cây như những giọt lệ trắng kết tinh. Khi những cơn gió to thổi qua rừng, một âm thanh rên rỉ đưa ra khiến ta tưởng tượng như nghe thấy tiếng thật của những cây khốn nạn kia đang than khóc phận mình.
Vỹ-Tiên bảo tôi đến chiều hôm đó thì tới một làng mà chúng tôi có thể nghỉ chân được.
Nhưng chiều đến, chúng tôi chẳng nhìn thấy dấu hiệu gì tỏ ra là đã gần đến làng đó. Không có đồng ruộng hoa màu, không có trâu bò ăn cỏ, mà ở xa cũng chẳng thấy một đám khói xanh nào chứng tỏ nơi đó có dân cư.
Từ sáng hôm nay, tôi đã thấy mệt rồi. Đến bây giờ thì thân thể đau như giần. Thế mà đi mãi vẫn không thấy cái làng sung sướng đó nổi lên đầu đường bất tận của chúng!

Tôi cố giương mắt nhìn xa. Tôi chỉ trông thấy toàn bãi hoang là bãi hoang. Những bụi cây hỗn loạn chìm dần vào trong bóng tối mỗi lúc một dày thêm.
Tưởng rằng sắp tới nơi nên ai nấy đều rảo bước. Thầy tôi vốn quen đi đường trường, cũng thấy nhọc rồi. Thầy tôi bảo dừng lại và nghỉ một lúc bên vệ đường.
Nhưng đáng lẽ phải ngồi bên cạnh thầy tôi, tôi muốn leo lên trái đồi kim tước gần đó, đứng xem quanh đấy có ánh đèn lửa của một làng mạc nào không.
Tôi gọi Lãnh-Nhi cùng đi với tôi. Nhưng nó, nó cũng nhọc, và giả điếc. Đó là cái mưu lược vẫn quen áp dụng với tôi mỗi khi nó không thích nghe lời tôi.
Vỹ-Tiên hỏi tôi:
- Con sợ à?
Câu nói đó làm tôi không rủ Lãnh-Nhi nữa. Tôi đi khám phá một mình vậy. Nghĩ đến câu nói của thầy tôi, tôi trở nên mạnh bạo. Tuy nhiên, đêm tối, không trăng, chỉ có sao lấp lánh trên trời tỏa ánh sáng yếu ớt xuống vùng không khí vẫn đục ít nhiều hơi nước.
Tôi vừa đi vừa nhìn hai bên. Tôi nhận thấy buổi chạng vạng này làm cho mọi vật có một hình dáng kỳ dị. Phải nhìn mãi mới đoán ra được đây là bụi rậm, là khóm kim tước, và đằng kia là mấy cây nhỏ, thân cong queo, cành vặn vẹo. Ở xa hơn nữa, những bụi cỏ, những khóm cây trông giống những loài vật thuộc một thế giới huyền ảo.
Với bóng lờ mờ của đêm tối, cánh đồng biến dạng hẳn, hình như chứa đầy những quái vật hiện hình.
Tôi nghĩ một người khác vào địa vị tôi có lẽ phải khiếp sợ trước những hình thù kỳ quái đó. Điều đó có thể xảy ra được vì Vỹ-Tiên chẳng đã hỏi tôi rằng “con sợ à?”. Tuy nhiên, tôi tự hỏi tôi thì tôi thấy rằng tôi không hề sợ sệt gì.
Tôi càng lên đồi thì những cây kim-tước càng to dần ra, những bụi rậm cao hơn lên. Những ngọn cây nhiều chỗ vượt khỏi đầu tôi và lắm lúc tôi phải chui dưới cành lá.
Không mấy lúc tôi đã lên được ngọn đồi. Tôi nhìn chung quanh, chả thấy tí ánh lửa nào. Tôi nhìn sâu vào trong bóng tối, chỉ thấy những hình mập mờ, những bóng đen kỳ dị, những cây kim-tước giơ cành ra như những cánh tay vớ lấy tôi, những bụi rậm nhảy nhót chung quanh tôi.
Không nhìn thấy gì tỏ ra là có nhà nào ở gần đó, tôi cố lắng tai nghe xem có tiếng động gì không, tiếng bò kêu, tiếng chó sủa chẳng hạn. Tôi đứng yên một lúc, nín thở để nghe cho rõ hơn, chợt tôi sởn

người, cảnh vắng lặng của cánh đồng làm cho tôi hoảng hốt, tôi sợ. Sợ gì? Tôi cũng không hiểu. Có lẽ sự yên lặng, sự vắng vẻ và sợ đêm tối chăng? Dù sao, tôi cảm thấy hình như có một sự nguy hiểm gì sắp đến nơi.
Ngay lúc đó, tôi lo lắng nhìn chung quanh, tôi thấy một bóng đen to lớn đang cử động trên ngọn những cây kim-tước, đồng thời tôi nghe thấy tiếng sột soạt trong đám lá cây.
Tôi cố trấn tĩnh cho rằng vì tôi quá lo sợ thành ra hoảng hốt, cái bóng đen kia có lẽ chỉ là một cây to mà lúc trước tôi chưa nhìn thấy.
Nhưng tiếng sột soạt kia ở đâu ra? Lúc đó không có một tí gió nào. Những cành cây dù nhẹ đến đâu cũng không thể tự cử động được, phải có gió thổi hoặc có ai lay thì chúng mới chuyển được.
Ai? Nhưng không, không thể là người được, cái thân hình to đen đen đang tiến đến phía tôi. Có lẽ là một con vật mà tôi chưa trông thấy bao giờ, hay một con chim khổng lồ đi ăn đêm, hay một con nhện rừng có bốn chân, những chân mảnh dẻ đó đang lều khều bước trên cái bụi rậm dưới ánh xanh lợt của trời sao. Có điều chắc chắn là con vật đó chân rất dài đang bước vội đến tôi.
Đích là nó đã trông thấy tôi và đang đuổi tôi.
Nghĩ thế, tôi liền quay lại, cắm cổ chạy xuống sườn đồi chỗ Vỹ-Tiên. Nhưng lạ quá! Tôi thấy tôi xuống chậm quá, không bằng lúc leo lên. Tôi vướng chân ngã chúi, ngã dụi vào các bụi cây. Gỡ được ra, tôi nhìn lại đằng sau, con vật đã đến gần, nó sắp theo kịp tôi.
May sao, tôi đã xuống chân đồi, hết bụi rậm, đường lại phẳng nên tôi chạy xăm xăm trên ngọn cỏ.
Tôi chạy đã nhanh, con vật còn bước nhanh hơn tôi. Tôi không cần ngoảnh lại cũng biết con vật đã đến sau lưng tôi.
Tôi không thở được nữa và tối cả mặt mũi lại. Tôi chạy thù tử đến chân thầy tôi và ngã lăn ra. Ba con chó giật mình tỉnh dậy sủa ầm lên.
Tôi chỉ nói được hai tiếng:
- Con vật! Con vật!
Tôi nghe thấy tiếng cười lớn phát ra trong những tiếng chó sủa. Đồng thời, thầy tôi vỗ vai tôi, bắt tôi quay mặt lại và bảo:
- Con vật vẫn là Minh. Con hãy nhìn lại một tí. Có dám nhìn không?
Tiếng cười, nhất là lời nói của ông đã làm tôi vững dạ. Tôi dám mở to mắt và nhìn về phía tay ông trỏ.
Con quái vật nó đuổi tôi bây giờ cũng dừng lại. Nó đứng im trên đường cái.
Tôi trông thấy, xin thú thực, cũng còn hơi run run. Nhưng có thầy tôi

đây, lại có đàn chó nữa nên tôi trấn tĩnh lại, tôi nhìn kỹ hình thù đó.
- Có phải con vật không? Có phải người không?
Giống người vì nó có mình, có đầu và hai cánh tay. Giống con vật vì da nó có lông lá và nó có hai cái cẳng chân còm, rất dài đến 2, 3 mét.
Mặc dầu trời đen tối, tôi cũng nhận rõ những chi tiết đó vì cái bóng đen của con quái vật "hẳn" rõ trên nền trời lờ mờ ánh sao.
Tôi đang nghĩ phân vân không biết đó là vật hay là người thì thầy tôi cất tiếng hỏi bóng đen đó.
- Có làng xóm nào gần đây không? Chỉ giúp chúng tôi!
Đó là người à? Vì thầy tôi đang nói với nó.
Một tiếng cười the thé như tiếng chim đáp lại.
Đó là giống vật à?
Thế mà thầy tôi cứ cố hỏi, tôi thấy cả là một sự vô lý, vì ai chả biết rằng dù giống vật đôi khi có thể hỏi ta nói gì, nhưng nó có nói được bao giờ mà ta hỏi. Tôi bỗng ngạc nhiên biết là nhường nào khi tôi thấy con vật đó trả lời rằng chung quanh đây không có nhà cửa gì, chỉ có trại cừu; nếu muốn đi thì nó đưa đến.
Nó nói được, sao nó lại có cái cẳng dài?
Nếu tôi cả gan, thì tôi đã đến sờ xem hai cái chân nó thế nào. Nhưng dù nó không có vẻ gì là dữ tợn, tôi cũng không có can đảm làm thế.
Tôi đành nhặt túi, xách theo thầy tôi và yên lặng đi không nói gì.
Thày tôi hỏi tôi:
- Con đã nhìn rõ con quái vật nó làm con sợ hết hồn chưa?
- Con nhìn rõ rồi. Nhưng con không hiểu. Thế ra vùng này có những người khổng lồ à?
- Phải. Khi họ đi kheo.
Rồi thày tôi cắt nghĩa cho tôi nghe. Những dân miền Lăng-Đê muốn qua những bãi cát hay bãi lầy thường dùng kheo để đi cho khỏi thụt chân xuống cát, xuống bùn. Những cái kheo là những cái gậy dài, trên đầu có bàn guốc để xỏ và buộc chân vào.
- Vì thế, họ thành những người khổng lồ với những đôi giầy bảy dặm trước con mắt những trẻ em hay sợ hão huyền.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương X
TRƯỚC CỬA CÔNG

Thành phố Pô đã để lại cho tôi một kỷ niệm rất êm đềm. Mùa đông, trời ít gió. Ngày nào chúng tôi cũng diễn trò trong các phố, trong các công trường, trên các đại lộ và thu thập được khá nhiều.
Suốt mùa đông, chúng tôi ngày nào cũng có một số khán giả rất đông, phần nhiều là trẻ con Anh, những em trai da thịt hồng hào, những em gái nhỏ xinh tươi với đôi mắt dịu dàng như đôi mắt Thùy-Nhi. Các em xem mãi và không kêu: "cứ mãi một trò". Các em thường đem sẵn các thứ bánh ngọt trong túi để lúc xem phân phát cho Hảo-Tâm, cho các con chó và cho cả tôi nữa, do đó tôi mới biết mùi những thứ bánh ngon.
Mùa xuân đến. Ngày bắt đầu nóng thì chúng tôi cũng bắt đầu thưa khách dần. Một chiều, sau khi diễn trò, các em bé lần lượt bắt tay Hảo-Tâm và Lãnh-Nhi như để vĩnh biệt chúng tôi.
Hôm sau, chúng tôi thấy trơ trọi trong công trường không một khán giả. Chúng tôi nghĩ phải rời đi nơi khác.
Một buổi sáng, chúng tôi lên đường. Ngoảnh lại thì những ngọn tháp thành Pô đã xa mờ. Chúng tôi tiếp tục cuộc sống lang thang trên đường cái. Chúng tôi cứ thẳng trước mặt mà đi, khi xuống lũng lên đồi, khi qua rừng lội suối, cứ đi như thế không biết bao nhiêu là ngày, bao nhiêu là tuần, bên tay phải chúng tôi vẫn thấy dẫy Py-rê-nê xa trông như đám mây thành.
Rồi một buổi chiều, chúng tôi đến một thành phố lớn, ở trên dòng sông con, trong miền ruộng đất phì nhiêu. Nhà cửa xây toàn bằng gạch đỏ trông không đẹp mấy. Đường xá rải bằng sỏi vừa rắn vừa nhọn làm đau chân những kẻ lữ hành, đã mỏi mệt vì đi mỗi ngày mười dặm.
Thầy tôi bảo chúng tôi đã tới tỉnh Tu-lu và sẽ lưu trú ở đó ít lâu.
Theo lệ thường, công việc thứ nhất của chúng tôi là phải tìm chỗ để hôm sau ra mắt công chúng. Chúng tôi tìm được ngay vì công trường ở Tu-lu không hiếm, nhớ là về phía vườn Bách-Thảo. Ở đó có một hoa viên đẹp và râm mát bốn ngả có đại lộ đổ vào. Chúng tôi chọn một chỗ rất tốt bên lề đại lộ đó. Và buổi diễn đầu tiên đã được nhiều người thưởng thức.
Không may, người cảnh binh coi phố đó không đồng ý cho chúng tôi diễn tại chỗ ấy, hoặc vì ông ta không thích cho, hoặc chúng tôi làm ngăn trở công vụ của ông ta, hoặc vì một lẽ khác nên ông ta cố tình đuổi chúng tôi đi.
Ở hoàn cảnh của chúng tôi, nên nhượng bộ viên cảnh sát là phải, là khôn vì cuộc chiến đấu giữa những kẻ diễn trò rong với cảnh sát viên

là một cuộc chiến đấu không đồng sức, cầm chắc cái thua. Nhưng, không hiểu sao thầy tôi ngày thường nhẫn nại là thế, bỗng nổi phẫn khí lên và không chịu bãi trò.
Tuy là người diễn trò nghèo túng – bây giờ mới phải thế – thầy tôi vẫn hào hãnh. Hơn nữa, thầy tôi lại cho mình là phải, sẽ được bênh vực vì không làm gì hại đến luật pháp hoặc mệnh lệnh cảnh sát cả. Thầy tôi nhất định không nghe khi người cảnh sát đến đuổi đi.
Khi thầy tôi muốn nén tức giận, thầy tôi thường có tính tỏ ra quá lễ phép. Cứ nghe những lời bẩm gởi của thầy tôi, người ta tưởng thầy tôi đang đứng trước mặt một vị cao cấp.
Thầy tôi, mũ cầm tay, nghiêng mình trả lời người cảnh sát:
- Kính thưa vị đại diện của Nha Cảnh Sát, xin ngài sẵn lòng làm ơn cho chúng tôi xem bản sắc lệnh của Quý Nha nói về việc cấm những lẻ làm trò hèn mọn như chúng tôi không được trình diễn cái tiểu xảo của chúng tôi trên công trường này.
Người cảnh binh bảo không phải là việc cãi vã mà là việc tuân lệnh.
Vỹ-Tiên đáp:
- Đành thế. Tôi đã hiểu rõ. Tôi xin cam đoan là tuân lệnh ngay lập tức, nếu ngài đại diện cho tôi biết ngài đã thi hành khoản nào trong mệnh lệnh cảnh sát?
Hôm đó người cảnh sát quay ra, thầy tôi, mũ cầm tay giả bộ lễ phép theo tiễn chân và cúi rạp xuống chào.
Nhưng hôm sau, người cảnh sát lại đến, bước qua dây và nhảy vào giữa vòng trò đang diễn. Người cảnh sát hầm hầm bảo:
- Giàm miệng chó lại!
- Giàm miệng chó?
- Đó là luật cảnh sát, ông phải biết.
Lúc đó chúng tôi đang diễn “Liều thuốc tẩy”. Vì tấn kịch đó khai diễn hôm nay là lần thứ nhất tại thành phố này nên đông người xem lắm. Bởi thế, sự can thiệp của người cảnh sát làm cho công chúng xôn xao và bất mãn.
- Đừng phá đám!
- Để họ diễn xong đã!
Vỹ-Tiên giơ tay yêu cầu yên lặng.
Xong, cất mũ cúi chào quá thấp, lông mũ quét cả đất. Vỹ-Tiên lại trước mặt viên cảnh sát, kính cẩn nghiêng mình ba xá và hỏi:
- Kính thưa ngài đại diện khả kính của Nha Cảnh sát có phải ngài truyền tôi phải giàm miệng chó lại không?
- Phải, giàm ngay lại. Còn lôi thôi cái gì?
Vỹ-Tiên liền hướng vào công chúng và cả viên cảnh sát nói to:

- Giàm miệng Lãnh-Nhi, Hiệp-Nhi, Thùy-Nhi! Đó là ngài chưa soi xét cho. Hiện Bác sĩ Lãnh-Nhi, nổi tiếng và thông thái khắp hoàn cầu đang cho bệnh nhân uống thuốc, nếu giàm miệng bệnh nhân lại thì uống làm sao được? Kính thưa ngài, tôi xin thất lễ trình ngài biết cho rằng chính do đằng miệng mà Y học đã dùng để dẫn thuốc trị bệnh. Nay Bác sĩ Lãnh-Nhi không dám tự tiện dùng lối khác để dẫn thuốc trước mặt các vị khán giả ưu tú này.
Đến câu này, tiếng cười nổi lên vang dậy. Ai cũng khen ngợi Vỹ-Tiên và còn chế nhạo viên cảnh binh. Họ thích nhất khi thấy con Hảo-Tâm cũng làm trò trêu cợt. Nó đứng đằng sau vị đại diện cảnh sát cuộc. Nó bắt chước đúng điệu bộ của vị này, khi khoanh tay trước ngực, khi khuỳnh tay hai bên sườn, khi ngã đầu về đằng sau và nhăn nhó mặt mũi, trông không nhịn cười được.
Khó chịu về những câu nói của Vỹ-Tiên, lại bực tức bởi những tiếng cười của công chúng, viên cảnh sát coi bộ không phải là người kiên nhẫn, quay phắt ra.
Viên cảnh sát gặp ngay con khỉ đứng khuỳnh tay hai bên sườn ra vẻ đắc chí. Người và vật trừng mắt nhìn nhau trong mấy giây đồng hồ như để xem ai phải cúi mặt chịu thua.
Tiếng cười rộ lên làm viên cảnh sát bỏ đi ra, còn ngoái lại giơ nắm tay đe rằng:
- Đến mai nếu ông không giàm miệng chó, tôi sẽ biên bản trình Tòa. Bảo ông biết thế.
Vỹ-Tiên đáp:
- Đến mai! Thưa ngài, đến mai!
Rồi Vỹ-Tiên lại khúm núm cúi chào rất lễ phép. Cuộc diễn lại tiếp tục. Tôi yên trí thế nào thầy tôi cũng đi mua “giàm” cho chó, nhưng không, suốt cả buổi chiều, thầy tôi chẳng nói gì đến chuyện cảnh sát cả. Tôi đánh bạo nhắc thầy tôi:
- Thầy nên mua giàm đeo trước cho con Lãnh-Nhi quen đi, kẻo đến lúc làm trò mới dùng sợ nó dứt ra.
- Con tưởng ta phải đeo giàm cho chó chăng?
- Trời! Thầy không xem ông Cảnh binh cố ý hành ta?
- Con cứ yên tâm. Mai ta sẽ thu xếp để khỏi phải biên bản và cũng để cho những con chó của ta khỏi phải khổ. Về mặt khác, cũng nên nhân dịp đó làm cho công chúng vui thêm. Người Cảnh binh đó có lẽ sẽ giúp chúng ta thu được nhiều tiền, vì hắn sẽ vô tình đóng một trò trong tấn hài kịch mà ta đang dự bị. Muốn thế, ngày mai con sẽ chăng giây và dạo một vài bản thụ cầm. Khi công chúng dự khá đông và người Cảnh binh đến thì sẽ có mặt ta và các con chó ở đấy. Lúc

đó, hài kịch sẽ mở màn.
Tôi kém vui và thấy ngài ngại. Tôi không muốn ra chỗ diễn một mình. Nhưng biết tính thầy tôi một khi đã quyết điều gì thì khó ai lay chuyển được. Tôi đành phải vâng lời.
Sáng hôm sau, tôi đến chỗ diễn cũ xếp đặt và chăng dây. Tôi vừa dạo đàn vài tiếng đã thấy công chúng kéo đến rộn rã chung quanh vòng dây.
Mấy tháng gần đây, nhất là trong thời gian ở Pô, thầy tôi đã dạy tôi đánh thụ cầm. Tôi học không đến nỗi dở lắm. Tôi thuộc được nhiều bài, duy có khúc "Dân ca Ý" là tôi đàn và hát trội hơn cả, nhiều lần được công chúng vỗ tay tán thưởng.
Sở dĩ sáng nay công chúng đến đông như vậy là vì họ biết chuyện xảy ra hôm trước. Họ đem theo cả bạn hữu đi. Ở Tu-lu, họ không thích Cảnh binh. Họ tò mò muốn xem ông già Ý khu xử thế nào. Mặc dầu Vỹ-Tiên ngọt ngào nói: "Thưa ngài, đến mai!", người ta cũng đoán được rằng sự gặp gỡ hôm nay sẽ có nhiều trò vui thích do ông già "cương" ra để trêu người cảnh binh vụng về và bẳn tính.
Vì thế khi thấy có một mình tôi với con Hảo-Tâm, mấy người khách đã hỏi tôi:
- Ông già Ý không đến à?
- Ông sắp đến.
Rồi tôi tiếp tục hát bài "Dân ca" của tôi. Một lát sau, không phải thầy tôi đến mà là viên cảnh binh đến. Hảo-Tâm nhìn thấy trước, nó liền khuỳnh tay lên sườn, ngửa đầu về đằng sau, đi đi lại lại nghênh ngang trong vòng dây.
Công chúng vỗ tay cười nhiều lần.
Viên Cảnh binh bực tức tròn xoe mắt nhìn tôi.
Công chúng lại cười ầm.
Tôi cũng buồn cười, nhưng lo quá, không biết chuyện này sẽ đi đến đâu. Nếu thầy tôi ở đây, thầy tôi sẽ đối đáp với viên cảnh binh. Nhưng tôi có một mình, không biết ăn đối làm sao nếu người cảnh binh hỏi tôi.
Người cảnh binh trông mặt hầm hầm, có ý tức giận lắm.
Ông ta đi đi lại lại ngoài dây, mỗi khi qua mặt tôi, ông lại liếc qua vai lườm tôi, tôi sợ có điều chẳng lành.
Con Hảo-Tâm không hiểu tình hình rất khẩn trương đó, cứ trêu người cảnh binh mãi. Nó cũng đi đi lại lại, qua mặt tôi, nó cũng ngẹo cổ lườm tôi và nhăn nhó làm cho công chúng cười phá lên.
Không dám để cho người cảnh binh khích nộ đến cực điểm, tôi gọi con Hảo-Tâm vào, nhưng nó không chịu vì cái trò đó đang làm nó

đắc chí. Tôi đuổi bắt nó thì nó lại tuột đi.
Người cảnh binh đang lúc nổi sung, lóa cả mặt, tưởng tôi thúc giục con khỉ làm trò trêu ông ta, liền nhảy tót vào trong dây.
Chỉ hai bước là ông ta đến bên tôi và tát tôi một cái ngã gục xuống.
Tôi lóp ngóp bò dậy, mở mắt ra thì – ủa! Lạ quá! Không biết thầy tôi đến lúc nào mà đã đứng giữa tôi và người cảnh binh mà ông đang nắm chặt lấy cổ tay. Thầy tôi nói:
- Tôi cấm ông không được đánh đứa trẻ này nữa. Cái cử chỉ vừa rồi của ông rất hèn!
Người cảnh binh giật tay ra nhưng ông già không chịu buông.
Hai người giáp mặt nhau, nhìn nhau chòng chọc.
Người cảnh binh lúc đó mặt vàng như nghệ. Thầy tôi trông vẻ cao quý, ngữa hẳn cái đầu tóc trắng như tuyết để lộ nét mặt phẫn khái và oai hùng.
Đứng trước thái độ đó, tôi tưởng người cảnh binh phải xấu hổ lắm. Nhưng không thế, ông ta giật mạnh tay ra, túm luôn cổ thầy tôi và đẩy về phía trước một cách rất hung hãn.
Thầy tôi ức quá, đứng thẳng người, lấy cánh tay quất mạnh vào cổ tay người cảnh sát để gỡ ra.
Vỹ-Tiên hỏi:
- Ông muốn làm gì tôi?
- Tôi muốn điệu ông về bót. Ông phải đi ngay.
Vỹ-Tiên nói:
- Muốn đuổi chúng tôi, ông không cần phải đánh thằng bé.
- Không cần phải nói. Đi theo tôi.
Vỹ-Tiên, trấn tĩnh ngay, không sợ sệt gì, quay lại dặn tôi:
- Con hãy về nhà trọ. Cứ ở đó với bạn con. Ta sẽ gởi tin tức cho con hay.
Thầy tôi không nói thêm gì được nữa vì bị người cảnh binh lôi tuột đi.
Cuộc diễn của chúng tôi đã kết thúc như thế đó. Thầy tôi tưởng làm cho nó vui hơn, ai ngờ lại sinh nỗi nước này!
Cử chỉ đầu tiên của các con chó là chạy luôn theo chủ. Nhưng thầy tôi vẫy tay bắt chúng lộn lại với tôi. Tôi ngạc nhiên thấy con nào cũng đeo một cái giàm bằng giải lụa thắt thành những bông hoa rất đẹp. Lãnh-Nhi lông trắng đeo giàm đỏ, Hiệp-Nhi lông đen đeo giàm trắng bạch. Còn Thùy-Nhi lông xám đeo giàm xanh. Đó là những cái giàm phường tuồng.
Công chúng giải tán rất nhanh. Một vài người ở lại sau, bàn tán về chuyện vừa xảy ra:
- Ông già phải.

- Ông già trái.
- Tại sao người cảnh binh lại đánh thằng bé con? Nó chả có tội gì!
- To chuyện đấy! Nếu người cảnh binh khép tội kháng cự quan lệnh, ông già tất phải tù!
Tôi về nhà trọ, buồn rầu và lo lắng.
Bây giờ tôi không còn ở thời kỳ sợ ông Vỹ-Tiên như buổi đầu nữa. Nói cho đúng cái thời kỳ đó cũng ngắn thôi. Vì dần dần tôi thấy mến ông một cách thành thực và mỗi ngày tình yêu càng khắng khít hơn lên. Chúng tôi cùng sống một đời du mục. Chúng tôi ở bên nhau từ sáng đến chiều, và từ chiều đến sáng nằm chung một ổ rôm. Một người cha săn sóc con vị tất đã được như thầy tôi chăm nom cho tôi. Thầy tôi dạy tôi viết, dạy tôi làm tính, dạy tôi hát và đánh đàn. Trong những cuộc đường trường, thầy tôi cho tôi những bài học khi về điều này, khi về điều khác, tùy theo trường hợp hay sự ngẫu nhiên đưa đến vấn đề. Những ngày đông giá lạnh, chúng tôi cùng đắp chung một chăn. Những ngày trời nắng như thiêu, thầy tôi mang bớt những hành lý cho tôi khỏi đeo nặng trên đường xa. Khi ngồi bàn ăn, nói đúng ra là đến bữa ăn vì chúng tôi không có bàn ăn bao giờ, thầy tôi không bao giờ ăn lấy một mình và dành miếng không ngon cho tôi. Chúng tôi chia đều những miếng ngon cũng như những miếng không ngon. Tóm lại, chúng tôi vui buồn có nhau, ngọt bùi cay đắng có nhau. Thực ra cũng có khi thầy tôi beo tai tôi hay tát tay tôi, nhưng không phải vì những hình phạt vặt đó mà tôi quên được sự săn sóc, lời ngọt ngào và lòng âu yếm của thầy tôi – đối với tôi từ ngày tôi theo thầy tôi. Nói vắn tắt: thầy tôi thương tôi và tôi cũng mến thầy tôi. Bởi thế, cuộc chia ly này làm cho tôi đau đớn vô cùng.
Bao giờ tôi lại trông thấy thầy tôi?
Người ta đã nói đến "ngồi tù". Thời gian ngồi khám, ước độ bao lâu? Trong thời gian đó, tôi sẽ làm gì? Sống thế nào? Sống bằng gì? Thầy tôi có thói quen giữ tiền trong mình. Trước khi bị bắt không kịp giao tiền cho tôi.
Tôi chỉ còn một vài xu trong túi. Số tiền này đủ nuôi cả bọn, Hảo-Tâm, ba con chó và tôi không?
Mất hai ngày, tôi ngồi yên trong nhà lo lắng, không dám thò ra sân nhà trọ, săn sóc các con chó và Hảo-Tâm, xem chừng con nào cũng ngơ ngác và buồn rầu.
Ngày thứ ba, một người đem phong thư của thầy tôi cho tôi.
Thầy tôi nói trong thư rằng thầy tôi bị giữ để đến thứ bảy tới đưa ra Tòa án về tội kháng cự công chức đang thi hành nhiệm vụ và về tội làm thương tổn đến thân thể viên chức đó.

Thầy tôi nói thêm: trong khi cả giận, ta đã làm một lỗi lớn, nó sẽ làm ta khổ não. Ngày phiên tòa, con sẽ đến để lĩnh một bài học. Đoạn thầy tôi khuyên tôi mấy câu về cách cư xử. Cuối thư, thầy tôi không quên hôn tôi và bảo tôi vuốt ve các con Lãnh-Nhi, Hảo-Tâm, Thùy-Nhi và Hiệp-Nhi thay cho thầy tôi.
Trong khi tôi đọc thư, Lãnh-Nhi ngồi dưới chân tôi nghếch mõm lên ngửi hít rồi ve vẩy đuôi, thì ra nó đã đánh hơi biết được tờ giấy qua tay chủ nó. Đã ba hôm nay, bây giờ tôi mới thấy nó tươi tỉnh lên một chút.
Sáng thứ bảy, hỏi người ta tôi biết Tòa án sẽ họp 10 giờ. Nhưng mới có 9 giờ tôi đã đến Tòa trước tiên và lén vào ngồi trong một góc. Dần dần phòng đầy người. Trong đám đến xem tôi nhận thấy nhiều người quen mặt vì họ đã chứng kiến tấn kịch hôm nọ.
Tôi chẳng hiểu Tòa án và Công lý là gì. Nhưng khi vào Tòa, tôi cảm thấy một mối lo sợ mặc dầu người ta sắp xử thầy tôi chứ không phải tôi. Tôi lẩn vào ngồi sau một cái lò sưởi lớn và sát tường để không ai chú ý đến tôi.
Vụ thứ nhất không phải việc của thầy tôi. Tòa xử những người ăn cắp, những người đánh nhau. Ai cũng kêu oan và bị án cả. Cuối cùng, hai người Hiến binh kèm thầy tôi ra và để ngồi xuống chỗ ghế những người bị cáo trước.
Đầu tiên, người ta làm gì, hỏi gì và thầy tôi trả lời thế nào, tôi cũng không biết, vì tôi cảm xúc quá không nghe thấy gì và cũng chẳng hiểu gì cả. Vả lại, tôi không có ý nghe, tôi chỉ để mắt trông thầy tôi. Thầy tôi đứng đó, mái tóc bạc vuốt về đằng sau, trông có vẻ ngượng ngùng và buồn bã. Tôi lại nhìn quan tòa. Quan tòa hỏi:
- Như vậy ông thú nhận có thoi viên cảnh binh đến bắt ông nhiều cái?
- Thưa ông Chánh án. Không phải nhiều cái. Có một thoi thôi cốt để gỡ tay ông ấy túm lấy cổ tôi. Khi tôi đến chỗ diễn trò, gặp ông ấy đang tát đứa bé trong đoàn tôi.
- Đứa bé không phải con ông chứ?
- Thưa ông Chánh án, không, nhưng tôi coi nó như con tôi. Khi tôi trông thấy nó bị đánh đập, tôi tức giận, có chạy lại nắm tay ông cảnh binh để khỏi hành hung nữa.
- Chính ông có đánh viên cảnh binh?
- Nghĩa là khi ông cảnh binh nắm lấy cổ tôi, tôi phẫn uất quên hẳn ông ta là ai, chỉ thấy có người ức hiếp thì tôi chống lại. Đó là một cử động tự nhiên, không dụng tình…
- Với tuổi ông, không nên nóng giận quá thế.

- Người ta không nên nóng giận thật. Nhưng khốn nỗi nhiều khi người không làm được những điều phải làm. Ngày nay, tôi nhận thấy đúng như thế.
- Bây giờ đến lượt thầy cảnh binh.
Viên cảnh binh ra khai đúng những việc đã xảy ra, nhưng nhấn mạnh về chỗ người ta đã nhạo báng người ông ta, tiếng ông ta, điệu bộ ông ta và nhất là chỗ ông bị đánh vào cánh tay.
Khi người cảnh binh cung khai như thế đáng lẽ thầy tôi phải chú ý nghe xem có xuyên tạc không, nhưng thầy tôi nhìn xuống phòng và khắp các phía. Tôi hiểu thầy tôi tìm tôi. Tôi liền lén lên hàng nghế đầu.
Thầy tôi trông thấy tôi và nét mặt sáng bừng lên. Tôi nhận thấy thầy tôi rất mừng rỡ được gặp tôi. Bất giác, hai hàng nước mắt của tôi chảy ra.
Cuối cùng ông Chánh án hỏi:
- Đó là tất cả những gì ông khai để bào chữa? Ông còn nói thêm gì nữa không?
- Riêng về phần tôi, tôi không nói thêm gì nữa. Nhưng về phần đứa trẻ mà tôi thương như con tôi, nó sẽ phải sống một mình. Vì đứa trẻ đó, tôi kêu gọi lượng khoan hồng của Tòa và xin Tòa đừng để tôi xa cách nó lâu ngày.
Tôi tưởng thầy tôi kêu thế, thì Tòa sẽ tha bổng. Nhưng không phải thế.
Một quan Tòa nữa đứng lên nói vài phút. Xong, ông Chánh án, giọng nghiêm nghị tuyên án:
- Xét rằng Vỹ-Tiên đích xác có xúc phạm đến danh dự và thân thể của một viên chức đang thi hành phận sự, tòa phạt Vỹ-Tiên hai tháng tù ngồi và 100 phật-lăng tiền vạ.
Hai tháng tù ngồi!
Tôi đưa mắt đầy lệ nhìn thầy tôi. Cái cánh cửa đã mở cho thầy tôi vào bây giờ lại mở cho thầy tôi ra với người hiến binh đi theo rồi lại đóng sập lại.
Hai tháng trời xa cách!
Biết đi đâu bây giờ!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XI
NƯƠNG NÁU DƯỚI THUYỀN

Khi tôi trở về nhà trọ, người thẫn thờ, mắt đỏ; tôi qua cửa sân thì ông chủ quán gọi giật tôi lại và hỏi:
- Tin tức thầy mầy ra sao?
- Thầy tôi ngồi tù.
- Bao nhiêu?
- Hai tháng.
- Còn phạt vạ?
- Một trăm phật-lăng.
Chủ quán nhắc đi nhắc lại hai ba lần:
- Hai tháng tù, một trăm phật-lăng phạt!
Tôi định vào trông mấy con chó thì chủ quán lại giữ tôi và hỏi:
- Thế mày định làm gì trong hai tháng ấy?
- Thưa ông, tôi không biết.
- Không biết? Mày có đủ tiền ăn và nuôi các con vật đấy chứ?
- Thưa ông, không.
- Vậy mày trông vào tao để ở đây hẳn?
- Ồ! Thưa ông, không. Tôi chẳng biết trông vào ai cả.
Chủ quán nói tiếp:
- Này, bé ơi! Mày nghĩ phải đấy. Thầy mày còn nợ tao nhiều lắm. Cho mày ăn chịu những hai tháng rồi ai trả tiền cho tao? Mày phải đi đi.
- Đi. Thưa ông, ông bảo tôi đi đâu bây giờ?
- Mày muốn đi đâu thì đi. Không phải việc của tao. Tao có phải là cha mày đâu. Mà cũng chẳng phải là thầy mày. Tại sao mày cứ muốn tao cho mày ở?
Tôi ngây người. Nói gì nữa? Chủ quán rất có lý. Ông giữ ta làm gì? Ta chỉ là cái nợ cho ông.
- Thôi mày vào dắt chó, cõng khỉ đi thôi. Nhớ để lại cái túi của thầy mày. Thầy mày khi được tha sẽ đến lấy và thanh toán các khoản.
Câu nói đó làm tôi nảy một ý nghĩ và tôi tưởng có cách để ở lại. Tôi nói:
- Thưa ông, vì thầy tôi thế nào cũng còn trở lại đây để thanh toán tiền nong. Vậy ông cứ cho tôi ở đến ngày đó. Tiền ăn của tôi sẽ tính thêm vào khoản nợ của thầy tôi, có được không?
- Thật à? Thầy mày chỉ trả được vài ngày cơm thôi, chứ hai tháng lại là chuyện khác.
- Ông cho ăn ít cũng được.
- Thế còn những con vật của mày? Không được, mày phải đi. Mày có thể đi kiếm ăn trong các làng.

- Nhưng thưa ông, tôi đi thì thầy tôi về biết đâu mà tìm tôi? Vì hết hạn tù thầy tôi chỉ tìm tôi ở đây thôi.
- Có khó gì! Đến ngày đó thì mày trở về đây. Từ nay đến ngày đó, mày sẽ tạm đi chơi chừng hai tháng, vào các làng gần đây, có thể kiếm ăn được đấy!
- Nếu thầy tôi viết thư về cho tôi?
- Tao sẽ giữ cho mày.
- Nhưng nếu tôi không trả lời?
- Mặc mày! Mày vặn tao mãi! Ra khỏi ngay cái nhà này! Mau! Tao cho mày 5 phút để thu xếp. Nếu mày không đi tao sẽ liệu cho mày!
Tôi thấy kêu nài cũng vô ích. Tôi liền vào chuồng ngựa, tháo Hảo-Tâm và mấy con chó, buộc túi đồ lại, đeo đàn lên vai và ra thẳng.
Chủ quán đứng ở cửa để kiểm soát và nói theo:
- Nếu có thư, ta sẽ giữ cho mày.
Tôi rảo bước ra thành phố cho nhanh vì chó của tôi không đóng giàm. Nếu lại gặp cảnh binh thì khốn. Tôi không đủ tiền mua giàm. Đếm đi đếm lại mãi, vốn liếng tôi chỉ còn có 11 xu trong túi. Thầy tôi bị bắt, tôi cũng bị bắt nữa thì ai nuôi đàn chó và khỉ? Bây giờ nghiễm nhiên tôi là ông bầu đoàn diễn, ông chủ gia đình, tôi, một đứa trẻ vô gia đình và tôi thấy một gánh nặng đè trĩu trên vai.
Trong khi đi những con chó cứ ngước mắt nhìn tôi, chúng không nói được, nhưng cũng làm cho tôi hiểu chúng muốn gì? Chúng đói bụng. Hảo-Tâm ngồi trên cái túi đeo trên vai tôi, thỉnh thoảng lại kéo tai tôi, bắt tôi ngoảnh lại: nó lấy tay cào cào vào bụng nó. Cái cào đó cũng có nghĩa như cái nhìn của những con chó.
Tôi cũng thế, nếu có thể được thì tôi cũng kêu đói như chúng, vì tôi cũng như chúng không có mẩu bánh nhỏ nào trong bụng từ sáng đến giờ.
Với 11 xu trong túi, chúng tôi không thể ăn bữa sáng và bữa chiều. Chúng tôi ăn một bữa, bữa đó sẽ ăn vào giữa ngày có thể thay thế cho hai buổi kia.
Nhà trọ mà chúng tôi vừa từ biệt, ở trên đường đi Montpellier. Vì thế lúc ra đi, chúng tôi cũng theo con đường đó.
Chúng tôi vội ra khỏi thành phố cho nhanh nên không kịp hỏi đường. Điều cần nhất cho chúng tôi là phải thoát mau ra ngoài thành phố Tu-lu, các việc khác không khẩn cấp mấy. Tôi không lựa chọn nên đi tỉnh này hay tỉnh khác vì đi đến đâu người ta chả đòi tiền ăn, đòi tiền trọ. Bây giờ việc trọ không cần lắm là vì mùa hè, chúng tôi có thể ngủ ngoài trời, dưới gốc cây hay cạnh bức tường được.
Nhưng còn việc ăn?

Đi đã được hai giờ rồi, tôi không dám ngoảnh cổ lại. Mỗi lúc những con chó lại ngước mắt nhìn tôi như van lơn, và con khỉ cứ kéo tai tôi và gãi bụng nhiều hơn.
Bây giờ tôi ra khỏi tỉnh Tu-lu rồi không sợ gì nữa. Tôi vào một hàng bánh mì. Tôi hỏi mua một tấm rưỡi bánh.
Chủ hàng bảo tôi:
- Sao em không mua cả hai chiếc. Không nhiều đâu. Phải cho các con vật ăn no chứ?
Không nhiều thực. Nhưng nếu mua cả hai tấm thì hết 10 xu chỉ còn lại một xu thôi. Tôi không dám tiêu hoang, phải dành lại chút tiền đến ngày mai cho khỏi chết đói trước khi kiếm được đồng khác. Mỗi tấm bánh 5 xu thì tấm rưỡi hết 7 xu rưỡi… Tôi còn lại 3 xu rưỡi.
Nhẩm tính xong, tôi bảo bà hàng cứ bán cho tôi chiếc rưỡi vì tôi chỉ cần có thế không mua hơn.
Bà đưa cho tôi một chiếc và cắt nửa chiếc nữa. Bà trao cho tôi và nói:
- Nữa này già đấy, đáng 3 xu.
Rồi bà vơ cả 8 xu của tôi vào ngăn kéo.
Tôi thường thấy nhiều người từ chối không lấy lại những xu lẻ do nhà hàng trả lại và nó không dùng để làm gì. Nếu bà hàng trả lại nửa xu thừa cho tôi thì không khi nào tôi lại từ chối. Nhưng bà ta có trả tôi đâu mà tôi cũng không dám đòi. Tôi lẳng lặng cầm bánh đi ra.
Ba con chó mừng rỡ nhảy nhót chung quanh tôi. Hảo-Tâm kéo tóc tôi và kêu những tiếng nhỏ.
Đi một quãng ngắn, tới một cây to bên đường, tôi hạ đàn, tựa vào gốc cây rồi ngồi phịch xuống vệ cỏ, những con chó đến xếp hàng trước mặt tôi. Lãnh-Nhi đứng giữa, Hiệp-Nhi và Thùy-Nhi ở hai bên. Còn Hảo-Tâm không mệt lắm đứng gần đó rình có bánh là chộp lấy phần.
Việc chia bánh của tôi rất quan trọng. Tôi cắt làm 5 phần hết sức đều nhau. Mỗi phần lại cắt nhiều khoanh ném cho các con vật của tôi ăn dần. Vì Hảo-Tâm bé nhỏ ăn ít đã no nên tôi giữ lại ba miếng nhỏ dành cho ba con chó ăn sau này.
Tiệc xong, bây giờ là lúc tôi phải nói đôi lời cho các bạn tôi biết cái hiện tình nguy ngập của chúng tôi.
Lãnh-Nhi có lẽ đoán được ý tôi, nên đôi mắt nó cứ long lanh nhìn tôi.
Tôi nói:
- Phải đấy, Lãnh-Nhi ơi! Phải đấy các bạn Thùy-Nhi, Hiệp-Nhi và Hảo-Tâm ơi! Tôi có một tin rất buồn cho các bạn biết: chủ ta phải lìa ta trong hai tháng.

Lãnh-Nhi kêu:
- Ẳng!
- Đó là một điều đau khổ cho chủ ta và chúng ta. Chủ ta vẫn kiếm bánh cho chúng ta ăn. Bây giờ chủ ta đi vắng, chúng ta ở vào một tình thế rất nguy khốn. Chúng ta hết "tiền"!
Nghe tiếng đó Lãnh-Nhi hiểu ngay, đứng dậy bằng hai chân sau và đi vòng quanh như bộ xin tiền các "quý khán giả".
Tôi nói tiếp:
- Bạn muốn chúng ta đi diễn trò. Ý kiến rất hay. Nhưng chắc đâu thu được tiền? Việc khó khăn là ở chỗ đó. Tôi nói cho các bạn biết tất cả của cải của chúng ta chỉ còn có 3 xu, vì thế bữa nay chúng ta phải ăn đói. Tình trạng là thế. Tôi mong rằng các bạn hiểu cái cảnh nguy khốn mà chúng ta đang lâm vào và đáng lẽ, trêu chọc tôi, thì các bạn nên đem hết trí thông minh vào… sự vụ. Tôi kêu gọi sự vâng lời, sự tiết độ và lòng can đảm của anh em. Các bạn hãy siết chặt hàng ngũ. Hãy tin vào tôi cũng như tin vào các bạn.
Tôi không dám tin chắc những bạn tôi đã hiểu hết những lời hay ý đẹp trong bài diễn văn ứng khẩu của tôi, nhưng tôi chắc chắn rằng các bạn của tôi cũng hiểu được đại ý, vì thấy vắng mặt chủ tôi, chúng biết có sự gì trầm trọng và chúng không đợi tôi giải thích. Thì tôi đã giải thích. Nếu chúng không hiểu tất cả những điều tôi nói, ít ra chúng cũng biết cách tôi đối đãi với chúng thế nào, nên sau khi tôi dứt lời, con nào trông cũng có vẻ hài lòng và dễ chịu lắm.
Con nào cũng hài lòng, là tôi nói riêng về mấy con chó thôi, chứ con Hảo-Tâm, không thể bắt nó chú ý lâu về một việc gì. Khi tôi nói, lúc đầu nó rất chăm chú, nhưng nghe được hai chục tiếng thì nó đã nhảy tót lên cây đánh đu ở hết cành này đến cành khác. Nếu Lãnh-Nhi mà vô lễ thế, thì tôi đã phật ý, nhưng là Hảo-Tâm thì tôi chấp nó làm gì. Nó chỉ là một con vật vô tâm và óc rỗng, cũng nên để nó chơi đùa một chút.
Tôi xin thú thực rằng tôi cũng muốn nhảy nhót và đánh đu như nó thì thích lắm. Nhưng cái trọng trách và chức vụ của tôi trong lúc này không cho phép tôi được giải trí kiểu đó.
Nghỉ đã lâu rồi, tôi ra hiệu lên đường. Chúng tôi phải tìm chỗ trú đêm nay và nhất là bữa sáng mai. Chỗ trú không cần lắm, chúng tôi có thể tiết kiệm bằng cách ngủ ngoài trời.
Đi được một giờ, chúng tôi trông xa xa thấy một làng, mừng thầm may ra có thể thực hiện được ý muốn của tôi.
Coi bề ngoài, làng này có phần xơ xác, số thu lượm sẽ chẳng được là bao, nhưng tôi không thể vì thế mà nản lòng. Tôi không khó tính về

điểm đó, tôi tự nghĩ làng này càng nhỏ bao nhiêu thì nỗi lo gặp cảnh sát càng ít bấy nhiêu.
Tôi mặc y phục cho các bạn tôi rồi rất trật tự, chúng tôi chững chạc vào làng. Thiếu cái còi mà thầy tôi vẫn giữ. Thiếu cả cái hình dáng cao lớn và cái mái tóc đặc biệt của thầy tôi vẫn làm cho mọi người chú ý. Nhìn cái thân hình loắt choắt của tôi mà tôi buồn và không vững dạ.
Trong khi đi, tôi nhìn sang hai bên, xem có ảnh hưởng gì không. Rất ít, vì người ta ngửng đầu lên rồi cúi xuống. Chả có ma nào theo sau chúng tôi cả.
Đi đến một bãi rộng, giữa có trồng cây, chúng tôi dừng lại. Tôi lấy đàn ra và đánh một vũ khúc. Tiếng đàn vui, ngón tay tôi đưa đẩy nhịp nhàng, nhưng lòng tôi buồn hình như có vật gì đè nặng trên hai vai.
Tôi bảo Hiệp-Nhi và Thùy-Nhi ra biểu diễn. Chúng tuân lời và nhảy múa. Nhưng chẳng có ai đến xem cả. Gần đó tôi nhìn thấy mấy người đàn bà đang đứng ở cửa đan áo và nói chuyện với nhau.
Tôi tiếp tục gẩy đàn. Hai con Thùy-Hiệp cố sức nhảy múa.
Rồi cũng có người đến xem chứ! Nếu có một người đến trước, tất có người thứ hai, thứ ba, thứ mười, thứ hai mươi.
Nhưng đàn, múa vô ích cả. Họ ở nhà họ cả mà cũng chẳng thèm nhìn chúng tôi nữa.
Thực đáng thất vọng!
Tuy nhiên tôi không nản chí, tôi cố đánh đàn, đánh to, đánh mạnh tưởng chừng như sắp đứt dây.
Chợt một em bé mới chập chững đi, rời ngưỡng cửa đi ra phía chúng tôi. Mẹ em bé có lẽ sẽ theo em.
Rồi một người bạn nữa, thế là chúng tôi có khán giả, có tiền công.
Tôi đánh đàn nhỏ đi và rất du dương để em bé khỏi sợ và để rủ em vào.
Em bé hai tay ve vẩy bên sườn đi bước một. Em đương đến. Em gần đến. Còn vài bước nữa là đến chỗ chúng tôi thôi.
Người mẹ ngẩng đầu lên. Giật mình không thấy con đâu, nhìn ngang nhìn ngửa. Bà ta thấy con đang đi. Tôi tưởng bà ta chạy nhưng bà cứ đứng yên đó gọi con vào. Em bé ngoan ngoãn quay vào với mẹ.
Có lẽ ở đây họ không thích xem khiêu vũ. Có thể lắm.
Tôi liền đổi trò. Tôi ra lệnh cho hai con Thùy-Hiệp ra nằm một chỗ để tôi hát. Tôi vào hát được đến câu thứ hai của bài “Tình ca” thì có một người đàn ông vận áo vét, đội mũ phớt đến. Tôi cố lên giọng cho hay.
Chợt ông khách đó hỏi tôi:

- Mày làm trò gì thế? Thằng ranh kia!
Tôi ngơ ngác, há miệng, đứng nhìn ông ta. Ông ta lại hỏi:
- Mày không trả lời à?
- Thưa ông, ông đã nhìn thấy tôi hát.
- Mày có giấy phép được hát ở trong làng này không?
- Thưa ông, không.
- Vậy thì bước đi chỗ khác. Nếu không, ta bắt bây giờ.
- Nhưng, thưa ông…
- Gọi tao là Tuần phiên. Thôi cút đi, đồ ăn mày!
Tuần-phiên! Kinh nghiệm đau đớn của thầy tôi đã cho biết rằng đương đầu với các ông cảnh binh hay tuần-phiên là một điều rất tai hại.
Không để ông ta phải đuổi đến lần thứ hai, tôi "cút" ngay như lời ông ta bảo, trở ra đường cũ tiếp tục đi.
Ăn mày! Danh từ này không đúng. Tôi có đi ăn xin bao giờ? Tôi hát, tôi nhảy. Đó là cách làm việc của tôi. Tôi có làm hại ai đâu?
Trong năm phút, tôi ra khỏi cái làng lãnh đạm và cẩn phòng đó. Những con chó của tôi cúi đầu lẳng lặng đi, chắc chúng hiểu rằng đã xẩy đến cho chúng tôi một chuyện chẳng lành.
Lãnh-Nhi thỉnh thoảng lại đi lên trước quay cổ lại nhìn tôi bằng đôi mắt đầy ý nhị. Nó biết lắm vì tôi thấy hai hàm nó run run bởi nó cố giữ không để sủa thành tiếng.
Khi chúng tôi đi đã khá xa, không sợ người tuần-phiên độc ác theo dõi nữa, tôi liền ra hiệu, ba con chó liền chạy lại quây lấy tôi. Lãnh-Nhi đứng giữa im lặng nhìn vào mắt tôi.
Đã đến lúc tôi phải giải thích cho các bạn tôi nghe. Tôi nói:
- Vì chúng ta không có giấy phép nên không được diễn ở đó. Họ đuổi chúng ta.
- Bây giờ?
Lãnh-Nhi hếch đầu như hỏi tôi thế.
- Bây giờ chúng ta tìm chỗ ngủ, bất cứ chỗ nào và nhịn ăn.
Nghe tiếng "ăn", hai con chó kia và con khỉ nhao nhao lên.
Tôi giơ 3 xu ra nói:
- Các bạn biết, chúng ta chỉ còn có thế này thôi. Nếu ta tiêu hết 3 xu chiều nay thì sáng mai ta không có gì ăn. Vả hôm nay, ta cũng đã được ăn rồi. Nghĩ đến ngày mai thì khôn hơn.
Nói xong, tôi lại bỏ 3 xu vào túi.
Lãnh-Nhi và Thùy-Nhi cúi đầu chịu đựng. Hiệp-Nhi có tính háu ăn, nó kêu ăng ẳng hoài.
Tôi quắc mắt nhìn nó, nó cũng không thôi. Tôi phải nhờ đến Lãnh-

Nhi:
- Cắt nghĩa cho Hiệp-Nhi nghe. Nó không muốn hiểu. Bảo nó ta phải nhịn ăn chiều nay thì sáng mai mới có cái ăn.
Lãnh-Nhi liền lấy chân vã vào mặt Hiệp-Nhi. Tức thì có cuộc đấu khẩu giữa hai con chó.
Chắc độc giả nghe thấy tiếng "đấu khẩu" đem dùng cho loài vật sẽ cho là một từ không thích hợp. Nhưng xét ra rất đúng. Mỗi giống vật có một tiếng nói riêng. Nếu nhà quý vị có hàng hiên chạm trổ hay những cửa sổ cao và có những chim yến đến làm tổ ở đó, hẳn quý vị cũng nhận thấy rằng lúc thường chim yến kêu véo von như tiếng ca, nhưng hễ trời rạng đông là chúng kêu ríu ra ríu rít với nhau. Đó chính là những câu chuyện mà chúng đang nói, những việc quan trọng mà chúng đang bàn hay những lời yêu đương mà chúng trao đổi cùng nhau. Lại những con kiến cùng một đàn, khi gặp nhau trên một con đường hẻm thường cọ râu vào nhau, quý vị thử nghĩ xem, chúng làm gì thế; nếu không phải là chúng thông tin cho nhau? Còn những con chó không những chúng biết nói mà còn biết đọc nữa. Quý vị hãy trông chúng đưa mũi lên không, hay đầu cúi xuống mặt đất đánh hơi hay ngửi những hòn sỏi, những bụi rậm; có khi chúng đứng trước một đám cỏ hay một chân tường và dừng lại một lúc. Chúng ta không nhìn thấy gì ở tường, nhưng con chó đã đọc được mọi điều lạ viết ở đó bằng thứ chữ bí ẩn mà mắt ta không thể phân biệt được.
Những câu gì Lãnh-Nhi nói với Hiệp-Nhi, tôi không nghe thấy vì nếu những con chó hiểu được tiếng nói của người, trái lại, người không hiểu được tiếng nói của chó. Tôi chỉ nhận thấy Hiệp-Nhi không chịu nghe lời phải, cứ nằng nặc đòi tiêu nốt ba xu ngay bây giờ. Lãnh-Nhi nổi giận và giơ những chiếc nanh nhọn ra thì Hiệp-Nhi mới chịu nằm im vì nó vốn nhát, hễ ai già thì nó non.
Thế là vấn đề ăn đã giải quyết xong, còn vấn đề ngủ.
May sao, trời tạnh, mây quang. Ngủ ngoài trời về mùa này không đến nỗi khổ. Chỉ cần tìm chỗ nào tránh được chó sói, nếu vùng này có, và nhất là tránh khỏi những ông tuần-phiên mà tôi cho là đáng sợ hơn cả.
Vậy cứ việc đi thẳng trước mặt trên con đường trắng dài cho đến khi tìm được chỗ trú. Việc đó chúng tôi đã làm.
Đường cứ thấy dài ra. Hết những cây số này lại đến những cây số khác. Khi những ánh hồng cuối cùng của hoàng hôn đã tắt, chúng tôi chưa tìm được chỗ nào để nghỉ. Bây giờ không thể kén chọn gì nữa phải liệu tìm chỗ trú. Lúc đó chúng tôi đang đi cạnh khu rừng, thỉnh thoảng lại có những khoảng trống nổi lên những tảng đá hoa cương.

Nơi này vắng và buồn lắm. Nhưng biết làm sao được. Tôi nghỉ ở giữa những tảng đá đó, "chúng tôi" có thể tạm trú được để tránh khí lạnh ban đêm. Tôi nói "chúng tôi" tức là Hảo-Tâm và tôi vì về phần những con chó, tôi không cần phải lưu tâm lắm. Chúng đã quen nằm sương gió lắm rồi, không sợ cảm mạo. Nhưng tôi, tôi phải thận trọng vì tôi hiểu biết trách vụ của tôi. Nếu tôi ốm thì đoàn của tôi sẽ trở nên thế nào?

Chúng tôi liền bỏ đường cái tìm vào đám đá. Bỗng tôi thấy một tảng đá lớn đứng nghiêng làm cho chân nó có hang, đầu nó thành mái. Trong hang, gió đã thổi vào đầy lá thông khô. Không còn gì tiện hơn nữa: chúng tôi có cái ổ sẵn sàng để ngã lưng và có cái mái thiên nhiên để trú ẩn. Chỉ còn thiếu một thứ là bánh mì. Nhưng tôi phải cố quên đi và cố ngủ sớm. Tục ngữ chả có câu: "Ai ngủ tức là đã ăn rồi" là gì?

Trước khi đi ngủ, tôi đã dặn Lãnh-Nhi phải giữ việc canh gác. Con vật trung thành đó đáng lẽ được nằm với tôi ở trên lá, đã phải ở ngoài để phòng thủ. Tôi được yên tâm, vì ban đêm, nếu có sự gì bất trắc thì Lãnh-Nhi sẽ báo cho tôi biết.

Tôi nằm trên đống lá thông, cạnh tôi là con Hảo-Tâm quấn trong cái áo vét của tôi. Dưới chân tôi hai con Thùy, Hiệp nằm cuộn tròn. Tôi không chợp mắt được, lo lắng hơn là mỏi mệt.

Ngày thứ nhất cuộc hành trình của tôi đã xấu rồi. Không biết ngày hôm sau sẽ ra sao: Tôi đói. Tôi khát. Trong túi chỉ còn 3 xu. Tôi lần từng đồng trong túi và đếm đi đếm lại mãi nó cũng không nảy thêm đồng nào, vẫn một, hai, ba đồng.

Lấy gì nuôi đoàn của tôi, lấy gì nuôi tôi nếu ngày mai và các ngày sau nữa tôi không được diễn trò? Nào dàm miệng chó, nào giấy phép, kiếm đâu bây giờ? Trời ơi! Có lẽ tôi phải chết đói ở góc rừng này, ở chân tảng đá này chăng?

Lòng tư lự, mắt tôi nhìn lên những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời tối sẫm. Không có một hơi gió nào. Bốn bề vắng lặng như tờ. Không một cành lá động. Không một tiếng chim kêu, không một tiếng xe chạy ngoài đường! Tôi đưa mắt nhìn chung quanh: trời rộng, đêm sâu. Chúng tôi trơ trọi có một mình, chúng tôi bị ruồng bỏ!

Nước mắt tôi tự nhiên ràn rụa ra. Tôi nức nở: Mẹ ơi! Thầy ơi!

Tôi nằm sấp, gục đầu vào lá khô, hai tay bưng mặt khóc mãi không thôi. Bỗng tôi thấy một làn hơi ấm đưa vào mái tóc tôi. Tôi sẽ quay mặt ra, một cái lưỡi êm đềm và nóng, quệt vào mặt tôi. Đó là con Lãnh-Nhi, nghe thấy tiếng tôi khóc, nó vào dỗ tôi như đêm đầu tiên tôi phải xa nhà đi với ông già Vỹ-Tiên.

Tôi giơ hai cánh tay ôm lấy cổ Lãnh-Nhi, ép đầu nó vào má tôi. Nó liền nằm vật xuống và thút thít khôn ra tiếng: nó cùng khóc với tôi.
Khi tôi trở dậy thì trời đã sáng rõ. Lãnh-Nhi ngồi đằng trước tôi. Chim chóc hát vang trên cành. Xa xa vẳng tiếng chuông nhà thờ làm lễ ban mai. Mặt trời đã lên cao, rọi những tia ấm áp làm khỏe khoắn thân thể cũng như tâm hồn.
Sửa soạn xong, chúng tôi lên đường, theo tiếng chuông mà đến. Ở đó tất có làng, có hàng bán bánh mì. Một khi người ta ngủ thay ăn thì cái đói nói chuyện rất sớm.
Tôi đã tính cả rồi. Tôi sẽ mua cả 3 xu bánh mì. Còn thì sẽ liệu sau.
Khi vào làng, tôi không cần phải hỏi hàng bánh mì ở đâu. Mũi chúng tôi tự nhiên dẫn chúng tôi đến đúng chỗ. Cái khứu giác của tôi lúc này cũng tinh tế không kém những con chó của tôi ngửi ngay thấy mùi thơm của bánh nóng.
Ba xu mua được già nửa cái bánh, đủ chia cho mỗi con một mẩu. Vì thế bữa ăn của chúng tôi rất nhanh.
Bây giờ là lúc phải tìm cách để kiếm tiền. Muốn thế, tôi dạo quanh làng tìm chỗ tốt để diễn trò và cũng dò trên nét mặt dân sự xem có thể là bạn hay là kẻ thù.
Tôi không muốn diễn ngay vì giờ đó không thuận tiện. Nhân thế, tôi nghiên cứu dân tình, tìm tòi chỗ diễn để buổi trưa đó cầu may.
Tôi đang mãi nghĩ, chợt có tiếng kêu ở sau lưng tôi. Tôi quay lại thấy một bà già đang đuổi Hiệp-Nhi. Tôi hiểu ngay tại sao có tiếng kêu và sự đuổi đó! Thừa dịp tôi đãng trí, Hiệp-Nhi bỏ tôi sộc vào nhà kia cướp một miếng thịt tha ngang mồm chạy ra. Bà lão kêu:
- Làng nước ơi! Cướp! Cướp! Bắt chúng nó lại cho tôi!
Nghe tiếng đó, tôi nhận thấy tôi có tội, vì phải chịu trách nhiệm về lỗi của con chó của tôi, tôi cũng cắm cổ chạy. Nếu bà lão túm được tôi bắt đền miếng thịt chó tha, thì tôi biết nói thế nào? Lấy gì mà đền? Nếu bị bắt, thì đến ngồi tù mất.
Thấy tôi chạy, Lãnh-Nhi và Thùy-Nhi cũng không chịu chậm chân. Tôi thấy chúng bám sát gót tôi. Con Hảo-Tâm bám chặt cổ tôi cho khỏi ngã.
Tôi không sợ bà già đuổi kịp chúng tôi, chỉ sợ người ta thấy động ra đón bắt chúng tôi. Quả nhiên, trước mặt chúng tôi thấp thoáng có hai ba người đứng giăng ra đường như có ý đợi chúng tôi. May chỗ ấy có một chỗ quẹo, tôi liền chạy vào, mấy con chó nhảy bổ theo sau.
Chúng tôi phi một mạch ra đến cánh đồng, không thấy bóng người theo nữa mới hoàn hồn. Tôi thở không được vì phải chạy dài hơn hai cây số.

Lãnh-Nhi và Thùy-Nhi quấn lấy chân tôi. Còn con Hiệp-Nhi thủng thỉnh đi đằng xa, có lẽ bây giờ nó mới có thì giờ nhai ngấu nghiến miếng thịt.
Tôi ra hiệu gọi nó, nó đứng dừng lại. Rồi có lẽ nó sợ phải đòn nên đáng lẽ về với tôi, nó quay ngang và trốn mất.
Chỉ vì đói quá mà con Hiệp-Nhi phải làm xằng, tôi biết thế. Nhưng đó không phải là lý do để bào chữa. Có việc ăn cắp thì thủ phạm phải bị trừng phạt. Nếu không thì còn gì là kỷ luật trong đoàn tôi? Đến làng khác, Thùy-Nhi cũng bắt chước Hiệp-Nhi. Rồi đến lượt Lãnh-Nhi, Lãnh-Nhi cũng theo gương đó thì sao?
Tôi phải công khai đánh cho Hiệp-Nhi một trận. Nhưng đợi nó về trình diện mới được.
Tôi nhờ Lãnh-Nhi:
- Tìm Hiệp-Nhi về đây cho ta!
Lãnh-Nhi tuân lệnh. Nhưng coi nó có vẻ không được sốt sắng như mọi ngày, và trước khi đi, đôi mắt nó nhìn tôi có nghĩa muốn làm luật sư cho Hiệp-Nhi hơn là làm hiến binh cho tôi.
Tôi đợi Lãnh-Nhi đưa phạm nhân về. Mất nhiều thì giờ quá. Có lẽ Hiệp-Nhi không chịu để bắt giải về ngay. Trong thời gian đó, tôi buồn quá. Tuy có yên tâm là không bị truy nã nữa, nhưng người tôi mệt quá nên tôi muốn nghỉ ngơi một chút. Vả tôi vội vã để làm gì? Khi tôi không biết mình sẽ đi đâu và chả có việc gì làm cả.
Chỗ tôi nghỉ, bây giờ tôi mới nhìn ra, là một chỗ mát mẻ, có thể ngồi lâu được. Thì ra trong khi tôi chạy lạc lõng đã tới bờ sông Nam mà không biết. Nơi này phong cảnh xanh tươi: có nước, có cỏ, có cây. Lại một dòng suối trong khe đá chảy ra, hai bên có những cây nhỏ đâm bông, rập rờn như thác hoa rớt xuống, trông rất ngoạn mục.
Một giờ đã qua mà chưa thấy con nào về. Tôi bắt đầu lo thì thấy Lãnh-Nhi về một mình, đầu cúi xuống.
- Hiệp-Nhi đâu?
Lãnh-Nhi nằm một chỗ, vẻ sợ hãi. Tôi nhìn thấy một bên tai rướm máu.
Tôi không cần phải hỏi cũng biết việc đã xảy ra: Hiệp-Nhi đã khởi loạn, nó chống lại hiến binh; Lãnh-Nhi cố thi hành nhiệm vụ nên bị đả thương.
Có nên mắng nó vì đã không làm tròn sứ mạng không? Tôi không có can đảm quở phạt nó. Vả tôi cũng không có định ý làm cực người khác trong khi chính mình đang đau khổ.
Cuộc tuần hành của Lãnh-Nhi không có kết quả, tôi chỉ còn một phương sách là đợi nó trở về vậy. Tôi biết tính nó sau khi đã vi lệnh

rồi, nó đành chịu phạt. Tôi sẽ nhìn thấy nó hối hận trở về.
Tôi nằm dài dưới bóng cây, tay không quên giữ xích con Hảo-Tâm sợ nó lại đùa tôi mà đi theo Hiệp-Nhi. Lãnh-Nhi và Thùy-Nhi cũng nằm dưới chân tôi.
Thời gian trôi. Hiệp-Nhi vẫn không về. Mí mắt tôi nặng dần, tôi ngủ lúc nào không biết.
Khi tôi thức dậy thì mặt trời đã đứng bóng. Mấy giờ đã đi qua. Tôi không cần nhờ đến mặt trời mới biết là muộn, vì cái dạ dày tôi nó kêu rằng nó chỉ được một mẩu bánh con đã từ lâu rồi. Về phần những con chó và Hảo-Tâm, chúng cũng tỏ ra đói meo. Lãnh-Nhi, Thùy-Nhi bộ dạng ủ rũ. Hảo-Tâm nhăn nhó, kém hoạt động.
Hiệp-Nhi vẫn không thấy về.
Tôi gọi. Tôi huýt sáo. Vô ích. Có lẽ nó ăn thịt no rồi, nằm khểnh ở bờ bụi nào cho dạ dày an nhàn tiêu hóa.
Tình thế của tôi lúc đó rất khó xử! Nếu tôi đi, Hiệp-Nhi sẽ mất vì nó không biết lối để theo tôi: nếu tôi cứ ở đây thì lấy tiền đâu mà ăn? Nhưng rồi cái sự ăn cần thiết hơn. Những con chó nhìn tôi thất vọng. Hảo-Tâm gãi bụng và kêu choe chóe tỏ ý không chịu được.
Tôi liền cho Lãnh-Nhi đi tìm bạn nó lần thứ hai. Nửa giờ sau nó lại trở về không và tỏ ý không tìm thấy bạn nó đâu cả.
Làm thế nào bây giờ?
Dầu rằng Hiệp-Nhi có tội vì cái thói xấu của nó đã đưa tôi vào một tình trạng ghê gớm, nhưng tôi không thể vì thế mà bỏ nó. Thầy tôi sẽ bảo tôi sao khi thầy tôi trở về không đủ ba con chó? Vả lại, dù sao tôi cũng yêu nó, một con vật luyến chủ.
Tôi quyết đợi nó đến chiều. Nhưng không thể ngồi không mà nghe dạ dày làm reo. Phải tìm cách để khuây khỏa cho tôi và cho mấy con vật của tôi.
Nhưng tìm cách gì bây giờ?
Tôi chợt nhớ ra thầy tôi thường bảo rằng: khi chiến tranh, nếu đạo quân mệt mỏi vì đi nhiều, người ta cho nghe những bài âm nhạc vui vẻ và khích lệ thì quân lính quên cả nhọc.
Tôi thử đánh những bài vui vẻ may ra có thể quên được đói phần nào. Nếu không quên được đói thì khi hai con chó nhảy với Hảo-Tâm ít ra cũng tiêu được thì giờ.
Tôi cầm cây thụ cầm dựng ở gốc cây, quay lưng ra sông, sau khi các nghệ sĩ của tôi đã chỉnh bị, tôi cử một bài khiêu vũ chậm rồi đến một bài khiêu vũ xoay tròn.
Thoạt đầu, những đào kép của tôi nhảy rời rạc lắm vì mẩu bánh ban mai không đủ kéo dài hơi sức, nhưng dần dà chúng hoạt động hơn.

Âm nhạc quả có hiệu lực. Chúng tôi không nghe thấy tiếng dạ dầy nữa, tôi để ý vào đàn, những bạn tôi để ý vào nhảy.
Chợt tôi nghe thấy một tiếng trong trẻo, tiếng trẻ con, ở sau lưng đưa ra:
- Hoan hô!
Tôi quay đầu lại xem ai.
Một con thuyền nhỏ dừng lại ở bên sông. Mũi quay về chỗ chúng tôi. Hai con ngựa kéo thuyền đứng cả ở bờ bên kia.
Đó là một chiếc thuyền lạ mắt, tôi chưa từng trông thấy cái nào như thế. Ngắn hơn cái thuyền thường, boong không cao hơn mặt nước mấy, Trên boong có một căn phòng lắp kính. Trước phòng có mái hiên, những dây leo rủ từng chùm lá xanh xuống coi rất râm mát. Dưới hiên, tôi trông thấy hai người: một thiếu phụ gương mặt cao quý nhưng hơi buồn, đứng cạnh một cậu con trai trạc tuổi tôi đang nằm thì phải. Có lẽ chính cậu bé này đã "hoan hô".
Tôi cất mũ chào người đã khen tôi. Thiếu phụ hỏi tôi:
- Có phải em chơi một mình cho vui không?
Bà nói giọng người ngoại quốc. Tôi đáp:
- Thưa bà, tôi chơi cho các con vật của tôi vui là cũng để tôi giải trí nữa.
Cậu bé ra hiệu, bà mẹ cúi xuống. Đoạn bà ngẩng lên hỏi tôi:
- Em tiếp tục diễn cho chúng tôi coi.
Không để bà nói đến hai lời, tôi liền hỏi:
- Bà muốn xem khiêu vũ hay diễn kịch?
Cậu bé kêu:
- Diễn kịch!
Nhưng thiếu phụ lại muốn xem khiêu vũ.
Cậu bé lại kêu:
- Khiêu vũ ngắn quá.
- Khiêu vũ xong, nếu quý vị muốn, chúng tôi xin trình bày một vài trò như "các phường xiếc ở Ba-Lê".
Đó là câu nói thường xuyên của thầy tôi, tôi lại đem ra nhắc lại để lấy thanh thế.
Nghĩ kỹ ra, tôi không đồng ý diễn kịch vì nhiều lẽ: trước hết thiếu Hiệp-Nhi, sau nữa không có đủ quần áo, mũ cho đào kép.
Tôi lại cầm cây đàn đánh bài khiêu vũ xoay tròn. Tức thì Lãnh-Nhi lấy hai chân trước ôm Thùy-Nhi và quay theo điệu nhạc. Đến lượt Hảo-Tâm ra nhảy một mình. Rồi lần lượt tôi cho ra hết cả chương trình của chúng tôi. Chúng tôi không thấy mệt. Những nghệ sĩ của tôi chắc hẳn đã hiểu sẽ có thù lao, nên chúng trổ hết tài cũng như tôi cố nắn

nót tiếng đàn cho xinh.
Trong khi chúng tôi đang diễn, bỗng Hiệp-Nhi ở trong bụi rậm vượt ra và chạy vào giữa hai bạn nó và diễn theo vai trò của nó.
Tôi vừa đánh đàn vừa trông cậu bé. Tôi ngạc nhiên thấy cậu ấy tuy rất chú ý đến trò nhưng không hề nhúc nhích. Cậu nằm ngay như khúc gỗ, chỉ thấy hai cánh tay cử động để vỗ khen chúng tôi mà thôi. Cậu này tê liệt chăng? Mà hình như thân cậu bị buộc vào một tấm ván.
Dần dần, gió đưa chiếc thuyền áp hẳn vào cạnh bờ tôi đứng. Bây giờ tôi được nhìn rõ cậu bé như tôi ở dưới thuyền bên cạnh cậu.
Tóc cậu vàng hoe, mặt xanh xao, trông những gân xanh xanh trên trán cậu. Vẻ mềm mại, yếu ớt và như có nét buồn thoảng qua.
Chợt thiếu phụ hỏi tôi:
- Em lấy bao nhiêu một người?
- Bà cho bao nhiêu cũng được?
Cậu bé nói:
- Mẹ trả khá khá cho người ta.
Rồi cậu nói bằng tiếng gì, tôi nghe không hiểu. Xong bà mẹ nói:
- An-Tuyên muốn xem gần những vai trò của em.
Tôi ra hiệu cho Lãnh-Nhi, nó lấy đà nhảy vọt vào thuyền.
An-Tuyên kêu:
- Còn những con khác đâu?
Hiệp-Nhi và Thùy-Nhi liền theo sang với bạn.
- Còn con khỉ?
Hảo-Tâm có thể nhảy qua một cách dễ dàng. Nhưng tôi không dám tin nó. Một khi sang thuyền, sợ nó giở những trò không được lịch sự với thiếu phụ chăng?
Thiếu phụ hỏi:
- Nó dữ à?
- Thưa bà, không. Nhưng, nó thường không chịu vâng lời. Sợ nó có điều gì vô lễ chăng?
- Vậy em đem nó sang đây.
Nói xong, bà liền ra hiệu cho người đàn ông ngồi ở lái thuyền. Người này lại đầu thuyền bắc tấm ván lên bờ làm cầu.
Tôi vai vác đàn, tay bế Hảo-Tâm bước sang thuyền.
An-Tuyên reo:
- A! Con khỉ! Con khỉ!
Tôi lại gần cậu bé. Khi cậu vuốt ve con khỉ, tôi có dịp ngắm kỹ cậu. Lạ thực, thân cậu buộc vào tấm ván như tôi đoán lúc đầu thực.
Bà An-Tuyên hỏi tôi:

- Em ơi! Em còn cha chứ?
- Có, nhưng bây giờ thì không?
- Vậy cha đi vắng trong bao lâu?
- Trong hai tháng.
- Hai tháng. Tội nghiệp! Một tí thế này, em phải lang thang một mình? Trong một thời gian lâu thế?
- Thưa bà, bắt buộc phải thế!
- Cha em bắt phải kiếm tiền trong hai tháng đem về?
- Thưa bà, không. Cha tôi không buộc gì cả. Quý hồ tôi kiếm đủ tiền nuôi tôi và các con vật của tôi thôi.
- Thế đến ngày nay em vẫn kiếm được đủ ăn chứ?
Tôi ngập ngừng không trả lời. Tôi chưa từng trông thấy một bà nào lại có vẻ phúc hậu và đáng kính như bà. Bà nói với tôi một cách rất tử tế ân cần. Tiếng nói của bà êm ái, đôi mắt của bà rất dịu dàng và đáng tin cậy nên tôi định đem hết chuyện kể cho bà nghe. Vả lại, tại sao lại im?
Tôi liền kể lại, thầy tôi, Vỹ-Tiên, chỉ vì bảo vệ cho tôi mà bị ngồi tù và từ khi tôi rời Tu-lu, tôi chẳng kiếm được đồng nào.
Khi tôi nói chuyện với bà, An-Tuyên chơi với mấy con chó. Tuy nhiên cậu vẫn để ý nghe tôi nói. Cậu hỏi:
- Vậy tất cả "đoàn" của anh chắc bị "đói" lắm?
Nghe tiếng đói, các bạn tôi hiểu nghĩa, tức thì ba con chó ăng ẳng sủa lên và con khỉ ôm bụng nhăn nhó.
An-Tuyên gọi:
- Mẹ ơi!
Bà hiểu ý con liền bảo một người đàn bà đứng ở cửa phòng bằng tiếng ngoại quốc. Tức thì người đàn bà đó bưng ra một bàn thịnh soạn. Bà An-Tuyên nói:
- Con ơi! Ngồi xuống đây.
Tôi không làm khách, đặt luôn đàn xuống và ngồi vào bàn. Ba con chó đến chung quanh tôi. Hảo-Tâm leo lên đùi tôi ngồi.
An-Tuyên hỏi tôi:
- Những con chó của anh có biết ăn bánh mì không?
- Có.
Tôi cho mỗi con một miếng, chúng đang ăn lấy ăn để.
An-Tuyên lại hỏi tôi:
- Còn con khỉ?
- Không cần phải săn sóc đến nó. Tôi mải cho chó ăn, nó đã vồ một miếng bánh nhân thịt, nhảy xuống gầm bàn nuốt vội đang mắc nghẹn kia.

Đến lượt tôi, tôi cầm một khoanh bánh ăn. Tôi, tuy không đến nỗi bị nghẹn như Hảo-Tâm, nhưng cũng nuốt nhanh không kém nó.
Bà An-Tuyên vừa rót thêm rượu bia vào cốc tôi vừa nói:
- Thương hại cho con quá!
Còn cậu An-Tuyên không nói gì, nhìn chúng tôi không hề chớp mắt, chắc phải kinh dị vì thấy chúng tôi ăn uống như vũ như bão, cả đến con Hiệp-Nhi đã lửng dạ vì miếng thịt cướp ở dọc đường, cũng không chịu thua.
An-Tuyên hỏi tôi:
- Nếu không gặp chúng tôi thì chiều nay, anh ăn ở đâu?
- Có lẽ chúng tôi không ăn.
- Thế ngày mai, các anh ăn ở đâu?
- Ngày mai, may ra lại được quý khán giả như hôm nay.
An-Tuyên thôi nói chuyện với tôi, quay về phía bà mẹ. Hai người đàm thoại bằng tiếng ngoại quốc hồi lâu. Chợt An-Tuyên lại quay đầu ra phía tôi hỏi:
- Anh có thể ở đây với chúng tôi được không?
Tôi nhìn cậu và không trả lời được vì câu hỏi bất thần đó.
- An-Tuyên hỏi con có bằng lòng ở đây với chúng ta không?
- Trong thuyền này?
- Phải, ở trong thuyền. Con ta ốm, bác sĩ cấm không cho cử động, thân thể phải buộc kèm vào tấm ván như con đã trông thấy. Để cho em khỏi buồn, ta cho em đi rong chơi bằng thuyền. Con ở đây với ta. Mấy con chó và con khỉ sẽ diễn trò cho khán giả là An-Tuyên xem. Còn con, nếu con muốn, con ơi, con sẽ đánh đàn cho ta nghe. Như thế, con sẽ giúp việc cho ta và ta cũng có ích cho con phần nào. Ngày ngày con không phải đi lang thang để tìm khán giả, mà cũng không dễ dàng đâu nhất là con mới có bấy nhiêu tuổi đầu.
Đi thuyền! Từ bé tôi chưa được đi thuyền bao giờ! Nay tôi sắp được sống trong thuyền, trên mặt nước, thơ mộng quá, lòng tôi sung sướng biết bao.
Thực là một dịp may cho tôi. Và bà An-Tuyên đã tử tế biết là dường nào!
Nghĩ ngợi trong giây lát, tôi chạy lại cầm tay bà và hôn.
Cảm động về dấu chân thành của tôi, bà âu yếm xoa đầu tôi và nói:
- Tội nghiệp quá!
Để tỏ thiện chí và lòng biết ơn của tôi, tôi xách đàn ra mũi thuyền, bắt đầu dạo mấy tiếng.
Ngay lúc đó, bà cầm một cái còi bằng bạc để lên miệng huýt một tiếng dài.

Tôi ngừng tay, không hiểu tại sao bà lại huýt còi: bà chê ta đánh dở hay bảo ta thôi?
An-Tuyên hiểu ý tôi vội bảo:
- Mẹ tôi ra hiệu cho ngựa đi đấy.
Thực vậy, con thuyền do ngựa kéo rời bến rồi từ từ tiến trên mặt nước phẳng lặng của sông con. Nước vỗ vào mạn thuyền lách tách, hai bên bờ cây cối chạy ngược về phía sau dưới ánh nắng xiên khoai của buổi hoàng hôn.
An-Tuyên bảo tôi:
- Anh cứ đánh đàn đi!
Rồi An-Tuyên gọi mẹ đến ngồi bên cạnh, âu yếm ôm lấy tay mẹ trong suốt thời gian tôi đánh những bản đàn mà thầy tôi đã dạy tôi.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XII
NGƯỜI BẠN THỨ NHẤT CỦA TÔI

Bà mẹ An-Tuyên là người Anh, tên gọi Mỹ-Lưu. Bà góa chồng và tôi tưởng An-Tuyên là con một của bà; – nhưng sau tôi được biết bà còn có người con đầu lòng bị mất tích trong một trường hợp bí ẩn mà người ta không tìm thấy dấu vết gì. Việc đó xảy ra trong khi ông Mỹ-Lưu hấp hối mà bà Mỹ-Lưu thì ốm trầm trọng: mê mẩn không biết gì. Khi bà tỉnh dậy thì chồng đã ra người thiên cổ và con cũng biệt tích bao giờ. Việc tìm kiếm bà giao cho ông Mỹ-Giang là em chồng bà. Người ta thấy có sự bất lợi trong sự ủy thác đó, vì nếu chồng bà chết mà không có con thì đến lượt Mỹ-Giang được thừa hưởng sản nghiệp của người quá cố.
Tuy vậy, Mỹ-Giang không được quyền thừa kế đó là vì sáu tháng sau khi chồng mất, bà sinh hạ được một người con trai, chính là cậu An-Tuyên bây giờ.
Nhưng đứa trai đó mảnh dẻ, yếu ớt, khó lòng nuôi được, các thầy thuốc bảo thế, ngày một ngày hai nó sẽ chết. Đến lúc đó Mỹ-Giang sẽ đương nhiên được hưởng tước vị và tài sản của anh, vì luật lệ về quyền thừa kế mỗi nước một khác, nên ở nước Anh, trong một vài trường hợp người anh mất đi, em có quyền thừa kế, người vợ góa phải chịu thiệt thòi.
Cháu trai ra đời làm cho Mỹ-Giang thất vọng, nhưng không phải tuyệt

vọng, vì ông ta có thể đợi.
Ông ta đã đợi.
Những lời tiên đoán của thầy thuốc không nghiệm. Đứa bé tuy ẻo lả thật nhưng nó vẫn dai dẳng, không chết, có hy vọng nuôi được, đó là nhờ lòng hy sinh săn sóc của bà mẹ. Và ơn Thượng-Đế! Đó là một sự kỳ diệu.
Đã hai mươi lần người ta tưởng nó chết, đã hai mươi lần nó lại được cứu sống. Rồi cứ quặt quẹo luôn, có khi hàng trăm thứ bệnh sả vào mình nó.
Gần đây nó mắc chứng đau xương hông. Thầy thuốc khuyên nên đi tắm ở suối nước có chất lưu hoàng. Bà Mỹ-Lưu không quản ngại, đã sang Pháp tìm đến núi Py-rê-nê, nhưng dùng nước suối đó vô hiệu. Một danh y lại cho cách điều trị khác là giữ cho thân thể bịnh nhân nằm thẳng, không được bước chân xuống đất.
Vì thế bà Mỹ-Lưu phải đặt làm ở Boóc-Đô cái thuyền lạ kiểu mà hiện thời tôi đang nương náu ở đó.
Bà nghĩ không thể giam con mãi trong nhà được, nó sẽ chết mòn vì buồn và thiếu khí lành. An-Tuyên không đi được thì cái nhà sẽ đi thay cho An-Tuyên.
Người ta đã chế cái thuyền thành một thứ nhà nổi, có buồng ngủ, có bếp, có phòng khách và hiên ngồi hóng mát, thuyền đó đặt tên là Thiên-Nga. Chính ở trong phòng khách ấy hay ở dưới mái hiên ấy, tùy theo tiết trời, An-Tuyên ra nằm đó từ sáng đến chiều, chuyện trò với mẹ hay nhìn phong cảnh luôn luôn diễn ra trước mắt, không mất công di chuyển và cũng không phải nhọc nhằn gì. Con thuyền khởi hành từ Boóc-Đô đã hơn một tháng nay rồi. Sau khi ngược sông Ga-ron, thuyền vào sông Nam. Do sông này, thuyền qua những cừ, những lạch, lượn theo ven bờ biển Địa-Trung-Hải để đến sông Rôn. Lại ngược sông Rôn và phụ lưu Sa-ôn để sang sông Loa, đến tỉnh Briare thì rẽ vào sông đào tỉnh ấy. Rồi từ sông này vào sông Xen, xuôi xuống hải cảng Ru-En; ở đó bà Mỹ-Lưu cùng con sẽ đáp tàu về Anh-Quốc.
Hôm tôi xuống thuyền, tôi chỉ biết cái buồng dành cho tôi thôi. Mặc dầu nó dài chừng hai mét, rộng độ một mét, nhưng rất điểm dáng và sạch sẽ. Đồ đạc trong buồng chỉ có một cái tủ thấp, nhưng cái tủ này chẳng khác gì cái chai của một nhà vật lý học, bên trong chứa đựng không biết bao nhiêu là thứ. Mở nắp tủ ra người ta thấy một cái giường đầy đủ đệm, gối, chăn. Dưới giường là một ngăn kéo có đủ các thứ dùng về việc tắm rửa. Dưới ngăn kéo này lại có cái ngăn kéo thứ hai chia làm nhiều ô để xếp quần áo. Không có bàn, không có

ghế. Nhưng ở đầu giường, một tấm gỗ xinh xắn, đóng vào bức ngăn, hạ xuống thành cái bàn; cuối giường một miếng gỗ nhỏ hơn, hạ xuống thành cái ghế dựa.
Một cái cửa sổ tròn, chọc ra ở sườn thuyền, có cánh lồng kính, dùng để lấy ánh sáng và thay đổi khí trời.
Những bức ngăn, đều bằng gỗ thông sơn bóng. Trên sàn rải một cái khăn bằng vải sơn kẻ ô vuông đen và trắng.
Cái buồng này không những làm đẹp mắt mà còn làm cho lòng tôi thích thú nữa.
Sau khi cởi áo rồi, lên giường nằm, tôi có một cảm giác êm đềm mới. Lần đầu tiên tôi được đặt mình trên cái khăn trải giường mịn màng, không cắn da. Ở nhà mẹ tôi, tôi nằm trên cái khăn bằng gai cứng ráp. Đi với thầy tôi, chúng tôi thường ngủ trên rơm, trên cỏ có khi vào nhà trọ thì chỗ nằm chẳng hơn ổ súc vật bao nhiêu.
Ôi! Cái chăn mềm ấm và thơm tho biết bao! Cái nệm êm ái hơn ổ lá thông hôm trước rất nhiều. Cái yên lặng ban đêm không làm cho tôi lo lắng, bóng tối cũng không chập chờn như ma nữa! Và cả những ngôi sao nhìn tôi qua cửa sổ, khích lệ tôi và hứa hẹn rất nhiều.
Tuy được ngủ ngon trên chiếc giường êm ấm, tôi không quên dậy sớm, vì tôi vẫn nghĩ đến những bạn tôi không biết đêm qua ngủ ngáy thế nào.
Tôi thấy tất cả gia nhân tôi đều nằm yên ở chỗ tối qua tôi xếp đặt và ngủ dài như ở nhà mình. Khi tôi lại gần, những con chó thức dậy, vui mừng chạy lại cho tôi vuốt ve. Còn Hảo-Tâm tuy một mắt có hé mở, nhưng không cử động và nó cứ ngáy khò khò như tiếng kèn hai ống.
Thấy thế tôi hiểu ngay. Ngài Hảo-Tâm bản chất hay chạnh lòng, mỗi khi phật ý thì giận rất lâu. Vì hoàn cảnh bắt buộc, hôm qua tôi không để ngài ngủ trong phòng cùng tôi, nên ngài giận tôi và giả cách ngủ.
Tôi không làm sao cắt nghĩa cho con Hảo-Tâm hiểu được rằng tôi phải buộc lòng cho nó ngủ ngoài sàn. Tôi liền bế nó lên tay vuốt ve nó và tỏ lòng áy náy của tôi.
Thoạt tiên nó cứ hờn dỗi mãi, một lúc lâu, vì tính hiếu động, nó nghĩ đi việc khác rồi ra hiệu cho tôi biết nếu cho nó lên bộ chơi một lúc thì nó không giận nữa.
Lúc đó người lái thuyền đã dậy và đang lau sàn. Tôi nhờ bác ta bắc cầu cho tôi cùng các con vật lên cánh đồng cỏ chơi một lúc.
Tôi chơi đùa với các con chó và Hảo-Tâm, tôi chạy, tôi nhảy, tôi leo lên cây. Thời giờ đi nhanh quá. Khi chúng tôi trở về chỗ thuyền đậu thì hai con ngựa đã buộc dây sẵn sàng chỉ còn chờ lệnh chạy.
Chúng tôi vội vàng xuống thuyền. Vài phút sau, người chân sào tháo

dây ở bờ và rút cầu. Người kéo thuyền lên mình ngựa. Tiếng dây kèn kẹt: chúng tôi bắt đầu đi.
Đi thuyền thú biết bao! Những con ngựa chạy đều trên bờ. Chúng tôi lướt trên mặt nước rất êm. Cây cối hai bên bờ chạy trốn về phía sau chúng tôi. Người ta chỉ nghe thấy tiếng nước lách tách vỗ vào mạn thuyền lẫn tiếng nhạc đồng xoàng xoảng trên bờ.
Đứng ở trên bao lan thuyền, tôi nhìn những cây bạch dương, rễ bò trong đám cỏ tươi, lá hiu hiu động trong bầu không khí yên lặng ban mai. Rặng cây liền xít trên bờ sông như một tấm màn màu lục, ngăn ánh triêu dương, chỉ để lọt qua kẽ lá một vài tia nắng dịu dàng.
Mặt sông có chỗ nước đen thẳm như phủ trên những vực sâu, có chỗ nước trong vắt trông rõ cả những viên sỏi bóng loáng và những đám cỏ mịn như nhung.
Tôi đang mải ngắm cảnh, chợt có tiếng gọi tôi ở phía sau. Tôi quay lại thấy cậu An-Tuyên, người ta đã đưa cậu ra nằm chơi ở đó. Mẹ cậu ngồi bên cạnh. An-Tuyên hỏi:
- Đêm qua anh ngủ được hơn ở cánh đồng chứ?
Tôi chạy lại gần, tìm những câu lễ phép để trả lời cậu và mẹ cậu.
Cậu hỏi:
- Những con chó đâu?
Tôi gọi chúng đến. Những con chó vừa đến vừa giơ tay chào; Hảo-Tâm nhăn mặt cúi đầu. Chúng tưởng sắp có cuộc diễn trò.
Nhưng sáng nay không phải làm gì cả.
Bà Mỹ-Lưu cho con nằm chỗ khuất nắng và bà ngồi bên cạnh con.
Bà bảo tôi:
- Con đem các con chó và con khỉ ra chỗ khác chơi để chúng ta làm việc.
Tôi theo lời, đưa đàn chó và Hảo-Tâm ra mũi thuyền.
Cậu bé tàn tật cũng có thể làm việc được sao?
Tôi nhìn thấy mẹ cậu cầm quyển sách đọc từng câu và bắt cậu nhắc lại.
Nằm trên tấm ván, cậu miệng lẩm nhẩm nhắc những câu mẹ đọc.
Cậu nhắc khó nhọc lắm, nhắc lại ba tiếng cũng không xuôi, thường nói lộn.
Bà mẹ kiên nhẫn sửa lại nhiều lần những câu sai đó một cách dịu dàng nhưng không kém phần cương nghị. Xong bà nói:
- Con không thuộc bài ngụ ngôn của con rồi.
An-Tuyên kêu bằng một giọng chán nản:
- Ô!
- Hôm nay con đọc sai hơn hôm qua nhiều.

- Con vẫn cố học.
- Và con chẳng thuộc gì cả.
- Con không thể học thuộc được.
- Tại sao?
- Con không biết… bởi vì con không thể học thuộc được… con ốm.
- Óc con không ốm. Mẹ không bằng lòng con không học gì. Con cứ lấy nê ốm mà không học thì lớn lên con sẽ dốt nát.
Bà Mỹ-Lưu tỏ ta nghiêm nghị nhưng bà nói rất ôn tồn, êm ái:
- Tại sao con chán học bài?
- Thưa mẹ, con không sao học được, quyết rằng con không sao học được.
Rồi An-Tuyên khóc òa lên. Nhưng bà không chuyển lòng, măc dầu bà vẫn thương con. Bà nói:
- Hôm nay mẹ định học xong thì cho con chơi với Lê-Minh và đàn chó. Nhưng con lại không thuộc thì chơi làm sao được?
Nói xong, bà đưa sách cho con và bước vài bước định vào trong phòng để mặc con nằm trên tấm ván.
An-Tuyên khóc nức nở. Ở ngoài mũi thuyền tôi cũng nghe thấy tiếng khóc của cậu.
Bà Mỹ-Lưu sao lại quá nghiêm nghị với đứa con ốm yếu mà bà thương yêu nhất đời thế? Cậu không thuộc được bài, không phải lỗi tại cậu, mà là do bệnh nạn sinh ra.
Bà định bỏ con nằm một mình ở đó và không bảo con lời nào hay sao?
Không. Bà không bỏ con nằm đó. Định vào trong phòng nhưng bà lại trở lại. Bà nói:
- Vậy mẹ cùng học với con nhé?
- Thưa mẹ, cùng học, vâng.
Bà liền ngồi cạnh con, cầm lấy sách và đọc rất thong thả bài ngụ ngôn, chó sói và con cừu non. An-Tuyên theo mẹ nhắc lại từng tiếng từng câu.
Bà đọc như thế ba lần, xong bà trao sách cho An-Tuyên bảo con tập đọc một mình và bà vào trong thuyền.
An-Tuyên tiếp tục đọc bài ngụ ngôn. Ở chỗ tôi ngồi, tôi nhìn rõ môi cậu lắp bắp.
Cậu cũng biết nghe lời mẹ và chịu khó đấy chứ?
Nhưng sự chăm chú ấy không được lâu. Lát sau cậu nhìn ra ngoài quyển sách, môi cử động chậm dần rồi im bặt.
Cậu không đọc nữa, không nhẩm nữa. Cậu nhìn quanh nhìn quẩn và trông thấy tôi. Tôi giơ tay làm hiệu, khuyến khích cho cậu tiếp tục học

bài.
Cậu mỉm cười như để cảm ơn tôi rồi lại nhìn vào quyển sách.
Nhưng được một lát, cậu lại nhìn ra bờ sông.
Lúc đó, tôi vô tình đứng dậy, làm cho cậu chú ý nhìn tôi, tôi trỏ vào quyển sách, cậu luống cuống, lại nhẩm bài.
Không may, hai phút sau, có con chim trả bay vụt như mũi tên ngang sông, qua đầu thuyền để lại sau nó một vệt màu lam.
An-Tuyên nghển đầu nhìn theo. Khi con chim trả đã biến rồi, cậu nhìn theo tôi và nói:
- Anh ơi! Tôi muốn học lắm, nhưng…
Tôi lại gần cậu và nói:
- Bài ngụ ngôn này không khó lắm đâu.
- Ô! Khó lắm chứ!
- Tôi thấy dễ. Nghe bà đọc ban nãy, tôi đã nhớ cả rồi.
Cậu mỉm cười có ý nghi ngờ.
- Cậu có muốn tôi đọc lại cho cậu nghe không?
- Đọc làm sao được?
- Không. Tôi đọc được. Cậu cầm sách dò, tôi cố đọc xem có đúng không?
Cậu cầm sách nhìn, tôi đọc lại. Cậu chỉ phải chữa một hai tiếng tôi quên thôi. Cậu hỏi:
- Thế anh thuộc thực à?
- Không được thuộc lắm. Nhưng bây giờ tôi có thể đọc lại không sai.
- Anh làm thế nào mà thuộc được?
- Tôi nghe bà đọc, nghe một cách rất chăm chú, không để ý hoặc nhìn những vật chung quanh tôi.
Cậu đỏ mặt, nhìn ra chỗ khác. Xong, hết thẹn, cậu bảo tôi:
- Tôi đã hiểu cách nghe của anh thế nào rồi. Tôi sẽ cũng nghe như anh. Nhưng anh làm thế nào mà nhớ được tất cả những tiếng ngổn ngang trong óc?
Tôi đã làm thế nào? Tôi cũng không biết vì không bao giờ tôi để ý đến điều đó. Tuy nhiên tôi cũng theo kinh nghiệm của tôi, cắt nghĩa cho cậu nghe, tôi nói:
- Bài ngụ ngôn nói về cái gì? Về con cừu. Tôi bắt đầu nghĩ đến những con cừu. Rồi tôi nghĩ đến chúng nó làm gì: “Những con cừu đang ở yên lành trong vườn”. Tôi trông thấy những con cừu nằm và ngủ trong vườn vì chúng được yên ổn. Và đã nhìn thấy chúng tôi không quên được.
Cậu nói:
- Phải đấy, tôi cũng trông thấy chúng: “Những con cừu ở yên lành

trong vườn". Tôi trông thấy có con trắng, có con đen, tôi trông thấy cả những con cừu cái, cừu con. Tôi trông thấy cả vườn rào giậu thưa.
- Như vậy cậu không quên được nữa chứ?
- Ô! Không quên được.
- Thường thì ai giữ việc chăn cừu?
- Những con chó.
Khi chúng không cần coi cừu vì những con này đã được yên lành thì chúng làm gì?
- Chúng chả làm gì cả.
- Lúc đó chúng có thể ngủ được. Vậy ta nói: "Những con chó nằm ngủ cả".
- Chính thế! Dễ quá!
- Có phải dễ lắm không? Bây giờ, ta nghĩ đến cái khác. Ai thường coi cừu với chó?
- Trẻ chăn cừu.
- Nếu những con cừu được yên lành, trẻ chăn cừu ngồi rỗi thì nó dùng thì giờ để làm gì?
- Để thổi sáo.
- Cậu có nhìn thấy không?
- Có.
- Vậy nó ở đâu?
- Dưới bóng cây du.
- Nó có chơi một mình phải không?
- Không. Nó chơi với những trẻ mục đồng khác.
- Bây giờ cậu đã trông thấy cừu, thấy vườn, thấy chó và trẻ chăn cừu. Vậy cậu có thể nhắc lại không sai đoạn đầu bài ngụ ngôn được không?
- May ra được.
- Cậu cố nhắc lại xem.
Nghe tôi nói và cắt nghĩa cách học bài thế nào cho chóng thuộc. An-Tuyên nhìn tôi vừa cảm động vừa e sợ vì không tin điều tôi nói là thật, tuy nhiên, sau vài giây ngập ngừng, cậu nhất định đọc:
- "Những con cừu ở yên lành trong vườn. Những con chó nằm ngủ cả. Em bé chăn cừu ngồi dưới bóng cây du đang thổi sáo chơi với mấy trẻ mục đồng khác".
Xong cậu vỗ tay reo:
- Tôi thuộc nhẵn, không sai chữ nào!
- Vậy cứ theo cách đó, cậu học các đoạn sau.
- Ừ! Với anh, tôi tin rằng tôi có thể học thuộc hết được. A! Mẹ tôi sẽ sung sướng biết bao!

Rồi cậu theo phép học đoạn đầu, cậu tiếp tục đọc đoạn dưới. Không tới 15 phút, cậu thuộc hết và đọc rất trôi chảy. Khi cậu đọc vừa xong thì mẹ cậu ở trong ra, đứng sau chúng tôi.
Thoạt tiên, bà có ý không bằng lòng tưởng chúng tôi họp nhau để chơi, nhưng An-Tuyên không để bà hỏi, nói luôn:
- Mẹ ơi! Con thuộc rồi! Chính Minh đã dạy con học đấy!
Bà Mỹ-Lưu ngạc nhiên nhìn tôi. Bà định hỏi tôi thì An-Tuyên không chờ mẹ bảo, đọc luôn bài ngụ ngôn một mạch, không ngập ngừng và không sai chữ nào, đôi mắt sáng ngời đắc thắng.
Trong khi đó, tôi nhìn bà Mỹ-Lưu gương mặt kiều diễm của bà tươi hẳn lên, hai mắt long lanh ướt. Bà cúi xuống ôm lấy con hôn, không biết bà có khóc không.
An-Tuyên nói với mẹ:
- Những chữ, tồi quá, không nghĩa lý gì, nhưng những vật thì người ta nhìn thấy. Minh bảo con nhìn thấy trẻ chăn cừu với cái sáo của nó. Khi con học con không nhìn vơ vẩn chung quanh con, con chỉ nhìn thấy cái sáo của trẻ chăn cừu và con nghe thấy cả điệu sáo thổi nữa. Mẹ muốn nghe con hát điệu đó không?
Rồi cậu hát một bài điệu hơi buồn bằng tiếng Anh.
Lần này thì bà khóc thực. Khi bà đứng dậy, tôi trông thấy những giọt nước mắt đã rỏ trên má cậu con. Rồi bà bước tới cạnh tôi, cầm tay tôi và bắt rất chân thành khiến tôi vô cùng cảm động. Bà nói:
- Con là một đứa trẻ tâm địa tốt.
Tôi kể lại việc phụ này hơi dài dòng là cốt để độc giả biết vì đâu mà địa vị của tôi ở trong thuyền từ đó bỗng nhiên thay đổi. Hôm qua, người ta cho tôi là một đứa trẻ diễn trò để làm vui cậu bé ốm, nhưng hôm nay, bài ngụ ngôn đó đã chia rẽ tôi với các con vật của tôi, tôi trở nên một người bạn, một người bạn thân của cậu An-Tuyên.
Cũng nên nói ngay rằng – điều này về sau tôi mới biết – bà Mỹ-Lưu rất sầu não thấy con chẳng học gì được. Mặc dầu con ốm yếu, bà muốn cậu làm việc đôi chút vì bệnh cậu còn kéo dài, bà muốn luyện ngay từ bây giờ cho óc cậu bắt những thói quen để dễ kéo lại những thời gian đã mất khi mà cậu bình phục hẳn.
Bà lại thất bại trong việc rèn luyện đó. Cậu rất dễ bảo về phương diện làm việc, nhưng rất khó bảo về phương diện chú ý và chuyên cần. Cậu không sợ sách. Khi người ta trao cho cậu quyển sách, cậu sẵn sàng mở hai tay ra đón, nhưng còn óc cậu, cậu không mở và giống như cái máy; miệng cậu nhắc lại không hay không dở, hoặc dở nhiều hơn hay, những tiếng mà người ta đem nhồi vào óc cậu.
Vì thế, bà rất sung sướng thấy con thuộc được bài ngụ ngôn cùng

học với tôi trong có nửa tiếng đồng hồ, mà chính bà, bà vẫn dạy cậu trong bao nhiêu ngày mà cậu không thuộc.
Bây giờ, mỗi khi tôi nhớ lại những ngày đã ở trong thuyền Thiên-Nga với bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên, tôi cho là những ngày sung sướng nhất trong thời thơ ấu của tôi.
Cậu An-Tuyên đối với tôi có một tình hữu ái nồng nàn. Còn tôi, tôi cũng tự nhiên và coi cậu như tình ruột thịt. Chúng tôi không bao giờ cãi nhau. Về phần cậu, cậu không hề tỏ ra chút chi là quyền quý. Về phần tôi, tôi không thấy chút chi là bịn rịn, mà tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó.
Sự làm thân đó là do tuổi thơ dại của tôi chưa biết việc đời là thế nào, mà cũng là do tính tình cao nhã và lòng tự ái của bà Mỹ-Lưu, bà coi tôi như con đẻ của bà.
Cuộc đi chơi bằng thuyền này đã đem lại cho tôi nhiều thích thú. Không một giờ nào buồn, không một giờ nào mệt. Từ sáng đến chiều giờ nào cũng thanh thản.
Từ ngày thiết lập đường hỏa xa, người ta không viếng và không biết đến sông Nam nữa, đó là một khuyết điểm vì sông này cũng là một kỳ cảnh của nước Pháp.
Từ tỉnh Villefranche, qua Avignonnet tới Naurouse, người ta thấy dựng ở đây một đài kỷ niệm để nghi ơn ông Riquet, người đã khai con sông này. Đài kỷ niệm đó ở trên đỉnh đất phân cách hai triền sông: một chảy về Đại Tây Dương, một chảy về Địa Trung Hải.
Lần lượt chúng tôi qua Castelnaudary, thành phố lắm cối xay, qua Carcassonne, một thành thị của thời trung cổ, tới đập Fouserannes có tám thủy hạp kết liền nhau, rồi đến tỉnh Béziers.
Qua miền nào đẹp lạ thì chúng tôi đi chậm lại, mỗi ngày độ vài dặm, trái lại miền nào hiu quạnh thì chúng tôi đi nhanh.
Chính đường đi định đoạt tốc độ và giờ khởi hành của chúng tôi. Chúng tôi không thể bận óc như những kẻ bộ hành, chúng tôi không thể phải đi những thôi đường dài để chóng tới quán trọ tìm nơi ăn, chốn ngủ.
Ngày nào cũng giờ ấy, bữa ăn dọn sẵn ở ngoài hiên. Trong khi ăn chúng tôi lặng nhìn những phong cảnh linh hoạt ở hai bên bờ sông. Khi mặt trời lặn, chỗ nào màn đen tỏa xuống thì chúng tôi cắm thuyền; chúng tôi nghỉ ở đó cho tới khi ánh trời tỏ rạng, chúng tôi lại nhổ sào. Lúc nào cũng ở nhà mình, chúng tôi không biết những giờ vô sự của buổi chiều, dài dằng dặc và buồn tẻ cho những khách bộ hành.
Trái lại, những giờ hôm-tăm đó đối với chúng tôi, rất ngắn. Có khi

đến giờ ngủ mà chúng tôi không buồn đi nằm.
Khi thuyền dừng lại, nếu trời lạnh, chúng tôi ở phòng khách. Sau khi đã đốt than củi, để khu trừ khí ẩm và hơi sương không tốt cho bệnh nhân, người ta thắp đèn và đưa An-Tuyên đến cạnh bàn. Tôi ngồi bên cậu. Mẹ cậu giở cho chúng tôi xem những sách có tranh vẽ hay những tấm ảnh đẹp và giảng cho chúng tôi nghe. Cũng như con thuyền kiểu đặc biệt kia, những tranh và những hình ảnh đó đã được lựa chọn và dự bị sẵn cho cuộc đi chơi này.
Khi chúng tôi xem tranh ảnh chán rồi, bà kể cho chúng tôi nghe những chuyện cổ tích hay những dã sử thuộc về miền chúng tôi đi qua. Bà vừa nói vừa nhìn vào mắt con, cảm động nhất là những lúc bà vỗ trán cố tìm những tiếng dễ hay cố phát biểu những ý vừa sức cho con hiểu.
Còn tôi, những buổi chiều đẹp, tôi cũng có công việc để hoạt động. Tôi vác đàn lên bộ, tìm một gốc cây tỏa bóng sẫm đen, ngồi đó, tôi hát và đánh lại tất cả những bản nhạc tôi thuộc. Cậu An-Tuyên thích nghe những tiếng đàn trong đêm vắng, không trông thấy người chơi nhạc. Cậu thường kêu to “Đánh nữa đi!”. Tôi lại gảy lại khúc đàn cậu ưa thích.
Đó là một đời sống êm đềm và sung sướng cho một đứa trẻ như tôi, đã rời bỏ mái nhà tranh của bà Bảo-Liên để rong ruổi trên con đường vô tận của Vỹ-Tiên, thầy tôi.
Món khoai suông của mẹ nuôi tôi với thịt đông, với bánh nhân mứt, cờ-rem, và bánh ngọt của bà Mỹ-Lưu bây giờ có khác nhau nhiều. Cuộc đi đường trường dưới mưa dầm nắng rát lẽo đẽo theo thầy tôi so với cuộc du lịch bằng thuyền này cũng khác nhau xa.
Cho được công bình, tôi phải nói rằng trong cuộc sinh hoạt mới này, sự nương tựa về vật chất không làm cho tôi cảm động bằng sự nương tựa về tinh thần.
Thực vậy, được ăn miếng ngon cũng thú, không phải chịu nắng, chịu rét, cũng sung sướng lắm. Nhưng có điều thú hơn và sung sướng hơn là một tình yêu thương đã tràn ngập vào trái tim tôi.
Đã hai lần cái dây vô hình ràng buộc tôi với những người tôi yêu bị cắt đứt: lần thứ nhất là khi tôi bị dứt trong tay mẹ tôi, bà Bảo-Liên; lần thứ nhì là tôi bị chia lìa ông Vỹ-Tiên, thầy tôi. Cả hai lần tôi đều thấy tôi bơ vơ trên đời. Không nơi nương tựa, không chỗ cậy nhờ, chỉ có mấy con vật làm bạn bên mình.
Trong lúc bơ vơ, trong cơn khổ não, tôi đã gặp được người rất yêu thương tôi và tôi rất quý mến, một bà kiều diễm, hiền hậu và dịu dàng; và một cậu con trai bằng tuổi tôi, coi tôi như tình ruột thịt.

Sung sướng biết bao cho một trái tim – như trái tim tôi – đang khát tình thương.
Đã bao lần, nhìn cậu An-Tuyên nằm trên tấm ván, xanh xao, yếu ớt, tôi thèm hạnh phúc của cậu, tôi, một người lành mạnh!
Không phải vì đời sống sung sướng của cậu mà tôi thèm, không phải vì những sách quý của cậu, vì những đồ chơi đắt tiền của cậu hay cái thuyền du lịch của cậu mà tôi thèm, tôi chỉ mơ ước được cái tình mẫu tử tuyệt vời của mẹ đã chan hòa cho cậu.
Cậu thực sung sướng biết nhường nào! Không bao giờ tôi lại có được mẹ hôn đến mười lần, hai mươi lần một ngày và được hôn người mẹ hiền, mà tôi chỉ được sờ tay khi bà giơ cho tôi.
Lúc đó, tôi âm thầm nghĩ ngợi: không bao giờ tôi lại có một người mẹ hôn tôi và tôi được hôn lại. Có thể một ngày kia tôi được gặp bà Bảo-Liên, tôi sẽ sung sướng lắm, nhưng hôn bà và gọi bà là "mẹ" thì thật là dối lòng, vì bà không sinh ra tôi.
Một mình, suốt đời tôi chỉ có một mình!
Vì thế tôi không nên yêu sách quá về phần hạnh phúc trên đời. Tôi không có mẹ, không có anh em, không có gia đình, tôi phải biết nhận rằng tôi rất sung sướng vì có bạn.
Tôi nên sung sướng và thực ra tôi đã được sung sướng!
Nhưng than ôi! Mẩu đời sung sướng này ngắn ngủi quá! Tôi phải từ bỏ để trở lại cuộc đời cũ, lang thang trên đường vô định.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XIII
ĐỨA CON BỎ RƠI

Những ngày nương náu dưới thuyền vùn vụt như tên bay. Thấm thoát đã gần đến ngày thầy tôi được tha về. Lòng tôi sung sướng nhưng không khỏi bồi hồi.
Chúng tôi càng xa Tu-lu bao nhiêu thì lòng tôi càng bứt rứt bấy nhiêu.
Ngày ngày an nhàn trên chiếc thuyền du lịch vui thú biết bao! Nhưng rồi đây sẽ phải rời thuyền để đi bộ cũng về nẻo ấy.
Còn đâu nữa giường êm, bánh ngọt! Còn đâu nữa những buổi chiều tụ họp xung quanh bàn! Buồn biết bao!
Tôi lại buồn hơn nữa nghĩ đến lúc chia tay An-Tuyên và mẹ cậu. Tôi

sẽ phải dứt tình luyến thương của bà Mỹ và cậu Tuyên, mất bà và cậu cũng như tôi đã mất mẹ nuôi tôi. Nghĩ lại đời tôi, tôi yêu và được thương để rồi phải chia lìa những người âu yếm tôi mà tôi không muốn xa rời.
Có thể nói được rằng mối tư lự đó ví như một đám mây, tự nhiên đến làm vẩn đục những ngày tươi sáng của tôi.
Hôm sau, tôi báo tin cho bà Mỹ-Lưu biết và hỏi bà từ đấy về Tu-lu mất bao nhiêu thì giờ vì tôi muốn đến cửa nhà lao đúng lúc thầy tôi ở đó bước ra.
Nghe tôi nói đến chuyện đi, An-Tuyên kêu to:
- Tôi không muốn Minh đi đâu!
Tôi phải giảng giải cho cậu biết rằng thân tôi không được tự do. Tôi thuộc quyền thầy tôi vì cha mẹ tôi đã thuận cho thầy tôi thuê, bây giờ thầy tôi cần đến tôi phải trở lại giúp việc cho thầy tôi.
Khi tôi nhắc đến cha mẹ tôi, tôi không nói rõ là cha mẹ nuôi, sợ phải thú nhận mình là đứa con bỏ rơi.
An-Tuyên nói tiếp:
- Mẹ ơi! Mẹ phải giữ anh Minh lại cho con.
Ngoài giờ học tập thì An-Tuyên nhất nhà, bảo gì mẹ cũng phải nghe.
Bà đáp:
- Giữ được Lê-Minh lại thì mẹ sung sướng lắm, vì con quyến luyến Minh mà mẹ cũng thương em lắm. Nhưng muốn cho em ở luôn đây phải có hai điều kiện mà mẹ và con không thể định đoạt được. Điều kiện thứ nhứt phải là Lê-Minh thích ở đây…
An-Tuyên ngắt lời:
- Anh Minh ơi! Anh thích ở đây chứ? Anh không muốn về Tu-lu phải không?
Bà Mỹ-Lưu không để tôi trả lời nói tiếp:
- Điều kiện thứ hai là thầy em có bằng lòng thì mới được.
An-Tuyên nói:
- Lê-Minh, cần Lê-Minh trước đã.
Đành rằng Vỹ-Tiên, thầy tôi rất thương tôi và tôi phải nhớ ơn thầy tôi dạy dỗ và săn sóc tôi, nhưng cuộc sống bên cạnh thầy tôi không thể nào so sánh được với cuộc sống mà bà Mỹ-Lưu đã dành cho tôi. Hơn nữa tôi nói câu này không hối hận – cái tình thương của thầy tôi cũng không thể nào so sánh được với lòng âu yếm của bà Mỹ-Lưu và tình quyến luyến của cậu An-Tuyên đối với tôi. Khi tôi nghĩ như thế, thì tôi lại cho là không phải, dám coi những người lạ; quen biết chưa được bao lâu hơn người đã cùng tôi dãi dầu, kham khổ. Nhưng thực tình là như thế, tôi không hiểu sao lòng tôi cứ quyến luyến bà

Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên.
Bà Mỹ-Lưu nói tiếp:
- Trước khi trả lời, Lê-Minh còn phải nghĩ vì ở đây không phải là chỗ ăn chơi, còn phải học, còn phải làm, còn phải giúp con học nữa. Lê-Minh tất phải cân nhắc xem ở đây với các công việc đó hơn hay sống tự do trên đường hơn.
Tôi nói luôn:
- Thưa bà, bà tin rằng con không có điều gì phải cân nhắc. Con nhận thấy ý định của bà rất quý.
An-Tuyên kêu to:
- Đấy! Mẹ xem Lê-Minh bằng lòng ở lại, mẹ ạ!
Rồi cậu vỗ tay. Tôi đã làm cho cậu hết lo vì cậu vốn là người sợ sách nhất. Khi mẹ cậu nói đến việc làm và sách vở, tôi thấy mặt cậu tái đi. Nếu tôi từ chối, không biết cậu sẽ lo buồn đến thế nào! Tôi thì trái ngược hẳn với cậu, tôi không sợ sách, những sách không làm cho tôi sợ hãi mà còn hấp dẫn tôi nữa. Gần đây bà Mỹ-Lưu có trao cho tôi mấy quyển sách. Những sách đó làm cho tôi rất ham thích. Vì thế, ý bà muốn lưu tôi lại làm cho tôi rất sung sướng và cảm ơn lòng bao dong của bà. Nếu thầy tôi thuận, tôi sẽ không phải rời bỏ thuyền Thiên-Nga, rời bỏ đời sống êm đềm và không phải xa cách cậu An-Tuyên và mẹ cậu.
Bà Mỹ-Lưu nói tiếp:
- Bây giờ tính đến sự đồng ý của ông Vỹ-Tiên. Muốn thế ta phải viết thư mời ông đến tìm ta ở thành Cette, vì ta không thể lộn lại thành Tu-lu được. Ta sẽ gửi tiền lộ phí cho ông và cho biết những lý do khiến ta không thể đi xe hỏa được. Ta mong ông sẽ vui lòng đến. Nếu ông ưng thuận ý định của ta, ta chỉ còn phải giàn xếp với cha mẹ Lê-Minh là xong vì cũng cần phải hỏi ý kiến cha mẹ em.
Những lời bà nói làm cho tôi hả dạ vô cùng. Nhưng câu nói sau cùng, đã làm cho tôi choáng cả người như bị vỡ tan giấc mộng mà trở về với sự thực đáng buồn.
Hỏi ý kiến cha mẹ tôi tức là ông Bảo-Liên! Chắc chắn ông bà Bảo-Liên sẽ nói hết những điều mà tôi muốn giấu. Sự thực sẽ nổ tung ra: Tôi là đứa con bỏ rơi! Xấu lắm!
Lúc đó, cậu An-Tuyên hay bà Mỹ-Lưu sẽ không dung tôi nữa!
Nghĩ thế, tôi tái mặt lại.
Bà Mỹ-Lưu nhìn tôi và hỏi sao thế? Tôi không dám trả lời. Bà tưởng tôi bối rối về việc thầy tôi sắp về nên không hỏi gặn nữa.
May sao, lúc đó sắp đến giờ ngủ, nên tôi lẩn được đôi mắt tò mò của An-Tuyên nhìn tôi, mà về phòng ngủ.

Đêm đó, một đêm buồn nhất cho tôi từ ngày xuống thuyền. Tôi trằn trọc, lo lắng suy nghĩ.
Làm thế nào bây giờ? Nói thế nào bây giờ?
Tôi không tìm được lối thoát. Sau khi đã vần đi vần lại một ý nghĩ đến hàng trăm lần trong óc, sau khi tìm câu nói xét ra lẩn quẩn giấu đầu hở đuôi, tôi nhất định một kế, kế này chắc chắn nhưng hơi hèn, là chẳng nói gì và chẳng làm gì. Mặc kệ cho việc nó đến. Tôi cam chịu tất vì không có cách gì hơn nữa. Có lẽ thầy tôi không muốn rời tôi. Lúc đó tôi lại đi theo thầy tôi, như thế không phải lo bày tỏ sự thật. Tôi chỉ sợ sự thực vỡ lỡ ra, sợ quá đến nỗi tôi lại cầu mong ông Vỹ-Tiên bác lời của bà Mỹ-Lưu đi và không thể nào ổn định về việc của tôi được.
Như vậy, dù tôi có phải xa cậu An-Tuyên, xa bà Mỹ-Lưu thực và có lẽ không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng tôi vẫn thích rằng cậu và mẹ cậu sẽ không giữ một kỷ niệm xấu về tôi.
Viết thư cho Vỹ-Tiên được ba ngày thì bà Mỹ-Lưu nhận được phúc đáp. Bằng mấy câu vắn tắt, Vỹ-Tiên nói rất hân hạnh nhận được thơ bà và hẹn thứ bảy tới, ông sẽ đi chuyến tàu hỏa 2 giờ để đến thành Cette.
Tôi xin phép bà Mỹ-Lưu ra ga đón thầy tôi và đem cả ba con chó và Hảo-Tâm đi theo.
Chúng tôi đợi tàu đến.
Những con chó có vẻ buồn vì hình như nó biết sẽ có chuyện gì xảy ra. Hảo-Tâm thản nhiên như thường. Còn tôi, tôi rất xúc động. Những ý kiến tương phản nổi lên tranh chấp trong đầu óc thơ dại của tôi. Tôi ngồi trong một góc sân ga, một tay cầm dây ba con chó, một tay ôm con Hảo-Tâm vào ngực. Tôi ngồi đợi mà mắt tôi chẳng nhìn thấy gì ở chung quanh tôi.
Chính những con chó báo cho tôi biết là tàu đã đến và chúng đã đánh hơi thấy chủ chúng rồi. Tự nhiên tôi bị lôi đi, rồi vì tôi không để ý nên mấy con chó tuột xích chạy thẳng. Chúng vừa chạy vừa kêu. Ngay lúc đó, tôi nhìn thấy chúng nhảy quớ chung quanh ông Vỹ-Tiên trong bộ y phục thường, vừa hiện ra. Lãnh-Nhi nhanh nhẹn hơn, nhảy vào hai cánh tay ông giơ ra, Hiệp, Thùy-Nhi quấn quít hai chân ông.
Đến lượt tôi chạy đến. Ông vội đặt Lãnh-Nhi xuống đất, giơ hai tay ôm lấy, hôn tôi là lần thứ nhất và nói lại nhiều lần:
- Khốn nạn cho con!
Thầy tôi không bao giờ nghiêm khắc và cũng không bao giờ ngọt ngào. Nên sự biểu lộ chân tình thốt nhiên của thầy tôi đã khiến tôi

mủi lòng và nước mắt tràn ra, vì trái tim đầy tình cảm của tôi dễ khép và dễ mở.
Tôi nhìn kỹ thầy tôi, tôi thấy thầy già đi, lưng còng hơn, mặt xanh xao, môi mất sắc.
Thầy tôi hỏi tôi:
- Con ơi! Con nhìn ta thấy khác đi nhiều phải không? Nhà lao không phải là nơi cư trú tốt, phiền não là một bệnh hao mòn. Nhưng bây giờ ta sẽ khá dần dần.
Rồi thầy tôi sang vấn đề khác hỏi tôi:
- Bà gì viết thư cho ta, tại sao con lại biết bà.
Tôi liền kể lại trường hợp tôi gặp thuyền Thiên-Nga, cuộc sống của tôi bên cạnh bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên, những cảnh tôi đã trông thấy, những việc mà tôi đã làm.
Câu chuyện rất dài, tôi lo đến đoạn chót phải nói đến một vấn đề mà tôi vẫn sợ, vì dù sao tôi cũng không thể ngỏ cho thầy tôi biết là tôi rất mong thầy sẽ đồng ý cho tôi ở lại với bà Mỹ-Lưu.
Nhưng tôi không phải ngỏ ý kiến ấy vì tôi kể chưa hết chuyện thì chúng tôi đã tới khách sạn mà bà Mỹ-Lưu đợi ở đấy. Vả lại thầy tôi không đá động gì đến những lời đề nghị rất có thể có trong thư.
Khi chúng tôi tới khách sạn, thầy tôi hỏi:
- Bà ấy đợi ta ở đâu?
- Con sẽ đưa thầy vào.
- Không cần, cho ta số buồng rồi ngồi đây cùng các con chó và Hảo-Tâm đợi ta.
Khi thầy tôi đã nói ra điều gì, tôi không hay có tính hỏi hoặc cãi lại. Nhưng lần này tôi muốn xin theo vào để được gần bà Mỹ-Lưu, đó là một việc rất tự nhiên công bình. Nhưng, thầy tôi giơ tay không cho tôi nói. Tôi đành vâng lời, ở lại ngoài cửa khách sạn, ngồi trên chiếc ghế dài cùng các con chó dưới chân tôi. Những con chó này cũng muốn theo chủ, nhưng chúng cũng thui thủi như tôi quay lại không dám trái lệnh chủ. Thầy tôi thực biết chỉ huy.
Tại sao thầy tôi không muốn cho tôi nghe chuyện giữa thầy tôi và bà Mỹ-Lưu? Tôi cứ xoay đi xoay lại câu hỏi này đủ phía mà không tìm thấy câu trả lời thì vừa thấy thầy tôi bước ra. Thầy tôi bảo:
- Con lên chào bà ấy đi. Ta đợi con ở đây. Chúng ta sẽ khởi hành trong 10 phút.
Tôi đang phân vân, bỗng câu nói đó làm cho tôi ngã ngửa ra.
Không thấy tôi đi, thầy tôi liền giục:
- Sao. Không nghe thấy gì à? Ngồi đó như bụt thế? Có đi hay không?
Thầy tôi không có tính nói nặng và từ khi tôi ở, thầy tôi không hề

mắng tôi như thế bao giờ!
Tôi liền đứng dậy như cái máy, chẳng hiểu gì.
Nhưng đi được vài bước để lên buồng bà Mỹ-Lưu, tôi quay lại hỏi:
- Vậy thầy đã nói…
- Ta nói rằng con cần cho ta và ta cũng cần cho con. Do đó, ta không thể nhường con cho bà được. Đi đi rồi lại đây.
Nghe thầy tôi nói thế, tôi hơi vững lòng, vì cái chuyện "con bỏ rơi" cứ ám ảnh tôi, làm cho tôi tưởng rằng phải đi ngay trong mười phút là vì thầy tôi đã kể hết gốc tích của tôi.
Bước chân vào phòng bà Mỹ-Lưu, tôi thấy cậu An-Tuyên đang khóc và bà cúi đầu dỗ dành cậu. An-Tuyên thấy tôi liền hỏi:
- Anh Minh! Có phải anh không đi không?
Bà Mỹ-Lưu trả lời thay tôi, bảo rằng tôi phải theo ý thầy tôi.
Xong bà quay rồi bảo tôi, tôi cảm động rơi lệ:
- Ta đã nói với ông Vỹ-Tiên, cố giữ con ở đây, song ông không chịu. Không làm thế nào cho ông ta chuyển lòng.
An-Tuyên kêu:
- Con người độc ác.
Bà nói:
- Không phải là người độc ác. Con cần cho ông và xem ra ông cũng thật tình thương yêu con lắm. Nghe những lời ông nói thì ông không phải là người thường, một người ở trên cái địa vị hiện thời của ông nhiều. Ông đã từ chối như thế này: "Tôi yêu đứa bé ấy, nó cũng yêu tôi. Những thử thách trong đời sống vất vả của nó ở bên cạnh tôi còn có bổ ích nhiều hơn cái trạng thái nô lệ trá hình mà vô tình bà muốn dắt nó vào. Bà sẽ dạy dỗ nó, cho nó đi học, thực đấy, bà sẽ tu dưỡng óc nó, thực đấy, nhưng không rèn luyện được tâm tính nó. Nó không thể thành con bà. Nó vẫn sẽ là con tôi. Sống một đời thiếu thốn nhưng tự do còn hơn là làm cái đồ chơi cho đứa con yếu đuối của bà, mặc dầu tôi nhận thấy con bà tỏ ta rất hiền lành, ngoan ngoãn. Nó đi với tôi, tôi cũng dạy nó chứ!"
An-Tuyên nói:
- Ông ta có phải là cha Lê-Minh đâu mà giữ?
- Ông ấy không phải là cha Lê-Minh, ai cũng biết, nhưng là thầy của Minh, Minh phải chịu quyền ông ta vì cha mẹ Minh đã cho ông thuê. Bắt buộc Minh phải tuân lời ông ta.
- Con không muốn cho Minh đi.
- Minh phải theo thầy Minh chứ! Nhưng có thể Minh sẽ chỉ phải đi trong một thời gian ngắn thôi. Mẹ sẽ viết thư cho cha mẹ Minh để bàn tính về việc đó.

Tôi kêu:
- Thôi! Thưa bà, xin thôi!
- Sao lại thôi?
- Xin bà thôi cho.
- Chỉ còn cách đó thôi, con ạ!
Nếu bà không nói đến cha mẹ tôi thì có lẽ tôi còn kéo dài cuộc từ giã hơn thời gian thầy tôi đã ấn định cho tôi.
- Ở làng Tả-Văn-Ông phải không?
Tôi không trả lời, tôi đến bên cạnh cậu An-Tuyên ôm lấy cậu và đem tất cả tình hữu ái trong lòng tôi ra hôn cậu. Xong rút ở tay cậu ra, tôi chạy lại chỗ bà Mỹ-Lưu, quỳ xuống và hôn tay bà.
Bà cúi xuống hôn trán tôi và nói:
- Thương hại con quá!
Đoạn, tôi vùng dậy vừa ra cửa vừa quay lại nức nở nói không ra lời:
- Cậu An-Tuyên ơi! Tôi sẽ yêu cậu mãi mãi! Thưa bà, con sẽ không bao giờ quên ơn bà!
An-Tuyên gọi:
- Anh Minh, anh Minh ơi!
Nhưng tôi không nghe được gì nữa vì tôi đã ra ngoài và khép cửa lại rồi.
Một phút sau, tôi đã đến bên thầy tôi. Thầy tôi bảo:
- Chúng ta lên đường!
Rồi chúng tôi rời thành Cette và đi về đường Frontignan.
Thế là tôi phải rời bỏ người bạn thứ nhất của tôi và lại lao mình trong những cuộc phiêu lưu hình như đã dành sẵn cho tôi.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XIV
MƯA TUYẾT VÀ CHÓ SÓI

Tôi lại bắt đầu, vai vác đàn, lẽo đẽo theo sau thầy tôi, dong ruổi trên những con đường dài, dưới trời mưa nắng cũng như trong cát bụi và bùn lầy. Tôi lại phải làm con vật trên những công trường và giả cười, giả khóc để mua vui cho “quý khán giả”.
Cuộc tiếp liên này có phần khó chịu cho tôi vì người ta dễ quen sung sướng hơn là kham khổ.
Sau khi nếm thú phong lưu, bây giờ tôi thấy toàn những buồn, chán,

nhọc nhằn mà trước kia tôi không biết đến.
Khi tôi ở gần bà Mỹ-Lưu thì tôi nhớ ông Vỹ-Tiên, bây giờ được gần ông Vỹ-Tiên thì tôi lại nghĩ đến bà Mỹ-Lưu.
Đã hơn một lần, đi trên đường dài, tôi lùi lại đằng sau để được tự do nghĩ đến An-Tuyên, đến mẹ cậu, đến thuyền Thiên-Nga và đem óc tưởng tượng sống lại cuộc đời êm đềm ấy cho tiêu sầu.
Than ôi! Cuộc sống êm đềm ấy đâu còn nữa?
Khi đêm xuống, nằm trong quán trọ, tôi lại nhớ đến cái buồng con của tôi ở thuyền Thiên-Nga, và thấy cái vải giường tôi đang nằm nó gờn gợn như gai.
Sáng dậy, tôi thấy lòng tôi trống trải. Tôi không được chơi với cậu An-Tuyên nữa! Tôi không được nghe những tiếng êm ái của bà Mỹ-Lưu nữa!
Tuy nhiên, trong cơn buồn của tôi, tôi thấy có một điều an ủi: thầy tôi tỏ ra dịu hiền hơn bao giờ hết. Đó là một sự thay đổi rất lớn trong cách đối đãi với tôi. Tôi đỡ buồn tủi phần nào. Tôi thấy thân tôi không cô độc trên đời và cảm thấy thầy tôi tỏ ra ân cần thương hại tôi hơn là một ông thầy.
Lắm lúc tôi muốn ôm lấy thầy tôi, hôn thầy tôi và tôi cần phải phát lộ mối thâm tình chan chứa trong lòng tôi, nhưng tôi không dám vì thầy tôi không phải là người để cho ai nhờn được.
Ngày tôi mới theo ông, tôi rất sợ ông, lúc nào cũng giữ gìn và không dám đến gần ông. Nhưng bây giờ như có một mối thông cảm khiến cho tôi kính yêu ông.
Khi bước chân ra khỏi làng tôi, tôi coi ông như những người đàn ông khác vì lúc đó tôi chưa biết phân biệt.
Nhưng sau ngày lưu trú ở gần bà Mỹ-Lưu, mắt và trí khôn tôi được mở rộng ra, thì lạ quá! Khi tôi ngắm kỹ thầy tôi, tôi nhận thấy cử chỉ, dáng điệu và kiểu cách của thầy tôi có nhiều điểm tương đồng với cử chỉ, dáng điệu và kiểu cách của bà Mỹ-Lưu.
Tôi tự nghĩ có lẽ tôi nhận lầm chăng vì thầy tôi chỉ là một người diễn trò rong, còn bà Mỹ-Lưu là một bà khuê các. Nhưng đúng thế vì mắt tôi nhìn không sai. Khi nào thầy tôi muốn, thì thầy tôi tỏ ra trang trọng chẳng khác gì bà Mỹ-Lưu. Có chỗ khác nhau là bà Mỹ-Lưu lúc nào cũng trang trọng, còn thầy tôi thì tùy trường hợp, nhất là khi đối với những kẻ hung hăng, vô lễ.
Tuy tôi không hung hăng, không vô lễ, nhưng tôi vẫn sờ sợ, vì thế tôi không dám mạn phép thổ lộ những cảm tình nồng nàn của tôi, mặc dầu những lúc thầy tôi tỏ dấu thương yêu tôi.
Sau khi rời tỉnh Cette, trong nhiều ngày, chúng tôi không hề nói

chuyện về bà Mỹ-Lưu và đến thuyền Thiên-Nga nữa. Nhưng dần dần vấn đề đó lại được nhắc đến trong những câu chuyện của chúng tôi mà bao giờ thầy tôi cũng là người nêu ra trước. Rồi cái tên của bà Mỹ-Lưu chẳng hôm nào không được nhắc tới.
Ông Vỹ-Tiên bảo tôi:
- Con mến bà ta lắm phải không? Ta biết lắm. Bà ta rất tốt với con. Con nên nhớ ơn.
Rồi thầy tôi thường nói thêm:
- Phải làm thế!
Phải làm thế là làm gì?
Trước tiên tôi không hiểu câu nói đó, sau dần dần tôi mới vỡ nghĩa ra rằng "phải làm thế" tức là phải từ chối bà Mỹ-Lưu về việc giữ tôi. Chính mỗi khi nghĩ đến việc này mà thầy tôi đã thốt ra câu "phải làm thế". Và hình như trong mấy tiếng đó có bao hàm một ý hối hận. Thầy tôi cũng muốn cho tôi ở với cậu An-Tuyên những không thể làm thế được.
Trong tâm khảm tôi, tôi rất cám ơn thầy tôi về sự hối hận đó, mặc dầu tôi chưa đoán được tại sao thầy tôi lại không thể nhận lời bà Mỹ-Lưu được, những lý do của thầy tôi đưa ra, bà Mỹ-Lưu đã nhắc lại cho tôi nghe nhưng tôi vẫn không sao hiểu được.
Một ngày kia thầy tôi có lẽ bằng lòng chăng? Đó là một hy vọng lớn cho tôi.
Chúng tôi lẽ nào lại không gặp thuyền Thiên-Nga?
Thuyền đó ngược sông Rôn, mà chúng tôi đương đi trên bờ sông này.
Vì thế, trong khi đi, mắt tôi chỉ nhìn xuống sông, không hề để ý đến những đồi, những ruộng phì nhiêu ở hai bên bờ.
Khi chúng tôi đến một tỉnh nào như Arles, Tarascon, Avignon, Montélimar, Valence, Tournon, Vienne, cuộc đi thăm thứ nhất của tôi là ra bến tàu để kiếm thuyền Thiên-Nga, và mỗi khi nhìn xa xa thấy một con thuyền thấp thoáng ẩn hiện trong sương mù, tôi đợi cho đến khi con thuyền lớn dần xem có phải là Thiên-Nga không.
Nhưng không phải là Thiên-Nga.
Một đôi khi, tôi đánh bạo hỏi những người thủy thủ ở bến xem có ai trông thấy con thuyền lạ ấy đi qua không. Nhưng chẳng ai nhìn thấy cả.
Bây giờ thầy tôi nhất quyết nhường tôi cho bà Mỹ-Lưu – óc tôi nghĩ thế – thì tôi cũng không sợ người ta nói rõ lai lịch tôi hay viết thư cho bà Bảo-Liên. Nội vụ có thể giải quyết giữa thầy tôi và bà Mỹ-Lưu. Óc thơ dại của tôi dàn xếp như sau: bà Mỹ-Lưu muốn nuôi tôi, thầy tôi

ưng thuận bỏ quyền của thầy tôi, thế là ổn.
Chúng tôi ở lại Ly-Ông trong mấy tuần lễ. Những lúc rãnh việc tôi lại ra bến sông Rôn và sông Sa-Ôn, tôi đi lại nhiều lần đến nỗi tôi thuộc cả tên cầu, tên khách sạn hơn cả người sinh trưởng ở thành Ly-Ông. Tôi hết lòng đón mà không thấy thuyền Thiên-Nga đâu cả.
Rồi chúng tôi phải rời Ly-Ông để đi Dijon. Lúc đó cái mơ ước được gặp bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên bắt đầu tan, vì ở Ly-Ông tôi đã nghiên cứu các bản đồ nước Pháp ở những hiệu sách cũ, biết rằng thuyền Thiên-Nga sẽ bỏ sông Sa-Ôn ở tỉnh Chalon vào sông Trung để sang sông Loa.
Chúng tôi đến Chalon rồi lại rời Chalon không được gặp Thiên-Nga. Thế là hết hy vọng, hết mơ ước!
Nỗi khổ não trong lòng tôi lúc đó tả sao cho xiết!
Đúng lúc đó, thời tiết xấu lại đến làm tăng nỗi buồn sâu xa của tôi. Những ngày thu tàn, chúng tôi lặn lội trong mưa rất là vất vả. Chiều đến, chúng tôi áo ướt tận da, người lấm như chôn như vùi, nhọc mệt, vào lều vào quán tạm trú, đêm nằm không sao ngủ được.
Sau khi rời khỏi tỉnh Dijon, chúng tôi phải qua dẫy đồi Côte d'or, giá lạnh thấu xương, con Hảo-Tâm buồn rầu, nhăn nhó hơn tôi.
Mục đích của thầy tôi là phải tới Ba-Lê sớm ngày nào hay ngày ấy để có thể diễn trò trong mùa đông họa may mới có lợi. Nhưng hoặc vì thầy tôi không đủ tiền đi xe hỏa, hoặc vì một lẽ nào khác, chúng tôi cứ phải đi bộ hết ngày này sang ngày khác trên con đường từ Dijon đến Ba-Lê.
Cứ đi như thế, lúc nào thuận tiện, chúng tôi dừng lại ở các tỉnh các làng đi qua để diễn một hai buổi rồi lại đi ngay vì tại các nơi đó không thu nạp được mấy.
Từ Dijon đến Châtilon, các việc được điều hòa, mặc dầu mưa rét. Khi chúng tôi ra khỏi tỉnh này thì trời hết mưa và gió quay về hướng bắc.
Thoạt tiên chúng tôi không phàn nàn gì về những luồng gió buốt mặt, vì dù sao cũng còn chịu được hơn là những cơn mưa tầm tã làm cho chúng tôi ủng người trong mấy tuần qua.
Không may, gió dần dần ẩm, trời bắt đầu kéo mây đen, mặt trời biến mắt. Đó là điềm tuyết sắp xuống.
Chúng tôi đủ thì giờ vào một làng lớn gần đó để tránh mưa tuyết. Nhưng ý thầy tôi lại muốn đi luôn đến tỉnh Troyes vì tỉnh này là một thành thị lớn, chúng tôi có thể kiếm ăn ở đó lâu ngày nếu thời tiết bắt chúng tôi phải lưu lại.
Tối đến, khi chúng tôi vào nhà trọ, thầy tôi liền bảo tôi:

- Con ngủ đi! Sáng mai chúng ta đi sớm, nếu chậm thì gặp mưa tuyết.
Thầy tôi không ngủ sớm. Thầy tôi ngồi bên cạnh lò sưởi, còn phải sưởi cho con Hảo-Tâm bị lạnh từ sáng đến giờ, co quắp và rên rỉ, mặc dầu chúng tôi đã cẩn thận lúc nào cũng ủ nó trong một cái chăn.
Sáng hôm sau, tôi dậy rất sớm. Bầu trời đen và thấp, không có một ngôi sao, trông như một cái vung lớn úp xuống đất đè bẹp mọi vật. Cánh cửa vừa mở, một luồng gió lạnh luồn vào lò sưởi làm hồng những miếng than vùi dưới tro tự đêm qua.
Người chủ quán bảo thầy tôi:
- Ông hãy ngồi lại. Không đi được đâu. Trời đổ tuyết bây giờ.
Vỹ-Tiên đáp:
- Tôi có việc cần khẩn phải đến tỉnh Troyes trước khi mưa.
- Ông không thể đi trong một giờ quãng đường dài 30 cây số.
- Thế mà chúng tôi vẫn cứ đi.
Vỹ-Tiên ủ Hảo-Tâm trong áo để truyền hơi ấm của mình cho nó. Mấy con chó không biết rét, mừng rỡ chạy trước chúng tôi. Thầy tôi đã mua ở Dijon cho một đôi áo da cừu. Tôi mặc cũng đỡ rét.
Gió thổi vù vù. Mở miệng ra rất khó chịu. Chúng tôi ai nấy đều lẳng lặng, bước vội vàng, vừa cho nhanh chóng đến nơi, vừa cho ấm người.
Tuy lúc đó là ban ngày mà bầu trời vẫn cứ tối om.
Chợt ở phương đông một giải trăng trắng hiện ra trong bóng đen, nhưng mặt trời không lên. Đêm hết rồi, nhưng sáng vẫn chưa tảng. Tuy nhiên, một thứ ánh mờ ở chân trời phương đông như từ cái cửa hầm lớn phát ra, chiếu là là trên mặt đất. Trên cánh đồng, cảnh vật đều rõ dần dần. Những cây to trụi hết lá như giơ bộ xương khô. Gió thổi vào bờ giậu, bụi cây, qua những chiếc lá khô còn dính ở cành thành những tiếng xào xạc khô khan.
Không một bóng người trên đường cái. Không một bóng người trong cánh đồng. Không một tiếng xe chạy, không một tiếng quất roi. Những sinh vật duy nhất trong lúc đó là giống chim mà người ta chỉ nghe thấy tiếng hót chứ không thấy bóng hình, vì chúng ẩn cả dưới lá cây. Duy mấy con chim khách nhảy nhót trên mặt đường, đuôi cong, mỏ nghếch lên trời, khi chúng tôi đến gần thì bay vụt lên ngọn cây, ở đó chúng kêu khách khách như để rủa chúng tôi hay báo cho chúng tôi biết có điềm chẳng may.
Chợt ở phía bắc có một điểm trắng hiện ra to dần dần và tiến về phía trước mặt chúng tôi. Chúng tôi nghe thấy những tiếng xào xạc lộn xộn. Đó là những con ngỗng trời ở phương bắc chạy rét về trú ở

miền nam. Chúng bay qua đầu chúng tôi, rồi phút chốc ngoảnh lại chúng tôi chỉ nhìn thấy còn bay trên không những nắm tơ trắng nổi bật nền trời đen.
Miền chúng tôi đang đi qua cảnh tượng buồn vắng, quạnh hiu. Hết tầm con mắt, nhìn thấy những cánh đồng hoang, những đồi trơ trụi và những rừng đỏ hoe.
Gió bắc vẫn thổi nhưng muốn đổi chiều. Từ chân trời phía ấy đổ đến những đám mây đỏ, nặng và thấp như muốn đè trĩu xuống ngọn cây.
Phút chốc, một vài cánh tuyết rơi xuống trước mặt chúng tôi, nhởn nhơ như những con bướm khi lên, khi xuống, lúc xoay tròn, không chấm mặt đất.
Chúng tôi chưa đi được bao nhiêu đường đất, tính ra không thể tới Troyes trước cơn mưa tuyết. Tuy vậy tôi chẳng lo ngại, yên trí rằng tuyết xuống sẽ cản gió bắc lại thì đỡ rét.
Đó là tôi chưa biết thế nào là một cơn bão tuyết.
Nhưng rồi tôi được nếm mùi ngay, đến nỗi không bao giờ quên được bài học đó.
Bỗng nhiên, những đám mây từ tây bắc kéo đến. Một thứ ánh trắng sáng lòa kèm theo. Rồi hai bên sườn đám mây tỏa ra: đó là tuyết.
Không phải là những cánh bướm trắng bay lượn trước mặt chúng tôi nữa, mà là một trận mưa rào bằng tuyết bao trùm chúng tôi.
Thầy tôi bảo tôi:
- Nhất định không đi đến được Troyes rồi. Bây giờ ta phải tìm nhà nào nghỉ vậy.
Đó là một ý kiến rất đẹp, rất hay, nhưng tìm đâu ra chỗ trú bây giờ? Trước khi tuyết xuống tôi đã nhìn rất xa mà cũng chả thấy nhà nào hoặc làng nào ở bên đường chúng tôi cả. Trái lại, chúng tôi sắp đi vào một cánh rừng sâu thẳm cũng như hiện giờ hai bên đường toàn là đồi cả.
Vì vậy cũng chẳng nên quá tin tưởng vào cái nhà mong ước ấy.
Tuyết vẫn xuống, mỗi lúc một nhiều hơn.
Chỉ trong giây lát, tuyết phủ đầy đường hay nói cho đúng hơn nó phủ tất cả những gì ngăn nó lại: đống đá, mô đất, vừng cỏ ở ria đường, bụi cây ở cạnh hố, đều hóa trắng ngần vì gió thổi ngang mặt đất dồn tuyết vào những vật đó.
Khổ cho chúng tôi vì chúng tôi cũng là thứ chướng ngại vật cho tuyết. Nó đánh vào mặt, vào người chúng tôi, lọt vào khe quần áo như bụi rồi tan ra.
Tôi thấy một làn nước lạnh từ cổ xuống mình tôi. Thầy tôi để hở áo cho Hảo-Tâm thở cũng bị tuyết thấm vào người không ít. Tuy nhiên,

chống với gió, chống với tuyết, chúng tôi cứ im lặng tiến, thỉnh thoảng lại quay mặt sang bên cạnh cho dễ thở. Những con chó cũng không tranh đi trước nữa. Nó đi sau chúng tôi để tránh tuyết nhưng thân chúng tôi cũng không đủ che chở cho chúng.
Chúng tôi dò từng bước, mệt nhòa, mờ cả mắt, thân thể giá buốt, quần áo ướt đầm. Chúng tôi vào rừng đã sâu mà vẫn chưa tìm được chỗ trú.
May sao (không biết có phải may hay không?) những trận cuồng phong đã yếu dần. Nhưng tuyết lại xuống nhiều, đáng lẽ nhỏ như bụi, bây giờ là những hạt to và chắc. Chỉ trong vài phút, đường đã ngập một lớp tuyết dầy, chúng tôi bước lên không có tiếng động.
Thỉnh thoảng thầy tôi lại nhìn sang tay trái như để tìm gì, nhưng tôi chỉ nhìn thấy toàn một khoảng rừng thưa đã đốn từ đầu năm, những cây non chừa lại, cây nào cũng cong vì đeo nặng tuyết.
Thầy tôi định tìm cái gì ở phía đó?
Còn tôi, tôi cố nhìn thẳng trước mặt tôi, trên đường cái, xem sắp hết rừng chưa hay có một nhà nào không.
Nhưng nhìn qua những giọt mưa rào trắng làm sao được? Cách vài thước mọi vật đều mờ đi, chúng tôi chỉ nhìn thấy một màn tuyết dầy buông xuống khác nào như một cái lưới lớn vây lấy chúng tôi.
Chúng tôi vẫn phải đi không được nản chí mặc dầu tuyết lội đến đầu gối và mũ nặng như đội đá.
Chợt thầy tôi trỏ tay về phía bên trái ra hiệu cho tôi. Tôi nhìn lờ mờ thấy trong chỗ rừng thưa ấy có một cái lều làm bằng cành cây tuyết phủ trắng xóa.
Tôi không hỏi lại, hiểu rằng thầy tôi chỉ cho tôi cái lều đó không phải để cho tôi ngắm cảnh mà để bảo tôi tìm lối vào.
Khó vào quá. Tuyết dày đặc không tìm thấy di tích đường vào. Tuy nhiên chỗ tiếp giáp với rừng già hình như có lối để vào, nhưng phải qua cái hố đầy tuyết.
Tuyết không lún, chúng tôi đi thoát qua hố và không mấy lúc đã đến lều.
Lều bằng củi gỗ xếp chung quanh, trên mặt những cành cây làm mái. Mái đó khít và dày nên tuyết không lọt xuống được.
Đó là một lều trú vững chãi không kém gì nhà.
Nhanh chân hơn chúng tôi, những con chó chạy vào trước. Chúng lăn mình trên đất khô và cát bụi, sủa những tiếng kêu mừng rỡ.
Chúng tôi cũng vui mừng không kém những con chó. Nhưng chúng tôi không lăn lộn như chúng, chúng tôi tìm cách khác để biểu lộ nỗi vui, đồng thời cũng để làm cho khô ráo.

Thầy tôi nói:
- Ta biết chắc trong khu này thế nào cũng có lều của tiều phu. Bây giờ tha hồ cho tuyết xuống!
Tôi cũng đắc chí nói:
- Cứ mưa nữa đi. Không cần!
Tôi ra cửa, nói cho đúng hơn là chỗ hổng của mặt lều, vì nó không có cửa vào và cửa sổ, để giũ áo và mũ cho khỏi ướt trong lều.
Cái lều đó rất sơ sài về cách xây dựng cũng như về phương diện đồ đạc. Có một cái ghế dài đắp bằng đất và mấy viên đá dùng làm chỗ ngồi. Nhưng có vật này quý giá hơn cả là năm, sáu viên gạch xếp đứng trong góc lều thành một cái bếp.
Đốt lửa! Chúng tôi có thể đốt lửa được rồi. Muốn đốt lửa có một cái bếp cũng chưa đủ, cần phải có củi nữa mới được.
Ở trong một cái nhà như nhà chúng tôi đang ở, vấn đề củi không khó khăn gì. Chỉ việc rút ở vách hay ở mái ra mỗi nơi một cái cho đều để khỏi xiêu vẹo trống trải.
Chúng tôi vào việc luôn. Nên trong giây lát đã có một ngọn lửa hồng tỏa trên bếp, nổ những tiếng lẹt đẹt vui tai.
Ôi! Ngọn lửa đẹp biết bao! Ấm biết bao!
Bếp không có ống thông hơi, khói xanh tỏa đầy nhà. Nhưng chúng tôi không cần chi, miễn là có ánh sáng, có khí ấm.
Trong khi đang chống hai tay xuống đất thổi lửa, những con chó ngồi chồm hổm chung quanh lò, cổ vươn ra, bụng ướt lạnh ghé gần vào tia lửa.
Con Hảo-Tâm cũng vạch áo chủ, cẩn thận thò mũi ra xem đấy là chỗ nào. Nhận xét kỹ địa điểm rồi, nó mới nhảy xuống tìm một chỗ tối nhất bên cạnh lò, ngồi giơ hai bàn tay run run ra lửa.
Bấy giờ chúng tôi yên tâm không chết rét nữa. Nhưng còn vấn đề đói chưa được giải quyết. Trong lều, không có hũ bánh, không có lò hấp, không có chảo thơm.
Nhưng thầy tôi là người dày kinh nghiệm và biết lo xa nên sáng nay, lúc tôi chưa dậy đã mò đi mua thức ăn đường: một ổ bánh mì và một miếng phó-mát. Lúc này không phải là lúc tỏ ra khó tính, vì thế khi nhìn thấy bánh mì mắt mọi người đều lộ ra một tia mừng. Nhưng buồn thay phần bánh ít ỏi quá. Thầy tôi chỉ đem chia có một nửa ổ bánh thôi. Thầy tôi nói:
- Ta không biết rõ đường đi, vì thế không biết từ đây đến Troyes, có hàng quán nào không. Lại nữa, ta không biết phải qua rừng này, chỉ biết rằng miền này có nhiều rừng liên tiếp nhau: rừng Chaource, rừng Rumilly, rừng Ôthe, rừng Aumont. Có thể ta còn cách xa chỗ

dân cư. Và cũng có thể ta phải giam ở lều này nhiều bữa. Vì thế phải giữ lại chút lương thực.
Đó là những lý do mà tôi nghe ra ngay vì trong thời gian thầy tôi bị giam và khi rời Tu-lu tôi đã phải ăn dè quen rồi. Nhưng những con chó không chịu, khi chúng nhìn thấy nửa bánh còn lại bỏ vào túi, chúng chìa chân ra xin hay gãi vào đầu gối chủ ra hiệu còn đói bụng. Những kêu xin và vuốt ve đó vô ích. Túi của chủ vẫn thắt chặt.
Tuy nhiên, bữa ăn thanh bạch đó cũng làm cho chúng tôi lại sức phần nào. Chúng tôi được chỗ trú tốt, được sưởi ấm, chỉ còn việc đợi cho ngớt tuyết.
Ở trong lều đó, tôi không lo ngại gì: hơn nữa tôi nghĩ cũng không phải bị giam ở đây lâu như thầy tôi đã nói cốt để giữ chút lương thực lại, vì không thể nào tuyết cứ xuống mãi được. Tuy nhiên không có điềm gì báo là mưa sẽ tạnh cả.
Qua cửa lều, tôi nhìn thấy những hạt tuyết xuống nhanh và dầy. Vì không có gió, nó rơi thẳng, hạt này đè lên hạt khác, không ngừng. Người ta không nhìn thấy trời đâu cả. Ánh sáng đáng lẽ ở trên cao rọi xuống thì đằng này lại từ dưới đất hắt lên, nghĩa là từ những lớp tuyết phủ trên mặt đất.
Tôi nhìn những con chó nằm quanh lửa: con thì cuộn tròn, con thì nằm nghiêng, Lãnh-Nhi vùi mõm vào tro đang ngủ.
Tôi cũng muốn bắt chước chúng. Sáng nay tôi dậy sớm quá, bây giờ cũng nên chu du trong giấc mộng để tìm thuyền Thiên-Nga, còn hơn là ngồi nhìn tuyết tơi.
Tôi không rõ là tôi đã ngủ được bao lâu rồi. Lúc tôi dậy thì tuyết đã tạnh. Tôi nhìn ra ngoài. Lớp tuyết trước lều đã lên cao. Nếu ra đi lúc đó thì tôi phải lội quá đầu gối.
Mấy giờ rồi?
Tôi không dám hỏi thầy tôi. Mấy tháng gần đây, số tiền thu được không đủ bù lại những khoản phí tổn trong thời bị cáo vì ngồi tù. Thầy tôi túng đến nỗi khi qua Dijon, đã phải bán cái đồng hồ bạc to tướng của thầy tôi – mà con Lãnh-Nhi vẫn đọc giờ – để mua áo da cừu cho tôi và sắm một vài thứ cần dùng.
Như thế tôi chỉ có thể hỏi trời thay cho đồng hồ thôi.
Nhưng trông ra chẳng đoán được là giờ giấc nào vì dưới đất một giải trắng xóa, trong không, sương tỏa đen ngòm, trên một ánh sáng lờ mờ vẩn lên những màu vàng úa.
Tất cả những hiện trạng đó không thể cho tôi biết được là mấy giờ. Những tai cũng không biết gì hơn mắt. Bốn bề lạnh ngắt. Cảnh đêm cũng không đến nỗi im bặt như cảnh ngày hôm đó.

Tuyết đã làm tê liệt mọi cử động. Tuyết đã hóa mọi thứ thành đá. Thỉnh thoảng có một tiếng động tắt ngay, người ta khó nghe thấy. Đó là một cành thông lung lay trước gió, chùm tuyết nặng giúi đầu nó xuống đất. Khi cành bị uốn găng quá, chùm tuyết phải tuột xuống, cành lá xanh đen được tự do, bật mạnh lên, quệt vào bộ áo tuyết của những cành bên cạnh làm cho rách thủng. Vì thế trông xa người ta thấy lỗ chỗ những hổng đen ở tấm áo khoác trinh bạch của nhiều cây.
Tôi đứng ở cửa lều mải nhìn cảnh lạ đó thì có tiếng thầy tôi gọi:
- Con muốn đi bây giờ không?
- Con không biết. Tùy thầy.
- Theo ý ta, ở lại thì hơn, ít nhất chúng tôi cũng có chỗ ẩn và có lửa.
Tôi nghĩ chỉ còn thiếu một thứ nữa là bánh mì nhưng không dám nói ra.
Thầy tôi nói tiếp:
- Ta chắc tuyết xuống chưa hết. Không nên phiêu lưu quá sợ không tìm được nhà trọ. Vả ở giữa bãi tuyết ban đêm thì rét không chịu được. Ở đây còn có cái lợi là chân không bị ướt.
Thầy tôi không nói gì về vấn đề ăn. Tuy nhiên, nếu đi ngay bây giờ thì đến chiều không biết có gặp được chỗ trú không. Hơn nữa lớp tuyết vừa xuống đường chưa rắn chắc phải lội thì khổ lắm.
Vậy phải thắt bụng mà ở lại lều, có thế thôi.
Đến bữa ăn thầy tôi đem nửa ổ bánh chia làm sáu. Chúng tôi phải bẻ thành những miếng rất nhỏ ăn cho được lâu.
Khi ăn xong, tôi tưởng các con chó lại giở trò đòi ăn như bữa sáng, vì trông chúng còn thòm thèm lắm. Nhưng không phải thế, và một lần nữa tôi lại được dịp nhận xét cái thông minh của chúng.
Thầy tôi bỏ dao díp vào túi quần, thế là xong bữa ăn. Lãnh-Nhi đứng dậy, lấy đầu ra hiệu cho hai bạn nó rồi lại ngửi cái túi đựng bánh và lấy chân nắn ngoài túi. Sau khi đã kiểm soát xong, nó biết là không còn gì, nó về cạnh lò lửa ra hiệu cho hai bạn nó lần nữa rồi nằm xuống thở dài:
- “Không còn gì nữa, đòi cũng vô ích!”
Điệu bộ nó đã nói rõ hơn là lời nói. Các bạn nó hiểu lời nói đó, cũng cùng nhau lại nằm bên lửa. Tuy vậy, con Hiệp-Nhi vẫn hậm hực vì nó có tính háu ăn, nên thấy khó chịu hơn là hai con kia.
Tuyết lại đổ xuống đã lâu. Mỗi giờ lớp tuyết lại dầy thêm khác nào một lớp triều bạc dâng lên, sắp trùm hết các chồi cây non.
Ăn xong chúng tôi nhìn ra ngoài lều, thì màn đen đã xuống.
Đêm cũng không cản được tuyết, từ trên trời cứ rơi xuống từng cuộn

lớn xuống mặt đất trắng ngần.
Vì chúng tôi phải ngủ ở đây, thì tốt hơn hết là đi ngủ sớm.
Chiếc áo da cừu của tôi ban ngày sấy đã khô. Tôi mặc vào và cũng theo mấy con chó nằm dài bên lò lửa. Đầu gối vào một viên đá nhẵn.
Thầy tôi bảo:
- Bây giờ con đi ngủ đi. Lát nữa đến phiên ta ngủ, ta sẽ gọi con dậy, ở lều này tôi không sợ người hay vật đến hại nhưng ta phải giữ luôn luôn cho lửa khỏi tắt, vì khi tuyết rơi thì trời giá lạnh lắm.
Không để thầy tôi giục đến lần thứ hai, tôi đi ngủ ngay.
Khi thầy tôi đánh thức tôi thì lúc đó đêm đã khuya lắm rồi. Tuyết không xuống nữa và lửa của chúng tôi vẫn còn.
Thầy tôi bảo:
- Bây giờ đến lượt ta ngủ. Con chỉ có việc thỉnh thoảng bỏ thêm củi vào lò. Ta đã lấy sẵn một đống củi để kia.
Thực vậy, một đống củi lớn đã xếp ở cạnh lò. Thầy tôi rất tỉnh ngủ, sợ tôi rút củi ở vách làm động chăng nên đã chuẩn bị củi cho tôi dùng.
Đó là một sự cẩn thận rất hay, nhưng than ôi! Nó đã không đem lại những kết quả mà thầy tôi mong muốn.
Thấy tôi đã dậy và nhận việc rồi, thầy tôi ấp con Hảo-Tâm vào ngực; chùm chăn nằm cạnh lò lửa. Một lát, những tiếng thở to và đều báo cho tôi biết là thầy tôi đã ngủ. Tôi liền đứng dậy, gión gién ra cửa lều, nhìn ra ngoài.
Tuyết đã vùi lấp tất cả: cỏ, bụi gai, cây non, cây lớn. Đưa mắt nhìn xa, tôi chỉ trông thấy một lớp tuyết mấp mô, trắng xóa.
Trên trời, những ngôi sao lấp lánh. Dưới đất ánh tuyết xanh xanh chiếu lên cảnh vật. Bên ngoài, trời lạnh cóng, thỉnh thoảng lại đưa vào lều một ngọn gió cắt da. Trong bầu không khí buồn lặng ban đêm, người ta chỉ nghe thấy đó đây những tiếng nứt trên mặt tuyết đông.
Chúng tôi thật may mắn và sung sướng được gặp túp lều này, nếu không, bơ vơ giữa rừng chúng tôi sẽ trở nên thế nào trong cơn bão tuyết với cái rét thấu xương?
Tôi đã có ý, bước rất khẽ thế mà cũng làm thức những con chó.
Hiệp-Nhi theo tôi ra cửa. Vì nó không biết ngắm ánh tuyết ban đêm như tôi nên chóng chán và muốn chạy ra.
Tôi lấy tay vẫy nó vào. Không biết nó nghĩ thế nào mà lại muốn ra ngoài chơi, trong lúc đêm lạnh này nằm bên lò lửa chả hay hơn sao?
Nó tuân lời, nhưng cứ ngồi hếch mõm trông ra ngoài như muốn bảo thủ ý kiến.

Tôi còn đứng ở cửa một hồi lâu nữa để ngắm tuyết mặc dầu cảnh đó gây cho tôi một mối buồn xa xăm và làm cho tôi muốn khóc, tôi cứ thích đứng lặng ở đó.
Sau cùng tôi trở vào đống lửa, bỏ thêm mấy thanh củi gác chéo lên nhau rồi tôi ngồi lên hòn đá đã dùng để gối đầu.
Thầy tôi ngủ yên. Những con chó và con Hảo-Tâm cũng ngủ cả. Lò lửa được tiếp củi thêm bốc lên những ngọn lửa vàng đẹp và cao, phát ra những tia lách tách khua tan khí yên lặng trong lều.
Tôi nhìn những tia lửa đó thích lắm. Nhưng dần dần tôi thấy mỏi mệt rồi tê mê không biết gì.
Nếu tôi phải kiếm củi bỏ lò thì tôi phải đứng dậy đi quanh nhà luôn, tôi sẽ tỉnh táo. Nhưng đằng này chỉ có ngồi và thò tay ra bốc củi, nên tôi mơ màng dần đi, cứ tưởng mình thức nhưng rồi ngủ lại lúc nào không biết.
Chợt một tiếng sủa dữ dội làm tôi giật mình tỉnh dậy. Tối đen như mực. Có lẽ tôi đã ngủ được một giấc dài, vì lo lửa đã tắt, không còn chút ánh sáng nào.
Tiếng sủa vẫn tiếp tục: Đó là tiếng con Lãnh-Nhi. Có điều lạ là không thấy tiếng hai con Thùy, Hiệp đáp lại.
Thầy tôi cũng trở dậy, hỏi:
- Cái gì thế? Có việc gì xảy ra?
- Con không biết.
- Con đã ngủ và lửa tắt cả.
Lãnh-Nhi chạy ra cửa và cứ đứng đó sủa ran.
Câu hỏi của thầy tôi, tôi nhắc lại để tự hỏi tôi:
- Có việc gì xảy ra?
Có hai ba tiếng kêu bi thảm đáp lại. Tôi nhận ra tiếng con Thùy-Nhi. Tiếng đó ở sau lều và không xa lắm.
Tôi chực chạy ra, thầy tôi kéo lại và bảo:
- Cho củi vào lò đã!
Trong khi tôi dóm lửa, thầy tôi tìm một thanh củi chưa tắt lửa thổi lên cho đỏ. Rồi thầy tôi cầm thanh củi đó mà bảo tôi:
- Chúng ta đi xem. Con đi sau ta. Lãnh-Nhi! Đi trước đi!
Khi chúng tôi đang ra, một tiếng kêu dữ dội phát ra như xé bầu không khí yên lặng. Con Lãnh-Nhi chùn lại, chui vào chân chúng tôi, sợ hãi.
Thầy tôi bảo:
- Chó sói đấy! Hiệp-Nhi đâu? Thùy-Nhi đâu?
Tôi không biết trả lời thế nào. Có lẽ trong khi tôi ngủ quên đi, Hiệp-Nhi cố tình thực hiện ý muốn của nó mà tôi đã cấm, và con Thùy-Nhi

cũng theo bạn nó.
Chó sói đã tha chúng đi rồi chăng?
Giọng nói của thầy tôi đã tiết lộ sự lo sợ đó. Thầy tôi bảo tôi:
- Vào lấy một que củi đỏ. Chúng ta đi cứu hai con chó.
Ngày còn ở làng, tôi thường nghe thấy người ta kể lại những chuyện ghê gớm về chó sói. Nhưng tôi không ngần ngại. Tôi lấy que củi và đi theo thầy tôi. Nhưng khi ra đến rừng, chúng tôi không thấy Thùy, Hiệp-Nhi mà cũng không trông thấy chó sói. Chúng tôi chỉ trông thấy trên tuyết những vết chân của hai con chó.
Chúng tôi theo vết chân đó đi: những vết chân đó đi chung quanh lều, rồi trong một chỗ tối gần đó có nhiều vết lõm sâu xuống như là những vết lăn lộn.
Thầy tôi bảo Lãnh-Nhi:
- Lãnh-Nhi! Tìm đi! Tìm đi!
Và thầy tôi cũng huýt còi gọi chúng.
Nhưng bốn bề vắng ngắt không có một tiếng sủa trả lời thầy tôi và con Lãnh-Nhi đáng lẽ phải theo lệnh đi tìm, nhưng nó cứ nép vào chân chúng tôi, vẻ hãi hùng, tuy nó là con chó vâng lời và can đảm hơn cả.
Ánh phản chiếu của tuyết không đủ ánh sáng để chúng tôi theo rõi vết tích. Nhìn xa một chút là mắt tôi đã lòa trong bóng tối.
Thầy tôi lại huýt còi, lại gọi to:
- Hiệp-Nhi! Thùy-Nhi!
Chúng tôi lắng tai nghe. Vẫn im lặng. Lòng tôi se lại.
Tội nghiệp cho Hiệp-Nhi! Tội nghiệp cho Thùy-Nhi!
Thầy tôi kết thúc:
- Chó sói đã bắt chúng rồi. Tại sao con lại để cho chúng ra?
Không biết trả lời thế nào, tôi chỉ nói:
- Để con đi tìm.
Tôi chạy lên, thầy tôi giữ tôi lại và hỏi:
- Con định tìm chúng ở đâu?
- Con chưa biết, con đi tìm mọi chỗ.
- Tối thế này thì biết lối nào mà mò? Và phải lội tuyết!
Thực vậy, việc tìm không phải dễ. Tuyết ngập gần đến đầu gối. Chúng tôi lại chỉ có hai cái que lửa thì soi làm sao mà đi được.
Thầy tôi nói tiếp:
- Nếu chúng không trả lời ta, tức là chúng đã… ở xa. Vả chúng ta cũng không nên mạo hiểm, chó sói có thể hại được chúng ta vì trong tay chúng ta không có khí giới gì.
Đau đớn thay phải bỏ hai con chó đó, hai bạn thân của tôi. Tôi hối

hận vô cùng, tôi phải chịu cái trách nhiệm về lỗi của chúng. Nếu tôi không ngủ quên thì đâu đến nỗi này?
Thầy tôi trở về lều. Tôi đi sau. Mỗi bước, tôi lại quay lại nhìn đằng sau tôi và đứng lại nghe ngóng, nhưng mắt tôi chỉ nhìn thấy tuyết trắng, tai tôi chỉ nghe thấy tiếng tuyết nứt nẻ.
Về đến lều, một việc lạ nữa đã đợi chúng tôi. Trong khi chúng tôi đi vắng, những cành cây tôi đã bỏ vào lò cháy to và sáng rực cả lều. Tôi không nhìn thấy Hảo-Tâm đâu cả. Chăn nó đắp vẫn còn y nguyên bên cạnh lò, nhưng thấy bẹp xuống, biết rằng nó không ở trong chăn.
Tôi gọi nó. Thầy tôi cũng gọi nhưng chẳng thấy nó đâu.
Thầy tôi nói khi thầy tôi dậy thì nó vẫn còn nằm nguyên. Đúng là lúc chúng tôi ra ngoài thì nó đi mất.
Hay nó đã theo chân chúng tôi?
Chúng tôi lấy một nắm củi cành đang cháy ra cửa, cúi xuống soi trên tuyết xem có dấu vết gì của Hảo-Tâm hay không.
Chúng tôi không thấy gì cả. Đã hay rằng chúng tôi và con Lãnh-Nhi đi đi lại lại có thể giẫm lên vết tích của Hảo-Tâm, nhưng dù sao cũng không thể xóa hết được dấu chân của Hảo-Tâm.
Như vậy thì nó không hề ra cửa.
Chúng tôi trở vào xem nó nấp trong vách củi không.
Chúng tôi tìm kiếm khá lâu: chúng tôi đi tìm lại một chỗ đến cả mười lần; thầy tôi lại kiệu tôi lên vai để khám phá cả những cành khô dùng làm mái lều.
Thỉnh thoảng chúng tôi lại dừng lại để gọi nhưng vẫn chẳng thấy gì.
Thầy tôi tỏ ra buồn rầu, tôi cũng thất vọng. Khốn nạn cho con Hảo-Tâm!
Tôi hỏi thầy tôi:
- Chó sói có thể bắt nó chăng?
Thầy tôi trả lời:
- Không, những con chó sói không dám vào chỗ có ánh sáng. Chúng có thể vồ hai con chó của ta vì những con ấy ra ngoài, chứ không xông vào đây đâu. Chắc con Hảo-Tâm sợ, đi nấp chỗ nào trong khi ta ra ngoài. Chính vì lẽ đó ta buồn, trong thời tiết này, nó dễ bị nhiễm lạnh và cái lạnh rất nguy hại cho nó, chúng ta cố tìm đi.
Chúng tôi lại tìm, nhưng lần này cũng như lần trước, chẳng lượm được kết quả gì.
Thầy tôi bảo:
- Đành để đến sáng vậy.
- Độ mấy giờ nữa?

- Độ hai hay ba giờ nữa, ta phỏng chừng thế.
Rồi thầy tôi ngồi, hai bàn tay ôm lấy đầu.
Tôi không dám làm rối thầy tôi. Tôi ngồi im bên cạnh, thỉnh thoảng sẽ cầm cành củi bỏ vào lò. Thỉnh thoảng thầy tôi lại đứng dậy ra cửa, nhìn lên trời và nghiêng mình ra nghe. Rồi lại trở về chỗ. Giá thầy tôi mắng tôi thì tôi còn dễ chịu hơn là trông thấy thầy tôi rầu rĩ và im lìm. Thời gian ba giờ mà thầy tôi nói đi chậm đến phát bực người, tưởng chừng như đêm kéo dài không bao giờ hết.
Nhưng rồi những sao cũng xanh dần, và trời bắt đầu trắng ra. Bình minh đến. Sáng rồi. Gió ban mai sao mà lạnh thế!
Nếu chúng tôi tìm được Hảo-Tâm, không biết nó còn sống không? Biết đâu trời sáng lại không kéo cả tuyết đến, thì làm thế nào để tìm con Hảo-Tâm?
May sao tuyết không kéo đến. Đáng lẽ âm thầm như hôm qua, bầu trời hôm nay nhuộm một ánh hồng báo một ngày tươi đẹp.
Đợi cho sáng rõ, chúng tôi đi tìm. Thầy tôi cầm một cái gậy lớn. Tôi cũng vác một cái không kém.
Lãnh-Nhi bây giờ không co ro sợ sệt như ban đêm, hai mắt nó nhìn chủ và đợi lệnh.
Chúng tôi đang cúi tìm vết chân của Hảo-Tâm ở dưới đất, Lãnh-Nhi ngẩng đầu và sủa lên những tiếng vui vẻ có ý bảo chúng tôi nên tìm ở trên không chứ kiếm ở dưới đất thì uổng.
Chúng tôi liền nhìn lên mái lều, nhiều chỗ tuyết đã lún xuống để lộ một cành cây lớn chấm mái lều.
Chúng tôi theo cành đó của cây sồi đâm sang, nhìn lên ngọn cây thấy ở một cái chạc có bóng một vật màu nâu sẫm.
Đó là Hảo-Tâm. Chúng tôi hiểu ngay: đêm qua nghe tiếng chó sói và chó nhà sủa vang, đáng lẽ phải nằm yên cạnh lửa, nó sợ quá lại thấy trong nhà đi vắng cả, liền nhảy tót lên mái lều, truyền sang cây sồi, leo lên ngọn nấp cho được chắc chắn, chủ gọi cũng không xuống nữa. Con vật khốn nạn phải bữa rét cóng.
Thầy tôi ngọt ngào gọi nó! Nó không động đậy, cứng đờ như chết. Thầy tôi gọi mãi đến cả mười phút mà nó vẫn không tỏ ra dấu hiệu gì là sống cả.
Tôi muốn chuộc lại cái lỗi đã sơ khoáng ban đêm liền bảo thầy tôi:
- Thầy để con trèo lên ôm nó xuống.
- Ngã thì khốn!
- Không nguy hiểm đâu, thầy ạ!
Thực ra rất nguy hiểm. Cây đã cao lại to. Thân và cành đều trát tuyết, rất khó trèo. May sao, từ thuở nhỏ tôi đã biết trèo cây và cái khoa

trèo của tôi đã từng nổi tiếng là giỏi hơn mèo.
Tôi dùng mấy cành nhỏ ở dưới làm bậc leo lên. Tay bám làm tuyết rơi cả vào mắt hóa mờ. Thầy tôi đỡ tôi lên cho đến chạc thứ nhất. Từ đó trở lên trèo dễ hơn, tôi chỉ phải chú ý cho khỏi trượt.
Tôi vừa leo vừa ngửa mặt lên nói ngọt ngào với Hảo-Tâm. Nó không nhúc nhích nhưng hai mắt vẫn chừng chừng nhìn tôi. Tôi đến gần chỗ nó, vừa giơ hai tay ra bắt thì nó đã nhảy sang cành khác.
Tôi lại leo sang cành này nhưng, người lớn hay trẻ ranh dù tài giỏi đến đâu cũng vẫn kém xa giống khỉ về môn trèo cây. Vì thế tôi sẽ không thể nào với được nó nếu cành cây không có tuyết. Vì tuyết làm ướt tay chân nó, sức chạy của nó cũng chóng mệt và giảm đi một phần nào. Lúc đó nó dò cành này sang cành khác rồi nhảy phắt xuống vai thầy tôi và chui vào trong vạt áo.
Bắt được Hảo-Tâm đã vất vả nhưng nào đã hết đâu. Chúng tôi còn phải tìm hai con chó nữa.
Chúng tôi đi vài bước nữa đến chỗ tìm đêm qua.
Bây giờ sáng sủa, chúng tôi dễ nhận những điều đã xảy ra. Tuyết còn in sâu vết tích về cái chết của hai con chó.
Chúng đã ra ngoài lều, con trước, con sau, còn vết chân trên một quãng dài hơn 20 mét. Rồi những vết này biến mất trong đám tuyết bới lộn. Chỗ đó người ta nhìn thấy nhiều dấu vết khác: một bên là những vết nhảy dài của những con sói sang chỗ hai con chó, một bên là những vết tỏ ra rằng những con sói đã cắn chết những con chó mà tha đi. Những vết máu đào còn lang-lỗ trên tuyết.
Chúng tôi đành lộn lại. Hai con chó đã bị giống sói cắn chết và tha vào rừng rậm rồi. Bây giờ chúng tôi cần săn sóc và sưởi cho Hảo-Tâm.
Chúng tôi vào lều. Khi thầy tôi cầm tay chân Hảo-Tâm sưởi trên lửa như chăm chút cho con thơ, tôi đem hơ chăn của nó cho ấm. Rồi chúng tôi cuộn vào mình nó. Giá lại có giường êm và đồ uống nóng thì con HT cũng bớt mệt, nhưng ở lều này thì tìm đâu ra. May mà có lửa cũng cứu cấp được phần nào.
Thầy tôi và tôi ngồi chung quanh lò lửa, chẳng ai nói câu gì, im lặng nhìn lửa cháy. Chúng tôi tuy không dùng lời nói, không dùng đến con mắt nhưng cũng biểu lộ được lòng đau xót của chúng tôi lúc đó.
“Thương thay cho Hiệp-Nhi! Cho Thùy-Nhi! Những bạn thân mến của ta!” Đó là lời của chúng tôi đang lẩm nhẩm nếu không ít ra cũng là tiếng nói của lòng chúng tôi.
Thực vậy, chúng đã làm bầu bạn với chúng tôi, lúc vui cũng như lúc buồn đều có nhau. Đối với tôi, trong những ngày bơ vơ và hoạn nạn,

chúng đã là nguồn an ủi cho tôi. Không những coi chúng là bạn, tôi còn thương chúng như em tôi nữa.
Nay vì tôi mà chúng đã thiệt mạng!
Tôi không thể nào chối cãi được, nếu tôi để ý coi chúng, nếu tôi không ngủ, chúng sẽ không ra ngoài. Chó sói dầu có đến cũng phải đứng xa vì e sợ ánh lửa.
Tôi chỉ muốn thầy tôi mắng tôi, đánh cho tôi một trận thì mới hả dạ. Nhưng thầy tôi chẳng nói năng gì, và cũng không hề nhìn tôi. Thầy tôi ngồi rũ bên cạnh lò lửa, chắc hẳn trong lòng đang nghĩ về ngày mai. Thiếu chúng, chúng tôi diễn trò làm sao?
Chúng tôi sống làm sao được?

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XV
NGÀI HẢO TÂM

Hứa hẹn của bình minh đã thực hiện. Mặt trời chói lọi trên nền trời cao thẳm không một vẩn mây. Những tia sáng rọi xuống tuyết trắng phản chiếu lại thành ánh xanh xanh. Những giải rừng ảm đạm hôm qua, bây giờ vàng rực đến chói mắt.
Thỉnh thoảng thầy tôi lại luồn tay xuống dưới chăn để sờ Hảo-Tâm. Thân thể nó vẫn lạnh vì tôi nghe có tiếng rên. Thì ra chúng tôi làm sao sưởi ấm được máu ở trong huyết quản của nó đã bị nhiễm lạnh.
Thầy tôi đứng dậy bảo tôi:
- Nếu ta không tìm vào làng ngay thì con Hảo-Tâm chết ở đây mất. Cố sao cho nó khỏi chết đường. Chúng ta đi đi!
Chiếc khăn lại hơ nóng. Thầy tôi quấn cho nó và ấp nó vào bên ngực.
Chúng tôi chuẩn bị xong.
Thầy tôi nói giọng run run:
- Đây là cái quán trọ nó đã bắt ta trả đắt quá!
Nói xong, thầy tôi ra trước, tôi theo sau. Tôi phải gọi con Lãnh-Nhi vì nó cứ nằm lì ở hè quay mõm về chỗ hai bạn hôm qua.
Mươi phút sau, chúng tôi ra đến đường cái. Chúng tôi gặp một cái xe bò, người đánh xe cho chúng tôi biết đi bộ một giờ nữa thì đến làng. Lời nói đó làm cho chúng tôi phấn khởi. Nhưng đi rất khó khăn và vất vả vì tôi phải lội tuyết đến đầu gối.

Thỉnh thoảng tôi lại hỏi thăm bệnh Hảo-Tâm, thầy tôi bảo nó vẫn run run bên ngực thầy tôi.
Sau cùng, ở dưới chân đồi hiện ra những mái nhà trắng của một làng khá to. Cố gắng chút nữa thì chúng tôi tới nơi.
Chúng tôi không quen vào những quán trọ lớn, bề ngoài đồ sộ hứa hẹn những phòng ngủ tốt và những bữa ăn ngon. Trái lại chúng tôi thường dừng chân ở đầu làng hay ở ngoại châu thành để tìm những nhà trọ bình dân, ở đó người ta không hắt hủi và bóc lột chúng tôi.
Nhưng lần này không thế, đáng lẽ nghĩ ngay ở đầu làng, thầy tôi đi thẳng đến một khách sạn ngoài cửa treo một tấm biển vàng. Nhìn qua cửa bếp mở rộng người ta trông thấy một bàn đầy thịt và ở trên bếp rộng có nhiều cái chảo đồng sáng loáng đang sèo sèo vui tai và đưa lên trên trần những đám hơi xanh. Từ ngoài phố, người ta đã ngửi thấy mùi thơm của súp béo, khai vị cho những dạ dày lép xẹp của chúng tôi.
Thầy tôi lấy bộ nghiêm trang, vào trong bếp, mũ trên đầu, mặt hơi ngửa, bảo người chủ tiệm dành cho một phòng tốt có lò sưởi.
Người chủ tiệm trông có vẻ mẫn tiệp, thoạt đầu hạ cố nhìn chúng tôi rồi như có ý ngần ngại, nhưng cái phong độ của thầy tôi đã làm cho chủ tiệm phải kính. Rồi người đầy tớ gái được lệnh đưa chúng tôi nhận buồng.
Khi người đầy tớ gái dóm lò sưởi, thầy tôi bảo tôi:
- Con lên giường ngủ đi.
Tôi sững người, ngạc nhiên: sao lại đi ngủ? Tôi muốn ngồi vào bàn hơn là lên giường.
- Nhanh lên, con!
Tôi phải vâng lời.
Trên giường có một cái chăn. Thầy tôi kéo đắp cho tôi đến cằm, và bảo tôi:
- Cố nằm cho ấm, càng ấm bao nhiêu càng tốt.
Lúc đó, tôi nghĩ con Hảo-Tâm cần được ủ ấm hơn tôi vì tôi không rét lắm.
Trong khi tôi nằm im trong chăn để lấy ấm. Thầy tôi làm cho cô đầy tớ gái phải trố mắt nhìn: thầy tôi cầm con Hảo-Tâm quay đi quay lại trên lửa như người muốn thui.
Lát sau thầy tôi hỏi tôi:
- Con đã thấy ấm chưa?
- Thưa thầy, con ngột cả người!
- Tốt lắm, cần phải thế.
Rồi thầy tôi nhanh nhẹn lại chỗ tôi, đặt con Hảo-Tâm vào trong chăn,

bảo tôi ủ nó vào ngực.
Con vật khốn nạn kia ngày thường rất bướng bỉnh khi người ta bảo nó làm việc gì mà nó không thích, bây giờ nó chịu đựng được hết. Nó bám vào ngực tôi không động đậy, nó không rét nữa, nhưng mình nó nóng như lửa.
Thầy tôi xuống bếp rồi trở lên với một chén rượu vang nóng có pha đường. Thầy tôi định cho nó uống một vài thìa nhưng nó cứ cắn chặt lấy răng. Hai con mắt nó lóng lánh nhìn chúng tôi vẻ buồn rầu, như kêu xin đừng dày vò nó nữa.
Đồng thời nó thò một cánh tay ra ngoài chăn và chìa cho chúng tôi. Nó nhắc đi nhắc lại cử chỉ đó nhiều lần, chúng tôi không hiểu sao cả.
Thầy tôi cắt nghĩa cho tôi:
- Khi con chưa gia nhập đoàn này, có một lần Hảo-Tâm bị sưng phổi, người ta phải trích máu ở tay nó ra. Bây giờ nó ốm, nó lại giơ cánh tay ra để chữa cho nó khỏi như lần trước.
Thực là cảm động.
Ông Vỹ-Tiên không những cảm động, ông còn lo buồn nữa.
Bệnh nó thực trầm trọng. Nó không thiết uống rượu vang là một thứ mà xưa nay nó vẫn ưa thích, là sự không vừa.
Thầy tôi bảo tôi:
- Vậy con uống rượu đi. Rồi nằm nghỉ. Ta đi mời thầy thuốc cho Hảo-Tâm.
Tôi xin thú thực rằng tôi vốn thèm rượu vang ngọt, lại thêm đói lòng, tôi không để mời đến hai lần, tôi uống luôn một hơi rồi nằm xuống đắp chăn, men rượu làm nóng thêm, tôi suýt nghẹt thở.
Thầy tôi đi không lâu. Lát sau thầy tôi về cùng một ông đeo kính gọng vàng: đó là thầy thuốc.
Sợ rằng một vị thượng lưu không muốn mất thì giờ để đi chữa bệnh cho một con vật, ông Vỹ-Tiên lúc mời thầy thuốc, không dám nói rõ là chữa cho con khỉ. Vì thế, thoạt nhìn thấy tôi nằm trong chăn, mặt đỏ như quả bồ quân chín muồi, thầy thuốc liền đến sờ trán tôi và nói:
- Sung huyết.
Và ông lắc đầu ngụ ý bệnh khó chữa.
Nếu tôi không cải chính ngay sợ ông ta trích huyết tôi, tôi liền nói:
- Thưa ông, tôi không ốm.
- Thế nào? Đứa trẻ này không ốm? Nó nói mê.
Không trả lời, tôi lật chăn ra và trỏ vào con Hảo-Tâm nó đang quàng tay vào cổ tôi, và nói:
- Chính con này ốm.
Ông thầy thuốc lùi lại hai bước và hất hàm hỏi thầy tôi:

- Một con khỉ? Thế nào? Vì một con khỉ mà ông làm phiền tôi, phải đi trong lúc giá rét này?
Ông ấy tức giận quay ra. Thầy tôi vốn là người khéo nói và có tính bình tĩnh. Với lễ độ và bằng bộ kẻ cả, thầy tôi làm cho ông thầy thuốc không ra được. Thầy tôi trình bày cảnh ngộ: chúng tôi gặp bão tuyết làm sao, con Hảo-Tâm sợ chó sói trốn lên cây và nhiễm lạnh thế nào.
Thầy tôi nói tiếp:
- Thực vậy, con bệnh chỉ là một con khỉ, nhưng một con khỉ rất khôn. Nó không phải là con vật giúp việc mà là bạn của chúng tôi. Giao một kịch sĩ đại tài như nó cho một ông lang vườn ở làng thì coi sao được. Mọi người đều biết các ông lang vườn đều dốt cả. Mọi người đều biết các vị y sĩ đều là những nhà bác học, đến nỗi mà ở một làng xa xôi hẻo lánh người ta cũng tin ở tài năng và đại độ mà lặn lội tìm đến gõ cửa các vị y sĩ. Nay, mặc dầu con khỉ chỉ là một loài vật, nhưng theo các nhà thiên nhiên học thì nó gần giống người hơn cả, đến nỗi các bệnh của nó không khác gì bệnh của người. Như vậy, về phương diện kỹ thuật, việc nghiên cứu những bệnh đó giống bệnh người ở chỗ nào và khác ở chỗ nào, chẳng phải là một điều bổ ích hay sao?
Cái tài tán dương của những người Ý-đại-lợi không thể chê được. Nghe bùi tai, nhà y sĩ bỏ chỗ cửa và chạy đến cạnh giường.
Khi thầy tôi thuyết thì con Hảo-Tâm, có lẽ đoán ông đeo kính là thầy thuốc, nên cứ thò cánh tay nhỏ xíu của nó ra để xin trích huyết.
Thầy tôi được dịp nói thêm:
- Đấy ngài xem, nó có thông minh không? Nó biết ngài là y sĩ nên nó chìa tay cho ngài chẩn mạch.
Thầy thuốc càng tin và nói:
- Trường hợp này cũng lạ thực!
Than ôi! Chúng tôi đau buồn biết bao khi thầy thuốc cho chúng tôi biết Hảo-Tâm bị chứng sưng phổi.
Thầy thuốc cầm lấy cánh tay Hảo-Tâm và dùng dao nhọn trích vào tĩnh mạch, nó không hề rên rỉ chút nào, biết rằng có thế mới khỏi.
Trích xong, thầy thuốc cho thuốc cao, thuốc đồ, thuốc pha, thuốc sắc.
Lẽ dĩ nhiên, tôi thành một người khán hộ bên cạnh Hảo-Tâm dưới quyền điều khiển của thầy tôi.
Con Hảo-Tâm đáng thương hại, nó ưa tôi săn sóc nó và thường thưởng cho tôi những nụ cười biết ơn. Cái nhìn của nó trông hệt như mắt người. Ngày thường, nó khó bảo, bướng bỉnh, cứng cổ là thế, hiếu động là thế mà bây giờ nó "từ bi" và ngoan ngoãn một cách lạ lùng. Xem ra nó thích người ta vuốt ve, nâng niu nó, nó bắt cả con

Lãnh-Nhi thường là nạn nhân trong những trò hóm hỉnh của nó, phải chiều đãi nó.
Như một đứa con nuông, nó muốn tất cả mọi người phải ở luôn cạnh nó. Nếu ai bỏ đi thì nó giận dữ.
Bệnh của nó theo đúng bệnh thế của chứng sưng phổi, nghĩa là đến thời kỳ ho. Mỗi khi lên cơn, nó ôm ngực ho sù sụ, rung chuyển cả tấm thân bé nhỏ còm gầy.
Cả cơ nghiệp tôi có 5 xu. Tôi mua kẹo mạch nha cho nó ngậm. Thành ra đáng lẽ làm cho nó bớt đau, tôi lại làm bệnh nó tăng thêm. Nó thấy mỗi khi nó ho tôi lại cho nó một viên kẹo, nó liền lợi dụng chỗ đó, giả cách ho suốt ngày để được ngậm thứ thuốc mà nó rất thèm, vì thế cái vị thuốc của tôi đáng lẽ có hiệu quả lại thành ra làm cho nó ho thêm.
Khi tôi biết mưu của nó, tôi giấu kẹo đi. Nhưng nó không nản lòng: bắt đầu nó đưa mắt xin tôi, thấy vô hiệu, nó liền ngồi dậy, cúi gập mình xuống, một tay ôm bụng, nó dặn ho ra, mắt nó đỏ bừng, gân trán nổi lên, nước mắt nước mũi ràn rụa, cuối cùng nó lử ra không phải là để đóng kịch mà chính là nó hết hơi.
Thầy tôi có tính đã nghĩ việc gì thì âm thầm làm, không bao giờ nói cho tôi biết. Cũng là một sự ngẫu nhiên mà tôi biết đã bán cái đồng hồ quý để sắm áo cừu cho tôi. Nhưng trong tình trạng khẩn trương này, thầy tôi đã phá lệ đó.
Một buổi sáng, sau bữa ăn, trong lúc tôi đang ngồi trông con Hảo-Tâm thì thầy tôi bảo tôi rằng chủ tiệm vừa đòi tiền ăn tiền trọ, thầy tôi đã trả cả, nay trong túi chỉ có 5 phật-lăng thôi.
- Tính sao bây giờ?
Cố nhiên tôi không biết trả lời thế nào về vấn đề đói. Thầy tôi đã nghĩ được cách giải quyết là phải đi diễn trò ngay buổi chiều.
Một cuộc diễn không có Hiệp-Nhi, Thùy-Nhi và Hảo-Tâm tôi nghĩ không sao thành được.
Nhưng chúng tôi không chịu ngừng bước trước sự khó khăn. Dù đến thế nào cũng phải chữa cho con Hảo-Tâm khỏi bệnh. Tiền thầy, tiền thuốc, tiền buồng, tiền than, thôi thúc chúng tôi phải kiếm sao cho được 40 phật-lăng để trả chủ tiệm vì họ có ngửi thấy hơi tiền thì mới cho chúng tôi ở chịu.
Kiếm 40 phật-lăng ở làng này trong lúc rét mướt với những phương tiện hiện hữu của chúng tôi, thực là một việc cố gắng phi thường. Tuy nhiên thầy tôi không để chậm, sữa soạn gấp để thực hiện buổi đó. Khi tôi ở nhà trông con Hảo-Tâm thì thầy tôi mượn được một rạp hát ở chợ, vì trời rét quá diễn ngoài trời không tiện. Thầy tôi viết và

tự đi dán những giấy quảng cáo. Thầy tôi xếp một vài tấm ván làm sân khấu và hy sinh cả 5 phật-lăng để mua nến về cắt ra làm đôi để thắp nhiều ngọn cho sáng.
Nhìn qua cửa sổ buồng, tôi thấy thầy tôi đi đi lại lại trên tuyết qua cửa khách sạn nhiều lần. Tôi tự nghĩ và băn khoăn không biết chương trình buổi diễn sẽ ra sao. Chợt người phu đánh trống, đầu đội một cái mũ lưỡi trai đỏ, dừng ở trước cửa khách sạn đọc to chương trình buổi diễn.
Thầy tôi đã quảng cáo một cách quá đáng như sau "Nào là một nghệ sĩ đại tài – tức Lãnh-Nhi, nào là ca sĩ thần đồng – tức là tôi".
Những phần đặc biệt nhất của lời rao là chủ nhân không định giá chỗ ngồi và không bán vé, tùy lượng khán giả thưởng cho sau khi đã trông, nghe và vỗ tay.
Điều này hơi táo bạo: đã chắc đâu công chúng vỗ tay? Con Lãnh-Nhi thì có thể được vì nó rất hay, còn tôi, tôi có là thần đồng đâu?
Khi nghe thấy tiếng trống, con Lãnh-Nhi sủa lên những tiếng vui vẻ, con Hảo-Tâm cũng ngóc đầu lên, lúc đó nó đang mệt. Cả hai con biết hiệu là sắp diễn trò. Con Hảo-Tâm cứ cố ngồi dậy, tôi phải giữ lại. Nó lại đòi bộ áo Đại tướng Anh-Quốc: áo quần đỏ viền lon vàng và mũ quan của nó.
Đòi không được, nó chắp tay và quỳ xuống để kêu van.
Khi nó biết kêu xin không ăn thua, nó ra mặt giận, rồi nó khóc.
Tôi nghĩ chiều nay rất khó giữ không cho nó ra, phải tìm cách trốn nó mới xong.
Không may, thầy tôi không biết việc nó đòi, ở đâu về bảo tôi sửa soạn đàn và những đồ cần thiết để biểu diễn.
Nghe nói, nó hiểu. Nó lại bắt đầu xin đi, lần này nó van lơn thầy tôi bằng điệu bộ, bằng tiếng kêu, bằng nước mắt và những cái hôn vào bàn tay thầy tôi. Thầy tôi hỏi nó:
- Con muốn đi diễn à?
Nó đem hết sức của tấm thân dúm dó của nó và kêu những tiếng như:
- Dạ, dạ…
- Nhưng con còn ốm lắm, Tâm ạ.
Nó lại kêu như đáp lại:
- Hết ốm!
Thực cảm động đến rơi lệ khi trông thấy một con vật chỉ còn hơi tàn, phải gò cổ kêu, phải vận động xác ve để ra hiệu, đứng lên ngồi xuống khó nhọc, chỉ tha thiết đi để đền ơn chủ. Nhưng chiều nó thế nào được; cho nó đi tức là giết nó.

Đã đến giờ chúng tôi phải ra rạp. Tôi bỏ thêm những thanh củi lớn vào lò cho giữ lửa được lâu. Rồi tôi đắp chăn lại cho con Hảo-Tâm. Nó khóc thảm thiết và hôn tôi mãi không dứt. Sau cùng chúng tôi phải đi.
Chúng tôi cùng đi trên đường đầy tuyết. Thầy tôi dặn dò tôi trước những công việc phải làm.
Chúng tôi không thể diễn những trò mọi ngày được vì những vai chính thiếu cả. Nhưng chúng tôi, Lãnh-Nhi và tôi, phải đem hết nghị lực ra trình bày cho được kết quả mong muốn: 40 phật-lăng.
40 phật-lăng! Khó lắm!
Trong rạp mọi thứ đều chuẩn bị; ông Vỹ-Tiên chỉ còn có việc thắp nến nữa thôi, nhưng chúng tôi không dám hoang phí thắp trước khi đông đủ khán giả vì phải giữ sao cho nến không hết trước khi mãn trò.
Khi chúng tôi đã có mặt trong rạp rồi, trống cổ động còn khua lần cuối cùng trong các phố. Chúng tôi nghe thấy tiếng trống lúc gần lúc xa, tùy theo vị trí quanh co các phố trong làng.
Sau khi tôi và Lãnh-Nhi đã sắm sửa áo mũ xong, tôi ngồi vào một góc cột để nhìn các khán giả đến xem.
Không bao lâu, tiếng trống về gần rạp, phụ họa thêm những tiếng ồn ào. Đó là tiếng cười nói của hơn hai chục đứa trẻ đi theo sau trống đánh dịp chân. Người phu cổ động đem trống về cửa rạp hai bên có treo đèn lồng và tiếp tục đánh luôn tay.
Ai muốn xem thì cứ việc vào ngồi để đợi giờ khai mạc.
Nhưng sao mà họ đến chậm thế, mặc dầu những tiếng “tùng tùng” vui vẻ như giục giã bên tai. Rạp đã có người nhưng toàn là những đứa trẻ tinh ranh trong phố. Chúng không phải là những người đem lại cho chúng tôi 40 phật-lăng. Vì thế chúng tôi phải đợi những nhân vật quan trọng có túi tiền đầy và có bàn tay dễ mở.
Sau cùng, trong rạp còn trống, thầy tôi nhất định mở màn vì chúng tôi không thể đợi lâu sợ thiếu nến.
Tôi phải ra trò trước tiên, vừa đánh đàn vừa hát hai ca khúc ngắn. Cho được thành thực, tôi phải thú thực rằng hát xong chỉ có một vài tiếng vỗ tay.
Không phải tôi giàu lòng tự ái như các nghệ sĩ khác, nhưng trong trường hợp này, sự lãnh đạm của khán giả làm tôi buồn lòng. Nếu tôi không làm cho khán giả thỏa ý thì túi họ không mở. Không phải vì hư danh mà tôi cố hát, chính vì con Hảo-Tâm đáng thương.
Chán thay! Tôi cố hết sức làm cho họ cảm động, làm cho họ vui cười, làm cho họ say mê, nhưng tôi càng trông xuống rạp thì tôi càng

thấy họ ít chú ý đến tôi, họ không nhận tôi là thần đồng.
Con Lãnh-Nhi may mắn hơn. Người ta vỗ tay hoan nghênh nó nhiều lần và hoan nghênh nhiệt liệt.
Cuộc diễn tiếp tục. Nhờ có Lãnh-Nhi buổi hát đã chấm dứt trong những tiếng hoan hô. Người ta vỗ tay, người ta nện cả chân xuống đất nữa.
Giờ quyết định vận vận mệnh đã đến. Trong khi ông Vỹ-Tiên đánh đàn cho tôi nhảy điệu Bồ-Đào-Nha trên sân khấu, con Lãnh-Nhi ngậm cái bát gỗ đi chung quanh hàng khán giả. Nó có thu được 40 phật-lăng không? Tôi vừa nhảy vừa nghĩ thế vừa mỉm cười với khán giả bằng một dáng điệu tác dụng cho thật đáng yêu.
Tôi đã mệt nhưng cứ phải nhảy đợi cho con Lãnh-Nhi trở lại mới thôi. Nó không vội vàng. Tới vị nào không móc tiền cho nó, nó lấy chân vỗ vào túi và đứng ỳ ra.
Sau cùng tôi thấy nó trở lại chỗ tôi. Tôi định thôi nhảy nhưng thầy tôi đưa mắt bảo tôi tiếp tục. Tôi lại cố nhảy và nhìn vào bát của Lãnh-Nhi thấy chưa đầy, còn thiếu nhiều.
Lúc đó thầy tôi cũng nhìn thấy số tiền thu được ít ỏi quá, liền đứng dậy nói:
- Thưa quý vị, chương trình của chúng tôi đến đây là hết. Nhưng, nến còn cháy, nếu quý vị muốn, tôi xin cống hiến quý vị một vài ca khúc. Lãnh-Nhi sẽ lượn thăm quý vị lần thứ hai. Những vị nào chưa tìm thấy miệng túi khi Lãnh-Nhi đi qua lần trước, lần này tất tinh mắt hơn. Vậy xin kính báo quý vị biết trước.
Tuy Vỹ-Tiên là nhạc sư của tôi thực, nhưng tôi không thấy ông hát thực sự hay hát như buổi tối hôm đó bao giờ!
Ông chọn hai bài Tình-ca mà mọi người đều biết – nhưng thuở đó tôi không biết – là “Thời niên thiếu” và bài “Tình yêu”.
Ngày ấy tôi không biết phân biệt thế nào là hát hay, hay không hay, có nghệ thuật hay không nghệ thuật. Nhưng tôi nghe tiếng hát của ông đã khiến cho lòng tôi thổn thức, tôi phải lẩn vào góc rạp khóc thầm.
Qua làn nước mắt rưng rưng, tôi nhìn thấy một thiếu phụ ngồi hàng ghế nhất vỗ tay rất nhiều. Bà ta không phải là một người nhà quê như các bà ngồi bên cạnh, mà là một thiếu phụ trẻ, đẹp, cứ trông cái áo khoác bằng da rái cá của bà, tôi đoán bà vào hạng giàu có nhất trong làng. Cạnh bà là cậu bé cũng thích Lãnh-Nhi lắm, có lẽ là con trai bà vì trông giống bà như đúc.
Sau bài thứ nhất, Lãnh-Nhi lại bắt đầu đi quyên. Không thấy bà ta cho gì, tôi cũng hơi lạ. Đến khi thầy tôi hát xong bài thứ hai, bà vẫy

tôi đến gần.
Bà nói:
- Tôi muốn nói chuyện với thầy em.
Tôi lấy làm ngạc nhiên sao lại có một người đàn bà đẹp thế muốn nói chuyện với thầy tôi. Giá bà cứ cho ngay vào bát có lẽ thú hơn. Tuy nhiên tôi phải chuyển lời yêu cầu đó đến thầy tôi. Lúc đó Lãnh-Nhi cũng theo chân tôi. Lần quyên thứ hai, kết quả lại kém lần trước nhiều.
Ông Vỹ-Tiên hỏi tôi:
- Bà ấy muốn gì?
- Nói chuyện với thầy.
- Ta không có gì để nói.
- Bà ta không cho Lãnh-Nhi gì. Có lẽ bà ta định cho.
- Thế thì con Lãnh-Nhi phải đến chứ, ta không phải đến.
Nói thế, nhưng thầy tôi cũng đến, tay dắt con Lãnh-Nhi, tôi cũng theo sau.
Lúc đó, có người nữ tỳ cầm đèn lồng và một cái khăn choàng đến đón bà ta và cậu bé.
Ông Vỹ-Tiên đến gần và cúi chào nhạt nhẽo.
Bà khách nói:
- Xin ông tha lỗi đã làm phiền ông. Tôi muốn khen ngợi ông.
Ông Vỹ-Tiên lại cúi mình không nói gì.
Bà khách nói tiếp:
- Tôi vốn biết về âm nhạc. Được nghe ông hát, tôi rất cảm phục. Ông thực là một ca sĩ đại tài.
Một đại tài ở thầy tôi, một người hát rong, một người làm xiếc! Tôi sửng sốt cả người.
Thầy tôi đáp:
- Đại tài gì đâu, một kẻ già lão như tôi.
Bà khách nói:
- Xin ông đừng cho rằng tôi có ý thóc mách.
- Bà không hiểu tại sao một người diễn trò rong lại hát tạm được như thế, phải không? Tôi xin nói để bà khỏi lạ.
- Không phải lạ, mà kinh dị!
- Một việc rất thường. Không phải từ trước đến giờ tôi vẫn thế này. Ngày trước, hồi tôi còn niên thiếu, đã lâu lắm rồi, tôi đã là… phải, đã là một người đầy tớ của một ca sĩ đại tài. Rồi tôi bắt chước như con vẹt, nhắc đi nhắc lại một vài bài mà thầy tôi đã hát, có thế thôi.
Bà khách không nói gì, nhìn kỹ ông Vỹ-Tiên làm cho ông có vẻ luống cuống.

- Thôi kính chào ông – bà khách nhấn mạnh tiếng "ông" – và một lần nữa xin cảm ơn ông đã cho nghe những bài rất hay và rất cảm động. Rồi bà cúi xuống bỏ vào bát con Lãnh-Nhi một đồng tiền vàng.
Tôi tưởng thầy tôi phải tiễn chân bà khách, nhưng không, sau khi bà ta đã đi khỏi, thầy tôi lẩm nhẩm mấy tiếng "rủa" bằng tiếng Ý.
Tôi nói:
- Nhưng bà ta cho Lãnh-Nhi 20 đồng phật-lăng.
Tôi tưởng thầy tôi giơ tay tát tôi song lại rụt lại. Rồi như chợt tỉnh lại sau một giấc mê, thầy tôi bảo tôi:
- Đồng 20 phật-lăng! À! Phải, phải đấy, con Hảo-Tâm khốn nạn, ta quên mất. Bây giờ về thăm nó xem sao.
Rạp dọn trong nháy mắt đã xong, chúng tôi không mấy lúc đã về đến khách sạn.
Tôi lên thang trước tiên và chạy ngay vào phòng. Lửa còn cháy, nhưng không lên ngọn. Tôi liền thắp đèn. Không nghe thấy tiếng Hảo-Tâm đâu, tôi liền tìm.
Nó nằm xõng xượt trên chăn, mình mặc bộ lễ phục Đại tướng nước Anh, hình như nó đang ngủ. Tôi cúi xuống sẽ cầm tay nó khơi dậy. Bàn tay nó lạnh quá.
Lúc đó thầy tôi vào phòng. Tôi quay lại bảo thầy tôi:
- Hảo-Tâm lạnh lắm, thầy ạ.
Thầy tôi cúi xuống bên tôi và kêu:
- Trời ơi! Hảo-Tâm đã chết rồi! Việc này tất phải đến. Minh ơi! Con có coi thấy không? Tại ta đã chia rẽ một tình mẫu tử, rứt con ở trong tay bà Mỹ-Lưu ra, trời trừng phạt ta bắt con Hiệp-Nhi, Thùy-Nhi, nay lại đến con Hảo-Tâm của ta! Mà cũng chưa hết đâu, con ạ!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XVI
VÀO BA-LÊ

Chúng tôi hiện còn xa Ba-Lê lắm. Chúng tôi phải khởi hành, trên những con đường tuyết phủ, lặn lội từ sáng đến chiều, gió bắc hắt vào mặt mũi không lúc nào ngớt.
Những độ đường dài làm sao! Ông Vỹ-Tiên đi đầu, tôi đi giữa, Lãnh-Nhi đi sau. Chúng tôi đi nối đuôi nhau, cái đuôi ngắn ngủn, chẳng ai nói với ai câu nào, im lặng đi hàng giờ, mặt mét xám xanh, chân dẫm

tuyết, dạ dày rỗng không. Những khách qua đường thường dừng lại nhìn theo chúng tôi.
Chắc họ cũng lấy làm lạ: không biết ông già đưa đứa bé và con chó đi đâu?
Sự yên lặng làm tôi buồn quá, tôi cần nói cho quên đường dài, cho khuây khỏa. Nhưng thầy tôi chỉ trả lời tôi bằng một hai tiếng cụt ngủn mà cũng chẳng thèm ngoảnh đầu lại.
May có con Lãnh-Nhi, con vật nhiều tình cảm, thỉnh thoảng lấy lưỡi liếm vào tay tôi như bảo tôi rằng:
- Anh nên biết, còn có Lãnh-Nhi đây là bạn của anh.
Tôi lại vừa đi vừa lấy tay xoa đầu nó.
Tôi và Lãnh-Nhi đều thấy phấn khởi: chúng tôi hiểu nhau và mến nhau. Nó nương tựa tôi, tôi nương tựa nó, tinh thần chúng tôi ấp ủ cho nhau vì trái tim con chó không kém phần cảm xúc bằng trái tim một đứa trẻ con.
Nhờ sự vuốt ve của tôi, con Lãnh-Nhi cũng quên được cái chết của các bạn nó. Nhưng đôi khi, theo thói quen, tự nhiên nó đứng dừng lại như để duyệt lại bạn đồng đội khi nó còn làm Đội trưởng. Nhưng trong một vài giây, nó sực nhớ ra cái lý do mà bạn nó không bao giờ đến nữa, nó liền vượt lên trước chúng tôi, quay lại nhìn chủ để chủ chứng nhận cho rằng không phải lỗi tại nó không làm hết bổn phận.
Sở dĩ Thùy-Nhi, Hiệp-Nhi không đến là vì chúng không bao giờ đến nữa. Nó nhìn ông Vỹ-Tiên bằng đôi mắt đầy ý nghĩa hơn là lời nói, khiến chúng tôi mủi lòng.
Khắp đồng quê chỗ nào cũng thấy trắng xóa một màu. Mặt trời không có, chỉ có một thứ ánh sáng xanh xao. Không trông thấy nông dân hoạt động ở ngoài đồng. Không nghe thấy tiếng ngựa hí, bò kêu. Trên cành trơ trụi, chỉ còn mấy con quạ quàng quạc kêu vì không có một chỗ đất nào có thể xuống được để kiếm mồi. Trong làng không có nhà nào mở cửa sổ, im lặng như tờ vì trời rét người ta ở cả trong nhà, bên cạnh lò lửa hay làm việc trong chuồng bò, trong vựa thóc.
Đường trơn như mỡ, chúng tôi đi thẳng trước mặt không dừng, chỉ nghỉ trong những giấc ngủ ban đêm ở các chuồng ngựa hay trại cừu. Bữa ăn chiều thường chỉ có một khoanh bánh mỏng, có khi kiêm cả bữa sáng và bữa tối.
Đêm xuống, gặp một trại cừu thì sung sướng biết bao. Hơi nóng của cừu ủ cho chúng tôi đỡ rét, mùa đó là mùa cừu cái nuôi con, những người chăn cừu thường cho tôi uống sữa cừu.
Vẫn giữ giá, chúng tôi không hề tỏ ra là sắp chết đói. Ông Vỹ-Tiên, một người rất khôn khéo thường tán với người coi cừu rằng: “Cháu

Minh thèm sữa cừu lắm vì thuở bé quen dùng sữa cừu và được uống thì nó tưởng tượng như là ở quê nhà". Câu ngụ ngôn này không phải là lúc nào cũng có hiệu quả. Nhưng một khi có hiệu quả thì tôi thấy tôi thèm sữa cừu thực và khi được uống, tôi thấy sáng hôm sau trong người rất khoan khoái và khỏe hẳn lên.
Những cây số thêm vào những cây số. Những độ đường thêm vào những độ đường. Dần dà chúng tôi tới gần Ba-Lê. Tuy rằng những cột bên đường không đề rõ, nhưng tôi đoán được vì sự lưu thông thấy sầm uất hơn và sắc tuyết trên đường cũng thấy bẩn hơn, không trắng ngần như ở bình nguyên Champagne.
Có điều tôi lấy làm lạ là cảnh quê không thấy đẹp hơn mà làng mạc cũng chẳng khác những miền mà chúng tôi đi qua mấy hôm trước. Đã bao lần tôi nghe nói Ba-Lê có nhiều kỳ quan, óc thơ dại của tôi cứ tưởng tượng rằng những kỳ quan đó tất báo trước bằng những cái gì khác thường. Tôi không dám hỏi thầy tôi. Nhưng tôi cố đợi xem những điều kỳ diệu như cây cối bằng vàng, ngọc, lâu đài bằng đá hoa, phục sức nhung gấm lụa là, mà tôi cho là tất nhiên phải có.
Dù để hết tinh thần tìm những cây vàng ngọc, tôi cũng nhìn thấy những khách đi đường gặp chúng tôi mà chẳng để mắt tới chúng tôi, chắc hẳn họ vội vã hoặc họ quen nhìn những cảnh khổ hơn cảnh thầy trò tôi.
Tôi chẳng chắc dạ chút nào!
Chúng tôi sẽ làm gì ở Ba-Lê, nhất là đang ở trong cảnh cùng khốn này?
Đó là một câu hỏi rất buồn mà nó cứ lẩn quất trong óc tôi suốt quãng đường trường.
Tôi định hỏi thầy tôi song lại thôi vì thấy thầy tôi ủ rũ và nói rất ít.
Rồi có một hôm, ông Vỹ-Tiên thân mật ngồi cạnh tôi, trông con mắt của ông, tôi đoán sắp được thỏa mãn những điều băn khoăn trong lòng tôi.
Đó là một buổi sáng, sau khi ngủ nhờ trong một cái trại thuộc một làng to, theo chiếc biển xanh cắm ở cạnh đường thì gọi là làng Boissy, chúng tôi dậy sớm và lên đường vào lúc rạng đông. Khi đi hết địa phận làng này, đứng trên một cái dốc, chúng tôi nhìn về phía trước mặt, xa xa có một đám khói đen bay là là trên một thành phố lớn.
Tôi cố phân biệt những mái lâu đài, những gác chuông, những ngọn tháp trong đám khói đen lẫn sương mù ấy, chợt thầy tôi đi chậm lại, đợi tôi đến gần và nói như là tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở:
- Thế là đời chúng ta thay đổi hẳn. Trong 4 giờ nữa chúng ta đến Ba-

Lê.
- A! Thế Ba-Lê ở trước mặt kia à?
- Phải.
Chợt một tia sáng trên trời chớp xuống, tôi nhìn thấy lấp lánh như vàng. Nhất định tôi không lầm. Tôi sắp được xem những cây cối bằng vàng, bằng ngọc.
Thầy tôi nói tiếp:
- Tới Ba-Lê thầy trò ta phải lìa nhau.
Vụt tối lại. Cây cối vàng ngọc biến hết.
Tôi quay lại nhìn thầy tôi, thầy tôi cũng nhìn tôi. Thấy sắc mặt tôi xám lại, môi tôi run run; thầy tôi biết có mối xúc động lớn trong lòng tôi, nên bảo tôi:
- Ta biết con buồn lắm. Thầy đây cũng khổ tâm.
Tôi kêu:
- Trời ơi! Thầy trò chia lìa!
- Con ơi!
Hai tiếng nói bằng giọng đầy yêu thương làm cho tôi rỏ nước mắt, vì đã lâu không được nghe những lời âu yếm đó.
Tôi kêu:
- Thầy ơi! Thầy tốt quá!
- Chính con tốt, là đứa trẻ tốt, một trái tim đảm! Con ơi! Ở trong đời, nên có những lúc để tỏ những tâm tình đó, để thông cảm nhau và thương yêu nhau. Khi mà mọi việc đều hay, người ta cứ bước thẳng đường không cần nghĩ đến những kẻ đi sau. Nhưng khi mọi việc đều thất bại, khi người ta thấy đang xuống dốc, nhất là khi người ta thấy mình già yếu, nghĩa là không có tin tưởng vào ngày mai, người ta cần phải nương tựa vào những người ở chung quanh và người ta rất sung sướng thấy họ đến cạnh mình. Ta cần nương tựa vào con, điều đó có phần làm cho con lạ, phải không? Nhưng chính sự thực là như thế. Những giọt nước mắt của con đã chứng minh điều đó. Ta thấy lòng ta nhẹ nhàng, vì ta, con ơi! Ta cũng đau khổ.
Mãi về sau này, tôi có người để yêu thương, tôi mới biết và cảm thấy lời cụ già nói không sai.
Ông Vỹ-Tiên nói tiếp:
- Cái họa phân ly nó thường đến đúng lúc người ta cần phải gần nhau.
Tôi rụt rè nói:
- Nhưng thầy không định bỏ con ở Ba-Lê chứ?
- Không con ạ. Ta không muốn bỏ con. Con hãy tin như thế. Một mình con, còn bé thế, con làm gì được ở Ba-Lê? Vả lại ta không có

quyền bỏ con, có thể nói được như thế. Từ ngày mà ta không thể cho bà Mỹ-Lưu giữ để nuôi dạy con như con đẻ, ta thấy có bổn phận phải đem hết sức mình chăm nom và gây dựng cho con. Không may, những biến cố đã phản ta. Trong lúc này ta không thể làm gì cho con được, vì thế ta nghĩ đến nước phải chia tay con nhưng không phải là vĩnh viễn, mà chỉ trong một thời gian vài tháng thôi để thầy trò ta mỗi người một ngả có thể tìm sống cho qua mùa đông này. Chúng ta sẽ đến Ba-Lê trong vài giờ. Chúng ta sẽ làm trò gì với đoàn của ta rút lại còn có một con Lãnh-Nhi?
Nghe nhắc tới tên nó, con Lãnh-Nhi lại gần chúng tôi, lấy tay giơ lên ngang tai để chào theo kiểu nhà binh rồi đặt tay vào ngực ý nói chúng tôi hãy tin vào lòng trung thành của nó.
Trong tình trạng bi đát của chúng tôi, lòng trung nghĩa của con Lãnh-Nhi cũng không sao làm cho chúng tôi nguôi được.
Ông Vỹ-Tiên ngừng một lúc để xoa đầu con chó và bảo nó:
- Còn con nữa, Lãnh-Nhi! Con cũng là một con vật đảm. Ở đời người ta không thể chỉ sống về lòng tốt được. Đành rằng lòng tốt cũng cần phải có, để tạo hạnh phúc cho những người ở chung quanh ta, nhưng ngoài lòng tốt ra ta cần phải có điều khác. Mà điều khác ấy ta không có. Con muốn ta làm trò gì với một mình Lãnh-Nhi? Bây giờ chúng ta không thể diễn trò được nữa. Con có hiểu không?
Lãnh-Nhi gật đầu như có ý nói:
- Thực vậy.
Ông Vỹ-Tiên nói tiếp:
- Những trẻ ranh sẽ chế nhạo ta, lấy những miếng khoai ném chúng ta. Chúng ta không thể thu được 20 xu một ngày, đủ nuôi thế nào được 3 miệng ăn. Rồi những ngày mưa gió, những ngày tuyết giá kiếm đâu ra tiền?
Tôi nói:
- Nhưng còn cái đàn của con?
- Nếu ta có hai đứa trẻ như con thì may ra đứng vững được. Nhưng một ông già với một đứa bé con thì khó khăn lắm. Ta không đến nỗi già lắm. Nếu ta già yếu hơn nữa hay ta mù chẳng hạn… nhưng không may ta lại còn khỏe, nghĩa là không ở vào cái tình trạng gợi lòng thương của mọi người, và ở Ba-Lê này, muốn được lòng thương hại của những người có công việc vội vã, phải có một bộ dạng tiều tụy, thiểu não và không biết xấu hổ chìa tay xin. Điều đó ta không thể làm được. Phải tìm cách khác. Vì thế ta đã nghĩ và định gửi con cho một ông thầy diễn trò để con cùng với các trẻ khác biểu diễn nghề đàn.

Khi tôi nhắc đến cây đàn của tôi không phải là tôi mong được như thế.
Thầy tôi không để tôi ngắt lời, nói tiếp:
- Về phần ta, ta dạy thụ cầm, đàn pi-va, đàn vi-ô-lông cho những trẻ người Ý đang làm nghề hát rong ở các phố Ba-Lê. Ở Ba-Lê nhiều người biết ta vì ta ở đó đã lâu, và chính từ Ba-Lê ta đã về qua làng con. Chúng ta đều sống được tuy thầy trò ta ở mỗi người một nơi. Trong khi ta dạy đàn, ta có thể luyện thêm cho hai con chó nữa để thay cho con Hiệp-Nhi và Thùy-Nhi. Ta sẽ cố gắng việc rèn luyện đó cho đến đầu mùa xuân, thầy trò ta lại có thể lên đường, con ơi! Để không phải xa nhau nữa, vì cái số phận không xấu mãi cho những người có can đảm phấn đấu. Chính bây giờ là lúc ta cần con có can đảm và nhẫn nại nữa. Rồi ra cũng đến ngày sáng sủa. Ta chỉ phải chịu đựng trong một thời gian ngắn thôi. Đến mùa xuân, chúng ta lại trở về đời tự do của chúng ta. Ta sẽ đưa con sang Đức, sang Anh. Bấy giờ con đã lớn và trí con đã mở rộng. Ta sẽ dạy con nhiều điều và làm cho con thành người. Ta đã cam đoan trước mặt bà Mỹ-Lưu điều đó, ta sẽ giữ lời. Vì cốt đưa con đi các nước nói trên, nên ta chả đã bắt đầu dạy con học tiếng Anh, Pháp và Ý đấy ư? Với tuổi con, được như thế là khá lắm không kể sức khỏe của con. Coi đó, con ơi! Ta sẽ không đến nỗi mất cả.
Cái giải pháp đó có lẽ sẽ thích hợp với hiện tình của chúng tôi. Ngày nay mỗi khi tôi nghĩ đến, tôi nhận thấy thầy tôi đã khổ tâm lắm mới nghĩ được lối thoát đó. Nhưng ngày ấy, tôi lại nghĩ khác.
Qua lời thầy tôi nói, tôi trông thấy hai điều: sự chia ly và ông thầy diễn trò.
Trong những cuộc lữ hành của chúng tôi qua các làng và các tỉnh tôi thường gặp những ông thầy diễn trò dắt những trẻ con – mà các ông ấy đã mộ tập ở các nơi – đi diễn trò và đánh đập rất tàn nhẫn.
Họ không được như ông Vỹ-Tiên. Toàn là những hạng người độc ác, bất công, khó tính, rượu chè, lúc nào cũng cầm roi. Tôi rất có thể sa vào tay một người trong bọn đó.
Nếu sự ngẫu nhiên đưa tôi vào cửa tử tế, thì lại là một sự thay đổi. Sau bà mẹ nuôi tôi, đến ông Vỹ-Tiên, sau ông Vỹ-Tiên đến một người khác.
Có phải cứ bắt thay đổi mãi thế không?
Có phải tôi không bao giờ tìm được người để kính yêu suốt đời?
Tình thâm mỗi ngày một nảy nở đã khiến tôi coi ông Vỹ-Tiên như cha tôi.
Như vậy, không bao giờ tôi có cha ư?

Cứ phải trơ trọi suốt đời hay sao?
Cứ phải lưu lạc trên cõi đất này không bao giờ tìm được một chỗ dừng chân?
Tôi có nhiều câu để nói với thầy tôi, những lời đó phát tự đáy lòng lên tới miệng tôi, nhưng tôi phải nén xuống.
Thầy tôi đòi hỏi tôi phải can đảm và nhẫn nại, tôi phải nghe lời và không dám tăng nỗi đau khổ của thầy tôi.
Vả lại thầy tôi cũng không đứng cạnh tôi nữa. Có lẽ thầy tôi sợ phải nghe những câu sắp nói mà thầy tôi đã đoán được, nên thầy tôi bước vội lên trước cho cách xa tôi.
Tôi lẳng lặng theo thầy tôi. Không mấy lúc chúng tôi đến một bờ sông con, qua một cái cầu đầy bùn, tuyết đen như trộn than, lội đến mắt cá chân.
Đầu cầu là một làng có những phố hẹp. Qua làng đó đến một miền quê chen chúc những cửa nhà tiều tụy.
Trên đường, xe cộ ngược xuôi như mắc cửi. Tôi phải đi sát cạnh thầy tôi về bên tay trái, còn con Lãnh-Nhi cắm đầu theo gót chúng tôi.
Không bao lâu đi hết miền quê vào một đường phố mà không nhìn thấy đầu phố đâu. Hai bên, xa xa có nhiều nhà, nhưng những nhà nghèo nàn và bẩn thỉu, không được như những nhà ở Booc-Đô, Tu-lu và Ly-Ông.
Tuyết đã hốt thành từng đống ở bên vệ đường. Trên những đống tuyết đen và rắn đó, người ta vứt nào tro nào rau úa cùng đủ thứ rác rưởi. Không khí sực mùi hôi thối.
Trẻ con chơi ở trước cửa, đứa nào cũng xanh xao. Thỉnh thoảng có những xe ngựa chở nặng đi qua, chúng tránh rất lẹ và chẳng e ngại gì.
Tôi hỏi thầy tôi:
- Đây là đâu thầy?
- Ba-Lê, con ạ.
Ba-Lê…
Đây là Ba-Lê, có tin được không?
Vậy thì những nhà cửa bằng đá hoa của tôi đâu?
Những thị dân y phục nhung gấm lụa là đâu?
Mới biết sự thực vẫn xấu và tồi tàn!
Có phải kia là Ba-Lê mà tôi hằng mơ ước được để chân đến không?
Than ôi! Phải đó. Chính nơi đó mà tôi sắp phải ở cho qua mùa đông, mà tôi sắp phải chia tay ông Vỹ-Tiên, thầy tôi và Lãnh-Nhi, bạn tôi.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XVII
ÔNG THẦY DIỄN TRÒ Ở PHỐ LỤC-SINH

Mặc dầu cảnh tượng ghê tởm, tôi cứ giương mắt, quên cả cái cảnh huống trầm trọng của tôi, nhìn khắp chung quanh.
Càng đi sâu vào, tôi càng thấy mọi thứ trái hẳn với hình ảnh mà tôi đã mơ tưởng và hy vọng. Những rãnh nước đông đặc. Bùn lẫn tuyết biến thành màu đen. Chỗ nào tuyết lỏng, mỗi khi xe đi qua, bắn lên từng mảng dính vào tủ hay cửa kính các hiệu tạp hóa xơ xác, tồi tàn. Tôi nghĩ Ba-Lê không bằng Boóc-Đô.
Qua phố này chúng tôi đến một phố rộng hơn, càng đi càng thấy các hiệu buôn và nhà cửa đẹp hơn, sạch sẽ hơn. Chúng tôi rẽ vào một ngõ bên tay phải. Những nhà đen và cao như chụm đầu vào nhau. Rãnh nước chảy giữa đường. Những đám đông đi lại trên hè rất thản nhiên, không để ý đến mùi hôi hám ở rãnh đưa lên. Mặt người nào trông cũng xanh xao. Bạo nhất là những trẻ con xông xáo đi lại giữa những đám đông người. Những quán rượu huyên náo hơn cả, đàn ông, đàn bà đứng trước cái quầy bằng kẽm uống rượu và cười nói rất to.
Trên một bức tường, tôi đọc thấy tên phố là Lục-sinh.
Thầy tôi biết lối đi, lách qua những đám người ngổn ngang trước mặt. Tôi theo sát đằng sau.
Thầy tôi bảo tôi:
- Khéo khỏi lạc!
Lời dặn đó hơi thừa, vì không những tôi theo sát gót mà còn bám vào áo thầy tôi nữa.
Sau khi qua một cái sân rộng, chúng tôi vào một cái hẻm tối tăm; hình như mặt trời không lọt vào đây bao giờ, tôi ghê cả người.
Thấy một người đàn ông đang soi đèn và mắc những miếng giẻ rách vào vách, thầy tôi hỏi:
- Ông Phú-Lợi có nhà không?
- Tôi không biết. Ông cứ lên tầng gác thứ tư. Vào cái cửa ngay đầu thang gác.
Chúng tôi lên những bực thang dầy cộm những đất vừa bẩn vừa trơn. Thầy tôi vừa lên thang vừa bảo tôi:
- Phú-Lợi là ông thầy diễn trò mà ta đã nói chuyện với con. Nhà ông ấy ở đây.
Ôi! Phố ấy, nhà ấy, thang ấy làm cho tôi nản lòng. Không biết ông

chủ sẽ là người thế nào?
Lúc tới nơi, thầy tôi không gõ, mở luôn cái cửa quay ra cầu thang. Chúng tôi nhìn thấy một căn rộng, như một vựa lúa, giữa nhà để không. Chung quanh có 12 cái giường con. Tường và trần phủ một màu không biết là màu gì, sắc trắng trước kia đã bị khói ám và đủ thứ bụi bẩn dính vào thành đen, nhiều chỗ tường lở, sâu hoắm vào. Lại có vẽ cả cái đầu người bằng than, bên cạnh khắc những bông hoa, những con chim.
Thầy tôi vừa bước vào vừa hỏi:
- Ông Phú-Lợi đâu? Nhà không có ai cả à? Tối quá, ông ở chỗ nào? Tôi đây, Vỹ-Tiên đến thăm ông đây!
Nhờ ánh đèn dầu treo ở tường, người ta nhìn thấy phòng không. Nhưng có tiếng yếu đuối của một đứa trẻ vọng ra:
- Ông Phú-Lợi đi vắng, độ hai giờ nữa mới về.
Ngay lúc đó, đứa trẻ trả lời chúng tôi đã hiện ra. Đó là một đứa trẻ độ mười tuổi, nó bước lò dò đến chỗ chúng tôi. Có thể gọi đó là một quái thai. Nó như không có chân, một cái đầu to tướng đặt trên bộ chân khẳng khiu trông như trong một bức tranh hài hước. Đầu nó hình như chứa nhiều đau khổ, mặt biểu lộ một sự chịu đựng vô bờ. Người nó như thế nên trông rất xấu. Nhưng đôi mắt hiền lành của nó làm cho người ta phải thương và cái miệng của nó trông đáng yêu.
Thầy tôi hỏi:
- Có thực hai giờ nữa ông Phú-Lợi về không?
- Thưa ông, đúng, vì là bữa ăn, và bao giờ ông ấy cũng phải trông nom lúc ăn.
- Vậy nếu ông ấy về sớm thì em nói có ông Vỹ-Tiên sẽ trở lại trong hai giờ.
- Trong hai giờ, thưa ông vâng.
Tôi định theo thầy tôi ra thì thầy tôi bảo:
- Con ở lại đây nghỉ ngơi, lát nữa thầy sẽ trở lại.
Dù tôi mỏi mệt tôi cũng muốn theo thầy tôi, nhưng khi thầy tôi ra lệnh, bao giờ tôi cũng phải vâng lời. Tôi ở lại.
Khi không nghe thấy tiếng chân nặng nề của thầy tôi xuống thang nữa, đứa trẻ ghé tai ra cửa nghe ngóng rồi quay lại hỏi tôi bằng tiếng Ý:
- Anh ở quê lên đấy chứ?
Thầy tôi có dạy tôi ít nhiều tiếng Ý, tuy không nói được nhưng nghe tôi hiểu. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp:
- Không.
Đứa trẻ nhìn tôi một cách buồn rầu rồi nói:

- Nếu anh ở quê lên thì hay quá.
- Quê nào?
- Làng Lục-ca. Nếu anh ở làng đó, tôi sẽ được nhiều tin tức.
- Tôi là người Pháp.
- A! Thế thì may đấy!
- Anh thích người Pháp hơn người Ý?
- Không. Tôi nói "may" không phải là cho tôi, mà cho anh vì nếu anh là người Ý đến đây tất để ở cho ông Phú-Lợi. Mà đã ở cho ông thầy diễn trò này thì không bao giờ gọi là "may" được.
Câu này làm cho tôi lo lắng. Tôi hỏi:
- Ông ấy ác lắm sao?
Đứa trẻ không trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi, nhưng cái nhìn của nó đã là một lời đáp rất hùng hồn. Rồi như không muốn nói về vấn đề ấy nữa, nó quay đi và đến chỗ bếp ở đầu nhà.
Những củi bằng thứ gỗ cũ đang bốc cháy trong lò. Một cái nồi lớn bằng gang đang sôi.
Tôi lại gần bếp để sưởi. Tôi trông thấy cái nồi kỳ quá. Vung nồi một bên có bản lề, một bên có khóa, khóa vào miệng nồi. Trên vung có gắn một cái ống nhỏ để dẫn hơi. Tôi vẫn biết không nên trống trải hỏi về chuyện ông Phú-Lợi, nhưng về cái nồi…
- Tại sao nồi lại có khóa?
- Để cho tôi khỏi ăn vụng. Tôi giữ việc nấu súp mà thầy tôi thì không tin tôi.
Tôi không thể nhịn cười được.
Đứa bé buồn rầu nói tiếp:
- Anh cười vì anh tưởng tôi có tính tham ăn. Nhưng nếu anh ở địa vị tôi anh cũng sẽ làm như thế. Tôi không tục ăn, nhưng tôi đói, mùi thơm của súp ở ống đưa ra làm cho cái đói hành hạ cực khổ.
- Vậy ông Phú-Lợi để anh chết đói à?
- Nếu anh ở đây với ông Phú-Lợi, anh biết người không chết đói nhưng người ta đau đớn vì đói. Tôi chịu đau đớn đã nhiều vì tôi bị phạt.
- Bị phạt! Nhịn ăn?
- Phải đó. Tôi nói thêm cho anh biết. Nếu ông Phú-Lợi là chủ anh, cái gương của tôi sẽ có ích cho anh. Ông Phú-Lợi là chú tôi và ông đã làm phúc đem tôi về nuôi. Mẹ tôi góa, anh có thể đoán được là không giàu có gì. Năm ngoái chú tôi về quê để mộ tập trẻ con, chú tôi bảo mẹ tôi nên cho tôi đi. Điều này làm cho mẹ tôi buồn lắm. Nhưng, cảnh huống phải thế, biết làm thế nào. Nhà tôi có 6 anh em mà tôi là lớn nhất. Chú tôi muốn bắt đứa em liền tôi là Mã-Đô vì em tôi đẹp

trai, còn tôi thì xấu xí. Và muốn kiếm tiền, không được xấu, những kẻ xấu chỉ được ăn roi và những lời chủ mắng. Nhưng mẹ tôi không ưng cho em Mã-Đô đi và nói: “Mã-Tư là con cả, Mã-Tư phải đi. Nếu phải bớt một đứa thì trời đã định thế, tôi không dám trái lệnh trời”. Thế là tôi phải đi theo chú tôi. Anh tưởng tượng xem nỗi phân ly của chúng tôi. Mẹ tôi thương con khóc, em Tuyết-Nga cũng khóc vì nó bé nhất được tôi bế ẵm luôn. Rồi các em tôi, bạn tôi và người quen kẻ thuộc cũng buồn.

Nghe Mã-Tư tả, tôi lại nhớ lại ngày tôi phải xa lìa quê tôi và cố nhìn theo cái mũ vải trắng của mẹ nuôi tôi.

Mã-Tư nói tiếp:

- Lúc ra đi chỉ có một mình tôi theo chú tôi thôi, Nhưng tám hôm sau, chúng tôi thành 12 đứa và được đưa về Ba-Lê. Chao ôi! Đường dài biết là bao nhiêu! Cũng như tôi, các bạn tôi đều buồn. Sau cùng, tới Ba-Lê, thì chỉ còn 11 đứa vì một người trong bọn chúng tôi bị ốm ở dọc đường và đưa vào Nhà Thương Dijon. Đến Ba-Lê người ta chọn chúng tôi ra từng loại: đứa nào khỏe mạnh thì cho đi ở với những thợ quét lò sưởi hay thợ thông ống khói bếp, đứa nào không có sức để làm nghề thì đi hát hay đánh đàn rong ở các phố. Còn tôi, tôi yếu ớt không làm nghề được mà lại xấu người, đi đánh đàn cũng không ăn thua. Vì thế Phú-Lợi cho tôi hai con chuột bạch để đi làm trò ở các hè, cùng ngõ và mỗi ngày phải nạp thuế cho ông 30 xu. Ông bảo tôi: “Thiếu mỗi xu là một roi”. Kiếm tiền đã khổ mà những ngọn roi còn khổ hơn, nhất là những khi chính tay Phú-Lợi đánh. Tôi hết lòng hết sức để kiếm đủ số tiền đó, nhưng thường thất bại luôn. Những bạn tôi phần nhiều hôm nào về cũng đủ tiền. Riêng tôi, tôi chẳng đủ bao giờ. Điều này làm cho Phú-Lợi tức giận thêm và quát: “Thằng ngu này không hiểu cả ngày nó làm gì?”. Có một đứa khác cũng đi diễn chuột bạch như tôi bị đánh thuế 40 xu mà chiều nào về cũng đủ. Nhiều lần tôi theo nó để học mánh khóe và tôi hiểu tại sao nó kiếm 40 xu dễ dàng mà tôi kiếm 30 xu lại khó. Khi một ông hay một bà nào cho tiền chúng tôi thì y như bà đó cũng nói: “Cho thằng bé xinh kia, không cho thằng khỉ”. Thằng khỉ là tôi. Từ đó tôi không đi chung với bạn tôi nữa, vì chịu 30 roi đòn ở nhà cũng khổ, nhưng để người ta riễu mình là xấu trước mặt mọi người còn đau khổ hơn. Anh, anh không thấu được cảnh đó vì không ai bảo anh xấu bao giờ, còn tôi… Sau cùng, Phú-Lợi thấy dùng roi vọt không hiệu quả liền dùng cách khác và bảo tôi: “ Mỗi xu mày thiếu ta sẽ bớt một củ khoai bữa tối, da mày dạn roi rồi, ta xem dạ dày mày phải mềm vì đói không?”. Những lời dọa đối với anh có hiệu quả không?

Tôi đáp: Còn tùy.
- Tôi thì chịu. Tôi không thể làm hơn được. Chả nhẽ đi chìa tay xin và nói: “Nếu ông hay bà không bố thí cho tôi một xu, thì bữa tối tôi phải bớt một củ khoai” à? Người ta cho tiền trẻ con không phải vì những lẽ đó.
- Thế vì lẽ gì? Người ta thường cho để làm vui lòng…
- A! Anh còn ngây thơ quá! Trước hết người ta cho để làm vui lòng cho chính người ta. Người ta cho bởi vì đứa trẻ xinh đẹp, lý do này đúng hơn cả. Người ta cho vì có một đứa con đã mất hay người ta muốn có một đứa con. Người ta cho vì người ta ấm mà đứa trẻ rét run ở xó đường, đó là lòng thương. Tôi biết tất cả những loại bố thí đó vì tôi đã có nhiều kinh nghiệm. À! Hôm nay trời rét quá, phải không anh?
- Rét lắm.
- Vậy anh thử ra ngồi dưới một hiên nhà kia chìa tay xin một ông vận áo bành-tô bước vội vàng qua mặt anh, anh sẽ bảo tôi biết ông ta cho anh bao nhiêu; trái lại, anh chìa tay xin một ông ấm áp trong áo ba-đờ-suy hay áo lông cừu đi tản bộ gần anh, may ra anh được một hào bạc trắng. Sau một tháng hay sáu tuần lễ tôi theo quy định ăn uống đó, người tôi không còn béo nữa. Da tôi xanh lướt đi đến nỗi tôi nghe chung quanh có những tiếng kêu: “Thằng bé này sắp chết đói”. Lúc bấy giờ, những người trong phố trông thấy cũng thương tình. Hôm nào tôi không kiếm được nhiều xu, thì tôi lại kiếm được, khi thì mẩu bánh, khi thì đĩa súp. Những ngày đó là những ngày tươi sáng của tôi. Tôi không phải đòn và nếu tôi bị bớt phần khoai tôi cũng chẳng cần vì đã có cái gì để ăn. Không may một hôm Phú-Lợi bắt gặp tôi đang ăn đĩa súp ở nhà bà bán hoa quả, biết tại sao tôi nhịn được khoai không phàn nàn. Bấy giờ ông ta mới cấm tôi ra ngoài và bắt ở nhà dọn dẹp và nấu súp. Nhưng cho tôi nấu súp lại sợ tôi ăn vụng, ông ta mới sáng chế ra cái nồi có khóa. Sáng nào cũng thế, trước khi ông ta đi, ông ta bỏ thịt và rau vào nồi, đậy nắp và khóa lại. Tôi chỉ việc ninh rừ và được ngửi mùi nước dùng thôi. Còn như múc ra, anh cũng biết, không làm sao được vì cái ống hẹp quá. Mùi súp không nuôi sống người chỉ tổ làm đói thêm. Có phải trông tôi xanh lắm không? Vì tôi không được ra ngoài, không ai bảo cho tôi biết và ở đây cũng không có gương soi.
Tôi không có óc kinh nghiệm, nhưng tôi cũng biết không nên bảo thật người ốm để người ta sợ. Tôi đáp:
- Anh không đến nỗi xanh hơn người khác.
- Anh nói thế để tôi yên tâm, tôi biết, nhưng tôi rất thích xanh xao có

nghĩa là ốm. Tôi muốn ốm lắm anh ạ.
Tôi kinh ngạc nhìn anh. Anh cười và nói:
- Anh lấy làm lạ, nhưng rất dễ hiểu. Khi một đứa trẻ ốm, người ta sẽ chữa cho nó hay để nó chết. Nếu người ta cho tôi chết. Tôi thích lắm, vì không phải nhịn đói không phải đánh đòn. Rồi những người chết sẽ được lên trời. Ở trên trời, tôi sẽ nhìn thấy mẹ tôi ở quê nhà và tôi cầu xin với Thượng-Đế, người sẽ phù hộ cho em Tuyết-Nga khỏi khổ sở. Nếu trái lại, người ta chữa cho tôi, thì người ta sẽ cho tôi đi Nhà Thương. Tôi thích đi Nhà Thương lắm, anh ạ.
Chính tôi, tôi có cái thành kiến sợ Nhà Thương. Nhiều lần ở dọc đường tôi mệt quá, nhưng nghĩ đến Nhà Thương thì tôi lại sợ mà tự nhiên thấy tỉnh táo và quên mỏi. Nay thấy Mã-Tư nói vậy, tôi rất lấy làm lạ.
Mã-Tư nói tiếp:
- Anh chưa biết, ở Nhà Thương dễ chịu biết nhường nào! Tôi đã ở đó, Nhà Thương Thánh Ơ-giê-ni. Ở đây có một ông thầy thuốc to lớn; da hơi vàng, lúc nào trong túi cũng có kẹo, thứ kẹo vừng rẻ tiền nhưng cũng không kém ngon. Rồi những bà phước ăn nói dịu dàng: "Em đã bớt chưa? Em thè lưỡi xem, em chịu khó uống thuốc đi!". Tôi thích người ta nói dịu dàng với tôi vì như thế làm cho tôi muốn khóc. Khi tôi muốn khóc thì tôi thấy dễ chịu. Thế có gàn không, anh? Những bà phước cũng nói dịu dàng như mẹ tôi. Tuy không cùng một tiếng nói nhưng cùng một điệu nhạc. Rồi khi bắt đầu đỡ thì được ăn canh thịt, ăn trứng tráng. Bây giờ tôi thấy sức yếu và không được ăn, tôi rất sung sướng và tự nhủ: "Ta sắp ốm và Phú-Lợi sẽ cho ta vào Nhà Thương". Nhưng bệnh tôi chỉ đủ làm cho tôi đau đớn không đủ để cho Phú-Lợi bận tâm; nên Phú-Lợi còn giữ tôi. Thực là cực khổ. Còn may là Phú-Lợi không bỏ thói đánh tôi và các bạn tôi. Ấy đã 8 hôm nay, ông ta đã giáng một ba-toong vào đầu tôi. Lần này tôi ăn chắc. Đầu tôi sưng lên, anh xem cái bướu trắng hãy còn đây. Hôm qua ông ta bảo tôi: đó là cái nhọt, tôi biết không phải là nhọt, vì đau buốt, nhức nhối hơn khi sưng mộng răng nhiều. Đầu tôi nặng như bị đá đè, lắm lúc choáng váng và tê dại. Ban đêm tôi không thể nhịn rên và kêu lên những tiếng đau đớn. Cứ tình trạng này chỉ trong vài ba hôm nữa là ông ta cho tôi vào nhà thương, vì anh hiểu một thằng nhãi kêu cả đêm thì ai mà ngủ được, nhất là Phú-Lợi tỏ ra rất khó chịu. Có phải phúc cho tôi đã được cái đòn nặng đó? Vậy anh cứ thật thà cho tôi biết có phải tôi trông xanh lắm không?
Nói xong anh lại ngồi trước mặt tôi và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi không lẽ ngồi im. Tuy nhiên tôi không dám nói thực là mắt anh đỏ

bừng, má anh hóp vào và môi anh nhợt nhạt làm cho tôi phải kinh hoàng. Tôi đáp:
- Tôi tin rằng anh đủ ốm để đi nhà thương.
- Thế thì tôi sung sướng quá!
Nói xong vừa lê chân vừa cố cúi xuống để cám ơn tôi. Rồi anh lại chỗ bàn để lau.
Anh nói:
- Tôi nói đã khá đủ rồi, Phú-Lợi sắp về mà chưa dọn dẹp gì được. Anh xem tôi đã đủ thương tích đi nhà thương rồi, không lẽ lại chịu khổ mà nhận thêm nữa.
Anh vừa nói vừa thất thểu đi chung quanh bàn đặt những đĩa ăn vào chỗ. Tôi đếm được 20 đĩa: thế có những 20 đứa trẻ ở cho Phú-Lợi mà tôi chỉ trông thấy có 12 cái giường, có lẽ chúng phải ngủ hai người một giường. Những giường mới thảm hại! Không có đệm, chỉ có những thứ khăn đỏ nhặt ở chuồng ngựa về, vì cũ nát không thể đắp cho ngựa được nữa.
- Ở đâu cũng như thế này à?
- Ở chỗ nào?
- Chỗ nuôi trẻ.
- Tôi không biết, vì có bao giờ tôi đi đâu. Nhưng anh, anh nên tìm chỗ khác.
- Chỗ khác ở đâu?
- Tôi không biết. Bất cứ chỗ nào, còn hơn đây.
Bất cứ chỗ nào, thực mơ hồ quá, nhưng bây giờ làm thế nào để cho ông Vỹ-Tiên thay đổi ý định được?
Tôi đang nghĩ, thì cánh cửa mở ra, một đứa trẻ bước vào, một tay xách đàn, một tay cầm thanh gỗ cũ gỡ được ở đâu. Miếng gỗ đó giống như những miếng đốt lò mà tôi nhìn thấy lúc mới vào. Tôi hiểu ngay Phú-Lợi đã kiếm gỗ đó ở đâu và giá nó thế nào.
Mã-Tư giơ tay và bảo đứa trẻ mới về:
- Mày đưa thanh củi cho tao.
Nhưng đứa trẻ giấu ở sau lưng và nói:
- Không được.
- Cho tao đun cho súp ngon thêm.
- Mày tưởng tao mang về nấu súp chăng? Hôm nay tao chỉ có 36 xu, tao dùng miếng củi này để thế 4 xu còn thiếu để khỏi phải đòn.
- Không thể thế bằng củi được. Mày phải trả bằng tiền. Mỗi người cần phải đòn một lượt chứ?
Mã-Tư nói một cách hung tợn hình như anh rất sung sướng thấy bạn sắp phải chịu hình phạt. Tôi lấy làm lạ sao lại có một luồng ác khí

thoảng qua gương mặt rất hiền lành kia. Chính mãi về sau tôi mới hiểu ở với kẻ ác người ta sẽ trở nên ác.
Đã đến giờ các học trò của Phú-Lợi về. Sau đứa trẻ cầm củi, đến một đứa khác, rồi lục tục về mười đứa khác nữa. Mỗi đứa về đến nhà liền treo nhạc khí vào cái đinh ở chỗ giường mình, đứa này cái vĩ- cầm, đứa kia cái sáo, đứa khác cái thụ cầm hay cái đàn quay. Đứa nào không đi diễn trò thì đem nhốt như con vật vào chuồng.
Có tiếng giầy thình thịch lên thang, chắc là Phú-Lợi về. Tôi nhìn thấy một người nhỏ nhắn, mắt đỏ bừng, bước lảo đảo, không mặc kiểu Ý mà vận một cái bành-tô xám.
Phú-Lợi đưa mắt nhìn tôi trước nhất. Luồng mắt làm tôi lạnh cả người. Ông ta hỏi:
- Đứa này là đứa nào?
Mã-Tư vội trình bày việc ông Vỹ-Tiên đã dặn lại.
Phú-Lợi nói:
- A! Vỹ-Tiên về Ba-Lê. Ông ấy muốn gì ta?
Mã-Tư đáp:
- Con không được biết.
- Tao không hỏi mày, tao hỏi thằng bé kia.
Tôi không dám nói thực và đáp:
- Thầy tôi sắp trở lại. Thầy tôi muốn gì sẽ xin thưa chuyện cùng ông.
- A! Đây là một đứa trẻ biết thận trọng lời nói. Mày không phải người Ý.
- Tôi là người Pháp.
Lúc đó có hai đứa trẻ đến cạnh Phú-Lợi có ý đợi Phú-Lợi nói xong. Tôi không hiểu chúng đứng đấy để làm gì. Tôi được trả lời ngay về câu hỏi đó.
Một đứa nhấc mũ ông ta đem đặt nhẹ nhàng lên giường. Đứa kia nhắc ghế đến bên cạnh. Coi bộ quan trọng và lễ phép của chúng dành cho những việc rất tầm thường trên đời, người ta tưởng tượng như hai cậu bé giúp lễ bên cạnh Đức Cha tại một Nhà Thờ nào. Coi đó, người ta biết đám trẻ sợ hãi ông đến mực nào; chắc chắn không phải vì tình chủ thương chúng mà chúng có những cử chỉ ấy.
Khi Phú-Lợi đã an tọa, một đứa trẻ khác đem cái tẩu nhồi thuốc sẵn đến và đứa thứ tư đưa một que diêm đang cháy.
Ông ta cầm diêm ghé qua miệng tẩu rồi vứt luôn vào lò. Xong ông ta mắng:
- Đồ chó! Cái diêm còn sặc mùi thuốc!
Tội nhân vội vã đánh cái diêm khác và đợi cho cháy hết đầu thuốc rồi đưa lại cho chủ.

Nhưng ông chủ không nhận, đẩy nó ra và bảo:
- Không nhờ mày, đồ ngu!
Rồi ông ta quay lại vừa cười vừa bảo đứa khác, cái cười đó chắc là một sự ban thưởng rất quý báu:
- Cát-Độ, cho thầy chiếc diêm, con!
Cát-Độ vội vâng lời.
Khi điếu của ông ta đã bắt đầu cháy, ông vừa hút vừa bảo:
- Bây giờ các "công tử" ra tính toán cho tôi xem. Mã-Tư cầm sổ ra đây.
Phú-Lợi nói chưa dứt lời thì Mã-Tư đã cầm sổ ra đặt trước mặt chủ, một quyển sổ đầy ghét bẩn. Phú-Lợi ra hiệu, đứa trẻ đánh diêm vụng lúc nãy lại gần. Phú-Lợi hỏi:
- Hôm qua mày còn chịu 1 xu, mày khất đến hôm nay, vậy đã có đủ chưa?
Đứa trẻ ngập ngừng và tái mặt trước khi trả lời:
- Con thiếu 1 xu.
- Thiếu 1 xu là thế nào?
- Không phải một xu hôm qua mà là 1 xu hôm nay.
- Thế là 2 xu cả thảy. Không thấy đứa nào chầy như mày!
- Không phải lỗi tại con.
- Đừng nói lôi thôi. Mày đã biết luật. Cởi áo ra, hai roi nợ hôm qua, hai roi hôm nay và truất phần khoai của mày đi. Cát-Độ đâu, mày là đứa trẻ tốt, ta cho phép mày đánh, cầm roi ra đây.
Cát-Độ tháo ở tường ra một cái roi, cán ngắn, đầu có hai dây da dài kết thành những nút lớn. Trong lúc đó, đứa trẻ thiếu một xu cởi áo ngoài; tụt sơ-mi để trần đến ngang lưng.
Phú-Lợi cười gằn, bảo Cát-Độ:
- Thong thả đã. Nó không phải lẻ loi. Nó sẽ sung sướng có nhiều bạn. Mà mày cũng khỏi bận tay nhiều lần.
Những đứa trẻ im lặng đứng trước mặt chủ, nghe thấy câu khôi hài thâm độc đó, đều phải gượng cười.
Phú-Lợi nói:
- Đứa nào cười to nhất chắc là đứa thiếu nhiều nhất. Vậy đứa nào cười to nhất nào?
Mọi đứa chỉ về thằng bé về đầu tiên với thanh củi.
Phú-Lợi hỏi:
- Vậy mày còn thiếu bao nhiêu?
- Không phải lỗi tại con.
- Từ nay hễ đứa nào nói "không phải lỗi tại con" thì phải phạt thêm một roi nữa đấy. Mày còn thiếu bao nhiêu?

- Con đã mang về một thanh gỗ, thanh gỗ rất đẹp! Xin thầy coi.
- Cái này không đến nỗi vứt đi. Nhưng mày đem thanh củi này đến hàng bánh liệu họ có đổi cho mày tấm bánh không? Mày còn thiếu mấy xu, nói đi!
- Con kiếm được 36 xu.
- Còn thiếu 4 xu, đồ khốn nạn! Thiếu 4 xu thế mà mày còn dám vác mặt về. Cát-Độ, mày được dịp sướng tay nhá! Thằng này bỏ áo ra!
- Nhưng còn thanh củi của con.
- Mày được ăn bữa trưa.
Câu khôi hài vô duyên trên làm cho những đứa trẻ không bị phạt nhe răng cười.
Trong cuộc kiểm điểm của Phú-Lợi, mười đứa lần lượt đến nộp thuế. Trong số này có 3 đứa nữa không đủ tiền.
Phú-Lợi gầm lên:
- Trời ơi! Năm thằng giặc này, chúng mày cướp tao, chúng mày bóc lột tao! Chỉ vì tao nhân nhượng quá. Nếu chúng mày không chịu làm việc thì tao lấy tiền đâu mua thịt, mua khoai cho chúng mày ăn? Chúng mày thích chơi, Chúng mày thích cười. Chúng mày thử nghĩ xem "chìa tay giả cách khóc" hơn hay "chìa lưng khóc thực" hơn? Cởi áo chúng nó ra!
Cát-Độ cầm roi đợi. Năm tội nhân xếp hàng đứng trước mặt nó.
Phú-Lợi bảo Cát-Độ:
- Mày biết rằng tao không muốn nhìn sự hành phạt, nó làm tao đau đớn, nhưng tao nghe được những tiếng roi mạnh hay yếu của mày. Mày phải tận tâm làm bổn phận. Mày làm việc vì bánh mì của mày đó. Nghe không?
Rồi ông ta quay vào lò, như là không dám nhìn cảnh máu rơi thịt nát. Còn tôi, tôi ngồi trong một xó, tôi run người vì phẫn uất và khiếp sợ. Con người ấy sắp thành chủ tôi đó. Nếu mỗi ngày tôi không kiếm nổi 30 hay 40 xu, tôi cũng phải giơ lưng cho Cát-Độ. A! Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Mã-Tư lại mong chết. Tiếng roi quất lần thứ nhất làm cho tôi rơi nước mắt. Ngồi trong xó, tôi tưởng mọi người quên tôi nên tôi không nén xúc động, nhưng tôi đã nhầm. Phú-Lợi nhìn trộm tôi và tôi có chứng cớ ngay.
Ông ta lấy tay trỏ tôi và bảo với các học trò:
- Chúng mày hãy trông, kia là một đứa trẻ có lòng tốt. Nó không như chúng mày là đồ giặc cười cợt trước cái đau đớn của bạn và trước cái buồn của thầy. Nếu nó vào đây là bạn chúng mày, nó sẽ làm gương cho chúng mày.
Cái tiếng "bạn" làm cho tôi run từ đầu đến chân.

Roi thứ hai, nạn nhân kêu la thảm thiết. Roi thứ ba, nạn nhân rú lên những tiếng đau xót.
Chợt Phú-Lợi giơ tay lên. Cát-Độ ngừng roi.
Tôi tưởng ông ta ra lệnh tha. Nhưng không phải vấn đề ân xá.
Ông ta nói ôn tồn với nạn nhân rằng:
- Mày nên biết những tiếng kêu của mày làm tao khó chịu vì nếu cái roi nó xé da mày thì cái tiếng kêu của mày nó cũng xé lòng tao. Tao bảo cho chúng mày biết trước, mỗi một tiếng kêu sẽ chịu thêm một roi vì là lỗi tự mày. Mày đừng làm cho tao ốm vì buồn. Nếu mày thương tao, biết ơn tao thì mày im mồm đi! Cát-Độ! Mày đánh nốt đi.
Cát-Độ vung tay, ngọn roi quất vãi vào lưng đứa bé khốn nạn.
Nó rên rỉ:
- Mẹ ơi! Mẹ ơi!
May sao tôi không phải chứng kiến thêm nữa. Cửa cầu thang mở ra, ông Vỹ-Tiên bước vào. Đưa mắt một cái, ông hiểu ngay nguyên do những tiếng kêu khóc mà ông vừa nghe thấy khi lên thang. Ông chạy lại chỗ Cát-Độ giật lấy roi vứt đi. Rồi tiến lại đứng trước mặt Phú-Lợi, khoanh hai tay lại, nhìn thẳng vào mặt Phú-Lợi.
Bị bắt chợt, Phú-Lợi hơi luống cuống, nhưng trấn tĩnh ngay và tươi cười nói:
- Đấy ông xem! Có phải thằng bé ác quá không?
- Một điều đáng xấu hổ!
- Ấy chính tôi cũng nói thế.
Thầy tôi gắt:
- Ông đừng đóng kịch nữa. Ông nên hiểu rằng tôi nói ông chứ không phải nói thằng bé kia. Phải đó, chính là một điều đáng xấu hổ, một sự hèn hạ là đánh đập những đứa trẻ con, chúng nó không thể tự vệ được.
Phú-Lợi đổi giọng nói luôn:
- Việc gì đến ông mà ông dính vào! Rõ điên chửa!
- Việc gì à? Việc trình Cảnh sát, ông có biết không?
Phú-Lợi đứng dậy nói to:
- Cảnh sát à? Ông đem Cảnh sát ra dọa tôi có phải không?
Thầy tôi không sợ vẻ sừng sộ của Phú-Lợi, đáp:
- Phải đó.
Phú-Lợi lại bình tĩnh ngay và nói giọng chế nhạo:
- Ông Vỹ-Tiên ơi! Xin ông, ông đừng làm dữ mà tố cáo tôi vì tôi, tôi cũng có thể tố cáo ông được. Như vậy chẳng có lợi gì cho ai cả. Riêng tôi, tôi không nói gì với Cảnh sát đâu, vì việc của ông tôi không cần biết và nếu tôi kể lại những điều tôi biết hay chỉ nói ra một tên,

một tên thôi, lúc đó hỏi ai phải dấu mặt vì xấu hổ?
Thầy tôi đứng một lúc không nói gì. Sự xấu hổ? Tôi sững người ra.
Chợt ông cầm tay tôi dắt ra và nói:
- Con theo ta.
Rồi thầy tôi đưa tôi ra cửa.
Phú-Lợi cười sằng sặc và nói theo:
- Thôi nhá! Ông bạn già ơi! Hết giận chứ? Ông có việc gì, ở lại nói chuyện.
- Tôi không có việc gì cả.
Và không nói thêm một câu nào, không quay đầu lại, thầy tôi lẳng lặng dắt tay tôi xuống thang. Tôi khoan khoái quá. Tôi đã thoát khỏi hang hùm. Nếu tôi dám, tôi đã nhảy lên hôn thầy tôi.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XVIII
LÒ ĐÁ

Lần đầu chúng tôi đi qua những phố đông người, thầy tôi không nói gì cả. Nhưng không bao lâu, chúng tôi vào một đường hẹp và vắng, thầy tôi ngồi trên một cái mốc đá và nhiều lần lấy tay bóp trán, đó là cái dấu hiệu thầy tôi có điều lo nghĩ.
Thầy tôi nói một mình:
- Nghe cái thiện tâm của mình có lẽ cũng cao đẹp đấy, nhưng vì thế thành bơ vơ trên vỉa hè Ba-Lê, không một đồng dính túi, không một mẩu bánh ở dạ dày. Con có đói không?
- Con không được ăn gì sau miếng bánh mà thầy đã cho con sáng nay.
- Con ơi! Khổ cho con! Con còn phải chịu bữa chiều nữa con ạ. Mà cũng chưa biết tối nay ngủ ở đâu đây.
- Ta định gửi con ở đấy đến hết mùa đông và vay 20 phật-lăng để trang trải các việc. Nhưng thấy hắn đánh đập trẻ con, nên thầy không giữ được bình tĩnh. Con không thích ở đó, phải không?
- Thầy thật có lòng nhân từ!
- Trái tim chưa khô héo hẳn trong cái thân tuổi tác giang hồ này. Ta đã tính toán đâu đấy cả, nhưng không may, trái tim công phẫn đã làm

đảo lộn cả. Bây giờ biết đi đâu?
Đêm xuống đã lâu, trời lạnh dần. Gió bấc lại nổi lên, rét không chịu được.
Thầy tôi ngồi dai trên mốc đá. Còn tôi và Lãnh-Nhi thì đứng trước mặt đợi thầy tôi quyết định. Chợt thầy tôi đứng dậy.
Tôi hỏi:
- Thưa thầy, đi đâu bây giờ?
- Đến Gentilly, tìm chỗ trú mà trước kia đã ngủ nhờ một lần. Con có mệt lắm không?
- Con đã được nghỉ ở nhà Phú-Lợi rồi.
- Khổ quá! Ta chưa được nghỉ lúc nào, bây giờ thấy mệt quá. Nhưng thôi, phải đi. Tiến lên! Các con!
Tiến lên! Thầy tôi thường giục chúng tôi đi với bộ hăng hái vui vẻ, nhưng tối nay thầy tôi nói câu đó một cách buồn rầu.
Chúng tôi bắt đầu rời các phố Ba-Lê. Tối đen như mực. Những ngọn đèn "gaz" hai bên đường bị gió bạt đi chiếu xuống những tia sáng chập chờn. Chúng tôi thường bước nhầm vào những rãnh bùn hay những váng nước trên hè. Thầy tôi dắt tay tôi, con Lãnh-Nhi theo sau. Thỉnh thoảng nó lại dừng lại ngửi trong đống rác xem có cái xương hay mẩu bánh thừa nào không vì nó cũng đói như chúng tôi, nhưng những rác đó bị vùi trong khối băng nên vô ích, nó lại cúi đầu lủi thủi theo chúng tôi.
Chúng tôi qua phố lớn vào ngõ hẹp, rồi lại qua ngõ hẹp ra phố lớn. Chúng tôi đi thất thểu trên đường. Ai thấy chúng tôi cũng phải nhìn. Vì cách ăn mặc của chúng tôi hay vì bộ mệt nhọc của chúng tôi mà họ chú ý? Những Cảnh binh cũng theo dõi xem chúng tôi làm gì và đi đâu. Thầy tôi bước lom khom, không nói năng gì. Trời rét thế mà tay nóng như lửa truyền sang tay tôi và hơi run. Thỉnh thoảng ông lại dừng lại một vài phút gục vào vai tôi, tôi thấy cả người thầy tôi bị co giật.
Mọi ngày tôi không dám hỏi thầy tôi, nhưng bây giờ tôi phá lệ đó, vì tôi thấy tôi cần phải nói lên rằng tôi yêu thầy tôi hay ít ra cũng phải làm cái gì cho thầy tôi.
Đến chỗ nghỉ, tôi hỏi thầy tôi:
- Thầy ơi! Thầy ốm rồi!
- Ta cũng sợ thế, vì mệt lắm. Mấy hôm nay đi nhiều quá. Đêm nay lại rét buốt. Giá được cái giường êm, bữa súp nóng và một cái buồng có lửa thì dễ chịu biết bao! Nhưng đó là một giấc mộng. Thôi cứ tiến lên! Các con!
Tiến lên! Chúng tôi ra khỏi thành phố, lúc đi qua những dãy tường

cao, lúc đi trong đồng ruộng, chúng tôi cứ đi. Không có người qua lại, không có cảnh binh, không có đèn "gaz" nữa. Tuy nhiên đó đây có một vài cái cửa sổ khép để lọt ánh sáng đèn ra và trên đầu chúng tôi, bầu trời mờ tối lác đác mấy ngôi sao. Gió lạnh thổi vù vù, làm cho quần áo dính đét vào người. May sao gió thổi phía sau lưng nhưng áo tôi rách; gió cứ nhè các khe luồn vào khắp thân thể tôi, lạnh thấu đến xương.

Trời tối mò, đường có nhiều chỗ rẽ, thầy tôi đi tự nhiên như người quen lối; vì thế tôi không thấy sợ lạc, chỉ mong sao cho chóng đến lò đá để nghỉ ngơi.

Thình lình thầy tôi đứng dừng lại hỏi tôi:

- Con có nhìn thấy lùm cây cao không?
- Con không trông thấy gì.
- Con có nhìn thấy một đám đen đen ở phía trước mặt không?

Trước khi trả lời, tôi nhìn khắp bốn phía. Có lẽ chúng tôi đang ở giữa cánh đồng vì mắt tôi nhìn thấu bóng đen sâu thẳm mà không thấy cây cối, nhà cửa gì; chung quanh chúng tôi là khoảng không, chỉ nghe thấy tiếng gió xào xạc thổi qua những bụi cây mà chúng tôi không trông rõ.

Thầy tôi trỏ phía trước mặt bảo tôi:

- Mắt ta tự nhiên lóa đi. Con thử nhìn đằng kia xem.

Tôi lặng yên không dám nói là không nhìn thấy gì. Thầy tôi lại đi.

Đi được vài phút thầy tôi lại đứng lại hỏi:

- Con có nhìn thấy lùm cây không?

Tôi không vững dạ như trước, tự nhiên thấy lo sợ nên trả lời giọng run run:

- Con chả nhìn thấy gì cả.

Thầy tôi bảo:

- Vì con sợ nên hoa mắt đấy!
- Con nói chắc rằng con không nhìn thấy cây.
- Không có vết tích bánh xe nữa à?
- Không.
- Chúng ta lạc lối chăng?

Tôi không trả lời được vì tôi chẳng biết chúng tôi đang ở chỗ nào và chúng tôi đi đâu nữa.

- Chúng ta đi 5 phút nữa, nếu không nhìn thấy cây thì lộn lại, vì có thể ta lầm đường.

Bây giờ tôi sợ lầm đường nên tôi rủn cả người, không bước được, thầy tôi phải kéo tôi đi:

- Sao thế?

- Con không đi được nữa.
- Con tưởng ta còn sức chăng? Nay ta cố đứng vững là sợ rằng nếu chúng ta ngồi xuống thì không bao giờ chúng ta đứng dậy được và chúng ta sẽ chết rét ở đây mất. Vậy cứ đi, con!
Tôi theo thầy tôi.
- Đường này có vết bánh xe sâu xuống không?
- Chẳng có gì cả!
- Vậy thì chúng ta đi lộn lại.
Ngọn gió trước thổi sau lưng, bây giờ quấn vào mặt chúng tôi dữ quá khiến chúng tôi nghẹt thở. Tôi có cảm giác như là bị rát bỏng khắp người.
Lúc đi, chúng tôi bước đã không nhanh, lúc trở lại bước càng chậm chạp.
Thầy tôi bảo:
- Khi nào con nhìn thấy bánh xe thì bảo ta. Đường vào ở bên tay trái, có bụi cây ở ngã tư.
Lại 15 phút nữa, chúng tôi phấn đấu với gió. Chúng tôi cố bước. Những tiếng giầy của chúng tôi đi trên đất rắn, lộp cộp trong đêm vắng lặng như tờ. Chân tôi đã không bước được nữa mà bây giờ đến lượt tôi phải dắt thầy tôi. Tôi vừa đi vừa nhìn phía bên trái.
Chợt một ngôi sao đỏ lấp lánh trong đêm tối.
Tôi chỉ tay bảo thầy tôi:
- Có ánh sáng!
- Ở đâu?
Thầy tôi nhìn. Tuy ánh sáng đó cách không xa lắm, nhưng thầy tôi không nom thấy gì. Do đó, tôi nhận thấy mắt thầy tôi kém rồi, mọi khi tỉnh lắm và ban đêm nhìn được rất xa.
Thầy tôi nói:
- Ánh sáng đó chẳng ích gì cho ta. Đó là ngọn đèn để trên bàn của một nhà thờ hay bên giường người hấp hối. Ta không thể đến gõ cửa nhà đó được. Ở nhà quê khi lỡ ngại ban đêm, ta có thể xin ngủ nhờ được chứ ở chung quanh Ba-Lê, người ta không cho ngủ nhờ đâu. Ta cứ đi thôi.
Đi độ vài phút, tôi nhìn hình như có con đường cắt ngang lối chúng tôi đi. Ở một góc có đám đen lù lù, đích thị là bụi cây. Tôi buông tay thầy tôi chạy tới chỗ đó. Con đường ngang này có nhiều vết bánh xe rất sâu.
- Bụi gai đây rồi! Có cả vết xe nữa.
- Đưa tay cho ta. Chúng ta thoát nạn rồi. Lò đá cách đây 5 phút thôi. Con nhìn kỹ có lùm cây đấy.

Tôi nhìn hình như có đám đen đen, tôi đáp:
- Vâng, có cây.
Hy vọng làm chúng tôi phấn khởi. Chân tôi thấy nhẹ đi. Đất không thấy rắn chói nữa. Nhưng 5 phút của thầy tôi sao mà dài thế!
Thầy tôi đứng lại, hỏi:
- Ta vào đường này quá 5 phút rồi thì phải?
- Hình như thế.
- Vết xe đi đâu?
- Vết xe đi thẳng.
- Lối vào lò tất ở bên trái. Chúng ta đi qua mà không nhìn thấy. Đêm tối mù khó nhìn thật. Tuy vậy, cứ vết bánh xe, có thể ta đã đi quá xa.
- Con tin chắc rằng chưa có chỗ nào vết xe quay sang bên trái.
- Ta cứ trở lại xem.
Lại lần nữa, chúng tôi đi lộn lại.
- Con có nhìn thấy lùm cây không?
- Có kia kìa, ở bên trái.
- Còn vết xe ở phía ấy?
- Tuyệt nhiên không.
Thầy tôi lấy tay dụi mắt và nói:
- Ta lòa rồi sao? Con đưa tay đây, dẫn ta đi thẳng vào đám cây.
- Có bức tường.
- Đó là đống đá.
- Thưa thầy, không, chính là bức tường.
Lời tôi nói đó dễ chứng minh vì chúng tôi chỉ cách tường có vài bước. Thầy tôi bước lại gần và không tin ở mắt mình, lấy tay sờ vào vật chướng ngại đó, tôi gọi là bức tường mà thầy tôi bảo là đống đá.
- Chính là bức tường xây bằng đá, ta sờ thấy nữa. Vậy thì lối vào đâu? Con tìm vết xe đi!
Tôi cúi xuống đất theo bức tường đi cho đến hết, không nhìn thấy vết xe nào rẽ vào đấy cả. Tôi trở lại cho đến đầu kia, cũng không tìm thấy vết xe hay cửa vào.
- Con chỉ nhìn thấy tuyết.
Tình trạng rất bối rối. Có lẽ thầy tôi lầm đường. Không phải lò đá ở chỗ này.
Khi tôi bảo không tìm thấy vết xe chỉ có tuyết, thầy tôi đứng một lúc không nói gì, rồi áp tay vào lượt nữa, lần từ đầu này đến đầu kia. Con Lãnh-Nhi nóng ruột kêu ỏm tỏi.
Tôi theo thầy tôi.
- Có nên tìm xa tí nữa không?
- Thôi! Cửa vào xây bịt rồi!

- Bịt rồi!
- Họ đã xây kín. Không vào được nữa.
- Bây giờ làm thế nào?
- Làm thế nào? Phải không? Ta cũng không biết nữa. Chết ở đây!
- Thầy ơi!
- Phải, con không muốn chết, con còn trẻ, con chưa chết được. Thế thì cứ đi. Con còn đi được không?
- Không, thầy!
- Khi nào ta không đi được nữa, ta lăn ra như con ngựa già.
- Đi đâu bây giờ?
- Trở về Ba-Lê. Khi ta gặp cảnh binh, ta sẽ nhờ đưa về bót. Ta muốn tránh cảnh binh, nhưng không muốn con phải chết rét, Lê-Minh, con ơi! Can đảm lên! Con ạ.

Thế rồi chúng tôi lại đi ngược lại con đường đã đi. Mấy giờ rồi? Tôi cũng không biết nữa. Chúng tôi đi chậm lắm và lâu lắm. Có lẽ là nửa đêm hay một giờ sáng rồi! Trời vẫn xám xanh, không trăng, chỉ lác đác có vài ngôi sao nhỏ hơn ngày thường. Gió thổi mạnh hơn, cuốn những bụi tuyết ở hai bên đường ném vào mặt chúng tôi. Những nhà đi qua đều đóng cửa kín mít. Không một ánh đèn. Những người đang ngủ êm ấm trong giường kia nếu họ biết chúng tôi đang lang thang trong gió rét, có lẽ họ không nỡ không mở cửa.

Nếu chúng tôi đi nhanh thì cũng bớt lạnh, nhưng thầy tôi vừa đi vừa thở hổn hển như người mới chạy. Tôi hỏi thì thầy tôi không nói gì và sẽ giơ tay ra hiệu là thầy tôi không nói được.

Từ cánh đồng chúng tôi lần về thành phố, nghĩa là chúng tôi lại phải đi qua những bức tường cao, bên trên có những ngọn đèn dầu đưa đi đưa lại, kẽo kẹt.

Bỗng thầy tôi đứng lại, tôi biết thầy tôi đã kiệt sức rồi.

Tôi nói:

- Hay là con gọi cửa một nhà gần đây?
- Thôi. Người ta không mở cửa đâu. Đó là nhà những người làm vườn. Họ không dậy đêm đâu. Cứ đi đi!

Nhưng thầy tôi ý chí tuy vẫn vững mà hơi sức thì không còn, đi được vài bước lại đứng. Thầy tôi nói:

- Cho ta nghỉ một chút. Không sao đi được nữa.

Chỗ đó là một hàng rào, bên trong có một đống rơm cao. Gió thổi tung ngọn đống rơm ra đường và giắt cả vào chân giậu.

Thầy tôi bảo:

- Chúng ta vào kia ngồi!
- Ban nãy thầy bảo nếu ngồi xuống thì bị lạnh rồi không đứng lên

được.
Thầy tôi không trả lời; ra hiệu cho tôi nhặt rơm bỏ vào cửa giậu. Rồi thầy tôi ngồi phịch lên cái ổ đó, răng nghiến lại, thân thể run cầm cập. Thầy tôi nói không ra tiếng:
- Lấy thêm rơm vào đây xếp cao lên để che cho khỏi gió.
Cho khỏi gió thì đúng chứ che cho khỏi rét thì sao được?
Tôi vội nhặt hết rơm lại, chất cao lên, xong tôi lại ngồi cạnh thầy tôi.
- Con ôm Lãnh-Nhi vào người để lấy chút hơi nóng sang con.
Ông Vỹ-Tiên là một người từng trải biết rằng cái rét như cái rét chúng tôi đang chịu, có thể chết người được. Vì đường cùng bắt phải giấu mình trong cơn nguy hiểm ấy, nên ông phải suy mòn.
Ông đã suy mòn thực. Nửa tháng nay ông đã lo nghĩ nhiều, tuổi già sức yếu lại thêm đói rét, khổ cực vô cùng nên ông đã héo hắt dần đi. Thầy tôi có biết mình đã đuối sức rồi không? Tôi cũng không hiểu. Nhưng khi tôi vơ rơm và ngồi sát vào thầy tôi thì tôi thấy thầy tôi cúi mặt xuống tôi và hôn tôi. Đó là cái hôn thứ hai mà cũng là cái hôn cuối cùng.
Tôi nép đầu vào thầy tôi, lả đi và tự nhiên nhắm mắt lại. Tôi cố mở mắt ra nhưng không sao mở được. Tôi cấu mạnh vào cánh tay tôi, da vô tri giác, không biết đau, nhưng sự lay động đó cũng làm cho tôi tỉnh phần nào.
Thầy tôi ngồi tựa lưng vào cửa hàng rào thở khò khè từng cơn ngắn và nhanh. Con Lãnh-Nhi tựa đầu vào ngực tôi đã ngủ rồi. Trên trời, gió thổi vẫn to, ném những ngọn rơm xuống đầu chúng tôi khác nào như những chiếc lá khô trên cây rụng xuống. Trên đường, không một bóng người. Bốn bề buồn lặng như đượm màu tang.
Sự im lặng đó làm tôi kinh hãi. Tại sao kinh hãi? Tôi cũng không biết. Chỉ thấy một mối kinh hãi mơ hồ làm cho tôi buồn rầu, đau đớn, nước mắt tự nhiên ràn rụa ra. Có lẽ tôi chết ở đây thôi.
Nghĩ đến cái chết, tôi lại nhớ đến làng Văn-Ông, nhớ đến bà Bảo-Liên, mẹ tôi. Ôi! Nhắm mắt không được nhìn thấy mẹ tôi, nhà tôi, vườn tôi! Nhưng không, tôi đang đứng ở trong vườn nhà tôi. Mặt trời rọi những tia nắng ấm và vui. Những cây trường thọ đã nở hoa vàng. Mấy con sáo đang líu lo trong bụi. Mẹ tôi đang lúi húi phơi màn trên giậu. Mẹ tôi vừa đi giặt ở bờ suối về. Tiếng suối chảy nghe róc rách. Kia là thuyền Thiên-Nga. Cậu An-Tuyên đang ngủ trên giường. Bà Mỹ-Lưu còn thức, nghe tiếng gió thổi ào ào, bà nghĩ trời rét thế này không biết tôi ở đâu?
Rồi óc tôi lộn xộn dần, tim tôi tê dại. Tôi lịm đi lúc nào không biết.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XIX
LỆ-HOA

Khi tôi tỉnh dậy thấy mình nằm trong một cái giường con, ngọn lửa trong lò bốc cao soi sáng khắp phòng.
Tôi đưa mắt nhìn chung quanh.
Tôi không quen cái buồng này.
Tôi cũng không quen những người ở chung quanh tôi: một người đàn ông mặc áo xám, đi guốc vàng, ba hay bốn đứa trẻ, trong số đó có một đứa con gái độ 5 hay 6 tuổi cứ nhìn tôi và đứng ngây ra.
Tôi chống tay ngồi dậy.
Mọi người chạy vội đến.
Tôi lẩm bẩm:
- … Vỹ-Tiên?
Người con gái lớn đoán:
- Nó gọi cha nó.
- Không phải cha tôi, đó là thầy tôi. Thầy tôi đâu? Lãnh-Nhi đâu?
Giá ông Vỹ-Tiên là cha tôi, có lẽ người ta cũng dè dặt chưa kể rõ cho tôi nghe. Nhưng ông già là thầy tôi nên người ta cần nói thực việc đã xảy ra cho tôi biết.
Cái cửa mà chúng tôi nép ở đó đêm qua là cửa nhà một người làm vườn. Khoảng 2 giờ sáng, người ta mở cửa đó để đi chợ thì thấy chúng tôi nằm phủ rơm, người ta liền gọi chúng tôi dậy để lấy lối xe đi. Nhưng chẳng thấy ai động đậy, chỉ có con chó sủa lên để bảo vệ chúng tôi. Người ta lắc cánh tay chúng tôi. Chúng tôi cứng đờ. Biết là có chuyện chẳng lành, người ta đem đèn ra. Xem xét xong, người ta biết ông già đã chết, chết rét, còn tôi thì cũng gần như ông già. Nhờ có con Lãnh-Nhi ôm lấy ngực tôi, tim tôi còn giữ được chút nóng, nên tôi còn thoi thóp thở. Người ta liền ẳm tôi vào nhà, đánh thức một đứa con dậy để lấy giường cho tôi. Tôi nằm như chết. Rồi máu dần dần chạy điều hòa, tôi thở được dễ dàng. Sau sáu giờ tĩnh dưỡng tôi mới tỉnh.
Thể xác và tinh thần tôi tuy còn tê dại nhưng tôi cũng đủ tỉnh táo để hiểu những lời tôi vừa nghe thấy: thầy tôi đã chết!
Đó là người mặc áo xám, ông làm vườn, đã kể lại cho tôi nghe.
Trong khi ông nói, cô con gái nhỏ cứ nhìn tôi không chớp mắt. Khi

ông bảo thầy tôi đã chết rồi, tôi nức nở khóc thì cô bé chạy lại, víu tay cha u-ú không ra tiếng người và trỏ tôi có vẻ buồn rầu thương hại. Tôi cảm thấy tôi không bơ vơ và hình như thầy tôi còn ở đâu bên mình.
Người cha cúi xuống bảo con:
- Lệ-Hoa ơi! Tin đó buồn thực. Cha không nỡ giấu. Bây giờ nếu cha không nói thì Cảnh binh cũng sẽ nói.
Rồi ông kể nốt cho tôi nghe. Người ta báo Cảnh binh đưa người đến cáng ông già đi. Còn tôi thì được ẵm vào giường cậu An-Sinh, con trai lớn ông.
Khi ông nói xong, tôi hỏi:
- Còn Lãnh-Nhi?
- Lãnh-Nhi?
- Ta không biết. Nó đi mất.
Một người con trai ông nói:
- Nó chạy theo cáng ông già.
- Bằng-Mai! Con trông thấy à?
- Vâng. Nó theo sau những người khiêng cáng, cúi đầu ủ rũ, thỉnh thoảng lại nhảy lên đòn cáng. Người ta đuổi xuống thì nó kêu lên những tiếng thảm thiết, nghẹn ngào.
Con Lãnh-Nhi đáng thương! Đã bao lần nó đóng vai người đưa đám, theo sau xe tang con Hiệp-Nhi, giả bộ khóc sụt sịt, khiến cho khán giả phải ôm bụng cười!
Xong, ông làm vườn và các con ra ngoài để tôi nghỉ. Nằm mãi không biết làm gì, tôi trở dậy.
Cây đàn của tôi để ở chân giường. Tôi cầm lên khoác dây vào vai sang phòng chủ nhân. Tôi phải đi và đi đâu? Tôi cũng chưa biết, nhưng tôi thấy tôi cần phải đi… vả lại ông Vỹ-Tiên dù sống hay chết, tôi muốn nhìn mặt ông. Tôi phải đi.
Từ lúc tôi tỉnh đến giờ, tôi đã khá nhiều, chỉ còn đau mình mẩy và hơi nhức đầu. Khi tôi đứng lên thì tự nhiên thấy chóng mặt phải vịn vào lưng ghế. Nhưng tôi đứng nghỉ một lúc, rồi đẩy cửa vào phòng chủ nhân.
Ông cùng các con đang ngồi bàn ăn, cạnh lò sưởi, ngọn lửa đỏ hồng. Cả nhà đang ăn món súp cải bắp.
Mùi thơm của súp đưa lên làm tôi nhớ ra rằng từ sáng hôm qua đến nay tôi chưa có mẩu bánh nào vào bụng. Tôi xỉu người ra và bước không vững. Mặt tôi nhợt nhạt.
Ông làm vườn hỏi tôi, giọng ngọt ngào:
- Con ơi! Sao thế? Con đau phải không?

Tôi đáp:
- Thưa ông, vâng. Con thấy khó chịu. Ông cho con ngồi cạnh lò sưởi. Thực ra tôi không cần sưởi mà cần ăn. Nhưng ông Vỹ-Tiên không dạy tôi ăn xin, vả tạo hóa cũng không sinh tôi ra là đứa ăn xin, nên tôi thà nhịn đói chứ không bao giờ kêu "tôi đói". Tại sao thế? Tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết xin cái gì mà tôi trả được.
Cô gái nhỏ không biết nói mà người cha gọi là Lệ-Hoa, ngồi trước mặt tôi. Đáng lẽ tiếp tục ăn, cô ngừng lại và nhìn tôi. Thình lình, cô đứng dậy bưng đĩa súp đầy lại và đặt lên đầu gối tôi.
Lạ quá, tôi không còn nói được ra tiếng, giơ tay làm dấu cảm ơn và chưa kịp cầm lấy đĩa thì cha cô bảo:
- Con ơi! Cầm lấy. Lệ-Hoa thành tâm đó. Nếu lòng con muốn, hết đĩa này, con ăn thêm đĩa nữa.
Nếu lòng tôi muốn! Chỉ trong vài giây đĩa súp đã nhẵn quẹn. Lệ-Hoa vẫn đứng trước mặt tôi. Khi tôi hạ thìa xuống, cô kêu lên một tiếng tỏ ý vui lòng. Rồi cô đỡ lấy đĩa trao cho cha múc thêm. Xong, cô bưng lại đưa cho tôi với một nụ cười dịu dàng làm tôi phấn khởi quên cả đói, ngồi im một lúc rồi mới nhớ ra, vội đỡ lấy đĩa.
Đĩa thứ hai ăn nhanh không kém đĩa trước. Lần này thấy thế, các con ông không mỉm cười nữa mà cười rộ lên.
Người cha bảo:
- Con ơi! Con ăn khá đấy!
Tôi đỏ mặt lên và nghĩ nên nói thật kẻo bị ngờ là đứa tham ăn. Tôi liền đáp:
- Chiều hôm qua, con không được ăn.
- Thế bữa sáng?
- Bữa sáng cũng không có.
- Thầy con thì sao?
- Thầy con cũng chẳng ăn gì hơn con.
- Thế ra ông già bị chết rét và chết đói. Tội nghiệp!
Hai đĩa súp đầy đã làm tôi lại sức. Tôi đứng dậy xin đi.
Người cha hỏi:
- Con đi đâu bây giờ?
- Con muốn nhìn thầy con lần cuối cùng.
- Con có biết người ta đưa ông đi đâu không?
- Con không biết.
- Con có bà con nào ở Ba-Lê không?
- Không.
- Người làng?
- Không có ai.

- Chỗ trọ con ở đâu?
- Thầy con không có chỗ trọ. Thầy con và con vừa tới Ba-Lê hôm qua.
- Con định làm nghề gì?
- Đánh đàn và hát để qua ngày.
- Ở đâu?
- Ba-Lê.
- Con nên trở về quê với cha mẹ con. Cha mẹ con ở đâu?
- Con không có cha mẹ.
- Con bảo ông già râu bạc không phải là cha con?
- Con không có cha, nhưng ông già Vỹ-Tiên cũng như cha con.
- Và cũng không có mẹ?
- Con cũng không có mẹ.
- Vậy con có chú, bác, cô, dì, anh chị em họ hay một người thân thích nào không?
- Không có ai cả.
- Thế con từ đâu đến?
- Chồng bà mẹ nuôi con bán con cho ông Vỹ-Tiên. Thầy con rất thương con, con ơn thầy con nhiều lắm. Đến chủ nhật, con sẽ trở lại đây đánh đàn và cho con Lãnh-Nhi biểu diễn để cảm ơn ông.
Tôi vừa nói vừa ra cửa. Tôi vừa bước được vài bước thì Lệ-Hoa theo tôi, cầm lấy tay tôi, chỉ vào cây đàn mà mỉm cười. Tôi hiểu ý cô và hỏi:
- Cô muốn tôi đánh đàn?
Cô gật đầu và vỗ tay vui vẻ.
Cha cô nói thêm:
- Phải đấy. Con đánh một bài cho vui.
Lúc đó tôi cũng không vui gì, nhưng tôi cũng hạ đàn xuống đánh một vũ khúc hay nhất để tặng cô Lệ-Hoa.
Trước hết cô nhìn tay tôi, sau cô lấy chân đánh dịp rồi như bị tiếng đàn lôi cuốn, cô nhảy và quay nhẹ nhàng trong bếp, trong khi đó, hai anh và chị cô ngồi yên lặng nghe đàn, Lệ-Hoa không nhảy đúng bước nhưng cô quay lượn uyển chuyển với nét mặt tươi như hoa, trông rất đẹp.
Ngồi cạnh lò sưởi, cha cô nhìn cô nhảy, ông ra chiều cảm động và vỗ tay.
Khi tôi đánh hết bài, cô lại trước mặt tôi, cúi chào rất nhã. Xong cô lấy ngón tay gẩy vào dây đàn và nhìn tôi, có ý bảo tôi đánh bản nữa. Tôi có thể đánh cả ngày cũng được. Nhưng cha cô bảo thôi vì sợ cô nhảy nhiều sinh mệt.

Lúc đó, tôi không đánh những bài khiêu vũ nữa, tôi hát một bài "Tình-ca" Ý mà thầy tôi đã dạy tôi.
Bài này điệu êm ái và âu sầu đã nhiều lần làm cho khán giả phải sa lệ.
Nghe mấy nhịp đầu, Lệ-Hoa tiến lại gần tôi, mắt nhìn vào mắt tôi, môi mấp máy như nhắc lại lời hát. Rồi giọng hát tôi mỗi lúc một buồn, cô lùi lại vài bước. Đến tiết cuối cùng, cô gieo mình vào lòng cha khóc nức nở.
Cha cô bảo:
- Thôi, con.
Người anh cô là Bằng-Mai nói:
- Nó điên hay sao? Vừa nhảy múa xong, lại khóc liền!
Chị cả bảo:
- Mày điên thì có! Lệ-Hoa nó hiểu âm nhạc.
Nói xong, người chị cúi xuống hôn Lệ-Hoa.
Trong khi Lệ-Hoa gục vào lòng cha, tôi vác đàn lên vai và ra cửa.
Người cha hỏi:
- Con đi đâu?
- Con đã thưa với ông là con cố tìm để trông mặt thầy con lần cuối. Xong con sẽ làm những điều thầy con đã dạy làm: đàn và hát.
- Con cố giữ nghề âm nhạc của con!
- Con không có nghề nào khác.
- Con không ngại đường xa à?
- Không. Tối đâu là nhà rồi.
- Dù sao, cái đêm con vừa qua đã đủ làm cho con phải suy nghĩ?
- Con cũng nghĩ lắm. Có một cái giường, có một góc lửa thì còn gì sung sướng cho bằng!
- Vậy con có muốn có một cái giường, một góc lửa với việc làm không? Nếu con muốn ở lại, con sẽ làm việc với ta, con sẽ chẳng sung sướng và nhàn hạ đâu! Nếu con nhận lời, con sẽ phải dậy sớm, làm vườn, cuốc đất, đổ mồ hôi lấy miếng bánh. Nhưng với miếng bánh cầm chắc đó, con không phải dầm sương dãi nắng, không phải ngủ ngoài trời như đêm trước, có thể chết rét bên gốc cây hay dưới hố không ai nhìn nhận. Tối đến con sẽ có giường đệm sẵn sàng và khi ngồi vào bàn, hơi súp đưa lên, con sẽ sung sướng rằng mình đã kiếm được và ăn thấy ngon hơn, con có thể tin như thế. Vả ta nhận thấy con là một đứa trẻ có nghĩa, con có thể sống ở đây như một gia đình.
Lệ-Hoa quay lại, và qua làn nước mắt cô nhìn tôi, miệng tươi cười.
Lời đề nghị đó đến bất thần khiến tôi ngây người, không tin cái tai tôi

nghe có đúng không.
Lúc đó, Lệ-Hoa chạy lại dắt tay tôi đến một bức tranh tô màu treo ở tường, vẽ hình đức thánh Jean khoác một tấm da cừu. Xong, cô ra hiệu cho cha cô và các anh cô nhìn bức tranh đó. Xong, cô vuốt cái áo da cừu của tôi và trỏ lên mái đầu tôi, tóc rẽ giữa và tỏa xuống hai vai những cuộn loăn xoăn. Tôi hiểu ý cô muốn bảo rằng trông tôi giống như thánh Jean. Không hiểu sao lúc đó tôi thấy sung sướng và có một cảm giác nhẹ nhàng.
Người cha nói:
- Phải đấy, giống thánh Jean lắm?
Lệ-Hoa vỗ tay cười.
Người cha trở lại câu chuyện ban nãy.
- Con ơi! Con nghĩ thế nào?
Một gia đình!
Tôi sẽ có một gia đình thật ư? Đã bao lần cái mộng đó ấp ủ trong lòng tôi đều bị tan vỡ! Bà Bảo-Liên, bà Mỹ-Lưu, ông Vỹ-Tiên, mọi người lần lượt xa rời cả!
Tôi sẽ không phải bơ vơ nữa chăng?
Cái hoàn cảnh của tôi lúc đó rất buồn. Tôi vừa mới mất một người đã cùng sống với tôi trong nhiều năm, gọi là thầy nhưng chẳng khác gì cha và vừa mất một người bạn đường, một người anh em là Lãnh-Nhi yêu dấu, biết thương tôi và an ủi tôi. Vì thế khi ông làm vườn tỏ ý lưu tôi, thì có một mối tin tưởng làm cho tôi vững lòng.
Tôi chưa đến nỗi tuyệt vọng. Cuộc đời tan vỡ của tôi lại có thể bắt đầu nhóm lại. Cái điều làm cho tôi cảm động nhất không phải là miếng bánh cầm chắc như lời cha cô Lệ-Hoa đã nói, mà là cái không khí đầm ấm hòa vui, cái đời sống gia đình mà cha cô đã hứa hẹn.
Những cậu con trai kia sẽ là anh tôi ư?
Cô Lệ-Hoa tươi đẹp kia sẽ là em gái tôi ư?
Trong óc non dại của tôi, nhiều lần tôi tưởng tượng tôi sẽ tìm thấy cha tôi, mẹ tôi, nhưng không bao giờ tôi nghĩ đến sẽ có anh chị và có em. Mà bây giờ tất cả đều đến với tôi.
Đành rằng những người đó không liên hệ với tôi bằng máu mủ, nhưng rất có thể ràng buộc trong tình thương yêu. Muốn thế, tôi phải yêu họ – điều này tôi rất sẵn sàng – và phải làm sao cho họ thương tôi, việc này xem ra không khó lắm, vì mọi người trong nhà đều hiền hậu và nhiệt thành.
Tôi tháo mạnh cái quai đàn trên vai ra.
Người cha vừa cười vừa nói:
- Đó là một câu trả lời rất hay! Con ơi, con hãy treo đàn vào cái đanh

kia rồi ngày nào con không thích ở đây nữa, con sẽ lấy xuống để bay nhảy tới một phương trời khác, có điều con phải cẩn thận như chim én, như họa mi, là phải biết tìm mùa để ra đi.
Tôi đáp:
- Con xin ra đi một lần thôi, ra đi để tìm thầy con.
Cha cô Lệ-Hoa nói:
- Con nói phải lắm.
Cái cửa vườn mà chúng tôi ngã gục đêm trước thuộc nhà một người làm vườn nói trên tên là An-Thanh. Gia đình này gồm có năm người: một người cha, hai con trai là An-Sinh và Bằng-Mai, hai người con gái là Yến-Chi, chị cả và Lệ-Hoa, em út.
Lệ-Hoa không phải câm từ thuở lọt lòng, nghĩa là nguyên do không phải vì tật điếc mà ra. Cô đã nói được hai năm. Không may đến năm lên bốn, cô mắc chứng bệnh co gân rồi bị rụt lưỡi không nói được. May mà óc cô còn toàn vẹn; không những thế, cô lại có phần sáng suốt thêm ra; cái gì cô cũng biết, cũng làm cho người ta hiểu mình như lời nói. Trong những gia đình nghèo và cả những gia đình khác, những đứa trẻ tàn tật thường bị hất hủi hay đầy đọa, nhưng trường hợp của Lệ-Hoa lại khác hẳn. Thông minh, lanh lợi, vui tươi, hiếu thuận, nên từ cha cô đến các anh chị cô đều yêu thương và quý cô nhất nhà.
Ngày xưa, quyền trưởng tử thật được trọng vọng trong những nhà quý tộc. Ngày nay, những con đầu lòng ở các gia đình thợ thuyền, chỉ hưởng thụ được những trách nhiệm nặng nề.
Bà An-Thanh mất khi Lệ-Hoa lên một. Từ ngày đó, Yến-Chi lớn hơn An-Sinh hai tuổi phải đảm đương việc nhà thay mẹ. Đáng lẽ đi học, Yến-Chi phải ở nhà làm cơm, khâu vá, dọn dẹp và trông nom Lệ-Hoa. Người ta quên hẳn cô là con gái, là chị cả và quen coi cô như một con sen. Đối với cô, người ta không câu nệ gì vì biết rằng cô chẳng trốn đi đâu được và cô không giận dỗi bao giờ.
Ẵm Lệ-Hoa, dắt Bằng-Mai, làm việc quần quật suốt ngày, cô dậy sớm để nấu súp cho cha ăn rồi đi chợ, thức khuya để rửa bát, giặt quần áo. Về mùa hè, lúc rảnh việc, cô tưới cây; về mùa đông, khi giá rét, cô phải rắc rạ che rau. Cô không có giờ nào được sống cái đời con trẻ để cười, để chơi. Mới 14 tuổi đầu, mặt cô đượm vẻ lam lũ như một cô gái già 35 tuổi, tuy nhiên lúc nào cô cũng tỏ ra nhẫn nại, dịu dàng đáng yêu.
Tôi treo đàn lên vách xong, kể lại chuyện tìm lò đá ở Chantilly cho mọi người nghe; chưa được 5 phút, chợt tôi nghe có tiếng cạy cửa vườn và tiếng sủa thảm thiết.

Tôi đứng dậy và nói:
- Lãnh-Nhi!
Lệ-Hoa vội chạy trước ra mở cửa. Con Lãnh-Nhi đáng thương nhảy vọt vào lòng tôi. Tôi ôm lấy nó, nó liếm vào mặt tôi và kêu những tiếng kít kít mừng rỡ, thân thể nó run lên.
Tôi nhìn ông An-Thanh và nói:
- Còn Lãnh-Nhi?
Ông hiểu ý tôi hỏi đáp ngay:
- Nó cũng ở đây với ta.
Lãnh-Nhi hình như cũng hiểu, đang ở trong cánh tay tôi nhảy xuống đất, đặt tay phải vào ngực và cúi chào. Các con ông, nhất là Lệ-Hoa, thấy thế đều cười ầm lên. Muốn cho vui nhà, tôi bảo Lãnh-Nhi diễn cho vài trò, nhưng nó không chịu, nhảy lên đầu gối tôi, cọ đầu vào má tôi rồi nhảy xuống, lấy răng cắn tay áo tôi lôi đi.
Tôi nói:
- Nó bảo tôi đi!
Ông An-Thanh nói theo:
- Để thăm thầy con.
Nhân viên Cảnh sát sau khi đã đưa thi hài ông Vỹ-Tiên đi rồi, cần gặp tôi để thẩm vấn. Họ đợi cho tôi tỉnh hẳn rồi sẽ đến. Trong khi chờ đợi, tôi buồn quá. Không biết thầy tôi có chết không hay lại sống lại như tôi.
Thấy tôi bồi hồi lo lắng, ông An-Thanh liền đưa tôi đến sở Cảnh sát. Chúng tôi đến nơi, người ta hỏi tôi chưa hết câu nọ đã đến câu kia. Khi người ta cho biết thầy tôi đã mất thực, tôi mới chịu trả lời. Những điều tôi biết và khai ra rất đơn sơ, sở Cảnh sát muốn biết kỹ hơn nên hỏi tôi rất lâu về thân thế ông Vỹ-Tiên và gốc tích của tôi. Về lai lịch của tôi, tôi chỉ biết khai rằng tôi không có cha mẹ, chồng bà mẹ nuôi tôi nhận một món tiền và cho tôi đi ở với ông Vỹ-Tiên.
Ông Cảnh sát trưởng hỏi tôi:
- Thế bây giờ?
Ông An-Thanh trả lời thay tôi:
- Chúng tôi xin nuôi em này, nếu ông Cảnh sát trưởng đồng ý giao em cho tôi.
Ông Cảnh sát trưởng đáp:
- Thế thì còn gì hay hơn nữa. Ông đã làm một việc thiện.
Bây giờ tôi phải khai về thân thế ông Vỹ-Tiên. Việc này khó quá vì tôi không biết và chẳng biết gì.
Có một điều bí ẩn tôi biết nhưng không dám nói là việc hôm mới rồi một người đàn bà nghe thầy tôi hát rồi hỏi dò la và việc Phú-Lợi dọa

tố cáo thầy tôi. Có lẽ những điều thầy tôi giữ kín lúc sinh thời, bây giờ sẽ tiết lộ hết?
Thực vậy, đứng trước một viên Cảnh sát trưởng lành nghề, một đứa trẻ thơ dại như tôi khó lòng nói quanh. Vì thế chỉ trong 5 phút, tôi cứ tuồn tuột nói ra tất cả những điều tôi muốn dấu, cũng là tất cả những điều mà ông cảnh sát trưởng cần biết.
Ông liền gọi một người Cảnh binh và bảo:
- Thầy dẫn em này tới phố Lục-Sinh, em sẽ nhận lối và tìm đến nhà Phú-Lợi. Thầy sẽ hỏi Phú-Lợi về việc ông già cho tôi.
Ba người chúng tôi cùng đi: người Cảnh binh, ông An-Thanh và tôi. Đúng như lời ông Cảnh sát trưởng, đến đó tôi nhận được lối và tìm được nhà Phú-Lợi ở tầng gác thứ tư ngay. Tôi không gặp Mã-Tư, có lẽ anh ta ốm nặng phải đưa vào nhà thương rồi. Thấy Cảnh sát đến và nhận ra tôi, Phú-Lợi tái mặt sợ hãi. Nhưng khi người Cảnh binh nói lý do mình được phái đến, Phú-Lợi trấn tĩnh ngay và than:
- Tội nghiệp! Ông già chết rồi ư?
- Ông có quen ông ta không?
- Quen lắm.
- Vậy ông hãy cho tôi biết về lai lịch của ông ta.
- Dễ lắm. Ông ta vốn không phải tên là Vỹ-Tiên, chính tên là Cát-Băng-Giang. Ba bốn mươi năm về trước, Băng-Giang lừng danh là ca sĩ đại tài ở Ý-đại-lợi. Trên sân khấu các Đại hí viện, ông đã được hoan nghênh phi thường. Ông đã từng đi trình diễn ở Náp, ở La-Mã, Mi-Lăng, Vơ-ni, Phật-Lan, Luân-Đôn, Ba-Lê. Nhưng rủi thay một ngày kia ông bị bệnh và khản tiếng. Thế là hết thời oanh liệt, hết thời làm chúa các nghệ sĩ. Ông không muốn đi hát ở các rạp nhép để giảm cái phương danh của mình. Ông liền bỏ tên Cát-Băng-Giang, lấy tên mới là Vỹ-Tiên và xa lánh những người đã quen biết ông. Dù sao cũng phải sinh sống, ông ta xoay nhiều nghề nhưng đều thất bại cả. Rút cục thành ông lão diễn trò rong. Nhưng trong cái đói khó, lòng tự hào của ông vẫn còn. Ông có thể xấu hổ chết được nếu có người biết được rằng Băng-Giang lừng lẫy ngày xưa, nay chính là Vỹ-Tiên đói rách lang thang. Một sự tình cờ đã cho tôi biết điều bí ẩn đó.
Lời khai của Phú-Lợi đã giải thích rõ ràng những điều nghi hoặc của tôi.
Ông Băng-Giang đáng thương, ông Vỹ-Tiên đáng kính của tôi ơi! Thầy tôi ơi! Người ta bảo rằng thầy đã từng làm vua, thực không quá đáng!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XX
THỢ TRỒNG HOA

Hôm sau, người ta mai táng thầy tôi, ông An-Thanh hứa sẽ cùng tôi đưa thầy tôi đến nơi ở cuối cùng.
Nhưng sáng hôm sau, tôi không dậy được vì tự nhiên tôi thấy rùng mình rồi phát sốt, ngực nóng như lửa, giống như bệnh của con Hảo-Tâm ẩn trên cây sau một đêm tuyết giá.
Thực vậy, tôi bị chứng phế viêm vì tôi bị nhiễm lạnh đêm tôi ngã gục ở cửa vườn.
Cũng nhờ dịp này mà tôi nhận thấy lòng tốt của gia đình chủ nhân và đức tính hy sinh của cô Yến-Chi.
Những nhà nghèo mấy khi dám mời đến thầy thuốc, thế mà vì bệnh tôi trầm trọng nên người ta đã phải đi ra ngoài cái lệ đó. Thầy thuốc mời đến không cần phải xem lâu hoặc hỏi lâu mới biết căn bệnh của tôi. Lập tức ông ta bảo phải đem tôi vào Nhà Thương làm phúc.
Đó là một việc rất dễ. Tuy nhiên ý kiến này không được chủ nhân chấp thuận. Ông nói:
- Nó sa vào cửa nhà tôi, chứ không sa vào cửa Nhà Thương. Tôi phải giữ nó và chữa cho nó.
Ông thầy thuốc cố sức phân trần những cái nguy về bệnh của tôi bằng những lý lẽ rất tai hại cho tôi, nhưng không lay chuyển được lòng chủ nhân. Người ta nghĩ nên giữ tôi và đã giữ tôi.
Thế rồi cô Yến-Chi ngoài công việc nhà bận rộn, còn làm khán hộ cho tôi. Cô săn sóc tôi chẳng khác chi một bà Phước, rất kiên nhẫn và không quên điều gì. Khi cô bận việc khác thì Lệ-Hoa lại vào thay.
Đã bao nhiêu lần tôi trông thấy Lệ-Hoa ngồi cạnh chân giường tôi nhìn tôi bằng đôi mắt buồn rầu. Trong cơn mê sảng, tôi tưởng tượng cô là một vị thiên thần hộ mệnh, rồi tôi cầu nguyện như trông một nàng tiên, có vòng hào quang sáng rực chung quanh đầu, nhưng lạ quá nàng lại chung sống với chúng tôi và không thấy có đôi cánh trắng để bay.
Bệnh tôi rất đau đớn và kéo dài với những biến chứng nguy hiểm có thể làm thất vọng cho mọi người, nhưng không sao làm nản lòng săn sóc và tin tưởng của cô Yến-Chi. Đã mấy đêm rồi, người ta phải thay phiên nhau để trông tôi vì mỗi khi tôi lên cơn thì lại nghẹt thở, mệnh

hệ của tôi như treo đầu sợi tóc. Hết An-Sinh lại đến Bằng-Mai lần lượt thức ngồi cạnh giường tôi.
Sau cùng, tôi thoát chết. Kỳ dưỡng bệnh bắt đầu. Nhưng tôi chỉ còn xương với da, bước đi không vững, phải nghỉ ngơi ít lâu mới ra ngoài được.
Mùa đông hết. Những cánh đồng cỏ bắt đầu xanh tươi. Lệ-Hoa không phải làm gì, thay Yến-Chi đưa tôi đi chơi trên bờ sông Bích. Đến trưa, trời đứng bóng, chúng tôi tay cầm tay, đi thong thả xem phong cảnh, con Lãnh-Nhi nhảy nhót theo sau. Mùa xuân năm đó thực đầm ấm và xinh tươi đã để lại cho tôi một kỷ niệm cũng đầm ấm và xinh tươi không bao giờ quên được.
Đây là một vùng mà thị dân Ba-Lê ít khi đặt chân đến, người ta chỉ biết lơ mơ rằng vùng này là một thung lũng, một nơi nhơm nhúa vì có dòng Bích chảy qua, người ta yên trí dòng sông này chỗ nào cũng như quãng ở ngoại ô chảy qua làng Mạc-Sơn, nơi có nhiều xưởng công nghệ làm vẩn đục nước sông. Có biết đâu rằng từ làng Viên, làng Dung trở đi, dòng nước trở nên trong vắt chảy êm đềm dưới những cây liễu rũ hay ngọn bạch dương cao. Hai bên bờ, những đồng cỏ xanh rờn rải tới chân đồi, san sát những nhà cửa và vườn tược. Những bông cúc điểm trắng trên nền cỏ màu bích ngọc. Trên cành liễu, trên cây dương, mầm, lá xanh non, nào chim sâu, chim sáo, nào chim chèo bẻo, chim mai hoa, nhảy nhót bay lượn và ca hót vang lừng như bảo cho ta biết đây còn là nơi thôn dã, chứ chưa phải là chốn thị thành.
Đó là phong cảnh thung lũng Bích-giang – từ ngày ấy đến giờ chắc có đổi thay – và những ấn tượng trong sáng hãy còn in sâu trong trí tôi như ngày tôi dạo chơi thuở ấy. Nếu tôi là họa sĩ, tôi đã vẽ ra cho quý độc giả nhìn thấy những rặng bạch dương không thiếu một cây nào, những cây liễu cổ thụ, những cây bồn tử um tùm rễ bò trên đất, và những sân băng trước những tòa nhà cổ, ở đó chúng tôi đã thi nhau nhảy cò cò và trượt trên tuyết rất vui. Lại còn những cối xay, cánh quay trước gió như những cái chong chóng lớn ở làng Bất, những dân thợ gặt ở làng Hiên, những xưởng thuộc da, những trang trại với những nông dân chất phác.
Trong những lúc dạo chơi, Lệ-Hoa không nói được, nhưng chúng tôi đã dùng mắt để trò chuyện với nhau, không cần đến lời nói.
Dần dần tôi lại sức và có thể giúp đỡ công việc làm vườn. Tôi rất mong chóng đến ngày đó để làm cho gia đình ông An-Thanh những gì mà gia đình ông đã làm cho tôi, nghĩa là hết sức làm việc để đền đáp lại cái ơn sâu mà gia đình ông đã dành cho tôi.

Từ thuở nhỏ đến giờ, tôi chưa hề làm việc gì nặng nhọc, những thôi đường dài mặc dầu vất vả cũng chưa phải làm một công việc liên tục cần đến ý chí và cần lao. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ làm được việc, nếu không cũng cố gắng theo gương cần mẫn của các người xung quanh tôi.
Bây giờ là mùa hoa tử-la, một thứ lan người ta bắt đầu chở vào bán ở Ba-Lê. Nhà ông An-Thanh năm nay trồng toàn thứ hoa đó. Thứ hoa này có giống trắng, giống đỏ và giống tím. Mỗi màu trồng riêng một luống, thành thử, xa trông thấy những dòng toàn đỏ, những dòng toàn trắng, và những dòng toàn tím rất đẹp.
Trên các luống đều có giàn lắp khung kính có thể đóng mở được. Chiều đến, khi các cửa đó chưa hạ xuống, trong vườn nức một mùi thơm ngát.
Tôi được cắt vào một việc vừa với sức mảnh dẻ của tôi. Mỗi buổi sáng, khi tan giá, tôi phải mở các cửa kính ra; chiều đến, lúc sương giá xuống, tôi lại đóng các cửa vào. Những buổi trưa, tôi còn lấy rèm che hoa hay nhấc ra tùy theo sức nóng của mặt trời.
Trong khi tôi làm những việc đó thì Lệ-Hoa giữ việc thúc đẩy con lừa kéo guồng nước, Bằng-Mai chuyển những nước ấy để tưới cây. An-Sinh giúp cha làm vườn. Mỗi người một việc, không ai ngồi không.
Tôi đã từng được trông thấy những nỗi vất vả của nông dân làng tôi, nhưng chưa hề tưởng tượng đến những nỗi cần khổ và kiên nhẫn của những người trồng hoa ở ngoại thành Ba-Lê. Họ dậy từ lúc mặt trời chưa mọc và nghỉ sau khi mặt trời lặn. Suốt ngày làm quần quật không bỏ phí phút nào. Tôi đã từng trông thấy người ta cày đất trồng lúa, nhưng tôi chưa hề tưởng tượng rằng đất có thể nảy nở không ngừng nếu người ta luôn luôn đem sức cần lao khai thác như ở vùng này. Thật là một trường thực nghiệm rất bổ ích cho học vấn của tôi vậy.
Tôi không chuyên việc trông nom cửa kính mãi. Khi tôi khỏe hẳn, tôi rất lấy làm thích được gieo hạt, thích hơn nữa khi thấy nảy mầm và lên cây. Tôi coi đó là công trình của tôi, vật riêng của tôi, nên tôi có phần tự hào là đã được việc cho chủ nhân. Mỗi khi nghĩ đến điều đó thì tôi lại quên hết mọi khó nhọc.
Dần dần, tôi quen sống cái đời cần lao mặc dầu vất vả nhưng khác hẳn với đời sống lang thang của kẻ diễn trò. Trước kia sống tự do ngoài trời, chỉ có việc thẳng tiến trên các đường cái, bây giờ rút lại ở trong bốn bức giậu của khu vườn, từ sáng đến chiều làm việc khó nhọc, áo đẫm mồ hôi, tay xách nước, chân lội bùn. Nhưng chung quanh tôi, ai nấy đều vất vả như thế. Người cha xách những thùng

nặng hơn, áo người cha ướt đầm hơn áo chúng tôi. Cái khó nhọc phân công đều, tôi thấy nhẹ nhàng đi. Hơn nữa, tôi tìm được ở đây một cái gì mà tôi coi như không bao giờ có nữa, đó là cái đời sống gia đình. Tôi không cô độc nữa. Tôi không là đứa trẻ bỏ rơi nữa. Tôi có giường riêng của tôi. Tôi có chỗ ngồi ở bàn ăn chững chạc. An-Sinh hay Bằng-Mai và tôi cũng có lúc đấm lẫn nhau, nhưng một khi tay bỏ xuống rồi thì ai nấy đều quên cả. Và chiều đến, hội họp chung quanh món súp nóng; chúng tôi lại là bạn, là anh em.

Nói cho đúng ra, không phải lúc nào cũng là làm việc cả đâu. Chúng tôi cũng có giờ nghỉ ngơi và giải trí tuy ngắn thật nhưng rất thú vị. Những chiều chủ nhật, chúng tôi thường tụ hội ở dưới giàn nho đầu nhà. Cây đàn treo suốt tuần lễ được đem ra. Tôi gẩy cho các anh, chị, em khiêu vũ. Không ai biết khiêu vũ cả, nhưng An-Sinh và Bằng-Mai đã được đi dự một tiệc cưới nên còn nhớ một vài bước và tạm nhảy được điệu đối vũ. Khi mọi người nhảy mệt, tôi lại hát những bài tôi thuộc và bao giờ đến bài "Tình-ca" là Lệ-Hoa rơm rớm nước mắt. Để làm cho Lệ-Hoa vui, tôi lại bảo Lãnh-Nhi diễn những trò khôi hài. Con Lãnh-Nhi cũng rất sung sướng, coi những ngày chủ nhật như những ngày hội và nó lại được sống lại những ngày vui đã qua. Những ngày chủ nhật đối với tôi còn là "Ngày Vỹ-Tiên" nữa. Tôi đánh đàn, tôi hát như là khi thầy tôi còn ở bên cạnh tôi. Ông Vỹ-Tiên kính mến! Tôi càng lớn thì tôi lại càng nhớ đến ông và hiểu biết cái ơn giáo dục của ông đã dành cho tôi.

Tôi ở trại hoa thấm thoát đã được hai năm rồi. Ông An-Thanh thường đưa tôi đi chợ, ra bến Tàu, qua Tháp Nước, hay đến nhà những người bán hoa vẫn giao dịch với chúng tôi, vì thế dần dà tôi biết Ba-Lê và hiểu rằng Ba-Lê không phải là một thành phố lầu vàng, điện cẩm thạch như ngày còn bé tôi mơ tưởng, nhưng cũng không phải là một thành phố lội lặm như tôi đã yên trí khi mới vào những phố ngoại ô.

Tôi được nhìn thấy những lầu đài và được vào thăm một vài nơi. Tôi đi tản bộ trên bến tàu, trên những đại lộ, trong vườn Lục-Xâm-Bảo và các công viên khác. Tôi nhìn thấy những tượng đồng, những đài kỷ niệm. Tôi cảm thán trước những sự hoạt động của quần chúng và tôi đã nhận thức được thế nào là chốn phồn hoa đô hội.

Cái kiến thức của tôi không phải chỉ thâu thái được bằng mắt hay là do những cuộc đi chơi ngẫu nhiên qua các phố ở Ba-Lê. Trước khi làm nghề trồng hoa, ông An-Thanh đã từng làm việc cho sở Ương cây ở vườn Bách-Thảo. Ở đó, hàng ngày ông giao tiếp với các chuyên viên nên học hỏi được nhiều. Trong bao nhiêu năm, ông đã

dành tiền mua sách, lúc rảnh việc đọc và học thêm. Đến khi ông lập gia đình rồi có con, thì giờ nhàn hạ cũng ít đi. Sinh kế cần hơn, nên sách vở phải xếp lại. Tuy nhiên ông không bán hoặc bỏ mất, ông giữ trong một góc tủ. Mùa đông, năm thứ nhất ở nhà ông, tôi thấy dài quá vì việc làm vườn không đình hẳn nhưng trì trệ vì thời tiết. Bấy giờ, để cho có việc trong những buổi chiều ngồi không bên lò sưởi, ông An-Thanh lấy sách ra và phân phát cho chúng tôi xem. Phần nhiều là sách Thực vật học, Vạn vật học và một vài quyển Lữ hành ký, An-Sinh và Bằng-Mai không được hiếu học như cha, tối nào cũng thế, khi cầm quyển sách chỉ đọc đến trang thứ ba hay thứ tư là mắt nhắm nghiền lại. Tôi ít ngủ và tò mò hơn, tôi chăm chú đọc rất khuya. Những bài học vỡ lòng của ông Vỹ-Tiên không đến nỗi uổng, nghĩ thế nên lúc đi ngủ tôi lại cảm nhớ đến thầy tôi.

Tôi ham đọc quá, chủ nhân cũng yêu và kể chuyện khi ông còn nhỏ thường bớt quà sáng mỗi ngày 2 xu để lấy tiền mua sách.

Ngoài những sách sẵn có trong tủ, thỉnh thoảng ông lại mua một hai quyển ở Ba-Lê đem về. Ông không chọn lọc. Gặp lúc nào thích hoặc xem nhan sách thấy hay thì mua. Nhưng dù sao cũng là những quyển sách. Thực tình đọc sách phức tạp, óc tôi thành ra lộn xộn nhưng dần dần những cái hay, cái đẹp trong sách vẫn còn ghi lại. Người ta nói rằng đọc sách nhiều cũng có ích, thực đúng vậy.

Lệ-Hoa không biết đọc. Những lúc rỗi thấy tôi miệt mài đọc sách, cô nghĩ không biết trong sách có cái gì làm cho tôi say mê đến thế. Lúc đầu, cô giấu những quyển sách đó đi vì chúng đã làm cho tôi không đi chơi được với cô. Nhưng rồi cô lại thấy tôi cứ tìm đến những quyển sách đó để xem. Cô bảo tôi đọc lên cho cô nghe. Rồi cô bảo tôi dạy cô đọc chữ in. Cô rất thông minh, mặc dầu không nói được, cô dùng mắt và tai thay cho lưỡi, không bao lâu cô biết đọc. Tuy nhiên cô vẫn thích nghe tôi đọc. Thành ra có một mối dây liên lạc giữa cô và tôi. Cô cúi mình xuống bàn, để hết tâm trí vào sách, cô đã tìm thấy trên trang giấy những điều mà cô muốn tìm: một sự giải trí và một món ăn tinh thần.

Chúng tôi đã qua bao nhiêu giờ êm đềm ấy: cô ngồi trước mặt, hai mắt nhìn tôi, tôi thì cầm sách đọc. Thỉnh thoảng gặp những tiếng khó hay những đoạn không hiểu, tôi ngừng lại và đưa mắt nhìn cô. Chúng tôi cố tìm để hiểu, lắm khi không ra. Cô liền ra hiệu cho tôi cứ tiếp tục đi, “mai ngày” sẽ hay. Tôi lại dạy cô vẽ nữa – vẽ theo danh từ của tôi – Môn học này rất lâu và khó, nhưng rồi cô cũng thành tựu được. Dĩ nhiên tôi là một ông thầy nghèo nàn, nhiều khi “bí” nhưng nhờ ở chỗ thầy trò hiểu nhau, nên sự đồng tâm đã thành công hơn là

tài năng. Khi cô đã vẽ thành hình để người ta hiểu được là cô muốn vẽ gì, lúc đó cô rất vui sướng. Cha cô hôn tôi và nói:
- Con thực tận tâm. “Mai ngày” Lệ-Hoa sẽ cảm ơn con.
“Mai ngày” nghĩa là khi nào Lệ-Hoa nói được và người ta tin tưởng rằng thế nào lời nói cũng được trả lại cho Lệ-Hoa, nhưng theo lời thầy thuốc thì phải đợi bao giờ bệnh thế biến hóa thì mới nói như cũ được.
Cô thích nghe đàn và yêu cầu tôi dạy cô. Cô học rất chóng. Còn hát thì cố nhiên cô không học được vì thế lắm khi cô buồn và rơi lệ. Nhưng nét buồn chỉ thoảng qua thôi, vì tính nết của cô dịu dàng và hòa nhã, cô vội lau nước mắt và với nụ cười nhẫn nại cô ra hiệu cho tôi biết là đợi đến “mai ngày”.
Được ông An-Thanh nuôi nấng, được các con ông coi tôi như tình ruột thịt, tôi sẽ ở trại trồng hoa đó suốt đời tôi nếu không có cái tai họa bất kỳ xẩy đến làm thay đổi hẳn cuộc sống của tôi. Có lẽ số tôi không được sung sướng lâu dài, khi tôi tưởng được yên thân một chút lại chính là cái ngày mà tôi bị phải, một lần nữa, ném ra trên con đường luân lạc.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXI
TAN-TÁC

Có những ngày rỗi rãi, ngồi một mình, tôi nghĩ ngợi rồi tự nhủ:
- Minh ơi! Minh sung sướng lắm rồi! Chẳng được thế mãi đâu!
Cái tai họa nó sẽ xảy ra thế nào, tôi không đoán được. Nhưng tôi chắc chắn rằng từ phía này hay từ phía kia thế nào nó cũng đến. Điều đó làm cho tôi buồn, nhưng cũng làm cho tôi hết sức chăm lo công việc vì tôi sợ rằng lỗi tại tôi mà tai họa xảy đến.
Lỗi không phải tại tôi, tôi đoán nhầm.
Nhưng tai họa có xảy ra, tôi đoán đúng.
Trên kia tôi đã nói rằng chủ nhân chuyên nghề trồng lan tử-la. Đó là một thứ hoa rất dễ trồng nên những thợ trồng hoa ở ngoại thành Ba-Lê đều thành công cả: cứ xem những thân cây xanh mập có hoa từ gốc đến ngọn, người ta đem vào bán ở các chợ trong thành phố vào tháng Tư và tháng Năm thì biết. Tuy nhiên có một điều rất cần thiết cho người thợ trồng hoa tử-la là phải biết chọn trồng những hoa kép

vì theo mốt mới người ta không thích hoa đơn. Khốn nỗi những hạt giống đem gieo thường mọc lên những hoa kép, hoa đơn lẫn lộn nhau. Như vậy, nếu không biết chọn những cây kép và loại ngay những cây đơn ra thì phải "nuôi nợ" những cây này, có tới 50%, trong một năm trời cho đến khi chúng thò hoa đơn ra mới biết mà vứt đi thì đã muộn rồi. Vì thế người ta phải biết cách "lọc hoa", nghĩa là biết quan sát những đặc tính hiện ra ở gân lá, ở cách lá mọc mà giữ hay nhổ những cây non đi. Công việc này không phải dễ. Vì thế rất ít người biết thuật "lọc hoa" và cũng vì thế thuật đó được giữ bí truyền trong một vài gia đình. Khi những thợ làm vườn cần chọn cây, bắt buộc họ phải nhờ đến những bạn đồng nghiệp biết nghề; lúc đó những người này được trọng đãi không khác chi những bác sĩ hay chuyên viên được thỉnh giáo.

Ông An-Thanh là một xảo thủ trong nghề lọc hoa ở Ba-Lê. Hễ đến vụ này là ông vắng nhà luôn. Chúng tôi, nhất là Yến-Chi rất buồn. Trong cuộc gặp gỡ nhau, các bạn trồng hoa không thể không dùng rượu, ít ra một chai, có khi hai chai, ba chai. Vì thế, sau khi đi thăm hai hay ba ông bạn về, chủ nhân thường mặt đỏ, tay run miệng nói líu ríu. Không bao giờ Yến-Chi đi ngủ trước khi cha về, lắm hôm cô đợi rất khuya. Tiếng động làm tôi tỉnh thức. Ở buồng tôi, tôi nghe rõ tiếng nói chuyện:

Người cha hỏi:

- Sao con chưa đi ngủ?

Cô Yến-Chi đáp:

- Con thức để xem cha có sai bảo gì không.
- Thế ra cô Cảnh sát định dò xét tôi à?
- Nếu con không thức thì cha về nói chuyện với ai?
- Con xem, cha bước vẫn thẳng. Nhìn đây, cha có thể theo đúng hàng gạch vào buồng ngủ các em.

Tôi nghe có tiếng bước loạng choạng vào bếp rồi lại trở ra.

Người cha lại hỏi:

- Lệ-Hoa ngoan chứ?
- Vâng. Em con ngủ rồi. Cha đừng làm động em dậy.
- Cha có làm động đâu. Cha bước thẳng. Cha phải bước thẳng thắn vì các cô gái hay đổ vạ cho cha. À! Không thấy cha về ăn bữa tối, Lệ-Hoa có nói gì không?
- Không. Em cứ nhìn chỗ cha ngồi.
- A! Nó nhìn chỗ ta?
- Vâng.
- Nhiều lần? Có phải nó nhìn nhiều lần không?

- Nhìn luôn luôn.
- Thế nó nói gì?
- Đôi mắt em nói rằng cha không có ở đấy.
- Nó có hỏi cha đi đâu, con có bảo nó là cha đến nhà các ông bạn không?
- Em không hỏi gì và con cũng không nói gì vì em biết rõ cha ở đâu rồi.
- Nó biết à, biết là… Bây giờ nó ngủ kỹ rồi chứ?
- Không. Vừa mới ngủ được mươi phút vì em thức mãi để đợi cha.
- Thế con, con muốn gì?
- Con muốn em con không trông thấy lúc cha về.
Người cha im một lúc rồi lại nói:
- Yến-Chi con ơi! Con là một đứa con gái tốt. Con nghe cha nói. Ngày mai cha phải đến nhà bác Lương nhưng thế nào cũng về ăn bữa tối với các con. Cha không muốn các con phải đợi. Cha không muốn Lệ-Hoa phải đi ngủ băn khoăn.
Nhưng lời hứa đó không thực hiện. Hôm sau ông lại về khuya hơn mọi ngày vì nể bạn uống say. Ở nhà thì ông nghĩ đến Lệ-Hoa nhưng ra ngoài thì ông quên mất.
Lúc về ông lại phân trần rằng:
- Con xem, người ta thường uống cốc thứ nhất không nghĩ ngợi gì vì nể bạn, uống cốc thứ hai vì đã uống cốc thứ nhất. Người ta nhất định không uống cốc thứ ba nhưng vì đã uống hai cốc rồi thành khát. Thế rồi hơi men bốc lên đầu. Người ta chếch choáng, người ta quên hết nỗi buồn, quên cả chủ nợ, người ta thấy mọi vật đều tươi sáng và hồn người ta thấy nhẹ nhàng như bay bổng sang một thế giới thần tiên, sở dĩ người ta uống nhiều là vì thế.
Cũng may, việc uống rượu của ông rất hãn hữu. Và vụ lọc hoa cũng không lâu. Một khi vụ đó hết rồi, ông chẳng còn lý do gì để ra ngoài nữa. Mà ông cũng không đi đâu nữa. Ông không phải là người bê tha nơi tửu quán, cũng không phải là người lười biếng thích chơi.
Mùa tử-la đã hết, chúng tôi sửa soạn để trồng hoa khác, và theo phương thức của nhà trồng hoa thì không lúc nào được để vườn trống, lượt hoa này bán hết phải trồng lượt hoa khác thay vào.
Kỹ thuật của người làm vườn là phải trồng làm sao cho có hoa vừa đúng lúc những ngày lễ trọng trong năm như lễ các Thánh Phê-Rô, Ma-Ri, Lộ-Y, hoa sẽ đắt. Biết cơ man nào là người mang tên Phê-rô, Ma-ri, Lộ-y, do đó biết cơ man nào là bó hoa, chậu hoa sẽ cần thiết để chúc mừng một người bạn hay một người bà con. Ai ai cũng biết quang cảnh các phố ở Ba-Lê hôm trước ngày lễ đó: trăm thứ hoa

bày rực rỡ tại các chợ, ở các cửa hàng, ở vĩa hè, ở đầu phố, không một chỗ nào là không bán hoa.
Sau mùa tử-la nhà ông An-Thanh trồng các thứ hoa khác để bán vào tháng Bảy, tháng Tám là vụ có những lễ các thánh Ma-Ri và Lộ-Y. Vì thế chúng tôi đang gây hàng ngàn gốc thúy cúc, dương hồng, hùng quế dưới các giàn kính và trong các nhà gương. Các cây hoa này phải nở đúng ngày đã định, nếu nở muộn quá thì nụ bán cho ai. Ai cũng biết rằng muốn nuôi hoa như thế thực là việc rất khó, vì người không phải là mặt trời, không phải là thời tiết mà muốn sao được vậy. Ông An-Thanh lại rất tài về nghề này; hoa của ông không bao giờ nở sớm, và cũng không bao giờ trổ muộn. Nhưng được thế, cũng lắm công phu.
Vụ hoa này của chúng tôi có nhiều hứa hẹn. Hôm ấy là ngày mồng 2 tháng Tám, các thứ hoa trong vườn đều sai nụ. Những bông thúy cúc hàm tiếu rung rinh trước gió. Dưới giàn, trong nhà kính, những cây dương hồng, hùng quế mọc tốt như bụi gai hay thành những Kim-tự-tháp nhỏ, nụ ra mơn mởn từ đầu đến chân, trông rất đẹp. Thỉnh thoảng chủ nhân lại ra ngắm nghía, xoa hai bàn tay vào nhau, ra chiều đắc ý.
Ông lại bảo các con:
- Ta được mùa hoa!
Ông mừng thầm và nhẩm tính số hoa lợi sắp thu về.
Cho được kết quả đó, chúng tôi phải làm việc luôn tay, cả ngày chủ nhật không giờ giải trí. Để đền bù công khó nhọc của mọi người, chủ nhân định tới chủ nhật mồng 5 tháng 8 này cho cả nhà đi dự bữa cơm chiều ở nhà ông bạn ở làng Ích-Cương gần đó. Con Lãnh-Nhi cũng được phép đi. Hôm đó mọi người sẽ làm việc gấp cho đến 3 hay 4 giờ. Xong việc, người ta sẽ khóa cửa đi chơi. Độ 5 hay 6 giờ tới Ích-Cương, ăn xong phải trở về ngay để khỏi ngủ muộn và có thể sáng thứ hai dậy sớm làm việc được khỏe khoắn nhẹ nhàng.
Một dịp vui sướng biết bao!
Như lời đã định, trước bốn giờ độ vài phút, chủ nhân khóa cửa ngoài. Ông vui vẻ bảo:
- Các con lên đường!
Tôi cũng nói:
- Lãnh-Nhi! Tiến lên!
Rồi tôi cầm tay, dắt Lệ-Hoa chạy, Lãnh-Nhi theo sau và kêu những tiếng vui vẻ. Nó nhảy chung quanh chúng tôi, nó tưởng lại được đi lâu trên đường dài vì bị giam chân ở nhà mãi, nó buồn vì tôi ít thì giờ săn sóc nó, nó thèm đi với tôi lắm.

Chúng tôi ai nấy đều diêm dúa trong bộ quần áo đẹp để đi ăn cỗ. Nhiều người quay lại nhìn chúng tôi. Tôi không biết người tôi lúc đó thế nào nhưng Lệ-Hoa với cái mũ cói trắng, chiếc áo dài xanh và đôi giầy vải xám, trông rất linh động và xinh tươi, trong làng ít ai sánh kịp.
Thời giờ đi nhanh quá, tôi chẳng để ý đến. Tôi chỉ biết lúc ăn xong, An-Sinh nhìn lên trời, về phía tây có đám mây đen. Vì tiệc bày ở gốc cây mộc hương ngoài sân, nên mọi người nhận thấy có một cơn giông sắp sửa đến.
Ông An-Thanh bảo:
- Các con ơi! Mau về trại đi!
Các con đều kêu:
- Đã về kia à?
Lệ-Hoa không nói gì nhưng phụng phịu chưa muốn về.
- Gió làm vỡ kính mất. Về đi!
Ông không cần phải nói dài, chúng tôi đều biết rằng những tấm kính là tất cả tài sản của những thợ trồng hoa, vạn nhất mà vỡ thì tuyệt nghiệp.
Ông nói:
- Ta và An-Sinh, Bằng-Mai rảo chân về trước. Còn Lê-Minh cùng Yến-Chi và Lệ-Hoa đi sau.
Nói xong ông và hai con trai bước thật nhanh, chúng tôi theo sau không kịp, vừa đi vừa đợi Lệ-Hoa.
Ai nấy im lặng. Bây giờ không là lúc cười nói, chạy nhảy như lúc đi. Trời đen dần. Trên đường gió cuốn, cát bụi bay lên từng đám lớn như mây. Đang đi mà gặp làn bụi đó, người ta phải đứng lại, quay lưng về chiều gió, lấy hai tay bưng mắt cho khỏi bụi vào; lại phải nín thở, nếu không người ta thấy mồm đầy một vị như sỏi.
Sấm động ở đằng xa rồi đến gần với những tiếng nổ chói tai.
Yến-Chi và tôi, mỗi người dắt một tay Lệ-Hoa và kéo đi. Cô lê từng bước nên chúng tôi muốn đi nhanh mà không được.
Không biết chúng tôi có về kịp cơn mưa không?
Ông An-Thanh và hai anh đã về đến nơi chưa?
Công việc của chúng tôi rất tầm thường là cốt tránh sao cho khỏi bị mưa ướt.
Còn công việc của ông An-Thanh và hai con ông rất quan trọng, là phải đóng các cửa kính ở vườn cho kịp, nếu không gió lay quật sẽ làm vỡ hết.
Mây đen kéo dầy đặc làm cho tối sầm hẳn lại. Thỉnh thoảng, gió xẻ những đám mây, người ta nhìn thấy bên trong sâu thẳm một sắc

đồng. Nhất định, trong giây lát nữa những đám mây đó sẽ đổ xuống. Sấm ù ù mỗi lúc một nhiều hơn. Rồi có những tiếng ầm ầm dữ dội đi về phía chúng tôi như tiếng thiên binh vạn mã ào ào chạy gấp để tránh mưa. Nhưng vô lý! Vì làm gì có kỵ binh kéo đến vùng này? Thình lình mưa đá bắt đầu. Một vài hạt nhỏ tạt vào mặt chúng tôi. Rồi trong chớp mắt, một trận to đổ xuống. Chúng tôi phải chạy vào ẩn ở một cái cổng gần đó.
Đó là một trận mưa đá dữ dội nhất người ta chưa từng thấy bao giờ. Mới mưa một lúc mà đường phố đã phủ một lớp trắng ngần như về giữa mùa đông. Những viên đá to bằng quả trứng bồ câu rơi xuống lộp độp làm kính vỡ loảng xoảng. Những hột mưa đá ở mái nhà rơi xuống cùng với mảnh ngói, vữa vụn, mảnh đá đen thành từng đống trên hè.
Yến-Chi kêu:
- Còn gì là những cửa kính của nhà ta nữa?
Tôi cũng sực nghĩ đến điều đó liền nói:
- May ra ông về kịp.
- Dù có về trước cơn mưa cũng không sao đóng kịp tất cả các cửa kính hoặc che rèm. Thế là tan nát cả!
- Người ta bảo mưa đá chỉ mưa từng chỗ thôi.
- Trận mưa này gần nhà ta quá, nên khó lòng thoát được. Trời ơi! Cha tôi sẽ hết nghiệp! Cha tôi đã đặt bao nhiêu hy vọng vào tiền bán hoa. Bây giờ lấy gì để trả nợ?
Tôi không biết rõ giá các vật. Nhưng nghe thấy người ta nói rằng cứ 100 khung kính là 1500 hay 1800 phật-lăng. Nếu 5.600 tấm kính nhà tôi bị mưa đá tàn phá, thật là một thảm họa cho chúng tôi, đó là chưa kể đến nhà gương và các cây hoa bị hư nát nữa.
Tôi muốn hỏi Yến-Chi, nhưng mưa đổ ầm ầm, nói không nghe rõ. Và Yến-Chi cũng không buồn nói, cô nhìn mưa đá rơi, thất vọng như những người đứng nhìn nhà mình đang cháy.
Trận mưa đá ghê gớm đó không lâu, độ 5 hay 6 phút thôi. Nó chợt tạnh cũng như nó chợt bắt đầu. Mây kéo về phía Ba-Lê. Chúng tôi có thể rời chỗ trú được.
Ngoài đường, những hạt mưa đá tròn và lăn lạo xạo dưới chân chúng tôi như những hòn sỏi ở bãi biển và ngập tới mắt cá chân. Lệ-Hoa không lội trong đá lạnh bằng giầy vải được, tôi phải cõng cô. Mặt cô lúc đi tươi thế; bây giờ buồn thiu, tôi thấy những giọt nước mắt lã chã trên vai tôi.
Không bao lâu chúng tôi đã về đến nhà. Cửa ngoài mở rộng. Chúng tôi vào ngay trong vườn.

Một cảnh tượng tàn phá bày ra trước mắt; khung cửa, hoa, mảnh kính, hạt đá, thành một hỗn hợp, một đống lộn xộn không ra hình thể gì. Thửa vườn ban mai tốt tươi thế, xinh đẹp thế, bây giờ thành ra những tàn vật không tên.
Chủ nhân đâu?
Chúng tôi kiếm mãi, không thấy. Sau chúng tôi vào nhà gương lớn mà không một miếng kính nào nguyên vẹn, thấy ông ngồi rũ trên một cái ghế đẩu, trong đám vụn vỡ ngổn ngang, An-Sinh và Bằng-Mai cũng đứng đó yên lặng.
Nghe tiếng chân giẫm trên đống kính vụn, ông biết chúng tôi đã về. Chúng tôi vừa bước vào, ông ngửng đầu lên bảo:
- Các con ơi! Các con khốn nạn của cha ơi!
Rồi ông ôm lấy Lệ-Hoa mà khóc, không nói thêm một câu nào.
Ông sẽ nói những gì?
Đó là một thiên tai, nhìn trước mặt, ta chỉ thấy lớn lao thôi, nhưng ta không tưởng tượng được cái hậu quả của nó ghê gớm đến thế nào!
Sau đó Yến-Chi và An-Sinh cho tôi biết rằng cách đây 10 năm, ông An-Thanh đã tậu thửa vườn này và dựng ngôi nhà chúng tôi đang ở. Chủ đất cho ông vay một món tiền lớn để sắm sửa vật liệu về nghề trồng hoa. Ông phải trả góp trong 15 năm; mỗi năm một kỳ. Từ trước đến giờ ông đã trả được 10 kỳ rồi với bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Những kỳ tiền phải trả đều đặn, nếu chậm trễ chủ đất sẽ tịch thâu luôn cả nhà, đất lẫn vật liệu và cố nhiên mất hẳn 10 kỳ tiền đã trả. Đó là một lối đầu cơ của chủ nợ thời đó nếu con nợ sòng phẳng, họ vẫn có lời, rủi cho con nợ không trả được thì nghiễm nhiên họ được lợi to. Vì thế chủ nợ chỉ mong có một ngày con nợ không trả được.
Ngày đó đã đến, nhờ trận mưa đá.
Thế rồi việc xảy ra như thế nào!
Chúng tôi không phải phấp phỏng lâu la gì. Ngày hôm sau hạn trả nợ mà ông An-Thanh không có tiền trả, có một người ăn mặc đồ đen đến, thái độ không được lịch sự lắm đưa cho chúng tôi một tờ giấy có dán tem trong có mấy chữ viết vào dòng để trống.
Đó là ông Thừa phát lại.
Rồi từ đó, ông ta lại đến luôn luôn đến nỗi quen cả tên chúng tôi. Ông ta nói:
- Chào em Lê-Minh! Chào em An-Sinh! Cô Yến-Chi vẫn mạnh đấy chứ?
Rồi ông trao tờ giấy có tem cho chúng tôi, tươi cười như nói với bạn:
- Các em chơi nhé!
- Chơi cái con mèo!

Ông An-Thanh không hay ở nhà. Ông thường ra Ba-Lê. Để làm gì? Tôi không biết, thời thường ông rất cởi mở, bây giờ ông chẳng hề hé răng. Ông đến nhờ các phòng biện sư hoặc hầu tòa.
Nói đến tòa tôi lại ghê người. Ông Vỹ-Tiên chẳng đã ra tòa và kết cục thế nào tôi đã rõ.
Về phần ông An-Thanh, kết quả còn phải đợi. Không có tiền sửa sang gây dựng lại giàn kính và nhà gương, chúng tôi phải bới đất trồng rau hoặc vài thứ hoa không cần che kính để sinh sống cho qua mùa đông và cũng để có việc làm.
Một buổi chiều kia, ông An-Thanh trở về rầu rĩ hơn ngày thường. Ông gọi các con bảo:
- Các con ơi! Thế là hết cả!
Tôi định ra ngoài, vì tôi biết có chuyện biến gì đây và ông chỉ gọi các con ông thôi nên tôi không nên ở lại.
Nhưng một cái vẫy tay, ông giữ tôi lại, ông nói:
- Con không phải là người trong gia đình hay sao? Dù con chưa đến tuổi để nghe lời ta nói, nhưng cái biến cố xảy đến đã xúc động lòng con phần nào và làm cho con hiểu: Các con ơi! Ta sắp từ biệt các con!
Các con đều kêu trời!
Lệ-Hoa chạy vào ôm lấy cha và nức nở khóc.
- Có phải cha tự ý bỏ các con đâu! Ai lại nỡ bỏ những đứa con thảo như các con, ngoan như Lệ-Hoa?
Rồi ông ôm chặt lấy Lệ-Hoa nói tiếp:
- Vì cha không có tiền để trả nợ, người ta sẽ bán tất cả chỗ này. Nhưng cũng không đủ số tiền nợ, người ta sẽ bỏ tù cha trong 5 năm. Không trả được bằng tiền, ta phải trả bằng thân ta, bằng tự do của ta.
Chúng tôi đều khóc òa lên.
Ông nói:
- Phải. Buồn lắm. Các con ạ. Nhưng không thể cưỡng với pháp luật vì là pháp luật. Năm năm! Trong thời gian đó các con sẽ như thế nào?
Đó là điều đau khổ.
Im lặng một lúc, ông lại nói:
- Ta cũng nghĩ đến điều đó và liệu sao cho các con khỏi phải bơ vơ sau ngày cha bị bắt.
Lòng tôi nở chút hy vọng.
- Lê-Minh, con viết thư cho bà Cát-Tường, em gái ta ở làng Mộc-Văn quận Đơ-Di, trình bày cảnh huống nhà ta và mời bà đến ngay. Bà là

người sáng suốt và thông thạo, có thể thu xếp mọi việc cho các con. Thực là lần đầu tiên tôi cầm bút và viết một bức thư, bức thư đó ngán nỗi lại báo một tin buồn.
Mặc dầu việc đó còn bấp bênh nhưng cũng cho chúng tôi một tia hy vọng. Và trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc ấy, hy vọng cũng là đã hay rồi! Còn biết làm gì hơn nữa?
Chúng tôi hy vọng. Bà Cát-Tường sắp đến. Bà là một người thạo việc, rất mừng cho những đứa trẻ thơ ngây và nhỏ dại như chúng tôi. Đối với người thạo việc, trên đời này còn có việc gì khó khăn nữa? Nhưng than ôi! Bà không đến sớm như lòng chúng tôi mong đợi. Và những người cảnh sát Tư-pháp đã đến sớm trước bà.
Hôm ấy, ông An-Thanh cho tôi cùng đi để đến thăm một người bạn. Chúng tôi vừa ra khỏi cửa thì gặp mấy người cảnh sát kéo đến quây lấy chúng tôi. Ông An-Thanh không lẩn tránh, ông thất sắc như người bị đau. Ông nghẹn ngào xin với mấy người cảnh sát đó được trở vào hôn các con.
Một người cảnh sát có lòng nhân từ bảo:
- Ông đừng lo. Tù nợ không khổ lắm đâu. Trong ấy cũng lắm người tử tế.
Chúng tôi vào nhà, bọn cảnh sát theo sau. Tôi vội ra vườn gọi các con trai ông. Khi chúng tôi trở vào thì thấy ông đang bế Lệ-Hoa, cô bé khóc sướt mướt. Người cảnh sát nói trên ghé vào tai ông, nói nhỏ câu gì tôi không nghe rõ, nhưng thấy ông trả lời:
- Vâng, thầy nói phải đấy. Phải thế mới được.
Rồi ông vụt đứng dậy, đặt Lệ-Hoa xuống đất. Nhưng cô cứ bám chặt lấy ông không chịu buông ra.
Đoạn ông lần lượt hôn Yến-Chi, An-Sinh và Bằng-Mai.
Tôi đứng một góc, nước mắt ràn rụa. Ông gọi tôi:
- Minh, không lại hôn ta à? Con không phải là con ta hay sao?
Chúng tôi lúc bấy giờ cuống quít cả lên.
Ông nghiêm sắc mặt bảo:
- Các con ở lại. Không được nhốn nháo.
Rồi ông cầm tay Lệ-Hoa đặt vào tay Yến-Chi và ra thẳng.
Tôi toan theo ông, nhưng vừa ra đến cửa thì Yến-Chi ra hiệu cho tôi đứng lại.
Lúc đó chúng tôi như những kẻ mất hồn, ngồi tụm trong bếp, bưng mặt khóc như dại. Không ai tìm được câu gì để nói. Nói gì? Chúng tôi vẫn biết rằng ngày một ngày hai thế nào cha cũng bị bắt. Chúng tôi chắc có bà Cát-Tường ở đó để bảo vệ chúng tôi. Nhưng bà Cát-Tường không ở đó.

Một giờ sau khi ông An-Thanh đi rồi, bà Cát-Tường mới đến. Bà thấy chúng tôi ở cả trong bếp và chẳng ai nói một câu gì. Người mà xưa nay vẫn bảo ban nâng đỡ chúng tôi, bây giờ cũng mất hết tinh thần rồi. Thực vậy, cô Yến-Chi ngày thường khỏe mạnh và can đảm như thế, nay thấy mềm yếu hơn chúng tôi. Cô không khuyên bảo gì nữa vì mất hết nghị lực, hết sáng kiến, hoàn toàn chìm đắm trong đau khổ, có gượng được chút nào là chỉ để dỗ Lệ-Hoa thôi. Người hoa tiêu đã rơi xuống biển rồi.

Chúng tôi, lũ trẻ con, từ nay không người bẻ lái, không ngọn hải đăng dẫn đường, không có cách gì để vào bến, và cũng không biết có một bến nào để ghé lên, chúng tôi thật bơ vơ trong biển của đời, bềnh bồng theo sóng gió, không sao có một hành động hay một ý kiến gì để giải thoát, chỉ có lo sợ và thất vọng mà thôi.

Bà Cát-Tường là một người có kinh nghiệm và sẵn ý chí. Bà từng làm vú nuôi ở Ba-Lê trong mười năm cho 5 chủ khác nhau. Bà hiểu biết những khó khăn trong đời và theo lời bà, bà biết khắc phục những trở lực đó. Sự có mặt của bà thật là một mối an ủi lớn cho chúng tôi. Chúng tôi đã tìm được chỗ bám. Chúng tôi lại đứng thẳng mình được trên đầu gối chúng tôi.

Đối với một người đàn bà, cưu mang một ổ gần 5 đứa trẻ, đứa lớn nhất chưa đến 17 tuổi và đứa bé nhất lại câm, thực là một trách nghiệm nặng nề, chính những người đảm đang nhất cũng phải lo ngại, làm gì cho những đứa trẻ bây giờ? Nuôi chúng được chăng khi mà chính người ta cũng phải ăn bữa sáng lo bữa chiều?

Một chủ cũ của bà ở Ba-Lê làm nghề Thừa phát lại. Bà đến đó để nhờ chỉ giáo. Những lời khuyên của ông này sẽ định đoạt số phận của chúng tôi. Rồi bà lại vào khám để bàn định với ông An-Thanh. Bà không hề nói gì về việc vận động và ý kiến của bà với chúng tôi. Tám hôm, sau ngày bà đến Ba-Lê, bà cho chúng tôi biết quyết định của bà. Vì chúng tôi còn bé quá không thể đi làm lấy mà nuôi nhau được. Mỗi đứa phải đến ở nhờ một người trong họ.

Lệ-Hoa ở với cô Cát-Tường ở làng Mộc-Văn.

An-Sinh ở với chú làm thợ mỏ ở Văn-Xá, thuộc Xê-Viên.

Bằng-Mai ở với ông chú khác, thợ trồng rau ở Lan-Thành.

Còn Yến-Chi ở với một người cô lấy chồng ở miền Sa-Lăng ở miền duyên hải Yến-Nam.

Tôi nghe bà phân phối và đợi đến lượt tôi.

Nhưng bà Cát-Tường cắt đặt đến Yến-Chi thì thôi không nói nữa. Tôi liền tiến lại và hỏi:

- Thưa còn tôi nữa?

- Mày à? Mày không phải người nhà.
- Tôi sẽ làm cho bà.
- Mày không phải con cháu.
- Bà hỏi An-Sinh, hỏi Bằng-Mai xem có phải tôi rất chăm làm.
- Chăm cả ăn bánh mì nữa phải không?
Hai anh đều nói:
- Phải, phải. Minh cũng là người nhà.
Lệ-Hoa lại trước mặt bà Cát-Tường, chắp tay và trỏ vào tôi, ý kêu van cho tôi cùng đi.
Bà Cát-Tường bảo:
- Cháu ơi! Cô hiểu lắm. Cháu muốn cho Minh cùng đi. Nhưng cháu nên biết ở đời lắm lúc người ta không thể làm được những điều người ta muốn. Cháu là cháu cô. Đến khi về nhà cô, chồng cô có ra bộ không bằng lòng thì cô có thể nói rằng: "Nó là cháu, nếu ta không thương nó thì ai thương nó?". Gia đình các cô, các chú khác cũng thế. Người ta chỉ có thể rước những người họ, không ai nuôi người ngoài. Người ta bớt bánh vì con cháu chứ không ai bớt bánh cho cả mọi người.
Tôi nhận thấy tôi không thể làm gì hơn, nói gì hơn nữa. Những điều bà Cát-Tường vừa nói thực quá phải. "Tôi không phải người nhà". Tôi không vì lẽ gì để đòi hỏi nữa, còn kêu xin tức là ăn mày, tôi không muốn thế. Dù không phải là con một nhà, tôi cũng yêu các con ông như tình ruột thịt. An-Sinh, Bằng-Mai há chẳng phải là các anh tôi sao! Yến-Chi, Lệ-Hoa há chẳng phải là chị là em tôi sao! Các anh và chị lớn yêu tôi như yêu Lệ-Hoa. Và Lệ-Hoa cũng yêu tôi như yêu các anh Bằng-Mai hay An-Sinh.
Bà Cát-Tường không hề thay đổi ý kiến một khi bà đã định làm. Bà cho chúng tôi biết trước là ngày mai chia tay nhau và bây giờ thì đi ngủ cả đi. Chúng tôi vừa vào buồng thì mọi người đã quây lấy tôi, Lệ-Hoa ôm lấy tôi mà khóc. Tôi rất cảm động, nghĩ rằng mặc dầu gia đình tan tác, anh em phải xa lìa nhau, mà họ thương tôi trước nhất, tôi há chẳng phải là người em hay sao? Tức thì một ý tưởng rọi sáng trong óc rối bời của tôi, đó là một nguồn linh cảm tự nhiên phát từ trái tim lên óc tôi. Tôi bảo các anh chị:
- Các anh chị ơi! Nếu các cô chú không nhận tôi, các anh chị cứ cho tôi là con một nhà có được không?
- Có! Có! Minh bao giờ cũng là em chúng tôi!
Lệ-Hoa không nói được, nhấn mạnh câu đó bằng cái bắt tay quá chân thành khiến tôi không cầm được nước mắt. Tôi nói:
- Tôi sẽ là em anh chị, một đứa em hết lòng. Tôi sẽ chứng minh điều

đó.
Bằng-Mai hỏi:
- Thế anh định đi làm đâu?
Yến-Chi nói:
- Có một chỗ làm ở nhà ông Bích-Niên. Anh có muốn tôi hỏi giúp không?
- Tôi không muốn đi làm thuê. Nếu tôi làm thuê ở Ba-Lê, tôi sẽ không bao giờ được gặp các anh chị và Lệ-Hoa nữa. Tôi sẽ lại khoác mảnh áo da cừu, tôi sẽ hạ cây đàn mà tôi đã treo ở kia, tôi sẽ đi từ Lan-Thành đến Văn-Xá, từ Văn-Xá đến Yến-Nam và từ Yến-Nam đến Mộc-Văn. Tôi sẽ lần lượt thăm hết anh chị Lệ-Hoa. Và do tôi các anh chị và Lệ-Hoa sẽ được liên lạc với nhau luôn. Tôi còn nhớ các bản "Tình-ca" và vũ khúc. Tôi sẽ mưu sinh được.
Nét mặt mọi người đều tươi hẳn lên. Và trong cơn phiền muộn, lòng tôi thấy nhẹ nhàng. Chúng tôi nói chuyện rất lâu, hết chuyện dự định, chuyện chia tay, đến chuyện tái ngộ, chuyện quá khứ, chuyện tương lai.
Đêm đã khuya, Yến-Chi giục chúng tôi đi ngủ. Nhưng suốt đêm đó chẳng ai chợp mắt được, nhất là tôi.
Sáng sớm hôm sau, Lệ-Hoa dắt tôi ra vườn, tôi hỏi cô có điều gì muốn nói.
- Cô muốn nói chuyện phải không?
Cô gật đầu.
- Cô buồn vì anh em xa cách. Cô không phải nói, tôi đã thấy rõ ở đôi mắt cô và tôi đã cảm thấy ở trong lòng tôi.
Cô ra hiệu rằng không phải vấn đề đó.
- Trong 15 ngày nữa, tôi sẽ đến Mộc-Văn thăm cô.
Cô lắc đầu.
- Cô không muốn tôi đến Mộc-Văn?
Muốn nói chuyện với cô, thường đặt những câu hỏi để cô trả lời "có" hay "không".
Cô muốn tôi đến Mộc-Văn lắm, nhưng cô giơ tay về ba phía cho tôi hiểu rằng tôi hãy thăm hai anh và chị cô trước.
- Cô muốn tôi đi đến Văn-Xá, Yến-Nam và Lan-Thành trước?
Cô mỉm cười, sung sướng vì tôi đã hiểu ý cô.
- Tại sao cô lại không muốn tôi đến thăm cô trước?
Tay cô và mắt cô đã nói lên như sau:
- Để cho anh biết tin tức chị Yến, anh An và anh Bằng trước, rồi khi về Mộc-Văn, anh sẽ kể lại cho tôi nghe những điều anh trông thấy và những lời các anh chị đã gửi anh.

Cô Lệ-Hoa đáng thương!
Bốn anh chị sẽ phải khởi hành hồi 8 giờ. Bà Cát-Tường đã thuê một chiếc xe ngựa đưa các con ông An-Thanh vào khám để từ biệt ông, rồi ra ga, mỗi người một gói lên tàu về các nơi đã định.
Lúc đó 7 giờ.
Đến lượt cô Yến-Chi đưa tôi ra vườn:
- Chúng ta sắp xa cách nhau, tôi muốn lưu cho anh một kỷ niệm. Đây là cái hộp khâu trong đó có đủ kim, chỉ và kéo mà trước kia người cha đỡ đầu đã cho tôi. Anh cầm lấy. Đi đường, anh sẽ cần đến các thứ này để đính cúc hoặc vá áo. Tôi sẽ không có đấy để giúp anh. Khi cầm đến cái kéo, anh sẽ nhớ đến chúng tôi.
Trong khi Yến-Chi nói chuyện với tôi, An-Sinh cũng lượn quanh tôi. Khi cô trở vào, tôi đang cảm động không nói được câu nào thì An-Sinh lại gần tôi bảo tôi:
- Tôi có 2 đồng 5 xu. Tôi biếu anh một đồng, anh nhận thì tôi thích lắm.
Trong bọn năm người chúng tôi, An-Sinh là người quý tiền hơn cả. Chúng tôi thường chế riễu anh luôn. Anh góp nhặt từng xu một. Khi đổi được đồng 10 xu hay đồng 20 xu mới thì luôn tay đem ra ngắm nghía cái mặt lóng lánh của nó hay rê lên để nghe tiếng kêu leng keng thì lấy làm thú lắm.
Đồng tiền biếu bất ngờ làm cho tôi vô cùng cảm xúc. Tôi không muốn lấy nhưng anh nài tôi và bỏ vào tay tôi đồng tiền sáng loáng và đẹp quá. Do đó, tôi nhận thấy anh quý tôi hơn tiền, vật mà anh thích nhất trên đời.
Bằng-Mai cũng không quên tôi. Anh cũng muốn lưu cho tôi một kỷ niệm. Anh không có gì cả, chỉ có một con dao, anh đem đổi cho tôi lấy một xu vì người ta thường kiêng cho nhau dao: “lưỡi dao hay cắt tình thân”.
Giờ phút đi nhanh chóng. Chỉ còn 15 phút nữa, rồi 5 phút nữa, chúng tôi sẽ xa nhau. Lệ-Hoa không nhớ tôi hay sao?
Giữa lúc xe ngựa lạch cạch đến cửa, Lệ-Hoa ở buồng bà Cát-Tường ra, gọi tôi theo cô ra vườn.
Bà Cát-Tường gọi giật lại:
- Lệ-Hoa!
Nhưng cô không trả lời, cứ ra thẳng vườn.
Trong vườn còn sót một gốc hồng giống Băng-Gan ở góc giậu. Lệ-Hoa bẻ lấy một cành có hai nụ hàm tiếu, cô chia cho tôi một nhánh.
Ôi! Lời nói ở miệng không hùng hồn bằng lời nói ở mắt. Tiếng nói không nồng nàn, đằm thắm bằng khóe mắt!

Bà Cát-Tường gọi gấp:
- Lệ-Hoa! Lệ-Hoa!
Đồ đạc xếp cả lên xe ngựa rồi.
Tôi vác đàn và gọi Lãnh-Nhi. Lãnh-Nhi trông thấy nhạc khí và bộ áo của tôi năm xưa, nó nhảy nhót vui mừng. Chắc nó biết rằng nó sắp được chạy nhảy tự do trên đường cái, sung sướng hơn là bị giam hãm ở xó vườn. Lúc phân kỳ đã đến. Bà Cát-Tường muốn làm vắn tắt. Bà gọi Yến-Chi, An-Sinh, Bằng-Mai lên xe và bảo tôi đỡ Lệ-Hoa lên lòng bà.
Rồi thấy tôi đứng ngây ra, bà đẩy nhẹ tôi ra và đóng cửa xe lại.
Tôi kêu với theo:
- Các anh hôn cha cho tôi với, vì…
Tôi nghẹn ngào không nói được.
Bà Cát-Tường giục người đánh xe:
- Đi đi!
Xe bắt đầu chuyển bánh.
Qua làn nước mắt, tôi thấy Lệ-Hoa nghiêng đầu ra cửa xe và thò tay vẫy tôi. Rồi xe chạy nhanh, đến chỗ ngoẹo, tôi chỉ còn thấy một đám cát bụi bay mù.
Thôi thế là hết!
Hai tay tì trên cây đàn, dưới chân con Lãnh-Nhi nằm đợi, tôi đứng đó rất lâu nhìn đám bụi tan dần.
Một người hàng xóm giữ việc nhận nhà và khóa cửa cho chủ nợ, lên tiếng gọi làm tôi giật mình và trở về thực tại.
Ông ta nói:
- Em có muốn ở lại đây không?
- Không. Tôi đi.
- Đi đâu bây giờ?
- Thẳng đằng trước mặt tôi.
Có lẽ ông còn chút từ tâm nên giơ tay và bảo tôi:
- Nếu em muốn ở, ta sẽ nuôi em nhưng không có tiền vì em còn bé quá. Rồi sau sẽ hay.
Tôi cám ơn ông ta và chối từ.
- Cái đó tùy ý. Ta thương em nên bảo thế thôi. Chúc em lên đường may mắn.
Rồi ông trở vào.
Xe đã đi xa rồi. Nhà đã khóa rồi. Tôi đeo đàn lên vai. Các tác động quen thuộc đó làm cho Lãnh-Nhi chú ý. Nó đứng dậy, ngửa mặt nhìn tôi.
- Đi đi, Lãnh-Nhi.

Nó hiểu, nhảy lên trước và kêu “gâu gâu”.
Tôi ngoái nhìn lần cuối cùng ngôi nhà mà ở đấy tôi đã nương náu hai năm trời, ở đấy tôi vẫn tưởng sống suốt đời, bây giờ bước ra không khỏi ngậm ngùi.
Mặt trời đã lên cao. Trời trong sáng không một vẩn mây. Khí trời ấm áp khác hẳn với đêm tuyết giá năm xưa tôi đã ngã gục ở cửa vườn kia. Hai năm trời chỉ là một độ nghỉ. Nghỉ xong, tôi phải lên đường.
Độ nghỉ đó đã mát mẻ biết bao!
Nó đã cho tôi sức khỏe, và điều đáng quý hơn sức khỏe ở thân thể tôi là tình hữu ái đang chứa chan ở trong trái tim tôi.
Tôi không cô quạnh ở trên đời nữa.
Đời tôi chỉ có một mục đích: giúp đỡ và làm vui lòng những người yêu tôi và tôi yêu.
Tôi bắt đầu bước vào cuộc sống mới. Tôi nhớ lại thầy tôi, tôi tự nhủ:
- Tiến lên!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Phần II - Chương XXII
TIẾN LÊN

Tiến lên!
Thế giới mở rộng trước mắt tôi. Tôi có thể đi về phương bắc hay phương nam. Sang phương đông hay phương tây. Tùy sở thích của tôi.
Tôi vừa là một đứa trẻ con, vừa lại là ông thầy của tôi.
Than ôi! Chính vì tình cảnh đó mà tôi lại buồn cho tôi.
Biết bao đứa trẻ thầm ước rằng: “A! Giá mà ta có thể muốn làm gì thì làm, giá mà ta được tự do, giá mà ta là thầy của ta” và chúng mong được có cái ngày sung sướng đó để tự do… nghịch ngợm.
Tôi lại khác. Tôi nghĩ thầm: “A! Giá mà ta có được một người nào ở bên cạnh để khuyên bảo ta, để điều khiển ta!”
Giữa những đứa trẻ đó và tôi, lòng ao ước cách nhau một vực một trời!

Nếu những đứa trẻ đó nghịch ngợm, sau lưng chúng đã sẵn có người giơ tay ra đỡ khi chúng sảy chân hay dắt chúng dậy khi chúng ngã. Còn tôi, tôi chả có ai cả. Nếu tôi sảy chân, tôi cứ ngã đau. Và nếu không què gẫy, tôi cứ việc tự mình lóp ngóp dậy. Khá nhiều kinh nghiệm cho tôi biết rằng tôi rất có thể què gẫy. Mặc dầu tôi ít tuổi, tôi bị biến cố thử thách đã nhiều nên biết thận trọng và suy nghĩ hơn những đứa trẻ bằng tuổi tôi. Đó là một lợi thế mà tôi đã phải trả bằng giá rất đắt.
Trước khi bước chân vào con đường vô định, tôi muốn đến thăm người mà trong mấy năm nay coi tôi như con. Nếu bà Cát-Tường đã không cho tôi vào để từ giã ân nhân của tôi, một mình tôi, tôi cũng có thể đến hôn ông được.
Tôi vẫn thấy người ta nói nhà tù nợ ở phố Mã-Liên. Phố này tôi biết lắm, đến nơi tôi sẽ hỏi thăm. Bà Cát-Tường cùng các con ông có thể vào chào ông được, tất tôi cũng xin phép vào được. Tôi cũng là người nhà, là con ông chứ có kém đâu!
Tôi không dám đi qua các phố ở Ba-Lê với con chó thả rong. Nếu Cảnh binh hỏi thì tôi sẽ trả lời làm sao? Trong mọi thứ sợ, theo kinh nghiệm bản thân của tôi thì cái sợ Cảnh binh là ghê gớm hơn cả, vì tôi chưa quên tấn kịch ở Tu-lu. Tôi lấy dây cột vào cổ con Lãnh-Nhi – việc này làm trạnh lòng tự ái của nó nhiều lắm vì nó vốn là một con vật thông minh và có giáo dục – rồi một tay cầm đầu dây, tôi tìm đến nhà khám Kích-Chi.
Ở trên đời này có những điều sầu thảm khiến ta trông thấy phải đau lòng. Không còn cái gì xấu hơn và buồn hơn là cái cửa nhà giam. Đến nơi, tôi đứng dừng lại, không dám bước vào, tôi sợ người ta sẽ giam tôi, sợ cái cửa oan nghiệt kia hé cho tôi vào để không bao giờ mở ra nữa.
Tôi chỉ tưởng tượng là vào nhà lao thì khó ra, chứ có biết đâu là rất khó vào.
Nhưng tôi không đến nỗi bị ngăn bị đuổi, cuối cùng tôi cũng được phép vào. Người ta cho tôi vào phòng nói chuyện. Phòng này không có rào sắt như tôi tưởng. Một lát sau thì ông An-Thanh ra, không phải đeo xiềng xích gì.
Ông nói:
- Minh ơi! Ta đợi con mãi. Ta có trách bà Cát-Tường sao không cho con cùng đến với các con ta.
Từ sáng đến giờ tôi buồn quá. Câu nói đó làm cho tôi phấn khởi.
Tôi nói:
- Bà Cát-Tường không muốn cho con về với bà.

- Không được, con ạ! Ở đời lắm khi người ta không thể làm những điều mà người ta muốn. Ta chắc con có thể tự túc được. Ông Suy-Ô, làm ở đập sông Niên thực đấy, nhưng người ta không tuyển thợ làm vườn. Các con ta bảo con muốn trở lại nghề cũ. Vậy con đã quên cái đêm suýt chết rét ở cửa nhà ta rồi sao?
- Không. Con nhớ lắm!
- Thuở ấy, con không sống một mình, con có thầy con bên cạnh. Bây giờ trơ trọi, tuổi lại còn non, con muốn phiêu lưu trên đường cái thực nguy hiểm lắm!
- Con còn có Lãnh-Nhi!
Nghe thấy nhắc đến tên nó, Lãnh-Nhi ăng ẳng mấy tiếng như để trả lời: “Có tôi đây. Nếu cần đến, tôi sẵn sàng!”
- Vẫn biết Lãnh-Nhi là một con chó có nghĩa, nhưng nó chỉ là một con chó. Vậy con làm thế nào mà kiếm ăn được?
- Con sẽ đi hát và con Lãnh-Nhi sẽ diễn trò.
- Một mình Lãnh-Nhi thì diễn trò sao nổi?
- Con sẽ dạy nó nhảy múa làm xiếc. Nó sẽ vui lòng luyện tập. Phải không Lãnh-Nhi?
Lãnh-Nhi đứng dậy, để một chân vào ngực.
- Nếu con biết nghĩ xa, con nên đi làm thuê, vì con đã biết nghề rồi, còn hơn đi giang hồ, đó là một nghề của những kẻ lười biếng.
- Con không phải là một kẻ lười, chắc cha đã rõ. Không bao giờ con phàn nàn là lắm việc, là vất vả. Với cha, con có thể ở mãi được, làm mãi được. Nhưng ở với người khác, con không muốn.
Tôi nói mấy câu sau với một giọng cương quyết, nên ông nhìn tôi một lúc không nói gì.
Sau ông bảo tôi:
- Con có kể lại cho ta hay rằng thầy con, ông Vỹ-Tiên, ngày trước có tính khẳng khái lắm. Nay ta nhận thấy ở con cũng có tính đó. Con không muốn làm tôi tớ người khác. Thôi, cái đó tùy con. Những lời ta khuyên con đây cũng như những việc ta đã làm cho con; là cốt mong cho con hay. Nhưng bây giờ con tự chủ rồi, vì con không có cha mẹ, không có thầy và ta đây cũng không đỡ đầu cho con được nữa. Một kẻ khốn nạn như ta bây giờ không có quyền ra lệnh nữa.
Những điều ông An-Thanh vừa nói làm cho lòng tôi thêm bối rối. Phải, một mình lang thang trên đường cái, long đong biết bao! Tôi đã cảm thấy thế và nhìn thấy thế. Khi người ta đã sống một đời du mục như tôi, khi người ta đã trải qua những đêm như đêm tuyết giá bị chó sói đến bắt những con vật nuôi của mình, như đêm lặn lội vào lò đá, khi người ta đã bị đói cào ruột, rét cắt da như tôi đã từng chịu đau

khổ, khi người ta đã bị xua đuổi hết làng này đến làng khác, không kiếm được một đồng xu nhỏ như hồi ông Vỹ-Tiên nằm ở nhà lao, người ta mới thấm thía hết cái nguy hiểm và cái khổ cực của đời sống không nhà, một đời sống mà ngày mai không vững chắc, và chính ngày hiện tại cũng bấp bênh.
Nếu tôi từ bỏ cái đời sống gieo neo này, tôi chỉ còn có một cách là làm theo lời ông An-Thanh vừa khuyên bảo: đi ở cho người ta. Nhưng tôi không thể nào bỏ cái đời tự do, cái đời lữ hành đó mà không lỗi hẹn với Yến-Chi, An-Sinh và Bằng-Mai, nghĩa là bỏ rơi các người thân yêu đó. Thực ra Yến-Chi, An-Sinh và Bằng-Mai có thể không cần đến sự giúp đỡ của tôi vì họ có thể viết thư cho nhau được. Nhưng Lệ-Hoa không biết viết, cả bà Cát-Tường cũng không. Lệ-Hoa sẽ bặt tin mọi người, nếu tôi bỏ cô. Cô sẽ nghĩ gì về tôi? Chắc cô chỉ nghĩ có một điều: tôi không yêu mến cô nữa. Chính cô đối với tôi có một tình hữu ái rất chân thành. Tôi không thể làm thế được.
Tôi liền nói:
- Con sẽ thông tin tức các anh chị cho cha.
- Các con ta đã nói đến. Không muốn con phải vất vả vì gia đình ta, nên ta khuyên con bỏ nghề diễn trò. Người ta không nên nghĩ đến mình, trước khi nghĩ đến những người khác.
- Thưa cha, chính thế. Cha đã thương mà chỉ cho con điều hơn lẽ thiệt. Nếu con sợ những nỗi nguy hiểm dọc đường mà cha vừa vạch ra, con bỏ lời đã ước hẹn, như thế là con chỉ nghĩ đến phần con. Con không nghĩ đến gia đình cha, không nghĩ đến Lệ-Hoa.
Ông lại nhìn tôi một lúc thật lâu hơn rồi thình lình, ông cầm lấy hai tay tôi:
- Con ơi! Ta phải hôn con về câu nói đó. Con thực là đứa trẻ hào khí. Người ta không phải cứ lớn mới có tính khí đó.
Tôi liền ôm lấy ông.
Ông nói:
- Con ơi! Ta chỉ nói thêm một câu nữa: Cầu trời phù hộ con!
Rồi cả hai ngồi im lặng trên ghế dài. Thì giờ đi vùn vụt. Đã đến lúc phải rời nhau.
Chợt, ông thò tay vào túi và móc ra một cái đồng hồ quít bằng bạc có dây da để đeo vào khuy.
- Trong khi ly biệt, ta không thể không cho con một chút gì làm kỷ niệm. Đây, ta có chiếc đồng hồ cho con. Nó không đáng mấy – nếu nó đắt thì ta phải đã bán tự lâu rồi – mà chạy cũng không đúng. Đôi khi phải vặn lại kim. Nhưng đó là tất cả cái mà ta còn lại hiện giờ. Vì

thế ta mới cho con.
Ông vừa nói vừa đặt cái đồng hồ vào tay tôi. Thấy tôi ngần ngại không dám lấy món quà quý đó, ông nói thêm giọng buồn rầu:
- Con nhớ rằng ở đây không cần xem giờ. Sao mà thì giờ đi chậm thế, ta phải đếm từng giờ thì đến buồn mà chết. Thôi! Vĩnh biệt con! Con hôn ta lần nữa đi! Con thực là đứa trẻ can đảm. Con cố giữ lấy nết đó.
Xong tôi thấy ông cầm tay tôi đưa ra cửa. Rồi chúng tôi làm gì, nói gì tôi cũng không biết nữa vì lúc đó tôi quá xúc động.
Khi ra đến phố rồi, tôi như ngây như dại, đứng mãi ở trước cửa nhà lao; không biết nên đi sang bên phải hay bên trái. Có lẽ tôi sẽ đứng đó đến tối nếu tay tôi không mân mê trong túi thấy một vật tròn và rắn. Tôi sờ mãi và sực nhớ ra: cái đồng hồ!
Lập tức, buồn, lo, sợ tiêu tán hết. Một đứa trẻ bao giờ chả thích đồng hồ? Ôi! Sung sướng quá! Tôi đã có đồng hồ, một cái đồng hồ của riêng tôi, trong túi tôi. Tôi sẽ biết giờ giấc. Rồi tôi kéo ra xem mấy giờ? Đúng 12 giờ. 12 giờ hay 14 giờ, hay 10 giờ, cái đó cũng chẳng ích gì cho tôi. Nhưng tôi thấy thích quá vì đúng 12 giờ. Tại sao thế? Tôi cũng không biết lý do, nhưng sự thực là như thế. A! 12 giờ? Đã 12 giờ? Tôi biết rằng lúc đó là 12 giờ, đồng hồ của tôi đã bảo tôi biết. Tôi tưởng tượng cái đồng hồ là một người bạn tâm sự.
- Bạn đồng hồ ơi! Mấy giờ rồi?
- 12 giờ rồi, bạn Minh ạ.
- Đến trưa rồi à? Vậy tôi phải làm việc này hay việc nọ phải không?
- Đúng lắm.
- Nếu không có anh, tôi quên mất.
- Tôi sẽ ở luôn bên cạnh để nhắc anh.
Thế là bây giờ tôi có hai người bạn đường để trò truyện: bạn Lãnh-Nhi và bạn đồng hồ.
Đồng hồ! Hai tiếng nghe êm ái biết bao? Đã lâu tôi mơ ước có một cái đồng hồ. Nhưng tôi nghĩ rằng không đời nào tôi có cái may mắn đó. Thế mà bây giờ trong túi tôi lại có đồng hồ đang kêu tích tắc. Ông An-Thanh bảo nó chạy không được tốt, cần phải vặn kim luôn. Nếu vặn không xong, tôi sẽ mở hẳn ra. Có lẽ thú lắm. Tôi trông thấy máy móc bên trong và xem nó chạy thế nào? Tôi có thể săn sóc và làm cho nó chạy đều.
Tôi mải nói chuyện với đồng hồ, quên bẵng con Lãnh-Nhi. Chợt nó kéo ống quần tôi và kêu ăng ẳng, làm cho tôi hết mơ màng trong giấc mộng.
Lãnh-Nhi? Muốn gì?

Nó nhìn tôi. Tôi không hiểu ý nó muốn gì, thì nó đứng lên bằng hai chân sau, lấy một chân trước vỗ vào túi tôi đang đựng chiếc đồng hồ. A! Nó muốn xem đồng hồ để báo cho các khán quan biết rằng mấy giờ như ngày còn ông Vỹ-Tiên.
Tôi liền giơ đồng hồ ra cho nó coi, nó nhìn một lúc lâu như để nhớ lại. Xong nó ve vẩy đuôi và cắn 12 tiếng. Nó vẫn xem được giờ, chưa quên. Hay lắm, chúng tôi có thể kiếm ăn với cái đồng hồ này. Thêm một trò hay nữa mà tôi không ngờ đến.
Chúng tôi lúc đó ở cửa nhà lao. Những khách qua đường quay nhìn chúng tôi. Cũng có người đứng hẳn lại để xem.
Nếu tôi dám, tôi đã diễn trò ngay ở đó. Nhưng không bao giờ cảnh sát lại để yên, vả lại lúc đó là 12 giờ, chính là lúc phải lên đường. Tiến lên!
Tôi nhìn lần cuối cùng, tôi vĩnh biệt cái nhà lao kia mà vị ân nhân của tôi đã bị cầm giữ ở đó. Rồi chúng tôi đi.
Cái vật liệu cần thiết nhất cho đời giang hồ của chúng tôi là bản đồ nước Pháp. Tôi biết ở bến tàu có bán, nên tôi ra nơi đó để mua.
Khi qua công trường Các-Xuyên, nhìn thấy chiếc đồng hồ lớn của một tòa lâu đài, tôi nghĩ thử đem đồng hồ của tôi ra so xem sao. Đồng hồ của tôi lúc đó 12 giờ rưỡi. Đồng hồ rồi tòa lâu đài kia chỉ 1 giờ. Trong hai chiếc đồng hồ, chiếc nào chạy đúng hơn? Tôi định vặn kim đồng hồ lên, nhưng một ý nghĩ làm tôi dừng lại: không có cái gì chứng minh là đồng hồ tôi có lỗi và biết đâu cái đồng hồ lớn kia lại không sai? Thế rồi tôi lại bỏ đồng hồ của tôi vào túi và tự nhủ: giờ của ta còn sớm.
Việc mua bản đồ hơi lâu. Tôi muốn có một cái có vải bồi ở phía sau gấp lại được và giá không quá 2 phật-lăng – món tiền lớn đối với tôi – sau cùng tôi chọn được một cái đã cũ nhưng còn lành và chỉ phải trả có 13 xu thôi.
Bây giờ tôi có thể rời khỏi Ba-Lê được và tôi muốn ra cho nhanh. Tôi có hai đường đi: một đường về Fonainebleau, một đường đi Orléans. Cả hai nơi chẳng nơi nào quan trọng cho tôi cả. Cái ngẫu nhiên đưa tôi về phía Fonainebleau.
Tôi vào phố Lục-Sinh, phố này gợi cho tôi bao nhiêu chuyện cũ. Phú-Lợi, Mã-Tư, Cát-Độ, nồi khóa vung, roi da và sau cùng là ông Vỹ-Tiên, thầy tôi, thà chịu chết đói còn hơn gán tôi vào tay kẻ hung ác ở phố Lục-Sinh. Khi đến nhà thờ Thánh Mê-Đa, tôi trông thấy một đứa trẻ dựa lưng vào tường trông giống Mã-Tư: cũng cái đầu to, cũng đôi mắt ướt, cũng cái miệng tươi, cũng cái vẻ hiền lành và chịu đựng, nhưng có điều lạ là không lớn được chút nào.

Tôi lại gần để nhìn kỹ xem. Không còn nghi ngờ gì nữa. Chính là Mã-Tư. Mã-Tư cũng nhận ra tôi, nét mặt xanh xao, sáng hẳn lên với một nụ cười. Mã-Tư hỏi:
- Anh đấy à? Có phải có lần anh đã đến nhà Phú-Lợi với một ông cụ già râu bạc. Ngày đó tôi đau đầu quá rồi phải đi nhà thương.
- Phú-Lợi vẫn là chủ anh?
Anh nhìn chung quanh rồi nói nhỏ:
- Phú-Lợi đã ngồi tù. Hắn bị bắt vì đánh chết một đứa trẻ tên là Lan. Nghe nói Phú-Lợi phải vào nhà lao, tôi sung sướng quá. Trước kia, tôi yên trí nhà lao chỉ là một nơi đáng ghê sợ, bây giờ tôi mới biết nhà lao là có ích.
Tôi hỏi:
- Còn những đứa trẻ khác đâu?
- Tôi không biết vì khi Phú-Lợi bị bắt, tôi không có đấy. Khi tôi ở nhà thương ra, Phú-Lợi nhận thấy tôi là một đứa trẻ yếu chịu đòn và ốm luôn nên tìm cách đẩy tôi đi. Hắn đem tôi đến gánh xiệc Gia-Sơn cho thuê một hạn 2 năm, và lấy tiền trước. Anh có biết gánh xiệc ấy không? Không à? Đó là gánh xiệc không to lắm, nhưng cũng là một gánh xiệc. Họ cần một đứa trẻ làm trò dẻo xương nên Phú-Lợi cho tôi làm ở đó. Đến hôm thứ hai vừa rồi, hết hạn, họ đuổi tôi ra vì đầu tôi bây giờ to quá không lọt vào cái hòm. Tôi vừa ở Dị-Nho là nơi gánh xiệc ở đó, đến đây tìm Phú-Lợi. Nhưng tôi chẳng thấy ai cả, mà nhà thì khóa kín. Một người hàng xóm bảo tôi những lời như tôi vừa kể lại với anh, Phú-Lợi bị tù rồi! Thành ra bây giờ tôi bơ vơ, không biết đi đâu và cũng không biết làm gì.
- Sao anh không trở lại Dị-Nho?
- Khi tôi đi bộ về đây thì gánh xiệc ở Dị-Nho cũng dọn đi Ru-Ăng. Tôi theo đến Ru-Ăng sao được? Vì đường thì xa mà tôi chẳng có đồng nào. Từ trưa hôm qua đến giờ, tôi chưa được miếng bánh nào vào bụng.
Tôi không giàu có gì. Nhưng lúc đó trong túi tôi cũng có chút ít không đến nỗi để Mã-Tư phải chết đói. Ngày tôi lang thang ở Tu-lu, cũng đói như Mã-Tư bây giờ, giá mà ai cho tôi được một mẩu bánh thì ơn ấy phải nghĩ đến đời đời.
Tôi bảo anh:
- Anh hãy đứng đây.
Rồi tôi chạy đến hàng bánh ở đầu phố. Lúc tôi trở về, tôi đưa cho anh một ổ bánh, anh vồ lấy ăn ngấu nghiến.
Anh ăn xong, tôi hỏi:
- Bây giờ anh định làm gì?

- Tôi không biết.
- Phải làm một việc chớ?
- Tôi đang định bán cái đàn vi-ô-lông này thì gặp anh. Nếu vạn nhất phải bán nó thì tôi buồn lắm anh ạ, vì nó là nguồn vui và nguồn an ủi của tôi. Những khi tôi phiền muộn, tôi tìm chỗ vắng người, tôi dạo một vài bài để nghe chơi. Lúc đó tôi thấy trời đất đẹp quá, đẹp hơn trong giấc mộng.
- Thế sao anh không đi đánh đàn trong các phố?
- Tôi đã thử đánh, nhưng chẳng ai cho tiền cả.
Tôi đã biết rõ lắm, biết rõ cái cảnh gảy đàn sái tay mà chẳng ai thèm móc túi.
Mã-Tư hỏi tôi:
- Thế anh? Anh làm gì bây giờ?
Cái tính cao ngạo của tôi phát luôn ra câu trả lời:
- Ông bầu đoàn diễn trò.
Sự thực, tôi cũng có đoàn, đoàn của tôi có con Lãnh-Nhi. Nhưng sự thực đó gần như sai.
Mã-Tư nói:
- Ô! Nếu anh vui lòng?
- Gì?
- Cho tôi nhập đoàn của anh.
Lúc đó, tôi chỉ vào con Lãnh-Nhi và nói thực:
- Anh trông, đoàn của tôi đó.
- Không hề chi, anh ạ! Hai chúng ta cũng đủ. Tôi xin anh. Anh bỏ tôi một mình, tôi sẽ làm ăn gì được! Tôi sẽ chết đói.
Chết đói! Hai tiếng đó đối với người khác, có lẽ họ không hiểu là gì. Nhưng hai tiếng đó đã vang dội trong lòng tôi vì chính tôi đã hiểu nghĩa hai tiếng đó.
Mã-Tư nói:
- Tôi biết làm việc. Trước hết tôi biết hát, biết kéo vĩ-cầm rồi tôi biết uốn mình, biết nhảy dây, biết lộn vòng. Nếu anh muốn thử tài, tôi sẽ diễn anh xem. Tôi sẽ theo lệnh anh. Tôi không cần lương, được ăn là đủ rồi. Nếu tôi làm hỏng, anh cứ việc đánh tôi. Tôi cam kết với anh như thế. Nhưng có điều tôi xin anh là đừng đánh vào đầu tôi vì trước kia bị Phú-Lợi làm hại, bây giờ hơi động đến là đau.
Nghe Mã-Tư nói thế, tôi không cầm được hai hàng nước mắt. Tôi nỡ nào từ chối anh được.
Tôi nói:
- Nhưng đi với tôi, chắc gì anh đã khỏi chết đói hơn đi một mình?
Anh nói:

- Không. Chúng ta hai người, không bao giờ chết đói được. Chúng ta giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta đùm bọc lẫn nhau. Kẻ có cho người không có, như anh vừa làm ban nãy.
Câu đó làm tôi quyết định, bởi vì tôi có, tôi phải giúp anh.
Tôi nói:
- Tôi xin vui lòng.
Lập tức anh cầm tay tôi mà hôn. Tôi cảm động quá, nước mắt ở đâu ràn rụa ra.
Tôi nói:
- Đi với tôi, anh không phải là người đầy tớ mà là bạn tôi.
Tôi đeo đàn lên vai và nói:
- Tiến lên! Chúng ta tiến lên!
Mười lăm phút sau, chúng tôi ra khỏi Ba-Lê.
Gió đông bắc của tháng ba đã thổi khô đường, đất rắn dễ đi.
Khí trời dịu dàng. Mặt trời chói lọi trên nền trời xanh, không một vẩn mây. Khí hậu êm ái này so với ngày mưa tuyết tôi vào Ba-Lê thật khác nhau một vực một trời.
Hai bên lề đường, cỏ mọc xanh rờn, thỉnh thoảng lại điểm những bông cúc, bông dâu chớm nở và hướng về phía mặt trời. Góc vườn, bên đường, những nụ đinh hương đỏ chói trong đám lá xanh non. Một làn gió nhẹ thổi qua, những cánh hoa vàng trên nóc tường lác đác rơi xuống đầu chúng tôi.
Trong các vườn, trong bụi, trên cây, đâu đâu cũng nghe thấy tiếng chim hót vui tai. Những con chim én bay là là mặt đất bắt sâu.
Cuộc hành trình của chúng tôi khởi đầu thấy vui, nên chúng tôi bước dài không mệt. Con Lãnh-Nhi được tháo dây, chạy loăng quăng, thấy xe qua cũng sủa, gặp đống đá cũng sủa, sủa lung tung và chẳng có nghĩa gì, nếu không phải là vì thích mà sủa cũng như người ta cao hứng mà hát.
Mã-Tư đi bên cạnh tôi không nói gì, có lẽ anh đang tư lự. Tôi không muốn nói để làm phiền anh, vả lại chính tôi cũng đang nghĩ. Ta định đi đâu bây giờ?
Thực ra tôi cũng chẳng biết chúng tôi đi đâu. Tôi chẳng biết gì cả. Tôi nhớ ra rằng tôi đã hứa với Lệ-Hoa là đi thăm anh chị trước, nhưng tôi không hứa với các anh chị là đến thăm ai trước. Vậy tôi có thể đến Xê-Viên, Sa-Lăng hoặc Lan-Thành trước, tùy ý tôi.
Vì tôi ra phía nam thành Ba-Lê, nên không thể lộn lại để thăm Bằng-Mai được. Vậy tôi chỉ còn chọn xem đến thăm An-Sinh hay Yến-Chi trước mà thôi. Cái linh tính nó đưa tôi về phía nam hơn phía bắc là lòng nhớ mẹ tôi, bà Bảo-Liên.

Đã lâu tôi không nhắc đến bà, xin quý độc giả đừng cho tôi là một kẻ bạc nghĩa đã quên bà.
Cũng xin đừng cho tôi là kẻ bạc nghĩa đã quên bà vì không hề viết một lá thư thăm bà trong bao nhiêu năm xa cách. Đã bao nhiêu lần tôi viết thư "Con nhớ mẹ lắm, con yêu mẹ suốt đời con!" Nhưng một là bà không biết chữ, hai là tôi sợ ông Bảo-Liên, chồng bà, nên tôi không dám viết. Nếu Bảo-Liên xem thư, biết địa chỉ của tôi, ông ta sẽ tìm bắt tôi và bán cho một Vỹ-Tiên không phải là Vỹ-Tiên thì nguy hại biết bao! Chắc chắn là ông ta có quyền và có thể làm thế được.
Chính vì lẽ đó mà tôi thà chịu mẹ tôi trách là đứa con tệ bạc còn hơn là để rơi vào tay Bảo-Liên, ông ta có thể bán tôi hoặc bắt tôi làm nô lệ cho ông ta. Tôi thà chết – chết đói – còn hơn là khinh thị mà làm điều mạo hiểm đó.
Nhưng nếu tôi không dám viết thư cho bà, một khi tôi được rộng cẳng, tôi có thể tìm cách về thăm bà được. Vì thế từ khi tôi nhận Mã-Tư vào đoàn của tôi, tôi đã nghĩ, việc thăm bà có thể thực hiện được. Tôi cho Mã-Tư đi trước. Tôi lánh mặt một chỗ, Mã-Tư sẽ vào nhà bà dò la tin tức. Nếu Bảo-Liên đi vắng, tôi sẽ về ngôi nhà cũ để gặp mẹ tôi. Nếu Bảo-Liên vẫn ở làng, Mã-Tư sẽ mời bà đến một chỗ nào đó để tôi được gặp mặt cho bõ những ngày thương nhớ.
Đó là cái chương trình tôi vừa đi vừa dự định. Tôi đăm đăm suy nghĩ vì thực hiện được không dễ.
Thực vậy, tôi không phải chỉ có việc thăm bà Bảo-Liên mà thôi. Tôi còn phải xem trên đường đi của chúng tôi có những làng nào, tỉnh nào khả dĩ kiếm được tiền.
Muốn thế, tốt hơn hết là hỏi ở bản đồ.
Lúc đó, chúng tôi đang đi trong cánh đồng. Chúng tôi liền bảo nhau ngồi nghỉ trên một đống đá để trò chuyện không sợ ai phiền nhiễu. Tôi mở túi lấy bản đồ trải trên bãi cỏ. Tôi loay hoay ngắm nghía và tìm phương hướng mãi. Sau cùng tôi theo cách ông Vỹ-Tiên, ấn định một hành trình. Hành trình này phải qua bảy thành thị nhỏ.
Như vậy chúng tôi có thể đến làng Tả-Văn-Ông và có nhiều hy vọng không đến nỗi chết đói ở dọc đường.
Mã-Tư trỏ vào bản đồ bảo tôi:
- Anh xem cái gì thế?
Tôi bảo anh biết đó là một bức bản đồ và dùng để làm gì. Tôi cắt nghĩa cho anh nghe gần giống như những lời ông Vỹ-Tiên đã dạy tôi bài địa lý đầu tiên.
Anh giương mắt nhìn tôi, chăm chú nghe. Anh hỏi:
- Thế thì phải biết đọc.

- Chính thế. Anh không biết đọc à?
- Không.
- Anh có muốn học không?
- Tôi muốn lắm!
- Tôi sẽ dạy anh.
Trong bản đồ, người ta có thể tìm thấy con đường Dị-Nho về Ba-Lê không?
- Có chứ, dễ tìm lắm.
Tôi liền chỉ cho anh: tôi lấy tay đưa từ điểm Dị-Nho đến Ba-Lê. Anh không tin và hỏi:
- Sao tôi đi bộ thấy đường dài lắm kia mà?
Tôi liền cắt nghĩa hết sức – hết sức có nghĩa là lúng túng – cho anh biết người ta rút ngắn những con đường để vẽ trên bản đồ như thế nào. Tai anh để ý nghe, nhưng óc anh không tin lắm về khoa học của tôi.
Lúc đó túi hành lý bỏ ngỏ, tôi chợt nghĩ nên kiểm điểm lại đồ đạc và cũng để khoe với Mã-Tư. Tôi lấy ra và trải cả trên cỏ.
Tôi có ba sơ-mi bằng vải gai, ba đôi bí-tất, năm mùi soa còn mới và một đôi giầy cũ. Mã-Tư choáng mắt.
Tôi hỏi Mã-Tư:
- Của anh có những gì?
- Tôi có chiếc vĩ cầm này và những quần áo tôi đang mặc.
- Vậy thì chúng ta phải chia cho đều vì chúng ta là anh em bạn. Phần anh hai sơ-mi, hai đôi bí-tất và ba mùi soa. Cũng phải chia ra cho đều việc vác túi, mỗi người đeo một giờ, thay đổi nhau cho được công bằng.
Mã-Tư không muốn nhận phần chia thứ nhất. Nhưng tôi theo lối ông Vỹ-Tiên ra lệnh và không cho anh chống lại, nên anh đành chịu nhận.
Cả cái hộp khâu của Yến-Chi, cái hộp con của tôi đựng bông hồng của Lệ-Hoa cũng bày ra trên chiếc sơ-mi. Mã-Tư muốn xem hộp con, tôi không cho và bỏ luôn vào túi.
Tôi bảo anh:
- Nếu anh muốn làm cho tôi vui lòng, anh không được mở hộp đó vì là một vật kỷ niệm.
- Anh yên tâm, không bao giờ tôi đụng đến.
Từ khi tôi khoác áo da cừu và đeo đàn, có một điều làm tôi câu thúc: đó là cái quần của tôi. Tôi thấy một người nghệ sĩ không bao giờ mặc quần dài. Trình diễn trước công chúng, phải là quần ngắn, phải là những đôi bí-tất đến đầu gối, chung quanh quấn chéo vải màu. Quần dài là quần của người làm vườn. Bây giờ tôi là một nghệ sĩ kia mà!

Khi người ta có một ý kiến mà người ta lại làm chủ thì ý kiến đó được thi hành ngay, không chậm trễ. Tôi mở hộp khâu Yến-Chi và lấy kéo. Tôi bảo Mã-Tư:
- Trong khi tôi chữa quần, anh thử dạo một bản vĩ-cầm cho vui.
- Tôi cũng nghĩ thế.
Rồi Mã-Tư lấy đàn ra kéo.
Tôi ướm quần đến đầu gối rồi bắt đầu cắt. Cái quần của tôi hãy còn tốt, may bằng dạ xám như cái gi-lê và áo vét của tôi. Ngày trước ông An-Thanh mua về cho tôi, tôi đã mừng quá. Bây giờ cắt cụt hai ống đi, tôi nghĩ không phải là tôi hủy hoại, mà trái lại làm cho nó đẹp hơn, tiện lợi hơn!
Đầu tiên, tôi vừa cắt vừa nghe đàn, sau tôi ngừng kéo và lắng tai nghe: Mã-Tư đàn vĩ-cầm không kém Vỹ-Tiên!
Tôi vỗ tay và nói:
- Ai dạy anh chơi vĩ-cầm thế?
- Không ai dạy cả. Hay tất cả mọi người, mỗi người bảo tôi một tí, rồi tôi tự luyện lấy.
- Ai dạy anh nhạc?
- Tôi không biết. Tôi nghe người ta đánh thế nào thì đánh thế.
- Tôi, tôi sẽ dạy anh.
- Anh biết tất cả?
- Phải, vì tôi là đoàn trưởng.
Người ta không phải là nghệ sĩ nếu không có một chút tự ái. Tôi muốn trổ tài cho Mã-Tư biết tôi cũng là một tay âm nhạc khá. Tôi lấy cây thụ cầm ra gảy và hát bài Tình-ca "tủ" của tôi. Và theo lệ thường của con nhà nhạc sĩ, Mã-Tư lại trả tôi lại những lời khen ngợi mà tôi vừa tặng anh bằng những tiếng vỗ tay hoan hỉ. Mã-Tư có tài, tôi cũng có tài. Chúng tôi xứng đáng là đôi bạn nghệ sĩ giang hồ.
Nhưng chúng tôi không thể cứ ngồi đó mà khen tặng lẫn nhau. Sau khi đàn hát cho tai chúng tôi rồi, chúng tôi phải nghĩ đàn hát cho dạ dầy, cho lưng chúng tôi nữa chứ! Tôi buộc túi lại, đến lượt Mã-Tư vác.
Chúng tôi tiến trên đường cát bụi. Tôi nghĩ lát nữa gặp làng nào ở cạnh đường là phải dừng lại diễn trò, "bước đầu của đoàn Lê-Minh".
Mã-Tư bảo tôi:
- Anh dạy tôi câu hát của anh để tôi cùng hát và đánh vĩ-cầm theo: thế sẽ hay hơn.
Như thế, nhất định hay và chỉ có những khán quan trái tim sắt đá mới không ném tiền.
Chúng tôi đã tránh được những trái tim sắt đá đó. Chúng tôi vào một

làng kia, đang tìm chỗ để diễn thì đi qua một cửa trại. Trong sân có đông người ăn mặc như ngày đại hội, đàn ông thì gài hoa ở khuy áo, đàn bà thì giắt hoa ở dây lưng. Cánh hoa lẫn với tơ lụa trông rất rực rỡ. Không cần phải là người thông minh, ai cũng biết ngay đó là một đám cưới.
Tôi đoán họ đang cần âm nhạc để khiêu vũ. Tôi tiến vào trong sân, Mã-Tư và Lãnh-Nhi theo sau. Gặp một thanh niên, tôi ngả mũ và cúi chào – cái chào lịch sự của ông Vỹ-Tiên – tôi xin vào giúp vui.
Người thanh niên đó mặt đỏ như quả bồ-quân, cổ áo cứng cọ vào tai, vẻ bình tĩnh.
Chàng không trả lời, quay cả người vào phía trong vì cái áo mới bằng dạ len bóng loáng bó vào thân làm khó cử động, cho hai ngón tay vào mồm làm còi, huýt một tiếng dài làm cho Lãnh-Nhi phải khiếp sợ.
Chàng nói theo:
- Này! Các vị đang ao ước âm nhạc. Đây, các nhạc sĩ đã đến!
Tiếng đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ rộn lên:
- Tốt lắm! Tốt lắm! Âm nhạc tốt lắm.
- Sửa soạn khiêu vũ bộ tư!
Trong vài phút, những bọn kỵ binh đã ra tua tủa cả sân. Gà, vịt sợ chạy tán loạn.
Tôi lo quá, hỏi nhỏ Mã-Tư bằng tiếng Ý:
- Anh đánh được vũ khúc bộ tư?
- Được.
Tôi cũng biết bản đó. Chúng tôi thoát nguy.
Người ta kéo ở nhà kho ra một chiếc xe chở hàng, lấy giá gác tay xe cho vững rồi bảo chúng tôi lên ngồi. Tuy chúng tôi chưa hòa tấu với nhau bao giờ, nhưng buổi đó cũng khá. Thực ra, chúng tôi được cái may là gảy đàn cạnh những tai dễ dãi và không tinh tế lắm.
Chợt một ông mặt đỏ gay, hỏi chúng tôi:
- Có anh nào biết thổi "kèn" không?
Mã-Tư đáp:
- Có, nhưng chúng tôi không có kèn.
- Tôi bảo kiếm cho anh một cái, vĩ cầm hay thực, nhưng không được mạnh mẽ.
Tôi hỏi lại Mã-Tư bằng tiếng Ý:
- Anh biết thổi "kèn" thật chứ?
- Cả kèn lớn, kèn con, cả sáo và tất cả các thứ.
Mã-Tư thật là một tài tử hiếm có.
Lát sau, kèn đưa đến, chúng tôi hòa tấu đủ các điệu khiêu vũ nhất là

điệu nhảy bộ tư.
Chúng tôi cứ nhạc như thế cho đến khuya không được nghỉ tay lúc nào. Tôi còn gượng được, nhưng Mã-Tư giữ phần vai chính, phần vì sức yếu nên thấy mệt nhoài. Thỉnh thoảng tôi thấy anh lợt đi như bị quặn đau. Tuy nhiên anh vẫn gò cổ ra thổi. May sao, ngoài tôi ra còn có một người khác nhận thấy tình trạng ấy: đó là cô dâu. Cô kêu lên:
- Thôi! Thằng bé hết hơi rồi! Bây giờ thù lao cho nhạc sĩ đi chứ!
Tôi liền nhảy xuống xe và nói:
- Nếu quý vị muốn, tôi xin phép cho thủ quỹ chúng tôi đi lãnh.
Tôi ném cái mũ tôi cho Lãnh-Nhi. Nó lấy mồm bắt lấy, rồi đứng bằng hai chân sau, đặt tay vào ngực chào khán quan. Tiếng vỗ tay vang dậy cả sân. Điều thích thú hơn tiếng vỗ tay là những đồng tiền trắng rơi vào trong mũ. Cô dâu xinh đẹp cho cuối cùng, cô ném vào trong mũ một đồng 5 phật-lăng. Món tiền lớn thay! Thế cũng chưa hết. Người ta mời chúng tôi vào bếp, dọn cỗ cho chúng tôi ăn và cho chúng tôi ngủ trong vựa lúa.
Tôi bảo Mã-Tư:
- Tôi phải chịu ơn anh. Một mình tôi không thành phường nhạc.
Với số tiền 28 phật-lăng trong túi, chúng tôi sung sướng như ông hoàng. Khi đến tỉnh Cốt-Bây, tôi có thể mua sắm một vài thứ cần thiết.
Trước hết tôi mua một cái kèn ở hàng bán đồ sắt cũ hết 3 phật-lăng. Với giá đó, cái kèn không mới, không đẹp, nhưng đem về đánh chuốt cũng tạm dùng được. Rồi tôi mua những giải lụa đỏ để chằng bí-tất và một cái túi dết cũ của quân nhân cho Mã-Tư dùng, vì vác luôn một vật nhẹ trên vai còn hơn thỉnh thoảng lại phải đeo một túi nặng. Chia đồ đạc sang hai túi, chúng tôi sẽ được nhẹ nhàng.
Ở tỉnh Cốt-Bây ra, chúng tôi ai nấy đều trang bị đầy đủ. Trừ tiền mua sắm rồi, chúng tôi còn trong quỹ 30 phật-lăng vì những buổi trình diễn của chúng tôi đều đạt được kết quả mong muốn. Cũng là nhờ có chương trình đổi mới luôn để có thể trình diễn lâu một chỗ, khách xem không chán. Hơn nữa, chúng tôi rất hợp ý nhau, thân yêu nhau như tình anh em.
Có lúc Mã-Tư đắc ý cười và bảo tôi:
- Một đoàn trưởng không hay cốp đầu đoàn viên như anh thực tử tế quá!
- Anh thích chứ?
- Còn phải nói. Từ ngày tôi bỏ làng ra đi, đến bây giờ được ở với anh, tôi mới không mơ ước nhà thương nữa.
Ở trong một hoàn cảnh thịnh vượng, lòng tôi sinh ra tham vọng.

Chúng tôi đang đi về tỉnh Mộng-Tác để tìm đường về nhà bà Bảo-Liên. Về làng để thăm bà, cũng là một cử chỉ để tỏ lòng biết ơn bà. Nhưng sự biết ơn đó nhỏ mọn và rẻ tiền quá. Nếu tôi có vật gì đem về nữa thì hơn. Bây giờ tôi làm ăn khá rồi, bắt buộc tôi phải có quà.
Quà gì bây giờ?
Tôi không phải nghĩ lâu. Tôi biết có một thứ quà làm cho bà sung sướng nhất không những trong hiện thời mà còn trong lúc tuổi già nữa; đó là một con bò cái, để thay cho con Hồng-Ti khốn nạn.
Bà Bảo-Liên sẽ vui sướng nếu tôi có thể biếu bà một con bò! Và tôi cũng vui sướng biết nhường nào!
Trước khi về làng Văn-Ông, tôi sẽ mua một con bò, Mã-Tư sẽ dắt bò vào sân nhà bà. Tất nhiên ông Bảo-Liên không có mặt ở đó. Mã-Tư nói:
“Thưa bà, có một con bò đem đến để biếu bà. Bà đáp: Một con bò à? Có lẽ anh nhầm nhà chăng? (và bà thở dài) – Không thưa bà, có phải chính bà là Bảo-Liên ở Văn-Ông không? Chính ông Hoàng bảo tôi dắt con bò này đến để biếu bà. – Ông Hoàng nào?” Lúc đó tôi ở chỗ nấp chạy ra ôm lấy bà, chắc bà phải mừng mà khóc. Sau đó bà sẽ làm bánh tráng, bánh sữa cho ba người cùng ăn, không có ông Bảo-Liên ở đó như ngày lễ “tuần thánh” năm xưa, ông ăn mất cả bơ của tôi. Giấc mộng đó đẹp làm sao! Nhưng muốn thực hiện giấc mộng đó, tôi phải mua một con bò. Không biết giá bao nhiêu một con?
Chắc là đắt, đắt lắm?
Con bò mơ ước đó không cần to lắm, lớn lắm. Trước hết vì bò to giá đắt, sau vì bò to sẽ ăn mất nhiều, tôi không muốn cái quà của tôi lại thành cái nạn cho bà. Điều cốt yếu là bây giờ tôi phải biết giá bò, một con bò như ý tôi định mua.
Việc này không khó. Ngày nào, trên đường cái hay ở quán trọ, tôi chả gặp những người chăn bò hay những người lái ngựa, tôi hỏi họ thì biết. Chiều hôm đó, tôi gặp một anh chăn bò trông có vẻ khá, tôi liền hỏi giá, anh ta cười chế nhạo tôi. Rồi anh ta ngả lưng ra ghế, lấy nắm tay đập xuống bàn, gọi người chủ quán hỏi rằng:
- Ông có biết anh bé con đi hát này hỏi gì tôi không? Giá bao nhiêu một con bò? Con bò không to, không lớn và là một con bò. Có cần nó phải thông thái nữa không?
Nói xong, anh ta cười ngặt nghẹo. Nhưng tôi không lấy làm tức và nói:
- Phải là con bò sữa tốt mà ăn ít.
- Có cần nó chịu để dắt dây đi trên đường trường như con chó của anh không?

Sau khi trêu tôi chán và mở hết trí hài hước, anh ta nói chuyện đứng đắn và bàn tính giúp cả tôi nữa.
Chính anh, anh có một con bò cái hiền lành, rất nhiều sữa, thứ sữa thơm như kem và nó ăn rất ít hoặc không cho ăn cũng được. Nếu tôi xỉa trả trên bàn 15 bích-tôn hay 50 đồng ê-quy, tôi sẽ dắt bò luôn.
Lúc đầu tôi khó làm cho anh ta rỉ răng bao nhiêu thì bây giờ tôi khó làm cho anh ta im miệng đi bấy nhiêu vì anh ta cứ thao thao bất tuyệt.
Sau cùng chúng tôi được đi ngủ. Lên giường tôi cứ tơ tưởng về câu chuyện vừa được nghe. 15 bích-tôn hay 50 đồng ê-quy nghĩa là 150 phật-lăng một con bò. Tôi bao giờ có được món tiền đó?
Không biết tôi có thể kiếm được không. Chắc là không. Nhưng nếu vận may trong buổi đầu còn theo mãi chúng tôi, thì góp nhặt từng xu may ra tôi cũng có thể để ra 150 đồng phật-lăng đó. Muốn thế phải mất nhiều thì giờ. Một ý nghĩ nảy ra trong óc tôi. Đáng lẽ về thẳng Văn-Ông, chúng tôi hãy trở đi Văn-Xá trước rồi sẽ trở về Văn-Ông sau. Lúc đó, trong túi tôi có đủ 150 đồng phật-lăng rồi, chúng tôi sẽ có thể diễn trò thần thoại "Con bò cái của ông Hoàng" và kết quả chắc là hay lắm.
Sáng hôm sau, tôi ngỏ ý kiến cùng Mã-Tư, anh rất tán thành và bảo tôi:
- Chúng ta đi Văn-Xá. Đấy có nhiều mỏ lạ lắm. Tôi vẫn muốn đi xem.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXIII
THÀNH PHỐ ĐEN

Con đường từ Mộng-Trang đến Văn-Xá ở về phía nam dẫy núi Xê-Viên, thoai thoải về biển Địa-Trung-Hải. Nếu đi thẳng đường thì chỉ mất 5, 6 trăm cây số. Nhưng chúng tôi phải đi quanh co vào các làng lớn hay các thị trấn diễn trò nên tính ra có tới trên ngàn cây số.
Chúng tôi phải đi ròng rã ngót ba tháng trời mới tới nơi. Khi gần đến Văn-Xá đếm tiền lại, chúng tôi rất sung sướng vì đã không uổng phí thì giờ; trong túi đã dành được 128 phật-lăng. Như vậy chỉ còn thiếu 22 phật-lăng nữa là mua được bò biếu bà Bảo-Liên.
Mã-Tư cũng vui như tôi. Anh không kém hứng thú vì đã chung sức gây nên món tiền đó. Thực vậy, phần công anh rất lớn, nếu không có

anh, không có cái kèn của anh, riêng tôi và Lãnh-Nhi không khi nào kiếm được 128 phật-lăng như thế.
Còn từ Văn-Xá đến Tả-Văn-Ông, kiếm thêm 22 phật-lăng nữa cũng không khó.
Một trăm năm về trước, Văn-Xá là sào huyệt của bọn Tân-giáo khởi loạn sau khi sắc lệnh Nantes bị bãi, địa thế hiểm trở, dân cư nghèo nàn. Đến năm 1750, một thân sĩ có tuổi, say mê nghiên cứu về khoáng vật học, đã tìm ra mỏ than đá Văn-Xá. Từ đó Văn-Xá nổi tiếng là một miền lắm than, đủ sức cung cấp cho Nam-phần nước Pháp và có cơ cạnh tranh với than nước Anh trên thị trường Địa-Trung-Hải.
Khi thân sĩ khởi công đào bới, công chúng đều chê cười, nhạo báng. Đào sâu tới 150 mét, chẳng thấy gì, người ta cho ông là điên và vận động để giam nhốt ông lại. Gia sản ông phải chăng sẽ bị vùi sâu trong những hố đào vô nghĩa. Văn-Xá có mỏ sắt mà người ta còn chưa tìm thấy, huống chi là than thì có đến đời chết cũng chẳng bới đâu ra. Thân sĩ giả điếc, chui xuống hầm, ăn ngủ ở đó không thò lên nữa để tránh nghe những la ó của nhân dân. Có chăng ông chỉ chịu sự ngờ vực của bọn thợ ở cạnh ông thôi. Mỗi một nhát cuốc, bọn thợ lại so vai lên. Nhưng kích thích bởi lòng tin tưởng sắt đá của chủ nhân, bọn thợ cố bổ thêm nhát nữa, nhát mới nữa rồi cứ thế giếng một ngày một sâu, cho tới 200 mét, bọn thợ reo mừng, họ đã bập vào một lớp than! Vị thân sĩ già kia không phải là người điên nữa. Ông là một người có đặc tài. Chỉ hôm trước hôm sau, ông đã biến thành một vĩ nhân!
Ngày mà chúng tôi đến, Văn-Xá là một thành phố có 12 ngàn dân, một thành phố có tương lai sáng lạn về kỹ nghệ và cũng như mỏ A-Lai, mỏ Bách-Xa là nguồn hy vọng của Nam phần nước Pháp.
Cái đã gây và sẽ gây nền thịnh vượng cho miền Văn-Xá này đều nằm ở dưới mặt đất chứ không ở trên mặt. Thực vậy, ở trên mặt đất cảnh tượng trông buồn làm sao! Toàn thị là những bãi hoang lương. Trừ một vài cây dẻ, cây đậu, cây ô-liu còm cõi, ngoài ra không có cây to. Đất không trồng trọt được, đâu đâu cũng thấy đá xám hay đá trắng. Một vài chỗ lớp đất hơi sâu và thấm nước nẩy lên cây cỏ um tùm làm cho cảnh hoang vu bớt phần khô khốc.
Vì núi non trơ trụi không cây cỏ, nên mùa mưa đến, nước chảy trên sườn núi xuống như chảy trên vỉa hè. Những dòng suối ngày thường cạn khô, lúc mưa nước chảy cuồn cuộn và đầy sát bờ các sông con trong thung lũng, nhiều khi nước tràn cả ra ngoài sinh ra ngập lụt: chỉ trong vài phút người ta thấy mực nước ở lòng sông lên tới ba, bốn,

năm mét, có khi cao hơn nữa.
Thành phố Văn-Xá nằm ngang trên một con sông con tên gọi Đinh-Giang, có hai dòng suối đổ vào là Thụy-Khê và An-Khê. Thành phố gồ ghề và không được đẹp đẽ lắm; suốt ngày những goòng chở quặng sắt và than đá lăn rầm rập trên đường rầy giữa thành phố không lúc nào ngớt, tung lên những bụi đỏ, bụi đen tối mù. Trời mưa, những bụi đó đọng thành bùn nhão và sâu như bãi lầy. Trái lại, những ngày nắng ráo, gió cuốn những bụi đó bay lầm trên thành phố. Nhà cửa, cái nào cũng đen thủi từ đầu xuống đến chân; đen vì bùn, bụi trát từ chân lên đến mái; đen vì khói từ các lò, tỏa từ ống khói xuống tới mặt đường. Trước mặt một màu tối đen: đất đen, trời đen, cả đến nước sông cũng đen. Những người đi đường còn đen hơn cảnh vật chung quanh; ngựa đen, xe đen, lá cây cũng đen. Người ta có thể nói được rằng, một đám mây mồ hóng đã đổ xuống thành phố hôm nào hay một trận lụt hắc ín đã có lần dâng lên tới nóc mọi nhà. Phố sá không làm ra để cho xe ngựa hay khách bộ hành đi, mà cốt để cho xe hỏa và các toa của mỏ. Trên mặt đất chỗ nào cũng thấy đường sắt với bánh xe quay: trên đầu, nào cầu treo, nào dây kéo, nào trục truyền chạy ầm ầm điếc tai. Những nhà máy lớn mà chúng tôi đi ở ngoài tường thấy rung chuyển tới chân móng. Nếu người ta nhìn qua cửa sổ hay cửa lớn, sẽ thấy gang nấu trong lò chảy ra như những dòng bạc; những búa, chày nện xuống, tàn lửa tóe ra như mưa; chỗ nào cũng thấy những cần pít-tông lên xuống đều đặn như cán bể thợ rèn. Không có lâu đài, không có vườn hoa, không có tượng đồng ở công trường. Chỗ nào cũng giống chỗ nào: những công thự đều làm theo một kiểu là hình khối vuông: Tòa án, nhà thương, trường học, nhà thờ, những khối vuông có trổ hoặc ít nhiều cửa tùy theo nhu cầu.
Khi chúng tôi tới gần Văn-Xá thì đồng hồ đã chỉ ba giờ chiều. Mặt trời sáng chói trên nền trời xanh. Nhưng chúng tôi càng gần tới tỉnh thì trời càng tối dần. Ở khoảng giữa trời và đất có một lớp mây khói nặng nề đùn lên từ những ngọn ống khói cao. Đã hơn một giờ, chúng tôi nghe thấy những tiếng ầm ầm như sóng biển đang lên, đó là tiếng máy quạt, tiếng búa, tiếng chày.
Tôi biết chú anh An-Sinh là thợ mỏ tỉnh Văn-Xá, ở lò Thụy-Khê và chỉ biết có thế thôi. Ông ta ở ngay trong tỉnh hay ở ngoại ô, tôi không biết. Khi vào tỉnh tôi hỏi dò đường đến lò Thụy-Khê thì người ta trỏ tôi sang tả ngạn sông Đinh-Giang, rồi đến một thung lũng, đấy là mỏ Thụy-Khê; lấy tên con suối chảy qua đó.
Cảnh tượng thành phố đã buồn, cảnh tượng thung lũng lại tẻ ngắt.

Một vòng đồi trọc không cây, không có bao quanh như một hàng rào bằng đá xám liên lu, thỉnh thoảng chen vào một lườn đất đỏ. Ở lối vào thung lũng có dựng những nhà xây, những kho chứa, những chuồng ngựa, những văn phòng, những ống khói của nhà máy chạy bằng hơi nước, và chung quanh ngổn ngang những đống than, đống đá.
Khi chúng tôi đi đến gần sở mỏ, có một người đàn bà vẻ lơ láo, tóc xõa ngang lưng, tay kéo một đứa trẻ, đến trước mặt chúng tôi và đứng dừng lại.
Bà ta hỏi:
- Con đường mát ở đâu? Em làm ơn chỉ giúp.
Tôi đứng sững người kinh ngạc.
Bà ta nói tiếp:
- Con đường có cây, có bóng râm, bên cạnh có suối reo, có chim hót ấy mà!
Rồi bà ta huýt một điệu sáo vui vui.
Bà ta thấy tôi không trả lời và có lẽ không biết tôi kinh ngạc, lại nói:
- Em không biết con đường ấy à? Đáng tiếc. Vậy nó hãy còn xa? Ở tay phải hay tay trái? Em hãy bảo ta. Ta kiếm mãi không thấy.
Bà ta nói liến láu, một tay khoa lên, một tay xoa đầu đứa con trai.
- Ta hỏi em con đường ấy vì ta chắc gặp Mạc-Lư ở đó. Em có biết Mạc-Lư không? Không à? Mạc-Lư là cha đứa con ta. Khi anh bị khí nổ trong lò than đốt bỏng, anh chạy ra con đường đó cho dịu vết thương. Anh biết con đường đó, ta không biết. Vì thế đã sáu tháng nay ta tìm anh không thấy. Sáu tháng rồi, dài quá, dài quá, cho những người yêu nhau. Sáu tháng, sáu tháng rồi, trời ơi!
Bà ta quay vào sở mỏ, vẻ mặt căm thù, xỉa tay vào những ống đang nhả từng cuộn khói lên trời và thét lên:
- Việc làm dưới đất! Việc làm dưới âm phủ! Ngươi hãy trả Mạc-Lư cho ta! Trả chồng ta đây!
Rồi bà ta quay ra bảo tôi:
- Em không phải là người ở đây phải không? Trông áo da cừu kia ta biết em ở xa mới đến. Em thử vào nghĩa địa kia xem. Em đếm một, hai, ba, một hai, ba đếm đi! Tất cả những người nằm đó đều chết vì mỏ cả.
Rồi bà ta kéo con lại, ôm chặt vào cánh tay, nhìn lũ ống khói và nói:
- Còn thằng Thạch, con ta đây, ta quyết không khi nào để ngươi bắt được đâu… Nước ngọt, nước mắt! Con đường đó ở đâu?... À thế mày không biết à? Mày cũng như những đứa khác cứ nhe răng cười à? Sao mày lại bắt ta đứng đây? Mạc-Lư đang chờ ta!

Xong bà ta ngoắt mình lại, vừa đi vừa huýt sáo một cách tự nhiên. Tôi hiểu ngay đó là một người đàn bà hóa điên vì chồng mới chết bởi một tai nạn ở mỏ.
Dưới bầu trời u ám, trong khung cảnh buồn thiu, việc gặp người đàn bà điên vì đau khổ này, ở ngay cửa mỏ làm cho chúng tôi chán ngán vô cùng.
Người ta chỉ lối cho chúng tôi đến nhà ông An-Thiện, chú cậu An-Sinh. Ông ở gần mỏ, trong một phố ngoằn ngèo và dốc đi từ sườn đồi ra phía bờ sông. Đến nơi, tôi hỏi một bà đứng tựa lưng vào cửa đang nói chuyện với một bà hàng xóm cũng đứng tựa lưng vào cửa bên cạnh, bà ta cho tôi biết là tan tầm sáu giờ ông mới về.
Bà hỏi:
- Em muốn hỏi ông ấy việc gì?
- Tôi đến thăm anh An-Sinh.
Bà liền nhìn tôi từ đầu xuống chân rồi lại nhìn Lãnh-Nhi, bà hỏi:
- Em là Lê-Minh phải không? An-Sinh thường nhắc đến em và có ý đợi em.
Và bà ta trỏ Mã-Tư:
- Còn em này là ai?
- Thưa bà, bạn tôi.
Đó là thím cậu An-Sinh, tôi tưởng thế nào bà cũng mời chúng tôi vào nhà nghỉ vì chân chúng tôi lấm láp và mặt chúng tôi cháy nắng đã quá biểu lộ vẻ mệt nhọc của chúng tôi. Nhưng bà tôi không mời gọi gì cả. Bà chỉ nhắc lại rằng 6 giờ An-Sinh mới về, khác nào như đuổi chúng tôi. Người ta đã không mời thì chúng tôi cũng chẳng xin. Tôi cảm ơn bà ta rồi kéo nhau ra phố tìm hàng bánh mì, vì chúng tôi đã đói bụng, ăn từ sáng đến giờ rồi còn gì. Nghĩ sự tiếp đãi của bà thím kia làm tôi xấu hổ vì tôi thấy Mã-Tư như có ý nghĩ ngợi. Vượt hơn ngàn cây số đến đây chả hóa ra vô ích lắm sao?
Hình như Mã-Tư có một ý tưởng không được tốt đẹp về các bạn của tôi. Mã-Tư sẽ không tin tôi nữa. Tôi cố giữ sao cho anh khỏi vì thế mà bỏ lòng thiện cảm đối với Lệ-Hoa.
Thái độ nhạt nhẽo của thím cậu An-Sinh làm cho tôi không muốn trở lại nữa. Chúng tôi định trước sáu giờ sẽ đến đợi An-Sinh ở cửa mỏ.
Sở mỏ Thụy-Khê gồm có ba lò: lò Thánh Duy Liên, lò Thánh An-phong, lò Thánh Phan-Cát. Theo tục của dân mỏ, khởi đào ngày nào thì xem lịch lấy tên thánh ngày đó đặt tên lò, một là đã làm lễ động thổ, hai là để nhớ ngày hưng công. Những lò đó là lò kéo than, lò thông khí và lò rút nước chứ không phải là chỗ để thợ lên xuống. Muốn lên, xuống, người ta đã có một đường hầm riêng, đi từ nhà

chứa đèn xuống đến tầng khai than thứ nhất rồi ở đó lại chia ra làm nhiều lối thông với các phần khác. Đi đường riêng như thế lợi được hai điều. Trước hết người ta không sợ đứt dây hoặc thùng vất vào thành lò mà quẳng người xuống một cái hố sâu hơn hai ba trăm mét. Người ta còn tránh cho thợ những sự di chuyển bằng máy quá nhanh đang ở đáy hầm nóng thình lình lên chỗ lạnh dễ mắc chứng sưng màng phổi hoặc bệnh phế viêm.
Tôi đứng đợi ở cửa hầm với Mã-Tư và Lãnh-Nhi. Sáu giờ điểm xong độ vài phút, nhìn xuống hầm sâu thẳm và tối mò, tôi thấy những điểm sáng lắc lư và lớn dần ra. Đó là những thợ mỏ làm việc xong, xách đèn lên mặt đất. Họ đi thong thả, bước nặng nề hình như bị nhức gối. Tại sao họ đều như thế? Về sau tôi mới biết vì chính tôi có dịp xuống tầng hầm cuối cùng bằng thang. Mặt họ lọ lem như trát mồ hóng, quần áo và mũ dính đầy than hay những vẩy bùn còn ướt. Khi qua nhà đèn, người nào cũng treo đèn của mình vào một cái đinh.
Tôi nhìn ngang nhìn ngửa chẳng thấy An-Sinh đâu. Chợt có người chạy đến ôm lấy cổ tôi, tôi mới biết là anh. Anh đen từ chân lên đến đầu khác hẳn với anh bạn ngày nào chạy tung tăng trong vườn, áo sơ-mi cụt tay và cổ bẻ trông rõ làn da trắng mịn, nên khó mà nhận ra. Cậu quay lại nói với một người đàn ông trạc độ 40 tuổi đi bên cạnh cậu, khuôn mặt tươi tỉnh và hiền lành giống hệt cha cậu, điều này không khiến tôi lấy làm lạ vì hai ông chính là anh em ruột:
- Thưa chú, đây là anh Minh.
Tôi hiểu đó là ông An-Thiện.
Ông nói:
- Chúng ta đợi em đã lâu.
- Đường từ Ba-Lê về đây xa lắm.
Ông cười và nói:
- Mà chân em thì ngắn, phải không?
- Vâng, chính thế.
Lãnh-Nhi được gặp An-Sinh cũng mừng lắm, cắn tay áo anh mà lôi. Tôi giới thiệu Mã-Tư với ông An-Thiện: anh là một người bạn tốt, một đoàn viên của tôi, tôi quen biết đã lâu, vừa mới gặp lại anh, thổi kèn rất giỏi.
Ông nói:
- Còn Lãnh-Nhi kia, phải không? Mai là chủ nhật, lúc nào rỗi, hai anh sẽ diễn trò cho chúng tôi coi. An-Sinh khoe rằng con chó này khôn như người, có khi hơn người.
Tôi chán bà thím bao nhiêu thì tôi lại ưa ông chú bấy nhiêu. Ông thực xứng đáng là em ông An-Thanh.

- Hai cậu cứ nói chuyện với nhau đi, chắc là lắm chuyện lắm, để tôi tiếp chuyện bạn nghệ sĩ có tài về môn thổi kèn này.
Chuyện chúng tôi kể đến một tuần không hết. An-Sinh hỏi tôi về cuộc hành trình, tôi hỏi anh về đời sống mới. Hai người chỉ kịp hỏi nhau và kịp trả lời nhau. Chúng tôi đi chậm lại. Những đám thợ đi sau vượt qua chúng tôi đi thành hàng dài chật cả phố. Người nào trông cũng đầy bụi đen như bụi ở mặt đường. Khi gần về đến nhà, ông An-Thiện bảo chúng tôi:
- Mời các anh về ăn súp với tôi.
Lời mời đó làm tôi rất vui, vì trong khi đi đường, tôi cứ băn khoăn, lúc tới cửa có nên vào không, vẻ lãnh đạm của bà thím đã làm tôi mất cả nhuệ khí.
Đến nhà, ông giới thiệu với bà vợ:
- Đây là em Minh và người bạn nhỏ.
- Tôi đã biết vì các em đã đến ban nãy.
- Thế thì hay lắm. Tối nay cho các em ăn súp.
Tôi rất sung sướng được ngồi ăn và nói chuyện với anh An-Sinh tối nay và thật ra tôi cũng rất sung sướng sẽ được ăn súp. Từ ngày rời Ba-Lê, chúng tôi ăn đường, ăn chợ, khi ăn bánh nóng, khi bánh khô, không bao giờ ăn ra bữa, và được ngồi ghế với đĩa súp trên bàn. Với số tiền kiếm được, chúng tôi rất có thể vào tiệm ăn uống đàng hoàng nhưng chúng tôi phải tiết kiệm mua bò cho ông Hoàng. Mã-Tư cũng là người tốt, rất sung sướng khi nghĩ đến việc tậu bò.
Tiếc thay, tối hôm đó, cái món ăn ao ước ấy chỉ là vật vô hình. Tôi ngồi vào bàn, đợi mãi không thấy súp dọn ra. Ở đây, công ty Mỏ đã mở những hãng lớn bán đủ thứ thực phẩm, với giá vốn cho thợ thuyền. Cái lợi thực hiển nhiên. Người thợ mua được thức ngon, mà giá hạ, tiền không phải trả ngay, sẽ tính trừ vào kỳ lương. Do đó, họ không phải mua sỉ ở các hiệu buôn nhỏ, chém rất nặng và tránh được công nợ.
Tuy nhiên, tất cả những việc hay, có cái lợi thì cũng có cái hại. Ở Văn-Xá, các bà vợ công nhân có cái tập quán ăn không ngồi rồi trong khi chồng làm lụng vất vả ở dưới hầm than. Họ sang nhà này nhà nọ lấy cà-phê và bánh ngọt về ăn uống với nhau, họ ngồi lê đôi mách, đến khi chồng đi làm về, họ không kịp nấu súp. Lúc đó, họ chạy ra hãng lấy dồi, lấy thịt về ăn. Không phải nhà nào cũng thế, nhưng kiểu này rất nhiều.
Cũng vì bà thím áp dụng kiểu này nên bữa đó, chúng tôi không có súp. Bà có tật lười biếng, bép xép, lắm mồm. Mãi sau tôi mới biết trong sổ mua chịu hàng của bà chỉ độc có hai khoản: khoản cà-phê,

sô-cô-la và khoản ba-tê và xúc-xích. Ông chú là người dễ tính, thích yên tĩnh. Ông chịu ăn mãi xúc-xích và không kêu ca gì. Đôi khi ông nói rất nhẹ nhàng.
Ông cầm cốc rượu bảo:
- Tôi không thành người nghiện rượu vì tôi có đức tính. Chiều mai cố làm súp ăn.
- Thì giờ đâu?
- Thì giờ ở trên mặt đất ngắn hơn thì giờ ở dưới hầm hay sao?
- Ai vá cho? Ông vận hại quần áo quá!
Lúc đó, ông nhìn vào quần áo ông, lem luốc những than và sờn rách nhiều chỗ. Ông nói:
- Chỉ vì ta ăn mặc sang quá ông Hoàng.
Bữa ăn chấm dứt rất chóng.
Ông chú bảo tôi:
- Con! Con ngủ với An-Sinh.
Rồi quay ra Mã-Tư:
- Còn con, con cùng ta xuống bếp, dọn ổ cỏ nằm rất tốt.
An-Sinh và tôi, chúng tôi cùng nhau qua một đêm trắng để chuyện trò.
Ông An-Thiện làm thợ cuốc nghĩa là ông có công việc dùng cuốc để vạc những khối than mỏ. An-Sinh giữ chân đẩy goòng trên đường sắt ở dưới hầm. Khi than đã chất đầy, An-Sinh phải đẩy ra đến cửa lò, đến đó, người ta móc dây cáp vào và cho máy trục kéo lên mặt đất.
Tuy mới làm thợ mỏ, An-Sinh đã yêu nghề và thích mỏ. Anh cho mỏ Thụy-Khê là một mỏ đẹp nhất và lạ nhất. Anh khéo kể lại, ai nghe cũng lấy làm thú.
Muốn xuống mỏ, trước hết phải qua một đường hầm khoét trong đá. Đi độ 10 phút đến một cái bệ có nhiều bậc dốc, chân bệ nối với một cái thang dài bằng gỗ, chân thang này lại có một cái bệ nhiều bậc, cũng nối với một cái thang gỗ nữa, thì đến tầng hầm thứ nhất, cách mặt đất 50 mét. Muốn xuống tầng hai, sâu 90 mét và tới tầng ba sâu 200 mét, người ta cũng phải qua một hệ thống thang như trên.
Tầng ba này là chỗ làm việc của An-Sinh. Như vậy, muốn tới công trường của anh, anh phải đi gấp ba lần đường hơn người lên tháp chuông nhà thờ Đức Bà ở Ba-Lê.
Không những thế, cầu thang tháp chuông nhà thờ sáng sủa và có những bậc đều đặn, lên xuống dễ. Cái thang xuống hầm không thế. Những bậc phải đẽo theo lườn đá nên có bậc cao, có bậc thấp, có chỗ rộng, có chỗ hẹp rất khó đi. Ngoài ánh sáng ngọn đèn xách ở tay không còn ánh sáng nào khác. Lối đi lúc nào cũng ướt vì nước trên

trần thấm xuống, rỏ từng giọt, đôi khi rơi vào mặt lạnh toát.
Xuống sâu 200 mét cũng khá dài, nhưng chưa hết. Người thợ còn phải theo những đường khác để đến chỗ làm việc. Tất cả đường hầm và các chi nhánh ở mỏ Thụy-Khê tổng cộng lại có tới từ 35 đến 40 cây số. Dĩ nhiên là một người không phải đi khắp 40 cây số đó. Chỉ đi một đoạn cũng đủ mệt rồi. Nhất là những chỗ phải lội. Nước ở hai bên khe đá rỉ ra, chảy vào giữa đường thành suối, đến cửa lò đã có máy bơm lên mặt đất.
Đường nào được đào trong đá thì vững vàng như những tụy đạo (hầm) xe lửa. Những đường phải xuyên qua những chỗ đất dễ lở phải có gỗ đỡ trần và chăn vách. Mặc dầu người ta đã dùng rất nhiều khúc gỗ thông để chống đỡ cho đất khỏi sụp, nhưng nhiều chỗ sức ép của đất nặng quá làm oằn cả gỗ khiến cho những lối đi thu hẹp lại hoặc sụt xuống chỉ còn khe để lách hoặc bò.
Những trần và vách gỗ đâm ra những nấm, những rêu xốp và trắng như bông. Gỗ lên men, xông ra một mùi hăng hắc. Trên những nấm, những rêu, những cây không tên, người ta thấy những thứ ruồi, nhện và bướm, hình thù khác hẳn với những con cùng giống ở trên mặt đất. Có rất nhiều chuột chạy nhanh như biến và những con dơi hai chân bám chặt lấy trần, đầu lộn xuống đất.
Những đường hầm giao nhau, nhiều chỗ như những ngã tư ở thành phố Ba-Lê. Cũng có những khoảng rộng đẹp như ở các đại lộ, cũng có khoảng thấp và hẹp như trong các ngõ hẻm. Tuy nhiên cái thành phố ở dưới đất này không được soi sáng bằng những thành phố trên đất về ban đêm, vì không có những cột đèn lồng hoặc ánh đèn gaz, chỉ có những đèn tay lí tí của thợ mỏ.
Trong hầm, dù thiếu ánh sáng nhưng những tiếng động đã nói lên rằng đấy không phải là xứ của người chết. Ở công trường sở than người ta nghe thấy tiếng thuốc nổ ù ù và ngửi thấy mùi khét, mùi khói do luồng hơi đưa đến. Trong đường hầm, tiếng goòng chạy ầm ầm. Trong lò sâu, những tiếng thùng than kéo lên, cọ vào đường dây kêu ken két. Cuối cùng là những tiếng ình ình của các máy bơm nước ở tầng thứ hai.
Chỗ đáng chú ý nhất là ở các ngánh, nghĩa là những đường đục theo sườn mạch than. Ở đó thợ mỏ phải cởi trần, nằm nghiêng mình hay quỳ gối để cuốc than. Những than này được đưa xuống nền để xếp lên goòng đẩy ra cửa lò kéo than.
Đó là cảnh tượng những ngày làm việc trong mỏ. Tuy nhiên một đôi khi cũng xảy ra tai nạn. Hai tuần trước sau khi An-Sinh đến Văn-Xá, anh đã mục kích một tai nạn mà suýt nữa anh cũng bị hại: khí ghi-du

nổ! Ghi-du là một thứ khí cháy được, có rất nhiều ở dưới hầm than, hễ gặp lửa là nổ bùng ra. Không gì ghê gớm bằng nạn hơi nổ đó; nó đốt hết, làm tan vỡ hết bất cứ thứ gì ở trên luồng nó đi. Người ta có thể ví nó như kho súng phát nổ. Chỉ một ngọn đèn bỏ ngỏ hay một que diêm cháy đưa đến chỗ có khí ghi-du, lập tức tất cả khu hầm đó, khí cháy bùng và nổ như tiếng bom. Nó phá mọi thứ trong mỏ và làm tung cả những mái lò nữa. Một đôi khi, nhiệt độ cao quá, đốt cháy than thành xỉ.

Sáu tuần lễ trước đây, nạn nổ đó đã giết chết 10 người. Vợ một nạn nhân thương chồng quá hóa điên. Đó là người đàn bà mà tôi đã gặp, bà ta dắt con đi tìm con đường mát.

Người ta đã dùng mọi cách để đề phòng tai nạn đó. Việc cấm thợ thuyền hút thuốc là quan trọng. Các viên kỹ sư đi tuần thường bắt họ hà hơi vào mặt mình để kiểm xem ai đã trái lệnh. Rồi đến việc dùng đèn Đa-Vy, một thứ đèn do nhà Bác học nước Anh tên là Đa-Vy phát minh ra. Đèn này có cái chóp kín đan bằng sợi kim loại rất sít, ngọn lửa không thể bốc ra được. Như vậy dù có đem đến chỗ có khí ghi-du, khí cháy lọt vào chỉ nổ bên trong đèn thôi, không lan ra ngoài được vì lưới kim loại đã làm nguội phần nào sức nóng của lửa nổ phát ra. Đèn tắt, người ta biết ngay chỗ đó có ghi-du, phải quạt mạnh cho thông khí đi.

Những điều An-Sinh kể lại khích tính hiếu kỳ của tôi đã có sẵn từ khi mới đến Văn-Xá, tôi chỉ ước ao được xuống mỏ xem. Hôm sau tôi ngỏ ý đó cho ông An-Thiện biết, ông bảo không được vì chỉ có ai làm ở mỏ mới được phép xuống thôi.

Rồi ông lại cười và bảo tôi:

- Nếu con muốn làm thợ mỏ, rất dễ. Lúc đó tha hồ mà xem. Vả chăng nghề làm mỏ không phải là mạt nghệ. Nếu con sợ mưa nắng, việc này rất thích hợp với con. Dù sao, cũng còn hơn đi hát rong. Con sẽ ở với An-Sinh, ý con thế nào? Mã-Tư cũng sẽ có việc làm, mà không phải là việc thổi kèn đâu!

Không phải là vì mỏ mà tôi tìm đến đây. Tôi còn có một phận sự khác, một mục đích khác, cần cho tôi hơn là suốt ngày chỉ có việc đẩy goòng than ở tầng nhì hay tầng ba của mỏ Thụy-Khê.

Tôi đành bỏ sự ao ước của tôi. Mai mốt tôi đi. Tôi đành biết mỏ Thụy-Khê qua câu chuyện của An-Sinh kể lại và những điều ông An-Thiện đã bảo tôi. Nhưng do một trường hợp xảy ra rất ngẫu nhiên, tôi lại được đóng vai một người thợ mỏ và do đó mắc một tai nạn ghê gớm ở dưới hầm.

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XXIV
PHU ĐẨY GOÒNG

Nghề làm mỏ không phải là một nghề làm hại sức khỏe. Trừ một vài bệnh sinh bởi thiếu khí trời và thiếu ánh sáng lâu ngày làm cho người xanh xao, người thợ mỏ vẫn được lành mạnh như người nông phu ở trên đồng ruộng. Người thợ mỏ còn hơn người làm ruộng ở chỗ không phải bị dầm mưa dãi gió hay bị nắng cháy da, rét cắt ruột. Tuy nhiên, người thợ mỏ thường gặp nhiều nguy hiểm như đất sụt, khí nổ, hầm lụt cùng những tai nạn do việc làm vụng về, bất cẩn gây nên.

Trước hôm tôi định từ giã Văn-Xá, chiều hôm đó, An-Sinh đi làm về, bàn tay phải bị sưng vù và một ngón tay bị giập. Anh đã vô ý để một khối than đè phải.

Thầy thuốc của Công Ty đã đến ngay chỗ làm và băng bó cho anh. Bệnh tình không nặng lắm, tay anh sẽ lành, ngón tay cũng thế, nhưng anh cần phải nghỉ ngơi.

Ông An-Thiện có tính gặp sao chịu vậy, không buồn rầu mà cũng không bực tức. Duy có điều làm cho ông nóng ruột là thiếu An-Sinh việc làm của ông bị ngăn trở. Khi ông thấy nói An-Sinh phải nghỉ vài hôm, ông kêu trời! Ai làm thay cho An-Sinh bây giờ? Không có ai cả. Nếu phải có người thay vĩnh viễn thì tìm được, chứ cần người làm giúp một vài ngày thì không kiếm đâu ra.

Ông chạy khắp nơi để mượn người nhưng lại về không. Ông đứng ngồi không yên. Nếu không tìm được ai thay An-Sinh thì bắt buộc ông cũng phải nghỉ. Ông mà nghỉ nữa thiệt cho quỹ gia đình đã chẳng dồi dào.

Đứng trước cảnh tình đó, trước nghĩ âu cũng là một dịp để đền ơn biệt đãi mà ông đã dành cho tôi, tôi liền hỏi ông:

- Việc đẩy goòng có khó lắm không?
- Không gì dễ hơn. Chỉ có việc đẩy cái xe cho nó chạy trên đường sắt.
- Xe có nặng lắm không?
- Không nặng lắm vì An-Sinh có thể đẩy được.
- Con làm được không?

Ông cười lớn rồi nghiêm trang bảo tôi:

- Nếu con vui lòng. Con có thể làm được.
- Con rất vui lòng vì có thể giúp ích cho ông.
- Con là đứa trẻ có tâm địa tốt. Được rồi. Sáng mai con sẽ cùng ta vào mỏ. Con giúp việc cho ta thực đấy, nhưng may ra cũng có ích cho con. Con sẽ làm quen với nghề và thích nghề, còn hơn là nay đây mai đó, thất thểu trên đường; ở mỏ lại không phải sợ chó sói.
Khi tôi tạm thay An-Sinh xuống mỏ thì Mã-Tư sẽ làm gì? Không lẽ để anh ngồi nhà ăn hại ông An-Thiện, tôi hỏi anh có thể hàng ngày cùng Lãnh-Nhi đi quanh phố diễn trò không, anh ưng thuận ngay. Anh vui vẻ nói:
- Tôi rất sung sướng được đi kiếm tiền một mình, thêm vào để mua bò.
Đã ba tháng nay chúng tôi chung sống với nhau, anh được ở nơi thoáng khí. Mã-Tư trông không giống nữa, đứa trẻ còm cõi, buồn rầu mà tôi gặp ở cửa nhà Thờ Thánh Mê-Đa hôm nào, và càng không giống nữa, cái quái thai ốm yếu mà tôi trông thấy lần thứ nhất ở bếp nhà Phú-Lợi, vừa ngồi canh nồi súp, vừa ôm cái đầu bị thương. Mã-Tư bây giờ hết đau đầu, hết buồn bã, hết còm gầy. Nếu cái vựa cỏ ở phố Lục-Sinh đã làm cho anh hao mòn; thì ánh sáng và khí trời nơi khoáng đãng đã đem lại lành mạnh và vui tươi cho anh.
Trên đường trường, khí sắc anh lúc nào cũng vui vẻ, nhìn mọi vật bằng con mắt lạc quan, gặp cái gì cũng đùa, điều nhỏ mọn cũng đắc ý, khôi hài, cười cợt luôn. Đã bao lần tôi mệt mỏi, tôi lo buồn, nếu không có anh ở bên cạnh thì tôi đã trở nên thế nào?
Tính nết của chúng tôi không giống nhau, có lẽ vì khí chất, vì bản lãnh của mỗi người mà có lẽ cũng vì dòng giống, vì chủng tộc nữa. Anh là người Ý. Anh lúc nào cũng hòa nhã, vô tâm, cần cù làm những việc khó không nóng nảy và phát khùng, khác xa với người nước tôi hay có tính phản kháng và chống đối lại.
Chắc quý độc giả muốn hỏi tôi:
- Thế em là người nước nào? Em cũng có quê hương, xứ sở à?
Tôi sẽ xin trả lời sau vì hiện giờ tôi chưa biết. Và tôi chỉ muốn nói rằng Mã-Tư và tôi, hai người không giống nhau. Tuy nhiên chúng tôi rất bằng lòng nhau, cả những khi tôi dạy anh "nốt" nhạc hay học chữ. Về âm nhạc, anh học rất dễ dàng, nhưng về tập đọc, thì khó khăn quá, lắm lúc tôi không giữ được bình tĩnh và khoan dung như các nhà giáo huấn. Nhưng chẳng bao giờ xảy ra sự xích mích cả. Mặc dầu nhiều lần tôi tỏ ra bất công, Mã-Tư không hề oán giận tôi.
Chúng tôi đã ấn định rằng ngày mai tôi đi làm mỏ, Mã-Tư sẽ đi diễn trò để kiếm tiền thêm. Tôi cũng cắt nghĩa cho Lãnh-Nhi nghe, nó hiểu

ý và ve vẩy đuôi.
Sáng hôm sau, người ta cho tôi mặc quần áo An-Sinh. Sau khi dặn dò Mã-Tư và Lãnh-Nhi lần nữa, tôi theo ông An-Thiện vào mỏ.
Ông trao cho tôi cái đèn và bảo:
- Phải cẩn thận! Con theo bước chân ta, khi xuống thang, phải nắm chắc bậc sau thì mới buông bậc trước ra.
Chúng tôi xuống hầm, ông đi trước, tôi theo sau. Ông dặn tiếp:
- Nếu trượt chân ở trên bậc đá, phải cố níu lại đứng để lăn đi vì đáy hầm sâu lắm đấy.
Tôi không cần phải nghe câu nói đó mới hồi hợp, vì từ lúc bước chân vào hang tối, tôi đã rờn rợn rồi. Tự nhiên, tôi chùn bước ngay và quay lại phía sau, nhưng chúng tôi đã vào quá sâu rồi. Ánh sáng cửa hầm xa trông tròn tròn và trăng trắng khác như mặt trăng hiện trên nền trời đen tối và không sao. Tôi hơi xấu hổ về cái cử chỉ nhút nhát đó và tôi mạnh dạn theo sau ông An-Thiện.
Chợt ông bảo tôi:
- Đến bậc đá rồi.
Chúng tôi đứng trước một cái lỗ đen ngòm, sâu thăm thẳm, tôi trông thấy những đốm sáng lung lay, trước còn to, sau tiến xa và nhỏ dần đi, đó là ánh đèn của những người thợ đã xuống trước chúng tôi. Tiếng họ nói chuyện nghe rầm rì không rõ. Một luồng khí nóng đưa lên, tạt vào mặt chúng tôi, tôi ngửi thấy một mùi hăng hắc như là mùi ê-te và ét-săng trộn với nhau.
Đi hết bậc đá đến thang gỗ, hết thang gỗ lại đến bậc đá. Ông An-Thiện bảo tôi:
- Chúng ta đến tầng thứ nhất rồi.
Tôi nhìn thấy một đường hầm, khung tò vò, hai bên tường thẳng và xây gạch. Khung vòm cao hơn đầu người, nhưng cũng có chỗ phải cúi mình mới đi qua được hoặc vì vòm tụt xuống, hoặc vì đất đùn lên.
Ông An-Thiện nói:
- Đó là sức đẩy ép của đất. Vì thân núi chỗ nào cũng đục rỗng, đất tìm những chỗ trống tràn vào, khi nào đất nặng quá, nó đè bẹp đường hầm.
Trên mặt đất có những đường sắt xe hỏa và suốt dọc đường hầm có một dòng suối con.
Ông bảo tôi:
- Suối này do nước thấm vào sinh ra, hợp với những suối khác thành một dòng lớn chảy ra giếng cửa lò. Tính ra có tới một ngàn hay ngàn hai mét nước mà máy bơm mỗi ngày phải đưa lên mặt đất và trả về sông Đinh-Giang. Nếu máy đó ngừng hoạt động thì mỏ sẽ đầy nước

ngay. Nói tóm lại, hiện giờ chúng ta đang đứng ở gầm sông Đinh-Giang.
Tự nhiên tôi chực quay lại, ông cười to và bảo:
- Đáy sông còn cách đây hơn 50 mét. Sợ gì nó dội vào đầu.
- Nếu có lỗ dò thì sao?
- Phải, có thể lắm. Cũng có những mỏ phải đề phòng nạn lụt, nhưng ở đây thì không. Ở đây chỉ có khí nổ và đất sụt, nhưng ít khi xảy ra.
Lát sau đến công trường, ông An-Thiện chỉ dẫn việc làm cho tôi. Khi toa than của chúng tôi đầy, ông đẩy cùng tôi và dạy cách đẩy ra cửa lò, cùng cách rẽ sang đường tránh khi gặp những toa khác tiến đến.
Tôi có thể nói được đó không phải là một nghề khó khăn. Chỉ trong một, hai giờ, nếu tôi không thạo lắm thì tôi cũng tạm được. Phàm làm nghề gì cũng phải khéo tay và có tập quán thì mới đạt được. Tôi thiếu hai yếu tố đó, phải dùng sức cố gắng để thay vào, nên việc làm ít mà mệt thì nhiều. May sao cái đời sống cần lao trong mấy năm nay và nhất là cuộc lữ hành trong ba tháng vừa qua đã luyện cho tôi tính nhẫn nại nên tôi đã khắc phục được mệt nhọc và không phàn nàn gì. Ông chú khen tôi là một đứa trẻ đủ điều kiện thành một người thợ mỏ tốt.
Nhưng, tôi muốn xuống hầm mà tôi không muốn ở đó vì tôi có tính hiếu kỳ chứ tôi không có chí hướng.
Muốn sống dưới hầm phải có nhiều đặc tính mà tôi không có. Phải có tính ưa yên lặng, thích vắng vẻ và tĩnh tâm. Phải quen sống những giờ, những ngày dài đằng đẵng với khối óc thu hẹp lại, không trao đổi một lời nào, không giải trí một phút nào. Mà tôi thì quen sống cái đời khoáng đãng, suốt ngày chỉ có đi với hát, không sở trường về cái phương diện nói trên, nên cảm thấy buồn lắm. Buồn thực! Suốt ngày đẩy xe trong hang tối, ngoài ánh sáng le lói của chiếc đèn tay, không còn ánh sáng nào khác, ngoài những tiếng bánh xe lăn, tiếng lội nước bì bõm, thỉnh thoảng lại nghe mìn nổ trong vắng lặng làm cho âm khí nặng nề thêm.
Riêng việc xuống hầm, lên hầm cũng đã vất vả, không kể phải làm ở đó suốt 12 tiếng đồng hồ. Buổi ăn trưa ở mỏ, buổi tối mới được về nhà.
Cạnh công trường của ông An-Thiện, tôi có một người bạn đẩy xe, đáng lẽ là một đứa trẻ như tôi, lại là một ông râu bạc; khi tôi nói râu bạc, xin quý độc giả hiểu cho rằng: bộ râu chỉ trắng trong ngày chủ nhật vì được tẩy rửa, còn từ thứ hai đến thứ bảy nó cứ xám dần thành sắc đen. Ông già năm nay hơn 60 tuổi. Ngày còn trẻ, ông làm nghề thợ mộc cho một sở mỏ, chuyên việc đóng gỗ chống hầm. Một

hôm đất sụp, ba ngón tay ông bị kẹp nát, vì thế phải bỏ nghề. Công ty mỏ đó cho ông một khoản lương dưỡng cấp vì ông đã can đảm cứu ba người bạn mà bị què. Ông lĩnh tiền cấp dưỡng được ba năm thì Công ty đó bị vỡ nợ. Ông thành ra túng thiếu, phải xin vào làm chân đẩy goòng ở sở Thụy-Khê. Người ta quen gọi ông là "Giáo-sư", tức là thầy học trường làng vì ông biết nhiều hơn các thợ mỏ, có khi hơn cả những thầy mỏ và nhất là vì ông thích nói và rất tự hào về kiến thức của ông.
Tôi được quen ông trong bữa ăn trưa. Ông cũng tỏ ý mến tôi. Tôi là một đứa trẻ hay hỏi, ông là một người hay nói. Chúng tôi rất tương đắc. Trong hầm người ta có tính ít nói, thấy chúng tôi nói nhiều người ta gọi chúng tôi là kẻ đa ngôn.
Những chuyện An-Sinh đã nói cho tôi nghe chưa thỏa mãn tính hiếu kỳ của tôi. Và những câu ông An-Thiện trả lời tôi cũng vẫn còn mờ nghĩa. Đại khái tôi hỏi ông:
- Than đá là gì?
Ông trả lời:
- Là một thứ than rắn như đá.
Ông Vỹ-Tiên ngày trước đã dạy tôi: phàm biết cái gì thì phải biết cho đến nơi đến chốn. Vì thế tôi lại đem câu hỏi trên hỏi Giáo-sư, thì Giáo-sư lại trả lời khác hẳn.
Giáo-sư nói:
- Than đá chỉ là một thứ than củi. Than củi là do những cây người ta đốn về, đắp lò và hầm âm ỉ cho thành than. Than đá cũng là cây, nhưng những cây ở rừng thuở xưa sập xuống và do sức tạo hóa biến ra than, ta muốn nói những rừng cháy, những núi lửa, những động đất thiên nhiên.
Thấy tôi nhìn ông bằng đôi mắt ngạc nhiên, ông nói:
- Bây giờ ta không có thì giờ nói dài vì còn phải đẩy xe. Đến mai, chủ nhật, con đến nhà ta, ta sẽ cắt nghĩa kỹ cho con nghe. Ta có đủ những mảnh than và mảnh đá, nó giúp con hiểu kỹ bằng mắt những điều con nghe thấy bằng tai. Họ trêu và gọi ta là "Giáo-sư" nhưng con sẽ biết Giáo-sư cũng có ích phần nào. Cuộc sống của con người ta không hoàn toàn chỉ ở trong tay người ta mà còn ở trong đầu óc nữa. Khi ta còn nhỏ, ta cũng có tính tò mò như con. Ta sống trong mỏ, ta muốn hiểu tất cả những sự vật ta trông thấy hàng ngày. Ta hỏi các kỹ sư và ta đọc sách. Sau ngày bị nạn ta phải nghỉ việc, ta dùng thì giờ để học. Khi người ta có mắt để nhìn, khi người ta có kính để đeo trên mắt để xem sách mãi mãi rồi người ta cũng phải biết. Bây giờ ta không có thì giờ đọc sách, không có tiền mua sách, nhưng ta

vẫn còn có mắt, vẫn chú ý học hỏi.
- Ngày mai, con sẽ đến chơi, ta rất sung sướng dạy con biết quan sát chung quanh con. Người ta không biết rằng một lời nói rơi vào cái tai lương hảo có thể bắt rễ nẩy mầm. Chính vì ta được dẫn đường cho nhà Đại bác học Bồng-Nha (Brongniart) trong mỏ than Bét-Xe (Bességes) và được nghe ông giảng giải nhiều điều hay, cho nên bây giờ ta biết nhiều hơn các bạn đồng nghiệp của ta đôi chút. Thôi! Để đến mai, con ạ.
Hôm sau, tôi xin phép ông An-Thiện để tới thăm Giáo-sư.
Ông An-Thiện cười và bảo tôi:
- A! Con đã tìm được người để nói chuyện. Con cứ đi vì lòng con muốn. Con có thể biết được nhiều cái hay lắm đấy. Nhưng có điều con nên nhớ là nếu nhờ Giáo-sư, con biết thêm chút gì, con đừng vì thế mà kiêu hãnh. Chính Giáo-sư, nếu Giáo-sư không mắc tật đó, thì đã là một người hoàn toàn.
Giáo-sư không ở trong thành phố như phần đông những người thợ khác. Ông ở một xóm nghèo ngoài thành phố. Nơi này, sườn núi có nhiều hang hốc. Người ta cho ông thuê lại một căn lều, trong đó ông kê một chiếc giường vào chỗ cao ráo hơn hết. Nói là cao ráo, nhưng cao ráo tương đối trong căn lều thôi, vì dưới bốn chân giường đều có nấm mọc. Tuy nhiên, đối với một người thợ mỏ quen dầm chân dưới bùn, dưới nước, quen chịu những giọt nước lạnh rỏ trên lưng, điều đó không lấy gì làm quản ngại. Sở dĩ ông thích ở khu này là vì gần hang núi, tiện việc sưu tầm của ông và tha hồ trữ những mảnh than, mảnh đá còn mang những dấu tích và những vật hóa thạch.
Rồi tôi đến nhà Giáo-sư. Ông vui vẻ chạy ra đón và nói:
- Ta đã bảo dầm ít hạt dẻ để thết con, vì nếu thanh niên, có tai, có mắt, thanh niên cũng còn có dạ dầy nữa chứ! Cái phương tiện hay nhất để tỏ tình thân ái không gì hơn là làm thỏa mãn được ba điều đó một lúc.
Hạt dẻ dầm nghĩa là hạt dẻ rang lên rồi ngâm vào rượu vang trắng để ăn, đó là một món ăn rất thú vị của người dân miền Xê-Viên.
Giáo-sư nói tiếp:
- Sau tiệc hạt dẻ, chúng ta sẽ nói chuyện và ta cho con xem những bộ sưu tập của ta.
Ông nhấn mạnh hai tiếng “sưu tập” bằng một giọng tự mãn, giọng nói đó đã chứng minh lời diễu cợt của bạn bè. Bộ sưu tập của ông thật súc tích, bày la liệt khắp nhà: những vật nhỏ thì xếp trên giá, trên bàn; vật lớn thì xếp dưới đất. Đã hai mươi năm nay, ông góp nhặt tất cả những thứ lạ ông tìm thấy trong khi làm việc. Những mỏ miền này

có rất nhiều thảo vật hóa đá, cho nên những mẫu Giáo-sư kiếm được rất quý đối với các nhà địa chất học và thiên nhiên học.
Vì tôi muốn chóng được hỏi và được nghe, nên tiệc ăn hạt dẻ chấm dứt rất nhanh.
Ông nói:
- Vì con muốn biết thế nào là than đá, ta cắt nghĩa qua cho con nghe. Ta nói một vài điều sơ lược để con có đủ ý thức xem những vật liệu sưu tập của ta, nó sẽ giúp con hiểu hơn về ta. Vì tuy người ta có gọi ta là Giáo-sư thực, nhưng ta nào phải là nhà bác vật, cái gì cũng biết.
- Trái đất mà chúng ta đang ở bây giờ không phải là từ xưa đến nay vẫn thế. Nó đã chịu bao sự biến thiên mà người ta gọi là sự chu chuyển của địa cầu. Đã có thời, nước ta mọc đầy những thứ thảo mộc mà bây giờ chỉ xứ nóng mới có. Thế rồi một trận biến thiên xảy đến, lớp thảo mộc đó bị thay thế bằng một lớp khác, rồi lớp khác lại phải nhường chỗ cho một lớp khác nữa. Hết lớp này đến lớp khác, cứ luân lưu như thế trong khoảng hàng nghìn, hàng vạn, triệu năm không biết chừng. Những lớp cây đó chồng chất lại, đè ép lên nhau, biến đổi dần mà thành những lớp than. Nếu con không tin, lát nữa ta cho con xem những mảnh than và rất nhiều mảnh đá ngầm ở dưới hầm. Những miếng than, hoặc đá đó còn giữ nguyên những di tích cành lá như người ta ép những bông hoa trong tập bách-thảo vậy.
- Như trên đã nói, than đá phát sinh ra bởi sự chồng chất của cây cỏ ở dưới đất: nó chỉ là gỗ biến nát và bị lèn nén lại. Chắc con muốn hỏi: sự chồng chất của cây cối đó xảy ra như thế nào? Điều này thực khó trả lời. Thiết tưởng cả đến những nhà bác học cũng không sao cắt nghĩa dứt khoát được vì các vị đó cũng bất đồng ý kiến về sự phát sinh của than đá. Có những vị cho rằng: tất cả những cây cối đó bị nước cuốn đi thành những bè lớn chảy ra biển rồi bị hải lưu làm cho lắng xuống đáy sâu. Những vị khác lại nói rằng: những lớp than đá sinh ra bởi sự sụt đọng âm thầm của cây cối, hết lớp này đến lớp khác lần lượt bị chôn vùi ngay chỗ chúng mọc. Về điểm này các nhà bác học đó đã làm các con tính khiến ta phải chóng mặt. Các vị đó tính rằng mỗi mẫu tây rừng rú nếu chặt hết và đặt nằm trên đất, chất gỗ tản ra cho đều thì chiều dầy chỉ đo được 8 ly. Lớp mỏng đó nếu biến ra than thì chỉ còn có 2 ly. Nay có những lớp than đá nằm ở dưới đất dày 20 đến 30 mét, vậy phải mất bao nhiêu thì giờ để cho những lớp đó biến thành than? Con phải biết một cánh rừng không thể mọc lên trong một ngày được. Ít nhất trong 100 năm mới thành. Như vậy muốn có một lớp than dày 10 mét, phải có 5.000 cánh rừng mọc một chỗ, kế tiếp nhau sụt xuống đất và phải đợi trong thời gian

là 500.000 năm. Đó là một con số làm cho ta kinh ngạc, phải không? Tuy vậy, con số đó cũng chưa hẳn là đúng, vì những cây cối đó không thể lớp này chết đi, lớp khác mọc ngay lên đều đặn như thế được. Muốn cho một lớp cây mới mọc lên chỗ lớp cây cũ, cần phải có một thời kỳ biến thái để cho lớp cây này thối nát hoặc đổi thể mới đủ nuôi lớp cây mới. Tất nhiên, con nhận thấy 500.000 năm cũng chưa đủ, còn phải nhiều năm nữa. Độ bao nhiêu? Ta cũng không ước đoán được, vì ta không phải là nhà chuyên môn để nghiên cứu vấn đề đó.
- Điều cốt yếu là ta muốn con có một ý thức về than đá, để có thể xem và hiểu những tài liệu của ta. Bây giờ ta chỉ dẫn con xem.
Cuộc triển lãm kéo dài đến tối, và mỗi miếng đá, mỗi dấu cây, Giáo-sư lại giảng thuyết một hồi dài. Nhờ đó mà tôi hiểu được tất cả những điều trước kia làm cho tôi thắc mắc.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXV
LỤT MỎ

Sáng hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau trong mỏ.
Ông An-Thiện hỏi Giáo-sư:
- Thế nào? Giáo-sư đã gặp học trò, vừa ý chứ?
- Vừa ý lắm. Nó có tai. Tôi mong nó sẽ có mắt.
An-Thiện nói thêm:
- Trong khi chờ đợi, tôi mong nó có cánh tay.
Rồi ông An-Thiện đưa tôi vào một góc giúp ông bẩy tảng than ra, vì những người đẩy xe vẫn có bổn phận giúp người cuốc than.
Xong tôi đẩy than ra lò Thánh An-Phong. Đến chuyến thứ ba, tôi chợt nghe thấy về phía cửa lò có tiếng ầm ầm dữ dội, mà tôi chưa từng nghe thấy ở hầm bao giờ. Có phải là đất sụt hay hầm đổ chăng? Tôi lắng nghe. Tiếng động đó lan ra mọi phía. Thế là nghĩa gì? Tôi khiếp quá định leo lên thang, nhưng người ta thường cười tôi nhát, sợ xấu hổ, tôi không chạy. Có lẽ là tiếng mìn nổ, tiếng goòng rơi xuống lò hay là tiếng đất người ta đổ xuống để lấp những chỗ trũng chứ gì. Chợt một đoàn chuột chạy qua chân tôi như một đạo kỵ quân thất trận rút lui. Rồi tôi nghe như có tiếng nước vỗ vào vách hầm. Chỗ tôi đứng vẫn khô ráo nên không hiểu tiếng đó là tiếng gì. Sau tôi cho

đèn sát xuống đất để nhìn. Quả nhiên có nước. Nước chảy từ phía cửa lò ngược lại đường hầm. Những tiếng ầm ầm liên tiếp là tiếng thác nước ở trên cao đổ xuống mỏ. Bỏ xe trên đường sắt, tôi chạy về công trường.
- Chú Thiện ơi! Nước vào mỏ.
- Nói bậy.
- Sông Đinh-Giang có lỗ rò. Chúng ta chạy đi thôi!
- Để ta làm việc.
- Chú hãy nghe con.
Giọng nói tôi run run làm cho ông An-Thiện phải dừng tay cuốc để nghe. Tiếng ào ào mỗi lúc một to, một dữ. Không còn nghi ngờ gì nữa. Nước chảy vào hầm thật.
Ông kêu lên:
- Ta rút đi cho nhanh! "Nước vào mỏ rồi"!
"Nước vào mỏ rồi"! Mọi người kêu inh ỏi.
Ông An-Thiện vội vớ lấy đèn. Đó là cử chỉ thứ nhất của người thợ mỏ khi gặp biến. Ông hoảng hốt bước trượt chân luôn.
Chúng tôi đi được vài bước thì gặp Giáo-sư ở đâu đến hỏi chúng tôi:
- Tiếng gì ầm ầm thế?
An-Thiện đáp:
- Nước vào mỏ rồi!
Tôi nói theo:
- Đinh-Giang có lỗ rò.
- Chỉ nói bậy.
Giáo-sư bảo tôi:
- Con chạy đi!
Mực nước lên rất nhanh, lúc đi nước chấm đầu gối chúng tôi, vì thế chúng tôi bước rất chậm.
Giáo-sư cùng chạy với chúng tôi. Cả ba khi đi qua các công trường đều kêu to:
- Chạy đi! Nước vào mỏ rồi!
Nước dâng lên cuồn cuộn. May sao chúng tôi đã gần đến chân thang. Nếu còn ở xa thì không bao giờ bước tới kịp.
Giáo-sư đến chân thang trước bảo chúng tôi:
- Lên trước đi! Tôi nhiều tuổi hơn và thư tâm hơn.
Không phải là lúc trình bày lễ phép; An-Thiện lên luôn, tôi theo sau rồi đến Giáo-sư. Một lát sau có mấy người thợ nữa cũng leo lên.
Chưa bao giờ chúng tôi vượt 40 mét đường từ tầng hai lên tầng nhất một cách mau lẹ như thế. Nhưng khi lên đến bậc chót, một luồng nước giội vào đầu chúng tôi và làm ngụp cả đèn. Đó là một cái thác!

An-Thiện bảo tôi:
- Bám cho chặt!
Ba chúng tôi đều bám riết vào bậc thang để đứng ghì lại. Mấy người lên sau chúng tôi đều bị nước lôi đi cả. Nếu chúng tôi còn cách 10 bậc nữa thì cũng bị cuốn đi như họ vì lúc đó nước đổ xuống như vỡ đê. Chúng tôi lên được tầng nhất rồi, nhưng chưa phải là thoát thân vì còn 50 mét nữa mới ra đến cửa hang, mà tầng này cũng có nước, lối đi tối mò vì tắt lửa cả.
Giáo-sư giọng nói bình tĩnh:
- Chúng ta chết đến nơi rồi! Minh ơi, con cầu nguyện đi!
Ngay lúc đó có bảy, tám ngọn đèn tiến đến phía chúng tôi. Lúc đó, nước lên đến quá đầu gối, không phải cúi mình, bàn tay chúng tôi sờ thấy nước. Không phải là một đám nước yên lặng. Đó là một luồng nước cuồn cuộn chảy, gặp bất cứ cái gì cũng lôi đi và làm quay những khúc gỗ trên mặt nước như những chiếc lông.
Những người xách đèn đến chỗ tôi định tìm cầu thang gần đó để lên, nhưng nước chảy mạnh như thế lại có nhiều củi gỗ lao theo thì tiến làm sao được.
Những người thợ đó nhắc lại đúng câu Giáo-sư vừa bảo chúng tôi:
- Chúng ta chết đến nơi rồi!
Rồi họ lại chỗ chúng tôi.
Giáo-sư kêu to:
- Lại cả chỗ này, phải đấy. Ta tìm hầm cũ để lánh nạn.
Hầm cũ là một phần của mỏ đã bỏ hoang từ lâu mà chẳng ai để chân đến bao giờ. Duy có Giáo-sư thường kỳ cục tìm đến để thu lượm tài liệu, mới biết mà thôi.
Giáo-sư nói:
- Đi lộn cả lại. Cho tôi cái đèn để tôi dẫn đường.
Thời thường, khi Giáo-sư nói gì thì người ta bưng miệng cười hay so vai và quay mặt đi. Những người khỏe nhất vẫn tự phụ về sức lực của mình, năm phút trước đây họ còn nhạo báng Giáo-sư, bây giờ cũng cúi đầu nghe theo cả. Tự nhiên, mọi chiếc đèn đều giơ ra cho Giáo-sư. Ông cầm một chiếc, còn một tay dắt tôi. Ông dẫn đầu. Chúng tôi quay lại, theo chiều nước chảy, nên đi được nhanh.
Tôi không biết phải đi đến chỗ nào, nhưng lòng tôi có chút hy vọng. Đi được một lúc, không biết là mất mấy phút hay mấy giây vì lúc đó cũng chẳng ai để ý đến thời gian. Giáo-sư đứng lại.
Giáo-sư nói lớn:
- Chúng ta không đủ thì giờ đến hầm cũ. Nước lên nhanh quá!
Thực vậy, nước đuổi chúng tôi dữ quá, từ đầu gối lên đến thắt lưng

đã lên đến ngực rồi.
Giáo-sư nói tiếp:
- Chúng ta đành lên hốc đá kia vậy.
- Rồi đi đâu?
- Hốc đá không có lối đi đâu nữa.
Lên hốc đá chẳng khác chi chui vào đáy túi. Nhưng chúng tôi không còn thì giờ để chờ đợi, lựa chọn: lập tức phải lên hốc đá để được sống thêm vài phút với cái hy vọng may ra thoát nạn, nếu cứ đi thì chỉ trong vài giây nữa nhất định bị nước chôn vùi. Do Giáo-sư dẫn đầu, chúng tôi leo lên hốc. Hai người trong bọn chúng tôi không nghe, cứ đi thẳng. Những người đó không bao giờ chúng tôi trông thấy lần thứ hai nữa.
Được dừng bước, chúng tôi nghe thấy những tiếng lục ục bên tai mà từ trước mải đi không để ý đến: tiếng đất sụt, tiếng sóng cuộn, tiếng nước đổ, tiếng vách gẫy, những tiếng nổ do không khí bị đè ép mà tung ra. Đó là những tiếng động hãi hùng phát ra trong toàn mỏ làm cho chúng tôi táng đảm kinh hồn.
- Đại-Hồng-Thủy!
- Ngày tận thế!
- Hỡi Thượng-Đế! Cứu vớt chúng con!
Từ lúc lên hốc đá rồi, Giáo-sư không nói gì nữa, vì linh hồn Giáo-sư còn cao hơn những lời phàn nàn vô ích.
Giáo-sư bảo:
- Các bạn ơi! Không nên để cho thân thể quá mệt nhọc. Nếu chúng ta cứ ghì chân, bám tay mãi thế này, chúng ta không khỏi kiệt lực. Chúng ta phải khoét sâu chỗ đứng cho vững. Những diệp thạch này cũng dễ đào.
Lời khuyên rất hay nhưng khó thực hành, vì không ai mang cuốc. Ai cũng có đèn, ngoài ra trong tay không còn khí cụ nào khả dĩ đào bới được.
Giáo-sư nói tiếp:
- Chúng ta lấy móc đèn treo mà đào!
Thế rồi mọi người đều dùng móc đèn của mình khoét sâu chỗ đất để chân. Chân hốc nghiêng và trơn, việc đào rất khó. Nhưng ai nấy đều hiểu rằng nếu chỗ đứng không vững, lỡ sẩy chân thì mất mạng nên hăng hái làm việc. Chỉ trong mươi phút, chúng tôi đã có một chỗ đứng vững vàng.
Làm xong, mọi người đều thấy nhẹ mình. Lúc đó mới nhận mặt nhau. Chúng tôi có tất cả 7 người: Giáo-sư, ông An-Thiện và tôi, ba người thợ cuốc là Ba-Điền, Tư-Cổn, Bảy-Nhu và người đẩy xe là Cao-Dĩ.

Còn những người thợ khác đều mất tích cả.
Trong mỏ vẫn nghe thấy tiếng động ầm ầm. Không có danh từ gì để gọi đúng những tiếng động hãi hùng đó, tiếng đại bác hợp với tiếng sấm cũng không to bằng.
Thất đảm, chúng tôi đứng nhìn nhau, như để tìm trong mắt người bạn những lời giải thích mà mình không biết.
Một người nói:
- Đó là một trận Đại-Hồng-Thủy.
- Là ngày tận thế.
- Nạn động đất.
- Thần Mỏ ra oai.
- Nước tích ở các hầm cũ đổ xuống.
- Một lỗ rò ở đáy sông.
Giả thuyết cuối cùng này là của tôi. Tôi bảo thủ ý kiến của tôi. Giáo-sư không nói gì. Ông nhìn từng người một, so vai lên như người đang ở ngoài trời, dưới bóng cây dâu vừa bàn cãi vừa ăn một củ hành.
Khi đã nghe ý kiến của từng người, Giáo-sư phát biểu sau cùng:
- Chắc chắn là một nạn lụt.
- Sinh ra bởi động đất.
- Do Thần Mỏ báo thù.
- Từ các hầm cũ đổ xuống.
- Bởi lỗ rò của sông Đinh-Giang.
Mọi người nhái lại ý kiến trước của mình.
Giáo-sư nhắc lại:
- Đó là thủy tai.
Nhiều tiếng cất lên để hỏi:
- Rồi sau thế nào? Nước ở đâu đến?
- Tôi không biết, nhưng bảo là do Thần Mỏ thì xuẩn quá, cho là tự các hầm cũ thì chỉ tầng thứ ba bị lụt thôi, nhưng đây lụt cả tầng nhì tầng nhất. Các bạn phải biết, nước chỉ chảy xuống, không bao giờ chảy ngược lên cao.
- Lỗ rò?
- Không bao giờ lại có một lỗ rò tự nhiên như thế.
- Động đất?
- Tôi không biết.
- Không biết thì nói làm gì!
- Tôi biết đó là nạn lụt, đó cũng là một điều đáng kể rồi nước lụt từ trên chảy xuống đây.
- Cái đó ai chả biết, nước đã chảy theo chân ta là gì!

Từ lúc mọi người được yên vị ở một chỗ khô ráo và nước không lên nữa, hình như họ không cần đến Giáo-sư nữa.
- Ông đừng lên mặt thông thái nữa, ông chẳng biết gì hơn chúng tôi. Trí quá cảm trước nguy hiểm đã cho ông một uy quyền, nhưng bây giờ uy quyền đã mất rồi. Ông im lặng không nói gì.
Chúng tôi lúc đó đều nói thật to để át tiếng động của mỏ, nhưng vô ích, chẳng nghe rõ câu gì ra câu gì.
Giáo-sư bảo tôi:
- Con thử nói đi!
- Ông bảo nói gì bây giờ?
- Nói gì cũng được, cần nói lên thôi.
Tôi nói vài câu.
- Được. Nói nhỏ hơn một chút. Ừ, như thế vừa rồi.
Ba-Điền nói:
- Giáo-sư ơi! Điên rồi sao?
- Sợ quá hóa rồ rồi à?
- Ông tin rằng ông chết à?
- Tôi tin rằng nước sẽ không bao giờ lên tới đây, tôi tin rằng nếu ta có chết, ta cũng không đến nỗi chết đuối.
- Thế nghĩa là gì? Giáo-sư?
- Nhìn ngọn đèn của anh xem.
- Nó đang cháy.
- Nó cháy như thường không?
- Không. Ngọn to hơn và ngắn hơn.
- Vậy có khí nổ không?
Giáo-sư đáp:
- Không. Cứ yên tâm. Khí nổ không có, cũng như nước không tài nào dâng lên được nữa.
- Đừng giở trò phù thủy.
- Ta không giở trò phù thủy. Nhưng các anh nên biết rằng chúng ta hiện đang bị úp trong cái chuông đầy không khí. Chính bầu không khí bị ép đó ngăn nước không lên được. Cái hốc kín mít này khác nào như cái chuông của thợ lặn. Nước đã dồn tất không khí ở hầm vào cái hốc này, bây giờ nó ấn xuống không cho nước lên nữa.
Nghe Giáo-sư cắt nghĩa, bảo chúng tôi đang ở một thứ chuông thợ lặn, đầy không khí, nước không vào được, mọi người đều lẩm bẩm không tin.
- Chỉ nói khoác! Nước chả mạnh bằng mấy không khí ấy?
- Mạnh khi nào ở ngoài thôi. Khi anh úp cái cốc không vào chậu nước đầy: hỏi rằng nước có ngập lên tới đáy cốc không? Có một chỗ

trống. Vậy thì chỗ trống đó là không khí đấy. Ở hốc này cũng thế. Chúng ta đang ở đáy cốc đấy. Nước không bao giờ lên chỗ chúng ta được.
Ông An-Thiện nói:
- Tôi hiểu rồi. Giáo-sư nói phải đấy. Tôi nhận thấy các bạn thường chế diễu Giáo-sư là nhầm. Giáo-sư đã biết nhiều điều mà chúng ta mù tịt.
Cao-Dĩ nói:
- Thế thì chúng ta được cứu sống.
- Cứu sống? Tôi không tin thế. Nhưng nhất định rằng chúng ta không bị chết đuối. Cái đã cứu ta là hốc kín, khí trời không ra được. Nhưng ngán thay! Cái đã cứu ta đồng thời nó cũng hại ta. Không khí không ra được vì bị hãm, chúng ta cũng thế, bị giam và không ra được.
- Ra được khi nước rút…
- Rút hay không? Tôi không biết. Muốn biết điều đó cần phải rõ nước từ đâu đến mới được. Ngồi ở đây thì nói đúng sao được?
- Ông vừa nói là nạn lụt?
- Phải, chính là nạn lụt. Nhưng nước đó tự đâu mà ra? Do nước sông Đinh-Giang tràn qua bờ chảy vào cửa lò? Hay bởi mưa bão? Hay nước nguồn chảy xuống chăng? Hay là nạn động đất? Phải là người ở ngoài nhìn thấy mới nói được. Chúng ta ở đây thì rõ làm sao được?
- Có khi cả thành phố và nước cuốn rồi!
- Rất có thể……
Một lúc im lặng và hãi hùng.
Tiếng nước chảy đã hết, thỉnh thoảng còn nghe thấy tiếng nổ ình ình làm rung cả đất.
Giáo-sư nói:
- Mỏ ngập đầy rồi, nước không chảy vào nữa.
Ba-Điền thất vọng kêu:
- Không biết thằng Phi nhà tôi thế nào?
Phi là con trai Ba-Điền cũng làm thợ cuốc như cha nhưng ở tầng thứ ba. Từ nãy đến giờ mải chiến đấu với cái chết cho bản thân không có thì giờ nghĩ đến con, nay thấy Giáo-sư nói “mỏ ngập đầy rồi”, Ba-Điền mới nhớ ra, Ba-Điền gào lên:
- Phi ơi! Phi! Phi ơi!
Không tiếng đáp lại. Tiếng gọi của người cha không ra khỏi hốc đá.
Giáo-sư nói:
- Biết đâu nó chẳng tìm được mỏm đất như ta. Một trăm rưỡi người chết chìm dưới nước là điều quá ghê gớm! Thượng-Đế không muốn

thế đâu!
Giáo-sư nói câu đó bằng một giọng không được vững chắc. Sáng nay ít nhất cũng có 150 người thợ xuống hầm. Có được bao nhiêu người lên thoát hoặc tìm được chỗ lánh nạn như chúng tôi? Bạn bè, bà con chúng tôi chết hết rồi chăng? Nghĩ đến điều đó, chẳng ai dám nói một câu nào.
Nhưng tình trạng chúng tôi lúc bấy giờ không để cho lòng chúng tôi thương xót người khác.
Sau một lúc im lặng, Bảy-Nhu cất tiếng:
- Về phần chúng ta, chúng ta phải làm thế nào bây giờ?
- Anh muốn làm gì?
Giáo-sư nói:
- Chỉ còn cách chờ đợi thôi.
- Chờ đợi cái gì?
- Phải chờ đợi. Mặt đất cách ta tới 4, 50 mét, anh có thể khoét bằng móc treo đèn không?
- Thế thì chết đói mất.
- Điều nguy hiểm không ở chỗ đó.
- Thế Giáo-sư bảo nguy hiểm nhất ở chỗ nào? Giáo-sư làm chúng tôi lo quá!
- Cái đói, ta có thể chống lại được. Tôi đã được đọc chuyện những người thợ mỏ như chúng ta bị lụt, họ có thể nấp trong mỏ trong 24 ngày không ăn uống gì mà vẫn còn sống. Chuyện đó xảy ra đã lâu rồi. Những cái gì đã có ngày trước thì ngày nay cũng có thể có được. Như vậy, ta không sợ chết đói.
- Ông đã bảo rằng nước không tài nào lên được nữa, thế thì còn sợ gì?
- Các bạn có thấy nặng đầu ù tai không? Có dễ thở không? Tôi không.
- Tôi, nhức đầu.
- Tôi, chóng mặt.
- Tôi, thái dương nhoi nhói.
- Tôi như dại.
- Đó là điều nguy hiểm nhất đấy. Chúng ta có thể sống trong bầu không khí này bao lâu nữa? Tôi không biết vì không phải là nhà khoa học. Chúng ta có 40 mét đất dầy ở trên đầu, và ba mươi nhăm hay 40 mét nước sâu ở dưới chân chúng ta: thế nghĩa là bầu không khí này bị một áp lực nặng gấp 4 hay 5 lần áp lực thường. Chúng ta sống thế nào được trong cái khối không khí nén ép này? Đó là điều mà chúng ta phải lo ngại và có lẽ đồng thời chúng ta cũng rút được

một vài kinh nghiệm, một bài học quá đắt.
Tôi không có một quan niệm gì về không khí ép. Vì thế, nghe Giáo-sư nói, tôi hết hồn. Những bạn tôi cũng tỏ ra kinh hãi và họ cũng không biết gì hơn tôi. Cái không biết sinh ra lo lắng.
Tuy biết chúng tôi ở trong một tình thế tuyệt vọng, Giáo-sư vẫn cố gắng tổ chức mọi cách để bảo vệ lấy vận mệnh chúng tôi chỉ còn như treo đầu sợi tóc.
Giáo-sư bảo chúng tôi:
- Bây giờ ta phải chọn chỗ ngồi cho khỏi lăn xuống vực sâu.
- Đã có những lỗ để đứng rồi.
- Liệu anh có thể đứng mãi như thế này không?
- Ông tưởng rằng chúng ta phải ở đây lâu?
- Nào ai biết được.
- Người ta sẽ đến cứu ta.
- Chắc chắn có. Nhưng muốn cứu được chúng ta, người ta cũng phải đợi đến lúc có thể làm được mới làm. Từ lúc người ta tìm cách cứu đến lúc người ta bắt tay vào việc cũng phải mất bao nhiêu thì giờ. Chỉ có người ở trên đất mới biết khoảng thời gian đó. Còn chúng ta ở dưới này chỉ có cách xếp đặt làm sao cho bớt khổ trong khi chờ đợi. Vì, nếu không may, ai trợt chân thì có phải thiệt đời không.
- Chúng ta buộc vào nhau.
- Dây đâu?
- Nắm lấy tay nhau cũng được.
- Nắm được mãi à? Theo ý tôi, tốt hơn hết là phải đào những bậc như bậc thềm. Chúng ta có bảy người, hai bậc cũng đủ: bốn người ngồi bậc trên, ba người ngồi bậc dưới.
- Đào bằng gì bây giờ?
- Cuốc đâu?
- Chỗ đất cát dùng móc đèn, chỗ rắn dùng dao.
- Đào đến đời nào cho xong!
- Anh Ba-Điền ơi! Đừng nói thế! Trong tình cảnh này người ta không tiếc gì, cốt sao cho sống. Nếu một người trong chúng ta lỡ ngủ quên đi, có phải người đó tự gieo mình xuống nước không?
Lòng can đảm và trí cương nghị đã cho Giáo-sư một uy quyền mỗi lúc một mạnh khiến chúng tôi phải khuất phục. Tự nhiên, chúng tôi thấy cái sức mạnh tinh thần của Giáo-sư đang chiến đấu với tai họa, tựa vào sức đó, chúng tôi mới vững lòng chờ đợi cứu cấp. Chúng tôi bảo nhau làm việc. Phải làm cho được hai bậc đó nếu không hoàn hảo thì cũng phải đủ ngồi để khỏi lăn xuống vực sâu ở dưới chân chúng tôi. Bốn ngọn đèn vẫn cháy, đủ ánh sáng cho chúng tôi làm.

Giáo-sư bảo:
- Nên tìm chỗ dễ đào thì hơn.
An-Thiện bảo các bạn:
- Các anh em! Hãy nghe tôi. Tôi có một ý kiến. Chúng ta ở đây người nào cũng rối trí cả, duy có Giáo-sư là người rất trấn tĩnh và sáng suốt, lại có lòng nhân nữa. Giáo-sư trước kia cũng là thợ cuốc như chúng ta, nhưng lịch duyệt hơn chúng ta nhiều. Tôi đề nghị bầu Giáo-sư là người đồn trưởng chỉ huy chúng ta làm việc. Các bạn nghĩ sao?
Cao-Dĩ, một kẻ dốt nát và cục súc chỉ quen việc đẩy goòng liền cãi:
- Giáo-sư! Sao lại bầu Giáo-sư mà không bầu tôi? Nếu cần một người đẩy xe chỉ huy thì tôi đây cũng là người đẩy xe như Giáo-sư chứ có kém gì đâu?
- Anh ngu lắm. Có phải người ta cần phu đẩy xe đâu! Chúng ta cần một "người" mà trong bọn chúng ta đây, chỉ có Giáo-sư là "người" hơn cả.
- Hôm qua, ông không nói thế.
- Hôm qua tôi cũng ngu như anh. Tôi cũng nhạo báng Giáo-sư như các bạn khác, không biết Giáo-sư giỏi hơn chúng ta. Nay tôi mới rõ, tôi đề nghị bầu Giáo-sư là vì thế. Vậy thưa Giáo-sư, Giáo-sư sai tôi làm gì bây giờ? Cánh tay tôi khỏe lắm, Giáo-sư đã rõ. Còn các bạn, thế nào?
- Xin vâng lời Giáo-sư.
- Sẽ vâng lời mãi mãi.
Giáo-sư nói:
- Các bạn muốn cho tôi làm đồn trưởng. Tôi xin vâng. Nhưng có một điều kiện là tôi bảo gì thì phải làm. Chúng ta còn phải ở đây lâu, nhiều ngày. Tôi không biết rồi sau ra sao. Chúng ta ở đây chẳng khác chi những người sống sót trên một cái bè giữa biển khơi. Có phần đau khổ hơn vì ngồi trên bè ít ra người ta cũng được thoáng khí và trông thấy trời. Người ta thở được và nhìn được. Dù xảy ra đến thế nào, đã bầu tôi làm trưởng đồn, các bạn phải triệt để nghe tôi.
Mọi người đồng thanh đáp:
- Chúng tôi xin nghe lời.
- Những điều các bạn tin là phải thì nghe đã đành. Nhưng có những điều mà các bạn không tin là phải thì sao?
- Chúng tôi rất tin cậy ở Giáo-sư.
- Giáo-sư ơi! Mọi người đều biết Giáo-sư là người bụng dạ tốt.
- Là người can đảm.
- Là người biết nhiều.

- Xin Giáo-sư đừng nghĩ đến những lời diễu cợt xưa.
Tôi còn nhỏ dại chưa hiểu việc đời mấy, nên rất lấy làm lạ rằng sao những kẻ trước đây vài giờ không ngớt lời nhạo báng Giáo-sư, bây giờ lại ca tụng Giáo-sư nhiều thế và sao những cơ hội đã làm cho người thay đổi ý kiến và cảm tình chóng thế?
Giáo-sư nói:
- Các bạn đã "thề" như thế?
Chúng tôi đều đáp:
- Xin "thề"!
Thế rồi chúng tôi bắt đầu làm việc. Ai cũng có dao trong túi cả, toàn dao tốt, cán bền, lưỡi sắc.
Giáo-sư nói:
- Ba người đục bậc, ba người khỏe. Còn những người yếu như Lê-Minh, Cao-Dĩ, Ba-Điền và tôi, chúng tôi san bằng mặt đất.
Bảy-Nhu, một người to lớn, sức lực, ngắt lời:
- Không. Giáo-sư không phải mó tay, vì Giáo-sư không khỏe lắm vả lại Giáo-sư là "Kỹ sư" rồi. Những Kỹ sư không phải làm việc lao lực.
Mọi người đều đồng ý với Bảy-Nhu và nói rằng Giáo-sư bây giờ là "Kỹ sư" thì được miễn lao dịch. Ai nấy đều cảm thấy sự chỉ huy của Giáo-sư rất cần thiết và nhiệt thành đến nỗi, nếu có thể được thì cũng đặt Giáo-sư vào một cái ổ bông để tránh mọi tai nạn cho Giáo-sư không quản ngại gì, vì Giáo-sư bây giờ là người Hoa tiêu trong chiếc thuyền ngộ nạn của chúng tôi.
Nếu chúng tôi có dụng cụ thì việc làm rất dễ. Nhưng làm bằng dao thì khó và lâu. Chúng tôi phải đào thành hai bậc trong sườn đá diệp thạch. Những bậc này phải rộng để có thể chứa được một hàng bốn người, một hàng ba người.
Chúng tôi phân công. Mỗi bậc do ba người phụ trách, hai người dũi đá, một người gạt những mảnh con vứt đi, "Kỹ sư" tay xách đèn đi từ "công trường" nọ đến "công trường" kia. Trong khi đào, người ta tìm được mấy thanh gỗ bị vùi dưới cát. Những thanh gỗ đó rất có ích, dùng để đóng vỉa cho đá khỏi lở. Suốt ba tiếng đồng hồ làm việc không nghỉ, chúng tôi đào xong hai bậc và có thể tạm ngồi được.
"Kỹ sư" ra lệnh:
- Bây giờ các bạn hãy nghỉ tay. Rồi sau có thì giờ ta hãy làm rộng thêm để có thể nằm được. Ta không nên làm thái quá. Hãy dành sức cho lúc cần đến.
Rồi người ta chia nhau ngồi. Giáo-sư, An-Thiện, Cao-Dĩ và tôi ngồi bậc dưới. Ba người thợ cuốc ngồi bậc cao.
Mọi người yên vị xong; Giáo-sư nói:

- Ta phải dành đèn. Tắt cả đi, chỉ để một ngọn đèn thôi.
Mọi người sắp sửa thi hành thì Giáo-sư vội ra hiệu ngừng lại và bảo:
- Xin các bạn một phút. Một luồng gió có thể làm tắt đèn của ta: điều này không chắc lắm. Nhưng ta vẫn cứ phải đề phòng cái "không thể có". Có ai mang diêm không?
Mặc dầu có lệnh cấm bật lửa trong hầm, nhưng hầu hết các thợ đều có diêm trong túi cả. Vì thế, lúc đó không có Kỹ sư của Công ty ở đây kiểm soát xem ai trái lệnh, nên Giáo-sư vừa hỏi "Có ai mang diêm?" thì bốn tiếng trả lời: "tôi có".
Giáo-sư nói:
- Tôi cũng có nhưng diêm bị ướt cả.
Đó cũng là trường hợp chung cho tất cả mọi người, vì ai cũng bỏ diêm trong túi quần và ai cũng lội nước đến ngực, đến vai.
Cao-Dĩ là người hiểu chậm và cũng nói chậm, trả lời sau rốt.
- Tôi cũng có diêm.
- Ướt?
- Không rõ vì tôi để trên mũ.
- Vậy đưa mũ tôi xem.
Đáng lẽ phải trao cho Giáo-sư cái mũ bằng da rái cá to như cái khăn của người Thổ-Nhĩ-Kỳ đội ngày phiên chợ, Cao-Dĩ đưa ra một bao diêm. Nhờ cái vị trí đóng trên cao trong khi chúng tôi lội nước nên những que diêm không bị dìm.
Giáo-sư ra lệnh:
- Bây giờ tắt đèn đi.
Thế rồi chỉ còn một ngọn lửa nhỏ le lói trong hang, khi tỏ khi mờ.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXVI
TRONG HỐC ĐÁ

Trong mỏ im lặng, tuyệt nhiên không có một tiếng động nào tới chỗ chúng tôi. Dưới chân chúng tôi, nước đứng yên không một gợn sóng, không một tiếng rì rào. Mỏ đầy nước, đúng như lời Giáo-sư đã nói. Nước sau khi chiếm hết các hầm từ nền lên đến mái, đã giam chúng tôi vào trong xó này, kín hơn là một nhà lao vây tường đá. Cái tĩnh mịch của cõi chết này làm cho chúng tôi ghê sợ, hãi hùng hơn là những tiếng động, tiếng nổ lúc ban đầu. Chúng tôi ở trong mỏ rồi, bị

chôn sống rồi! Ba, bốn mươi mét đất dầy đè nặng lên trái tim chúng tôi.
Công việc làm quên đi, ngồi rồi sinh lo nghĩ. Chúng tôi thẫn thờ như người mất vía, ai nấy đều lo cho số phận mình.
Chợt tôi thấy có giọt nước nóng rỏ trên tay tôi. Thì ra anh Cao-Dĩ đã khóc thầm.
Ngay lúc đó, có những tiếng thở dài đưa ra ở bậc trên và tiếng lẩm lẩm:
- Phi, con ơi! Phi!
Ba-Điền đang nhớ đến con.
Không khí nặng nề, khó thở. Tôi thấy tức ngực và ù tai.
Hoặc giả Giáo-sư ít lo buồn, hoặc giả Giáo-sư muốn xua đuổi cái lo buồn và làm cho chúng tôi quên đi, Giáo-sư phá tan làn yên lặng.
Giáo-sư nói:
- Bây giờ, nên xem ai có mang thức ăn.
An-Thiện hỏi:
- Giáo-sư tin rằng ta bị giam ở đây còn lâu?
- Không. Nhưng phải đề phòng. Ai có mang theo bánh mì?
Không ai trả lời.
Tôi nói:
- Tôi, tôi có mang một chiếc ở trong túi.
- Túi nào?
- Túi quần.
- Thế thì bánh của con thành cháo rồi. Nhưng cứ lấy ra xem.
Tôi móc tìm chiếc bánh lấy ra. Sáng ngày chiếc bánh vàng và giòn thế, mà bây giờ nhão như bánh đúc. Tôi thất vọng định vứt đi thì Giáo-sư kéo vội tay tôi lại và bảo:
- Hãy giữ lấy để ăn bữa tối, dù nó nát rồi, con cũng sẽ thấy ngon.
Tôi không tin lắm nên cũng chẳng để ý. Mãi về sau này, tôi nhớ lại những lời đó mới biết lúc này Giáo-sư vẫn sáng suốt, nhìn rõ tình cảnh chúng tôi và nếu không phải là phòng xa, từ cái nhỏ nhặt, những thống khổ có thể xảy ra cho chúng tôi thì ít ta Giáo-sư cũng tỏ ra không quá tin là cuộc cấp cứu sẽ dễ dàng.
Giáo-sư hỏi thêm:
- Không còn ai có bánh mì nữa à?
Không một tiếng trả lời.
Giáo-sư than:
- Thế thì buồn lắm!
Tư-Cổn hỏi:
- Giáo-sư đói à?

- Tôi không hỏi bánh cho tôi, mà hỏi cho Lê-Minh và Cao-Dĩ: bánh sẽ dành cho hai kẻ đó.
Bảy-Nhu nói:
- Sao lại không chia đều cho mọi người? Chúng ta bình đẳng trước cái đói.
- Nếu vậy, giá có bánh, thì chúng ta lại bực thêm. Anh đã hứa theo lời tôi. Nhưng bây giờ tôi thấy anh chỉ theo lời sau khi bàn cãi và nhận ra rằng tôi nói là phải.
- Anh ấy sẽ vâng lời.
- Nghĩa là sẽ có một trận khẩu chiến! Tôi không muốn có cuộc khẩu chiến đó. Muốn thế, tôi xin cắt nghĩa cho các bạn nghe tại sao phần bánh phải dành cho Lê-Minh và Cao-Dĩ. Không phải tôi đặt ra lệ đó. Chính là pháp luật. Nếu tôi không nhầm thì Pháp luật đã định rằng: khi nhiều người cùng mắc nạn thì những người già nhất từ 60 tuổi phải coi như là sống đã lâu rồi, câu đó có nghĩa là Lê-Minh và Cao-Dĩ còn ít tuổi được cứu chết trước Ba-Điền và Bảy-Nhu.
- Thế thì Giáo-sư quá 60 tuổi rồi!
- Phải, tôi, tôi không kể đến. Vả chăng tôi không phải là hạng người tham ăn.
Cao-Dĩ nghĩ một lúc rồi hỏi:
- Như vậy, nếu tôi có bánh mì thì tôi sẽ được ăn cả?
- Không. Phải chia cho Lê-Minh nữa!
- Nếu tôi không muốn cho.
- Người ta sẽ cứ lấy: em đã "thề" rồi mà!
Cao-Dĩ yên lặng một lúc lâu rồi bỗng móc ở mũ ra một tấm bánh.
- Đây, bánh của tôi đây.
- Mũ của Cao-Dĩ là cái kho vô tận chăng?
Giáo-sư bảo:
- Đưa mũ đây ta xem.
Cao-Dĩ cố giữ mũ lại, nhưng người ta giật lấy và đưa cho Giáo-sư, Giáo-sư gọi lấy đèn và nhìn những vật nhét ở lườn mũ. Lúc đó, mặc dầu chúng tôi đang ở trong cảnh buồn, nhưng cũng được một phút giải trí.
Giáo-sư lần lượt lấy ra: một cái tẩu, một hộp thuốc lá, một cái chìa khóa, một miếng dồi, một hộp đào khoét thành sáo, mấy cái que đánh chuyền bằng xương cừu; ba trái bồ đào, một củ hành. Không phải là cái mũ, đó là tủ đồ ăn, cái kho thập vật.
- Bánh và dồi sẽ để cho em và Lê-Minh ăn chiều nay.
Cao-Dĩ nói, giọng buồn rầu.
- Nhưng tôi đói lắm. Tôi đói ngay bây giờ.

- Chiều nay, em sẽ đói hơn.
- Chán quá, trong cái kho thập vật của em bé này không có đồng hồ. Chúng ta không biết giờ! Đồng hồ tôi cũng chết rồi!
Chiếc đồng hồ ông An-Thanh cho tôi cũng bị ngấm nước rồi!
Ý tưởng về đồng hồ đã đưa chúng tôi về thực cảnh. Mấy giờ rồi? Chúng tôi ở trong hốc này đã bao lâu rồi? Người ta hỏi nhau, nhưng mỗi người một ý. Người này bảo đúng trưa. Người khác bảo 6 giờ tối. Theo giờ trên thì chúng tôi bị giam độ 5 giờ. Theo giờ dưới thì những 11 giờ, thành ra họ cãi nhau, không biết ai nói đúng.
Một lúc lâu, chuyện vãn, chúng tôi ngồi im, ai nấy đều trầm lự.
Các bạn tôi đang nghĩ gì, tôi không biết. Về phần tôi, tôi thấy buồn quá. Mặc dầu Giáo-sư vẫn quả quyết, tôi không tin rằng mai mốt sẽ thoát nạn. Tôi sợ nước, sợ bóng tối, sợ chết. Sự im lặng làm tôi ghê người. Vòm hang mỗi ngày mỗi đè trĩu trên đầu tôi.
Thế là không bao giờ tôi lại được trông thấy Lệ-Hoa, Yến-Chi, An-Sinh, và Bằng-Mai. Ai sẽ thay tôi làm liên lạc? Tôi cũng không được nhìn thấy bà Mỹ-Lưu, cậu An-Tuyên, bạn Mã-Tư và con Lãnh-Nhi nữa! Không biết rồi đây Lệ-Hoa có hiểu rằng tôi chết vì cô không? Còn bà Bảo-Liên, mẹ nuôi tôi nữa! Bao giờ lại gặp để trả ơn bà? Lòng tôi ngổn ngang những nỗi lo lắng, đau thương.
Tôi nhìn các bạn tôi, người nào cũng ủ rũ như tôi. Tuy nhiên, họ quen đời sống ở mỏ, thiếu ánh sáng, thiếu khí trời, thiếu tự do, đất lúc nào cũng đè trĩu trên vai nên về thể xác họ có phần bớt đau khổ hơn tôi.
Chợt trong khoảng yên lặng, tiếng An-Thiện đưa lên:
- Theo ý tôi, dễ thường người ta chưa bắt đầu vào việc cứu ta?
- Tại sao anh lại nghĩ như thế?
- Tôi không nghe thấy tiếng động gì cả.
- Cả thành phố bị sụt vì động đất rồi!
- Hoặc ở trên ấy người ta tưởng chúng ta chết hết cả rồi nên không nghĩ đến việc cứu cấp nữa.
- Thế nghĩa là người ta bỏ rơi chúng ta?
Giáo-sư nói:
- Sao lại cả tin lời bạn anh thế? Không được buộc tội cho họ. Anh nên biết rằng: một khi xẩy ra một tai nạn, thợ mỏ không bao giờ bỏ nhau. Mười người, một trăm người thà chịu chết còn hơn là bỏ một người mà không cứu. Anh có biết điều đó không?
- Chính thế.
- Nếu chính thế, sao anh lại bảo người ta bỏ anh?
- Vì chúng tôi không nghe thấy gì.
- Chúng ta không nghe thấy gì, thật đấy. Nhưng ở đây liệu ta có thể

nghe được không? Ai thính tai? Chứ tôi thì kém. Nếu khi chúng ta có thể nghe được và thấy rằng người ta không làm việc, thì ta có thể nói quyết rằng người ta bỏ chúng ta không? Chúng ta có biết nguyên do cái tai họa đó ở đâu ra không? Nếu là một cuộc động đất thì người ta còn phải cứu những người còn sống sót trong thành phố chứ. Nếu là một trận lụt như tôi đã đoán, thì người ta xem tình trạng các lò đã. Những lò có thể lở hầm. Hầm nhà đèn cũng có thể sụt được. Cần phải có thì giờ mới tổ chức cuộc cấp cứu được. Tôi không nói rằng chúng ta được cứu thoát. Nhưng tôi nói rằng người ta sẽ làm việc để cứu chúng ta.
Giọng nói cương quyết của Giáo-sư khiến những người hoài nghi hay những người nhút nhát cũng phải yên trí.
Tuy nhiên, Bảy-Nhu vẫn chưa chịu, hỏi:
- Nếu người ta tưởng chúng ta chết cả rồi thì sao?
- Người ta vẫn tiến hành. Nếu sợ người ta tưởng chúng ta chết rồi thì chúng ta tìm cách tỏ cho người ta biết là chúng ta vẫn còn sống. Chúng ta nên đập mạnh vào vách đá, vì tiếng động có thể truyền qua đất được. Nếu người ta nghe thấy, người ta sẽ làm gấp và tiếng động của ta sẽ chỉ lối cho họ tìm.
Bảy-Nhu, chân đi đôi bốt to tướng, đá mạnh vào vách cồm cộp như kiểu những người thợ mỏ thường gọi nhau. Tiếng gõ đó và nhất là lòng mong đợi làm cho chúng tôi tỉnh táo đôi chút. Người ta có nghe thấy không? Người ta có trả lời chúng tôi không?
An-Thiện nói:
- Giáo-sư ơi! Nếu người ta nghe biết chúng ta, thì người ta sẽ làm thế nào để cứu chúng ta?
- Chỉ có hai cách. Tôi tin rằng các Kỹ sư trên ấy thế nào cũng phải dùng đến: một mặt đào những hố sâu cho tới chỗ chúng ta, và một mặt múc hết nước trong hầm đi.
- Đào hố ư?
- Múc nước ư?
Giáo-sư không để ý đến những câu hỏi đó và nói tiếp:
- Chúng ta ở cách mặt đất 40 mét, phải không? Mỗi ngày đào được 6 hay 8 mét thì phải 7 hay 8 ngày mới đến chỗ chúng ta.
- Người ta không thể đào mỗi ngày 6 mét được.
- Lúc thường thì không, nhưng cấp cứu người ta có thể gắng làm được.
- Giáo-sư ơi! Sống làm sao được trong 8 ngày? Nhịn ăn 8 ngày?
- Thế còn nước thì tát thế nào?
- Còn nước, ta không biết. Phải biết hiện giờ trong mỏ có bao nhiêu

mét khối nước, 200.000m3 hay 300.000m3 thì mới tính được. Tuy nhiên, muốn đến chỗ ta, người ta không cần múc hết nước trong hầm, vì chúng ta ở tầng thứ nhất. Người ta có thể múc nước ở ba lò trong một lúc. Một lò lúc bằng hai cái thùng chở than. Như thế, mỗi lần múc 6 thùng, mỗi thùng đựng được 25 héc-tô-lít hay 2.500 lít nước, vị chi là 150 héc-tô-lít hay 15.000 lít đổ ra ngoài. Như vậy, lợi thì giờ hơn là đào hố. Các bạn nghĩ có phải không?
Mọi người bàn cãi về hai phương pháp giải cứu nói trên. Tôi nghe ra thì nếu người ta dùng cả hai phương tiện đó, không gặp ngăn trở, ít nhất chúng tôi cũng phải nằm dưới mả 8 ngày.
Tám ngày! Giáo-sư có kể chuyện một bọn thợ mỏ bị vùi dưới mỏ 24 ngày không chết. Nhưng đó là một câu chuyện cổ tích. Còn chúng tôi đây mới là câu chuyện thật. Không biết sau 8 ngày chúng tôi có được lên mặt đất không?
Óc tôi cứ bề bộn về ý nghĩ đó không biết mất bao nhiêu thì giờ.
Chợt Cao-Dĩ kêu:
- A! Các ông thử nghe xem!
Cao-Dĩ vốn đần độn như một con vật, nhưng lại có cái năng khiếu của loài vật phát triển hơn chúng tôi: hắn nghe rất tinh.
- Cái gì thế?
- Có tiếng gì ở dưới nước.
- Em làm rơi hòn đá chứ gì?
- Không. Có tiếng lờ mờ.
Chúng tôi lắng nghe. Tôi rất thính tai nhưng chỉ nghe trên đời thôi. Ở dưới đất tôi chẳng nghe thấy gì. Các bạn tôi quen nghe tiếng động trong mỏ, tỏ vẻ sung sướng và mừng rỡ hơn tôi.
Giáo-sư nói:
- Phải, có cái gì động xuống nước.
- Cái gì thế?
- Tôi không biết.
- Nước chảy xuống chăng?
- Không, tiếng động đó không liên tục, nghe ình ịch, cách khoảng rất đều.
- Nghe ình ịch và rất đều à? Các bạn ơi! Chúng ta sống rồi! Đó là những thùng múc nước đấy!
- Thùng múc nước!
Như bị điện giật, chúng tôi cùng nói thế và cùng đứng dậy một loạt. Chúng tôi không còn ở sâu 40 mét nữa. Không khí không đặc nữa. Tiếng ù trong tai cũng mất. Chúng tôi thở dễ dàng. Trái tim chúng tôi lại nhảy đều trong ngực!

Cao-Dĩ nắm tay tôi và bóp mạnh.
Anh bảo tôi:
- Anh là người tốt.
- Không phải. Chính anh.
- Tôi nói rằng anh là người tốt.
- Nhưng chính anh đã nghe thấy tiếng thùng nước đều tiên.
Anh hết sức đổ cho tôi là người tốt. Anh chếch choáng như người say rượu. Mà thực ra tất cả mọi người trong chúng tôi đều say sưa về hy vọng. Nhưng cái hy vọng đó làm gì đã được thành tựu sớm thế?
Trước khi lại được nhìn thấy tia nắng ấm của mặt trời, trước khi lại được nghe thấy tiếng gió rì rào trong đám lá xanh, chúng tôi còn phải ở trong ngục tối qua những ngày dằng dặc và sầu bi, chịu tất cả những thống khổ, lúc nào cũng nghĩ không biết có còn sống được để trông thấy ánh sáng trên đời và nghe thấy cái âm thanh êm ái kia không?
Bây giờ, để độc giả biết rõ cái tai họa ghê gớm xảy ra ở mỏ Thụy-Khê, tôi xin kể lại nạn đó đã diễn ra như thế nào và những phương tiện các Kỹ sư đã dùng để cứu chúng tôi.
Sáng hôm ấy, thứ hai, khi chúng tôi xuống mỏ, bầu trời u ám và có dấu hiệu báo trước là sắp có cơn dông. Đến bảy giờ, dông tố nổi lên và mưa như trút nước. Những đám mây đen và thấp kéo vào thung lũng ngoắt ngéo của sông Đinh-Giang, rồi bị vướng hãm trong vòng đồi. Mây không lên cao được, có bao nhiêu nước trút hết xuống thung lũng. Không phải mưa rào nữa, là một cái thác, là một Đại-Hồng-Thủy. Chỉ trong mấy phút, nước sông Đinh-Giang và các phụ lưu sông ấy đều lên to. Điều này rất dễ hiểu, vì đất toàn đá và dốc nước không những không ngấm đi đâu được, lại chảy rất nhanh vào sông. Thình lình nước sông đầy lên đến bờ. Mà các suối An-Khê và Thụy-Khê cũng đầy tràn cả.
Bị nước lũ ở sông Đinh-Giang dồn lại, dòng Thụy-Khê không còn chỗ thoát, tràn lan ra khắp vùng mỏ rất nhanh chóng. Những thợ giữ việc rửa quặng nghỉ ngay nên không bị nguy hiểm gì cả.
Không phải lần thứ nhất mà miền Thụy-Khê bị lụt, người ta yên trí như mọi khi các cửa lò đã khơi cao, không sợ nước mưa chảy xuống, nên người ta chỉ để ý đến việc thu gọn những đống gỗ đã xẻ sẵn dùng vào việc ghép đường hầm. Đang lúc Kỹ sư đốc thúc việc này bỗng thấy nước xoáy xuống một cái vực sâu mà nó vừa đào. Vực sâu này ở ngay chỗ mạch than nổi gần mặt đất.
Không phải nghĩ ngợi gì, Kỹ sư hiểu ngay: nước đã phá đất và chảy

xuống hầm. Mực nước ở ngoài rút dần đi, khắp mỏ sắp bị ngập, thợ thuyền sắp chết hết.
Kỹ sư chạy đến lò Thánh Duy-Liên ra lệnh cho người ta thả Kỹ sư xuống lò. Khi sắp bước chân vào thùng, Kỹ sư nghe thấy một tiếng động kinh khủng ở dưới hầm mỏ: đó là tiếng thác đổ.
Những thợ chung quanh giữ Kỹ sư lại và nói:
- Kỹ sư đừng xuống nữa!
Nhưng Kỹ sư dứt ra, móc ở túi gi-lê ra một chiếc đồng hồ quả quít đưa cho một người đứng gần đó và bảo:
- Anh cầm lấy và đưa cho con gái tôi nếu tôi không trở lại nữa.
Rồi Kỹ sư ra lệnh cho người kéo trục:
- Thả cho tôi xuống! Mau!
Thùng từ từ xuống, Kỹ sư ngửa lên và bảo thêm người giữ đồng hồ rằng:
- Anh bảo giúp rằng tôi hôn nó.
Thùng xuống đáy lò, Kỹ sư gọi to, năm người thợ mỏ chạy ra, Kỹ sư bảo vào cả thùng. Trong khi thùng kéo những người này lên, Kỹ sư lại cố sức gọi to hơn nhưng vô ích vì tiếng nước chảy và tiếng đất sụt át đi.
Lúc đó, nước đã vào hầm, Kỹ sư trông phía trước mặt thấp thoáng có mấy ngọn đèn, Kỹ sư lội nước đến đầu gối, tới chỗ đó và dắt được ba người ra. Thùng lại thả xuống, Kỹ sư cho ba người ngồi vào rồi lại toan chạy đến chỗ xa xa có ánh sáng. Nhưng những người vừa được Kỹ sư cứu, lôi tuột Kỹ-sư vào thùng và ra hiệu kéo lên. Vừa khéo! Thùng vừa nhấc lên thì nước chiếm đầy hầm.
Cách cứu bằng thùng không được nữa rồi. Phải tìm cách khác! Cách nào? Chung quanh Kỹ-sư, hầu như chẳng còn ai nữa. Một trăm rưỡi người thợ đã xuống hầm vì sáng nay một trăm rưỡi cái đèn đã được phân phát. Thế mà chỉ có 30 cái đèn đem về trả cho nhà đèn thôi. Như vậy còn 120 người bị giữ ở dưới mỏ. Họ còn sống? Hay họ chết? Họ có tìm được chỗ lánh không? Những câu hỏi đó làm loạn óc Kỹ-sư đang lo lắng hãi hùng.
Trong lúc Kỹ-sư đang lo cho số phận một trăm hai mươi mạng người mắc nạn thì đây: đất và đá bắn tung lên, nhà cửa rung chuyển như động đất. Hiện tượng đó, Kỹ-sư đã đoán ngay ra. Đó là khí ghi-du và không khí bị nước dồn ép vào những hốc kín và ở dưới một lớp đất mỏng nên tức hơi nổ tung vỏ đất ra, khác nào như cái thành nồi súp-de bị nổ. Mỏ đầy nước rồi! Cái thảm họa đã bày ra trước mắt.
Tin dữ này đã bay khắp vùng Văn-Xá rất chóng. Tứ phía người ta kéo đến mỏ Thụy-Khê: thợ thuyền, những người tò mò, và nhất là

những vợ, những con các nạn nhân. Họ đến tìm và hỏi. Những người có trách nhiệm không biết trả lời thế nào, họ càng bực tức và đau đớn. Người ta dấu sự thực. Đó là lỗi ở Kỹ-sư. Giết chết Kỹ-sư đi! Giết chết nó đi! Họ định tràn vào phá văn phòng Kỹ-sư. Lúc đó Kỹ-sư đang cúi xuống bản đồ, chẳng nghe thấy gì, đang tìm xem những chỗ nào thợ mỏ may ta đã trú ẩn được và phải cứu họ bằng cách gì? May sao, những Kỹ-sư và thợ thuyền các mỏ gần đấy cũng chạy đến, người ta đã ngăn giữ được đám người toan bạo động và giải thích cho họ nghe. Nhưng giải thích thế nào cho ổn? Một trăm hai mươi con người thiếu mặt! Bây giờ họ ở đâu?

- Cha tôi đâu?
- Chồng tôi đâu?
- Trả con tôi đây!

Tiếng hỏi chen tiếng khóc. Người ta biết trả lời thế nào cho những người con, những người vợ và những người mẹ khốn nạn ấy?

Các Kỹ-sư họp bàn và đã trả lời vắn tắt:

- Để chúng tôi tìm. Chúng tôi liều làm thử.

Thế rồi công cuộc cấp cứu bắt đầu.

Liệu có thể tìm được một người sống sót trong đám 120 người đó chăng?

Phần không chắc thì nhiều mà phần hy vọng thì ít. Nhưng có cần chi? Cứ việc tiến!

Công cuộc cấp cứu tổ chức đúng như lời Giáo-sư phỏng đoán. Những thùng múc nước được đặt ở ba lò và người ta làm ngày làm đêm cho đến giọt nước cuối cùng được trả vào sông Đinh-Giang. Đồng thời, người ta bắt đầu đào những đường hầm. Đào ngả nào? Từ chỗ nào? Người ta cũng không biết rõ. Đào phỏng chừng và cứ việc đào.

Ý kiến bất đồng xảy ra giữa những Kỹ-sư về việc đào hầm thế nào cho đúng chỗ các nạn nhân sống sót. Nhưng Kỹ-sư mỏ Thụy-Khê quả quyết rằng thợ của Kỹ-sư có thể trốn lên các hầm cũ, chỗ đó nước không tới được và nhất định đào một đường thẳng xuống chỗ đó dù không tìm thấy một người nào.

Con "đường hang chuột" này đào hết sức hẹp lòng để khỏi mất nhiều công và nhiều thì giờ. Vì thế chỉ dùng một người thợ cuốc xuống đào, than vụn cuốc ra lần lượt được kéo lên bằng một cái rổ có dây thòng xuống. Người thợ này mệt, người thợ khác xuống thay ngay.

Cứ luôn tay như thế, ngày cũng như đêm, người ta làm không nghỉ, không ngừng, ở cả hai nơi: múc nước và đào hang.

Thì giờ đã dài cho những người làm việc bên trên thì lại càng dài cho

chúng tôi ở dưới đất không biết bao nhiêu. Chúng tôi bị giam cầm và phải bó tay đành chịu chờ người đến cứu vớt mà thôi. Tiếng thùng múc nước xa vẳng bên tai không làm cho chúng tôi mừng cuống như lúc ban đầu nữa. Biết rằng chúng tôi không bị bỏ rơi, người ta đi tìm chúng tôi, chúng tôi hy vọng thực, nhưng nghĩ không biết đến bao giờ nước mới múc hết, nên chúng tôi buồn nản quá.
Cái thống khổ về tinh thần bây giờ lại liên kết cái thống khổ về vật chất. Ngồi gò bó mãi trên cái bậc hẹp, thân thể chúng tôi tê dại và đầu óc chúng tôi thấy nhức nhối, nặng nề.
Trong bọn chúng tôi duy có Cao-Dĩ là người không chịu đựng được hơn cả.
Thỉnh thoảng Cao-Dĩ lại kêu:
- Giáo-sư ơi! Tôi đói lắm! Xin Giáo-sư miếng bánh!
Sau cùng, Giáo-sư phải lấy ở cái mũ da rái cá ra một mẩu bánh và phân phát cho Cao-Dĩ với tôi.
Cao-Dĩ ăn xong lại kêu:
- Còn đói lắm.
- Phải ăn dè sẻn cho được lâu.
Còn những bạn khác nếu được tí bánh thì sung sướng lắm đấy, nhưng họ đã thề và quyết giữ lời thề.
Tư-Cổn nói:
- Nếu tôi không được ăn, thì tôi vẫn được phép uống nước chứ?
- Về khoản này, tha hồ. Nước có rất nhiều, muốn uống bao nhiêu thì uống.
- Múc ở hầm lên.
Ba-Điền muốn lội xuống, nhưng Giáo-sư không cho phép:
- Anh sẽ làm lở vỉa bậc. Lê-Minh người nhẹ và khéo hơn, xuống lấy nước cho chúng ta.
- Bằng cái gì?
- Bằng chiếc giầy ống của ta.
Người ta liền trao cho tôi một chiếc ủng, tôi sửa soạn tụt xuống nước. Giáo-sư nói:
- Khoan đã. Đưa tay cho ta giữ.
Giáo-sư đừng ngại. Con biết bơi.
- Cứ để ta giữ tay cho chắc.
Khi Giáo-sư vừa bước ra, hoặc vì chân bị tê cóng, hoặc vì bước hụt hay vì đất lở, Giáo-sư lộn nhào xuống nước. Chiếc đèn Giáo-sư xách ở tay cũng theo Giáo-sư xuống vực sâu.
Tự nhiên tối mò, mọi người đều kêu lên. May sao lúc đó tôi đã tụt được xuống nước. Ngày tôi theo ông Vỹ-Tiên, tôi tập bơi, lặn rất khá,

cử động dưới nước cũng dễ dàng như ở trên cạn. Nhưng ở trong cái vũng tối như mực này thì biết xoay xở làm sao?
Tôi không nghĩ đến nỗi khó khăn này khi tôi tụt xuống, tôi chỉ nghĩ đến cái chết của Giáo-sư mà tự nhiên tôi lội xuống như thiên tính của giống chó Tân-Địa (hay cứu người chết đuối). Tìm Giáo-sư ở chỗ nào? Quờ tay ra phía nào? Lặn thế nào? Tôi đang bối rối bỗng một bàn tay co rúm bám lấy vai tôi và kéo tôi chìm xuống. Tôi đạp mạnh một cái ngoi lên mặt nước, bàn tay kia vẫn bíu cánh tay tôi.
- Giáo-sư nắm chặt lấy tay tôi và ngửa đầu lên. Không sợ!
Không sợ! Nhưng biết bơi vào phía nào? Tôi vụt có một ý nghĩ, tôi kêu:
- Các bạn ơi! Nói lên!
- Lê-Minh ở đâu!
Tôi nhận ra tiếng An-Thiện. Tôi bơi về phía tay trái.
- Thắp đèn lên!
Lập tức, một ngọn lửa bật lên. Tôi chỉ có việc bơi một sải là tới bờ. Một tay tôi bám vào một mẩu than, một tay tôi kéo ông vào. Ông đã uống nước nhiều, nhưng còn tỉnh.
An-Thiện và Cao-Dĩ cúi xuống giơ tay đón chúng tôi. Còn Ba-Điền cầm đèn soi. An-Thiện và Cao-Dĩ mỗi người cầm một tay kéo Giáo-sư mà tôi thì đẩy bên dưới. Khi Giáo-sư đã lên được rồi, tôi mới bắt đầu leo lên. Lúc đó Giáo-sư đã tỉnh hẳn.
Giáo-sư gọi tôi:
- Minh ơi! Lại đây cho ta hôn. Con đã cứu sống ta.
- Chính Giáo-sư đã cứu sống tất cả chúng tôi.
Cao-Dĩ vốn ít tình cảm và chỉ nghĩ đến mình, nói:
- Rút lại chỉ có mình tôi bị thiệt mất chiếc giầy mà không được ngụm nước nào!
- Để tôi xuống tìm giầy anh.
Nhưng mọi người đều nắm tôi lại.
Giáo-sư nói:
- Ta cấm con không được xuống tìm.
- Vậy, cho tôi xin chiếc khác để lấy nước.
Tư-Cổn nói:
- Tôi không khát nữa.
- Nhưng để uống mừng sức khỏe Giáo-sư?
Rồi tôi xuống nước lần thứ hai, rất thong thả và cẩn thận hơn lần trước.
Tuy thoát chết đuối, nhưng Giáo-sư và tôi tới khó chịu vì ướt át từ chân đến đầu. Lúc mới chúng tôi không nghĩ đến đều đó, nhưng bây

giờ quần áo ẩm làm chúng tôi thấy lạnh.
Giáo-sư nói:
- Nên nhường cho Lê-Minh một cái áo cánh.
Không ai trả lời cả vì lời kêu gọi kia không chỉ định ai và bắt buộc ai.
- Không ai trả lời?
Cao-Dĩ nói:
- Tôi cũng rét.
- Thế chúng tôi bị ướt, chúng tôi nóng hơn hay sao?
- Còn các bạn khác nữa cũng không bị ngã.
Giáo-sư nói:
- Nếu vậy, phải rút thăm xem ai phải nhường áo. Về phần tôi, tôi không cần đến. Nhưng tôi kêu gọi sự đồng đều.
Vì tất cả bọn chúng tôi cũng đã lội đến thắt lưng, tôi đến cổ, nên việc đổi áo cũng không có lợi gì. Tuy nhiên Giáo-sư bảo thủ ý kiến và sau khi rút thăm, tôi được mặc áo của Tư-Cổn. May sao, Tư-Cổn có đôi chân cao bằng đầu tôi, nên chiếc áo còn khô nguyên.
Được chiếc áo ấm, tôi bắt đầu dễ chịu.
Cái nạn bất kỳ vừa rồi đã làm cho chúng tôi xáo động trong một thời gian. Sau đó im lặng lại hoàn im lặng. Ai cũng lo cái chết. Có lẽ mọi người lo hơn tôi nên cứ tỉnh thức trong cơn âu sầu, còn tôi, tôi ngủ lúc nào không biết.
Chỗ tôi nằm cheo leo, dễ lăn lắm. Thấy thế, Giáo-sư đưa cánh tay ôm lấy đầu tôi, không khít lắm, đủ giữ cho tôi khỏi ngã. Tôi ngả đầu trên đùi Giáo-sư như đứa trẻ gối trong lòng mẹ. Thực là một người có trí sáng suốt và nhân từ. Khi tôi cựa mình, Giáo-sư thay chiều cho cánh tay khỏi tê rồi lại ngồi im. Giáo-sư nói nhỏ:
- Con ơi! Ngủ đi. Không sợ ngã. Đã có ta giữ. Ngủ đi, con!
Rồi tôi lại ngủ, yên trí đã có người bảo vệ cho tôi.
Thì giờ đi chậm nhưng vẫn đi và tiếng thùng múc nước vẫn đều đều.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXVII
CUỘC CỨU VỚT

Mỗi ngày, chúng tôi thấy bực dọc quá với các bậc hẹp của chúng tôi. Chúng tôi đồng ý khơi rộng bậc ra và mỗi người lại phải bắt tay vào việc. Chúng tôi lại dùng dao moi than và vứt xuống nước. Vì đã có

chỗ đứng vững để xoay xở, nên việc làm không khó nhọc lắm. Không bao lâu chúng tôi khoét rộng được cái nhà giam của chúng tôi. Dễ chịu biết bao nhiêu khi chúng tôi được nằm dài và được duỗi thẳng chân không phải ngồi co, tê cả đùi như trước.
Chiếc bánh của Cao-Dĩ dù chia dè sẻn thế nào rồi cũng phải hết. Mẩu bánh cuối cùng đã phân phát cho chúng tôi kịp thời, vì khi Giáo-sư đem cho chúng tôi, con mắt mọi người thợ cuốc cứ nhìn trừng trừng, tôi nhận thấy nếu còn bánh phát lần nữa, thế nào họ cũng không để yên, họ sẽ đòi ăn và cứ lấy phần.
Chúng tôi dần dần chẳng buồn nói chuyện nữa. Lúc mới bị nạn nói nhiều bao nhiêu thì bây giờ im lặng bấy nhiêu. Có nhắc đến chăng thì cũng chỉ hai vấn đề đã nói mãi: họ làm thế nào để xuống tới đây và chúng tôi đã bị giam trong bao lâu rồi?
Nhưng, những câu chuyện này cũng không được bàn cãi hăng hái như trước. Có ai lên tiếng, tiếng đó không người hưởng ứng hay được trả lời bằng một câu vắn tắt. Người ta có thể bảo đêm là ngày, bảo đen là trắng, mà cũng chẳng ai bực tức và phản đối, chỉ nói cho xuôi:
- Được, để xem.
Chúng tôi bị chôn vùi đã hai ngày hay sáu ngày? Khi nào có người đến cứu? Có chắc không? Tôi bắt đầu nghi ngờ.
Chẳng riêng một tôi, thỉnh thoảng một bạn tôi cũng thốt ra những lời chán nản.
Bảy-Nhu nói:
- Có điều an ủi tôi là: nếu tôi chết ở đây, Công ty sẽ phải trợ cấp cho vợ con tôi, không đến nỗi phải vào nhà Tế Bần.
Giáo-sư lãnh trách nhiệm đoàn trưởng, không những có bổn phận bảo vệ chúng tôi để chống với tai họa mà còn bảo vệ chúng tôi để chống với chúng tôi nữa. Vì thế, khi thấy ai tỏ ra chán nản, Giáo-sư liền can thiệp bằng một câu khích lệ:
- Anh không phải ở đây lâu đâu! Thùng nước múc luôn luôn. Nước phải xuống.
- Nước xuống ở đâu?
- Ở những lò.
- Còn các hầm?
- Cũng sẽ đến lượt. Ta phải đợi.
Cao-Dĩ nói:
- Ông Bảy-Nhu ơi! Giáo-sư nói cái gì cũng hay cả. Nếu Công ty này mà phá sản như Công ty của Giáo-sư ngày trước, có phải vợ ông bị người ta bóc lột hết không?

- Im mồm! Mày ngu lắm! Công ty rất giầu.
- Công ty chỉ giầu khi còn mỏ. Một khi mỏ chìm dưới nước thì còn gì nữa? Nếu tôi ở trên đất trông thấy thế này, tôi rất thích!
- Bởi vì…?
- Các Giám đốc và Kỹ-sư kiêu hãnh lắm! Bây giờ thực là một bài học cho họ. Nếu Kỹ-sư hôm đó cũng xuống mỏ nhỉ, thực là buồn cười! Thưa Kỹ-sư, ngài có mang địa bàn không?
- Đồ ngu! Nếu Kỹ-sư có xuống nữa, mày cũng phải ở đây. Chúng ta cũng thế.
- Thưa các vị, các vị có thể yên tâm được. Tôi thì khác. Ai phơi hạt dẻ cho tôi? Lúc đó, tôi mời Kỹ-sư lên cho. Kính chào ngài Kỹ-sư!
Giáo-sư lúc nào cũng trấn tĩnh, không để lộ vẻ lo buồn. Còn Cao-Dĩ thì chẳng biết gì. Riêng chúng tôi, ai cũng lo lắng. Hễ nói đến chuyện đợi cứu là y như những tiếng "chết", tiếng "bỏ rơi" lại nổi lên tự đáy lòng đưa lên cửa miệng.
- Giáo-sư ơi! Hão lắm! Lấy thùng mà múc thì đến đời nào hết nước?
- Tôi đã tính cho anh nghe mãi rồi thôi. Hãy gắng đợi.
- Những bài tính không cứu ta ra khỏi hầm được.
Ý nghĩ này là của Ba-Điền.
- Ai cứu được?
Giáo-sư đáp:
- Có thể lắm. Nếu Thượng-Đế thương. Người có thể cứu vớt chúng ta.
- Chúng ta bị nạn này, chắc vì trong bọn chúng ta có những người độc ác mà trời muốn phạt.
Bảy-Nhu nói:
- Phải đấy. Thượng-Đế muốn cho một người trong bọn ta có dịp để chuộc lỗi, để đền tội. Có phải Ba-Điền không? Tôi không biết về phần tôi, tôi có thể nói được rằng những ngày gần đây tôi ăn ở không được ngoan đạo lắm, bây giờ lương tâm tôi cắn rứt, tôi dốc lòng cầu nguyện Thượng-Đế tha thứ cho tôi.
Nói xong Bảy-Nhu quỳ xuống và tự đánh vào ngực.
Ba-Điền kêu:
- Còn tôi, tôi không dám nói rằng tôi không có tội lỗi gì trong lương tâm, tôi xin xưng với các bạn như thế. Nhưng Thiên thần hộ mệnh, và Thánh Giăng, thần bổn mệnh của tôi, đều soi xét cho rằng không bao giờ tôi chủ tâm làm xằng và tôi không hề có lỗi với ai cả.
Tôi không hiểu đó có phải là cảm ứng của ngục tối, của cái chết sắp đến, của cái đói dày vò, của ánh sáng huyền bí đang chập chờn kia gây nên hay không, nhưng khi thấy hai người vừa công khai xưng

tội, lòng tôi rung động và cảm xúc, bất giác tôi cũng quỳ xuống cạnh Bảy-Nhu, Ba-Điền và cùng xưng tội với họ. Thình lình sau lưng tôi có tiếng khóc, tôi quay lại, thấy Tư-Cổn lù lù ngồi vật xuống đất. Tư-Cổn nói:
- Người tội lỗi không phải là Ba-Điền, không phải là Bảy-Nhu. Người tội lỗi đó chính là tôi. Chính là vì tôi mà trời phạt, nhưng tôi đã biết hối hận rồi, hối hận lắm. Đây là sự thực, xin các bạn hãy nghe cho, nếu tôi thoát khỏi chỗ này mà về được, tôi sẽ tìm cách chuộc tội. Nếu vạn nhất tôi không về được, xin các bạn chuộc tội cho tôi. Cách đây một năm, Duy-Quế bị 5 năm tù về tội ăn trộm chiếc đồng hồ của một người tên Vi-Đan, để ở trong buồng. Duy-Quế bị tù oan. Chính tôi đã lấy trộm. Chiếc đồng hồ đó hiện giấu ở dưới giường của tôi, nhắc viên gạch vuông thứ ba về phía bên trái lên thì tìm thấy.
Ba-Điền và Bảy-Nhu đồng kêu lên:
- Quẳng nó xuống nước đi! Quẳng nó xuống nước đi!
Giáo-sư vội can thiệp:
- Không được! Nếu các anh muốn quẳng Tư-Cổn xuống nước thì xin quẳng tôi xuống trước.
Hai người kia nói:
- Nếu Giáo-sư không cho tôi đẩy nó xuống nước thì chúng tôi xin một điều kiện: cho nó ngồi riêng ra một chỗ, không ai được nói chuyện với nó và cũng không ai được săn sóc đến nó.
Giáo-sư nói:
- Như vậy thì được, vì nó đáng tội đó.
Sau lời tuyên án của Giáo-sư, chúng tôi, ba người An-Thiện, Giáo-sư và tôi, ngồi xít lại với nhau, để cách một khoảng trống giữa chúng tôi và tội nhân, hắn nằm gục trên đám than.
Trong bao nhiêu giờ, hắn nằm gục như thế, đau khổ và không cựa cạy, thỉnh thoảng lại kêu:
- Tôi hối hận rồi!
Ba-Điền và Bảy-Nhu mắng:
- Đã muộn rồi! Bây giờ sợ chết mày mới hối hận, đồ hèn! Đáng lẽ mày phải hối hận từ sáu tháng, từ một năm nay rồi!
Hắn vừa hổn hển vừa nhắc lại những câu trước như để trả lời:
- Tôi hối hận rồi! Tôi hối hận rồi!
Hắn phát sốt, vì thân thể hắn run run, và hai hàm răng hắn lập cập.
Hắn kêu:
- Tôi khát lắm. Cho tôi chiếc giầy.
Nhưng chiếc giầy hết nước rồi. Tôi liền đứng dậy để lấy nước cho hắn. Nhưng Ba-Điền trông thấy bảo tôi ngồi im và An-Thiện cũng giữ

tay tôi lại.
Ba-Điền nói:
- Người ta đã thề không săn sóc đến nó.
Tư-Cổn cứ lải nhải kêu khát mãi.
Cuối cùng hắn bò dậy tự múc nước lấy.
Ba-Điền kêu:
- Nó làm lở hết chỗ ngồi bây giờ!
Giáo-sư nói:
- Nên cho nó được tự do một chút.
Tư-Cổn đã nhìn thấy tôi tụt xuống nước đằng lưng, hắn cũng bắt chước làm như thế. Nhưng tôi nhẹ mà hắn nặng. Tôi mềm mại mà hắn vụng về, nên khi hắn vừa để chân xuống thì mẩu than sụt, hai tay hắn quờ quạng trong không khí, hắn lăn tòm xuống vực sâu, nước bắn tóe lên chỗ chúng tôi ngồi. Mặt nước khép lại và không mở ra nữa.
Tôi vội cúi ra phía trước, nhưng An-Thiện và Giáo-sư mỗi người một bên nắm cánh tay tôi lôi lại.
Tôi rủn người và ngã vật về phía sau, khiếp sợ.
An-Thiện nói:
- Nó không phải là người lương thiện.
Ba-Điền lấy chân đá vào vách than mấy cái và nói:
- Bây giờ thì mọi việc đều tốt đẹp!
Nhưng mọi việc chưa được tốt đẹp như lòng Ba-Điền tin tưởng. Đó không phải là lỗi các Kỹ-sư và bọn thợ đang tiến hành công cuộc giải cứu. Người ta đã đào suốt ngày đêm không nghỉ, nhưng việc làm rất khó.
Người ta đang đào đến lớp than rất rắn mà thợ mỏ thường gọi là "gân than". Vả hầm đào lại hẹp chỉ vừa chỗ cho một người cuốc nên họ phải luân phiên nhau làm việc. Xuống càng sâu, không khí càng khó thở. Người ta phải đặt những ống bằng sắt tây để dẫn khí trời xuống. Một cái quạt tay gia sức thổi không khí xuống… thế mà ngọn đèn chỉ cháy được ở gần miệng ống thôi. Vì những lẽ đó, nên việc làm rất chậm. Đã 7 ngày đêm rồi mà người ta chỉ đào xuống được có 20 mét. Nếu là việc thường phải một tháng mới xong, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, mọi người đều hăng hái, cho nên kết quả có thể đạt sớm hơn được.
Công việc sở dĩ cứ tiến hành được là nhờ ở trí cương quyết của Kỹ-sư, vì theo ý đại đa số việc làm đó rất vô ích. Tất cả những thợ bị chôn vùi đều chết rồi. Chỉ nên múc hết nước bằng thùng rồi ngày một ngày hai, người ta sẽ tìm đủ xác nạn nhân. Thế thì xuống hầm được

sớm hơn hay chậm hơn một vài giờ có quan hệ gì? Đó là ý kiến của những nhà có thẩm quyền cũng như toàn thể dân chúng. Những cha mẹ, vợ con các nạn nhân đã để tang cả rồi. Quyết rằng không một người nào lại sống sót được ở hầm mỏ Thụy-Khê.
Để ngoài tai những dị nghị của công chúng và những lời phê bình của các bạn đồng nghiệp, Kỹ-sư không sờn lòng, khăng khăng cho đào đến nơi.
Người ta thấy có ở Kỹ-sư một tính khí cương ngạnh và một lòng tin mãnh liệt, đức tính quý báu đã giúp Kha-Luân-Bố tìm thấy Mỹ-châu.
Kỹ-sư hô hào đám thợ:
- Các bạn ơi! Còn một ngày hôm nay nữa thôi. Nếu ngày mai không tìm thấy gì mới lạ, ta sẽ đình chỉ việc làm. Tôi chỉ yêu cầu anh em cho các nạn nhân những điều mà tôi cũng sẽ yêu cầu cho chính anh em nếu anh em lâm vào cảnh đó.
Lòng tin tưởng của Kỹ-sư đã thông cảm anh em thợ thuyền. Họ đồng tâm, hiệp lực hoạt động không ngừng, nên hầm khoét mỗi ngày một sâu.
Về mặt khác, Kỹ-sư cho chống lại đường hầm ở nhà Đèn sụp đổ nhiều chỗ, cố tìm mọi cách để khám phá xem dưới hầm còn có ai sống sót.
Ngày thứ bảy, một người thợ cuốc vừa thay phiên xuống đào, nghe thấy tiếng lịch kịch nhè nhẹ như có người nện khẽ đâu đây. Đáng lẽ bỏ cuốc xuống, nhưng người thợ đó cứ giơ cuốc lên rồi áp tai vào sườn than. Song còn ngờ ngợ, người này gọi một người bạn nữa xuống để cùng nghe. Cả hai người đều im lặng lắng tai nghe: một lúc sau có những tiếng đập xa xa đều đều, đến tai họ.
Tin này lập tức bay lên bờ. Người ta nửa tin, nửa ngờ. Kỹ-sư được tin liền xuống xem hư thực.
Thì ra Kỹ-sư đã làm một việc hữu lý. Ở đó có những người sống sót mà lòng tin của Kỹ-sư sắp cứu ra được. Nhiều người theo Kỹ-sư xuống chỗ đào, Kỹ-sư rẽ đám thợ ra, dán tai vào sườn hầm. Nhưng vừa run run vừa cảm động, Kỹ-sư chẳng nghe thấy gì.
Kỹ-sư thất vọng nói:
- Tôi không nghe thấy gì cả.
Một người thợ nói:
- Đó là tiếng ma mỏ làm ra. Nó muốn trêu ta, nó gõ để đánh lừa ta.
Nhưng hai người thợ đầu tiên nhất quyết rằng họ không nhầm và những tiếng gõ kia đã đáp lại tiếng gõ của họ. Đó là lời những người kinh nghiệm ở mỏ nói ra nên cũng có một phần uy tín.
Kỹ-sư liền mời tất cả những người tùy tùng lên bờ, chỉ để hai người

thợ cuốc ở lại.
Lúc đó hai người lấy cuốc gõ mấy tiếng rất mạnh và cách khoảng đều nhau, rồi ba người đều nín thở áp tai nghe. Đợi một lúc, cả ba người đều nhận một rung động sâu xa trong trái tim họ. Đó là những tiếng nhẹ yếu nhưng dồn dập và nhịp nhàng đã trả lời họ.
Kỹ-sư bảo hai người thợ mỏ:
- Các bạn gõ lại rất thong thả xem có phải đó là âm hưởng những tiếng của ta không?
Hai người thợ cuốc lại gõ thì lại nghe thấy những tiếng nhỏ và nhịp nhàng như trước nghĩa là những tiếng kêu gọi của những người bị vùi lấp.
Không còn nghi ngờ gì nữa: có những người còn sống sót thực và người ta phải xúc tiến việc cấp cứu.
Lập tức tin này lan khắp thành phố như một cái ngòi dẫn thuốc nổ và lôi cuốn đến mỏ Thụy-Khê, một đám dân chúng đông hơn và xúc động hơn ngày đầu xảy ra nạn lụt. Vợ con, cha mẹ và thân thích những nạn nhân kéo đến, hy vọng và hồi hộp trong bộ quần áo tang. Họ xôn xao:
“Sống sót được bao nhiêu người? Dễ thường nhiều lắm! Có cả chồng bác, có cả con tôi nữa, chẳng sai!”
Người ta muốn chạy đến hôn Kỹ-sư. Nhưng thản nhiên trước tiếng hoan hô cũng như trước lời la ó, Kỹ-sư chỉ nghĩ đến việc cấp cứu. Để ngăn những người đến xem cũng như thân nhân các người bị nạn, Kỹ-sư phải nhờ lính ở đồn ra giữ trật tự cho thợ có chỗ làm việc.
Những tiếng kêu cứu nhỏ quá không biết đích từ phía nào đưa đến, người ta đoán chỉ ở trong ba cái hốc của hầm cũ là nơi thợ có thể lánh nạn được. Như vậy đào một lỗ xuống chưa đủ, phải đào thêm hai lối nữa để tới những cái hốc nói trên. Khi lối nào đào đến chỗ nghe rõ hơn thì người ta bỏ hai lối kia và tập trung lực lượng vào một lối cần thiết. Công việc tiến hành hăng hái hơn trước. Các Công ty bên cạnh cũng cho những thợ tinh nhuệ đến giúp sức. Người ta hy vọng vào lối đang đào, đồng thời người ta cũng hy vọng vào lối xuống cũ ở cửa Nhà Đèn vì nước ở các lò đã rút nhiều.
Ở dưới hốc, khi chúng tôi nghe thấy tiếng gõ của Kỹ-sư chúng tôi cuống quít như lúc mới nghe thấy tiếng thùng múc nước ở cửa lò:
- Sống rồi!
Tiếng reo vui vẻ đó đều vuột ra ở miệng mọi người. Chúng tôi tưởng người ta sắp đến dắt chúng tôi lên. Nhưng đợi mãi, cũng như việc múc nước, hy vọng biến dần thành thất vọng.
Những tiếng cuốc kình kịch nghe còn xa, có lẽ còn cách chúng tôi

đến hai ba mươi mét. Phải mất bao nhiêu thì giờ để xuyên qua khối than đó? Chúng tôi ước lượng, mỗi người một cách: một tháng, một tuần lễ, sáu ngày. Đợi thế nào được những một tháng? Những một tuần lễ? Những sáu ngày? Bọn chúng tôi, ai còn đủ hơi sức trong sáu ngày nữa? Chúng tôi đã nhịn đói trong bao nhiêu ngày rồi?
Chỉ có Giáo-sư là còn nhuệ khí, nhưng rồi cũng thấy kém dần. Chúng tôi tha hồ uống nước, nhưng chúng tôi đói lắm, không chịu được nữa, đã thử ăn những mẩu gỗ thối vẩn trên mặt nước.
Cao-Dĩ đói háu hơn chúng tôi đã xẻo cổ giầy và nhai những miếng da dai nhách.
Nhìn cái đói đốt ruột đã đưa người ta đến chỗ nào, tôi đâm ra lo sợ. Tôi nhớ lại những chuyện đắm tàu mà ông Vỹ-Tiên đã kể lại cho tôi nghe vì ông đã từng đi bể nhiều cũng như đi trên đất. Trong các chuyện đó, có một chuyện làm cho tôi phải nghĩ đến ngay lúc cái đói bắt đầu. Đó là chuyện mấy người thủy thủ đắm tàu, lạc vào một hoang đảo toàn cát không có một thứ gì để ăn, sau đói quá phải giết một đứa thủy thủ nhỏ để ăn thịt. Khi nghe thấy những bạn tôi kêu đói, tôi tự hỏi không biết tôi có phải chịu như số phận đứa bé kia không? Đành rằng Giáo-sư và An-Thiện là những người bảo vệ cho tôi rồi, nhưng còn Ba-Điền, Bảy-Nhu và Cao-Dĩ, nhất là Cao-Dĩ có những răng dài và trắng đã mài sắc bằng những miếng da, vẫn làm cho tôi ngờ vực.
Có lẽ, sự sợ hãi đó hơi thừa, nhưng ở trong tình trạng chúng tôi, người ta khó mà không rối trí và sinh ra lẩn thẩn.
Điều làm tăng nỗi khiếp sợ của chúng tôi là cái tối dày đặc. Những đèn của chúng tôi lần lượt hết dầu. Khi chỉ còn hai chiếc, Giáo-sư bắt tắt đi để khi nào cần thiết mới thắp. Vì thế chúng tôi hoàn toàn ở trong ngục tối.
Thiếu ánh sáng, không những kinh hồn, lại còn nguy hiểm nữa vì nếu lỡ ai cử động vụng về là có thể lăn xuống nước dễ như chơi.
Mỗi bậc chứa ba người, không đến nỗi chật lắm: An-Thiện, Giáo-sư mỗi người một đầu, còn tôi ở giữa.
Có lúc tôi đang thiu thỉu ngủ, tôi chợt nghe thấy Giáo-sư nói một mình như người ngủ mê.
Tôi thức dậy và lắng tai nghe.
Giáo-sư nói:
- A! Có mây! Không còn gì đẹp hơn mây nữa! Có người không thích mây. Nhưng ta rất yêu mây. À mà lại có gió nữa, ta cũng thích gió.
Giáo-sư mê chăng? Tôi lay cánh tay Giáo-sư, nhưng Giáo-sư vẫn nói:

- Tráng cho tôi một đĩa sáu trứng, đừng làm tám. Làm hai đĩa khi trở về, tôi sẽ ăn.
- Chú An-Thiện ơi! Chú có nghe thấy gì không?
- Có. Giáo-sư đang nói mê.
- Nhưng không. Giáo-sư vẫn thức.
- Ông ấy nói nhảm. Con cam đoan rằng Giáo-sư vẫn thức.
- Giáo-sư ơi!
- Ông An-Thiện ơi! Mời ông đến ăn súp với tôi. Tôi báo trước là có gió to đấy.
An-Thiện nói:
- Ông này mất trí khôn. Đói và sốt sinh ra thế.
Bảy-Nhu nói:
- Không phải. Ông ấy chết rồi! Đó là hồn ông ấy về đấy. Các bạn đã thấy là ông ấy đã không ở đây nữa rồi chứ? Giáo-sư ơi! Gió ở đâu? Có phải là gió Bắc không?
Ba-Điền nói:
- Không có gió Bắc.
Mấy người này mất trí khôn cả rồi hay sao? Họ sắp điên à? Rất có thể họ sẽ đánh nhau, giết nhau. Làm thế nào bây giờ?
- Giáo-sư ơi! Giáo-sư uống rượu không?
- Cảm ơn. Khi ăn trứng, tôi sẽ uống.
Trong thời gian khá lâu, cả ba người cùng nói lảm nhảm với nhau và không trả lời nhau. Trong những câu nói rời rạc đó, tôi nghe lộn đi lộn lại những tiếng "ăn, đi chơi, gió, trời".
Tôi chợt có ý nghĩ thắp đèn lên. Đèn và diêm để bên cạnh Giáo-sư. Tôi sờ tay cầm lấy. Ánh sáng vừa chiếu ra, mọi người đều im, không nói nữa.
Một lúc sau, họ chợt thức dậy, hỏi:
- Cái gì thế?
An-Thiện đáp:
- Các bạn vừa nói mê.
- Ai thế?
- Cả ba người: Giáo-sư, Ba-Điền và Bảy-Nhu. Các bạn nói các bạn đi chơi ở ngoài trời và có gió.
Thỉnh thoảng chúng tôi lại đập vào tường để báo hiệu cho bên ngoài biết chúng tôi vẫn còn sống. Chúng tôi vẫn nghe thấy tiếng cuốc vẫn bổ vào than đều đều. Nhưng còn xa lắm.
Nhờ ánh đèn, tôi cầm giầy xuống lấy nước và nhận thấy mực nước đã hạ xuống một vài phân.
- Nước xuống.

- Lạy Chúa!
Lại một lần nữa chúng tôi phấn khởi vì hy vọng. Mọi người muốn để đèn để xem nước xuống, nhưng Giáo-sư phản đối. Tôi tưởng có chuyện sắp cãi nhau, nhưng bất cứ một đề nghị gì, Giáo-sư cũng có những lý do chính đáng nên ai cũng phải nghe.
Giáo-sư nói:
- Chúng ta còn cần đèn. Nếu bây giờ ta dùng đèn vào việc vô ích, đến lúc cần kíp mà hết cả dầu thì làm thế nào? Vả lại ngồi mà nhìn nước xuống tí một thì có sốt ruột mà chết không? Vì nước không thể nào một lúc rút hết ngay được. Thế nào ta cũng sống. Các bạn yên lòng. Chúng ta còn 13 que diêm. Khi nào các bạn cần đến thì có lửa ngay.
Đèn được tắt đi ngay. Chúng tôi đã uống nước nhiều nên không mê sảng nữa. Rồi chưa nằm yên lặng không biết bao nhiêu ngày nữa, đời sống chỉ thoi thóp nương tựa vào những tiếng cuốc đào than và những tiếng thùng múc nước.
Tiếng cuốc dần dần to. Mực nước mỗi ngày một thấp. Người ta đang đến gần chúng tôi. Nhưng không biết có kịp không? Nếu công cuộc giải cứu chúng tôi mỗi lúc một tăng lên thì trái lại, sức khỏe của chúng tôi mỗi lúc một suy tàn đi: thể xác yếu, tinh thần cũng yếu. Từ ngày mắc nạn đến giờ, các bạn tôi không được ăn một mẩu bánh nào vào ruột. Một điều ghê gớm hơn nữa là cái không khí tù hãm mà chúng tôi thở mỗi ngày một độc. May sao, nhờ nước rút dần, áp lực không khí bớt đi. Nếu cứ bị bế tắc như những ngày đầu thì chúng tôi đã chết ngạt hết rồi. Do đó, chúng tôi còn sống dai dẳng đến ngày nay cũng là nhờ các cách cấp cứu mau lẹ từ lúc đầu.
Tiếng cuốc và tiếng thùng chuyển động rất đều như cái quả lắc đồng hồ. Mỗi khi tiếng đó ngừng lại là chúng tôi sốt người lên. Người ta định bỏ chúng tôi hay sao? Người ta đã gặp những khó khăn gì? Chợt có tiếng cuốc ngừng rồi có một tiếng động lớn nổi lên ù ù dữ dội và liên tiếp.
Cao-Dĩ kêu lên:
- Chết rồi! Nước lại xuống mỏ rồi!
Giáo-sư cải chính:
- Không phải nước.
- Thế là cái gì?
- Ta không biết, nhưng nhất quyết không phải nước.
Mọi khi, gặp việc gì xảy ra, Giáo-sư thường viện chứng và suy luận rất hữu lý, khiến chúng tôi được yên tâm. Lần này, Giáo-sư lại thú nhận rằng không biết nguyên do tiếng động kia – mãi sau này chúng

tôi mới biết đó là tiếng quạt máy lùa không khí xuống cho thợ đào làm việc – nên chúng tôi rất hoảng và ngờ rằng sắp lại bị lụt.
- Thắp đèn lên!
- Thắp làm gì, vô ích.
- Thắp lên! Thắp lên!
Vì nhiều người gào quá nên Giáo-sư phải cho thắp đèn. Ánh sáng cho họ biết rằng nước không lên mà đang xuống.
Giáo-sư nói:
- Các bạn nhìn xem.
- Nước sắp lên! Lần này phải chết!
- Thế thì chết ngay còn hơn. Tôi không sao chịu được nữa!
- Giáo-sư ơi! Cho tôi xin cái đèn, để tôi viết lại cho vợ con vài chữ.
- Viết giúp tôi với!
- Viết giúp tôi nữa!
Chính Bảy-Nhu là người đã đòi đèn và viết thư để lại cho vợ con. Trong túi Bảy-Nhu có một mảnh giấy và cái bút chì. Hắn sửa soạn để viết.
- Đây tôi muốn viết thế này: Chúng tôi An-Thiện, Ba-Điền, Giáo-sư, Cao-Dĩ và Lê-Minh bị cầm tù trong hang, chúng tôi đang hấp hối: "Tôi, Bảy-Nhu, cầu nguyện Chúa phù hộ cho vợ góa và con côi của tôi. Giờ phút cuối cùng, tôi chúc cho vợ con tôi được phúc lành".
Còn ông An-Thiện?
"An-Thiện đem tất cả của cải đồ đạc cho cháu An-Sinh".
"Ba-Điền cầu mong vợ con được nương tựa vào Chúa, vào Thánh-Mẫu và Công ty".
- Còn Giáo-sư?
Giáo-sư thở dài:
- Ta chẳng có gì cả. Chẳng có ai khóc sau khi ta chết.
- Còn Cao-Dĩ?
Cao-Dĩ nói:
- Tôi à? Tôi dặn người ta bán những hạt dẻ của tôi đi, không phải rang nữa.
- Giấy của ta không phải dùng để viết nhảm.
- Không phải nhảm!
- Thế mày không có ai để thương à? Không có mẹ à?
"Mẹ tôi sẽ hưởng của cải của tôi".
- Còn Lê-Minh?
"Tôi, Lê-Minh, còn có cây đàn và con chó, xin cho cả Mã-Tư. Tôi hôn An-Sinh, nhờ An-Sinh hôn Lệ-Hoa và hoàn lại cô giúp bông hồng héo hiện để ở trong túi áo tôi".

- Chúng ta ký cả vào giấy này.
Ba-Điền nói:
- Cho tôi gạch chữ “thập chéo” vào thay chữ ký.
Bảy-Nhu nói:
- Bây giờ, tờ di chúc của ta đã ký xong rồi, tôi yêu cầu các bạn cho tôi được chết yên ổn, đừng nói với tôi nữa. Vĩnh quyết các bạn!
Nói xong, Bảy-Nhu đứng dậy lại chỗ chúng tôi hôn cả ba người xong về chỗ hôn Ba-Điền và Cao-Dĩ rồi vun đám than vụn làm gối, đặt đầu lên, nằm thẳng cẳng và không nhúc nhích nữa.
Thư tuyệt mệnh kia và ý chán đời của Bảy-Nhu đã làm cho lòng can đảm của chúng tôi mềm đi.
Tuy nhiên, tiếng cuốc đã nghe rõ nhiều, người ta sắp tới chỗ chúng tôi.
Giáo-sư liền cắt nghĩa và làm cho chúng tôi phấn khởi đôi chút.
- Nếu họ đến gần thì ta đã nghe thấy tiếng họ kêu. Đằng này, chúng ta không nghe thấy gì mà họ cũng chẳng nghe thấy ta. Giáo-sư nghĩ thế nào?
- Rất có thể họ chỉ còn cách xa ta vài mét mà vẫn không nghe được tiếng chúng ta, đó là tùy theo chất của tảng than.
- Hay cũng tùy theo quãng dài ngắn nữa.
Trong khi đó, nước vẫn xuống đều. Chẳng bao lâu chúng tôi có đủ chứng cớ là nước không chấm mái hầm nữa. Chúng tôi nghe tiếng sột soạt ở chân vách và những tiếng than vụn rơi xuống nước.
Chúng tôi thắp đèn lên và trông thấy mấy con chuột đang chạy men vách. Lũ chuột đó có lẽ cũng như chúng tôi tìm được chỗ ẩn ở một hốc đá, bây giờ nước xuống bò đi để kiếm ăn. Chúng sở dĩ sang chỗ chúng tôi được là vì nước không đầy đến mái hầm nữa.
Mấy con chuột hiện ra trong hang chúng tôi chẳng khác chi con bồ câu xuất hiện trên thuyền của Giáo Trưởng Nô-E ngày xưa: đó là điềm hết nạn đại-hồng-thủy.
Giáo-sư nhún vai lên và nói:
- Anh Bảy-Nhu ơi! Hãy can đảm lên! Cố lên! Anh ạ.
Rồi Giáo-sư cắt nghĩa: những con chuột đó báo trước rằng chúng ta sắp được giải phóng.
Nhưng Bảy-Nhu không tin:
- Nếu lại gặp hy vọng để rồi thất vọng như mọi lần thì tôi xin thôi. Tôi vui lòng đợi chết. Tôi cầu vĩnh phúc cho linh hồn tôi.
Tôi muốn xuống thấp để xem mực nước đã rút đến đâu. Hiện đã thấy một khoảng trống lớn giữa mặt nước và mái hầm.
Cao-Dĩ bảo tôi:

- Anh bắt chuột để chúng ta ăn đi!
- Bắt làm sao được, nó chạy nhanh như thế kia!
Nhìn mặt nước tôi nảy một ý tưởng.
Tôi hỏi Giáo-sư:
- Giáo-sư ơi! Nếu chuột chạy trong hầm được thì ta cũng có thể đi qua được. Con muốn bơi ra chỗ cầu thang. Con sẽ kêu cứu. Người ta sẽ xuống rước ta, như thế thì nhanh hơn là đợi lối đào.
- Ta cấm con không được làm thế.
- Con bơi lội dễ dàng như người ta đi trên đất bằng và lặn dưới nước như lươn.
- Gặp khí độc thì sao?
- Chuột chạy qua được thì không khí cũng không đến nỗi xấu lắm.
Ba-Điền nói:
- Anh cứ đi. Tôi cho anh cái đồng hồ của tôi.
Giáo-sư hỏi An-Thiện:
- Ý kiến ông thế nào?
- Nếu có thể tìm đến cầu thang được thì tùy ý nó. Tôi không có quyền ngăn cản.
- Lỡ nó chết đuối thì sao?
- May ra nó thoát nạn còn hơn là ngồi đợi chết ở đây!
Giáo-sư suy nghĩ một lúc rồi cầm tay tôi, bảo:
- Con có lòng tốt, con ạ. Tùy ý con. Ta cho là một việc không thể làm được. Nhưng không phải là lần thứ nhất mà người ta thấy "cái không thể làm được đã làm được". Con hôn chúng ta đi!
Tôi cảm động, đứng lên hôn Giáo-sư và chú An-Thiện. Xong tôi bỏ quần áo và xuống nước.
Trước khi bơi ra, tôi ngoảnh lại bảo mọi người:
- Các ông gọi luôn luôn nhá! Tiếng gọi đó sẽ chỉ đường cho tôi đi.
Khoảng trống ở dưới mái thế nào? Có đủ chỗ để cử động không. Đó là vấn đề cần thiết. Bơi thử một vài sải, tôi thấy tôi có thể tiến được, nhưng phải bơi thong thả để khỏi đụng đầu: con đường mạo hiểm này có thể đi được nhưng không biết là đến chỗ sống hay chỗ chết?
Tôi quay đầu lại nhìn thấy ánh đèn xuống mặt nước đen. Ở đó tôi yên trí có ngọn hải đăng rồi!
Giáo-sư gọi to:
- Có đi được không?
- Có.
Rồi tôi bơi rất cẩn thận.
Từ chỗ chúng tôi ra đến cầu thang, điều khó nhất là phải biết lối đi, vì gần đó có một ngã tư có thể làm tôi lạc đường được; vì đen tối quá

chẳng nhìn thấy gì. Mái và vách hầm không đủ chỉ lối cho tôi bơi, tôi phải nhờ đến đường sắt ở mặt đất, đó là cách chắc chắn nhất. Cứ theo đường sắt là ra đến cầu thang.
Thỉnh thoảng tôi lại đạp chân xuống đường sắt rồi lại ngoi lên. Đường sắt vẫn ở dưới chân tôi, tôi không lạc. Tiếng người nghe yếu dần, tiếng thùng thấy mạnh hơn. Tôi đã đi được nhiều. Tôi sắp nhìn thấy ánh sáng và nhờ tôi, các bạn tôi sẽ thoát nạn: lòng tôi khấp khởi mừng thầm.
Một lát sau, tôi sờ chân không thấy đường sắt đâu cả. Tôi lặn xuống lấy tay mò, nhưng vô ích: Chẳng thấy gì. Tôi lạc lối chăng?
Tôi im lặng một lúc để suy nghĩ và nhận định. Tiếng các bạn tôi thoang thoảng rất khó nghe.
Tôi hít một hơi dài để trữ khí trời, rồi hụp xuống lần nữa. Nhưng kết quả cũng không hơn gì lần trước: không thấy đường sắt.
Tôi đã đi nhầm sang hầm khác mà không biết chăng, tôi lộn lại. Nhưng nguy quá! Bạn tôi không gọi nữa hay có gọi mà tôi không nghe thấy gì?
Tôi choáng người lo sợ quá, không biết bây giờ đi về lối nào? Có lẽ tôi phải chết trong bóng hắc ám này, dưới cái vòm nặng nề này, giữa làn nước giá lạnh này chăng? Nhưng chợt tiếng gọi lại đưa ra, vì thế tôi mới biết đường về.
Lộn về được mười hai sải, tôi lặn xuống và lại thấy đường sắt. Thì ra chỗ này là ngã tư, đường sắt bị nước cuốn đi thành ra tôi mất tay dẫn đạo.
Trong tình trạng này, dự định của tôi không sao thực hiện được. Tôi đành lộn trở lại vậy.
Đã quen quãng đường này rồi, biết rằng không nguy hiểm. Nên tôi bơi về rất nhanh, những tiếng gọi luôn luôn chỉ dẫn cho tôi.
Tôi càng tới gần, tiếng gọi nghe càng rõ mà có phần hăng hái hơn trước, hình như các bạn tôi đã hồi sức lại. Tôi về đến cửa hang và kêu lên.
Giáo-sư bảo tôi:
- Lên đi! Lên đi!
Tôi đáp:
- Con không tìm thấy lối ra.
- Không cần nữa. Lối đào đã đến nơi rồi. Họ đã nghe thấy tiếng ta mà ta cũng nghe thấy tiếng họ. Hai bên sắp có thể nói chuyện với nhau.
Tôi vội leo lên bậc và để tai nghe. Thực vậy, tiếng cuốc nghe rất mạnh, tiếng người nghe còn nhỏ nhưng đã rõ. Hết cơn mừng, tôi cảm thấy rét run. Vì không có quần áo ấm cho tôi mặc thêm, người ta

lấy than vụn vun vào người tôi đến cổ để thay chăn. Than giữ hơi nóng cho tôi, nên tôi chóng lại sức. Tôi kể lại cho mọi người nghe tôi bơi thế nào và tìm đường sắt ra làm sao.
- Em dám lặn à?
- Lặn lắm chứ! Tiếc rằng không tìm thấy đường sắt.
Nhưng đúng như lời Giáo-sư đã nói, bây giờ việc đó không cần lắm, vì nếu chúng ta không ra được bằng đường hầm thì chúng ta cũng sẽ ra được bằng lối đào.
Tiếng thợ nói đã nghe rõ. Chúng tôi đang mong họ nghe thấy tiếng chúng tôi, bỗng có ba tiếng hỏi rất thong thả lọt vào chỗ chúng tôi:
- Bao nhiêu người?
Trong bọn chúng tôi có An-Thiện là tiếng to và rõ hơn cả, An-Thiện được cử để trả lời:
- Sáu!
Ở ngoài thấy im lặng. Có lẽ người ta đã đinh ninh một con số lớn.
An-Thiện nói tiếp:
- Mau lên! Chúng tôi sắp chết rồi!
- Tên các anh là gì?
- Bảy-Nhu, Ba-Điền, Giáo-sư, Cao-Dĩ, Lê-Minh và An-Thiện.
Trong cuộc cấp cứu chúng tôi, giờ phút này là giờ phút hồi hộp nhất và cảm động nhất cho những người ở trên Mỏ. Khi họ biết Kỹ-sư sắp có thể thông tin với chúng tôi, thì những thân nhân các người bị nạn đều chạy đến. Quân lính trong đồn phải khó nhọc mới giữ nổi họ khỏi tràn lấn đến cửa hầm.
Khi Kỹ-sư thông báo chỉ có 6 người sống sót thì một sự vô cùng đau đớn hiện lên trên nét mặt mọi người. Tuy nhiên, họ còn một chút hy vọng mong manh là may ra người họ mong đợi sẽ ở trong số đó. Nhưng đến khi Kỹ-sư đưa ra 6 tên của chúng tôi thì than ôi! Nỗi đau sót như muốn vạch trời kêu lên, những dòng lệ tuôn rơi như suối. Trong số một trăm hai mươi người mẹ, người vợ đứng đó, chỉ có bốn người là may mắn thấy chồng, thấy con; còn bao nhiêu người phải ngậm ngùi đau đớn. Chỉ có bốn gia đình được may mắn vì Giáo-sư và tôi không có thân nhân. Về phần chúng tôi, trong lúc gần đất xa trời này cũng nghĩ thương cho những người xấu số.
An-Thiện hỏi:
- Cứu được nhiều không?
Không thấy trả lời.
Ba-Điền hỏi:
- Hỏi hộ thằng Phi nhà tôi thế nào?
An-Thiện lại hỏi nhưng cũng như câu trước, chẳng ai trả lời.

- Có lẽ họ không nghe thấy.
- Hay không muốn trả lời đấy thôi.
Có một điều tôi vẫn thắc mắc, tôi giục An-Thiện:
- Hỏi xem ta ở đây đã bao nhiêu ngày.
Câu này được trả lời:
- Mười bốn ngày.
Thế mà chúng tôi chỉ tưởng có năm hay sáu ngày là cùng.
- Các bạn không phải ở dưới đấy lâu nữa. Hãy can đảm lên. Đừng nói nữa làm cho chậm việc. Độ vài giờ nữa thôi.
Mấy giờ này tôi tưởng là những giờ dài nhất từ khi giam cầm và cũng là giờ đau khổ nhất. Một nhát cuốc hình như là đến nơi, nhưng hết nhát ấy lại đến nhát khác. Hết nhát khác lại đến nhát khác nữa, và vô tận.
Có tiếng hỏi:
- Có đói lắm không?
- Lả rồi!
- Có thể đợi được nữa không? Nếu các bạn yếu quá thì chúng tôi tạm xăm một lỗ để giong cháo hoặc sữa xuống, như vậy lâu ra. Nếu các bạn cố đợi được, các bạn sẽ chóng được tự do.
- Chúng tôi đợi vậy. Xin làm mau lên!
Thùng múc nước vẫn không ngừng. Nước xuống đều.
Giáo-sư nhắc:
- Bảo họ rằng nước xuống nhiều.
- Chúng tôi biết rồi. Hoặc bằng lối đào, hoặc bằng đường hầm, người ta sẽ đến cứu các anh… không lâu.
Tiếng cuốc thấy yếu đi. Chắc hẳn người ta đang dò chỗ để chọc thủng xuống. Chúng tôi đã tả rõ vị trí của chúng tôi, người ta sợ than đất sụt xuống đầu chúng tôi, có thể đè chết, gây thương tích, hoặc hất chúng tôi xuống nước, nên phải dè dặt.
Theo lời Giáo-sư, chúng tôi còn phải sợ nạn khí trời nổ tung. Một khi lỗ đã chọc thủng, khí bị nén ép ở trong hốc phụt mạnh lên như phát súng đại bác và làm đổ vỡ tất cả. Vì thế ở trong, chúng tôi phải thận trọng cũng như những thợ ở ngoài.
Cuốc bổ chan chát làm cho nóc hang rung động, những mảnh than vụn rào rào rơi xuống nước. Có một điều rất lạ là càng gần đến lúc được cứu, thì khí lực chúng tôi càng suy. Tôi không ngồi vững được nữa, nằm chũi trong đống than vụn, yếu quá không nhắc nỗi cánh tay. Tôi run cầm cập mặc dầu lúc đó không rét.
Sau cùng, mấy miếng than to rơi xuống. Một lỗ sổ hé trên đầu hang. Chúng tôi lóa mắt bởi những ánh đèn. Nhưng ngay lập tức, chúng tôi

lại tối mò như cũ. Một luồng gió, một đợt gió rất mạnh, một vòi rồng ầm ầm nổi lên cuốn tất cả những thứ vụn vặt ra ngoài.
Giáo-sư nói:
- Đừng sợ! Đó là những luồng gió mạnh. Người ta sẽ thắp lại đèn và đưa xuống. Ta hãy đợi một chút.
Ôi! Đợi! Vẫn còn phải đợi!
Nhưng ngay lúc đó có tiếng xôn xao ở mặt nước dưới hầm. Tôi ngoảnh lại, nhìn thấy một đám ánh sáng đang tiến đến, trên mặt nước sóng vỗ bập bềnh.
Người ta kêu:
- Can đảm lên! Can đảm lên!
Và trong khi người ta do lối đào đưa xuống tay cho những người nằm ở bậc trên thì do đường hầm người ta cũng vừa tới chỗ ba chúng tôi.
Kỹ-sư đi đầu, leo lên trước tiên, ẵm tôi xuống. Thực là kịp thời vì lúc đó sức tôi đã kiệt, không nói được nữa.
Tuy nhiên, tôi vẫn biết có người đang ẵm tôi. Rồi người ta quấn khăn cho tôi và đưa tôi lên cửa hầm. Tôi vẫn nhắm mắt, thấy chói quá, tôi phải mở ra. Ban ngày rồi! Tôi ra ngoài trời rồi!
Ngay lúc đó, một vật trăng trắng ném vào tôi. Đó là con Lãnh-Nhi nhảy vọt lên cánh tay Kỹ-sư và liếm vào mặt tôi. Đồng thời, tôi thấy có người cầm tay phải tôi và hôn.
Một tiếng nhỏ phát ra:
- Lê-Minh
Đó là anh Mã-Tư.
Tôi nhìn chung quanh tôi. Một đám người đông đặc đứng hai bên lối đi như hai hàng rào kín. Họ đứng nín thít vì đã có lệnh không được kêu gọi làm xúc động chúng tôi, nhưng những dáng điệu của họ, những con mắt của họ đã nói nhiều thay cho họ.
Ở hàng thứ nhất, tôi thoáng nhìn thấy những áo lễ trắng và những chỉ vàng lóng lánh dưới ánh mặt trời. Đó là những vị linh mục ở Văn-Xá đến tận cửa Mỏ để cầu nguyện cho chúng tôi. Khi chúng tôi đi qua, các vị quỳ cả xuống, mặt đất không lầm lội nữa, vì trong mười bốn hôm đã khô ráo như thường.
Có đến hai mươi cánh tay đưa ra để đỡ lấy tôi, nhưng Kỹ-sư không muốn nhường lại: sung sướng và tự hào, Kỹ-sư cứ ẵm tôi về đến văn phòng, ở đó người ta đã sửa soạn tươm tất chỗ nghỉ cho chúng tôi.
Hai hôm sau, tôi cùng Mã-Tư và Lãnh-Nhi đi chơi phố. Mọi người thấy chúng tôi đều dừng lại nhìn.

Có nhiều người đến bắt tay chúng tôi, với những đôi mắt rưng rưng lệ.
Có nhiều người quay mặt đi.
Những người này để tang và chua xót, họ tự hỏi rằng tại sao một đứa trẻ không cha không mẹ lại còn sống, mà những người cha, cột trụ trong gia đình, những người con yêu dấu lại bị vùi sâu trong Mỏ.
Có nhiều người làm phiền chúng tôi, định kéo chúng tôi về nhà ăn cơm hoặc mời chúng tôi vào hàng uống cà-phê.
Họ bảo:
- Em kể lại chuyện bị chôn sống cho ta hay.
Tôi cảm ơn và từ chối tất cả, vì không tiện kể chuyện mình cho người ngoài nghe. Hơn nữa, lẽ nào lại để người ta mua chuyện của mình bằng một bữa ăn hay một ly cà-phê. Vả lại, tôi thích nghe chuyện hơn là kể chuyện. Tôi nghe An-Sinh, tôi nghe Mã-Tư nói lại những chuyện đã xảy ra ở trên mặt đất trong thời gian tôi ở dưới Mỏ cho tôi nghe.
An-Sinh nói:
- Khi tôi tưởng anh chết thì lòng tôi đau xót quá như gẫy một cánh tay vì tôi tưởng thế nào anh cũng chết.
Mã-Tư nói:
- Tôi không bao giờ tin rằng anh chết. Tôi không biết anh sẽ còn sống mà ra khỏi Mỏ hay người ta sẽ cứu được anh kịp thời, nhưng tôi tin rằng anh không thể nào chết đuối được. Công việc cứu nạn làm đến nơi đến chốn thì thế nào cũng tìm thấy anh. Có lúc An-Sinh thất vọng và khóc anh, tôi hăng hái bảo An-Sinh: “Anh không chết nhưng có lẽ đang đợi chết”. Rồi tôi đi hỏi mọi người: “Người ta có thể sống bao lâu không ăn uống gì? Bao giờ thì múc hết nước? Bao giờ thì đào đến nóc hầm?”. Chẳng ai trả lời tôi vừa lòng cả. Khi người ta hỏi tên, Kỹ-sư đọc tên Cao-Dĩ rồi đến Lê-Minh, tôi nằm lăn ra đất và khóc nức nở. Lúc đó người ta xéo cả lên lưng tôi, nhưng tôi coi như không vì tôi sung sướng quá.
Tôi, tôi cũng sung sướng thấy anh Mã-Tư tin tôi, đã không muốn tưởng rằng tôi có thể chết được.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXVIII
BÀI HỌC NHẠC

Tôi thành ra có bạn làm mỏ. Cái tai họa chung đã đoàn kết trái tim chúng tôi. Cùng một đau thương, cùng một hy vọng đã tạo cho chúng tôi một tình thân.
Ông An-Thiện và nhất là Giáo-sư tỏ lòng quyến luyến tôi lắm. Còn Kỹ-sư tuy không chịu chung nỗi đau khổ ở hốc hầm than cùng tôi, nhưng cũng yêu thương tôi như một đứa con bị bệnh trọng được cứu thoát.
Kỹ-sư mời tôi về nhà chơi. Cô con gái Kỹ-sư cũng muốn nghe chuyện tôi. Tôi không thể tiếc công mà không kể lại cho cô nghe những nỗi hiểm nghèo mà tôi đã chịu đựng trong khi bị chôn vùi dưới mỏ.
Ai ai cũng muốn tôi ở lại Văn-Xá.
Ông An-Thiện nói:
- Ta sẽ tìm cho con một chân thợ cuốc. Như vậy chúng ta không phải xa nhau.
Kỹ-sư cũng nói:
- Nếu con muốn làm văn phòng, ta sẽ dành cho con một chỗ.
Ông An-Thiện cho rằng nếu tôi ở lại làm mỏ cũng là một việc tự nhiên, không có gì lạ, cũng như ông, mai đây ông sẽ trở xuống hầm cũ, thản nhiên như các bạn ông hằng ngày đã quen mạo hiểm. Còn tôi, tôi không chủ tâm ở lại làm nghề đẩy goòng. Mỏ than hay thực, lạ thực đấy, tôi đã sung sướng được xem một lần rồi. Thế là đủ, tôi không muốn trở xuống lần thứ hai để tìm đến hốc than nữa.
Thực vậy, tôi không bẩm sinh để làm việc ở dưới đất. Đời sống khoáng đạt ngoài trời, dù nắng mưa, sương tuyết cũng thích hợp với tôi hơn. Đó là những lý lẽ mà tôi trình bày với ông An-Thiện và Giáo-sư. Giáo-sư nghe tôi nói vậy rất lấy làm ngạc nhiên, còn An-Thiện tỏ vẻ buồn vì tôi không có cảm tình với nghề làm mỏ. Thấy tôi không làm nghề đẩy xe với hắn, Cao-Dĩ bảo tôi là một đứa nhát gan.
Đối với Kỹ-sư, tôi không chối là tôi không thích làm dưới đất, vì ông hứa cho tôi một chân ở văn phòng và sẽ dạy thêm nếu tôi muốn học. Không muốn để ông mếch lòng, tôi đem hết tất cả sự thực nói lại cùng ông.
Ông nói:
- Nếu con thích sống ngoài trời, thích phiêu lưu và tự do ta không nài ép con. Cứ theo đường cũ của con!
Quả thực, tôi thích đời sống khoáng đãng, nhất là trong những ngày tôi bị giam hãm dưới hang sâu, tôi lại càng thấy đời sống ngoài trời thật sung sướng.

Trong khi người ta cố giữ tôi ở lại Văn-Xá, Mã-Tư có vẻ buồn rầu, tôi hỏi tại sao thì Mã-Tư nói là vẫn như thường không có chuyện gì cả. Đến lúc tôi báo tin cho anh biết trong ba ngày nữa chúng tôi sẽ lên đường, anh liền nhảy lên, ôm lấy tôi và thú thực nỗi buồn của anh. Anh hỏi tôi:

- Anh không bỏ tôi chứ?

Tức mình, tôi thụi cho anh một quả để dạy anh từ nay không nên ngờ tôi và cũng để giấu nỗi cảm xúc vì tiếng gọi của tình bạn đã rung động trái tim tôi. Tiếng gọi đó phát ra do tình hữu ái chứ không phải bởi lòng lợi kỷ. Mã-Tư không cần đến tôi để sinh nhai, anh có thể kiếm ăn một mình được.

Về điểm này, anh có nhiều thiên tài mà tôi không có. Trước hết, anh sử dụng các thứ nhạc khí rất thạo, anh hát, nhảy lại giỏi và đóng được trò. Anh lại có tài làm cho các "khán giả khả kính" – theo danh từ của ông Vỹ-Tiên – mở rộng túi tiền. Với nụ cười có duyên, với đôi mắt dịu hiền và hàm răng trắng nhỏ, với nét mặt dễ yêu, anh đã làm rung động cả đến những trái tim trơ trắn. Anh không phải xin, tự nhiên người ta thích cho anh. Có thể nói được rằng: người ta thích cho để anh thích. Thực vậy, trong thời gian tôi vắng mặt, cuộc tuần du mới rồi của anh và con Lãnh-Nhi đã thu lượm được 18 phật-lăng, đó không phải là một món tiền nhỏ. Một trăm hai mươi tám phật-lăng, hiện ở trong quỹ, với số 18 phật-lăng của Mã-Tư vừa kiếm được cộng thành một trăm bốn mươi sáu phật-lăng, như thế chỉ thiếu 4 phật-lăng nữa, thì mua được bò mong ước.

Mặc dầu tôi không muốn làm thợ mỏ, nhưng khi rời Văn-Xá tôi không khỏi bùi ngùi vì tôi phải chia tay An-Sinh, chú An-Thiện và Giáo-sư. Nhưng cũng là một việc thường vì số phận đã định cho tôi cứ phải xa rời những người yêu thương tôi và tôi quyến luyến.

Tiến lên!

Cây đàn khoác lên vai, túi đeo trên lưng, chúng tôi lại ra đi trên đường cái. Con Lãnh-Nhi sung sướng lăn mình trong đám bụi. Tôi xin thú thực rằng chính tôi cũng sung sướng được ra khỏi tỉnh Văn-Xá, được bước ròn rã trên con đường không lội lặm như ở hầm mỏ. Mặt trời chói lọi. Cây cỏ xanh tươi!

Trước ngày khởi hành, Mã-Tư và tôi, chúng tôi đã bàn cãi về lộ trình sắp phải theo. Tôi đã dạy anh biết xem bản đồ, anh không cãi rằng quãng đường đi trên đất dài hơn quãng đường trên bản đồ đi bằng ngón tay từ tỉnh này sang tỉnh khác. Sau khi đã cân nhắc lợi hại, đáng lẽ đi thẳng tới Ích-Sơn rồi từ đó về Văn-Ông, chúng tôi nhất định đi lối khác qua Kiến-Sơn, không xa hơn mấy nhưng có thể tạt

vào mấy thành thị có suối ấm để diễn trò vì đang độ nhiều người đến dưỡng bệnh. Ngày ở mỏ, Mã-Tư được gặp một người làm xiệc rong có gấu, mách rằng diễn trò ở tỉnh này có thể kiếm ăn được. Mã-Tư muốn kiếm thêm tiền, anh bảo trăm rưỡi phật-lăng không đủ mua bò. Chúng tôi có nhiều tiền hơn, con bò sẽ đẹp hơn, bà Bảo-Liên sẽ vui lòng hơn: và bà Bảo-Liên vui lòng hơn thì chúng tôi sẽ sung sướng hơn.
Vì thế, chúng tôi nhất định đi lối Kiến-Sơn.
Trước đây, trong khi đi từ Ba-Lê về Văn-Xá, tôi đã bắt đầu dạy Mã-Tư học đọc và học những điều sơ yếu về âm nhạc. Bây giờ từ Văn-Xá về Kiến-Sơn, tôi lại tiếp tục dạy anh. Một là tôi không phải là một Giáo-sư tốt – điều này có thể lắm – hai là Mã-Tư không phải là người học trò tốt – điều này cũng có thể lắm – cho nên về tập đọc, kết quả rất chậm và khó như lời tôi đã nói. Anh không nhớ được và đọc ra những cái quái quỷ gì mà anh chế ra. Đôi khi, mất bình tĩnh, tôi đấm tay vào sách kêu rằng óc anh tối quá. Không giận gì, anh nhìn tôi bằng đôi mắt hiền lành, mỉm cười và nói:
- Quả thực óc tôi tối lắm, có đánh vào đầu tôi như Phú-Lợi đã làm thì may ra mới sáng ra.
Anh nói vậy thì tôi giận làm sao được? Tôi bật cười và chúng tôi lại tiếp tục làm việc.
Nhưng về âm nhạc, thì những nỗi khó khăn không còn nữa. Ngay buổi đầu, anh học tấn tới và mau chóng khiến tôi phải kinh ngạc. Rồi anh hỏi những câu làm tôi phải lúng túng, lắm khi đâm bí.
Tôi thú thật rằng điều đó làm tôi bực tức và mất thể diện. Tôi trịnh trọng tự coi tôi là một Giáo-sư và lấy làm nhục không thể trả lời học trò được. Tôi nghĩ cách: phải ngụy biện.
Học trò tôi chẳng tha tôi, cứ hỏi tôi luôn những câu:
- Tại sao người ta lại không viết âm nhạc bằng một thứ “khóa”?
- Tại sao người ta lại dùng những dấu “thăng” khi lên giọng và những dấu “giáng” khi xuống?
- Tại sao tiết đầu và tiết cuối của một bài hát, số nhịp lại không đều nhau?
- Tại sao người ta lại hòa dây vĩ-cầm bằng những “nốt” này mà không bằng những “nốt” khác?
Về câu hỏi cuối cùng, tôi hãnh diện trả lời rằng:
- Vĩ-cầm không phải là thứ nhạc khí của tôi, nên tôi không cần biết người ta phải lên dây thế nào.
Mã-Tư không vặn được nữa.
Cách trả lời này không thể áp dụng với những câu hỏi trên được vì

những dấu “thăng”, dấu “giáng” thuộc về lý thuyết của âm nhạc, tôi là “nhạc sư”, tôi phải biết, nếu không thì – tôi nghĩ thế - mất cả uy quyền và thể diện, mà uy quyền và thể diện là hai điều tôi rất chú trọng.
Vì thế, khi tôi không biết phải trả lời thế nào thì tôi dùng cách thoát kiểu ông An-Thiện, như khi tôi hỏi than đá là gì, đã trả lời tôi một cách quả quyết:
“Than đá là một thứ than rắn như đá.”
Theo cách đó, khi tôi bí; tôi cũng không kém quả quyết, trả lời Mã-Tư rằng:
- Nó như thế bởi vì nó phải như thế. Đó là một định lệ.
Mã-Tư không có tính phản đối những định lệ, nhưng lúc đó, anh giương mắt và há mồm nhìn tôi làm cho tôi phát ngượng.
Chúng tôi rời Văn-Xá đã được ba ngày. Khi Mã-Tư hỏi tôi một câu “tại sao” thuộc loại nói trên, đáng lẽ tôi phải trả lời: “Tôi không biết” thì tôi lại tự đắc đáp rằng: “Bởi vì nó phải như thế”.
Từ đó, lắm lúc anh tỏ vẻ đăm chiêu, suốt ngày không nói một câu gì, trái hẳn với tính mau mắn của anh, vì lúc nào anh cũng láu táu và cười đùa. Tôi hỏi anh mãi, sau cùng anh phải nói:
- Anh Minh ạ. Anh quả là một Giáo-sư ưu tú. Tôi nhận thấy không có một người nào dạy tốt hơn anh về những điều mà tôi đã học được. Tuy nhiên…
Anh ngừng lại.
- Tuy nhiên, thế nào?
- Tuy nhiên, cũng có những điều mà anh không biết. Cả đến những nhà thông thái lắm khi cũng không biết, có phải không anh? Vì thế, khi anh trả lời tôi: “nó như thế vì nó phải như thế”, tôi nghĩ tất còn những lý do khác mà anh không bảo tôi được vì người ta đã không bảo anh. Vì những lẽ ấy, tôi nghĩ – nếu anh muốn – giá mà chúng ta tìm mua được, không đắt đâu, một quyển sách âm nhạc trong đó ta sẽ có đủ những điều ta muốn biết.
- Anh nói đúng lắm!
- Có phải không? Tôi cũng nghĩ rằng anh sẽ đồng ý. Anh thông minh thực, nhưng anh không thể thấu triệt vì anh không được học ở trong sách.
- Một ông thầy khá còn hơn là sách tốt nhất.
- Ý kiến đó hay lắm. Nếu anh bằng lòng thì tôi sẽ hỏi tất cả những điều mà tôi không biết.
- Sao anh không đi học ngay lúc anh ở một mình ở Văn-Xá?
- Vì học những thầy “ra thày” thì phải trả tiền. Tôi không muốn lấy tiền của anh để tiêu về việc của tôi.

Tôi hơi chạnh lòng vì câu “thầy ra thày” nhưng lòng tự ái rất kém đó tự nhiên mất ngay khi tôi nghe đến câu cuối cùng.
Tôi nói:
- Anh là người bạn chân tình. Tiền của tôi là tiền của anh, vì anh kiếm tiền bằng tôi, lắm khi hơn tôi. Anh muốn học bao nhiêu buổi thì học. Tôi cũng sẽ đi học với anh.
Rồi tôi can đảm thú nhận cái dốt của tôi:
- Như vậy, tôi cũng thế, tôi có thể học thêm những điều tôi không biết.
Ông thầy mà chúng tôi kén không phải là những ông thầy vườn ở nhà quê, chỉ biết đánh đàn cho người ta múa, mà phải là những nghệ sĩ, những nhạc sĩ hẳn hoi, chỉ có ở những thành phố lớn. Tôi coi bản đồ thì chúng tôi sắp qua thành phố Măng-Đê, không biết Măng-Đê có phải là một thành phố lớn không? Nhưng coi tên in bằng chữ lớn, tôi biết đó là thành phố quan trọng. Chúng tôi nhất định đến Măng-Đê sẽ học một vài buổi âm nhạc dù phải tốn tiền. Những ngày gần đây, chúng tôi đi qua những làng nhỏ và nghèo ở vùng núi Lô-Diên nên không kiếm được mấy. Dù sao, tôi cũng không muốn nguyện vọng của Mã-Tư phải chậm thực hiện.
Chúng tôi qua miền hoang dã Mê-Dương, một vùng xơ xác, thê lương nhất, không rừng, không nước, không hoa màu, không làng mạc dân cư; một vùng vắng vẻ, bao la, họa may, những khách đi nhanh trên xe ngựa có thấy đẹp chăng, chứ đối với chúng tôi thì chán lắm.
Sau cùng chúng tôi tới thành phố Măng-Đê.
Chúng tôi tới nơi vào lúc sẩm tối, nên không thể đi học ngay được, vả chúng tôi còn mệt nhọc lắm.
Tuy nhiên, Mã-Tư thấy thành phố này không to lắm, nóng lòng sợ không tìm được chỗ học, nên khi ăn súp, anh hỏi ngay bà chủ tiệm rằng:
- Ở đây có Giáo-sư nào dạy âm nhạc không?
Bà chủ tiệm trả lời, bà rất ngạc nhiên về câu hỏi của chúng tôi, vậy chúng tôi không biết Giáo-sư Phi-Nam à?
Tôi đáp:
- Chúng tôi ở xa đến.
- Ở xa lắm à? Nơi nào?
Mã-Tư nói:
- Từ Ý-Đại-Lợi đến đây.
Bà hết ngạc nhiên vì những người ở xa lắm có thể không biết ông Phi-Nam, chứ những người ở gần như Mác-Xây, Ly-Ông mà không

biết Giáo-sư Phi-Nam thì bà cho là những người ít giáo dục, bà không cần trả lời.
Tôi nói với Mã-Tư bằng tiếng Ý:
- Mong rằng chúng ta sa vào đúng chỗ.
Mắt bạn tôi sáng ngời lên. Chắc chắn ông Phi-Nam sẽ trả lời cho tất cả những câu hỏi của anh và chắc chắn Giáo-sư không lúng túng về câu hỏi "tại sao" người ta lại dùng những dấu "thăng" khi lên và những dấu "giáng" khi xuống giọng.
Có một điều làm cho tôi lo: một Nhạc sư danh tiếng như thế không biết có bằng lòng nhận dạy những học trò khốn nạn, nghèo túng như chúng tôi?
Tôi hỏi:
- Ông Phi-Nam có bận lắm không?
- Bận lắm chứ. Chắc thế. Sao lại không được.
- Không biết ngày mai ông ấy có tiếp chúng tôi không?
- Có chứ. Ông ta tiếp tất cả mọi người miễn là người ta có tiền trong túi.
Chúng tôi có tiền trong túi, nên rất yên tâm. Trước khi đi ngủ, mặc dầu nhọc mệt, chúng tôi bàn định rất lâu về những câu định sẵn để hôm sau đến hỏi Giáo-sư danh tiếng đó.
Sáng hôm sau, sau khi đã ăn mặc chỉnh đốn – chỉnh đốn đây có nghĩa là sạch sẽ; vì ngoài bộ quần áo chúng tôi đang mặc không còn bộ nào mới đẹp nữa – chúng tôi lấy nhạc khí, Mã-Tư mang vĩ-cầm, tôi đeo thụ-cầm, cùng nhau ra phố tìm đến nhà Giáo-sư Phi-Nam.
Con Lãnh-Nhi cũng muốn theo đi, sợ đem cả chó đến nhà một Nhạc sư trứ danh không tiện nên chúng tôi phải buộc nó vào chuồng ngựa nhà trọ.
Khi chúng tôi đến trước cửa nhà Nhạc sư mà người ta đã chỉ cho, chúng tôi ngờ ngợ vì trước cửa nhà đó có treo hai cái đĩa cạo râu bằng đồng, những vật này không phải là biểu hiệu của một nhà Nhạc sư.
Chúng tôi đứng ngắm, nhà đó có vẻ là một hiệu thợ cạo. Chợt có một người đi qua, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Phi-Nam ở đâu? "Ở đây", họ vừa nói vừa chỉ vào hiệu cạo. Tôi nghĩ một nhạc sư sao lại không được ở cùng nhà với người thợ cạo?
Chúng tôi bước vào. Trong hiệu chia làm hai phần đều nhau: phần bên phải, ở trên những cái giá gỗ, có các thứ như lược, bàn chải, dao, kéo, nước hoa, xà phòng; phần bên trái, có bày hoặc treo các thứ nhạc khí như đàn, sáo, kèn lớn, kèn con.
Mã-Tư hỏi:

- Ông Phi-Nam!
Một người đàn ông mau mắn và linh lợi như con chim, đang cạo mặt cho một người nhà quê ngồi trong cái ghế bành, đáp bằng giọng trầm:
- Chính tôi.
Tôi đưa mắt nhìn Mã-Tư có ý bảo ông thợ cạo nghệ sĩ này không phải là người chúng ta tìm để học và nếu học ông ta thì chẳng khác chi đem tiền vứt qua cửa sổ. Nhưng đáng lẽ hiểu ý tôi và nghe tôi, Mã-Tư lại đến ngồi luôn vào một cái ghế tựa ở bên và nói bằng một giọng cứng cát:
- Khi cạo xong, ông có thể cắt tóc cho tôi được không?
- Được. Em đợi một chút.
Tôi bực quá, không hiểu Mã-Tư định làm gì. Anh đưa mắt nhìn tôi có ý bảo hãy rán đợi một chút, đừng vội giận anh.
Lát sau, cạo mặt cho người khách xong, Phi-Nam tay cầm cái khăn quàng to lại chỗ Mã-Tư.
Trong khi người thợ cạo quấn khăn quàng vào cổ anh, anh hỏi:
- Thưa ông, tôi và bạn tôi vừa cãi nhau xong, nhân biết tiếng ông là một Nhạc sư trứ danh, nên chúng tôi muốn phiền ông giải thích giúp những điều đã làm cho chúng tôi bối rối.
- Các em hãy cho tôi biết sơ những điều đã làm các em bối rối.
Tôi hiểu ngay dụng ý của Mã-Tư thế nào rồi. Trước hết anh muốn xem ông thợ cạo nghệ sĩ có thể trả lời được những câu hỏi của anh không, sau nếu ông ta trả lời được tức là anh chỉ phải trả bài học đó bằng cái giá cắt tóc cho một người. Anh thật tinh khôn.
Mã-Tư hỏi:
- Tại sao người ta lại hòa dây vĩ-cầm bằng một "nốt" này mà không dùng đến những "nốt" khác?
Tôi tưởng ông thợ cạo – lúc đó đang đưa cái lược vào mái tóc Mã-Tư – cũng lúng túng và sắp trả lời như kiểu tôi cho xuôi. Tôi cười thầm thì ông thợ cạo cất tiếng nói:
- Cái dây thứ hai bên trái của vĩ-cầm phải lấy nốt "la" ở âm giai thường. Rồi những dây khác phải lựa âm trình sao cho dây thứ tư là "sol", dây thứ ba là "ré", dây thứ hai là "la", dây thứ nhất là "mi", tông cao hơn hết.
Bây giờ không phải tôi cười, mà Mã-Tư cười. Anh cười vì cái bộ mặt ngơ ngác của tôi chăng? Hay anh sung sướng được biết những điều anh muốn học mà cười? Anh cứ cười to và cười hoài. Thời giờ cắt tóc dài bao nhiêu thì câu hỏi của anh cũng nhiều bấy nhiêu. Bất cứ câu gì Mã-Tư hỏi, ông Phi-Nam cũng trả lời một cách dễ dàng và

đích xác như về môn vĩ-cầm. Nhưng sau khi đã trả lời nhiều rồi, ông ta lại tự hỏi mình thì ông ta hiểu ngay ý định của chúng tôi đến để làm gì.
Ông liền cười ha hả và bảo chúng tôi rằng:
- A! Những đứa trẻ này ranh thực! Coi ngộ quá!
Rồi ông bảo Mã-Tư – trông thực ngộ hơn tôi – đánh một bản cho ông nghe. Mã-Tư mạnh dạn cầm cây vĩ-cầm và đánh một bài khiêu vũ xoay tròn.
Anh đánh xong, ông Phi-Nam vỗ tay và hỏi anh một cách tự nhiên như quen biết đã lâu:
- Em chưa biết nốt nhạc à?
- Vâng.
Trên tường, ở bàn có treo và bày rất nhiều nhạc khí như tôi đã nói trên. Mã-Tư đánh vĩ-cầm xong lấy luôn cái kèn xuống và nói:
- Tôi cũng thổi được kèn nhỏ và cả kèn có "bít-tông" nữa.
Ông Phi-Nam bảo:
- Thổi đi coi.
Anh lần lượt thổi tất cả các thứ kèn treo trên tường, mỗi cái một bài.
Ông Phi-Nam kêu:
- Ô! Em bé này là thần đồng hẳn! Nếu em muốn ở đây với ta, ta sẽ luyện cho em thành đại nghệ sĩ, em nghe chưa, đại nghệ sĩ! Sáng sáng em cạo râu cho khách với ta, đến chiều, ta sẽ dạy em âm nhạc. Em đừng yên trí rằng ta không phải là một ông thầy có thể dạy em được vì ta là thợ cạo. Người ta ai cũng phải sống, phải ăn, uống, ngủ; con dao cạo rất tốt cho ta về việc đó. Dù có làm nghề cạo râu cho người, ông Giát-Manh ngày xưa vẫn là thi sĩ trứ danh của nước Pháp, không kém. Tỉnh A-Giăng có Giát-Manh, thì tỉnh Măng-Đê cũng có Phi-Nam.
Khi ông Phi-Nam giảng thuyết xong, tôi nhìn Mã-Tư. Anh sẽ trả lời ra sao? Tôi sắp mất chăng, một người bạn đường, một người bạn thân, một người em, như tôi đã lần lượt mất những người mà tôi thương yêu? Lòng tôi se lại.
Tuy nhiên, tôi cố dẹp tình cảm của tôi về một bên.
Trường hợp này giống như trường hợp của tôi và ông Vỹ-Tiên đứng trước bà Mỹ-Lưu muốn giữ tôi. Tôi không muốn tôi phải oán trách tôi bằng những lời mà tôi đã oán trách ông Vỹ-Tiên ngày xưa.
Tôi nghẹn ngào nói:
- Anh Mã-Tư ơi! Anh nên nghĩ về phần anh trước.
Nhưng Mã-Tư chạy lại cầm tay tôi mà nói:
- Phải bỏ bạn tôi? Tôi không thể làm được. Tôi hết lòng cảm ơn ông.

Ông Phi-Nam lại nhấn mạnh rằng khi Mã-Tư học hết những điều yếu lược, ông sẽ tìm cách cho anh đi học ở Tu-lu rồi đi Ba-Lê vào trường "Quốc gia Âm nhạc học viện" nhưng Mã-Tư nhất định từ chối.
- Tôi không bao giờ bỏ Lê-Minh, bạn tôi.
Ông Phi-Nam nói:
- Em ơi! Vậy thì ta muốn có một vật gì để cho em, ta muốn tặng em một quyển sách, trong đó em sẽ học hỏi những điều em không biết.
Nói xong, ông ta tìm các ngăn kéo. Một lúc lâu, ông đem ra một quyển sách nhan đề là "Âm Nhạc lý thuyết" sách này đã cũ và nhàu nát, nhưng có cần gì? Rồi ông lấy bút, ông đề vào trang nhất như sau:
"Tặng em bé, sau này thành tài, đừng quên người thợ cạo thành Măng-Đê".
Tôi không biết ở thành Măng-Đê, ngoài ông phó cạo Phi-Nam còn có nhạc sư nào khác không, nhưng chỉ có ông Phi-Nam là người mà chúng tôi biết và không bao giờ quên được.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXIX
CON BÒ CỦA ÔNG HOÀNG

Tôi đã yêu Mã-Tư khi đến Măng-Đê, tôi lại càng yêu Mã-Tư khi rời thành phố này. Trong tình bằng hữu không có cái gì cao đẹp hơn, êm ái hơn là khi ta cảm thấy những người bạn ta yêu đã yêu ta một cách chân thành, Mã-Tư đã từ chối lời đề nghị của ông Phi-Nam nghĩa là đã vứt bỏ hết các sự an nhàn, sung sướng, sự ích lợi về việc học bây giờ và sự phú quý mai sau để đi với tôi, chung sống một cuộc đời trôi giạt thiếu thốn, không có tương lai và có lẽ không có cả ngày mai nữa, đó chẳng phải là chứng cớ hiển nhiên, đã tỏ lòng thân ái của anh đối với tôi hay sao?
"Bỏ bạn tôi!", câu nói của anh đã làm tôi vô cùng cảm động. Đứng trước ông Phi-Nam, tôi không thể biểu lộ được chân tình cùng anh, nhưng khi vừa ra khỏi, tôi liền nắm tay anh thật chặt và nói:
- Anh em ta sống chết có nhau, có phải không?
Anh nhìn tôi cười và nói:
- Tôi nghĩ thế đã lâu.
Mã-Tư vốn không thích đọc sách, nhưng từ khi có quyển "Âm nhạc lý

thuyết” của tác giả Kuhn thì anh chăm xem và tấn tới lắm. Tiếc rằng tôi không thể giúp anh học nhiều như ý muốn của anh được vì chúng tôi phải đi suốt ngày, hết độ nọ đến độ kia để chóng qua miền Lô-Diên và miền Ô-Việt là những miền khô khốc cho những phường hát và diễn trò rong. Ở đây, người dân quê kiếm được ít, nên ăn tiêu rất dè dặt. Họ xem các trò với vẻ lãnh đạm. Đến khi sắp quyên tiền là họ lảng xa hoặc đóng chặt cửa túi lại.
Sau cùng chúng tôi đến miền suối ấm, là mục đích cuộc đi của chúng tôi. Quả như lời người làm xiếc có con gấu đã mách Mã-Tư. Qua những tỉnh Buốc-Bun và Mông-Đô chúng tôi kiếm được nhiều tiền. Cho được công bình, tôi phải nói kết quả đó được tốt đẹp là nhờ ở tài nghệ và sự khôn khéo của anh Mã-Tư. Còn tôi khi nào khán giả đến đông tôi chỉ biết lấy đàn ra gảy, gắng sức gảy nhưng kém quan sát. Mã-Tư không dùng lối quá cổ thế. Đối với anh, đợi cho khách đến đông cũng chưa đủ, còn phải để ý nghiên cứu các khán quan xem có nên diễn hay thôi hoặc phải diễn những trò gì.
Ở “Trường Phú-Lợi”, một trường chuyên khai thác bằng đại quy mô lòng trắc ẩn của xã hội, Mã-Tư đã học được những bí quyết của một kỹ thuật rất khó khăn là kỹ thuật nài ép lòng thương hại và tính rộng rãi của mọi người. Lần đầu tiên, tôi gặp anh ở căn gác phố Lục-Sinh, tôi đã lấy làm lạ khi nghe anh nói những mánh khóe để người ta cho tiền, bây giờ tôi lại lạ hơn nữa khi trông thấy anh thực hiện phương pháp đó.
Chính ở trong những tỉnh có suối ấm, mà anh Mã-Tư đã trổ hết tài nghệ trước một số đông khán giả là người Ba-Lê về dưỡng bệnh – những khán giả cũ mà anh đã quen tính nết lại được tái ngộ ở đây – và anh đã thu được khá tiền.
Khi thấy một thiếu phụ có tang đang thơ thẩn trong vườn Cúc-Thanh, anh bảo tôi:
- Chú ý! Chúng ta đánh những bản buồn, để bà ta âm thầm nghĩ đến người đã mất. Nếu bà ta khóc là chúng ta ăn tiền…
Rồi chúng tôi đánh những bản rất nỉ non, ai oán, đã làm thiếu phụ phải lau nước mắt.
Ở ngoại thành Mông-Đô, trên những đường tản bộ, có những đám cây râm mát, gọi là “trường hội hữu”, khách thừa lương thường tụ tập ở đó để hóng gió. Mã-Tư đã dò biết và chúng tôi đến tận những nơi đó để đàn hát và diễn trò.
Khi chúng tôi thấy một người ốm xanh xao, mắt hốc, má lõm, ngồi buồn rầu trên một cái ghế tựa, chúng tôi không dám đến gần sợ làm ngắt cái buồn tư lự của bệnh nhân. Chúng tôi dừng lại xa xa, đàn hát

vui chơi với nhau, nhưng phải làm cho hết sức hay. Chúng tôi đưa mắt nhìn, nếu người đó nhìn chúng tôi bằng con mắt giận dữ thì chúng tôi cuốn gói, nếu họ chú ý nghe thì chúng tôi lại gần. Bấy giờ, Lãnh-Nhi có thể hăng hái chìa cái bát gỗ không sợ bị đá đít đuổi đi. Tuy vậy, những cuộc diễn gần những trẻ em đem lại cho chúng tôi nhiều kết quả hơn.

Tiếng đàn của Mã-Tư đã khéo mời cho chúng khiêu vũ và nhất là cái cười của anh đã làm cho chúng phải cười lây, đến cả những đứa trẻ nét mặt kém vui nữa. Anh đã làm cách gì? Làm thế nào? Tôi không biết. Nhưng sự thực là như thế: anh làm cho mọi người thích, người ta yêu anh.

Kết quả của cuộc chu du của chúng tôi đến đây thật rực rỡ. Trừ các khoản ăn tiêu rồi, chúng tôi còn 68 phật-lăng.

Sáu mươi tám phật-lăng này với một trăm bốn mươi sáu phật-lăng trước, cộng lại là 214 phật-lăng. Thế là đã đến lúc mà chúng tôi phải về làng Tả-Văn-Ông, không được trì hoãn nữa.

Người ta bảo ở Ích-Sơn là nơi chúng tôi sắp phải đi qua có một chợ trâu bò.

Chợ trâu bò, may quá cho chúng tôi. Chúng tôi có thể mua được một con bò cái tốt với số tiền chúng tôi đã chịu khó ăn nhịn, để dành. Con bò mơ ước đó, một lần nữa, lại hiển hiện trong óc chúng tôi: Mã-Tư muốn con lông trắng, tôi thích con lông đỏ để nhớ lại con Hồng-Ti ngày xưa. Dù sao, cũng phải là con bò hiền lành. Ít ăn và có nhiều sữa. Chúng tôi bàn đi bàn lại mãi không chán.

Nhưng bao giờ biết sự mơ ước đó thành sự thực, đó là cả một việc khó khăn cho tôi.

Chọn thế nào được con bò có đủ tất cả những đức tính mà chúng tôi muốn? Thực là một việc rất quan trọng. Tôi không biết xem tướng bò tốt xấu, mà Mã-Tư cũng mù tịt như tôi.

Lại còn điều này làm cho chúng tôi buồn thêm. Đó là những mẩu chuyện về việc bán bò mà chúng tôi nghe được ở các quán trọ khi chúng tôi có ý muốn mua bò. Nói đến lái ngựa, lái bò là nói đến những mưu mô lừa bịp quỷ quyệt. Nào chuyện người nhà quê đi chợ mua được một con bò đuôi đẹp và dài chấm đất, với cái đuôi đó, ai cũng biết, con bò có thể đuổi ruồi đến tận mũi, rất lợi. Anh ta đắc chí đánh bò về nhà vì con bò hiếm có thế mà giá mua không đắt. Sáng hôm sau, anh ta vào chuồng xem thì con bò quý của anh đã cụt đuôi. Thì ra lái bò đã khéo chắp một túm lông dài vào khấu đuôi cụt. Nào chuyện người này mua phải con bò sừng giả, người khác lúc mua thì bò đầy vú sữa, về đến nhà thì vắt bảy ngày không được một chén

con. Vì người lái quỷ quyệt đã thổi cho bầu sữa phồng lên.
Chúng tôi không muốn bị bịp như thế.
Về việc đuôi giả, Mã-Tư không sợ, anh sẽ đánh đu vào đuôi các con bò muốn mua, nếu là đuôi chắp thì phải tuột ngay. Về vấn đề bầu vú thổi, cũng chẳng khó gì, chỉ dùng một cái kim to và dài đâm vào là biết ngay.
Hai cách thử này thực là hiệu nghiệm đối với những con bò đuôi giả, vú giả, nhưng nếu đem áp dụng cho những con bò lành lặn, sợ rằng nó bị đau sẽ không nể gì mà không đá vào mặt những người đã kéo đuôi nó hoặc châm vào vú nó.
Ý nghĩa về cái đá đã làm cho Mã-Tư im lặng. Tuy nhiên chúng tôi rất băn khoăn, chỉ lo nhỡ biếu bà Bảo-Liên phải con bò không có sữa hoặc không có sừng thì buồn quá.
Trong những chuyện kể trên, có chuyện một anh lái bò bị một viên thú y lột mặt nạ giữa phiên chợ và phải dắt bò mà chạy. Chúng tôi nghĩ nên nhờ một viên Thú-Y giúp đỡ, tuy có tổn phí nhưng chắc chắn mua được con bò vừa ý và không phải bị lừa bịp. Chúng tôi đồng ý về điểm này và không bàn định thêm gì nữa. Chúng tôi tiếp tục đi, vui vẻ và nhẹ nhàng.
Từ Mông-Đô về Ích-Sơn đường không dài lắm. Chúng tôi đi không đến hai ngày, tới Ích-Sơn còn sớm.
Có thể nói được rằng tôi đã về xứ tôi rồi, và chính ở Ích-Sơn, nơi mà tôi đã đóng trò và ra mắt công chúng lần thứ nhất trong bản "Người đầy tớ của Ngài Hảo-Tâm" và chính ở Ích-Sơn này, ông Vỹ-Tiên đã mua cho tôi đôi giầy thứ nhất, đôi giầy đế đinh đã làm cho tôi sung sướng vô cùng.
Ôi! Còn đâu nữa con Hảo-Tâm với bộ mũ áo của Đại-Tướng Anh? Còn đâu nữa con Hiệp-Nhi hăng hái và con Thùy-Nhi dịu dàng? Còn đâu nữa ông Vỹ-Tiên, thầy tôi, với cái dáng đi đặc biệt, đầu thẳng, ngực ưỡn, chân bước nhịp nhàng, miệng thổi sáo mở đường cho chúng tôi tiến bước.
Trong bọn sáu chúng tôi bấy giờ, ngày nay chỉ còn có hai sót lại: tôi và Lãnh-Nhi. Vì thế, tôi thấy đau lòng khi đặt chân vào thành phố Ích-Sơn. Tự nhiên tôi tưởng tượng như nhìn thấy bóng cái mũ phớt của ông Vỹ-Tiên ở mỗi đầu phố và một tiếng gọi quen thuộc như văng vẳng bên tai: "Tiến lên!"
Tôi chợt đi qua của hàng bán đồ cũ mà ông Vỹ-Tiên đã đưa tôi vào mua quần áo năm xưa, tôi nhìn thấy vẫn có mấy cái áo cũ có lon vàng treo ở ngoài cửa, và ở trong tủ kính vẫn bày những súng cũ và những đèn gỉ.

Tôi cũng tìm đến chỗ tôi diễn trò lần đầu tiên chỉ cho Mã-Tư coi: con Lãnh-Nhi nhận ra ngay và chạy đến ve vẩy đuôi.
Chúng tôi lại vào nhà trọ của ông Vỹ-Tiên ngày trước. Sau khi đã gửi đồ đạc đâu đấy, chúng tôi đi tìm nhà một Thú-Y. Đến nơi chúng tôi trình bày ý muốn thì ông Thú-Y cười lớn mà bảo rằng:
- Ở đây, không có giống bò để làm xiếc!
- Không phải chúng tôi mua bò để làm xiếc mà để lấy sữa.
- Và nó phải có một cái đuôi thật.
Mã-Tư nói thêm vì lòng anh vẫn băn khoăn về cái đuôi chắp.
- Thưa ông Thú-Y, chúng tôi đến xin ông làm ơn đem cái khoa học của ông giúp chúng tôi mua bò khỏi bị lừa bịp.
Tôi nói câu đó, bắt chước bộ điệu đứng đắn và giọng nói quan trọng của ông Vỹ-Tiên hay dùng đến mỗi khi muốn chinh phục người nghe.
Ông Thú-Y hỏi:
- Thế các con mua bò để làm gì?
Bằng mấy câu vắn tắt, tôi cắt nghĩa cho ông nghe mục đích việc mua bò của chúng tôi.
Nghe xong, ông nói:
- Các con là những đứa trẻ tốt. Sáng mai ta sẽ theo các con ra chợ. Ta có thể nói trước với các con rằng con bò ta sẽ chọn không có đuôi giả đâu!
Mã-Tư nói:
- Không có sừng giả?
- Không có sừng giả.
- Không có vú đựng hơi?
- Ta sẽ tìm cho các con con bò tốt và đẹp. Nhưng trước hết phải có tiền để mua chứ?
Không trả lời, tôi mở luôn gói mùi xoa đựng tất cả các tài sản của chúng tôi cho ông xem.
- Tốt lắm! Bảy giờ sáng mai, các con sẽ lại đây đi với ta.
- Thưa chúng tôi phải trả hầu ông bao nhiêu?
- Không phải trả gì cả. Ai lại lấy tiền của những đứa trẻ có lòng tốt như các con!
Tôi bối rối không biết lấy gì trả ơn ông Thú-Y đáng kính ấy thì Mã-Tư có một ý kiến. Anh hỏi:
- Thưa ông, ông có thích nghe âm nhạc không?
- Có chứ!
- Ông vẫn thường ngủ sớm?
Thấy câu hỏi rời rạc không nghĩa lý gì, nhưng ông cũng vui vẻ trả lời:
- Độ chín giờ.

- Cảm ơn ông. Bảy giờ sáng mai, chúng tôi xin nhớ.
Tôi hiểu ý Mã-Tư nên lúc ra tôi hỏi anh:
- Anh muốn hiến ông Thú-Y một cuộc hòa nhạc?
- Phải đấy. Một cuộc hợp tấu trước khi ông ta đi ngủ. Đó là một cách đối với những người mà ta yêu.
- Ý kiến hay đấy. Chúng ta về nhà trọ để sửa soạn cuộc hòa nhạc đó. Người ta có thể làm dối trá đối với những người trả tiền, nhưng một khi chính mình là người trả tiền thì mình phải làm hết sức.
Hồi chín giờ kém ba phút, chúng tôi đã đến cửa nhà ông Thú-Y. Mã-Tư xách vĩ-cầm, tôi đeo thụ-cầm. Đường phố tối đen. Vì lát nữa có trăng, nên người ta không phải thắp những cột đèn lồng. Các cửa hàng đều đóng cửa. Người đi lại đã thưa.
Tiếng chuông đồng hồ vừa điểm thì chúng tôi bắt đầu dạo đàn. Trong quãng phố hẹp và tĩnh mịch, tiếng đàn chúng tôi ngân vang như ở trong một căn phòng kín. Các cửa sổ đều mở tung, những đầu đội mũ len, trùm mùi-xoa hoặc khăn quàng lố nhố thò ra và cửa sổ này sang cửa sổ khác, người ta sửng sốt hỏi nhau.
Ông bạn Thú-Y của chúng tôi, nhà ở đầu phố, một cửa sổ trên lầu mở ra, ông bạn cúi nhìn xem ai đàn thế.
Ông nhận ra ngay chúng tôi và biết mục đích của chúng tôi, ông xua tay làm hiệu cho chúng tôi im.
Rồi ông nói:
- Ta cho mở cửa, các con vào trong vườn chơi.
Tức thì cửa vào mở rộng. Ông ra bắt tay chúng tôi và nói:
- Các con là những trẻ có nhiệt tình, nhưng vô ý quá. Các con không sợ cảnh binh bắt về tội làm huyên náo phố sá ban đêm à?
Vườn nhà ông không rộng lắm, nhưng có một giàn dây leo trông rất u nhã. Chúng tôi lại bắt đầu gảy đàn.
Gia đình ông có hai vợ chồng và năm, sáu đứa con. Mọi người đều ra xem. Người ta treo đèn ở dưới giàn hoa. Chúng tôi hết sức trổ tài. Hết mỗi bài, người ta lại vỗ tay và đòi bài khác. Quá mười giờ, nếu ông không bảo chúng tôi nghỉ thì có lẽ các con ông còn bắt chúng tôi đàn hát đến nửa đêm.
Ông bảo các con ông:
- Để cho các anh ấy về nghỉ, mai còn đến đây sớm.
Không để chúng tôi về không, ông thết chúng tôi một bữa ăn rất ngon lành. Để cảm ơn ông, tôi bảo Lãnh-Nhi ra diễn một trò vui nhất. Các con ông thích quá, reo cười không ngớt. Mãi gần mười hai giờ, chúng tôi mới ra về.
Thành phố Ích-Sơn ban đêm yên tĩnh bao nhiêu thì sáng ngày huyên

náo bấy nhiêu. Mới rạng đông, chúng tôi đã nghe thấy tiếng xe chạy trên đường cái cùng tiếng ngựa, bò, cừu và tiếng cười nói của những người nhà quê ra phiên chợ.
Chúng tôi bước ra, thấy sân nhà trọ để đầy những xe bò, cái nọ liền cái kia. Lại có nhiều xe ngựa vừa đỗ. Những người nhà quê ăn mặc chững chạc đang giơ tay đỡ vợ ở trên xe xuống. Mọi người đều phủi quần áo, những người đàn bà vuốt lại mái tóc và sửa lại y phục cho gọn gàng. Trong phố, người đi như nước chảy về phía chợ. Lúc đó mới sáu giờ, chúng tôi rủ nhau đi chợ xem bò và chọn thử trước.
A! Có biết bao nhiêu là bò cái: Con nào cũng hay, cũng đẹp. Có đủ các sắc và đủ các cỡ. Có con béo, có con gầy, có con vú chấm đất, có con kèm cả bê non.
Trong chợ cũng có những ngựa, lừa và ngựa con. Những con lợn béo chũi mõm đào đất. Những con lợn sữa kêu eng éc như đang bị chọc tiết. Lại có rất nhiều gà mái, gà sống, vịt, ngỗng, chim câu. Nhưng có cần gì. Chúng tôi chỉ để ý đến chỗ bán bò. Những con bò cái, mặc chúng tôi dòm nom, mắt lờ đờ, đưa đi đưa lại, cứ điềm nhiên nhai lại bữa cỏ ban đêm, không biết rằng từ nay sẽ không được ăn những ngọn cỏ non ở cánh đồng cũ là nơi chúng đã sinh trưởng.
Sau khi xem xét độ nửa giờ, chúng tôi chọn được mười bảy con vừa ý: con này có nết này, con kia có nết nọ, ba con vì nó hồng, hai con vì nó trắng. Vì việc dự chọn này, Mã-Tư và tôi đã bàn cãi nhau nhiều lắm.
Đúng bảy giờ, chúng tôi đến thì ông Thú-Y đã đợi ở cửa. Chúng tôi lại cùng ông ra chợ. Chúng tôi nhắc lại cho ông biết ý chúng tôi định mua một con bò thế nào và có những nết gì. Tóm lại, con bò phải có hai điều cần thiết: ăn ít và nhiều sữa.
Mã-Tư vội chỉ con bò trắng và nói:
- Con bò này cũng tốt.
Tôi chỉ một con lông đỏ, nói:
- Con bò này tốt hơn.
Ông Thú-Y liền "xử hòa" nghĩa là không hỏi đến con rằn của Mã-Tư và cũng không hỏi đến con đỏ của tôi. Ông dừng lại chỗ con thứ ba: một con bò nhỏ, chân mảnh, lông đỏ, tai và má màu nâu, chung quanh mắt đen và có vòng trắng chung quanh mõm.
Ông nói:
- Đây là giống bò Dung-Yên, rất hợp ý các con.
Một người nhà quê, bé nhỏ, cầm dây. Ông Thú-Y hỏi giá, anh ta nói:
- Ba trăm phật-lăng.

Chúng tôi đang thích con bò nhỏ nhắn, lanh lợi, tướng mạo tinh khôn ấy thì câu trả lời đó làm cho chúng tôi thõng cả tay xuống. Ba trăm phật-lăng kia à? Quá sức của chúng tôi. Tôi liền ra hiệu cho ông Thú-Y tìm con khác. Ông bấm tôi có ý bảo phải từ từ.
Cuộc mà-cả bắt đầu. Ông Thú-Y trả 150 phật-lăng, người nhà quê hạ 10 phật-lăng. Ông trả thêm 170 phật-lăng, người lái rút xuống 280 phật-lăng.
Đến chỗ này, chúng tôi đang phấp phỏng thì ông Thú-Y thôi không trả thêm nữa. Ông bắt đầu xem con bò từng bộ phận; chân yếu quá, cổ hơi ngắn, sừng hơi dài, phổi hơi nhỏ, bầu sữa không xứng.
Người nhà quê đáp:
- Là chỗ hiểu nhau cả, tôi bằng lòng bán với giá 250 phật-lăng để con bò được về tay chủ tốt.
Nghe ông Thú-Y nói vậy, tôi sợ con bò đó xấu thực, liền giục ông:
- Ta đi xem con khác.
Thấy tôi nói thế, người lái bò bớt cho mười phật-lăng rồi lần lượt, rút xuống 210 phật-lăng rồi giữ giá.
Ông Thú-Y lấy khủy tay thích vào tôi, ngụ ý bảo những lời ông chê đó không đúng đâu và con bò này tốt, mua được. Nhưng hai trăm mười phật-lăng nhiều quá! Một món tiền lớn cho chúng tôi!
Trong khi đó Mã-Tư lượn về phía sau con bò rứt một cái lông đuôi, con bò liền đá anh một cái. Thấy thế, tôi nhất định mua.
Tưởng thế là xong, tôi nói:
- Được, tôi bằng lòng 210 phật-lăng.
Tôi giơ tay để cầm dây, nhưng người nhà quê không đưa.
Anh nói:
- Còn quà cho mẹ cháu nữa chứ?
Chúng tôi lại bắt đầu bàn cãi. Cuối cùng tôi thuận trả 20 xu tiền quà.
Chúng tôi chỉ còn vỏn vẹn có 3 phật-lăng. Tôi lại đưa tay ra lấy dây. Anh ta cầm tay tôi bắt rất thân thiết. Vì thân thiết, tôi phải nghĩ đến quà cho con gái anh ta, mất thêm 10 xu nữa.
Lần thứ ba, tôi đưa tay lấy thừng, thì người nhà quê, bạn thân của tôi, bảo tôi "hượm đã" và hỏi:
- Bạn có đem sẵn vòng cổ cho bò không? Tôi bán bò chứ không bán vòng cổ.
Vì là chỗ anh em cả, anh ta để rẻ cái vòng cổ đó cho tôi có 30 xu thôi.
Cần phải có vòng buộc cổ bò, vì thế tôi phải bỏ ra 30 xu, trong túi chỉ còn 20 xu nữa thôi. Thế là hết tất cả 213 phật-lăng rồi. Tôi giơ tay lần thứ tư.

Anh ta lại hỏi:
- Dây thừng của bạn đâu? Tôi bán cho bạn vòng cổ bò, chứ không bán dây thừng.
Chiếc dây thừng đó giá vốn là 20 xu, 20 xu cuối cùng của chúng tôi. Sau cùng, người nhà quê trao bò và cả vòng cổ, dây thừng cho chúng tôi. Chúng tôi có bò, nhưng chúng tôi không có một xu dính túi, không có một đồng nào để nuôi bò và để nuôi cả thân chúng tôi nữa.
Mã-Tư nói:
- Chúng ta đi làm vậy. Các tiệm cà-phê đều đông người. Chúng ta chia nhau có thể đi khắp các tiệm ấy được. Chiều nay tất có xu tiêu.
Sau khi đã đánh bò về nhà trọ và buộc kỹ bò vào chuồng, chúng tôi chia nhau, mỗi người một ngả, đi đánh đàn ở các tiệm cà-phê. Chiều về Mã-Tư được 4 phật-lăng rưỡi, tôi được 3 phật-lăng.
Với bảy phật-lăng rưỡi trong tay, chúng tôi giàu rồi! Nhưng cái vui kiếm được 7 phật-lăng rưỡi so với cái vui đã tiêu mất 214 phật-lăng thì còn kém nhiều.
Chúng tôi nhờ người ở gái nhà trọ vắt sữa bò, chúng tôi ăn bữa tối bằng sữa: chúng tôi chưa từng được ăn thứ sữa nào ngon như thế. Mã-Tư khen sữa ngọt và thơm như hoa cam, giống thứ sữa anh đã được uống ở nhà thương ngày nào, mà có phần ngon hơn nữa.
Trong lúc vui sướng ấy, chúng tôi nhảy nhót và ôm lấy đầu con bò và hôn trán nó, hình như nó cũng thông cảm đưa lưỡi ra liếm vào mặt chúng tôi, chúng tôi rất cảm động.
Than ôi! Mã-Tư và tôi là những đứa trẻ cô độc, có bao giờ được trìu mến như những trẻ có mẹ có cha, nay lấy sự thân yêu với con bò này làm an ủi, thực đáng thương vậy!
Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm cùng với mặt trời. Chúng tôi lên đường đi luôn Văn-Ông. Tôi rất mang ơn anh Mã-Tư, nhờ công anh khó nhọc, chúng tôi mới nhặt được món tiền lớn 214 phật-lăng đó. Vì thế tôi nhường cái thú dắt bò cho anh. Anh đắc chí kéo con bò đi trước, tôi và con Lãnh-Nhi theo sau. Khi ra ngoài thành phố, tôi mới đi ngang anh để nói chuyện và có thì giờ ngắm kỹ con bò của chúng tôi. Tôi chưa từng trông thấy con bò nào đẹp như thế. Vẻ dịu dàng, dáng đi thong thả, chững chạc như một con vật tự biết giá trị của mình.
Bây giờ tôi không cần xem bản đồ như khi mới ra khỏi Ba-Lê. Tôi biết lối đi rồi. Mặc dầu cách đây đã mấy năm, kể từ ngày tôi đi với ông Vỹ-Tiên, tôi vẫn còn nhớ những khúc khuỷu của con đường.
Không muốn để con bò của chúng tôi mỏi mệt và cũng không muốn đến Văn-Ông vào một giờ muộn quá, tôi định sẽ nghỉ lại ở làng năm

xưa, ông Vỹ-Tiên đã đưa tôi vào một nhà trọ, ngủ đêm thứ nhất của tôi trên ổ cỏ khô; thấy tôi buồn khóc, con Lãnh-Nhi đã đến đặt chân nó vào tay tôi để an ủi tôi. Rồi sáng hôm sau, từ làng đó chúng tôi sẽ về nhà mẹ nuôi tôi sớm.
Nhưng số phận từ trước đến giờ vẫn may mắn cho chúng tôi, bây giờ lại tráo trở và đảo lộn cả cái chương trình của chúng tôi.
Chúng tôi chia ngày đường của chúng tôi làm hai phần, khoảng giữa dùng vào việc ăn trưa và nhất là để cho bò của chúng tôi ăn cỏ non ở hai bên ria đường.
Lúc đầu, tôi phải giữ dây cho bò ăn, nhưng thấy nó hiền lành và chăm chú gặm cỏ nên tôi quấn dây chung quanh sừng nó và ngồi ăn bánh mì bên cạnh cho thảnh thơi.
Lẽ tất nhiên là chúng tôi ăn xong trước bò. Ngắm mãi con bò cũng chán, chúng tôi rủ nhau đánh bi. Xin độc giả chớ tưởng tượng rằng chúng tôi là những người đạo mạo và nghiêm trang chỉ lo kiếm tiền. Mặc dầu chúng tôi sống một đời khác với những trẻ bằng tuổi chúng tôi, chúng tôi vẫn có những tính tình và sở thích của tuổi thơ, nghĩa là chúng tôi thích chơi như các trẻ khác và không ngày nào là chúng tôi không đánh bi, đá cầu hay nhảy cừu. Thường thường, bất thình lình và vô lý, Mã-Tư hỏi tôi:
- Chơi không?
Thế là bỏ túi, bỏ đàn xuống, chúng tôi chơi ngay ở dọc đường. Nhiều lần, nếu tôi không có đồng hồ, thì đã ham chơi đến tối. Nhưng cái đồng hồ nhắc cho tôi biết: tôi là đoàn trưởng, tôi phải làm việc, phải kiếm tiền để sống. Nên tôi lại khoác đàn lên vai đau nhức. Tiến lên!
Chúng tôi đã đánh bi xong mà con bò vẫn còn gặm cỏ. Thấy chúng tôi đến gần, nó đưa dài lưỡi ra vơ cỏ tỏ cho tôi biết là nó hãy còn đói.
Mã-Tư bảo:
- Chúng ta hãy đợi một chút.
Trong khi đợi, chúng tôi sửa soạn túi và nhạc khí của chúng tôi.
Mã-Tư là người hiếu động, không mấy lúc để yên chân tay, hỏi tôi:
- Tôi thử thổi kèn cho bò chúng ta nghe. Ngày nọ ở gánh xiếc Gát-Sô có con bò thích nghe âm nhạc lắm.
Và không hỏi hơn nữa, anh liền phùng má thổi một bài nhạc "điểm binh".
Nghe mấy tiếng đầu, con bò chúng tôi ngẩng đầu lên nhìn, rồi bất thình lình, tôi không kịp chạy lại tháo dây ở sừng nó để cầm, nó vùng chạy và nhẩy quớ như ngựa phi.
Chúng tôi lập tức cũng phi hết sức như nó để đuổi theo. Tôi gọi Lãnh-Nhi chạy bắt nó lại, nhưng không ai có đủ mọi tài: nếu là con

chó săn súc vật thì nó đã nhảy lên mũi con bò để hãm lại, nhưng con Lãnh-Nhi là con chó diễn trò, nó chỉ biết nhảy lên chân con bò thôi, làm cho con này càng chạy già.
Chúng tôi cứ chạy như thế, bò trước người sau, lại thêm con chó sủa ầm ĩ. Vừa chạy, tôi vừa mắng Mã-Tư:
- Đồ ngu!
Mã-Tư vừa chạy, vừa thở, đáp:
- Anh sẽ đập vào đầu tôi. Tôi đáng tội lắm.
Chỗ chúng tôi nghỉ để ăn cách một làng to ở trước mặt đến hai cây số. Chính con bò của chúng tôi chạy về phía ấy. Cố nhiên, nó vào làng trước chúng tôi. Vì đường thẳng, nên tuy cách xa, chúng tôi đã nhìn thấy người ta chắn lại và bắt được nó.
Lúc đó chúng tôi chạy chậm lại, yên trí bò không mất. Chúng tôi sẽ hỏi những người tử tế đó xin lại, họ sẽ giao trả chúng tôi. Chúng tôi càng đến gần, càng thấy đông người xúm vào chung quanh con bò. Có đến hai mươi người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con, lào xào bàn tán và đứng nhìn chúng tôi chạy đến.
Tôi đinh ninh rằng tôi chỉ việc xin bò rồi đi. Nhưng đáng lẽ trả bò cho chúng tôi, người ta quây lấy chúng tôi hỏi dồn:
- Chúng mày từ đâu đến?
- Chúng mày có con bò này từ hồi nào?
Câu trả lời của chúng tôi rất giản dị và dễ dàng, nhưng người ta không tin. Có hai hay ba tiếng thét lên:
- Chúng nó đã ăn trộm, bò lạ nên mới chạy.
- Bắt giam chúng nó lại để điều tra!
Tiếng “giam” làm cho tôi hết hồn. Tôi xám mặt lại và nói lúng túng. Lại vì chạy nhọc quá nên không sao chống cãi được.
Đương lúc ấy, có một người Hiến binh đến. Bằng một vài câu vắn tắt, người ta kể đầu đuôi câu chuyện cho người Hiến binh nghe. Thấy việc khả nghi, người Hiến binh tuyên bố rằng: bò bắt về sở còn người thì tống giam để chờ xét xử.
Tôi toan cãi, Mã-Tư muốn phân trần, nhưng người Hiến binh không cho nói. Lúc đó, tôi nhớ đến tấn kịch ông Vỹ-Tiên với người Cảnh sát ở Tu-lu nên bảo Mã-Tư im đi mà theo người Hiến binh.
Tất cả làng theo chúng tôi đến trụ sở Xã, cạnh đấy có nhà giam. Người ta vây lấy chúng tôi, người ta ép, người ta xô, người ta đẩy, người ta lăng mạ chúng tôi. Tôi tưởng nếu không có người Hiến binh ở đó, người ta đã ném đá vào chúng tôi, coi như những kẻ phạm tội giết người hay đốt nhà. Thực ra chúng tôi có tội gì đâu! Nhưng quần chúng vẫn hay làm thế, họ có thói xét đoán ở bề ngoài, hay buộc

chết những người nghèo, không cần người ta đã làm gì, có tội hay không tội.
Đến cửa nhà giam, tôi thấy có chút hy vọng. Người gác trụ sở Xã kiêm việc Cai ngục và xã tuần, lúc đầu không muốn nhận chúng tôi. Tôi nghĩ bụng đó là người có lòng tốt. Sau người Hiến binh nói mãi, cai ngục mới nghe. Ông ta đi trước chúng tôi. Cửa nhà giam đóng kín bằng cái khóa to và hai then sắt. Ông ta mở cửa, tôi trông vào mới hiểu tại sao lúc đầu ông ta không thuận. Chỉ vì ông ta đã đem hành sang phơi nhờ khắp nền nhà.
Người ta lục soát trong người chúng tôi. Người ta lấy tiền, lấy dao, lấy diêm của chúng tôi. Trong khi đó người Cai ngục vun gọn hành của y vào một đống. Rồi để chúng tôi trong đó, người ta đóng sầm cửa lại, nghe rất ghê tai.
Chúng tôi bị ngồi tù rồi! Không biết trong bao lâu?
Tôi đang nghĩ thế thì Mã-Tư đến trước mặt tôi, giơ đầu ra và nói:
- Đánh đi! Cứ đánh vào đầu tôi đi! Đánh mạnh cho tôi nhớ mà chừa đi!
Tôi nói:
- Anh làm trái, tôi cứ để anh làm. Như thế tôi cũng có lỗi như anh.
- Tôi thích anh đập vào đầu cho tôi một cái. Tôi sẽ bớt đau lòng… con bò của chúng ta, con bò của ông Hoàng!
Rồi anh khóc òa lên. Lúc đó, tôi lại phải dỗ anh, cắt nghĩa cho anh biết tình thế không trầm trọng lắm, chúng tôi không làm gì, việc minh oan rất dễ: chỉ một mình ông Thú-Y Ích-Sơn làm chứng cho chúng tôi là đủ.
- Nếu người ta buộc cho chúng ta đã đi ăn cắp để lấy tiền mua bò thì làm thế nào?
Anh Mã-Tư nói rất phải.
Rồi anh lại vừa khóc vừa nói:
- Nếu ta được tha và người ta trả lại bò cho chúng ta rồi, chúng ta có chắc tìm thấy bà Bảo-Liên không?
- Sao lại không chắc!
- Anh xa bà Bảo-Liên đã lâu, có lẽ bà đã mất rồi!
Nghe anh nói tôi giật mình. Phải. Bà Bảo-Liên có thể chết được. Mặc dầu bà chưa già lắm, nhưng tôi đã kinh nghiệm rằng người ta hay mất những người thân yêu. Tôi chả mất ông Vỹ-Tiên là gì! Tại sao trước kia tôi không nghĩ thế nhỉ?
Tôi hỏi Mã-Tư:
- Tại sao anh lại không bảo tôi sớm?
- Vì khi tôi sung sướng, tôi chỉ có những ý tưởng vui trong óc xuẩn

của tôi; đến lúc tôi khổ, thì tôi lại có toàn những ý tưởng buồn. Vì thế khi tôi nghĩ đến việc biếu bà Bảo-Liên con bò, tôi như trông thấy bà sung sướng, nên tôi cũng sung sướng, say đắm và không biết gì.
- Anh Mã-Tư ơi! Óc anh không xuẩn hơn óc tôi, vì tôi cũng nghĩ như anh và cũng như anh, tôi sung sướng, say đắm và không biết gì.
Mã-Tư vẫn khóc và nói:
- Ôi! Con bò của ông Hoàng!
Thình lình anh đứng dậy, giơ tay nói:
- Nếu bà Bảo-Liên mất rồi! Nếu lão Bảo-Liên độc ác còn sống! Nếu lão chiếm lấy bò của ta! Nếu lão bắt cả anh nữa thì làm thế nào! Anh ơi!
Sở dĩ chúng tôi có những ý tưởng bi quan ấy là do ảnh hưởng của nhà giam sinh ra, ảnh hưởng của những tiếng gào thét của dân chúng, ảnh hưởng của Hiến binh, của những tiếng khóa sắt, then sắt nghiến kèn kẹt khi người ta nhốt chúng tôi.
Mã-Tư không những nghĩ cho chúng tôi, anh nghĩ cả đến con bò nữa.
- Ai cho nó ăn? Ai vắt sữa cho nó?
Chúng tôi ngồi lo nghĩ như thế rất lâu. Thời giờ càng đi, chúng tôi càng chán nản.
Tuy nhiên, tôi cố làm cho Mã-Tư vững lòng, cắt nghĩa cho anh biết người ta sắp thẩm vấn chúng tôi.
- Vậy chúng ta sẽ trả lời thế nào?
- Cứ thực mà khai.
Nếu thế, người ta sẽ giao anh cho lão Bảo-Liên. Hoặc bà Bảo-Liên ở nhà một mình, người ta cũng sẽ hỏi bà để biết thực hư; như vậy, chúng ta sẽ mất cái thú làm cho ngạc nhiên.
Sau cùng, cửa ngục mở ra với những tiếng kèn kẹt ghê người, một ông già tóc bạc vẻ nhân từ bước vào, phong độ hòa nhã của ông làm cho chúng tôi hy vọng.
Cai ngục nói:
- Này! Nhãi con! Ông Thẩm-Phán trị an đã đến. Đứng dậy để khai đi!
Ông Thẩm-Phán ra hiệu cho Cai ngục để mặc ông và nói:
- Được lắm! Được lắm!
Rồi ông chỉ vào tôi mà nói:
- Ta hỏi em này trước. Thầy Cai hãy đưa em kia ra một chỗ, lát nữa sẽ hỏi đến.
Tôi nghĩ trường hợp thế này thì phải báo cho Mã-Tư biết cách trả lời. Tôi nói luôn:
- Thưa ông Thẩm-Phán, cũng như tôi, anh bạn tôi sẽ xin trình bày sự

thực, tất cả sự thực.
Ông Thẩm-Phán nói ngay như để ngắt lời tôi:
- Được lắm! Được lắm!
Mã-Tư ra nhưng đủ thì giờ đưa mắt cho tôi biết là anh đã hiểu.
Ông Thẩm-Phán nhìn thẳng vào mặt tôi mà hỏi:
- Người ta đã thưa em về tội ăn trộm bò.
Tôi đáp:
- Thưa ông Thẩm-Phán, chúng tôi đã mua con bò cái ấy ở chợ Ích-Sơn, có ông Thú-Y ở đấy chứng kiến.
- Việc này sẽ điều tra.
- Tôi rất mong ông điều tra cho, vì sự điều tra đó sẽ chứng minh chúng tôi vô tội.
- Em mua con bò đó để làm gì?
- Để đưa về làng Văn-Ông biếu bà mẹ nuôi tôi, để tỏ lòng biết ơn bà và cũng để nhớ lại những ngày thơ ấu của tôi ở bên cạnh bà.
- Tên bà ta là gì?
- Bà Bảo-Liên.
- Có phải vợ một ông thợ nề, mấy năm trước đây làm ở Ba-Lê bị ngã què chân?
- Thưa ông Thẩm-Phán, vâng.
- Việc này cũng sẽ điều tra.
Về câu này tôi không trả lời như câu trước nói về ông Thú-Y.
Thấy tôi lúng túng, ông Thẩm-Phán giục giã, tôi phải nói thật rằng:
- Nếu Tòa hỏi bà Bảo-Liên, chúng tôi mất hẳn cái thú làm bà ngạc nhiên khi chúng tôi về với bò.
Tuy nhiên, trong sự bối rối của tôi, tôi có một niềm vui thích vì ông Thẩm-Phán biết bà Bảo-Liên và muốn hỏi bà để rõ thực hư, tức là bà còn sống.
Tôi lại có một điều mừng hơn nữa, là trong cuộc thẩm vấn đó, ông Thẩm-Phán cho tôi biết mới rồi ông Bảo-Liên đã trở về Ba-Lê.
Hai điều này làm cho tôi phấn khởi, tôi trả lời rắn rỏi khiến ông Thẩm-Phán phải tin rằng lời cung khai của ông Thú-Y Ích-Sơn đủ tỏ là chúng tôi không phải là những kẻ ăn trộm bò.
- Thế tiền mua con bò ấy, em lấy đâu ra?
Đó là một điểm mà Mã-Tư sợ nhất và đoán rằng thế nào cũng bị hỏi đến.
- Bằng cách gì? Ở đâu?
Tôi liền cắt nghĩa cho ông Thẩm-Phán biết từ Ba-Lê đến Văn-Xá và từ Văn-Xá đến Mông-Đô, chúng tôi đã diễn trò kiếm được và ky-cóp từng xu.

- Em làm gì ở Văn-Xá?
Câu hỏi này làm cho tôi kể lại nạn lụt, khi ông Thẩm-Phán nghe đến chỗ tôi bị chôn sống dưới hầm mỏ Thụy-Khê, ông bảo tôi ngừng lại. Rồi bằng một giọng ôn tồn và gần như thân ái, ông hỏi:
- Trong hai người, em nào là Lê-Minh?
- Thưa ông Thẩm-Phán, tôi.
- Có gì làm bằng chứng? Hiến binh nói em không có giấy tờ gì cả.
- Thưa ông Thẩm-Phán, không.
- Vậy, em hãy kể nạn lụt ở Văn-Xá xảy ra thế nào. Ta đã đọc tường thuật trên các báo. Nếu em không phải là Lê-Minh thật thì em không đánh lừa ta được. Ta chú ý nghe đây. Phải cẩn thận.
Giọng nói vui vẻ của ông làm tôi thêm can đảm, tôi nhận thấy ông không phải là người khắc nghiệt.
Khi tôi kể xong chuyện, ông nhìn tôi bằng đôi mắt cảm thương. Tôi tưởng ông sắp tha chúng tôi, nhưng không. Ông không nói gì cả. Ông để tôi ngồi đấy. Có lẽ ông đi hỏi Mã-Tư xem hai lời khai của chúng tôi có phù hợp với nhau không.
Tôi ngồi nghĩ ngợi khá lâu. Chợt ông trở lại với Mã-Tư.
Ông nói:
- Bây giờ ta cho người đi lấy tin tức ở Ích-Sơn. Nếu đúng như chuyện các em vừa kể, ta mong thế, sáng mai ta sẽ cho các em ra.
Mã-Tư hỏi:
- Và con bò?
- Người ta sẽ trả bò cho các em.
Mã-Tư nói tiếp:
- Thưa ông Thẩm-Phán, không phải thế. Tôi muốn nói: “Ai cho bò chúng tôi ăn? Ai vắt sữa cho nó?”
- Ranh con, cứ yên tâm.
Mã-Tư yên tâm, mỉm cười và bảo tôi:
- Nếu người ta vắt sữa bò cho chúng ta, không biết người ta có cho chúng ta hưởng không? Nếu được sữa dùng bữa tối thì tốt quá!
Khi ông Thẩm-Phán đã đi xa rồi, tôi báo cho Mã-Tư biết hai tin mừng đã làm tôi quên cái khổ ở nhà giam: bà Bảo-Liên còn sống và ông Bảo-Liên hiện ở Ba-Lê.
Anh nói:
- Con bò của ông Hoàng sẽ ngang nhiên về làng.
Anh thích quá nhảy và hát, tôi cũng sung sướng cầm lấy tay anh, con Lãnh-Nhi buồn nằm ở góc nhà cũng chạy ra, len vào giữa tôi và Mã-Tư, đứng bằng hai chân sau, chúng tôi cùng nhau khiêu vũ rộn rịp. Người Cai ngục hoảng hốt – có lẽ vì đồng hành – vào xem có phải

chúng tôi “khởi loạn” không?
Ông ta bắt chúng tôi ngồi im. Lời nói của ông ta xem chừng đã bớt dữ tợn, không như lúc ông ta cùng vào với ông Thẩm-Phán.
Do đó, chúng tôi hiểu hiện tình của chúng tôi không đáng ngại lắm.
Quả nhiên, chúng tôi có một chứng cớ cụ thể là có người mang vào cho chúng tôi một liễn đầy sữa – sữa của bò chúng tôi. Nhưng chưa hết, lại còn đèo thêm một tấm bánh mì trắng và miếng thịt bê ướp.
Người hầu nói đó là những thức ăn của ông Thẩm-Phán gửi cho chúng tôi. Không bao giờ những phạm nhân lại được ưu đãi như thế.
Vì thế, khi ăn bánh và uống sữa, tôi lại có một quan niệm mới về nhà lao. Thực vậy, nhà lao không đến nỗi xấu như óc tôi tưởng tượng mấy lần trước. Đó cũng là ý kiến của Mã-Tư nữa vì anh cười và nói to:
- May quá! Có chỗ ăn, chỗ ngủ đàng hoàng mà lại không phải trả tiền!
Tôi muốn dọa anh một chút. Tôi nói:
- Này! Anh Mã-Tư! Nếu ông Thú-Y chết bất thình lình thì ai là người làm chứng cho chúng ta?
Anh không tức giận, trả lời:
- Người ta chỉ có những ý tưởng đen tối đó lúc người ta khổ. Nhưng bây giờ không phải là lúc đó.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXX
MẸ NUÔI

Chúng tôi nằm trên cái bục gỗ không đến nỗi khổ lắm. Ở ngoài trời, lắm đêm chúng tôi còn ngủ những chỗ khổ hơn.
Mã-Tư nói:
- Đêm tôi nằm mơ thấy con bò ông Hoàng về làng.
- Tôi cũng thế.
Khoảng 8 giờ sáng, cửa mở, ông Thẩm-Phán và ông bạn Thú-Y của chúng tôi bước vào. Ông Thú-Y muốn thân đến cho chúng tôi ra. Về phần ông Thẩm-Phán, lòng tử tế của ông đối với những kẻ tù phạm vô tội, không thu hẹp ở trong bữa ăn đãi chúng tôi tối hôm qua, mà còn biểu lộ bằng một tờ giấy có dán tem, ông cầm đến trao cho chúng tôi.

Ông nói một cách thân mật:
- Các em dại dột quá. Đi xa như thế mà không có giấy má gì. Ta đã nói với ông Xã-Trưởng cấp cho các em các giấy thông hành này để hộ thân trong những cuộc lữ hành của các em. Thôi, chúc các em lên đường may mắn! Chào các em.
Rồi ông Thẩm-Phán bắt tay chúng tôi và ông Thú-Y hôn chúng tôi trước khi trở về Ích-Sơn.
Chúng tôi hôm qua vào làng một cách khốn nạn, hôm nay ra một cách vẻ vang, mặt cao hãnh, tay dắt bò theo sau. Những người nhà quê đứng ở cửa nhà, họ nhìn chúng tôi bằng con mắt tử tế.
Mã-Tư nói:
- Tôi chỉ tiếc một điều là người Hiến binh bắt chúng ta hôm qua, nay không có mặt ở đây, để nhìn chúng ta dắt bò đi.
- Người Hiến binh đã nhầm nhưng chúng ta cũng có lỗi là không bao giờ nghĩ đến những giấy tờ cần thiết để đi đường. Ở Ba-Lê xin những giấy đó rất dễ.
Chúng tôi đã lĩnh một bài học quá bổ ích nên từ nay không lúc nào dám rời dây con bò: con bò của chúng tôi nó lành thực đấy, nhưng nó có tính dát.
Không bao lâu chúng tôi đến làng năm xưa, tôi đã ngủ ở đấy với ông Vỹ-Tiên. Từ đấy, chỉ còn phải qua một bãi hoang và một ngọn đồi nữa là đến làng Tả-Văn-Ông.
Khi qua phố chính của làng ấy, đến đúng cái nhà mà con Hiệp-Nhi vào cướp miếng bánh mì ngày xưa, tôi chợt có một ý kiến vội bàn với anh Mã-Tư:
- Tôi có hứa với anh về nhà mẹ nuôi tôi, chúng ta sẽ ăn bánh tráng. Nhưng muốn có bánh tráng phải có bơ, bột và trứng.
- Chắc là ngon lắm.
- Ngon lắm. Nhưng có lẽ nhà bà Bảo-Liên không có bơ và bột vì bà không lấy gì làm giàu có. Nếu ta mang được về thì hay.
- Đó là một ý kiến rất hay.
- Vậy anh giữ bò, nhớ đừng bỏ dây. Tôi vào hiệu tạp hóa này mua bơ và bột. Còn trứng, nếu nhà không sẵn, bà Bảo-Liên sẽ sang vay hàng xóm. Ta đem về sợ vỡ mất.
Tôi vào hiệu mà Hiệp-Nhi đã cướp bánh ngày trước mua một cân bơ và hai cân bột, rồi chúng tôi tiếp tục đi. Tôi không muốn thúc bò đi nhanh, nhưng tự nhiên tôi cứ rảo bước. Còn mười cây số nữa. Còn tám. Còn sáu cây số nữa thôi. Lạ quá. Con đường về nhà tôi sao bây giờ thấy dài thế mà ngày xưa tôi bỏ ra đi thì nó ngắn và chóng hết thế. Ngày đó trời lại mưa lạnh, tôi còn nhớ cả.

Chốc chốc, tôi lại lấy đồng hồ ra xem.
Tôi hỏi Mã-Tư:
- Vùng này đẹp đấy chứ?
- Đẹp, nhưng tôi không trông thấy những cây to.
- Khi chúng ta sang sườn đồi bên kia để vào làng, anh sẽ nhìn thấy nhiều cây to, những cây đẹp, những cây sồi, cây dẻ.
- Và hạt dẻ?
- Mà ở sân nhà tôi, có một cây táo cong tôi vẫn giả làm ngựa để cỡi, quả nó sai và to bằng này này, ngọt và thơm lắm. Anh về mà xem.
Mỗi khi tôi tả cho anh nghe, tôi lại thêm điệp khúc bất hủ "về mà xem". Tôi chân thành tưởng tượng đang đưa Mã-Tư vào một thế giới kỳ quan. Dù sao, đó chẳng phải là một thế giới kỳ quan cho tôi hay sao? Ở đấy, mắt tôi đã được mở nhìn ánh sáng. Ở đấy tôi đã có ý thức về cuộc sống, ở đấy tôi đã được sung sướng. Ở đấy tôi đã được yêu thương. Tất cả những ấn tượng thời thơ ấu, của ngày vui đã qua, từng nổi bật lên trong những ngày đau khổ gian truân bây giờ lại hiện ra ngổn ngang, dồn dập trong tâm trí tôi, mỗi bước tôi về tới làng. Khí trời của quê hương hình như thơm ngát, làm tôi say sưa, nhìn thấy cái gì cũng đẹp, cũng vui.
Cái không khí quê hương đó làm Mã-Tư say sưa lây. Bằng tưởng tượng, anh đã trở về nơi anh sinh trưởng.
Anh nói:
- Bao giờ anh về Lục-Ca, làng tôi, tôi sẽ cho anh xem nhiều cái đẹp.
- Chúng ta sẽ cùng nhau về Lục-Ca sau khi đi thăm Lệ-Hoa, Yến-Chi và Bằng-Mai.
- Anh cũng thích Lục-Ca chứ?
- Anh cùng tôi về thăm mẹ nuôi tôi. Lẽ nào tôi không cùng anh về thăm mẹ anh và Tuyết-Nga, em bé anh. Tôi sẽ ẵm Nga, vì Nga cũng là em tôi.
- Ô!
Anh không nói lên được nữa vì anh cảm động quá.
Chúng tôi vừa nói chuyện vừa vui chân, không mấy lúc đến đỉnh đồi, còn vài khúc đường nữa là đến nhà tôi. Kìa cái mỏm đá năm xưa, tôi xin phép ông Vỹ-Tiên lên đó để nhìn lại lần cuối cùng ngôi nhà yêu dấu của tôi mà tôi tưởng không bao giờ trông thấy nữa.
Tôi bảo Mã-Tư:
- Anh dắt bò cho tôi.
Rồi tôi nhảy phắt lên mỏm đá.
Thung lũng không thay đổi, phong cảnh vẫn như xưa. Ở giữa hai chòm cây cao, tôi nhìn thấy nhà tôi.

Mã-Tư hỏi:
- Anh làm gì thế?
- Kia kìa!
Anh lại cạnh tôi, nhưng không leo lên vì con bò đang ăn cỏ ở dưới chân mỏm đá.
Tôi chỉ tay về phía nhà tôi và bảo anh:
- Kìa là nhà tôi, kia là cây táo, còn chỗ kia là vườn của tôi.
Mã-Tư không nhìn bằng trí nhớ như tôi, có lẽ chẳng trông thấy gì hay chỉ thấy lờ mờ nên anh đứng im.
Ngay lúc đó, có một cuộn khói vàng bốc lên trên mái bếp, vì lặng gió nên cột khói cứ tuôn thẳng lên trời, song song với sườn đồi. Tôi đoán: “Bà Bảo-Liên có nhà”.
Một trận gió nhẹ thổi vào đám cây to, khua tan cột khói và thổi bạt vào mặt chúng tôi; khói đó sực mùi lá sồi khô.
Tự nhiên, nước mắt tôi tràn ra. Tôi nhảy xuống đám cỏ, ôm lấy anh Mã-Tư hôn. Lãnh-Nhi nhảy đến chỗ tôi, tôi bế nó lên lòng và xoa đầu nó. Anh Mã-Tư cũng lại vuốt ve con bò.
Tôi nói:
- Ta xuống đồi, nhanh lên!
Mã-Tư bảo:
- Nếu bà Bảo-Liên ở nhà, thì ta xếp đặt cuộc đưa bò về thế nào cho hay?
- Anh vào trước một mình. Anh bảo rằng Ông Hoàng sai tôi đến biếu bà con bò. Khi bà hỏi ông Hoàng nào thì tôi sẽ hiện ra.
- Tiếc quá, ta không thể rước bò về bằng âm nhạc được! Nếu được thì đẹp quá!
- Anh đừng nghĩ nhảm.
- Không, anh cứ yên tâm. Tôi không dám tái diễn việc thổi kèn nữa đâu! Tuy nhiên, giá mà con vật man rợ kia thích nhạc thì cuộc về của ta rầm rộ, vui vẻ biết chừng nào!
Đến chỗ ngoẹo, đúng ở trên nhà bà Bảo-Liên, tôi trông thấy cái mũ trắng hiện ra trong sân: chính mẹ tôi đấy, bà đang mở cổng, ra đường và đi về phía trong làng.
Chúng tôi liền đứng lại, tôi chỉ bà cho anh Mã-Tư coi. Anh nói:
- Bà không có nhà thì sắp đặt cuộc ngạc nhiên thế nào?
- Chúng ta sẽ nghĩ cách khác.
- Cách nào bây giờ?
- Tôi chưa nghĩ ra.
- Hay là tôi gọi bà lại?
- Ừ! Phải đấy, nhưng thôi, thôi!

Lòng tôi muốn gặp bà lắm, nhưng tôi phải nén lại. Đã bao nhiêu tháng trời tôi sắp đặt một cuộc về ngạc nhiên để cho mẹ tôi mừng. Trong một phút tôi không thể bỏ uổng công trình đó.
Lát sau, chúng tôi đến cổng nhà cũ. Biết bà hay khép cửa mỗi khi ra ngoài, chúng tôi đẩy cửa vào tự nhiên như ngày xưa tôi vẫn ra vào. Trước hết phải tìm chỗ để bò. Chuồng cũ vẫn còn, nhưng bây giờ để chứa củi. Chúng tôi vội xếp củi vào một góc, làm cũng không lâu lắm vì số củi bà trữ ở đây cũng không mấy. Xong, chúng tôi buộc bò và khép cửa chuồng lại…
Tôi bảo Mã-Tư:
- Bây giờ ta lên nhà. Tôi ngồi vào một góc, bên lò sưởi để bà nhìn thấy tôi ngay. Khi bà đẩy cổng vào, nghe tiếng kẹt cửa, anh đủ thì giờ ngồi nấp ở sau giường với Lãnh-Nhi. Bà sẽ chỉ nhìn thấy tôi, chắc bà sẽ ngạc nhiên không thể tả được!
Các việc đều xếp đặt như thế. Chúng tôi vào nhà. Tôi ngồi cạnh lò sưởi, chỗ mọi khi tôi vẫn ngồi trong những buổi tối mùa đông. Tóc tôi dài quá, tôi giấu vào trong cổ áo, ngồi khom khom, hết sức thu mình bé lại cho giống như Lê-Minh ngày xưa, Lê-Minh bé nhỏ của bà. Từ chỗ ngồi, tôi có thể trông suốt ra hàng rào, không sợ bà bắt gặp chúng tôi đang lúng túng.
Tôi đưa mắt nhìn chung quanh tôi, tôi tưởng tượng như mới vừa rời nhà từ hôm qua vì mọi thứ đều ở nguyên chỗ cũ không thay đổi, cả đến miếng giấy và tấm kính cửa sổ tôi đánh vỡ ngày xưa cũng vẫn thế mặc dầu ám khói vàng ra. Nếu tôi dám bỏ chỗ ngồi đi ra, tôi sẽ sung sướng được nhìn gần mọi vật, nhưng sợ bà có thể về bất cứ lúc nào, nên tôi đành phải ngồi xa mà ngắm.
Chợt tôi trông thấy cái mũ trắng ở ngoài hàng giậu rồi nghe có tiếng kẹt ở ngoài cổng.
Tôi vội bảo Mã-Tư:
- Nấp nhanh lên!
Tôi ngồi thu mình lại cho rõ nhỏ.
Cửa giữa mở ra, từ ngoài hiên, bà đã nhìn thấy tôi.
Bà hỏi:
- Ai thế kia?
Tôi nhìn bà không trả lời. Bà cũng nhìn tôi.
Thình lình hai tay bà run lên:
- Chúa tôi! Hình như Lê-Minh, phải không?
Tôi choàng dậy chạy lại ôm lấy bà:
- Mẹ ơi!
- Con tôi! Chính con tôi!

Phải mất bao nhiêu phút chúng tôi mới ngớt cảm động và lau nước mắt.
Bà nói:
- Nếu ta không nhớ đến con luôn thì không sao nhận ra được con, con trông lớn hẳn và khỏe ra.
Một tiếng khịt mũi nho nhỏ nhắc tôi còn hai bạn đang nấp ở sau giường. Tôi gọi Mã-Tư, anh lù lù đứng lên.
Tôi nói:
- Đó là Mã-Tư, em trai con.
Bà kêu lên:
- A! Vậy con đã tìm thấy cha mẹ con rồi sao?
- Không. Con muốn nói là bạn con, bạn thân của con. Và kia nữa là Lãnh-Nhi cũng là bạn con, bạn thân của con, Lãnh-Nhi! Lại chào bà mẹ của ông chủ đi!
Lãnh-Nhi liền đứng hai chân sau, một chân đặt vào ngực, cúi rạp xuống trước mặt bà Bảo-Liên, bà bật cười lên và nguôi cơn khóc.
Mã-Tư còn sáng suốt, không bị chìm đắm trong niềm mừng tủi như tôi, liền ra hiệu cho tôi để nhắc một việc khác.
Tôi bảo mẹ tôi:
- Mẹ đưa con ra sân xem cây táo cong queo của nhà ta mà con thường khoe với Mã-Tư.
- Và cả cái vườn của con nữa. Từ ngày con đi, ta vẫn để nguyên như cũ, đinh ninh thế nào cũng có ngày con trở về. Mặc ai nói sao thì nói, ta vẫn tin rằng thế nào ta cũng gặp con.
- Những củ cúc-vu con trồng, mẹ ăn có ngon không?
- Thế chính con đã trồng đấy à? Ta cũng ngờ thế, vì con hay bày trò ngạc nhiên.
Đã đến lúc.
Tôi nói:
- Còn chuồng bò có thay đổi gì không, từ khi vắng con Hồng-Ti đáng thương, ngày ấy nó cũng như con chẳng chịu ra đi!
- Không. Bây giờ dùng để củi.
Lúc đó, chúng tôi đang ở cửa chuồng bò, bà liền kéo cánh cửa. Con bò ở trong đang đói, tưởng có người cho ăn, liền rống lên mấy tiếng giật mình.
Bà giật lùi lại kêu lên:
- Ô! Con bò cái! Con bò cái ở trong chuồng!
Không nhịn được nữa, Mã-Tư và tôi cười ầm lên. Bà sững người, nhìn chúng tôi.
Tự nhiên lại có một con bò ở chuồng nhà bà, thực là vô lý! Dù chúng

tôi cười, bà cũng chẳng hiểu sao cả.
Tôi nói:
- Đó là một trò ngạc nhiên! Có lạ hơn cúc-vu không? Mẹ hả?
Bà nhắc đi nhắc lại:
- Một trò ngạc nhiên!... Một trò ngạc nhiên!...
- Con không muốn về thăm mẹ tay không. Mẹ đã hết lòng thương con, thằng Minh, đứa con bỏ rơi. Con tìm xem thứ gì có ích cho mẹ. Con tưởng chỉ có một con bò cái để thay thế cho con Hồng-Ti là làm cho mẹ vui lòng. Nên ngày phiên chợ Ích-Sơn, Mã-Tư và con đã mua con bò ấy với tiền chúng con kiếm được.
Bà hôn tôi và nói:
- Ô! Giỏi quá! Con quý của mẹ!
Xong mọi người đều vào chuồng bò để bà nhìn kỹ con bò của chúng tôi, bây giờ là con bò của bà. Mỗi một điểm hay bà nhận thấy, bà lại sung sướng và kêu khen:
- Con bò đẹp quá!
Xong, bà quay ra nhìn tôi rồi hỏi:
- À! Thế bây giờ con giàu rồi à?
Mã-Tư cười và đáp thay tôi:
- Vâng có lẽ đúng. Chúng con chỉ còn có 58 xu trong túi.
Bà lại nhắc lại điệp khúc của bà nhưng bằng giọng khác trước:
- “Các con” giỏi quá!
Tôi cảm thấy một niềm vui êm ái vì lần này bà đã nghĩ đến Mã-Tư và bà kết hợp chúng tôi lại trong trái tim bà.
Trong khi đó con bò cứ rống hoài, Mã-Tư nhắc:
- Nó giục vắt sữa đấy.
Không đợi ai bảo, tôi chạy vào nhà tìm cái thùng con bằng sắt tây, ngày xưa dùng để lấy sữa con Hồng-Ti, vẫn thấy treo ở chỗ cũ mặc dầu đã lâu nhà bà không nuôi bò nữa. Tôi đem nạo rửa sạch sẽ rồi múc về một thùng nước để rửa những bầu sữa con bò vì đầy cát bụi. Bà vui sướng biết bao khi thấy chúng tôi lấy được ba phần tư thùng sữa nổi lên những bọt trắng, trông rất ngon lành.
Bà nói:
- Ta xem con bò này nhiều sữa hơn con Hồng-Ti.
Mã-Tư nói:
- Thưa bà, sữa ngon và thơm như hoa cam.
Bà Bảo-Liên nhìn Mã-Tư như muốn hỏi thế nào là hoa cam.
- Đó là thứ sữa rất ngon người ta được uống ở Nhà Thương khi người ta ốm.
Mã-Tư có tính mau mắn, anh biết điều gì hay, anh không muốn giữ

lấy một mình.
Lấy sữa xong, chúng tôi thả bò ra sân cho nó ăn cỏ. Chúng tôi lại vào nhà, ở đó khi lấy thùng đựng sữa tôi đã để sẵn trên bàn gói bơ và gói bột của chúng tôi.
Khi bà Bảo-Liên bước vào lại thấy chuyện mới lạ và kêu lên:
- Kỳ quá! Bơ, bột ở đâu thế này?
Chúng tôi lại cười ầm lên lần nữa. Tôi nói:
- Những thứ này chúng con cần đến hơn mẹ. Chúng con đói lắm và chỉ muốn ăn bánh tráng. Mẹ, còn nhớ ngày lễ Tuần Thánh năm nào, việc làm bánh phải bỏ dở và chút bơ mẹ đi vay hàng xóm đã dùng để xào hành không? Lần này mẹ con ta không bị ngăn trở.
Bà hỏi tôi:
- Con đã biết ông Bảo-Liên đi Ba-Lê à?
- Vâng.
- Và con cũng biết ông ta đi Ba-Lê về việc gì rồi chứ?
- Không.
- Việc của con đấy.
Tôi sợ hãi hỏi:
- Việc con?
Bà im lặng nhìn Mã-Tư như có ý không muốn nói trước người lạ.
Tôi nói:
- Mẹ cứ nói, không ngại gì. Con đã bảo anh Mã-Tư như em con. Cái gì liên quan đến con thì cũng liên quan đến Mã-Tư.
Bà nói:
- Câu chuyện đó nói ra thì dài lắm.
Thấy bà e ngại tôi không muốn hỏi gạn, sợ nếu bà từ chối thì mất lòng Mã-Tư nên tôi định đợi lúc khác sẽ hỏi bà.
Tôi nói:
- Ông Bảo-Liên sắp về chưa?
- Không. Chắc thế.
- Vậy chả có việc gì phải vội. Mẹ làm bánh cho chúng con đi. Rồi lúc nào rỗi mẹ sẽ cho con biết ông Bảo-Liên đi Ba-Lê về việc gì. Bây giờ không sợ ông trở về bắt xào hành nữa, mẹ con ta thừa thì giờ làm. Nhà có trứng không mẹ?
- Không. Nhà không có gà đẻ.
- Chúng con không mang trứng về vì đi đường sợ trứng vỡ. Hay mẹ đi vay cho nhanh?
Bà hơi bối rối. Tôi hiểu có lẽ bà đã vay nhiều rồi, vay nữa không tiện.
Tôi nói:
- Thôi để con đi mua cũng được. Mẹ ở nhà nhào bột với sữa. Hàng

ông Sáu-Kê vẫn bán trứng đấy chứ? Con chạy ra mua. Mẹ bảo Mã-Tư chẻ củi. Anh ấy chẻ củi khéo lắm đấy!
Đến hàng Sáu-Kê tôi mua được 12 quả trứng và mua thêm cả một miếng mỡ lợn nữa.
Khi tôi về, bột đã nhào với sữa rồi. Bây giờ chỉ còn việc đập trứng cho vào. Lẽ dĩ nhiên chúng tôi không có thì giờ ủ cho bột nở, vì chúng tôi đói lắm, không đợi được. Bột sẽ khó tiêu, nhưng dạ dầy chúng tôi tốt cả không sợ gì.
Bà vừa đánh bột vừa nói với tôi:
- Con nhớ mẹ, sao con không cho biết tin tức gì. Con có biết không, nhiều khi mẹ tưởng con mất rồi, chứ con còn sống thì con đã viết thư, lúc đó mẹ lại buồn.
- Mẹ không phải chỉ có một mình, vả mẹ không biết chữ để xem thư của con. Bên cạnh mẹ còn có ông Bảo-Liên ghê gớm kia là chủ cái nhà này, ông ta đã dùng quyền đó để bán con cho ông già Vỹ-Tiên lấy 40 phật-lăng.
- Thôi, con còn nhắc đến chuyện đó làm gì!
- Không phải là con phàn nàn mà để trình bày rằng sở dĩ con không dám viết thư là vì thế. Con sợ nếu người ta biết con ở đâu, người ta sẽ bán con lần nữa. Mẹ ơi! Con không muốn bị bán lần thứ hai. Vì lẽ đó, khi ông già Vỹ-Tiên đáng thương tiếc là thầy con mất đi, con không dám gửi thư về.
- A! Thế ra ông già diễn trò chết rồi à?
- Vâng. Con đã khóc ông nhiều lắm. Vì ngày nay nếu con biết được một vài điều, cũng là nhờ ơn ông, thầy con dạy bảo, gây dựng. Sau đó, con gặp một gia đình tử tế có lòng nuôi con và con làm giúp cho họ. Nhưng lúc ấy nếu con viết về: “con là thợ làm vườn ở trại…”, liệu người ta có khỏi đến tìm con không? Liệu người ta có khỏi sách nhiễu gia đình đó về tiền tài không? Con không muốn xảy ra việc trên cũng như việc dưới.
- Con nói phải. Mẹ hiểu lắm.
- Nhưng dù sao con cũng không quên mẹ. Lúc nào con cũng nghĩ đến mẹ. Những khi con gặp tai nạn, điều đó xảy ra luôn, thì con lại khóc và gọi mẹ để cứu con.
- Đến ngày con được sống tự do nghĩa là được tự lập, con nghĩ đến việc tìm về mẹ ngay. Nhưng không thể về ngay được, thực vậy, người ta thường không làm được những điều người ta muốn vì ý định của con phải khó khăn mới thực hiện được. Trước khi về thăm mẹ, con phải làm sao mua được con bò, nghĩa là phải kiếm tiền. Số tiền đó không thể một ngày rơi ngay vào túi con những đồng bạc

đẹp. Chúng con phải diễn trò, phải đánh đàn, khúc vui cũng như khúc buồn, phải phiêu lưu, phải đổ mồ hôi nước mắt, phải vất vả, phải đói rách! Nhưng người ta càng khó nhọc bao nhiêu, người ta càng sung sướng bấy nhiêu có phải không anh Mã-Tư?
- Cứ tối đến chúng con lại đếm lại số tiền thu được trong ngày hôm đó, chúng con đếm cả lại số tiền trước xem có hóa gấp đôi không.
- A! Các con giỏi quá! Các con thực giỏi quá!
Trong lúc nói chuyện, bà Bảo-Liên quấy đều bột bánh, Mã-Tư chẻ củi, còn tôi thì dọn đĩa, thìa, cốc lên bàn, rồi xách lọ ra bể lấy nước. Lúc trở vào, tôi trông thấy chậu bột đã nổi vàng và bà đang cọ chảo bằng búi cỏ khô. Trong lò, một ngọn lửa sáng bừng đưa lên, Mã-Tư đang bỏ những cành củi con vào. Lãnh-Nhi ngồi chồm chỗm bên cạnh bếp nhìn mọi người. Lửa nóng rát, thỉnh thoảng nó lại co chân này hoặc nhấc chân kia và kêu kít kít. Lửa bếp cháy to soi sáng khắp căn nhà. Tôi nhìn thấy những hình người vẽ trên bức màn gió ở giường cũ của tôi nhảy nhót như vui mừng. Ngày tôi còn nhỏ, trong những đêm trăng, khi sực tỉnh giấc những hình ảnh đó đã làm tôi kinh sợ.
Mẹ tôi đặt chảo trên bếp, lấy đầu dao khều một miếng bơ trút vào chảo, bơ chảy tan ra.
Mã-Tư cúi đầu trên chảo không biết nóng, kêu:
- Thơm quá!
Bơ bắt đầu sôi xèo xèo.
Mã-Tư kêu:
- Nó hát! Tôi phải hòa đàn theo mới được.
Đối với Mã-Tư, bất cứ cái gì cũng phải có nhạc cả. Anh lấy vĩ-cầm, lựa dây rồi kéo những tiếng lâm râm theo khúc ca chảo mỡ.
Mẹ tôi không thể nhịn cười được. Nhưng giờ phút long trọng đã đến làm lấn áp cả tiếng đàn không hợp thời của Mã-Tư: mẹ tôi lấy thìa múc bột lỏng ở chậu lên, nó vãi xuống như những dòng chỉ bạc, mẹ tôi đổ vào chảo, bơ rãn ra nhường chỗ cho "khối nước lũ" trắng đó, rồi vây nó bằng một vòng vàng sém.
Đến lượt tôi lại cạnh bếp xem. Mẹ tôi lấy giẻ lót, cầm cán nhấc chảo ra, hất một cái chiếc bánh tung lên cao. Mã-Tư lác cả mắt. Nhưng không việc gì, chiếc bánh sau khi đã lên chơi trên không một tí rồi lại trở về chảo, mặt dưới lộn lên trên trông vàng ngậy. Tôi vội chạy lấy đĩa. Mẹ tôi trút bánh sang. Chiếc này phần Mã-Tư. Anh bỏng cả tay, cả môi, cả lưỡi và cả cổ, nhưng có hề chi vì anh quên nóng rát.
Mã-Tư nhồm nhoàm nói:
- Ngon ghê!

Lại đến lượt tôi chìa đĩa và đến lượt tôi bỏng mồm. Nhưng cũng như Mã-Tư, tôi chẳng biết bỏng là gì.
Chiếc bánh thứ ba đã vàng. Mã-Tư chạy đến, nhưng có tiếng ăng ẳng nhộn lên, đó là con Lãnh-Nhi nó đòi phần nó. Rất công bằng Mã-Tư nhường luôn cho nó. Thấy vậy, bà Bảo-Liên rất không bằng lòng vì bà quen thói lãnh đạm của dân quê đối với gia súc và bực mình sao lại cho chó ăn bánh của ngày Lễ. Để bà nguôi lòng, tôi phải cắt nghĩa cho bà nghe, con Lãnh-Nhi là một nghệ sĩ đại tài đã có công giúp chúng tôi kiếm tiền để tậu bò; vả nó cũng là bạn tôi nó phải được ăn như chúng tôi, ăn cùng với chúng tôi.
Đợi cho chúng tôi hết đói, hết tham ăn thì lâu quá. Chúng tôi đồng lòng mời bà ăn, nếu bà không ăn thì chúng tôi cũng "tuyệt thực", vì thế bà phải cầm một chiếc.
Xong đến lượt chúng tôi rán lấy mà ăn, tôi làm trước, Mã-Tư làm sau; cho bơ vào chảo, đổ bột vào sau, việc này rất dễ. Nhưng đến lúc lật bánh thì là cả một sự khó khăn, cả là một nghệ thuật. Tôi bị một chấm tro, Mã-Tư bị một chiếc nóng bỏng rớt vào tay.
Khi chậu bột hết rồi, Mã-Tư tinh ý biết bà Bảo-Liên không muốn nói chuyện riêng trước mặt anh, anh thoái thác là muốn ra sân xem bò làm gì từ nãy đến giờ, cốt để bà Bảo-Liên và tôi được tự do trò chuyện. Tôi vẫn nóng lòng đợi lúc vắng vẻ này, nhưng vì mải mê về bánh thành ra tôi nhãng đi.
Nếu ông Bảo-Liên ở Ba-Lê, theo tôi nghĩ, chỉ là để tìm ông Vỹ-Tiên đòi tiền mấy năm công của tôi mà ông Vỹ-Tiên chưa thanh toán dứt. Về việc này tôi khỏi lo. Ông Vỹ-Tiên mất rồi, ông ấy không trả được, lý nào ông Bảo-Liên lại đòi tôi. Nhưng nếu ông Bảo-Liên không đòi tôi được, ông rất có thể bắt tôi đem về cho mấy người khác thuê miễn là ông lấy được tiền. Điều này làm cho tôi băn khoăn lo sợ. Tôi định nếu ông Bảo-Liên ác nghiệt kia có ý bắt tôi, tôi quyết rời nước Pháp để sang nước Ý với anh Mã-Tư nếu cần, sang Mỹ hay chỗ cùng cực thế giới cũng được.
Lý luận như vậy, tôi nghĩ cũng nên dè dặt với bà Bảo-Liên; không phải là tôi không tin bà, một người mẹ đáng kính đã yêu dấu tôi, đã hết lòng thương tôi, mà vì bà nhu nhược trước mặt chồng, như tôi đã từng trông thấy. Nếu tôi nói nhiều quá, vô tình bà sẽ đem chuyện kể lại với chồng khác nào vẽ đường cho ông Bảo-Liên tìm tôi nghĩa là bắt tôi. Như thế là lỗi tự tôi. Tôi phải thận trọng. Khi Mã-Tư ra sân, tôi hỏi bà Bảo-Liên:
- Bây giờ không có ai, mẹ có thể bảo cho con biết ông Bảo-Liên đi Ba-Lê về việc con, là thế nào?

- Ông ấy đi về việc con, mẹ rất mừng.
"Rất mừng"! Tôi sợ quá!
Trước khi kể chuyện, bà nhìn ra cửa. Chắc chắn không có ai, bà quay về phía tôi, nét mặt tươi cười, bà nói nhỏ:
- Hình như gia đình con đang tìm con.
- Gia đình con?
- Phải, gia đình con, con ơi!
- Con có một gia đình, con? Mẹ ơi! Con có một gia đình, con, một đứa trẻ bỏ rơi?
- Con nên tin rằng không phải người ta định tâm bỏ con, từ đó đến giờ người ta vẫn tìm con.
- Ai tìm con? Ô! Mẹ ơi! Nói đi! Nói nhanh lên cho con nghe.
Chợt tôi thấy trong người tôi hóa điên, tôi kêu to lên:
- Nhưng không thể có thế được. Chính ông Bảo-Liên đang đi tìm con?
- Phải, chính ông ấy đang đi tìm con, cho gia đình con.
- Không. Ông ấy tìm cho ông ấy. Ông ấy tìm để bắt con, để bán con lần nữa. Nhưng không đời nào con chịu để ông ấy bắt con.
- Ô hay! Minh, con ơi! Sao con lại ngờ cho mẹ đồng lòng làm những việc như thế?
- Ông ta đánh lừa mẹ đấy.
- Con ơi! Hãy tĩnh tâm lại, nghe mẹ kể; đừng sợ hão huyền.
- Con còn nhớ…
- Con hãy nghe những điều chính tai mẹ đã nghe thấy; như thế thì con tin mẹ chứ?
- Đến thứ hai này là vừa đúng một tháng, hôm đó mẹ đang lúi húi làm trong lò bánh, có một người đàn ông, hay gọi đúng hơn, là một thân sĩ vào nhà và gặp ngay ông Bảo-Liên. Ông ta nói giọng người không phải ở nước ta, hỏi rằng: "Chính ông đã trông thấy đứa trẻ bỏ rơi ở đại lộ Bảo-Tương, Ba-Lê và ông đã rước về nuôi? Phải – Vậy bây giờ nó ở đâu? Xin ông cho biết. – Ông cần hỏi để làm gì? Xin ông cho biết?"
Tuy tôi ngờ lòng thành thực của bà Bảo-Liên, nhưng nghe câu trả lời lễ phép của Bảo-Liên thì tôi biết những lời bà nhắc lại là đúng.
Bà nói tiếp:
- Con phải biết ở bên lò bánh nghe rõ như ở đây vậy, vả lại là việc của con nên mẹ hết sức nghe. Vì thế, mẹ lại gần để nghe rõ hơn, mẹ giẫm phải một cành củi khô, nó gẫy đến cắc một cái.
- Người lạ mặt hỏi: "Nhà có người à? Đó là vợ tôi. – Ở đây bức quá, nếu không bận gì, mời ông ra ngoài chơi và nói chuyện một lát". Rồi

hai người cùng nhau đi. Ba, bốn giờ sau, ông Bảo-Liên mới về một mình. Mẹ có ý tò mò hỏi xem ông khách lạ kia là ai, đến hỏi gì và có phải là cha con không. Nhưng ông Bảo-Liên không trả lời câu hỏi chính của mẹ, ông chỉ nói người đó không phải là cha con, người đó được gia đình con ủy thác việc tìm con.
- Thế gia đình con ở đâu? Gia đình con thế nào? Con có cha mẹ à?
- Chính mẹ cũng hỏi ông Bảo-Liên như con. Ông nói ông không biết gì cả. Rồi ông nói thêm rằng ông phải đi Ba-Lê tìm ông già diễn trò đã thuê con ngày xưa và để địa chỉ ở phố Lục-Sinh, nhà một người dạy đàn tên là Phú-Lợi. Mẹ cố nhớ những tên ấy, con cũng nên ghi lấy kẻo quên.
- Các tên đó, con biết cả, xin mẹ yên tâm. Từ ngày ông Bảo-Liên đi, không có tin tức gì về cho mẹ à?
- Không. Có lẽ ông đang tìm. Ông khách lại trao cho ông Bảo-Liên 100 phật-lăng bằng tiền vàng và sau đó, có lẽ người ta còn cho nữa. Tất cả những việc đó với những tã đẹp bọc con buổi đầu tỏ ra cha mẹ con là những người giàu có. Vì thế khi mẹ nhìn thấy con về ngồi bên lò sưởi, mẹ tưởng con tìm thấy cha mẹ con rồi và Mã-Tư là em ruột con.
Lúc đó Mã-Tư đi qua cửa, tôi gọi anh vào:
- Anh Mã-Tư ơi! Cha mẹ tôi đang tìm tôi! Tôi có một gia đình, một gia đình thật rồi!
Nhưng lạ quá! Mã-Tư điềm nhiên không tỏ chi chia xẻ nỗi vui mừng của tôi. Tôi liền nhắc lại câu chuyện bà Bảo-Liên vừa kể, cho anh nghe.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXI
GIA ĐÌNH CŨ VÀ GIA ĐÌNH MỚI

Đêm đó tôi ngủ ít quá. Trên cái giường cũ yêu quý của tôi, ngày còn nhỏ, đã bao lần tôi thấy sung sướng được nằm êm ấm dưới cái chăn đắp đến cằm không buồn dậy! Đã bao lần khi tôi ngủ ngoài trời, nằm dưới ánh sao! Than ôi: Những sao đó không phải bao giờ cũng sáng, và cũng đã bao lần gió đêm rét đến tận xương, sương sớm buốt cắt thịt! Vì thế tôi vẫn nhớ đến cái chăn êm ấm kia!
Đêm đó đặt mình xuống là tôi ngủ ngay vì cái nhọc phải đi ban ngày

và nhất là cái đêm phải nằm ở nhà lao. Nhưng chẳng bao lâu tôi chợt thức giấc rồi không sao nhắm mắt được nữa: lòng tôi bồi hồi, xao xuyến quá. Tôi có một gia đình.
Khi tôi nghĩ đến gia đình đó, dần dần tôi thiếp đi. Trong khoảng thời gian ngắn tôi chợp mắt ấy, tôi chiêm bao thấy một gia đình, nào cha, nào mẹ, nào anh em, nào chị em. Trong mấy phút, tôi sống với những người mà tôi không quen biết bao giờ, với những người mà tôi trông thấy lúc đó là lần thứ nhất. Mà kỳ diệu thay! Mã-Tư, Lệ-Hoa, bà Bảo-Liên, bà Mỹ-Lưu, cậu An-Tuyên đều có mặt trong gia đình và ông Vỹ-Tiên là cha tôi. Thầy tôi đã sống lại. Thầy tôi giàu lắm. Con Hiệp-Nhi, con Thùy-Nhi cũng ở đó, không phải chúng nó bị chó sói ăn thịt. Tôi tưởng ít có một giấc mơ trong một thời gian ngắn, người ta đã sống lại bao nhiêu năm qua và người ta đã đi bao nhiêu đường đất. Ai cũng nhận thấy lúc tỉnh dậy, cái ảo giác vẫn còn sức mạnh và in sâu vào óc người ta. Vì thế, khi tôi thức dậy. Tôi còn rõ mặt tất cả những người mà tôi vừa mê thấy, hình như tôi mới cùng ngồi với họ buổi chiều hôm trước. Lẽ tất nhiên, tôi không sao ngủ được. Nhưng dần dần những ảo giác trong giấc mơ nhạt dần, sự thật lại hiện ra trong óc tôi làm cho tôi tỉnh táo hơn trước.
Gia đình tôi đang tìm tôi!
Tôi muốn gặp gia đình tất nhiên phải nhờ đến Bảo-Liên. Ý nghĩ đó làm tôi kém vui. Nếu Bảo-Liên không dính dáng vào việc này có phải sung sướng cho tôi biết bao không. Tôi quên sao được những lời Bảo-Liên đã nói với ông Vỹ-Tiên năm xưa trong lúc bán tôi: “Nếu tôi không nghĩ đến cái lợi đó thì hơi đâu tôi rước nó về”. Ngay từ hồi đó, tôi đã có cảm tưởng rất xấu đối với Bảo-Liên.
Không phải vì thương tôi mà Bảo-Liên “nhặt” tôi ở ngoài phố, cũng không phải vì thương tôi mà Bảo-Liên rước tôi về nuôi, chính vì tôi được bọc trong những tấm khăn đẹp, chính vì một ngày kia cha mẹ tôi đến tìm thì có lợi. Cái ngày hy vọng đó đến chậm quá, nên Bảo-Liên mới đem bán tôi cho ông Vỹ-Tiên, bây giờ lại sắp sửa bán cho cha tôi. Tính nết ông chồng và bà vợ cách nhau một vực một trời. Bà Bảo-Liên thương tôi không phải vì tiền. A! Giá mà tôi có thể tìm được phương kế gì khiến có lợi cho bà và truất phế được Bảo-Liên thì hay quá!
Tôi trằn trọc trên giường hàng giờ mà nghĩ mãi không ra. Chịu, không có kế gì cả. Buồn quá! Bảo-Liên sẽ đưa tôi về cho cha mẹ tôi, Bảo-Liên sẽ được ơn, sẽ được thưởng công.
Sau cùng, tôi nghĩ nữa vì không thể làm thế nào khác được. Đành ghi gói trong lòng và đợi khi nào khá giả tôi sẽ cảm ơn và trả ơn bà

Bảo-Liên.
Hiện giờ, tôi phải theo rõi Bảo-Liên nghĩa là tôi phải đi tìm ông ta, vì ông ta không phải như những người chồng khác đi đâu xa phải cho vợ biết chỗ để thăm hoặc tìm, nếu cần đến. Bà Bảo-Liên cho biết ông chồng đi Ba-Lê, có thế thôi. Từ ngày ông ta đi không hề có viết thư về và cũng không nhắn ai cả, mặc dầu vẫn có người làng làm ở Ba-Lê về quê luôn. Chú ý đến gia đình không phải là nết của ông ta. Ông ta ở đâu bây giờ? Trọ nhà ai? Bà không biết đích xác để gởi thư. Bà chỉ biết tên hai, ba chủ nhà trọ ở phố Mục-Tảo mà chồng bà thường lui tới.
Vì vậy tôi phải thân hành đi Ba-Lê để tìm người đang tìm tôi. Có một gia đình, thực là một tin vui mừng lớn mà tôi không ngờ đến, nhưng cái vui vẫn còn trắc trở do hoàn cảnh gây nên.
Tôi vẫn tưởng khi về Văn-Ông, tôi sẽ ở lại vài hôm, sung sướng bên cạnh bà Bảo-Liên và cùng anh Mã-Tư chơi đùa như ngày tôi còn nhỏ, nào ngờ sáng hôm sau chúng tôi sẽ phải lên đường.
Trước tôi định thăm bà Bảo-Liên xong, tôi đi ra bờ biển ở Yến-Nam thăm cô Yến-Chi. Bây giờ đành phải bỏ cuộc du hành đó, tôi rất tiếc không được gặp cô, một người chị đã săn sóc và yêu thương tôi. Sau khi thăm cô Yến-Chi, tôi sẽ đến Mộc-Văn cho cô Lệ-Hoa biết tin tức anh và chị cô. Bây giờ đành phải bỏ cả, không được gặp Lệ-Hoa cũng như Yến-Chi.
Suốt đêm hôm đó tôi trằn trọc không ngủ được, lúc tôi nghĩ không nên bỏ Yến-Chi và Lệ-Hoa, lúc tôi nghĩ trái hẳn lại, nên về ngay Ba-Lê để sớm gặp gia đình tôi. Tôi chưa quyết định bề nào thì tôi ngủ đi mất. Đêm đó, đáng lẽ là một đêm êm ái, sung sướng nhất đời tôi, lại thành ra một đêm bứt rứt và xao xuyến nhất mà tôi còn nhớ mãi.
Sáng dậy, cả ba người: bà Bảo-Liên, Mã-Tư và tôi hội họp bên cạnh lò sưởi, chung quanh những chén sữa nóng, bàn bạc về việc của tôi. Tôi phải làm thế nào bây giờ? Tôi liền đem những nỗi phiền não, sự phân vân của tôi ra hỏi ý kiến bà Bảo-Liên và Mã-Tư.
Bà Bảo-Liên nói:
- Con phải đi ngay Ba-Lê, cha mẹ con đang tìm. Không nên để cha mẹ con phải đợi lâu.
Rồi bà viện nhiều lý lẽ và giải thích cho tôi nghe. Tôi cho bà nói rất phải.
Tôi nói:
- Thế thì con phải đi Ba-Lê.
Mã-Tư ngồi im không nói gì, và trông có vẽ lạnh lẽo.
Tôi liền hỏi anh:

- Anh thấy rằng tôi không nên đi Ba-Lê, sao anh không cho biết lý do như mẹ tôi vừa nói?
Anh lắc đầu.
Tôi nói:
- Trong lúc tôi bối rối thế này, anh cũng nên góp ý kiến giúp tôi.
Lúc đó, anh mới nói:
- Tôi nghĩ rằng những ngày mới không nên làm lu mờ những người cũ. Cho đến ngày nay, gia đình anh là Lệ-Hoa, Yến-Chi, là An-Sinh và Bằng-Mai, đó là anh em và chị em của anh. Những người ấy đã quyến luyến yêu thương anh. Bây giờ một gia đình mới hiện ra. Gia đình này anh không biết và đã chẳng làm gì cho anh hơn là việc vứt anh ra ngoài đường. Đùng một cái, anh bỏ rơi những người đã tử tế với anh để theo những người chưa biết tử tế hay không nhưng đã thấy vẻ không tốt. Tôi cho rằng như thế không là công bình.
Bà Bảo-Liên ngắt lời Mã-Tư:
- Không nên đổ cho cha mẹ Lê-Minh vứt bỏ con mình như thế đâu! Có lẽ Lê-Minh bị người ta bắt trộm. Cha mẹ Lê-Minh đã thương nhớ và ngay từ ngày ấy đã cho người ta đi tìm.
- Tôi không biết. Tôi chỉ biết ông An-Thanh đã nhặt anh Minh hấp hối ở cổng ngoài, đem về cứu chữa và nuôi nấng như con đẻ và các con ông ấy An-Sinh, Bằng-Mai, Yến-Chi và Lệ-Hoa cũng thân yêu anh Minh như tình ruột thịt. Tôi có thể nói rằng những người đã nuôi anh Minh – trừ bà ra – cũng có quyền nhận lòng cảm mến của anh cũng như những người hoặc định tâm hoặc vô ý đã để mất anh. Ở gia đình ông An-Thanh mà tôi biết, mối tình của mọi người yêu thương anh là một tình thành thực phát tự đáy lòng. Đối với anh Minh, họ không có bổn phận gì cả.
Trong khi nói những câu đó, anh hầm hầm tức giận, không nhìn tôi và cũng không nhìn bà Bảo-Liên. Tôi rất buồn, nhưng xét ra những điều anh nói không phải là không hợp lý. Vả lại tôi là người có tính do dự, thường hay về phe với người nào nói cuối cùng.
Tôi nói:
- Anh Mã-Tư nói phải. Nhưng không phải là vô tình mà định đi Ba-Lê trước khi tôi đến thăm Yến-Chi và Lệ-Hoa.
Bà Bảo-Liên nhắc lại:
- Nhưng còn cha mẹ con!
Tôi quyết định bề nào, bèn hòa giải như sau:
- Chúng ta không thể đi thăm Yến-Chi được vì thế thì lâu quá. Vả lại Yến-Chi biết đọc và viết, chúng ta biên thư cho cô vậy. Nhưng trước khi đi Ba-Lê, chúng ta hãy rẽ vào Mộc-Văn ở Đơ-Di thăm cô Lệ-Hoa.

Việc này làm cho ta chậm, nhưng không đến nỗi chậm lắm. Vì Lệ-Hoa không biết viết nên tôi quyết vì Lệ-Hoa mà định cuộc hành trình đó. Gặp cô tôi sẽ kể chuyện của An-Sinh. Bây giờ tôi viết thư và bảo cô Yến-Chi trả lời tôi về địa chỉ Mộc-Văn, tôi sẽ đọc thư của cô Yến-Chi cho cô Lệ-Hoa nghe.
Mã-Tư tươi cười nói:
- Hay lắm!
Chúng tôi nhất định sáng hôm sau khởi hành. Rồi cả buổi sáng, tôi ngồi viết thư cho Yến-Chi, cắt nghĩa cho cô biết tại sao tôi không đến thăm cô được như lòng tôi hằng mong.
Đến sáng hôm sau, lại một lần nữa, tôi chịu cái sầu biệt ly ở ngôi nhà này. Nhưng không đến nỗi đau khổ như ngày tôi rời làng Văn-Ông để theo ông Vỹ-Tiên. Tôi có thể hôn từ biệt bà Bảo-Liên và hứa một ngày kia sẽ cùng cha mẹ tôi tới thăm bà.
Suốt cả buổi chiều hôm trước, chúng tôi chỉ có một việc bàn sẽ nên biếu bà một vật kỷ niệm gì cho phải: tôi chả sắp trở nên giàu có là gì?
- Lê-Minh, con ơi! Không còn vật gì quý hơn con bò của con nữa.
- Tất cả những tiền của con cho ta khi con giầu có không làm cho ta sung sướng hơn và không thể nào bằng những vật cho ta lúc còn hàn vi.
Còn con bò nhỏ của chúng tôi nữa, chúng tôi cũng phải từ giã nó. Mã-Tư vuốt ve đầu nó mãi, con bò như cũng hiểu biết thè lưỡi liếm tay anh.
Đàn, túi lên vai, chúng tôi ra đi, Lãnh-Nhi chạy trước chúng tôi. Chúng tôi vui chân bước đều trên đường cái. Không hiểu sao thỉnh thoảng tôi lại rảo bước. Mã-Tư theo tôi một lúc rồi gọi tôi, anh bảo:
- Nếu cứ đi nhanh thế này thì không bao lâu, chúng ta không còn sức mà đi nữa.
Tôi đi chậm lại được một lúc rồi lại quen chân bước dài.
Mã-Tư vẻ mặt rầu rầu, hỏi tôi:
- Anh đi vội thế?
- Phải. Tôi tưởng anh cũng thích đi vội vì gia đình tôi là gia đình anh.
Anh lắc đầu. Tôi rất buồn nhìn bộ điệu đó mà tôi đã nhận thấy nhiều lần từ khi anh biết tôi có gia đình.
- Hai chúng ta chả phải là anh em hay sao?
- Ô! Giữa chúng ta thì như thế vì tôi không ngờ vực lòng anh, hôm nay tôi là em anh, ngày mai tôi vẫn là em anh. Điều đó tôi đã tin chắc và đã cảm thấy.
- Nhưng sao?
- Nhưng tại sao anh lại muốn tôi là anh em với các anh em anh, nếu

anh có và là con của cha và mẹ anh?
- Vậy thì nếu tôi về Lục-Ca, tôi không phải là anh của Tuyết-Nga, em gái anh hay sao?
- Có lắm chứ!
- Vậy sao anh lại không muốn là anh em với anh, chị em tôi, nếu tôi có?
- Bởi vì không giống nhau, giống thế nào được, giống thế nào được.
- Về phương diện gì thế?
Mã-Tư nói:
- Vì tôi không được bọc trong những cái tả đẹp.
- Cái đó có "làm gì"?
- "Làm gì" lắm chứ. "Làm gì" nhiều chứ! Anh thử nghĩ mà xem. Nếu anh về Lục-Ca – nhưng bây giờ tôi trông thấy không bao giờ anh đi được – anh sẽ được những người nghèo tức là cha mẹ tôi mừng rỡ đón tiếp vì họ cũng nghèo như anh bây giờ. Nhưng nếu những cái tã đẹp nói thực, nếu lời đoán, bà Bảo-Liên đoán đúng và điều đó tất nhiên đúng, thì cha mẹ anh là những người giầu có và có lẽ sang trọng nữa. Còn tin sao được những người đó đón tiếp niềm nở một đứa trẻ khốn nạn như tôi?
- Còn tôi là cái gì, nếu tôi không phải là đứa trẻ khốn nạn như anh?
- Bây giờ thì thế. Nhưng mai kia anh sẽ là con nhà giầu sang, tôi sẽ vẫn là đứa trẻ khốn nạn như hôm nay. Người ta sẽ cho anh đi học, tìm thầy dạy cho anh. Còn tôi, tôi sẽ thui thủi một mình tiếp tục lang thang nay đây mai đó. Lúc đó, không biết anh còn nhớ đến tôi không? Lê-Minh còn nhớ đến Mã-Tư không?
- Ồ! Anh Mã-Tư thân mến, sao anh lại nghĩ vậy?
- Tôi nghĩ sao nói vậy. Vì thế, tôi không được hoàn toàn sung sướng trong sự vui thích của anh, nhất là vì chúng ta sắp phải xa cách nhau. Anh Minh ơi! Anh có biết đã bao lần tôi tưởng tượng, tôi mơ ước chúng ta sẽ sống với nhau suốt đời như bây giờ. Ồ! Nhưng không phải như bây giờ là những kẻ hát và diễn trò rong khốn nạn. Chúng ta cùng nhau học hỏi thêm, chúng ta sẽ trở nên những nhạc sĩ xứng đáng, có thể trổ tài trên những vũ đài xứng đáng và không bao giờ lìa nhau.
- Anh Mã-Tư ơi! Nguyện ước của anh vẫn không uổng. Nếu cha mẹ tôi giầu là giầu để cho tôi và cho anh. Nếu người ta cho tôi đi học, anh cũng sẽ đi học với tôi. Chúng ta ở bên nhau và học tập với nhau. Chúng ta không rời nhau, chúng ta đều lớn lên, và chung sống với nhau như ý muốn và cũng như lòng tôi mong ước một cách nhiệt liệt như anh. Tôi xin nói chắc với anh như thế.

- Anh phải biết lòng anh cũng mong ước như thế nhưng anh không phải là chủ gia đình như bây giờ anh là đoàn trưởng.
- Đây, anh hãy nghe tôi: nếu cha mẹ tìm tôi, tức là người thương tôi, phải không anh? Người thương tôi, người sẽ yêu tôi. Nếu người yêu tôi, người sẽ không nỡ từ chối những điều tôi xin. Và tôi sẽ xin những gì? Không ngoài việc trả ơn những người đã cứu vớt tôi, thương yêu tôi khi tôi bơ vơ lạc lõng: đó là bà Bảo-Liên, ông An-Thanh cùng các con ông là Yến-Chi, An-Sinh, Bằng-Mai, Lệ-Hoa và anh nữa. Ông An-Thanh sẽ được giúp đỡ để ra thoát chốn lao tù. Lệ-Hoa sẽ được cha mẹ tôi đưa về nuôi, chữa bệnh và cho đi học. Còn anh, anh sẽ học cùng một trường với tôi. Tôi tin rằng mọi việc sẽ được thực hành như thế. Nếu cha mẹ tôi giầu, tôi rất lấy làm thích vì cha mẹ tôi giầu là để gây dựng cho chúng ta.
- Về phần tôi, tôi thích cho cha mẹ anh nghèo.
- Anh ngu lắm.
- Có lẽ đúng.
Rồi anh không nói gì nữa, quay lại gọi Lãnh-Nhi. Lúc đó đến giờ nghỉ để ăn bữa sáng. Anh bế con chó lên tay nói chuyện với nó như với người:
- Có phải không? Lãnh-Nhi cũng thích cho cha mẹ Lê-Minh nghèo, phải không?
Nghe nhắc đến tên nó, Lãnh-Nhi nhẩy xuống kêu kít kít và để chân trước vào ngực.
- Với cha mẹ nghèo, chúng ta tiếp tục sống cuộc đời tự do, chúng ta tha hồ muốn đi đâu thì đi, và chúng ta chỉ lo có một việc làm sao cho các “quý khán giả” của chúng ta được vui thích.
- Ẳng ẳng!
- Trái lại, với cha mẹ giầu, Lãnh-Nhi sẽ bị nhốt vào một cái chuồng ở trong sân và chắc chắn là phải mang xích, cái xích mạ kền, nhưng cũng là cái xích, bởi vì những con chó không được phép vào những căn phòng lịch sự.
Tôi lấy làm giận Mã-Tư lắm, sao anh lại chúc cha mẹ tôi nghèo, đáng lẽ anh phải chia sẻ niềm vui của tôi, cầu nguyện cho giấc mộng của tôi thực hiện mới phải. Nhưng nghĩ lại, tôi rất lấy làm sung sướng nhận ra và hiểu thấu nguyên do nỗi buồn của anh – đó là một tình bạn chân thành, đó là cái đau đớn của cuộc phân ly sắp tới. Nếu chỉ vì thế mà anh buồn thì tôi nỡ nào lại trách anh vì anh đã biểu lộ lòng quyến luyến, dạ yêu thương tôi. Mã-Tư đã quyến luyến tôi, anh chỉ nghĩ đến tình yêu thương, anh không muốn chúng tôi phải xa rời nhau.

Nếu chúng tôi không phải kiếm tiền độ nhật, thì mặc Mã-Tư kêu ca, tôi cũng cứ đi nhanh. Nhưng chúng tôi phải dừng lại ở các làng lớn mà chúng tôi đi qua để diễn trò. Và trong khi chờ đợi cha mẹ tôi chia sẻ tiền bạc cho chúng tôi, chúng tôi hãy cứ tạm nhặt đó đây từng đồng xu nhỏ, kiếm một cách khó khăn và ưa may.
Thành ra từ Văn-Ông đến Mộc-Văn đi mất rất nhiều thì giờ hơn là chúng tôi đã tính trước. Vả lại, ngoài việc ăn hằng ngày, còn một lý do nữa khiến chúng tôi phải cố kiếm tiền thêm cho thực nhiều. Tôi không quên câu nói của bà Bảo-Liên, khi nhận bò đã bảo tôi:
“Tất cả những của cải con cho khi giầu có, không làm ta sung sướng bằng những vật con cho lúc con hàn vi”.
Và tôi cũng muốn cô bé Lệ-Hoa của tôi cũng được sung sướng như bà Bảo-Liên. Tôi sẵn lòng chia sẻ phú quý cho Lệ-Hoa. Nhưng trong khi chờ đợi, nhưng trước khi tôi trở nên giầu có, tôi muốn đem đến cho cô Lệ-Hoa một tấm quà mua bằng tiền tôi kiếm được, theo lời bà Bảo-Liên là thứ quà lúc hàn vi.
Vì thế khi qua tỉnh Đê-Sĩ, tôi liền mua một con búp-bê và một bộ đồ chơi, may sao không đến nỗi đắt bằng con bò.
Từ Đê-Sĩ đến Mộc-Văn, chúng tôi có thể đi gấp được vì những làng chúng tôi đi qua phần nhiều nghèo túng, người dân không dư tiền để đối xử rộng rãi với phường hát rong như chúng tôi. Từ tỉnh Sa-Long, chúng tôi đi ven bờ sông đào. Hai bên bờ, cây cỏ rậm rạp như rừng, nước chảy lững lờ, mấy chiếc xà lan do ngựa kéo nhẹ nhàng lướt trên mặt sông.
Cảnh tượng đó đã làm tôi nhớ lại thời sung sướng ở với bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên trên thuyền Thiên-Nga, tôi đã được chu du trên sông đào. Bây giờ, con thuyền Thiên-Nga ở đâu? Đã bao lần mỗi khi sang sông hay đi dọc bờ sông, tôi từng dò hỏi người ta xem có con thuyền du lịch nào có hiên, có buồng diễm lệ và thanh lịch, như thuyền Thiên-Nga qua đó không. Nhưng không ai biết cả. Có lẽ cậu An-Tuyên đã khỏi bệnh, bà Mỹ-Lưu cùng con đã trở về Anh-quốc rồi. Việc này có thể đúng và tin được. Tuy nhiên, lúc đi trên bờ sông Niên, tôi cứ với trông những con thuyền xa xa và tự hỏi không biết đó có phải là thuyền Thiên-Nga đang tiến về phía chúng tôi không?
Lúc đó là mùa thu. Những ngày đường của chúng tôi ngắn hơn về mùa hè. Chúng tôi phải tính toán đi sao cho tới những làng trước khi trời tối để tìm chỗ trú. Chúng tôi thường phải rảo bước, thế mà trong đoạn đường cuối cùng, đến tối chúng tôi mới tới Mộc-Văn.
Muốn đến nhà bà Cát-Tường, chúng tôi phải theo dọc bờ sông vì chồng bà giữ việc coi đập sông ấy. Nhà bà ở ngay bên cạnh đập,

chúng tôi tìm thấy ngay. Ngôi nhà đó ở đầu làng giữa cánh đồng cỏ, xa xa có nhiều cây cao lềnh bềnh trong đám sương mù. Tim tôi hồi hộp khi đến gần ngôi nhà đó, một ánh sáng đo đỏ ở lò sưởi chiếu qua cửa xuống mặt đường.
Chúng tôi đến nơi nhà đã đóng cửa rồi. Nhưng nhìn qua cửa sổ không cánh chớp, không màn che, tôi thấy Lệ-Hoa ngồi trước bàn ăn cùng bà Cát-Tường, một người đàn ông có lẽ là chồng bà ngồi quay lưng về phía chúng tôi.
Mã-Tư nói:
- Nhà đang ăn. Rất hay cho ta.
Tôi, một tay ra hiệu cho anh im, một tay vẫy Lãnh-Nhi về phía sau tôi, không được sủa. Nhắc cây thụ-cầm trên vai xuống, tôi sửa soạn để gẩy.
Mã-Tư thì thầm:
- Phải đấy! Anh có ý hay! Dạo một khúc đàn xem sao!
Anh để một mình tôi gẩy.
Rồi tôi bắt đầu gẩy bài "Tình-ca", tôi không hát vì sợ lộ tiếng của tôi. Trong khi tôi đánh đàn, tôi nhìn Lệ-Hoa. Cô chợt ngửng đầu lên, tia mắt chiếu ra như một luồng chớp. Tôi cất tiếng hát. Cô vội tụt xuống ghế, chạy ra cửa. Tôi vội đưa đàn cho Mã-Tư xong, thì Lệ-Hoa đã ở trong cánh tay tôi.
Người ta mời chúng tôi vào nhà. Bà Cát-Tường hôn tôi, rồi dọn hai xuất ăn lên bàn.
Tôi xin bà bày thêm cho một xuất thứ ba.
Tôi nói:
- Thưa bà, chúng tôi còn có một người bạn gái nhỏ nữa đi theo.
Rồi tôi lấy ở trong hành lý ra một con búp-bê xinh đẹp, tôi đặt ngồi bên cạnh Lệ-Hoa. Lệ-Hoa nhìn tôi, cái nhìn đã nói rất nhiều, tôi không bao giờ quên được, tôi còn trông thấy bây giờ.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXII
BẢO LIÊN

Nếu tôi không vội đi Ba-Lê, tôi sẽ ở lại lâu, rất lâu với Lệ-Hoa. Chúng

tôi có nhiều chuyện nói với nhau, và chúng tôi có thể nói rất ít lời bằng cách đàm thoại mà chúng tôi vẫn dùng.
Lệ-Hoa kể lại cho tôi nghe từ ngày về Mộc-Văn, cô, chú đã chiều mến thế nào. Ông bà Cát-Tường đã sinh hạ năm đứa con, ngày nay chẳng còn đứa nào chỉ vì bà Cát-Tường cũng như phần đông phụ nữ miền này hay bỏ nhà để ra Ba-Lê làm vú em. Vì thế Lệ-Hoa được cô chú coi như con đẻ. Lệ-Hoa lại kể những công việc hằng ngày cô phải làm và những cuộc giải trí của cô: câu cá, bơi thuyền và vào rừng chơi vì cô không đi học nên rất rỗi.
Còn tôi, tôi hỏi cô có nhận được tin tức của cha cô không, và kể cho cô nghe những việc xảy ra sau ngày chia tay cô: tôi suýt bị vùi trong mỏ nơi An-Sinh làm thế nào và khi về thăm mẹ nuôi tôi, cho tôi biết gia đình tôi đang tìm tôi; vì thế tôi không thể đi thăm Yến-Chi như tôi mong muốn.
Lẽ cố nhiên, tôi nói về gia đình tôi nhiều hơn cả, nhà tôi giàu và tôi nhắc lại cho cô nghe cả những điều tôi đã nói với Mã-Tư. Một khi tôi khá giả, tôi nguyện làm cho mọi người sung sướng: cha cô, anh chị cô và nhất là cô.
Lệ-Hoa không được lịch duyệt sớm như Mã-Tư và tốt nghiệp ở trường huấn luyện Phú-Lợi ra, nên cô tin rằng những người giàu có là những người sung sướng nhất đời và tiền của là một đạo bùa mầu nhiệm như trong các chuyện thần thoại – có thể thỏa mãn lập tức những gì người ta ao ước.
Phải chăng, chỉ vì nghèo khổ mà cha cô phải vào nhà lao? Phải chăng chỉ vì nghèo, mà gia đình cô phải tan tác? Dù là tôi giàu, dù là cô giàu, cái đó không cần lắm vì kết quả vẫn là một: Chúng tôi được sung sướng. Và cô chỉ để tâm có hai điều này: đoàn viên và hạnh phúc.
Chúng tôi không những ngồi nói chuyện bên đập sông, nước chảy rì rào qua những cánh ngăn, chúng tôi còn cùng nhau đi ngoạn cảnh trong rừng, ngoài ba chúng tôi còn có hai bạn nữa là Lãnh-Nhi và cô Búp-bê lúc nào cũng ở cạnh chúng tôi.
Trong những cuộc chu du của ông Vỹ-Tiên cùng tôi qua khắp nước Pháp và trong những cuộc đi vừa rồi của tôi và anh Mã-Tư, tôi chưa từng được xem cảnh nào đẹp mắt hơn chỗ chúng tôi đang ở bây giờ. Rừng rậm bao la, có đồng bát ngát, nào núi đá, nào đồi cây, nào hang thạch nhũ, nào thác gieo bọt trắng, nào hồ phẳng lặng như gương. Trong thung lũng hẹp hơn bên sườn núi đứng thẳng như những bức tường, giữa chảy một dòng nước quanh co như rắn lượn. Phong cảnh thực ngoạn mục. Người ta chỉ nghe thấy tiếng suối chảy,

tiếng chim ca, tiếng gió thổi qua những cành lá rì rào.
Mấy năm trước đây, ở trại trồng hoa tôi đã được xem phong cảnh thung lũng Bích-Giang và đã lấy làm đẹp. Thì ra nơi nào tôi cùng dạo chơi với Lệ-Hoa là nơi ấy có nhiều cảnh thơ mộng. Vùng Niên-Khê diễm lệ này in sâu vào trí óc tôi không bao giờ phai lạt được.
Chiều đến, những khi trời xấu, chúng tôi ở nhà, những lúc sương sa chúng tôi họp chung quanh lò sưởi. Để đẹp lòng Lệ-Hoa, tôi gẩy thụ-cầm, Mã-Tư kéo vĩ-cầm hoặc thổi kèn. Nhưng Lệ-Hoa thích nghe thụ-cầm hơn khiến tôi rất hào hãnh. Trước khi chia tay để đi ngủ, Lệ-Hoa thường yêu cầu tôi cho nghe khúc Tình-ca. Tôi lại cất tiếng hát khiến cho buổi tối đã đầm ấm lại êm đềm hơn.
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang. Tôi sắp sửa phải từ biệt Lệ-Hoa và từ biệt miền này để đi Ba-Lê. Tôi vẫn ao ước có một ngày phong lưu. Ngày ấy sắp đến, có thể nói là đã đến. Bây giờ tôi chỉ ấp ủ một nguyện vọng mong sao chóng được thực hiện.
Câu cuối cùng của tôi, "ra hiệu" nói với Lệ-Hoa đã biểu lộ cái mộng tưởng chân thành của tôi:
- Tôi sẽ đem xe bốn ngựa về đón cô!
Cô hiểu lắm, cô lấy tay ra hiệu quất ngựa vì cô trông thấy xe ngựa đó cũng như chính tôi đã trông thấy. Tuy nhiên, trước khi đi xe bốn ngựa về Mộc-Văn, tôi phải "cuốc bộ" trên đường từ Mộc-Văn về Ba-Lê, và nếu không có bạn Mã-Tư thì tôi đậu rất ít ở các làng cốt kiếm sao cho qua ngày để cho mau chóng tới Ba-Lê. Vì tôi nghĩ bây giờ cần gì phải làm việc nhiều; chúng tôi không cần phải mua bò, mua búp-bê nữa, miễn sao cho túc dụng hàng ngày. Không phải việc tôi phải đem tiền về cho cha mẹ, nhưng Mã-Tư không đồng ý với tôi về điểm đó. Mã-Tư bắt tôi phải cầm lấy đàn và bảo:
- Chúng ta có thể kiếm được bao nhiêu, ta cứ kiếm. Chắc đâu về Ba-Lê tìm thấy ngay Bảo-Liên.
- Nếu ta không tìm thấy ông ta buổi trưa thì đến hai ba giờ cũng tìm thấy, vì phố Mục-Tảo không dài lắm.
- Nếu ông ấy không còn ở phố Mục-Tảo nữa thì sao?
- Chúng ta tìm chỗ mới của ông ta.
- Nếu ông ấy lại trở về Văn-Ông thì sao? Lúc đó lại phải viết thư và đợi trả lời. Trong thời gian đó, chúng ta sẽ sống bằng gì, nếu trong túi không có tiền? Anh cũng chưa quen đường ở Ba-Lê lắm. Anh đã quên lò đá Gentilly rồi hay sao?
- Không.
- Tôi, tôi cũng không quên bức tường Nhà Thờ Thánh Mê-Đa, tôi đã tựa lưng vào tường đó để khỏi ngã gục vì tôi lả - Tôi không muốn

nhịn đói ở Ba-Lê.
- Chúng ta sẽ ăn no khi đến nhà cha mẹ tôi.
- Đã chắc đâu tìm ngay được. Chúng ta nên làm việc như là chúng ta cần mua một con bò đem về cho cha mẹ anh.
Đó là một lời khuyên rất khôn ngoan. Nhưng xin thú thực, tôi hát kém đi, không cố gắng bằng lúc phải mua bò cho bà Bảo-Liên hay mua búp-bê cho Lệ-Hoa.
Mã-Tư bảo tôi:
- Nếu anh giàu có, anh sẽ thành lười biếng.
Đến tỉnh Cốt-Bây, chúng tôi lại ra con đường mà trước đây sáu tháng chúng tôi đã theo con đường ấy để đi từ Ba-Lê về Văn-Ông. Và trước khi tới Villejuif, chúng tôi rẽ vào cái trại có đám cưới mà chúng tôi đã giúp vui trong bước đầu của chúng tôi. Chú rể và cô dâu nhận ra chúng tôi và yêu cầu chúng tôi hòa nhạc cho hai vợ chồng khiêu vũ. Người ta cho chúng tôi ăn ngủ trong đêm đó.
Sáng hôm sau, từ trại ấy chúng tôi vào Ba-Lê. Tính ra đúng sáu tháng mười bốn ngày, chúng tôi lại được trở về Kinh Đô.
Nhưng ngày về khác hẳn ngày đi. Trời u ám và lạnh. Người ta không thấy mặt trời, ở hai bên bờ đường, hoa đã tàn và cỏ cũng kém màu xanh. Nắng hè đã hết phận sự, đến lượt những áng sương đầu thu. Không còn những cánh hoa đinh hương ở nóc tường gieo xuống đầu chúng tôi nữa mà là những chiếc lá khô ở trên những cành vàng úa rơi xuống. Cảnh buồn nhưng lòng "chúng tôi" vẫn vui. Tôi nói "chúng tôi", như thế không đúng vì chỉ có tôi cảm thấy vui, một mình tôi thôi. Tôi nghĩ sắp đến lúc được người mẹ, người mẹ thực sự và người cha gọi tôi là con, hôn tôi, ấp ủ tôi thì cảm xúc trong lòng tôi cuồn cuộn dâng lên.
Còn Mã-Tư, càng về gần tới Ba-Lê trông anh càng ủ dột, lắm lúc hàng mấy tiếng đồng hồ, anh không hề nói một câu nào. Tuyệt nhiên anh không thổ lộ nỗi buồn về cuộc phân ly sắp tới. Tôi không muốn nhắc lại những lời tôi đã nói với anh bao nhiêu lần là mẹ tôi sẽ không bao giờ lại chia rẽ anh và tôi. Mãi đến lúc chúng tôi nghỉ để ăn bữa sáng, anh ngồi trên hòn đá vừa cầm miếng bánh ăn vừa thổ lộ cho tôi nghe những điều mà tôi đã thắc mắc:
- Anh có biết lúc bước chân vào Ba-Lê này, tôi nghĩ đến ai không?
- Đến ai?
- Đến một người. Người đó là Phú-Lợi. Không biết hắn đã mãn hạn tù chưa? Khi người ta cho tôi biết là hắn bị tù, tôi quên không hỏi thời hạn. Rất có thể hắn đã được tha và bây giờ đang ngồi lù lù ở nhà phố Lục-Sinh. Chúng ta phải đến hẻm Mục-Tảo tìm Bảo-Liên thì hẻm

này ở ngay trước cửa nhà Phú-Lợi. Vô phúc chúng ta gặp hắn thì làm thế nào? Hắn là thầy tôi, là chú tôi, hắn có quyền bắt tôi và tôi không sao trốn được nữa. Anh, trước kia anh sợ Bảo-Liên thế nào thì bây giờ tôi cũng sợ Phú-Lợi như thế. Trời ơi! Sẽ khổ cho cái đầu của tôi! Cái khổ đau đầu còn chịu được nhưng cái khổ không được nhìn thấy anh nữa thì ghê gớm biết nhường nào? Còn điều này nữa, cuộc chia rẽ tôi với gia đình tôi không nói làm gì, nhưng cuộc chia rẽ anh với gia đình anh thì khốn khổ đến mực nào! Vì rất có thể Phú-Lợi bắt cả anh và giáo dục anh như những học trò của hắn bằng roi, bằng nhịn đói. Chắc anh không muốn vào trường đó và tôi cũng không muốn làm bạn học với anh. Vậy anh tính thế nào?
Cái hy vọng lớn lao của tôi đã làm cho tôi quên hẳn Phú-Lợi. Tất cả những điều Mã-Tư vừa nói có thể xảy ra được. Phải tránh cái nguy hiểm đem nộp mình cho Phú-Lợi.
Tôi hỏi anh:
- Ý anh thế nào? Anh không muốn vào Ba-Lê?
- Tôi không muốn đến hẻm Mục-Tảo sợ chạm trán Phú-Lợi.
- Nếu anh không muốn đến phố ấy, tôi sẽ đến một mình. Anh đợi một chỗ nào đó. Độ bẩy giờ tối thì tôi trở lại đón anh.
Chúng tôi hẹn đợi nhau ở đầu cầu Nhà Chung sau Nhà Thờ Đức Bà. Bàn định xong, chúng tôi tiến vào Ba-Lê.
Đến công trường Ý-Đại-Lợi, chúng tôi chia tay, cảm động như không bao giờ tái ngộ nữa. Anh cùng Lãnh-Nhi xuống vườn Bách-Thảo, còn tôi đi về phố Lục-Sinh, cũng ở gần đấy.
Là lần thứ nhất trong sáu tháng nay, tôi đi một mình không có Mã-Tư, không có Lãnh-Nhi bên cạnh. Tôi cảm thấy trống rỗng và buồn tênh. Nhưng tôi dẹp ngay được mối buồn đó, tôi chả sắp được gặp Bảo-Liên và do Bảo-Liên được thấy gia đình tôi hay sao?
Tôi đã ghi vào mẩu giấy tên họ và địa chỉ những chủ trọ của Bảo-Liên. Nhưng không cần đến vì tôi đã thuộc lòng những tên và chỗ ấy: Hai-Giô, Ba-Bô và Tư-Chớp.
Tôi vào hẻm Mục-Tảo, qua nhà Hai-Giô trước tiên. Đó là một hàng cơm nhơm nhếch ở từng dưới một ngôi nhà gác có đủ giường phản. Tôi mạnh bạo bước vào. Nhưng bằng giọng run run hỏi:
- Ông Bảo-Liên, có ở đây không?
- Bảo-Liên là ai nhỉ?
- Bảo-Liên ở làng Văn-Ông.
Rồi tôi ta hình dáng Bảo-Liên, cái hình dáng ngày xưa của ông ta khi mới ở Ba-Lê về: mặt khắc nghiệt, đầu vẹo sang bên phải.
- Không có ai như thế. Tôi không biết.

Tôi đi xa hơn chút nữa tìm đến nhà Ba-Bô là một lữ quán có phòng đủ đồ đạc cho thuê. Lại có bán thêm hoa quả nữa. Tôi nhắc lại câu hỏi ở quán trọ trước.
Mới đầu, tôi hỏi chẳng ai nghe thấy gì. Người chồng đang bán bánh đúc và cắt bằng cái dao như dao thợ nề, người chồng mải cãi nhau với một khách hàng vì họ bớt một xu. Tôi hỏi đi hỏi lại đến lần thứ ba, người chồng mới trả lời:
- À, phải, Bảo-Liên… đã lâu có ở đây. Đến bốn năm rồi!
Người vợ cải chính:
- Đã năm năm chứ lại. Hắn ta còn nợ nhà này một tuần lễ tiền trọ, chưa trả. Vậy bây giờ, hắn ở đâu, thằng vô lại ấy?
Hắn ở đâu? Chính tôi cũng đang đi hỏi mà người ta lại hỏi tôi. Chán quá. Tôi chỉ còn biết hỏi Tư-Chớp nữa thôi. Nếu người này không biết nốt thì tìm đâu cho thấy Bảo-Liên bây giờ?
Cũng như Hai-Giô, Tư-Chớp bán hàng cơm. Khi tôi vào nhà, ông ta đang làm bếp và dọn ăn cho một bọn người đang ngồi bàn.
Tôi lại hỏi Tư-Chớp, lúc ông ta tay cầm vá đang múc súp cho khách ăn.
Ông ta trả lời:
- Bảo-Liên à? Ông ta không ở đây nữa.
Tôi run lên và hỏi:
- Thế bây giờ Bảo-Liên ở đâu?
- Ai biết được!
Tôi choáng voáng, trước mắt tôi, những cái soong như nhẩy rập rờn trên bếp.
Tôi nói:
- Tôi biết tìm ông ta ở đâu bây giờ?
- Ông ta không để lại địa chỉ.
Mặt lộ một vẻ thất vọng đáng thương, một người khách đang ăn ở bàn bên cạnh bếp, hỏi tôi:
- Em tìm Bảo-Liên có việc gì?
Tôi không thể nói thực và kể chuyện riêng của tôi ra. Tôi nói:
- Tôi vừa ở Văn-Ông quê ông ta, đến đây. Để báo tin tức nhà cho ông ta biết, vợ ông ta bảo tôi đến tìm ông ta ở đây.
Tư-Chớp bảo người khách vừa hỏi tôi:
- Nếu ông biết, ông chỉ giúp cho em bé này, nó không có chuyện gì hại cho Bảo-Liên phải không?
- Thưa ông, không.
Tôi tỉnh người, hy vọng.
- Bảo-Liên bây giờ tất ở khách sạn Khang-An đường Hốt-Linh, vì

cách đây ba tuần lễ, tôi có gặp ông ta ở đấy.
Tôi cảm ơn và đi ra. Chỗ ấy gần phố Lục-Sinh, tôi nghĩ nên rẽ vào hỏi dò tin tức Phú-Lợi cho Mã-Tư. Tôi đi vài bước tìm ngay thấy lối vào nhà ngày xưa tôi đến với ông Vỹ-Tiên. Cũng như lần trước tôi thấy một ông già, ông già năm xưa đang mắc những giẻ rách vào tường ngoài sân. Có lẽ ông ta chỉ làm một công việc này từ mấy năm nay.
Tôi hỏi:
- Ông Phú-Lợi đã về chưa?
Ông già nhìn tôi rồi ho xù xụ một hồi không trả lời tôi. Tôi nghĩ nên làm như tôi biết rõ Phú-Lợi ở đâu rồi, nếu không thì "ông già giẻ rách" kia không chịu rỉ răng.
Tôi làm ra bộ đắc chí nói:
- Phú-Lợi còn ở trong ấy, có lẽ buồn lắm nhỉ?
- Buồn, nhưng thì giờ cứ việc đi chứ!
- Nhưng thì giờ đi nhanh cho chúng tôi hơn là cho ông ta.
Ông già toan cười về câu khôi hài của tôi, nhưng lại bị một cơn ho dài hơn bật ra trước.
Đợi cho ông ta hết ho, tôi hỏi:
- Ông có biết chừng nào ông ta về không?
- Ba tháng.
Phú-Lợi còn ngồi tù ba tháng nữa. Mã-Tư sẽ dễ thở, vì trong ba tháng nữa, cha con tôi đủ thì giờ tìm cách ngăn cản kẻ hung ác không được hành hạ cháu.
Tôi vui vẻ đi tìm khách sạn Khang-An, tôi vào ngõ Hốt-Linh, chứa chan hy vọng và có một ý tưởng khoan hồng về Bảo-Liên.
Dù sao, Bảo-Liên cũng không đến nỗi độc ác như bộ mặt ông ta, không có ông ta, có lẽ tôi đã bị chết đói, chết rét ở lề phố Bảo-Tương. Ông ta có dứt tôi ra ở trong lòng bà Bảo-Liên để bán tôi cho ông Vỹ-Tiên thực đấy, nhưng lúc đó ông ta không có cảm tình với một đứa trẻ lớn lên mà ông ta không nhìn thấy bao giờ, vả lại khi người ta nghèo khó thì người ta hay nghĩ quẩn và làm những việc không hay. Bây giờ ông ta đang tìm tôi, tôi phải biết ơn ông ta. Tôi phải quên cái oán thù đã dung dưỡng trong đầu óc tôi từ ngày ông Vỹ-Tiên kéo cổ tay tôi lôi đi, mới phải. Đối với ông ta, tôi phải tỏ ra tri ân. Nếu không phải là một bổn phận phải yêu thương ông ta như đối với bà Bảo-Liên thì cũng là một bổn phận phải tử tế với ông ta mới không trái với lương tâm.
Không mấy lúc tôi đã tìm đến khách sạn Khang-An, gọi là khách sạn nhưng chỉ là một lữ điếm tồi tàn. Chủ nhà là một bà cụ già vừa có

bệnh run gân vừa nặng tai.
Khi tôi hỏi, bà ta đưa cái ống nghe lên tai và bảo tôi nói lại. Bà nói nhỏ:
- Tôi hơi nghễnh ngãng.
- Tôi muốn gặp Bảo-Liên, Bảo-Liên ở Văn-Ông. Ông ta trọ ở đây. Phải không?
Không trả lời, bà ta giơ cả hai tay lên trời một cách bất thần làm cho con mèo nằm ở đầu gối bà nhẩy bổ nhào xuống đất.
Bà kêu:
- Trời ơi!
Bà hỏi tôi:
- Mày là đứa con phải không?
- Đứa con nào?
- Đứa con người ta tìm.
Nghe câu này, tôi cuống quít. Tôi kêu:
- Ông Bảo-Liên…
- Quá cố. Phải gọi là ông "Bảo-Liên quá cố".
Tôi đứng không vững phải tỳ lên cây thụ-cầm. Tôi xúc động quá, giọng nghẹn ngào, cố kêu to lên cho bà ta nghe rõ:
- Ông ta chết thật à?
- Đã tám hôm nay, ở Nhà Thương Thánh Ăng-Toan.
Tôi mê mẩn như người mất hồn.
Bảo-Liên chết rồi! Làm thế nào tìm được gia đình tôi? Làm thế nào gặp được cha mẹ tôi?
Bà già nói tiếp:
- Thế mày là đứa con nhà giầu mà Bảo-Liên định tìm để đưa về cho cha mẹ mày à?
Tôi tỉnh ngay lại, bám riết vào câu nói đó, tôi nói:
- Bà biết rõ à?
- Ta biết những lời ông ta kể, ông Bảo-Liên tội nghiệp ấy. Ông ta nói ông ta bắt được một đứa con bỏ đường đem về nuôi, bây giờ nhà mất con muốn chuộc lại. Ông ta về Ba-Lê tìm đứa con ấy.
Tôi thở dồn như người hết hơi và hỏi:
- Thế còn gia đình? Gia đình tôi?
- A! Thế ra chính cậu là đứa con? A! Chính cậu? Chính là cậu?
Hỏi xong bà lung lay cái đầu, trố mắt nhìn vào mặt tôi. Nhưng tôi không để bà nhìn mãi, tôi hỏi:
- Thưa bà, xin bà kể hết cho cháu nghe.
- Nhưng tôi không biết gì hơn là những câu vừa kể lại cho cậu nghe, cậu ạ, cậu công tử ạ.

- Xin bà cho cháu biết tất cả những điều Bảo-Liên đã nói, những điều dính dáng về gia đình cháu, thưa bà, bà hãy nhìn xem cháu rất cảm động, bối rối và lo buồn.
Không trả lời tôi, bà lại vụt tay giơ lên trời, nói:
- Này câu chuyện lạ quá!
Lúc đó có một người đàn bà ăn mặc như người ở vào chỗ tôi đang hỏi chuyện, bà già bỏ tôi, quay ra khoe với người đàn bà ấy rằng:
- Này câu chuyện lạ quá! Cậu bé này, cậu công tử này, chị coi, chính là đứa con mà Bảo-Liên nói chuyện hôm nọ. Đứa con tìm đến mà Bảo-Liên đã đi đời rồi! Có kỳ không?
Tôi nói:
- Bảo-Liên có bao giờ nói đến gia đình tôi không? Thưa bà.
- Đến hơn hai mươi lần, hơn trăm lần rằng: gia đình ấy giầu nứt đố đổ vách.
- Gia đình ấy ở đâu? Tên là gì?
- Ấy đó. Bảo-Liên không bao giờ nói đến cả. Cậu có hiểu không? Ông ta giữ bí mật. Ông ta muốn hưởng một mình. Đó cũng là lẽ công bình. Nhưng ông ta cũng quỷ quái lắm.
Than ôi! Tôi có hiểu. Tôi hiểu lắm: Bảo-Liên đã đem theo tất cả cái bí ẩn về nguyên ủy của tôi xuống suối vàng rồi!
Tôi đã đi gần tới đích rồi mà trật. Thôi rồi mộng đẹp! Thôi rồi hy vọng!
Tôi lại hỏi bà già:
- Bảo-Liên còn kể chuyện với ai nhiều hơn bà nữa không?
- Bảo-Liên không ngu mà nói với mọi người. Kể ông ta cũng hơi ác!
- Bà có thấy ai là người nhà tôi đến tìm Bảo-Liên không?
- Không thấy ai cả.
- Chắc Bảo-Liên cũng có bè bạn biết chuyện.
- Ông ta chẳng có bạn bè nào.
Tôi lấy hai bàn tay đỡ trán, nhưng nghĩ mãi không tìm thấy gì để tự hướng dẫn. Vả tôi xúc động quá, bối rối quá không sao nghĩ sâu rộng hơn được nữa.
Nghĩ ngợi một lúc lâu, bà già nói thêm:
- Có một lần ông ta nhận được một bức thư, bức thư bảo đảm.
- Ở đâu đến?
- Tôi không biết. Người phu trạm trao tay cho ông ta. Tôi không nhìn được con dấu.
- May ra người ta có thể tìm được lá thư đó.
- Khi được tin ông ta chết. Tôi đã tìm khắp nhà xem ông ta có còn để lại gì không. Không phải là tò mò, nhưng để báo tin cho vợ ông ta biết. Nhưng chẳng tìm thấy gì là di tích của ông ta cả. Ở Nhà

Thương cũng không. Người ta tìm ở túi ông ta, cũng không thấy một giấy tờ gì. Nếu lúc vào ông ta không khai là ở Văn-Ông, có lẽ người ta cũng không biết đâu mà báo tin cho vợ ông ta.
- Thế bà Bảo-Liên tất nhiên được biết tin dữ đó?
- Ai mà biết được.
Tôi đứng ngẩn ra, chẳng nói được câu gì. Nói gì bây giờ? Hỏi gì bây giờ? Người ta đã nói hết cho tôi nghe những gì người ta biết. Người ta không biết hơn gì nữa. Vì Bảo-Liên cốt giấu kia mà. Tôi cảm ơn bà chủ khách sạn rồi đi ra.
Bà già gọi giật tôi lại:
- Cậu định đi đâu bây giờ?
- Tìm người bạn tôi.
- A! Cậu có một người bạn?
- Có chứ.
- Bạn cậu ở Ba-Lê?
- Chúng tôi mới đến Ba-Lê sáng nay.
- Nếu các cậu chưa có chỗ trọ, các cậu có thể ở đây được. Ở đây dễ chịu, tôi có thể khoe thế, đây là một nhà thật thà. Cậu nên nghĩ xa một chút. Nếu gia đình cậu đợi lâu không thấy tin tức Bảo-Liên, tất nhiên phải lùng đến đây, chứ không đến chỗ khác. Lúc đó, cậu sẵn sàng ra đón tiếp gia đình cậu, thế có hay không? Nếu cậu đi, thì gia đình cậu biết đâu mà mò? Tôi nói thế là có lợi cho cậu, cậu nên nghĩ kỹ. Thế bạn cậu bao nhiêu tuổi?
- Bạn tôi kém tuổi tôi.
- Cậu hãy coi xem. Hai trẻ thơ dại ở đất Ba-Lê này, có thể gặp nhiều người không tốt. Có những lữ quán chứa toàn phường vô lại. Không được yên ổn như ở đây đâu, cậu nhìn ra phố thì biết.
Tôi không đồng ý lắm là phố này yên ổn. Nói gì thì nói, khách sạn Khang-An chỉ là một quán trọ bẩn thỉu và tồi tàn vào hạng nhất mà tôi từng thấy. Tuy nhiên, trong những ngày phiêu lưu của tôi, tôi còn trông thấy những quán trọ khổ hơn thế nhiều. Nhưng lời bà chủ khách sạn vừa nói nghe cũng xuôi tai. Hơn nữa, bây giờ cũng không phải là lúc để tôi tỏ ra khó tính; tôi chưa tìm thấy gia đình tôi, gia đình giầu có của tôi, để tôi được ở những khách sạn đẹp nhất trên các đại lộ hay ở trong những tòa lâu đài lộng lẫy nếu cha mẹ tôi cư trú ở Ba-Lê. Nếu tôi định ở khách sạn Khang-An này thì không phải trả nhiều tiền, tôi phải nghĩ đến các khoản tiêu mới được. Anh Mã-Tư thực là người lịch duyệt, anh đã khuyên tôi phải kiếm tiền từ Mộc-Văn đến Ba-Lê là phải. Nếu chúng tôi không có 17 phật-lăng trong túi, thì chúng tôi bây giờ sẽ trở nên thế nào?

Tôi hỏi bà chủ:
- Bà cho thuê bao nhiêu tiền buồng một ngày?
- Mỗi ngày mười xu, không đắt chứ?
- Vậy chiều nay tôi và bạn tôi sẽ dọn đến.
- Nên đến sớm thì hơn. Đi khuya ở Ba-Lê hay có chuyện bực mình.
Trước khi trở về đây, tôi phải đi đón Mã-Tư ở chỗ đã hẹn. Vì còn sớm nhiều, tôi không biết phải làm gì, nên tôi thẫn thờ ra vườn Bách-Thảo, đi tản bộ chán, tôi ngồi nghỉ trên chiếc ghế dài. Chân tôi đau nhừ, óc tôi như dại. Tôi vừa bị rớt xuống thình lình, bất ngờ và thật lực. Vậy ra tôi phải chịu tất cả những tai biến, hết nạn nọ đến nạn kia và mỗi lần tôi giơ tay ra để bám víu, cái cành mà tôi vớ được lại gẫy cắc dưới tay tôi làm cho tôi ngã xuống, và cứ bám cứ ngã luôn luôn như thế. Trong lúc mà tôi cần đến Bảo-Liên, Bảo-Liên vì mục đích làm tiền, cố ý dấu tên người – có lẽ là cha tôi – đã ủy thác ông ta tìm tôi, cái chết đột nhiên của Bảo-Liên phải chăng là một sự rủi ro tàn khốc cho tôi?
Mắt cương lệ, ngồi một đầu ghế dưới bóng cây xanh, tôi đang nghĩ gần nghĩ xa, chợt có một ông và một bà lịch sự đến ngồi vào chiếc ghế đối diện với ghế của tôi. Một em bé kéo cái xe ngựa con, lẽo đẽo đi sau. Người cha gọi con, em bé bỏ xe chạy lại, giơ hai cánh tay vào cha, người cha ôm lấy con hôn vào tóc rồi đẩy sang chỗ người mẹ. Người mẹ lại ôm lấy con và hôn đúng đám tóc người cha vừa hôn. Em bé cười như nắc nẻ, lấy bàn tay trắng mập vỗ vào má người cha và người mẹ một cách rất yêu thương.
Trước cảnh đó, trước cái sung sướng của hai cha mẹ và cái vui của đứa con, tôi thấy nguồn lệ trong lòng dâng lên và không cầm được nước mắt. Tôi chưa bao giờ được yêu dấu như thế. Chính bây giờ tôi đang hy vọng có ngày được yêu dấu như thế. Một ý nghĩ chợt nẩy trong óc tôi. Tôi cầm đàn và đánh nhẹ nhàng một bài khiêu vũ cho em bé nhẩy chơi. Người cha lại gần đưa cho tôi một đồng bạc trắng. Tôi từ chối một cách rất lễ phép. Tôi nói:
- Thưa ông, cháu không dám lấy. Xin ông cho cháu một dấu thương yêu cũng như ông vừa cho em bé xinh tươi kia, cháu rất sung sướng.
Ông lấy làm lạ, nhìn tôi và chưa kịp nói gì thì người coi vườn vừa đến. Mặc dầu ông khách can thiệp, anh ta đuổi tôi ra khỏi vườn ngay nếu không tôi sẽ bị ngồi tù về tội đánh đàn kiếm tiền trong vườn Bách-Thảo.
Tôi đeo đàn lên vai và đi ra, thỉnh thoảng lại ngoảnh lại nhìn cha mẹ em bé, hai người cũng theo dõi tôi bằng con mắt thương hại. Lúc đó

chưa đến giờ đón Mã-Tư, tôi lượn quanh bến xem nước chảy.
Đêm đến. Đèn phố đã thắp sáng. Tôi nhìn về phía Nhà Thờ Đức-Bà, hai ngọn tháp đen đen đâm lên trên nền trời đỏ tía của buổi hoàng hôn vừa tắt. Đằng sau Nhà Thờ có chiếc ghế dài, tôi liền chạy đến ngồi nghỉ vì hai chân đã mỏi rời. Chưa bao giờ tôi thấy mệt và chán nản như thế. Lòng tôi buồn, cảnh vật chung quanh cũng tẻ ngắt. Ở giữa kinh đô đầy ánh sáng, huyên náo và tấp nập thế mà tôi thấy trơ vơ, lạc lõng hơn là những nơi đồng rộng rừng sâu.
Những người qua lại trước mặt tôi thường ngoảnh lại nhìn tôi. Họ tò mò hay họ thương tôi, tôi cũng chẳng cần biết, vì chẳng ích lợi gì cho tôi.
Tôi chỉ có một thứ để giải buồn là ngồi đếm những tiếng đồng hồ đánh ở chung quanh tôi và tính còn bao nhiêu nữa sẽ được gặp Mã-Tư. Nghĩ đến sắp được trông thấy đôi mắt trìu mến và nét mặt tươi cười của Mã-Tư, thì lòng tôi phấn khởi hẳn lên, tình hữu ái của anh đã là nguồn an ủi cho tôi vậy.
Gần bảy giờ, tôi vẳng nghe có tiếng chó kêu, trông xa thấy một vật trăng trắng tiến lại chỗ tôi. Tôi chưa kịp phân biệt thì Lãnh-Nhi ở đâu xổ đến nhảy lên đầu gối tôi và liếm vào tay tôi. Tôi ôm chặt nó vào lòng và áp má lên đầu nó. Mã-Tư chưa tới nơi đã gọi to:
- Thế nào?
- Bảo-Liên chết rồi!
Anh liền chạy đến bên tôi. Bằng vài câu vắn tắt, tôi nhắc lại cho anh nghe những việc tôi đã làm và những điều tôi đã thu lượm được. Anh tái người, thất vọng. Tự nhiên tôi thấy êm ái trong lòng, tôi cảm thấy dù anh có sợ gia đình tôi sẽ ngăn cách anh, nhưng lòng anh vẫn chân thành mong cho tôi tìm thấy cha mẹ tôi.
Bằng những lời êm ái và thân yêu, anh cố dỗ tôi và khuyên tôi chớ vội thất vọng. Anh nói:
- Nếu cha mẹ anh nhờ Bảo-Liên, đợi lâu không thấy tin tức gì, tất phải tìm Bảo-Liên. Đã tìm Bảo-Liên thì thế nào cũng phải đến khách sạn Khang-An. Chúng ta cứ đợi ở khách sạn đó, có chậm chỉ vài ngày thôi rồi cũng ra mối.
Ý kiến của anh cũng là ý kiến của bà lão tai điếc đầu lắc lư đã khuyên tôi. Nhưng những lời đó phát ra từ miệng, từ lòng Mã-Tư làm cho tôi tin tưởng hơn. Phải đấy, chỉ chậm vài ngày thôi, có làm sao mà tôi đã lo, đã nản như một đứa trẻ con. Tôi liền yên dạ. Tôi kể cho Mã-Tư nghe về tin tức Phú-Lợi.
Anh reo lên:
- Còn ba tháng nữa à!

Rồi anh vừa hát vừa nhảy múa ngay trên phố. Lát sau, anh bảo tôi:
- Gia đình người nọ khác hẳn gia đình người kia. Anh buồn vì mất gia đình; tôi mừng vì không thấy gia đình.
- Một ông chú không phải là gia đình, nhất là ông chú như Phú-Lợi. Nếu anh mất tích Tuyết-Nga, em anh, anh có nhảy hát không?
- Ô! Anh đừng nói thế!
- Tôi vẫn nghĩ đến gia đình anh.
- Tôi cũng thế.
Theo bờ sông, chúng tôi về phố Hốt-Linh. Trong người tôi đã thư thái, nên tôi nhìn sông Xen đẹp thực; trăng tròn gieo xuống mặt nước những mây bạc, long lanh trên mặt nước như một tấm gương to lay động.
Khách sạn Khang-An tuy là một nhà trọ thật thà nhưng không sạch sẽ và đủ tiện nghi. Người ta đã dành cho chúng tôi một căn phòng trên gác, soi sáng bởi một đèn dầu lắm khói. Phòng hẹp thấp quá, đến nỗi cứ một người muốn đứng dậy thì người kia phải ngồi xuống giường. Đây không phải là thứ buồng mà tôi mơ ước và những cái khăn trải giường bằng vải vàng nhem nhuốc kém xa những tấm khăn bọc mà mẹ nuôi tôi thường nói.
Những miếng bánh mì và phó-mát Ý người ta dọn cho chúng tôi ăn không phải là những món cao lương mà tôi tưởng tượng sẽ được thết Mã-Tư.
Nhưng cũng được, tôi chưa mất hy vọng, chỉ cần đợi một thời gian thôi. Nghĩ thế rồi tôi ngủ lúc nào không biết.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXIII
THĂM TÌM

Sáng hôm sau, tôi viết cho bà Bảo-Liên một lá thư, báo những tin mà tôi đã biết. Công việc cũng không phải dễ cho tôi.
Nói thế nào cho bà biết cái chết của ông Bảo-Liên? Bà vẫn yêu thương chồng lắm. Hai người đã ăn ở với nhau trong bao nhiêu năm trời. Nếu tôi không tỏ lòng thương tiếc, chia buồn cùng bà, bà sẽ khổ tâm.
Không biết dở hay, tôi cũng cố viết cho xong bức thư, tôi nhắc đi, nhắc lại nhiều lần là xin bà tin tưởng vào lòng quý mến thành thực

của tôi. Tôi cũng báo tin cho bà biết nỗi lo buồn và lòng hy vọng hiện thời của tôi. Thực ra, chính về điểm này tôi nói nhiều và kỹ hơn hết. Cuối cùng tôi dặn bà hễ có thư nào hỏi tin tức ông Bảo-Liên thì bà báo ngay cho tôi biết và chuyển địa chỉ người viết thư ấy cho tôi ở khách sạn Khang-An, Ba-Lê.
Bổn phận này làm xong, tôi còn một bổn phận nữa là bổn phận với ông An-Thanh. Khi từ biệt Lệ-Hoa, tôi có hứa với cô khi về tới Ba-Lê tôi sẽ vào thăm cha cô ngay, báo cho ông biết là gia đình tôi đang tìm tôi, nếu cha mẹ tôi giàu, tôi sẽ nói với cha mẹ tôi chuộc ông về và tôi sẽ vào đón ông ở khám ra. Đó là mục đã ghi vào chương trình dự định trong lúc vui sướng, trước khi vào Ba-Lê: ông An-Thanh trước tiên, rồi đến bà Bảo-Liên, đến Lệ-Hoa, đến Yến-Chi, An-Sinh và Bằng-Mai, còn Mã-Tư, người ta đãi tôi thế nào, thì tôi cũng đãi anh như thế, và anh sẽ sung sướng vì tôi được sung sướng. Nhưng bây giờ vào nhà lao với hai bàn tay không và thăm suông ông An-Thanh cũng như ngày từ giã ông, không giúp ông được việc gì để trả ơn ông thì buồn biết là nhường nào?
May sao tôi có những tin tức các con ông đem đến cho ông và cả những cái hôn mà Lệ-Hoa cùng An-Sinh đã gửi, ông sẽ được vui sướng thì tôi cũng bớt phàn nàn.
Mã-Tư muốn xem nhà lao thế nào, cũng theo tôi đi. Tôi cũng muốn anh biết mặt người mà trong hơn hai năm trời đã coi tôi như con. Vì tôi đã biết thể thức để xin vào thăm ở nhà lao Kích-Chi, nên chúng tôi không phải đợi lâu ngoài cổng như lần đầu tôi đã xin vào.
Người ta cho chúng tôi vào phòng nói chuyện. Lát sau, ông An-Thanh ra ngay và giơ hai tay đón tôi.
Ông vừa hôn, vừa nói:
- Con tốt quá! Lê-Minh!
Tôi cho ông biết ngay tin tức của Lệ-Hoa và An-Sinh. Sau tôi cắt nghĩa cho ông tại sao tôi không đi thăm Yến-Chi ngay được, ông ngắt lời tôi và hỏi:
- Thế cha mẹ con?
- Ông cũng biết tin tức đó à?
Ông liền kể rằng cách đây mười lăm hôm, Bảo-Liên có đến nhà giam này thăm ông.
Tôi nói:
- Ông ta chết rồi!
Theo lời ông An-Thanh thì Bảo-Liên sở dĩ đến nhà lao là để hỏi tin tức tôi. Thoạt tiên, Bảo-Liên tìm đến Phú-Lợi ở Ba-Lê, nhưng không thấy, phải về tại một nhà lao ở tỉnh xa mới được gặp ông ta. Phú-Lợi

cho Bảo-Liên biết là ông Vỹ-Tiên đã chết rồi và tôi được một người thợ trồng hoa tên là An-Thanh nuôi. Bảo-Liên lại trở về Ba-Lê đến trại trồng hoa hỏi thì biết ông An-Thanh đang ở nhà lao Kích-Chi.
Bảo-Liên vào nhà lao tìm ông An-Thanh. Ông An-Thanh cho biết là tôi đang lang thang trong nước Pháp để diễn trò, vì thế không đích xác tôi ở tỉnh nào. Nhưng thế nào cũng có ngày tôi tạt vào thăm các con ông. Vì thế ông An-Thanh đã viết thư cho tôi và gửi địa chỉ các con ông. Khi ở Mộc-Văn tôi không nhận được, chắc là thư đến chậm.
Tôi hỏi:
- Bảo-Liên có nói cho ông biết gia đình con thế nào không?
- Ông ta chỉ bảo rằng cha mẹ con dò hỏi sở Cảnh-sát ở Ba-Lê biết con đã bị bỏ rơi ở Đại lộ Bảo-Tương, và được một người thợ nề quê ở Văn-Ông tên là Bảo-Liên đem về nuôi. Cha mẹ con đến nhà ông ta tìm con nhưng không thấy. Cha mẹ con nhờ ông ta tìm giúp.
- Ông ta có nói tên cha mẹ con? Và có bảo cha mẹ con đâu không?
- Khi ta hỏi Bảo-Liên câu ấy thì ông ta bảo sau này sẽ nói kỹ. Ta có ý căn vặn, ông ta không chịu nói, ta biết ông muốn giữ kín sợ cái lợi sẽ bị chia xẻ. Vì ta có chút công nuôi con, ông sợ ta nhận phần chăng. Ta tức giận đuổi ông ta ra, từ đó không thấy ông ta trở lại nữa. Không ngờ ông ta lại chết thình lình như vậy. Thành ra, con tuy biết có cha có mẹ, chỉ vì lòng tham của Bảo-Liên, mà không biết cha mẹ là ai và ở chỗ nào.
Tôi cắt nghĩa cho ông nghe: tôi còn đôi chút hy vọng. Ông cũng tin chắc như thế mà nói:
- Vì cha mẹ con đã biết Bảo-Liên ở Văn-Ông, vì Bảo-Liên đã biết Phú-Lợi và tìm được ta, rồi thế nào người ta cũng tìm thấy con ở khách sạn Khang-An. Con cứ ở yên đó.
Những lời ông nói làm cho tôi yên trí và vui vẻ.
Xong tôi kể chuyện Lệ-Hoa, An-Sinh và chuyện tôi chết hụt trong mỏ cho ông nghe.
Ông nói:
- Thực là một nghề nguy hiểm! Thương hại cho An-Sinh! Giá được trồng hoa tử-la như xưa có phải sung sướng hơn không?
Tôi nói:
- Rồi cũng có ngày.
- Con ơi! Còn nhờ trời!
Lưỡi tôi ngứa ngáy chỉ muốn nói luôn rằng cha mẹ tôi sẽ can thiệp để chuộc ông ra. Song tôi dẹp được ngay, biết rằng không nên khoe trước những việc hay mà mình định làm. Tôi đành nói rằng ông cứ yên trí, mai kia ông sẽ được về sớm với các con ông.

Lúc tôi ra đường rồi, Mã-Tư bảo tôi:
- Trong khi chờ đợi ngày tốt đẹp đó, bây giờ ta không nên bỏ phí thì giờ và phải làm để kiếm tiền.
- Nếu chúng ta dùng ít thì giờ để kiếm tiền từ Văn-Ông đến Mộc-Văn, từ Mộc-Văn đến Ba-Lê, thì chúng ta đã đến Ba-Lê sớm hơn, may kịp gặp Bảo-Liên.
- Phải đấy. Tôi cũng nghĩ thế, anh không phải nói, tôi đã tự mắng tôi rất nhiều vì đã làm cho anh lỡ việc!
- Anh Mã-Tư ơi! Tôi có trách anh đâu. Không có anh thì làm gì có con búp-bê biếu Lệ-Hoa, không có anh thì bây giờ chúng ta phải đói mà lê trên vỉa hè Ba-Lê.
- Nếu anh coi ý kiến kiếm tiền của tôi hôm nọ là phải, thì bây giờ chúng ta thực hành theo lời tôi vừa nói. Vả lại chúng ta không còn có nghề gì hơn là đàn hát và diễn những bản trò có của chúng ta. Trong khi chờ đợi xe ngựa, chúng ta hãy cứ đi bằng chân đã. Ở Ba-Lê như ở nhà tôi, tôi biết hết những chỗ tốt, dễ kiếm tiền.
Thực vậy, anh biết hết những công trường, những tư gia, tiệm giải khát, là những nơi có nhiều quý khán giả. Tối đến trước khi đi ngủ, chúng tôi đếm tiền, lại được mười bốn phật-lăng. Lúc đó, tôi nằm và nghe lại câu nói của ông Vỹ-Tiên: “Của cải cứ đến cho những người không cần tiền”.
Dễ kiếm tiền! Chắc hẳn đó là một điềm hay báo cho ta biết mai mốt cha mẹ ta sẽ đến tìm.
Tôi tin tưởng như thế nên sáng hôm sau tôi định ở nhà đợi tin, nhưng Mã-Tư ép tôi phải ra phố hát và diễn trò, vì thế hôm đó lại được mười một phật-lăng.
Mã-Tư mừng rỡ nói:
- Nếu ta không được hưởng giầu có của cha mẹ, ta tự làm giầu lấy, như thế chẳng hay lắm sao!
Ba ngày trôi qua như thế và không xẩy ra sự gì mới lạ. Bà chủ tiệm vẫn cứ một câu ấy để trả lời chúng tôi:
- Không có ai đến hỏi Bảo-Liên cả, cũng không có thư cho các cậu hoặc cho Bảo-Liên.
Đến hôm thứ tư, bà ta đưa cho tôi một phong thư. Đó là thư của bà Bảo-Liên trả lời tôi, hay nói cho đúng, là thư bà đã nhờ người ta viết cho tôi vì bà không biết đọc và biết viết.
Bà nói bà đã nhận được tin buồn trước thư tôi. Trước ngày chồng bà mất, bà có nhận được một bức thư của ông Bảo-Liên, nay bà gửi cả lên cho tôi xem, may ra có ích gì không vì trong đó có nói đến gia đình tôi.

Mã-Tư kêu to:
- Nhanh lên! Nhanh lên! Chúng ta hãy xem thư của ông Bảo-Liên trước.
Tôi vừa bóc vừa cảm động, tay run run, tôi đọc:
"Gửi cho vợ tôi, bà Bảo-Liên,
Tôi hiện nay ở Nhà-Thương, ốm quá không thể dậy được. Nếu tôi còn sức thì tôi nói rõ tại sao tôi bị bệnh, nhưng việc đó không ích gì, tôi cần nói đến những việc cấp bách, nghĩa là nếu tôi không qua khỏi, bà viết thư ngay cho Sở Greth and Galley, Green Square Lincoln's Inn tại Luân-Đôn. Đấy là những luật gia phụ trách việc tìm Lê-Minh. Bà nói cho họ hiểu, chỉ có một mình bà là có thể cho họ biết đúng tin tức của đứa con, và bà cần đòi một số tiền xứng đáng. Số tiền đó bà sẽ dùng để an dưỡng tuổi già.
Muốn biết tin tức Lê-Minh, bà cứ biên thư hỏi người thợ trồng hoa tên là An-Thanh hiện ngồi tù nợ ở nhà lao Kích-Chi, Ba-Lê. Các thư từ nên nhờ Linh-Mục giúp cho vì việc này không nên tiết lộ cho người ngoài biết.
Nếu chưa nhận được tin tôi chết thì đừng làm gì cả.
Tôi hôn bà lần cuối cùng.
Bảo-Liên
Tôi chưa đọc hết chữ cuối của lá thư thì Mã-Tư đã nhẩy lên kêu:
- Đi Luân-Đôn! Chúng ta phải đi Luân-Đôn!
Tôi đang bị xúc động vì những lời trong thư, nên cứ nhìn Mã-Tư và không hiểu anh nói gì.
Anh nói tiếp:
- Thư của Bảo-Liên nói rằng những luật gia Anh phụ trách việc tìm anh, như vậy cha mẹ anh đích là người nước Anh rồi, phải không?
- Nhưng…
- Anh không thích là dân Anh?
- Tôi muốn là người Pháp, cùng một tổ quốc với Lệ-Hoa và các con ông An-Thanh.
- Còn tôi, tôi muốn anh là người nước Ý.
- Nếu tôi là người Anh, tôi sẽ đồng hương với An-Tuyên và bà Mỹ-Lưu.
- Còn phải "nếu" gì nữa? Chắc chắn anh là người nước Anh. Nếu cha mẹ anh là người Pháp, thì không khi nào lại nhờ những luật gia Anh tìm ở đất Pháp một đứa trẻ lạc? Vì anh là người nước Anh, cho nên chúng ta phải sang Anh-quốc. Đó là kế hay hơn hết để được gặp gia đình anh.
- Tôi viết thư cho những luật gia đó có được không?

- Để làm gì? Đến tận nơi mà nói có phải dễ hiểu hơn là thư không! Khi chúng ta mới đến Ba-Lê, chúng ta chỉ còn có 17 phật-lăng. Rồi chúng ta kiếm dần được 14, 11 và 9 phật-lăng. Tổng cộng 51 phật-lăng. Trừ các khoản chi là 8 phật-lăng, chúng ta còn 43 phật-lăng, thừa đủ để sang Luân-Đôn. Chúng ta sẽ đi Boulogne để xuống tàu thủy sang Luân-Đôn, phí tổn không mất mấy đâu.
- Anh đã đi Luân-Đôn bao giờ chưa?
- Tôi chưa đi bao giờ. Nhưng tôi có quen hai người bạn làm hề ở gánh xiếc Gát-Sô là người Anh. Họ thường nói chuyện với tôi về Kinh Thành Luân-Đôn và dạy tôi một ít tiếng Anh để nói chuyện riêng với nhau không cho người vợ chủ rạp, tò mò như mặt vọ, biết chúng tôi nói gì. Lắm khi chúng tôi nói tiếng Anh chế nhạo trước mặt mụ ta, không sợ mụ ta thù. Tôi sẽ đưa anh đi Luân-Đôn.
- Tôi cũng biết ít tiếng Anh do ông Vỹ-Tiên dạy tôi ngày xưa.
- Phải, nhưng đã ba năm nay, anh có thể quên rồi. Còn tôi, tôi vẫn nhớ, đấy rồi anh xem. Không phải tôi có thể giúp đỡ anh mà tôi còn cố theo anh sang Anh-quốc, còn một lý do nữa khiến tôi muốn sang Luân-Đôn với anh, tôi xin nói thực.
- Lý do gì?
- Nếu cha mẹ anh tìm thấy anh, ở Ba-Lê, anh, cha mẹ anh rất có thể từ chối không cho tôi theo về Anh. Còn như, một khi tôi ở đất Anh rồi, lúc đó chắc cha mẹ anh không nỡ bỏ tôi.
Ý tưởng đó của anh làm cho tôi chạnh lòng thay cho cha mẹ tôi. Nhưng nghĩ cho kỹ thì anh lo xa như vậy cũng không phải là vô lý. Tôi nghĩ nên đi Luân-Đôn với Mã-Tư. Tôi nói:
- Chúng ta đi đi!
- Anh bằng lòng chứ?
Trong hai phút, hành lý của chúng tôi đã sửa soạn xong, chúng tôi cùng nhau xuống gác. Bà chủ tiệm thấy chúng tôi sắp đi, liền nhún vai và kêu:
- Kìa công tử – tức là tôi – không đợi tin gia đình à? Nên ở lại thì hơn – khi tìm đến, gia đình cậu sẽ mừng thấy cậu được săn sóc tử tế ở đây.
Nhưng lời khéo nói đó cũng không làm chuyển lòng tôi. Sau khi trả xong tiền trọ, tôi bước ra định đến chỗ Mã-Tư và Lãnh-Nhi đang đợi tôi.
Bà chủ tiệm hỏi tôi:
- Còn địa chỉ?
Xét ra để địa chỉ có lợi, nên tôi ghi địa chỉ tôi vào cuốn sổ của bà. Bà kêu:

- Đi Luân-Đôn à? Hai trẻ con cùng nhau đi Luân-Đôn? Xa xôi quá và phải qua biển?
Trước khi lên đường đi Boulogne, chúng tôi phải vào chào ông An-Thanh.
Cuộc tạm biệt không buồn. Ông An-Thanh rất sung sướng được tin tôi sắp gặp gia đình. Tôi cũng vui vẻ hẹn ông rằng thế nào cha mẹ tôi và tôi cũng sẽ đến cảm ơn ông.
- Con ơi! Chúc con gặp nhiều may mắn. Nếu con không trở lại đây sớm được thì con viết thư cho ta.
- Thế nào con cũng đến.
Ngày hôm đó, chúng tôi đi một mạch đến Moisselles không nghỉ. Đêm đến, chúng tôi ngủ nhờ trong một cái trại vì phải dành tiền để đi tầu biển.
Vừa đi đường, Mã-Tư vừa dạy tôi tập nói tiếng Anh. Tôi rất băn khoăn không biết cha mẹ tôi có hiểu tiếng Pháp hay tiếng Ý không? Nếu cha mẹ tôi chỉ nói được tiếng Anh thôi thì chúng tôi hiểu nhau làm sao được? Nếu tôi có anh, chị em thì tôi nói chuyện làm sao? Nếu tôi không thể nói chuyện được với anh chị em tôi, khác nào tôi là một người ngoài! Nghĩ đến đó, tôi lại buồn.
Khi nghĩ đến ngày trở về ngôi nhà của cha mẹ, từ lúc rời Văn-Ông, tôi đã tưởng tượng một khung cảnh vui vẻ sum vầy, nhưng tôi không hề tính tới chỗ ngôn ngữ bất đồng nếu cha mẹ tôi không phải là người Pháp. Ở đời thường xẩy nhiều sự oái oăm.
Từ Ba-Lê đến Boulogne, chúng tôi phải đi mất 8 ngày, vì phải nghỉ lại ở những thành thị mà chúng tôi đi qua để hát và diễn trò.
Khi chúng tôi đến Boulogne, trong túi còn 32 phật-lăng, thừa tiền để đi tầu.
Vì Mã-Tư chưa từng thấy biển bao giờ nên chúng tôi dạo ngay ra bến chơi. Mã-Tư nhìn dám sương mù trên mặt biển thăm thẳm mãi đến tận chân trời, anh tặc lưỡi và kêu là cảnh biển xấu quá và buồn quá.
Một cuộc tranh luận nổi lên giữa hai chúng tôi. Tôi vẫn thường nói đến biển, cho biển là một cảnh ngoạn mục nhất, tôi bảo thủ ý kiến đó. Mã-Tư nói:
- Anh nói rằng biển đẹp có lẽ là khi nói nó xanh như là ở Cette, còn ở đây nước toàn một mầu vàng và lục, trên trời sắc xám, lại thêm nhiều đám mây đen, như thế sao gọi là đẹp được. Không những không đáng thưởng thức mà còn không buồn vượt qua nữa.
Mã-Tư và tôi, chúng tôi thường đồng ý nhau, hoặc anh hoan nghênh ý kiến tôi, hoặc tôi biểu đồng tình với anh. Nhưng lần này tôi cố cãi

và cho rằng mầu nước biển lục lẫn sương mù và mây đen trông rất ngoạn mục hơn một biển xanh dưới bầu trời xanh.
Mã-Tư nói:
- Anh nói như thế vì anh là người Anh-quốc, anh yêu cái biển xấu này vì nó là biển của xứ anh.
Tàu đi Luân-Đôn sẽ rời bến hôm sau hồi bốn giờ sáng. Khoảng ba giờ rưỡi, chúng tôi đã xuống tầu và tìm chỗ ngồi ở cạnh đống két hàng để tránh những ngọn gió bắc ẩm và lạnh. Dưới ánh sáng mấy ngọn đèn dầu tỏa khói, người ta chuyển hàng xuống tầu: tiếng ròng rọc kêu kin kít, tiếng két hàng va vào nhau lục đục ở dưới hầm tầu, tiếng thủy thủ gọi nhau ơi ới, đồng thời, hơi nước phùn phụt đưa lên những làn khói trắng theo chiều gió cuốn đi. Chợt tiếng chuông leng keng. Tức thì dây buộc tầu bỏ xuống. Con tầu từ từ rời bến.
Chúng tôi khởi hành, khởi hành về quê hương tôi. Tôi thường nói chuyện với Mã-Tư, không gì thú bằng du hành trên thuyền. Người ta lướt nhẹ nhàng trên mặt nước không biết mình đang đi, người ta thấy khoan khoái như sống trong cảnh thần tiên.
Đó là cái thú tôi từng được hưởng khi ở trong thuyền Thiên-Nga trên sông Nam. Nhưng biển không giống sông. Khi chúng tôi rời khỏi bến một lúc thì con tầu hình như chúi xuống biển rồi lại nhô lên, xong lại chúi sâu và nhô cao hơn nữa, cứ rập rờn như thế đến bốn năm lần. Lúc đó hơi nước phụt ở ống khói ra kêu như xé rồi lại tắt ngay. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe đập nước, khi bánh bên phải khi bánh bên trái tùy theo con tầu nghiêng ngả.
Mã-Tư nói:
- Cuộc trượt tuyết đẹp quá!
Tôi không thể trả lời Mã-Tư được vì tôi không hiểu sự lái tầu biển thế nào. Nhưng tầu lắc lư không cứ là do tay lái phải gối sóng mà còn do biển động nữa.
Tôi hỏi:
- Anh sao thế?
- Tầu tròng trành quá, tôi lộn cả ruột gan.
- Đó là anh say sóng.
- Tôi cũng nghĩ thế.
Lát sau anh chạy ra bám chặt vào cạnh tầu. Khốn nạn cho Mã-Tư, anh ốm rồi! Tôi liền ôm anh vào lòng, ép đầu anh vào ngực tôi nhưng anh cũng không đỡ. Anh rên rỉ, thỉnh thoảng anh lại vùng dậy, bước choạng vạng đến tỳ vào bao lơn. Lát sau anh lại lảo đảo trở vào, miệng lẩm bẩm:
- Cái biển này ác quá!

Trời đã sáng. Không có mặt trời. Một thứ ánh sáng nhợt chiếu xuống qua làn sương mờ. Trước mặt tôi xa xa đã trông thấy một dẫy bờ đá trăng trắng hiện ra. Lác đác có mấy chiếc tầu không buồm đứng im không động đậy.
Tầu chúng tôi đã bớt tròng trành, đi nhanh hơn và lướt trên làn nước gần phẳng lặng như ở sông con.
Chúng tôi không ở biển nữa. Hai bên xa xa những giải bờ xanh um lờ mờ trong đám sương mai: chúng tôi đã vào sông Ta-Mi.
Tôi bảo Mã-Tư:
- Tới nước Anh rồi!
Lãnh đạm với tin mừng đó, anh nằm sóng sượt trên sàn và đáp:
- Để cho tôi ngủ.
Tôi chịu sóng, không mệt nên không ngủ. Tôi đỡ anh nằm lại cho hẳn hoi rồi tôi trèo lên ngồi trên đống két hàng cao nhất. Lãnh-Nhi cũng theo lên nằm dưới chân tôi. Có lẽ nó đã cùng ông Vỹ-Tiên đi biển quen và biết nhiều hơn chúng tôi.
Ngồi chỗ đó, tôi nhìn được khắp sông: hai bên bờ, phía trước và phía sau. Bên phải là một bãi cát rộng, bọt nước đọng ở ven chân thành một đường viền trăng trắng. Bên trái mờ mờ như mặt biển, nhưng không phải, một lát sau bờ sông xanh xanh hiện ra và tôi nhìn rõ bãi bùn.
Giữa sông, một "đội thuyền" bỏ neo đậu, hơi nước tỏa lên như những đám mây. Những chiếc tầu dắt ở phía sau thi nhau nhả những cuộn khói đen. Biết cơ man nào là tầu! Cơ man nào là buồm! Tôi chưa bao giờ tưởng tượng có một con sông lắm tầu đến thế. Sông Ga-ron đã làm cho tôi lạ mắt, sông Ta-Mi lại làm cho tôi kinh dị hơn! Nhiều tầu sửa soạn để nhổ neo. Người ta thấy những thủy thủ leo trong đám cột bườm bằng những thang dây trông xa như là những tơ nhện.
Tầu chúng tôi vẫn tiến, để lại phía sau một luồng bọt trắng trên mặt nước vàng, trong đó nổi bập bềnh đủ thứ rác vụn: củi, gỗ, cành cây, xác loài vật trương phềnh, nút chai, cỏ úa. Thỉnh thoảng có những con chim cánh lớn sà xuống những tàn vật đó rồi bay lên, tiếng kêu oang oác, mỏ ngậm mồi ngon.
Sao Mã-Tư lại thích ngủ thế? Chẳng dậy mà xem; một cảnh lạ mắt vô cùng. Tầu càng tiến, cảnh càng kỳ hơn và đẹp hơn. Đây là những tầu buồm, tầu chạy bằng hơi nước, những tầu lớn ba buồm, những khí thuyền khổng lồ vừa ở ngoại quốc về, những thuyền chứa than đen sì, những thuyền chở cỏ khô lù lù như những đống rạ trôi trên mặt nước, những thùng tròn đủ các màu trắng, đen, đỏ nổi lềnh bềnh

và xoay tròn trên mặt nước. Còn ở hai bên bờ, nhà cửa hiện ra rõ ràng, nhà nào cũng quét sơn diêm dúa; những đồng cỏ xanh, những chòm cây sao, những đầu tàu nhô ra đến bãi bùn, những cột sơn, những dấu hiệu về nước thủy triều.
Tôi đứng rất lâu, yên lặng ngắm nhìn.
Chỗ này, trên hai bờ sông Ta-Mi, nhà cửa san sát thành dẫy dài đỏ ối. Trời tối lại. Khói và sương mù hòa trộn với nhau. Chợt ở giữa những cây đồng, ở giữa những loài vật đang ăn trong ruộng cỏ, một rừng cột buồm đâm lên tua tủa: tầu đi trong cánh đồng!
Không chịu nổi cảnh lạ đó, tôi nhẩy xuống đánh thức Mã-Tư dậy. Anh đã khỏi đau và không cáu nữa. Tôi bảo anh cùng leo lên đống két xem tầu. Anh lóa cả mắt và dụi mãi để nhìn cho rõ. Thì ra ở trong cánh đồng đó, những con sông đổ ra sông Ta-Mi, những con sông đó cũng ăm ắp những tầu thuyền.
Sương mù và khói mỗi lúc thấy dầy thêm. Thỉnh thoảng có chỗ hở mới nhìn được xa. Càng đi sâu vào, chúng tôi càng nhìn không rõ. Sau cùng, con tầu chạy từ từ rồi tắt máy hẳn. Dây tầu quăng lên bến: chúng tôi đã đến Luân-Đôn. Chúng tôi lên bến giữa đám đông người chòng chọc nhìn chúng tôi và không nói gì.
Bây giờ là lúc Mã-Tư phải dùng đến tiếng Anh đây. Anh không ngần ngại gì, mũ cầm tay đến gần một ông râu đỏ lễ phép hỏi đường đến Thanh-Viên (Green square).
Thấy anh cắt nghĩa mãi cho ông kia nghe và ông kia bảo anh nói lại một vài tiếng, tôi giữ vẻ tự nhiên, không để ý đến sự lúng túng của anh. Lát sau anh trở lại.
Anh nói:
- Dễ lắm, ta cứ đi dọc bờ sông, theo bến tầu thì đến nơi. Nhưng ở Luân-Đôn không có bến – nói hồi tôi qua đó – nhà cửa làm ra sát bờ sông. Chúng tôi đi theo những phố ven bờ sông.
Những phố đó tối tăm và lầy lội. Trên đường xe cộ đã đông lại thêm những két, những bao, những kiện hàng để ngổn ngang làm cho chúng tôi khó tìm lối để lên, mà đi mãi không hết.
Tôi vừa đi vừa cầm dây dắt Lãnh-Nhi, nó lon ton chạy theo. Mới có một giờ chiều mà các cửa hàng đều thắp đèn “gaz” sáng chói.
Chúng tôi cứ đi. Thỉnh thoảng Mã-Tư lại dừng lại hỏi khách qua đường xem “Lincoln’s Inn” còn xa hay gần. Rồi anh quay lại bảo chúng tôi cứ đi thẳng và phải qua một cửa cuốn chắn ngang. Tôi lấy làm lạ và nghĩ thầm có lẽ anh nghe nhầm.
Nhưng anh không nhầm. Chúng tôi tới một cửa cuốn rất cao cất ngang đường cái, hai bên có hai cửa con: đó là Temple Bar. Chúng

tôi lại hỏi đường, người ta bảo rẽ sang bên phải. Chúng tôi không ở trong một phố huyên náo và tấp nập nữa. Chúng tôi vào những phố hẹp và vắng, ngang dọc như bàn cờ. Chúng tôi đi quanh co tưởng chừng như xoay tròn trong một mạng nhện.
Một lúc sau, chúng tôi đang lúng túng, chợt trông thấy phía trước có một nghĩa trang, trong có rất nhiều nấm mồ, những phiến đá nổi lên đen sì như ám khói hay quét hắc ín: đó là Thanh-Viên.
Một bóng người đi qua, Mã-Tư chạy theo hỏi. Tôi đứng dừng lại để giữ cho tim khỏi đập mạnh. Tôi không thở được nữa và phát run lên.
Rồi Mã-Tư giục tôi đi. Chúng tôi đứng trước một biển đồng và đọc: Phòng Cố vấn Pháp luật “Greth and Galley”. Mã-Tư lại gần và kéo chuông.
Tôi vội giữ tay anh lại.
Mã-Tư hỏi tôi:
- Anh đau hay sao? Trông anh xám người như thế?
- Đợi tôi một chút để tôi trấn tĩnh lại.
Anh kéo chuông và chúng tôi được vào. Lúc đó tôi bối rối quá, không nhìn rõ xung quanh tôi. Hình như chúng tôi đang ở một văn phòng, có hai hay ba người cúi xuống bàn và đang viết dưới ánh sáng những ngọn đèn “gaz” vừa cháy vừa reo vo vo.
Mã-Tư đến bên cạnh một người ngồi bàn đó và hỏi thay tôi. Trong câu anh hỏi, tôi nghe thấy lộn đi lộn lại mãi những tiếng familly, boy, Barberin, tôi hiểu anh muốn nói tôi là đứa con mà gia đình tôi đã nhờ ông Bảo-Liên đi tìm. Tên Bảo-Liên vừa nói lên như có hiệu quả ngay. Người ta nhìn tôi. Rồi người vừa tiếp Mã-Tư đứng dậy mở cửa đưa chúng tôi sang phòng bên cạnh. Phòng này xếp toàn những sách và các tập giấy cao. Một ông chững chạc ngồi ở bàn giấy. Một ông nữa vận áo đen đội tóc giả, tay cầm những cái túi xanh đang nói chuyện với ông kia.
Người dẫn chúng tôi vào giới thiệu bằng mấy câu vắn tắt. Lúc đó, cả hai ông nhìn chúng tôi suốt từ đầu xuống chân.
Ông ngồi giữa bàn giấy hỏi tôi bằng tiếng Pháp:
- Trong hai người, ai là đứa con được Bảo-Liên nuôi?
Nghe câu hỏi tiếng Pháp, tôi vững dạ và tiến lại nói:
- Thưa ông, tôi.
- Bảo-Liên đâu?
- Ông ta chết rồi!
Hai ông đều đưa mắt nhìn nhau, không nói gì. Rồi ông mặc áo đen xách chùm túi ra.
Ông hỏi tôi lúc đầu, lại hỏi thêm:

- Các em đến đây bằng cách gì?
- Chúng tôi đi bộ đến bến Boulogne. Từ Boulogne sang Luân-Đôn đi đường biển. Chúng tôi vừa ở dưới tầu lên.
- Bảo-Liên đã cho các em tiền lộ phí đấy chứ?
- Chúng tôi không gặp mặt Bảo-Liên.
- Thế tại sao các em biết đây mà đến.?
Tôi liền kể lại chuyện về Ba-Lê cho ông nghe. Rồi hết sức nói vắn tắt, cố mau cho xong để hỏi tin tức gia đình tôi. Nhưng tôi không có thì giờ.
Ông ta bắt tôi kể lại từ đầu. Tôi được Bảo-Liên đem về nuôi thế nào, tôi bị bán cho ông Vỹ-Tiên thế nào, rồi Vỹ-Tiên mất, tôi được gia đình ông An-Thanh nuôi làm sao, và sau khi ông An-Thanh bị tù nợ, tôi lại trở về nghề cũ như thế nào. Tôi kể đến đâu thì ông ta biên vào sổ đến đấy, và ông ta cứ cau mặt nhìn tôi, làm tôi khó chịu quá. Mặt ông ta trông khắc nghiệt và cái cười có vẻ giảo quyệt.
Nghe tôi nói xong, ông ta cầm quản bút chĩa chiếc ngòi nhọn về phía Mã-Tư như muốn phóng một mũi tên và hỏi tôi.
- Em này là thế nào?
- Một người bạn thân, một người em trai.
- Tốt lắm. Gặp nhau ở dọc đường, phải không?
- Nhưng rất thương yêu nhau.
- Tôi không nghi ngờ điều đó.
Bây giờ đến lượt tôi hỏi ông ta, vì từ nãy giờ ông ta cứ áp chế tôi.
- Thưa ông, gia đình tôi ở nước Anh?
- Hẳn thế, gia đình em hiện ở Luân-Đôn.
- Tôi có thể thăm gia đình tôi?
- Trong giây lát, em sẽ gặp gia đình, tôi sai người đưa em đến.
Ông ta bấm chuông gọi.
- Thưa ông, tôi xin hỏi một câu nữa, tôi còn cha chứ?
- Không những còn cha, có cả mẹ, có cả em trai, em gái.
- A!
Tôi cảm xúc quá, không nói lên được. Bỗng cánh cửa mở, tôi nhìn Mã-Tư, hai hàng nước mắt tôi cứ chảy ra.
Ông ta bảo người vừa vào bằng tiếng Anh, tôi đoán là ông ta sai đưa chúng tôi đi.
Tôi đứng dậy.
Ông nói thêm:
- A! Tôi quên: Họ em là Điệp-Công, cha em tên là Điệp-Công-Tích.
Mặc dầu trông ông ta khắc nghiệt, tôi muốn chạy đến hôn ông ta nếu

có đủ thì giờ, nhưng ông ta chỉ tay ra cửa giục chúng tôi đi.
Chúng tôi liền ra.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXIV
GIA ĐÌNH ĐIỆP CÔNG

Viên thư ký Phòng Cố vấn Pháp luật đưa chúng tôi về nhà cha mẹ tôi là một ông già da mặt nhăn nheo, mặc áo đen bạc màu, đeo cà vạt trắng. Khi chúng tôi ra đường, ông ta xoa hai bàn tay vào nhau, bẻ những đốt ngón tay và cổ tay kêu lắc cắc và vung chân cho rãn gân, mạnh quá như người muốn quẳng đôi giầy vẹt gót đi. Ông ta nghếch mũi lên trời hít mạnh hơi sương nhiều lần, lấy làm khoan khoái như người mới ở trong nhà giam ra.
Mã-Tư nói với tôi bằng tiếng Ý:
- Ông này hít hơi sương thấy thơm chăng?
Ông ta nhìn chúng tôi, không nói gì. Ông ta kêu "sùy! Sùy!" như giục những con chó săn phải đi liền chủ, kẻo lạc.
Không mấy lúc chúng tôi đã đến một phố lớn đầy xe cộ. Ông ta gọi một cái xe ngựa. Chiếc xe này hơi lạ, là người đánh xe không ngồi ở trước xe mà ngồi ngất ngưỡng ở ngoài trời trên chiếc ghế cao sau mui xe. Mãi về sau này, tôi mới biết thứ xe ngựa đó gọi là xe "cáp"
Ông ta bảo chúng tôi lên xe, phía trước không có cửa. Qua cái lỗ sổ ở sau mui, ông ta nói chuyện với người đánh xe. Tôi nghe ông ta nói nhiều lần tên "Bethnal Green" (Thanh-Lâm), tôi đoán là tên phố cha mẹ tôi ở. Tôi biết tiếng Anh "Green" nghĩa màu xanh lá cây, tôi tưởng tượng phố đó chắc có nhiều cây cao bóng cả, râm mát và xinh đẹp lắm.
Phố đó có lẽ không giống như những phố khổ ở Luân-Đôn vừa tối vừa buồn mà chúng tôi đã đi qua khi mới đến. Nhà cha mẹ tôi có lẽ là một tòa lâu đài tráng lệ trong một thành phố lớn, chung quanh có cây to.
Cuộc cãi cọ của viên thư ký đưa chúng tôi đi với người đánh xe diễn ra khá lâu. Khi người này so vai ghé ra cửa sổ để cắt nghĩa, khi người kia muốn nhảy xuống ghế chui vào cửa sổ con để trả lời là mình không hiểu gì về điều người nọ hỏi.
Mã-Tư và tôi chụm vào một góc, con Lãnh-Nhi ngồi rúc dưới chân

chúng tôi. Nghe hai người cãi nhau, tôi rất lấy làm lạ: một người đánh xe ở Luân-Đôn lại không biết đến một nơi danh tiếng như Bethnal Green: có lẽ ở Luân-Đôn có nhiều "khu phố xanh"? Cũng là một sự lạ vì cái Thanh-Viên chúng tôi vừa đi qua lúc đầu chẳng khác chi đám mồ hóng.
Chúng tôi đi qua các phố lớn rồi đến các phố hẹp rồi lại ra các phố lớn, nhưng chẳng thấy gì ở hai bên vì sương xuống dầy quá. Khí trời bắt đầu lạnh. Chúng tôi thấy khó thở. Nói "chúng tôi" là trỏ Mã-Tư và tôi, chứ còn ông thư ký hướng đạo chúng tôi trái lại nghe chừng khoái lắm, vì ông ta ngửa mũi, há mồm hít vào từng hít dài cái không khí đầy hơi nước đó như muốn trữ rất nhiều trong buồng phổi lâu nay khô khát. Rồi thỉnh thoảng ông lại bẻ ngón tay răng rắc và vươn dài đôi chân mỏi. Phải chăng đã nhiều năm ông bị câu thúc không được cử động và hô hấp.
Chỉ trong lát nữa hay vài giây nữa, tôi sẽ được gặp cha mẹ và các em tôi. Lòng tôi hồi hộp vô cùng, nhưng tôi cũng cố nhìn thành phố mà tôi đang đi qua vì đó chính là thành phố của tôi, quê hương của tôi.
Nhưng ngoài những ngọn đèn gaz bên đường phố le lói trong sương mù hay những đèn xe chập chờn trước mặt, chúng tôi không trông thấy hay chẳng nhìn thấy gì. Thỉnh thoảng chúng tôi dừng phắt lại để tránh những người qua đường không nhìn thấy xe chúng tôi.
Chúng tôi đi mãi, từ Phòng Cố vấn Pháp luật đến đây nghe chừng đã lâu rồi mà chưa tới nơi. Tôi đoán có lẽ gia đình tôi ở ngoại thành hoặc ở nhà quê và có lẽ chúng tôi sắp rời thành phố để ra miền thôn dã.
Mã-Tư và tôi cầm tay nhau; nghĩ đến lúc sắp về đến nhà tôi, tôi tự nhiên siết chặt tay Mã-Tư, như truyền cái tình thân ái sang anh, một mối tình không những nồng nàn trong lúc này mà cái thắm thiết mãi mãi. Nhưng đáng lẽ ra cánh đồng, thì lại rẽ vào một ngõ hẻm và chúng tôi nghe thấy tiếng còi xe lửa.
Tôi nhờ Mã-Tư hỏi ông dẫn đạo sắp đến nơi chưa thì câu trả lời đã làm cho tôi thất vọng: Ông thư ký bảo ông không rõ lắm vì ông chưa từng bước tới khu "ăn cắp" này. Chắc là Mã-Tư nhầm vì không hiểu câu ông thư ký trả lời. Nhưng Mã-Tư quả quyết rằng "thieves" ông thư ký nói có nghĩa là "ăn cắp, ăn trộm", đúng thế không sai. Tôi buồn quá. Nhưng tôi tự nghĩ ông thư ký vào hẻm này sợ trộm cướp cũng phải, chứ tiếng "Green" (là xanh) ở sau tiếng "Bethnal" phải là phố có cây cối hoặc là nơi có đồng cỏ. Tôi liền đem ý đó nói cho Mã-Tư nghe. Hai anh em cười rũ cho là ông thư ký nhát quá. Những

người không bước chân ra ngoài thành phố thường ngốc!
Nhưng không có dấu hiệu gì báo là sắp ra cánh đồng. Vậy Anh-quốc chỉ là một thành phố lắm đá và lắm bùn mà người ta gọi là Luân-Đôn à? Lớp bùn đó ngập bánh xe chúng tôi, bắn cả vào người ngồi trong xe từng mảng lớn, đen sì. Từ nãy đến giờ một mùi ngai ngái bao bọc chúng tôi. Đúng là một hẻm bẩn thỉu nhất, tồi tàn nhất mà chúng tôi phải đi qua để ra cánh đồng Bethnal Green. Bỗng nhiên thấy xe như quay tròn rồi thỉnh thoảng người đánh xe đi chậm lại và ngần ngại hình như không biết đấy là chỗ nào. Tự nhiên xe dừng lại, lỗ sổ sau xe vạch ra.
Một cuộc nói chuyện hay đúng hơn, một cuộc đấu khẩu bắt đầu. Mã-Tư thông ngôn cho tôi biết rằng người đánh xe không muốn đi xa hơn nữa vì hắn không biết lối. Hắn hỏi viên thư ký là phải đi lối nào, viên thư ký cứ một mực nói là mình không hề đặt chân đến "ngõ ăn cắp" này. Tôi lại nghe thấy tiếng "thieves". Chắc không phải là Bethnal Green. Hai người cứ cãi nhau qua lỗ sổ.
Cuối cùng, viên thư ký trả tiền rồi xuống xe mặc người đánh xe lẩm bẩm. Một lần nữa, viên thư ký lại "sùy! Sùy!". Hiểu ý, chúng tôi nhẩy cả xuống.
Chúng tôi ở giữa một ngõ lội lặm đầy sương mù. Gần đó có một cửa hàng sáng choang. Ngọn đèn gaz do những gương, những đồ sơn kim nhũ, những chai thủy tinh phản chiếu ánh sáng ra đến ngoài đường tới rãnh nước. Đó là một tiệm giải khát, ở đấy người ta bán đủ thứ rượu nhất là rượu mạnh.
Viên thư ký "sùy! Sùy!", chúng tôi theo ông ta vào tiệm. Trước chúng tôi tưởng ngõ này là một ngõ khốn nạn. Chúng tôi đã nhầm. Chưa bao giờ, tôi thấy một hiệu lộng lẫy như thế. Chỗ nào cũng gương lóng lánh, có kim nhũ vàng ối, bàn bán hàng mạ bạc bóng loáng. Tuy nhiên những khách đứng ở trước bàn, người thì dựa vào tường, người thì tỳ vào thùng rượu, đều ăn mặc rách rưới. Một vài người không đi giầy, bàn chân họ đã lội bùn trông đen bóng như những đôi giầy mới quét xi chưa khô. Viên thư ký của chúng tôi đến cạnh bàn mạ bạc hỏi mua một cốc rượu thơm. Ông ta hớp một hơi dài như kiểu ông ta vừa hít khí trời ban nãy. Ông ta nói chuyện với người đàn ông bán hàng mặc sơ-mi cụt tay. Tôi không cần hỏi Mã-Tư, cũng biết ngay là ông ta hỏi đường đi.
Ông ta trở ra. Chúng tôi lại theo chân ông ta. Ngõ ngày càng hẹp dần. Vì thế mặc dầu sương xanh như khói, chúng tôi nhìn rõ những nhà cửa ở hai bên lối đi. Trên đầu chúng tôi, có những sợi dây mắc ngang từ nhà nọ sang nhà kia, thỉnh thoảng lại trông thấy những

quần áo cũ rách vắt trên các dây đó.
Chúng tôi đi đâu bây giờ? Tôi bắt đầu buồn… chốc chốc Mã-Tư lại nhìn tôi. Nhưng anh không hỏi gì.
Từ ngõ này, chúng tôi lại rẽ sang một ngõ khác, đi qua một cái sân rồi lại vào một ngõ nữa. Nhà cửa trông tồi tàn hơn là những nhà cửa ở những làng tồi tàn nhất nước Pháp. Nhiều nhà lụp xụp, đóng bằng ván gỗ trông như cái lều chứa xe hay cái chuồng ngựa. Nhưng chính là những nhà để ở, đàn bà và trẻ con lúc nhúc trên ngưỡng cửa. Một vài nhà thắp đèn. Tôi nhìn thấy những đàn bà người nào cũng xanh xao, tóc rối xõa xuống vai, trẻ con đứa thì cởi trần, đứa thì đeo những đồ rách. Thỉnh thoảng lại trông thấy những con lợn thả rông đang chúi mõm trong rãnh nước tù, mùi xông lên rất khó chịu.
Ông dẫn đạo tự nhiên đứng dừng lại. Đích là ông lạc lối. May sao lúc đó có một người vận áo dạ xanh, đội mũ dạ, trên cổ tay áo đính lon đen và trắng, ngang lưng đeo bao da, đi đến phía chúng tôi: đó là Cảnh-sát.
Hai người nói chuyện, xong người Cảnh-sát đi trước, chúng tôi theo sau. Chúng tôi qua những ngõ, những sân, những hẻm quanh co như rắn lượn và nhìn đây đó có những nhà xiêu nát như sắp đổ. Sau cùng, chúng tôi đến một bãi đất, giữa có cái ao con.
Người Cảnh-sát nói:
- “Red lion court”.
Tiếng này tôi đã nghe nói đến nhiều lần. Mã-Tư bảo tôi:
- Bãi Hồng-Sư (sư tử đỏ).
Sao lại dừng lại ở đây? Lẽ nào đã đến Bethnal Green? Lẽ nào cha mẹ tôi ở đây? Thế thì…
Tôi đang mãi nghĩ, thấy người Cảnh-sát đến gõ cửa một căn nhà nhỏ vách gỗ giống như những nhà để chứa đồ. Xong ông ta quay ra, nhận lời cảm ơn của ông dẫn đạo chúng tôi rồi đi. Phải chăng chúng tôi đã tới nơi?
Mã-Tư vẫn cầm tay tôi. Anh liền nắm chặt bàn tay tôi, có cũng nắm chặt lại tay anh. Chúng tôi đã hiểu nhau. Cái buồn của tôi là cái buồn của anh.
Tôi bối rối không biết cánh cửa nhà đó đã mở ra lúc nào – khi tôi vào căn phòng đó có đèn sáng và than cháy trong lò, tôi mới định thần lại. Trong chiếc ghế bành bằng mây kê ở cạnh lò sưởi, có một cụ già râu bạc, đầu đội mũ len che cả tai. Ở hai bên cạnh bàn, một người đàn ông và một người đàn bà ngồi đối diện nhau. Người đàn ông độ bốn mươi tuổi, mặc áo nhung xám nét mặt thông minh nhưng hơi dữ; người đàn bà trẻ hơn độ năm sáu tuổi, tóc buông xuống chiếc khăn

san kẻ ô đen và trắng buộc chung quanh vai. Gương mặt bà còn in lại những nét đẹp đã tàn. Vẻ lãnh đạm hiện ra trên đôi mắt lờ đờ và trong cử chỉ ơ hờ ẻo lả. Trong phòng, bốn đứa trẻ hai trai và hai gái, tóc đều đỏ như màu tóc của mẹ, người con trai lớn nhất trạc mười một, mười hai tuổi, người con gái út độ lên ba đang chập chững đi. Vừa bước chân vào, hình ảnh trên đã thoáng in vào mắt tôi. Khi đó ông thư ký xì xồ bảo tôi.
Ông ta nói gì? Tôi không nghe rõ mà cũng không hiểu gì. Chỉ có tiếng "Điệp-Công" đập vào tai tôi thôi.
Mọi con mắt đều chĩa về phía Mã-Tư và tôi, cả con mắt ông già ngồi không cử động ở ghế. Duy có đứa con gái út chú ý nhìn Lãnh-Nhi.
Người đàn ông mặc áo nhung xám hỏi bằng tiếng Pháp:
- Trong hai người, ai là Lê-Minh?
Tôi chạy lên và thưa:
- Con.
- Thế thì con lại hôn cha đi.
Trước kia, tôi nghĩ lúc gặp gia đình tôi, có lẽ tôi mừng nhẩy vào cánh tay cha mẹ tôi. Nhưng lúc này, tôi không thấy cái mừng đó. Tuy nhiên tôi vẫn tiến lại hôn cha tôi.
Xong cha tôi giới thiệu:
- Đây ông con, mẹ con, và các em con.
- Bắt tay ông con đi, bắt nhẹ chứ, ông con bị bệnh tê liệt đấy.
Bắt tay ông tôi xong, tôi lại bắt tay các em tôi. Tôi muốn bế em bé nhưng em mãi chơi với Lãnh-Nhi, đẩy tôi ra.
Trong khi tôi đi trình diện từ người này đến người khác, tôi cảm thấy bực mình. Thế ra tôi không cảm thấy cái vui sum họp hay sao? Tôi có cha có mẹ, có em trai, có em gái, có ông, tôi được đoàn viên mà lòng tôi thấy nhạt nhẽo. Tôi đã âm ỉ chờ đợi giờ phút này, tôi đã sung sướng điên người khi nghĩ đến lúc gặp gia đình yêu dấu, thế mà bây giờ tôi thẫn thờ, nhìn hết người nọ đến người kia, lòng tôi trống rỗng, không có một câu thương yêu gì để thổ lộ. Tôi là một con quái vật hay sao? Tôi không xứng đáng có một gia đình hay sao?
Nếu tôi tìm thấy cha mẹ tôi ở một tòa lâu đài tráng lệ, tôi có tỏ hết tình yêu thương nung nấu trong lòng tôi bấy lâu không? Mà bây giờ gặp gia đình ở dưới mái tranh nghèo nàn này, sao tôi lại không đem lòng yêu thương đó đối với cha mẹ tôi?
Ý nghĩ đó làm tôi xấu hổ. Tôi liền lại trước mẹ tôi, tôi quấn quít và hôn mẹ tôi để tỏ lòng hiếu nghĩa của đứa con rơi. Nhưng có lẽ mẹ tôi không nghĩ đến nỗi lòng của tôi, nên đáng lẽ hôn trả tôi, mẹ tôi lạnh lùng nhìn tôi rồi hơi nhún vai quay về phía cha tôi nói những tiếng gì

tôi không hiểu, nhưng cha tôi phì cười lên. Vẻ lãnh đạm kia và cái cười nọ làm tôi tan nát tim gan.
Tôi đang buồn bã, chợt cha tôi chỉ vào Mã-Tư và hỏi:
- Em này là thế nào?
Tôi cắt nghĩa cho cha tôi hay. Mã-Tư không những là người bạn đối với tôi không khác chi tình ruột thịt mà tôi còn chịu ơn anh rất nhiều.
Cha tôi bảo:
- Tốt lắm. Em muốn về chơi với con?
Tôi chưa kịp trả lời thì Mã-Tư đã đáp:
- Thưa ông, đúng thế.
Cha tôi hỏi:
- Thế còn Bảo-Liên? Sao ông ta không đến?
- Ông ấy chết rồi.
Tôi liền kể lại khi chúng tôi về Văn-Ông thăm bà Bảo-Liên, bà có cho biết là cha mẹ đang tìm tôi. Chúng tôi vội trở về Ba-Lê để gặp ông Bảo-Liên thì không may ông vừa mới mất.
Cha tôi liền dịch ra tiếng Anh cho mẹ tôi nghe. Mẹ tôi trả lời là "tốt", "hay lắm" vì tôi nghe nhiều lần có tiếng well và tiếng good mà tôi hiểu. Tại sao cái chết của Bảo-Liên lại tốt và hay lắm: Tôi nghĩ mãi không tìm ra lý do.
Cha tôi hỏi tôi:
- Con không biết tiếng Anh à?
- Không. Con chỉ nói tiếng Pháp và biết tiếng Ý do một ông thầy diễn trò dạy con.
- Tên ông ta là Vỹ-Tiên?
- Cha có biết…
- Bảo-Liên có nhắc đến tên ông ấy khi ta sang Pháp tìm con. Chắc con lấy làm lạ sao trong 13 năm trời cha không tìm con, bỗng tự nhiên cha lại đi kiếm Bảo-Liên?
- Thưa cha, vâng, con thực lấy làm lạ.
- Con hãy lại ngồi gần lò sưởi, ta sẽ kể cho con nghe.
Cái đàn của tôi lúc mới vào tôi dựa ở chân vách. Bây giờ tôi tháo cái túi đeo ở vai tôi ra và đến ngồi chỗ cha tôi vừa chỉ.
Nhưng khi tôi vừa duỗi chân tôi ra gần lửa, ông tôi liền nhổ bọt về phía tôi và không nói gì, coi bộ như con mèo đang nổi giận. Tôi hiểu ngay là tôi đã chắn chỗ ông tôi, nên tôi rụt chân lại.
Cha tôi nói:
- Kệ ông già, ông ấy không thích người ta ngồi ở cạnh lò sưởi của ông ấy. Nhưng nếu con có rét, cứ việc sưởi. Không cần chú trọng đến ông ấy.

Tôi ngạc nhiên khi nghe cách đối xử với một ông già đầu bạc như thế. Tôi nghĩ trong nhà này, nếu có người được chú trọng thì chính là ông già ấy, người ta phải chú trọng trước nhất. Tôi liền co chân tôi vào dưới ghế tựa.
Cha tôi kể tiếp:
- Con là đứa con đầu lòng của ta. Ta kết duyên với mẹ con được một năm thì con ra đời. Khi cha cưới mẹ con, có một người thiếu nữ vẫn muốn lấy ta liền đem lòng thù oán và coi mẹ con là một tình địch không đội trời chung. Khi con được sáu tháng, thiếu nữ độc ác đó liền bắt trộm con đem sang Pháp và bỏ con ở phố thành Ba-Lê. Cha sai người tìm kiếm con khắp nơi nhưng không thấy gì. Ta không sang đến Pháp vì đâu biết họ lại đem con đi xa thế. Cha đinh ninh rằng thế là con biệt tích hay là con đã chết rồi. Bỗng cách đây ba tháng, người đàn bà nói trên bị bệnh trầm trọng, lúc hấp hối mới thú sự thực. Cha sang ngay Pháp, tìm đến sở cảnh-sát khu phố con bị bỏ rơi. Ở đó người ta cho biết một người thợ nề đã rước con về nuôi. Cha đi luôn Văn-Ông. Bảo-Liên nói rằng đã cho con đi ở với ông Vỹ-Tiên, một nghệ sĩ hát rong. Vì cha không thể ở lâu bên Pháp được nên đã đưa tiền và nhờ Bảo-Liên đi tìm con. Khi nào thấy thì cứ giao dịch với Phòng Cố vấn Pháp luật Greth and Galley cho tiện. Cha không để địa chỉ ở đây vì ta chỉ có mặt ở Luân-Đôn trong mùa đông thôi. Các mùa khác cha đi buôn hàng rong ở các nơi trong nước Anh và ở xứ Tô-Cách-Lan nữa. Khi đó cả gia đình đều cùng đi với xe hàng. Con ơi! Thế là cha đã tìm thấy con và sau 13 năm lưu lạc, con đã được trở về với gia đình. Cha biết rằng con hãy còn bỡ ngỡ, e sợ vì con lạ cả mọi người, con lại không nghe được tiếng cha mẹ nói và con cũng không nói cho cha mẹ hiểu được. Nhưng rồi cũng quen đi. Ta rất mong cho con chóng quen đi.
Phải lắm. Tôi sẽ quen đi. Cố nhiên tôi phải quen vì tôi ở trong gia đình tôi, những người tôi chung sống là cha mẹ, là các em tôi. Những cái tã đẹp đã không nói thực. Đó là tai hại cho bà Bảo-Liên, cho Lệ-Hoa, cho ông An-Thanh, cho tất cả những người đã cưu mang tôi. Tôi không thể thực hiện được những điều tôi mơ tưởng, vì những người lái buôn rong, nhất là những người ấy ở trong một căn nhà lụp xụp, thì làm gì có nhiều tiền. Nhưng về phần tôi, cái đó có hề gì. Miễn là tôi có một gia đình và theo cái sở ước ngây thơ của tôi thì tiền cũng không bằng người mẹ. Tình thương hơn là châu báu. Tôi không thiết tiền, tôi khao khát một tình mẫu tử.
Trong khi tôi chăm chú nghe cha tôi kể chuyện, người ta đã đặt bát đĩa lên bàn, giữa bày một miếng thịt bò bỏ lò to với những khoanh

khoai tây đặt chung quanh.
Cha tôi hỏi Mã-Tư và tôi:
- Các con có đói không?
Mã-Tư nhe răng để trả lời.
Cha tôi bảo:
- Ta vào bàn ăn đi!
Trước khi ăn, cha tôi đẩy ghế ông già lại sát cạnh bàn. Rồi cha tôi ngồi quay lưng vào lò sưởi, cầm dao thái thịt bò và tiếp chúng tôi mỗi người một khoanh thịt lớn với khoai tây nữa. Mặc dầu tôi không được nuôi nấng trong khuôn phép, hay nói cho đúng là không được giáo dục bao giờ, tôi cũng nhận thấy lạ khi các em tôi đều ăn bốc hoặc chấm ngón tay vào nước mắm rồi mút mà cha mẹ tôi có lẽ coi là thường nên không nói gì. Còn ông tôi, hai mắt chỉ để vào đĩa ăn, và một tay cứ luôn luôn đi lại từ đĩa đến mồm. Tay ông tôi run run, lỡ khi đánh rơi miếng gì thì các em tôi lại cười khúc khích. Ăn xong, tôi tưởng còn được ngồi chơi chung quanh lò sưởi. Nhưng cha tôi bảo chúng tôi đi ngủ vì cha tôi còn bận đợi mấy người bạn. Rồi cha tôi xách một cái đèn đưa chúng tôi sang một căn nhà khác cạnh gian chúng tôi vừa ngồi ăn. Ở đó có hai cái xe ngựa lớn vẫn dùng để chở hàng. Cha tôi mở cửa xe, chúng tôi nhìn thấy cái giường hai tầng.
Cha tôi nói:
- Giường các con đấy. Ngủ cho ngon giấc!
Đó là tất cả cuộc đón tiếp tôi về với gia đình, gia đình Điệp-Công.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXV
CHA MẸ PHẢI TÔN THỜ

Cha tôi đóng cửa xe lại, treo đèn ngoài hiên rồi ra. Chúng tôi chỉ còn có việc ngủ. Chúng tôi sửa soạn để ngủ ngay, không nói chuyện với nhau như mọi tối và cũng không phô bày cảm tưởng về cái ngày đáng ghi nhớ đó.
Mã-Tư chúc tôi:
- Anh Minh, ngủ cho khỏe!
Tôi chúc anh:
- Anh Mã-Tư, ngủ ngon!
Mã-Tư không buồn nói. Tôi cũng chẳng nói và rất thích anh im lặng.

Nhưng không nói chuyện không phải là buồn ngủ. Đèn ngoài hiên đã tắt, tôi không sao nhắm mắt được. Tôi trằn trọc, trong cái giường hẹp, óc cứ nghĩ đến những chuyện vừa diễn ra. Trong lúc đó, Mã-Tư nằm ở giường trên, cũng thấy trở mình luôn, anh cũng không ngủ được như tôi.
Tôi hỏi sẽ:
- Anh chưa ngủ à?
- Chưa.
- Anh mệt lắm không?
- Không. Cảm ơn anh. Tôi vẫn khỏe. Nhưng không hiểu sao mọi vật cứ quay trước mặt tôi như là tôi đi trên biển và cái xe cứ như lên xuống, gập ghềnh.
Có phải vì anh chóng mặt mà không ngủ được hay vì óc anh cũng nghĩ cùng một điều như tôi mà không chợp mắt được? Anh yêu tôi cũng như tôi yêu anh, hai người đồng thanh đồng khí, cho nên anh đã cảm thấy những điều đang xúc động trong trái tim tôi.
Cái ngủ không đến. Thời khắc cứ trôi. Một mối lo sợ cứ bâng khuâng tràn ngập trong tâm hồn tôi. Lo sợ gì? Tôi không biết, nhưng tôi vẫn thấy lo sợ. Không phải vì nằm ngủ trong cái xe này giữa một xóm tồi tàn mà tôi sợ. Trong đời du mục của tôi, đã bao lần tôi phải ngả lưng ở đầu đường xó chợ, có được cái giường, cái mái như lúc này đâu? Tôi được trú ở một nơi kín đáo tránh được mọi nguy hiểm, thế mà lòng tôi vẫn không yên. Tôi cố trấn tĩnh bao nhiêu thì lòng tôi lại càng bứt rứt bấy nhiêu!
Trầm lặng, đêm cứ đi. Tôi không biết là mấy giờ rồi vì chung quanh nghe không thấy một tiếng chuông đồng hồ.
Chợt tôi nghe có tiếng “lịch bịch” ở cửa sau nhà xe. Cửa này thông ra một hẻm khác, rồi có mấy tiếng gõ đều đều, sau cùng một ánh sáng lọt vào trong xe chúng tôi nằm.
Tôi kinh ngạc, nhìn xung quanh. Con Lãnh-Nhi nằm ở chân giường tôi chợt thức sủa lên mới tiếng. Tôi nhìn kỹ thì cạnh giường chúng tôi có một cái cửa sổ ở thành xe, lúc vào không nhìn thấy vì có bức màn che đi. Sợ Lãnh-Nhi đánh thức cả nhà dậy, tôi liền lấy tay bưng miệng nó lại. Xong tôi nhìn ra ngoài.
Cha tôi đã vào nhà xe, nhẹ nhàng mở cửa sau cho hai người đàn ông, rồi đóng cửa lại rất êm. Hai người đó, người nào cũng vác trên vai một bao hàng to tướng.
Lúc đó, cha tôi giơ một ngón tay lên môi, tay kia cầm chiếc đèn ló chỉ vào xe chúng tôi nằm, ngụ ý bảo hai người kia đừng làm rầm, để yên cho chúng tôi ngủ.

Sự giữ gìn đó làm tôi cảm động. Tôi định bảo cha tôi cứ việc làm không cần bận tâm đến tôi vì tôi vẫn thức. Nhưng sợ nói to làm anh Mã-Tư dậy, và có lẽ anh đang ngủ say, nên tôi lại thôi. Cha tôi đỡ bao hàng cho hai người kia bỏ xuống đất. Rồi cha tôi đi ra. Lúc trở lại, có mẹ tôi theo sau. Khi cha tôi ra ngoài, hai người kia mở gói hàng ra, một gói đầy vải tấm, một gói chứa toàn mũ len, áo len, quần đùi, bí-tất, găng tay.
Tôi đoán là người lái này đem bán cho cha mẹ tôi.
Cha tôi cầm từng tấm vải, từng chiếc đồ, đưa ra gần đèn nhìn một lượt rồi trao cho mẹ tôi. Mẹ tôi cầm cái kéo con cắt những hiệu đi và bỏ vào túi. Việc cắt nhãn hiệu và việc bán hàng trong giờ khuya khoắt này làm cho tôi suy nghĩ.
Cha tôi vừa nhận hàng vừa nói chuyện với hai người lái. Nếu tôi biết tiếng Anh, tôi đã được rõ chuyện. Khi người ta không hiểu thì người ta hay sai. Tuy vậy những tiếng “bốp” và “cảnh-binh” nói đi nói lại nhiều lần, đã đập vào tai tôi.
Khi hàng hóa đã kiểm hết, cha mẹ tôi và hai người khách đều sang bên nhà. Căn phòng chúng tôi lại tối mò. Chắc chắn là mọi người sang đó để thanh toán tiền hàng.
Việc tôi vừa được coi là một việc rất thường. Tôi không muốn nghĩ. Tại sao những người lái đó không đi lối sân Hồng-Sư mà lại vào bằng cửa sau? Tại sao người ta lại nói nhỏ và nhắc đến “cảnh-binh” như là sợ người ngoài trông thấy. Tại sao mẹ tôi cắt hết những nhãn đính ở món hàng.
Tôi nghĩ mãi không tìm được câu trả lời. Tôi đành xếp chuyện đó lại để ngủ, nhưng tôi không sao nhắm mắt được. Một lúc lâu, tôi lại thấy ánh sáng lọt vào xe chúng tôi. Tôi lại ngồi dậy nhìn ra qua khe màn cửa sổ. Lần trước tôi nhìn ra là xuất ư tự nhiên. Lần này không hiểu sao tôi cố nhìn. Tôi đã định tâm không nhìn rồi tôi lại nhìn; tôi đã nghĩ không nên biết thì hơn, thế mà tôi cứ muốn biết.
Lần này chỉ có cha mẹ tôi thôi. Trong khi mẹ tôi gói các đồ thành hai bọc, thì cha tôi quét sạch một góc trong nhà xe. Khi rơm và cát đã dọn hết rồi, lộ ra một cái nắp hầm. Cha tôi mở ra, mẹ tôi soi đèn cho cha tôi đem hai bọc hàng xuống hầm, không rõ nông sâu thế nào. Xong cha tôi trèo lên, đậy nắp lại và lấy chổi vun cát lại như cũ. Hai người lấy rơm rắc lên trên như chỗ rơm khác trong nhà, người ngoài khó biết đâu là nắp hầm. Rồi cha mẹ tôi yên lặng đi ra.
Khi cha mẹ tôi khép cửa lại, tôi nghe có tiếng động ở giường trên, hình như anh Mã-Tư vừa đặt đầu xuống gối. Anh đã trông thấy việc vừa diễn ra? Tôi không dám hỏi anh. Tôi không mơ hồ nữa, bây giờ

tôi đã rõ vì đâu tôi sợ hãi: từ chân lên đến đầu tôi toát ra một lớp mồ hôi lạnh ướt đầm.
Tôi cứ nằm thế mãi. Tiếng gà gáy trong xóm báo cho tôi biết trời gần sáng. Lúc đó tôi chợp mắt, dần dần chìm đắm trong giấc ngủ nặng nề, lộn xộn, đầy ác mộng.
Tiếng khóa động làm tôi thức dậy. Cửa xe mở ra. Tôi ngờ là cha tôi đến đánh thức chúng tôi nên tôi nhắm mắt lại không muốn nhìn.
Mã-Tư nói:
- Em anh vừa đến giải tỏa cho chúng ta. Nó ra rồi.
Chúng tôi đều trở dậy. Mã-Tư không hỏi tôi đêm có ngủ được không. Mà tôi cũng chẳng hỏi gì anh, thỉnh thoảng anh nhìn tôi, tôi lại nhìn đi chỗ khác. Tôi sang nhà, không thấy cha mẹ tôi đâu cả. Chỉ thấy ông tôi ngồi trên chiếc ghế bành mây, tôi tưởng tượng như ông tôi vẫn ngồi yên đó từ tối qua đến nay. Em gái tôi là Á-Ninh đang lau bàn, em trai tôi là Á-Lang đang quét nhà.
Tôi lại bắt tay các em tôi, nhưng hai người cứ tiếp tục làm không trả lời tôi.
Tôi tiến đến chỗ ông tôi, nhưng ông tôi không để cho tôi lại gần, cũng như chiều hôm qua, ông tôi nhổ về phía tôi làm cho tôi tưng hửng.
Tôi bảo Mã-Tư:
- Anh hỏi giúp tôi xem sáng nay khoảng mấy giờ thì tôi được gặp cha mẹ tôi?
Mã-Tư làm theo lời tôi. Ông tôi nghe thấy nói được tiếng Anh, liền dìu dịu. Mặt ông bớt hầm hầm và muốn trả lời.
Tôi hỏi:
- Ông tôi nói gì thế?
- Rằng cha anh đi đến tối mới về, mẹ anh còn ngủ và chúng ta có thể đi chơi được.
Thấy ông tôi nói nhiều mà anh thông ngôn ngắn quá, tôi hỏi:
- Ông tôi chỉ nói có thế thôi à?
Anh có vẻ bối rối và nói:
- Đoạn dưới không biết tôi hiểu có đúng không.
- Anh nhắc lại những câu anh hiểu.
- Hình như ông bảo nếu chúng mày ra phố gặp dịp “bở” thì đừng bỏ qua và ông nói thêm câu này tôi nghe rõ ràng:
- Nhớ lấy bài học của ta: “cần phải ăn bám vào những kẻ khờ dại”.
Có lẽ ông già đã đoán được những lời Mã-Tư thuật lại cho tôi vì đến câu cuối cùng, ông dùng cái tay không bị tê liệt làm hiệu như “nhặt vật gì bỏ vào túi” và nháy nháy chúng tôi.
Tôi bảo Mã-Tư:

- Chúng ta ra phố đi.
Chúng tôi ra bãi Hồng-Sư chơi, trong hai, ba tiếng đồng hồ, không dám đi xa sợ lạc. Ban ngày nhìn rõ mới biết Thanh-Lâm là một nơi rất ghê tởm. Chỗ nào cũng thấy nhà cửa tồi tàn, dân cư đói rách, Mã-Tư và tôi đều nhận thấy nhưng chẳng ai nói câu gì.
Chúng tôi đi loanh quanh mãi, sau nhìn thấy góc sân nhà tôi, chúng tôi liền lộn về.
Mẹ tôi đã dậy. Từ cửa ngoài tôi nhìn thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn. Tôi tưởng mẹ tôi ốm nên vội chạy lại hôn mẹ để thay câu hỏi, vì tôi không nói được với mẹ tôi.
Tôi ôm lấy mẹ tôi. Mẹ tôi ngửng lên, lung lay cái đầu, nhìn tôi nhưng mắt không trông thấy gì. Lúc đó ngửi thấy mùi rượu sặc sụa. Tôi lùi lại. Mẹ tôi lại gục đầu xuống hai cánh tay duỗi ở trên bàn.
Ông tôi nói:
- Say rượu đó.
Xong ông tôi nhìn tôi, cười ngạo và nói những tiếng gì nữa tôi không hiểu. Thoạt tiên tôi đứng trơ như người mất hồn, song tôi định thần lại ngay và nhìn Mã-Tư, thấy nước mắt anh chẩy quanh. Tôi liền ra hiệu cho anh. Chúng tôi cùng nhau lại ra ngoài.
Chúng tôi đi sát vai nhau, tay cầm tay, không nói gì, cứ tiến bước mà không biết đi đâu.
Thấy tôi đi mãi, Mã-Tư hỏi tôi, giọng buồn rầu:
- Anh định đi đâu thế?
- Tôi không biết, đến chỗ nào đó để chúng ta nói chuyện. Tôi có câu chuyện muốn ngỏ cùng anh, nhưng ở đây đông người quá không tiện.
Thực vậy, trong đời sống nay đây mai đó, khi ở sơn lâm, khi qua đồng ruộng, được đào luyện trong trường học của ông Vỹ-Tiên, tôi đã thành thói quen không bao giờ nói những việc riêng của mình, nhất là những việc quan trọng, giữa làng hay giữa phố đông người vì có ai đến gần là tôi mất hết ý tưởng. Nay tôi có câu chuyện rất quan trọng nên phải tìm chỗ vắng.
Lúc đó chúng tôi đang đi trong một phố rộng hơn hẻm nhà tôi. Đầu phố đó, tôi nhìn thấy bóng cây cao. Có lẽ là vùng quê. Chúng tôi rảo bước về phía đó. Đến nơi, không phải là miền quê, mà là một khu vườn rộng mênh mông có những bồn cỏ xanh tươi và những chòm cây non, cành lá rườm rà. Được chỗ tha hồ nói chuyện.
Nói những gì, tôi đã định trước. Khi chúng tôi ngồi dưới khóm cây, xa hẳn mọi người, tôi liền nói:
- Anh Mã-Tư ơi! Anh vẫn biết là tôi yêu anh, phải không anh? Chắc

anh cũng hiểu là vì tình bạn tôi rủ anh về nhà cha mẹ tôi. Hẳn anh không nỡ ngờ vực lòng tôi nếu tôi yêu cầu gì anh?
Anh gượng cười và bảo tôi:
- Sao anh nói dở thế?
- Anh cười cho tôi khỏi buồn. Nhưng tôi có buồn cũng nguôi được vì không khóc với anh thì còn khóc với ai được?
Rồi tôi gục vào lòng anh nức nở khóc. Tôi cảm thấy tôi trơ trọi giữa xã hội bao la này. Sau cơn xúc động đó, tôi cố bình tĩnh lại: rủ anh Mã-Tư đến vườn này không phải là cho anh thương tôi, mà chính là vì tôi thương anh.
Tôi bảo anh:
- Anh Mã-Tư ơi! Anh phải đi đi. Anh nên trở về Pháp.
- Bỏ anh? Không bao giờ tôi bỏ anh!
- Tôi biết trước là anh không chịu. Anh quyết không bao giờ bỏ tôi. Tôi rất sung sướng, sung sướng lắm, xin anh chắc như thế, nhưng bây giờ tôi khuyên anh nên bỏ tôi, trở ngay về Pháp, về Ý hay bất cứ nơi nào miễn là đừng ở nước Anh này nữa.
- Thế anh, anh định đi đâu? Anh định chúng ta cùng đi nơi nào?
- Tôi á? Tôi phải ở lại đây, ở Luân-Đôn này với gia đình tôi. Đó là bổn phận của tôi, phải không anh? Còn bao nhiêu tiền anh cầm lấy cả mà đi.
- Anh Minh ơi, anh đừng nói thế. Nếu có một người cần phải đi thì người ấy chính là anh, chứ không phải tôi.
- Tại sao?
- Vì rằng…
Anh không nói hết, tránh mắt tôi mà nhìn ra chỗ khác.
- Anh Mã-Tư ơi! Cứ nói thực, đừng giữ ý, đừng sợ. Đêm qua, anh không ngủ và anh đã trông thấy cả, phải không?
Anh nhìn xuống, nói giọng nghẹn ngào:
- Tôi không ngủ.
- Anh đã trông thấy gì?
- Tất cả.
- Và anh đã hiểu…
- Rằng những người lái đó đã bán những hàng mà họ không phải mua. Cha anh đã mắng họ sao không gọi cửa đằng trước mà lại gọi cửa đằng sau. Họ nói họ bị lũ “bốp” rình, “bốp” nghĩa là cảnh-binh.
Tôi bảo anh:
- Vậy anh đã thấy rõ rằng anh phải đi.
- Nếu tôi phải đi thì anh cũng phải đi. Vì có ích cả cho anh cũng như cho tôi.

- Khi tôi rủ anh về đây, theo lời bà Bảo-Liên và theo mộng tưởng của tôi, tôi chắc gia đình tôi sẽ có thể cho hai chúng ta đi học được, nhưng việc đời lại không như thế, giấc mộng chỉ là… giấc mộng, vì thế chúng ta phải chia tay nhau.
- Không bao giờ!
- Anh hãy nghe tôi và hiểu lòng tôi. Anh đừng làm cho tôi khổ thêm. Thí dụ: khi qua Ba-Lê, chúng ta gặp Phú-Lợi, Phú-Lợi bắt anh, tất anh cũng không muốn tôi ở với anh và tất anh cũng nói với tôi những lời như tôi vừa nói với anh, có phải thế không?
Anh không trả lời.
- Có phải thế không? Nói đi, cho tôi biết có phải thế không?
Nghĩ một lúc rồi anh nói:
- Bây giờ đến lượt anh nghe tôi nói. Khi ở Văn-Ông, anh bảo tôi gia đình anh đang tìm anh, tin đó làm tôi buồn lắm. Đáng lẽ tôi phải sung sướng thấy anh sắp gặp cha gặp mẹ, trái lại tôi bực tức. Đáng lẽ tôi phải nghĩ đến cái vui, cái hạnh phúc của anh, trái lại tôi chỉ nghĩ đến tôi. Tôi tự bảo tôi rằng rồi đây anh sẽ có anh em, chị em; những anh em mà anh yêu cũng như yêu tôi, hơn tôi; những anh chị em sang trọng, có học thức, có giáo dục; những cậu, những cô bảnh bao cả; và tôi ghen. Đó là điều anh cần biết, đó là sự thật mà tôi cần thú ra để anh tha thứ cho tôi về những ý nghĩ đốn hèn đó.
- Ô! Anh Mã-Tư!
- Anh hãy nói lên, nói lên rằng anh bỏ lỗi đó cho tôi.
- Xin hết lòng. Tôi thấy anh buồn quá, tôi không nghĩ đến điều đó nữa.
- Thế là anh xuẩn, mà tôi thì độc ác. Nhưng nếu anh hết lòng tha thứ cho tôi vì anh tốt, còn tôi, tôi không tha thứ cho tôi vì tôi không tốt bằng anh. Câu chuyện cũng chưa hết. Tôi còn nghĩ rằng: ta theo Lê-Minh về Anh-quốc để chơi. Bao giờ hắn sung sướng, sung sướng quá không có thì giờ nghĩ đến ta nữa, ta sẽ rút lui, rút lui rất nhanh về làng Lục-Ca để hôn em Tuyết-Nga của ta. Nhưng đáng lẽ được giầu có, sung sướng như lòng chúng ta mơ ước cho anh, bây giờ anh không giầu và anh chỉ là… nghĩa là không được như điều chúng ta đã mong tưởng. Thế thì tôi không thể đi được. Và không phải là Tuyết-Nga, không phải là em gái tôi mà tôi phải hôn, chính là bạn tôi, bạn thân tôi, chính là anh ruột tôi, chính là Lê-Minh mà tôi phải yêu dấu vậy.
Nói xong, anh kéo tay tôi và đem hết cả tình hữu ái trong lòng hôn tôi. Nước mắt tôi ràn rụa ra, không phải là thứ nước mắt nóng rát và cay đắng như những giọt lệ tuôn rơi ban nãy.

Nỗi cảm xúc của tôi lớn lao thực, nhưng tôi không bỏ ý kiến cũ của tôi, tôi nói:
- Anh phải đi. Anh phải về Pháp thăm Lệ-Hoa, thăm ông An-Thanh, thăm bà Bảo-Liên và tất cả bạn bè tôi, nói cho những người đó biết tại sao tôi không thể thực hiện được ý muốn và lời hứa của tôi. Anh cắt nghĩa giúp cho rằng cha mẹ tôi không giầu như tôi đã quá tưởng tượng, tất nhiên các ân nhân của tôi cũng sẽ sẵn lòng lượng thứ cho tôi. Anh hiểu ý tôi đấy chứ? Cha mẹ tôi không giầu, nói thế là đủ. Không giầu, cái đó cũng không phải là một điều đáng hổ thẹn.
- Không phải vì cha mẹ anh không giầu mà anh muốn tôi trở về Pháp: nếu chỉ có thế thì tôi không đi đâu cả.
- Anh Mã-Tư ơi! Tôi xin anh, anh đừng làm tăng mối sầu của tôi vì nó đã quá lớn lao rồi.
- Ô! Không phải tôi muốn ép anh kể ra những điều mà anh cho là đáng xấu hổ. Tôi không tinh quái, không ranh mãnh. Nhưng, nếu tôi không hiểu những cái nó lọt vào đây – anh đập tay vào trán – thì ít ra tôi cũng cảm thấy những cái nó đập vào đây – anh để bàn tay vào trái tim – không phải vì cha mẹ anh nghèo mà anh giục tôi đi, không phải vì cha mẹ anh không nuôi nổi tôi mà anh muốn tôi đừng ở nữa, vì tôi không để phải ăn hại, tôi sẽ làm việc cho cha mẹ anh, chính vì… những cảnh mắt thấy đêm qua mà anh sợ cho tôi.
- Anh Mã-Tư ơi! Xin anh đừng nói nữa.
- Anh sợ rồi đến phải làm việc cắt nhãn những hàng không phải mất tiền mua, phải không?
- Ô! Im đi! Mã-Tư! Người bạn nhỏ của tôi ơi! Im đi!
Rồi tôi lấy hai bàn tay che mặt, lúc đó thẹn đỏ lên.
Mã-Tư nói tiếp:
- Nếu anh sợ cho tôi, tôi, tôi cũng sợ cho anh. Chính vì lẽ đó mà tôi đã bảo anh: chúng ta đi cả thôi, chúng ta trở về Pháp tìm bà Bảo-Liên, Lệ-Hoa và các bạn của anh.
- Không được, anh ạ. Cha mẹ tôi đối với anh không là gì vì không có liên hệ với nhau. Nhưng cha mẹ tôi là những người đã đã đẻ tôi ra, tôi phải ở với gia đình tôi.
- Gia đình anh! Ông già tê liệt kia: ông anh! Người đàn bà phục xuống bàn: mẹ anh!
Tôi đứng phắt dậy. Bằng giọng sai khiến chứ không phải giọng nài xin, tôi thét:
- Mã-Tư! Im mồm! Tôi cấm anh không được nói thế! Những người đó là ông tôi, là mẹ tôi, là những người tôi phải tôn thờ, phải yêu thương.

- Phải lắm, nếu thực là người của gia đình anh. Nhưng nếu các người đó không phải là ông anh, không phải là cha anh, không phải là mẹ anh thì anh cũng cứ tôn thờ, cũng cứ yêu thương à?
- Anh không nghe rõ chuyện cha tôi kể lại à?
- Chuyện đó có gì chứng minh là xác thực? Họ lạc một đứa con bằng tuổi anh. Họ đi tìm kiếm và họ thấy một đứa trẻ cùng tuổi với đứa con của họ. Có thế thôi.
- Anh phải biết đứa trẻ mà người ta bắt cóc đã bỏ ở phố Bảo-Tương và chính phố Bảo-Tương mà tôi đã được người ta tìm thấy ngay sau khi cha mẹ tôi thấy mất con.
- Tại sao hai đứa trẻ lại không có thể bị bỏ ở phố đó cùng một ngày được? Tại sao ông Cảnh-sát Trưởng khu phố Bảo-Tương lại không trỏ nhầm cho Điệp-Công về Văn-Ông được? Những điều đó rất có thể xảy ra được.
- Vô lý.
- Phải, những câu tôi nói, những lời tôi cắt nghĩa có thể là vô lý, chính vì tôi nói và giải nghĩa vụng về, vì đầu óc tôi kém, giá một người khác trình bầy khéo léo và rõ rệt hơn tôi, thì những việc trên lại thành hữu lý. Chính tôi vô lý. Có thế thôi.
- Không, còn nữa. Anh cứ nói đi!
- Lại còn điều này. Anh có nhận ra rằng anh không giống cha hay mẹ anh tí nào không? Anh có thấy tóc anh không đỏ như tóc của "tất cả" – anh nghe rõ – "tất cả" các em trai, em gái anh không? Tại sao tóc anh lại không giống các trẻ đó? Lạ hơn nữa là: một gia đình nghèo túng như thế này lại dám bỏ ra bao nhiêu tiền để tìm ra một đứa con? Vì những lý do trên, theo ý tôi, anh không phải là con họ Điệp-Công. Tôi biết tôi là một thằng xuẩn như người ta vẫn gọi tôi, đó là lỗi tại cái đầu tôi. Nhưng nhất định anh không phải là con họ Điệp-Công và anh không nên ở với gia đình ấy. Vạn nhất nếu anh cố tình ở lại thì tôi cùng ở lại với anh. Nhưng anh nên viết thư hỏi bà Bảo-Liên cho chúng ta biết rõ những tấm tã của anh hồi đó thế nào. Khi chúng ta nhận được thư trong tay rồi, anh thử dò hỏi người mà anh gọi bằng cha bây giờ xem sao. Lúc đó ta sẽ nhìn được rõ hơn. Cho tới ngày đó, ta không nên tiết lộ gì. Dù sao tôi cũng ở luôn bên cạnh anh. Nếu phải làm việc, chúng ta cùng làm với nhau.
- Nhưng có ngày người ta đánh vào đầu Mã-Tư thì sao?
- Cái đó không quan trọng! Những đòn người ta nhận thay bạn, vì bạn có đau bao giờ?

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXVI
CON LÃNH NHI MẤT NẾT

Đến chập tối chúng tôi mới trở về bãi Hồng-Sư. Suốt ngày chúng tôi quanh quẩn ở công viên nói chuyện với nhau. Chúng tôi đã dùng một tấm bánh mì để thay bữa ăn trưa. Lúc đó, cha tôi đã về rồi và mẹ tôi cũng đã khỏi mệt. Cha và mẹ tôi chẳng ai kêu chúng tôi bỏ nhà đi chơi cả ngày. Mãi sau bữa chiều, cha tôi mới ngỏ ý, muốn nói chuyện với hai chúng tôi. Cha tôi đưa chúng tôi đến chỗ lò sưởi. Ông tôi lại càu nhàu, quá bảo thủ phần lửa của mình thành ra dã man.
Cha tôi hỏi:
- Các con ở Pháp làm gì để kiếm ăn?
Tôi kể lại cách mưu sinh của tôi ở Pháp.
- Như vậy các con có bao giờ lo chết đói không?
Mã-Tư quả quyết đáp:
- Không bao giờ, không những chúng tôi đủ ăn mà còn có tiền mua được một con bò nữa.
Rồi đến lượt anh Mã-Tư, anh kể chuyện mua bò.
Cha tôi bảo:
- A! Thế các con là tài tử cả. Thử diễn qua tài nghệ ta xem.
Tôi lấy thụ-cầm ra gẩy một bài, bài đó không phải là bài Tình ca Ý.
Cha tôi nói:
- Tốt. Tốt lắm, còn Mã-Tư biết nghề gì?
Mã-Tư liền kéo một bài vĩ-cầm và thổi một bài kèn. Các em trai, em gái tôi đứng vây lấy chúng tôi trố mắt nhìn, nghe bài kèn lấy làm thú vị, vỗ tay khen.
- Còn Lãnh-Nhi làm được trò gì? Chắc không phải là các con nuôi để chơi. Tất nó cũng có ít nhiều tài để sinh sống được?
Tôi hết sức khoe khoang tài nghệ của nó để đề cao giá trị của nó và cũng để làm vẻ vang cho thầy tôi, ông Vỹ-Tiên. Tôi bảo nó diễn một trò vui. Các em trai, em gái tôi lại được dịp reo cười vui thích.
Cha tôi nói:
- Con chó này, thực là một kho tiền!
Đáp lời khen đó, tôi khoe thêm rằng con Lãnh-Nhi này rất thông minh dạy gì nó làm được ngay, cả đến những điều con chó khác chịu không sao học được mà nó vẫn làm được một cách dễ dàng.
Cha tôi dịch câu nói đó ra tiếng Anh. Và hình như nói thêm gì nữa, tôi không hiểu, những câu đó làm cho mọi người cười ồ lên: mẹ tôi, các

em trai, em gái tôi và cả ông nội. Ông tôi cứ nháy nháy mắt và nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Fine dog”, nghĩa là con chó đẹp. Nhưng con Lãnh-Nhi không thấy đắc chí hơn.
Cha tôi nói tiếp:
- Nếu vậy thì ta định thế này. Nhưng trước hết Mã-Tư cần phải cho biết có muốn ở lại nước Anh và bằng lòng ở đây với chúng ta không?
Mã-Tư có tính giảo hoạt mà anh vẫn không tưởng đến. Anh đáp:
- Tôi muốn ở với anh Minh và anh Minh đi đâu tôi cũng xin đi.
Cha tôi hiểu sao được hàm súc trong câu nói của Mã-Tư, nên tỏ ra rất mãn ý.
Cha tôi nói:
- Nếu như vậy, ta trở lại ý định của ta. Nhà ta không giầu, chúng ta phải lại việc để kiếm ăn. Về mùa hè, chúng ta phải đi khắp nước Anh để đem hàng đến tận nơi cho những khách không có thì giờ đi mua. Nhưng về mùa đông, chúng ta không có mấy việc để làm. Vậy trong thời gian ta còn ở Luân-Đôn, Lê-Minh và Mã-Tư có thể đi đánh đàn trong các phố. Ta chắc kiếm ăn khá được vì gần đến ngày lễ Giáng-Sinh rồi. Nhưng ở đời này, không nên lãng phí, Lãnh-Nhi sẽ đi với Á-Lang và Á-Niên để diễn trò.
Tôi vội kêu:
- Lãnh-Nhi cần phải đi với con mới làm được việc. Con phải rời nó thì không tiện.
- Con cứ yên tâm. Nó sẽ học làm việc với Á-Lang và Á-Niên. Chia ra như thế, các con sẽ kiếm được nhiều tiền hơn.
- Nhưng con chắc chắn là nó không thể thành công được, mà rồi Mã-Tư và con cũng kiếm sút đi. Đi với Lãnh-Nhi, chúng con có thể thu được nhiều tiền hơn.
Cha tôi bảo:
- Nói thế là đủ. Khi ta bảo điều gì, điều đó phải được thi hành và ngay tức khắc. Đó là luật lệ của nhà này. Ta muốn rằng con phải tuân lời như các người khác.
Cãi sao được nữa. Tôi đành im lặng. Cái mộng sung sướng, tôi từng mơ tưởng cho tôi và cho Lãnh-Nhi nay đành tiêu tan cả. Chúng tôi sắp phải chia rẽ nhau. Buồn cho Lãnh-Nhi và buồn cho tôi biết bao!
Chúng tôi về xe để ngủ. Đêm đó cửa xe không bị khóa nữa.
Tôi vừa nằm xuống giường, Mã-Tư ghé vào tai tôi nói nhỏ:
- Anh đã thấy chưa? Cái người mà anh gọi là cha, không những cần có “nhiều trẻ con” để làm việc, lại cần cả những con chó nữa. Bây giờ anh đã mở mắt ra rồi đấy chứ? Sáng mai, chúng ta phải viết thư cho bà Bảo-Liên ngay đi.

Nhưng sáng hôm sau, tôi phải cắt nghĩa cho Lãnh-Nhi. Tôi ôm nó vào lòng, áp má vào đầu nó, bảo cho nó biết công việc bây giờ phải như thế và tôi mong nó chịu khó. Con chó đáng thương kia, nó nhìn tôi, nghe tôi rất chăm chú! Khi tôi trao dây cho Á-Lang, tôi lại dặn dò một lần nữa, nó thông minh và dễ bảo quá, nó buồn rầu lẳng lặng theo hai anh em Á-Lang không kháng cự gì.
Còn Mã-Tư và tôi, cha tôi muốn đích thân đưa chúng tôi đi đến những phố có thể kiếm được nhiều tiền, chúng tôi đi qua khắp thành phố Luân-Đôn để đến một khu phố phong phú nhất, có những dinh thự tráng lệ, những lâu đài nguy nga, những hoa viên thanh thú. Trong những phố đẹp, hè rộng đó, không có những người rách rưới xanh xao, toàn những thiếu phụ xinh tươi, áo quần rực rỡ, những xe ngựa sơn bóng như gương, những con ngựa đẹp và những người đánh xe to béo. Mãi đến tối mịt, chúng tôi mới về đến nhà, vì từ phố Went-End đến xóm Hồng-Sư xa quá, tôi mừng rỡ trông thấy Lãnh-Nhi, lấm láp nhưng vui vẻ.
Tôi lấy rơm lau chùi cho chó, lấy chiếc áo da cừu quấn cho nó rồi đặt nó vào giường tôi. Trong hai kẻ, nó và tôi, ai sung sướng hơn cả? Điều đó khó trả lời được.
Hơn hai tuần, chúng tôi cứ làm việc như thế. Sáng, Mã-Tư và tôi, chúng tôi đi đánh đàn rong hết phố này đến phố khác, đến chiều lại về. Còn Lãnh-Nhi thì theo Á-Lang và Á-Niên diễn trò. Nhưng một buổi tối kia, cha tôi bảo anh em Á-Lang phải ở nhà có việc, chúng tôi có thể đem Lãnh-Nhi cùng đi được. Chúng tôi sung sướng quá. Mã-Tư và tôi bảo nhau phải cố kiếm nhiều tiền hơn mọi ngày để từ sau được đưa Lãnh-Nhi đi mãi. Là việc tranh thủ lại con Lãnh-Nhi, chúng tôi không hề tiếc công tiếc sức.
Sáng hôm sau, chúng tôi chải chuốt sạch sẽ cho Lãnh-Nhi. ăn sáng xong, chúng tôi lên đường tìm đến những phố có nhiều quý khán quan ăn tiêu rộng mà chúng tôi đã biết. Muốn thế, chúng tôi phải đi khắp thành phố Luân-Đôn từ đông sang tây và qua những phố Old; phố Holborn và phố Oxford.
Không may cho dự định của chúng tôi, đã hai hôm nay sương mù không ngớt, bầu trời Luân-Đôn bao phủ một lớp hơi nước nhuộm mầu da cam. Trên các đường phố lửng lơ những đám khói xám làm cho khách đi đường dù chỉ cách nhau mấy bước cũng không nhìn rõ được. Người ta ít ra ngoài. Đứng sau cửa sổ, người ta nghe được tiếng đàn, tiếng hát nhưng người ta không nhìn thấy Lãnh-Nhi. Người ta không nhìn thấy Lãnh-Nhi làm sao mà ra tiền được? Bực quá, Mã-Tư chưởi cả sương, thứ sa mù khốn nạn đã ngăn trở mình, không

ngờ trong lát nữa chính tấm màn sương khó chịu đó rất có ích cho cả ba chúng tôi.
Chúng tôi đi nhanh, Lãnh-Nhi theo sau. Thỉnh thoảng tôi gọi một tiếng để nó khỏi lạc, cho nó đi tự do như thế còn chắc chắn hơn là cầm dây.
Chúng tôi tới phố Holborn, ai cũng biết là một phố buôn bán sầm uất nhất Luân-Đôn. Chợt tôi không thấy Lãnh-Nhi theo chân tôi nữa. Nó đi đâu rồi? Thực là một sự hãn hữu.
Tôi liền đứng ở đầu một ngõ con để đợi. Tôi huýt sáo để gọi nó vì sương dầy quá không trông xa được. Đợi mãi, tôi đã sinh buồn, sợ ai trộm bắt nó rồi, chợt Lãnh-Nhi ở đâu sầm sầm chạy lại, miệng ngậm một đôi bít-tất len và ve vẩy đuôi. Nó chồm lại, hai chân trước bá lấy tôi giơ đôi bít-tất cho tôi và đợi được khen thưởng. Nó có vẻ đắc chí như người vừa làm được công chuyện gì rất khó khăn. Tôi đứng trơ ra không hiểu gì, thình lình Mã-Tư giật phắt lấy đôi bít-tất và cầm tay tôi kéo vào trong ngõ.
Anh bảo tôi:
- Chúng ta đi nhanh lên nhưng đừng chạy.
Một lúc lâu, anh mới bảo tôi tại sao chúng tôi phải tiến vào lối ấy.
Anh nói:
- Lúc nãy tôi cũng kinh ngạc như anh, đang nghĩ đôi bít-tất đó ở đâu ra, chợt có tiếng người đàn ông kêu: “có kẻ cắp, nó đâu rồi?” Kẻ cắp chính là Lãnh-Nhi, anh có hiểu không? Nếu không có sương mù thì chúng ta đã bị bắt giam như những kẻ cắp rồi còn gì!
Tôi hiểu lắm. Tôi tức nghẹn lại, không nói lên được. Người ta đã luyện con Lãnh-Nhi, con Lãnh-Nhi ngay thẳng thành một con chó đi ăn cắp.
Tôi bảo anh Mã-Tư:
- Chúng ta trở về đi. Buộc dây vào cổ nó mà dắt.
Mã-Tư không nói câu gì hơn nữa. Chúng tôi bước nhanh về xóm Hồng-Sư. Đến nhà, cha mẹ và con cái đang mải gấp vải quanh bàn. Tôi ném đôi bít-tất mới vào bàn. Á-Lang và Á-Niên cười ầm lên.
Tôi nói:
- Đây là đôi bít-tất mà con Lãnh-Nhi vừa ăn cắp được, vì người ta đã dạy nó ăn cắp. Con tưởng dạy thế để chơi thôi.
Tôi nói giọng run run nhưng không kém phần cương quyết.
Cha tôi hỏi:
- Nếu dạy thế không phải để chơi thì mày làm gì? Nói cho ta nghe.
- Con sẽ lấy dây buộc cổ nó. Mặc dầu con thương nó, con quyết dìm nó xuống sông Ta-Mi nếu nó còn làm thế. Con không muốn con

Lãnh-Nhi thành kẻ cắp và con cũng không muốn cả con là đứa ăn cắp. Nếu mai mốt việc đó xẩy đến cho con, con quyết sẽ gieo mình xuống sông theo Lãnh-Nhi ngay lập tức.
Cha tôi trông thẳng mặt tôi, giận dữ, trợn mắt nhìn để áp bức tôi. Tôi cũng giương mắt nhìn lại. Nét mặt cha tôi bỗng dịu dần. Cha tôi bảo:
- Con nói phải đấy, dạy thế để chơi thôi. Muốn cho việc đó không xẩy ra nữa, từ nay cho Lãnh-Nhi đi kèm với con.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XXXVII
NHỮNG CÁI TÃ ĐẸP NÓI SAI

Trước sự niềm nở làm thân của tôi, các em tôi Á-Lang cũng như Á-Niên đều ghét bỏ hằn thù. Tất cả những gì tôi làm cho chúng, chúng đều hắt hủi, coi tôi không phải là anh em với chúng.
Sau việc Lãnh-Nhi xẩy ra, tình thế lại càng gay go giữa tôi và các em tôi. Tôi phải ra hiệu bằng hai nắm tay cho chúng biết – vì tôi không diễn đạt được ý của tôi bằng tiếng Anh – rằng nếu chúng động vào con Lãnh-Nhi, tôi quyết chống lại để trả thù.
Em trai bỏ tôi, tôi đành thân với các em gái vậy. Nhưng thái độ của Á-Ninh em gái lớn của tôi, cũng chẳng khác gì thái độ của hai em trai tôi. Ngày nào Á-Ninh cũng kiếm chuyện với tôi và khoa kiếm chuyện đó rất tài.
Các em trai ghét, em gái lại hắt hủi, tôi chỉ còn em gái út tôi, em Cát, mới lên ba, nhỏ quá không biết về bè với các anh chị. Em Cát để tôi vuốt ve em. Trước hết vì tôi bảo Lãnh-Nhi làm trò cho em xem, sau vì tôi thường đem kẹo và cam về cho em ăn. Những quà này, tôi không phải mua. Trong những buổi diễn trò của chúng tôi, nhiều em bé thích Lãnh-Nhi mà trao cho. Buồn cười, khi các em đưa cam và bảo để "cho con chó" thực là vô nghĩa, nhưng tôi rất vui lòng và cảm ơn vì nhờ những thứ đó mà tôi được lòng em Cát.
Xem thế, nội gia đình tôi, cái gia đình mà tôi đã đặt bao nhiêu tình thương vào đó khi bước chân xuống tầu sang Anh-quốc, chỉ có em bé tôi là cho tôi yêu mà thôi. Ông tôi không thôi hằm hằm và nhổ bọt về phía tôi mỗi khi tôi lại gần. Cha tôi chỉ săn sóc đến tôi vào những buổi chiều để thu số tiền mà chúng tôi kiếm được. Mẹ tôi đi vắng luôn. Á-Lang, Á-Niên và Á-Ninh ghét tôi. Chỉ có em Cát là ưa tôi, nói

cho đúng là ưa cái túi kẹo của tôi. Thực là chán ngán.
Mặc dầu trước kia, tôi gác bỏ những nghi vấn của Mã-Tư, nhưng trong những lúc buồn, tôi lại tự nghĩ nếu tôi thật là con của gia đình này, người ta đã đối đãi với tôi một cách khác có đâu lại lãnh đạm như thế! Nào tôi đã làm gì để đến nỗi phải ghét bỏ, phải bạc đãi?
Mã-Tư thấy tôi có bộ âu sầu, anh cũng thừa rõ nguyên nhân, liền vừa nói một mình vừa để bảo tôi:
- Nóng ruột quá, mãi không thấy bà Bảo-Liên trả lời.
Muốn kiếm thư đó, chúng tôi phải đến hỏi sở Bưu Điện vì thư gửi lối "lưu trí", chúng tôi phải đến mà nhận. Vì thế, ngày nào chúng tôi cũng phải về qua sở Bưu Điện hỏi tin, chúng tôi đi lại mất bao nhiêu ngày vô ích. Sau cùng, bức thư mong đợi đó đã đến tay. Sở Bưu Điện không phải là chỗ đọc thư, chúng tôi tìm đến một ngõ vắng, thời giờ đó làm nguôi bớt xúc động của tôi. Đến nơi, tôi mở thư của bà Bảo-Liên, nghĩa là bức thư mà bà đã nhờ Linh-Mục Văn-Ông viết giúp:
Lê-Minh yêu quý của ta ơi!
Tiếp được thư con, ta rất lấy làm kinh ngạc và bực tức. Theo lời ông Bảo-Liên ngày trước nói chuyện với ta sau khi thấy con ở phố Bảo-Tương, cũng như sau khi tiếp chuyện ông khách đến tìm con, thì ta tin rằng cha mẹ con phải là một gia đình khá giả, một gia đình phú quý.
Điều đó rất có thể tin được, căn cứ vào cách ăn mặc của con khi ông Bảo-Liên ẵm con về làng Văn-Ông. Những đồ mặc của con tỏ ra là những đồ mặc của một đứa con nhà giầu. Con có hỏi ta những đồ mặc và những tã bọc đó thế nào. Việc này rất dễ, vì ta còn giữ những vật đó hòng làm chứng khi nào cần đến, mà theo ý ta, chắc cũng có ngày người ta đòi hỏi.
Nhưng trước hết, ta nói cho con biết ngay rằng con không có tã. Đôi khi ta có nói đến tã là do thói quen vì những trẻ sơ sinh vùng này đều quấn vải cả. Còn con, con không quấn bằng vải tã. Trái lại, con có quần áo tử tế. Đây là những thứ đã tìm thấy trên mình con ngày đó: một cái mũ bằng đăng-ten rất đẹp ít khi ta được trông thấy, một cái áo cụt tay bằng vải phim có đính ten ở cổ và ở hai tay, một cái áo lót bằng nỉ mỏng, một đôi bít-tất dài bằng len trắng, một đôi giầy trắng bằng sợi đan có những bông kết bằng lụa, một cái áo dài bằng nỉ mỏng và sau hết một cái áo khoác rộng có mũ trùm đầu, bằng cát-sơ-mia trắng, trong lót lụa, gấu có những đường thêu đẹp. Con không có khăn bọc thuộc bộ đồ đó vì khi ở sở Cảnh-sát người ta đã thay khăn bọc đó bằng một cái khăn vải thường.
Sau cùng, ta nói thêm rằng tất cả những vật đó không có dấu hiệu,

những áo lót bằng nỉ và cái áo cụt tay của con chắc có dấu hiệu vì những chỗ vẫn thường để ghi dấu hiệu đều bị cắt đi. Như thế chứng tỏ rằng người ta đã chủ tâm làm mất di tích cho hết tìm tòi.
Lê-Minh, con yêu quý của ta ơi! Đó là tất cả những điều mà ta biết. Khi nào con cần đến, cứ viết thư cho ta, ta sẽ gửi tất cả cho con.
Con ơi! Con đừng buồn vì không thể cho ta những tặng phẩm mà con đã hứa! Con bò của con đã mua bằng tiền là mồ hôi nước mắt của con, quý giá hơn tất cả các thứ quà khác trên đời này.
Ta rất hoan hỷ báo tin con biết con bò quý đó vẫn khỏe mạnh, sữa vẫn nhiều, nhờ nó bây giờ ta dễ chịu. Mỗi khi nhìn đến nó, ta không khỏi nghĩ đến con, đến Mã-Tư người bạn tốt của con.
Khi nào có dịp, con viết thư về cho ta, ta rất sung sướng nhận được tin tức con. Ta mong rằng những tin tức đó sẽ tốt lành. Một đứa trẻ thành thực, trung hậu đáng yêu như con lẽ nào lại không được sung sướng trong gia đình với cha, với mẹ, với các anh chị em; gia đình con lẽ nào lại không yêu thương con vì con đáng được thương yêu.
Thôi! Chào con, ta yêu dấu hôn con.
Người mẹ nuôi của con
Sương phụ Bảo-Liên
Đoạn cuối thư làm cho tôi đau lòng. Bà Bảo-Liên khốn nạn, bà đã thương tôi biết nhường nào! Vì bà yêu tôi nên bà tưởng tượng rằng tất cả mọi người ai cũng phải yêu tôi như bà.
Mã-Tư nói:
- Bà Bảo-Liên đáng kính, bà đã nhớ đến tôi. Nhưng rồi đây bà có quên tôi, tôi cũng không thể không cảm ơn bà vì lá thư kia. Với sự mô tả đầy đủ đó, ông Điệp-Công không thể mơ hồ về số quần áo ở mình anh khi người ta bắt trộm anh được nữa nhá!
- Cha tôi có khi quên chăng?
- Anh đừng nói thế. Quên làm sao được những quần áo người ta đã mặc cho con hôm nó mất tích, vì phải nhớ cách ăn mặc thế nào thì mới hòng tìm được chứ!
- Hãy đợi từ nay đến hôm cha tôi trả lời. Anh đừng đặt những giả thuyết nữa. Tôi van anh.
- Không phải tôi đặt giả thuyết. Đó là ý kiến của anh vì anh bảo cha anh có khi quên chăng.
- Thôi, chúng ta đợi xem.
Hỏi lại cha tôi cách ăn mặc của tôi thế nào khi tôi bị bắt trộm thực là một việc khó khăn. Nếu tự nhiên, không có ẩn ý gì mà tôi hỏi một cách ngây thơ thế thì dễ lắm. Nhưng đằng này, tôi định tâm dò hỏi thì lại thấy chút chát và ngài ngại. May sao, một hôm trời mưa lạnh,

chúng tôi về nhà sớm hơn ngày thường. Tôi hết sức lấy can đảm đưa câu chuyện về vấn đề thắc mắc trên đã từng làm cho tôi đau đớn.
Tôi mới thò ra mấy tiếng đầu, cha tôi đã nhìn mặt tôi, soi mói ở mắt tôi như những lần tôi nói câu gì phật ý cha tôi. Tôi cứ bình tĩnh nhìn cha tôi, tự nhiên như thường.
Tôi tưởng cha tôi sắp cáu tiết, tôi liếc mắt nhìn Mã-Tư – lúc đó anh ngồi giả vờ như không để ý gì cả – có ý bảo cho anh biết là anh đã xúi dại tôi. Nhưng cha tôi không làm gì cả. Khí tức đã bốc hết rồi, cha tôi mỉm cười có vẻ thâm độc nhưng cũng là một nụ cười.
Cha tôi nói:
- Cái đã làm cho ta dễ tìm thấy con chính là cách ăn mặc của con trong ngày con bị bắt trộm, một cái mũ vải viền đăng-ten, một cái áo cụt tay cũng có đăng-ten, một tấm lót và một cái áo dài bằng nỉ mỏng, một đôi bít-tất len, một đôi giầy đan, một cái áo choàng có mũ chùm đầu bằng cát-sơ-mia trắng gấu thêu. Ta hy vọng nhiều nhất vào những dấu hiệu Đ.P., nghĩa là Điệp-Công-Phan, tên của con. Nhưng thiếu nữ bắt trộm con đã khôn khéo cắt mất hai chữ đó để mất lối tìm kiếm. Ta đã phải xuất trình giấy chứng thư "rửa tội" xin ở nhà thờ, người ta đã trả lại và hiện giờ ta vẫn còn giữ đây.
Nói xong, cha tôi vui vẻ – cái vui vẻ bất thường – lục ở ngăn kéo và lấy một tờ giấy lớn có nhiều dấu đưa cho tôi xem.
Tôi cố can đảm nói:
- Nếu cha vui lòng, cha cho Mã-Tư xem.
- Tốt lắm.
Mã-Tư dịch tàm tạm đôi câu cho tôi nghe: tôi sinh ngày thứ Năm mồng 2 tháng Tám, là con trai ông Điệp-Công-Tích và bà Mạc-Gia-Lan, vợ ông.
Còn hỏi thêm gì nữa? Tuy nhiên, Mã-Tư vẫn không chịu. Tối đến, khi chúng tôi vào xe ngủ, anh lại ghé vào tai tôi nói nhỏ như còn có điều gì bí mật nữa.
Anh nói:
- Tất cả những điều ta đã nghe đó, hay thực, nhưng chưa đủ giải thích cho ta tin rằng ông Điệp-Công-Tích và bà Mạc-Gia-Lan, vợ ông, giầu có thế nào mà may mặc cho con nào mũ đăng-ten, nào áo cánh đăng-ten, áo dài thêu gấu; những người lái buôn rong không phú quý như thế được!
- Chính vì cha mẹ tôi là lái buôn rong nên những quần áo đó mới dễ kiếm và rẻ tiền.
Mã-Tư lại thở dài và lắc đầu. Xong anh lại nói nhỏ vào tai tôi:

- Tôi còn một ý tưởng nữa nó cứ ám ảnh trong đầu tôi: anh không phải là con của quý ông Điệp-Công, mà chính là đứa con quý ông Điệp-Công đã bắt trộm.
Tôi định cãi lại thì Mã-Tư đã leo lên giường mất rồi. Nếu ở địa vị Mã-Tư, có lẽ tôi cũng có nhiều tưởng tượng như anh, nhưng ở địa vị tôi, tôi không được phép tưởng tượng bừa bãi thế. Người đó là cha tôi. Còn đối với Mã-Tư thì người đó là "quý ông Điệp-Công" như anh vẫn thường nói. Mỗi khi ý tưởng tôi nghiêng về Mã-Tư thì tôi lại cố nắm lại, nắm lại bằng một bàn tay cứng rắn.
Về quý ông Điệp-Công, Mã-Tư có thể tha hồ xét nghĩ.
Đối với Mã-Tư, quý ông Điệp-Công chỉ là một người, anh không bắt buộc có bổn phận gì. Trái lại, tôi, đối với cha tôi, tôi phải kính trọng. Trong trường hợp hiện thời của tôi, chắc hẳn cũng có sự gì uẩn khúc, nhưng tôi không được phép tự do nhận xét theo quan điểm của Mã-Tư, Mã-Tư có thể được hoài nghi. Còn tôi, cấm chỉ mới phải. Vì thế mỗi khi Mã-Tư ngỏ ý nghi ngờ cùng tôi, tôi có bổn phận bắt anh phải im.
Đó là việc tôi cố gắng. Nhưng Mã-Tư có đầu óc của Mã-Tư. Tôi không tài nào khuất phục nổi anh được.
Anh tức giận bảo tôi:
- Nếu không bằng lòng, anh cứ việc cộp vào đầu tôi đi. Nhưng anh hãy nghe tôi.
Vì thế tôi bắt buộc phải nghe những câu hỏi của anh.
"Tại sao Á-Lang, Á-Niên, Á-Ninh và bé Cát, tóc đỏ cả mà tóc tôi lại không đỏ?"
"Tại sao mọi người trong gia đình, trừ em Cát thơ dại ra, lại bạc đãi tôi như một con chó ghẻ?"
"Những người không giầu có gì lại may mặc cho con những quần áo có đăng-ten, thế là thế nào?"
Để trả lời những "tại sao" và "thế nào" của anh, tôi có những câu đáp rất hay, đồng thời cũng là những câu hỏi:
"Tại sao gia đình Điệp-Công lại tìm tôi nếu tôi không phải là con họ?"
"Tại sao vô cớ gia đình đó lại bỏ tiền ra cho Bảo-Liên và Phòng Cố vấn Pháp luật Greth and Galley?"
Về hai điểm này, Mã-Tư "trả lời" rằng anh chịu không "trả lời" được. Tuy nhiên anh vẫn không chịu thua, anh nói:
- Tôi không trả lời được những câu hỏi của anh, không phải là tôi nhầm trong những câu tôi hỏi mà chính anh cũng không trả lời được. Một người khác vào chỗ tôi, người đó có thể biết rõ tại sao quý ông Điệp-Công cần tìm anh và bỏ tiền ra với mục đích gì. Còn tôi, tôi

không tìm ra được vì tôi không tinh khôn và vì tôi không biết gì là gì.
- Anh đừng nói thế. Trái lại, anh là một người rất tinh khôn.
- Nếu tôi tinh khôn, tôi đã cắt nghĩa ngay được những điều tôi cảm thấy mà không cắt nghĩa được: không, anh không phải là con gia đình đó. Một ngày kia, thế nào chuyện đó cũng vỡ tung ra. Tôi tin chắc thế. Có điều bây giờ anh cứ khăng khăng không chịu mở mắt, thành ra anh làm chậm cái ngày giải thoát đó thôi. Tôi biết cái anh gọi là tinh thần gia tộc nó ràng buộc anh, nhưng anh đừng để nó làm mê muội anh.
- Nhưng anh bảo tôi làm gì bây giờ?
- Tôi bảo chúng ta trở về Pháp.
- Không được.
- Không được vì bổn phận bắt anh phải ở với gia đình. Nhưng nếu gia đình đó không phải là gia đình anh thì nó cũng cứ giữ được anh à?
Những câu bàn cãi về loại này không đi đến đâu cả, mà còn làm tăng mối buồn của tôi. Còn có cái gì ghê gớm hơn là cái ngờ, vì tôi đã sinh ngờ.
Người cha đó phải chăng là cha tôi? Người mẹ đó phải chăng là mẹ tôi? Gia đình đó phải chăng là gia đình tôi?
Nỗi lòng nói ra càng đau. Tôi muốn ngồi yên một xó cho đỡ khổ não. Khi tôi không có gia đình, tôi buồn tôi khóc. Khi tôi đã có gia đình rồi, ai biết rằng tôi buồn, tôi khóc hơn? Tìm đâu thấy tia sáng? Ai đem ánh sáng đến cho tôi? Bao giờ tôi mới biết sự thật?
Trước những câu hỏi đó, tôi vô cùng thất vọng. Tôi tự nghĩ giá trong lúc đêm tối này, tôi có đập đầu vào tường chăng nữa cũng không sao mở được lối ra. Thế mà ngày nào tôi cũng phải nén lòng sầu thảm để đàn, để hát, để nhăn mặt làm trò cười cho thiên hạ xem.
Những ngày chủ nhật là những ngày tốt cho tôi vì người ta không hát rong ở Luân-Đôn trong những ngày nghỉ. Những hôm đó, tôi được tự do trầm lự, tự do đi chơi với Mã-Tư và Lãnh-Nhi. Thân hình tôi thiều tụy trông không giống tôi về mấy tháng trước.
Một chủ nhật kia, khi tôi đang sửa soạn đi chơi với Mã-Tư, cha tôi bảo có việc cần đến tôi, giữ tôi ở nhà và cho Mã-Tư đi chơi một mình. Ông tôi ở nhà trên. Mẹ tôi đưa hai con gái đi chơi. Các em trai tôi cũng ra phố cả. Ở nhà chỉ còn cha tôi và tôi.
Một giờ sau, có tiếng gõ cửa. Cha tôi chạy ra mở. Lúc trở vào, có một người đàn ông theo sau. Ông khách này không giống những bạn hàng ngày của cha tôi.
Ông ta vào hạng người mà ở nước Anh thường gọi là thân sĩ, nghĩa

là một nhân vật ăn mặc sang trọng, và dáng điệu cao quý. Ông khách độ năm mươi tuổi, nét mặt hơi mệt nhọc. Cái mà tôi nhận thấy trước nhất ở ông ta là cái cười nhếch đôi môi để lộ hai hàm răng trắng nhọn như gấu con. Cái đặc điểm đó làm cho người ta khi trông thấy phải tự hỏi: không biết có phải ông ta nhếch mép để cười không, hay là chực cắn?
Trong khi nói chuyện với cha tôi, thỉnh thoảng ông lại quay nhìn vào tôi. Nhưng khi gặp mặt tôi thì ông lại trông ra chỗ khác.
Nói chuyện bằng tiếng Anh một lúc, ông quay ra nói tiếng Pháp.
Ông nói rất thạo và nhanh.
Ông trỏ vào tôi và hỏi cha tôi:
- Đây là đứa trẻ mà ông đã nói chuyện với tôi? Nó coi bộ khỏe mạnh đấy.
Cha tôi bảo tôi:
- Con trả lời đi.
Ông khách lại hỏi tôi:
- Em khỏe mạnh chứ?
- Thưa ông, vâng.
- Em không bao giờ ốm chứ?
- Một lần con bị phế viêm.
- A! A! Tại sao thế?
- Vì ngủ đêm trong mưa tuyết và gió lạnh. Thầy con chết rét, còn con bị sưng phổi.
- Đã lâu chưa?
- Ba năm nay.
- Từ đó em có mắc lại chứng đó không?
- Không.
- Không mệt, không lử, không có mồ hôi đêm chứ?
- Không bao giờ có, con chỉ mệt khi nào đi nhiều, nhưng không vì thế mà ốm.
- Em chịu được mệt nhọc?
- Phải chịu.
Ông liền đứng dậy lại chỗ tôi, ông nắn cánh tay tôi, đặt tay trên tim tôi, rồi áp đầu vào lưng, vào ngực tôi, bảo tôi thở mạnh như người chạy nhiều. Ông cũng bảo tôi ho cho ông xem nữa.
Khám xong, ông nhìn thẳng vào mặt tôi hồi lâu, ông mỉm cười, cái cười ghê sợ, tôi tưởng ông sắp cắn tôi.
Không hỏi tôi nữa, ông về chỗ, tiếp tục nói chuyện với cha tôi bằng tiếng Anh. Vài phút sau, hai người đưa nhau ra, không đi cửa trước mà bằng lối cửa sau nhà để xe.

Ngồi một mình, tôi nghĩ mãi không hiểu ông khách hỏi tôi thế để làm gì. Ông muốn dùng tôi làm người hầu chăng? Như vậy tôi phải xa Mã-Tư và Lãnh-Nhi. Không đời nào tôi chịu đi làm đầy tớ ai, không phải tôi sợ ông thân sĩ có vẻ độc ác kia, nhưng nếu có người tử tế khác cần đến, tôi cũng không làm.
Một lúc sau, cha tôi trở về, bảo có việc bận phải đi và tôi có thích thì cứ đi chơi. Tôi không thích, nhưng ở nhà làm gì bây giờ. Đi chơi còn hơn là ở nhà ngồi buồn.
Nhân trời mưa, tôi vào xe tìm chiếc áo da cừu. Tôi giật mình thấy Mã-Tư nằm trong xe! Tôi định hỏi, anh lấy tay bịt mồm tôi lại và nói sẽ:
- Anh mở cửa sau, đi trước đi. Tôi sẽ yên lặng theo sau. Đừng để người ta biết tôi vẫn nằm trong xe.
Chúng tôi ra phố, đi một quãng xa rồi Mã-Tư mới dám nói chuyện. Anh nói:
- Anh có biết ban nãy ai đến nói chuyện với cha anh không? Ông Mỹ-Giang, chú của An-Tuyên bạn anh đấy.
Tôi sững người ra giữa phố. Anh cầm tay tôi dắt đi và nói tiếp:
- Vì tôi đi chơi một mình thấy phố buồn và ngày chủ nhật buồn quá. Tôi lộn về và lên giường ngủ. Nhưng tôi không ngủ được. Chợt thấy cha anh và ông khách tự nhiên vào nhà để xe. Tôi không chú ý và nghe thoáng thấy ông thân sĩ nói rằng:
“Nó rắn chắc như đá. Sưng phổi, mười đứa khác phải chết, thế mà nó sống”.
Biết là nói chuyện anh, tôi liền chú ý, nhưng câu chuyện lại sang vấn đề khác. Cha anh bảo ông khách:
“Bệnh tình cháu ông thế nào? – Khá, lần này có cơ thoát. Đã ba tháng nay, thầy thuốc đều chê cả. Mẹ nó đã hết lòng săn sóc và cứu được nó. Bà Mỹ-Lưu thực là một người mẹ hy sinh vì con”.
Anh coi: Nghe đến tên bà Mỹ-Lưu, tôi giật mình và cố lắng tai.
Cha anh hỏi tiếp:
“Nếu cháu ông không việc gì thì mọi đề phòng của ông thành ra vô ích cả à? – Ông khách đáp: trong lúc này thì thế, nhưng tôi không tin rằng An-Tuyên sống. Nếu nó sống thì chẳng là một ‘phép mầu’ đó sao! Trong đời này không còn ‘phép mầu’ nữa. Sau này nó chết, phải tránh mọi trở ngại để người độc nhất thừa kế phải là Mỹ-Giang mới được”.
Cha anh nói:
“Xin ông yên tâm. Việc đó tôi xin cam đoan giúp đỡ ông”.
Thân sĩ nói:

“Tôi rất trông cậy vào ông”.
Rồi ông ta nói thêm nhiều tiếng mà tôi không hiểu rõ, đại khái là: “Hiện thời, ta phải xử trí khoản đó”.
Thế rồi ông ta ra về.
Nghe xong câu chuyện, tôi chực chạy luôn về hỏi cha tôi cái địa chỉ của ông Mỹ-Giang để viết thư hỏi thăm bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên. Nhưng tôi nghĩ ngay ra đó là một việc làm rất khờ dại. Tìm đến người đang mong cho cháu mình chết mà hỏi tin tức đứa cháu đó, có phải ngu không? Vả lại làm thế có phải là tự tố giác mình là người đã đi nghe trộm không!
An-Tuyên còn sống và đã bình phục! Hiện thời chỉ một tin đó cũng đủ làm cho tôi mừng lắm rồi.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXVIII
ĐÊM GIÁNG SINH

Ngày nào chúng tôi cũng chỉ nói đến chuyện cậu An-Tuyên và bà Mỹ-Lưu, đến chuyện ông Mỹ-Giang. Cậu An-Tuyên và bà mẹ cậu bây giờ ở đâu? Chúng tôi làm thế nào mà tìm thấy bà?
Cuộc đến thăm của ông Mỹ-Giang đã gợi ra cho chúng tôi một ý nghĩ và gây thành một chương trình hành động mà kết quả có thể tin được là mỹ mãn: ông Mỹ-Giang một lần đã để chân đến xóm Hồng-Sư, rất có thể ông lại đến lần thứ hai, thứ ba nữa: ông chả có việc phải giao dịch với cha tôi là gì? Thế rồi, khi ông trở ra, Mã-Tư – ông không biết mặt – sẽ theo hút ông và biết được địa chỉ. Rồi chúng tôi dò hỏi người nhà và đầy tớ tất nhiên sẽ biết được chỗ ở cậu An-Tuyên.
Sao lại không biết được? Tôi tin chắc là phải thành công.
Cái chương trình tốt đẹp đó không những có lợi cho tôi là sẽ được gặp cậu An-Tuyên, lại còn cái lợi hiện thời là làm cho tôi bớt phiền muộn.
Sau việc Lãnh-Nhi xảy ra, sau ngày bà Bảo-Liên trả lời, Mã-Tư không thôi nhắc tôi: “Chúng ta phải trở về Pháp”. Đó là một điệp khúc mà tôi phải nghe luôn. Tôi cũng trả lại anh bằng một điệp khúc khác: “Tôi không thể bỏ gia đình tôi”, chúng tôi không sao đồng ý nhau được, vì ai cũng cố giữ vững lập trường của mình:

- Anh phải đi!
- Tôi phải ở!
Nhưng từ khi câu đáp "tôi phải ở" có thêm túc từ "để tìm An-Tuyên" thì Mã-Tư không còn lý gì để cãi lại nữa. Anh không chống lại An-Tuyên, vì nên hay đừng cho bà Mỹ-Lưu biết âm mưu của em chồng bà?
Muốn đợi Mỹ-Giang mà chúng tôi cứ phải sáng đi tối về như lệ thường từ ngày đến Luân-Đôn tới nay, thì bao giờ gặp được. May sao đã gần đến vụ nghỉ đàn hát ban ngày để đi trình diễn về đêm, nghĩa là đến vụ hòa nhạc về dịp lễ Giáng-Sinh. Lúc đó, được ở nhà suốt ngày, chúng tôi sẽ thay phiên nhau tuần phòng thì thế nào cũng bắt gặp được chú cậu An-Tuyên.
Một hôm Mã-Tư bảo tôi:
- Anh có biết tôi mong mỏi được gặp bà Mỹ-Lưu không?
- Tại sao?
Anh ngập ngừng hồi lâu rồi nói:
- Vì bà đã thương yêu anh lắm.
Rồi anh nói thêm:
- Vì may ra bà có thể "làm cho anh tìm thấy cha mẹ thật" của anh.
- Mã-Tư!
- Tôi không muốn nói ra, nhưng không phải lỗi tại tôi vì không một giây phút nào mà tôi không nghĩ rằng anh không phải là con gia đình Điệp-Công. Anh hãy nhìn tất cả những người trong nhà đó rồi anh nhìn lại anh xem. Tôi không muốn nói đến màu tóc nữa. Anh có cái "cử động của bàn tay" và "cái cười giả tạo" của ông anh không? Nếu tôi không phải là con cha tôi thì sao tôi lại không học mà biết thổi kèn, đánh vĩ-cầm và biết dùng các thứ nhạc khí khác? Cha tôi là Nhạc công; tôi cũng thành Nhạc công. Đó là lẽ tất nhiên. Còn anh, tôi trông anh có dáng điệu thiên nhiên của một trang thân sĩ, anh tất "thành một thân sĩ khi anh được gặp bà Mỹ-Lưu".
- Tại sao thế?
- Tôi nghĩ thế.
- Anh cho tôi biết ý nghĩ của anh.
- Ô! Không thể được.
- Bởi vì?...
- Bởi vì ý nghĩ của tôi xuẩn quá.
- Thì sao?
- Nếu ý nghĩ đó không đúng, nó lại thành ra ngu. Không nên tạo những cái vui để mừng hụt. Cái kinh nghiệm về màu xanh của tên phố Bethnal (Thanh-Viên) đã cho ta một bài học. Chúng ta có tìm

thấy những cánh đồng cỏ ở đấy không hay chỉ là những ao bùn?
Tôi không ép anh nói, vì tôi, tôi cũng có một ý kiến.
Ý kiến của tôi nghĩ ra cũng mơ hồ lộn xộn, rụt rè và có lẽ xuẩn hơn ý kiến của Mã-Tư, nên vì thế mà tôi không dám nài anh ngỏ ý kiến của anh cho tôi nghe. Tôi sẽ trả lời anh sau, nếu ý kiến của anh cũng giống cái ý kiến đang bồng bềnh vô định trong đầu tôi như ở một giấc mơ? Tôi không dám phát biểu ra vì tôi không có can đảm bàn cãi với anh về điều đó.
Chỉ còn có cách đợi. Chúng tôi đợi.
Trong khi chờ đợi, chúng tôi tiếp tục hát rong trong thành phố Luân-Đôn. Chúng tôi không phải là những nhạc sĩ anh chị có hẳn một khu phố riêng để ngự trị. Chúng tôi là những trẻ con và mới đến, không nắm được một phố nào, phải nhường chỗ cho các bậc đàn anh đòi quyền sở hữu của mình bằng những luận điệu mà chúng tôi không sao đấu được.
Đã bao nhiêu lần, chúng tôi vừa hát xong đang lãnh tiền thì phải bỏ chạy cho nhanh vì gặp bọn hát Tô-Cách-Lan. Đàn ông thì để đùi trần, đàn bà thì vận váy xếp nếp. Họ mặc áo tơi vải, đội mũ vải cắm những chiếc lông chim dài. Chỉ nghe thấy tiếng kèn của họ là chúng tôi phải chạy rồi.
Lại còn những bọn nhạc công da đen đi xông xáo khắp các phố mà chúng tôi rất sợ. Những tên Mọi giả này ăn mặc thô lỗ bằng những chiếc áo đuôi cá thu, rộng cổ, trông hình thù họ chẳng khác chi một bó hoa quấn trong tờ giấy. Họ ghê gớm hơn là bọn Tô-Cách-Lan. Hơi trông thấy bóng họ hay nghe thấy tiếng đàn banjo của họ là chúng tôi phải kính trọng im ngay và lảng đến một phố xa, không có bọn nào của họ nữa, hoặc có thì chúng tôi chỉ đứng nhìn chờ cho họ trổ tài xong mới dám hành nghề.
Một hôm, chúng tôi đang là khán giả của họ, tôi thấy trong bọn họ có một người ngộ nghĩnh nhất vẫy Mã-Tư. Tôi tưởng anh ta trêu ghẹo chúng tôi, dùng chúng tôi làm cái bung sung để diễn thêm một trò vui cho công chúng. Tôi ngạc nhiên thấy Mã-Tư giơ tay trả lời một cách thân mật.
Tôi hỏi anh:
- Anh quen hắn à?
- Bốp đấy.
- Bốp là ai?
- Bốp là bạn cũ của tôi ở gánh xiếc Gát-Sô. Anh là một trong hai vai hề khá nhất mà tôi thường nói với anh. Chính Bốp đã dạy tôi nói tiếng Anh.

- Sao anh không nhận hắn trước?
- Ngày xưa, mặt anh bôi phấn, bây giờ anh bôi đen đi, ai biết được.
Khi cuộc diễn của phường da den đã mãn. Bốp lại chỗ chúng tôi. Coi vẻ về vập cuống quít của Bốp trước Mã-Tư, tôi phục Mã-Tư là người có tài làm cho ai cũng thích, cũng yêu. Một người anh ruột tưởng cũng không nồng nàn trong khóe mắt và trong giọng nói bằng người bạn cũ này. Anh hề nói:
"Thời buổi khó khăn, anh bắt buộc phải làm Mọi da đen".
Nhưng trò chuyện chẳng được lâu. Anh phải theo bọn của anh. Chúng tôi phải tìm lối mà anh không đi đến. Hai bạn hẹn gặp nhau đến chủ nhật tới sẽ gặp nhau để kể chuyện hàn ôn trong những ngày xa cách.
Vì yêu Mã-Tư nên anh rất có cảm tình với tôi. Thành ra chúng tôi có thêm một người bạn. Cái kinh nghiệm và lời khuyên của anh đã làm cho đời sống của chúng tôi ở Luân-Đôn dễ dàng và sáng sủa hơn từ trước đến giờ. Anh cũng thích Lãnh-Nhi. Anh thèm muốn và phân bì nếu anh có được một con chó như thế, anh sẽ làm giầu không mấy lúc. Nhiều lần anh đề nghị cả ba người – nghĩa là cả bốn vì có Lãnh-Nhi nữa – nên hợp tác với nhau. Nhưng, cũng như không muốn bỏ gia đình tôi để về Pháp thăm Lệ-Hoa và các bạn hữu tôi, tôi không đồng ý theo Bốp đi quanh Anh-quốc.
Theo nếp sống cũ, chúng tôi đã gần đến kỳ lễ Giáng-Sinh. Đáng lẽ, sáng phải rời bãi Hồng-Sư, bấy giờ đến tám, chín giờ tối chúng tôi mới phải ra đi và tìm đến các nơi mà chúng tôi đã lựa chọn.
Trước hết, chúng tôi đến các công viên và những phố ngớt xe cộ, vì cần phải tĩnh mịch thì tiếng nhạc của chúng tôi mới lọt được vào các cửa đã đóng để đánh thức những trẻ em đã nằm trên giường và báo cho chúng biết sắp đến ngày lễ Giáng-Sinh, một ngày lễ yêu dấu đã ăn sâu vào lòng của mọi người Anh. Rồi chúng tôi đến dần những phố lớn. Những chuyến xe cuối cùng đưa khách xem hát về nhà, những chuyến xe đó đi qua rồi, thì bầu không khí trở nên yên tĩnh. Chúng tôi dạo những khúc êm ái, nhẹ nhàng, những khúc u sầu có tính chất tôn giáo. Vĩ-cầm của Mã-Tư khóc than, cây thụ-cầm của tôi rên rỉ. Những lúc chúng tôi nghỉ tay, ngọn gió lại đem đến bên tai chúng tôi những tiếng đàn văng vẳng của một bọn khác đang trình diễn đâu đây. Cuộc hòa nhạc kết thúc.
- Thưa quý ông quý bà, chúc quý vị một đêm Giáng-Sinh an lạc.
Chúng tôi lại sang phố khác tái diễn cuộc hợp tấu của chúng tôi. Đêm khuya, nằm trong giường trên chăn, dưới đệm mà nghe đàn, nghe hát kể cũng thích thú. Người ta có biết đâu, chúng tôi những kẻ

đàn hát đây, lang thang khắp nẻo, không nệm, không chăn, những ngón tay sưng và cóng vẫn phải vận động không ngừng.
Những đêm Giáng-Sinh này, thời tiết ác quá: Thế mà suốt trong ba tuần lễ, không đêm nào là chúng tôi không có mặt ở các phố cho mãi đến khuya.
Đã bao nhiêu lần khi những cửa hàng chưa đóng hẳn, chúng tôi đứng dừng trước hàng gà, hàng quả, hàng kẹo, hàng mứt. Chao ôi! Những con ngỗng béo đẹp! Những con gà tây to! Những con gà giò trắng mập! Lại còn những đống cam, lê, táo xếp cao như núi. Những quả thơm đó làm chúng tôi thèm!
Qua những hàng này, những đứa trẻ được nuông chiều, có lẽ đã ôm lấy cha mẹ đòi mua.
Qua các phố, nhà nghèo cũng như nhà giầu đều có một quang cảnh đầm ấm, tưng bừng, chúng tôi cảm thấy chúng tôi lẻ loi, cô quạnh. Lễ Giáng-Sinh chỉ vui cho những ai được sống trong yêu thương!
Sau những ngày lễ Giáng-Sinh, chúng tôi phải đi làm ban ngày. Cơ hội để gặp ông Mỹ-Giang thành khó ra. Chúng tôi chỉ hy vọng vào ngày chủ nhật. Vì thế, ngày chủ nhật là ngày tự do. Ngày giải trí cho chúng tôi, chúng tôi phải hy sinh để ở nhà.
Chúng tôi đợi.
Một hôm gặp Bốp, Mã-Tư không nói nguyên do những điều chúng tôi đang bứt rứt, anh hỏi luôn Bốp: có cách gì để tìm địa chỉ một bà tên là Mỹ-Lưu có người con trai liệt chân và một ông tên Mỹ-Giang không. Bốp trả lời: bà Mỹ-Lưu là người thế nào và ông Mỹ-Giang làm nghề nghiệp gì, hoặc có rõ địa vị xã hội của ông thì may ra mới biết vì có nhiều người trùng tên, vả họ Mỹ ở Luân-Đôn cũng nhiều mà ở trong nước Anh lại càng lắm hơn nữa.
Chúng tôi không nghĩ đến đều đó. Đối với chúng tôi thì chỉ có một bà Mỹ-Lưu là mẹ cậu An-Tuyên và chỉ có một ông Mỹ-Giang là chú cậu thôi.
Lúc đó, Mã-Tư lại giục tôi trở về Pháp. Tôi bảo anh:
- Vậy thì anh không muốn tìm bà Mỹ-Lưu nữa hay sao?
- Không phải thế. Nhưng không có cái gì chứng minh là bà hiện ở nước Anh.
- Càng không có chứng cớ gì là bà ở Pháp.
- Điều này có lẽ đúng: vì An-Tuyên còn ốm. Tất bà phải đưa con đến một xứ có khí hậu thích hợp cho sức khỏe của con.
- Không phải chỉ có nước Pháp mới có khí hậu tốt.
- Lần trước, cậu sang Pháp mà khỏi bệnh, lần này tất bà lại đưa cậu sang đó. Vả lại tôi muốn anh rời khỏi nơi này.

Tôi không dám hỏi anh tại sao phải bỏ đi, tôi sợ anh trả lời đúng như điều mà tai tôi không muốn nghe.
Anh nói tiếp:
- Tôi sợ lắm. Chúng ta đi đi thôi! Ở đây rồi thế nào cũng xẩy ra tai họa cho chúng ta. Đi đi thôi!
Cách cư xử của gia đình tôi đối với tôi vẫn không thay đổi. Ông tôi vẫn giận dữ nhổ bọt về phía tôi. Cha tôi thỉnh thoảng chỉ có việc sai khiến tôi. Mẹ tôi không bao giờ nhìn đến tôi. Các em trai tôi lúc nào cũng tìm cách hại ngầm tôi. Em gái lớn tôi, hễ nhìn thấy mặt tôi là sinh sự. Còn em Cát chỉ yêu gói kẹo của tôi đem về thôi. Nhưng dù sao tôi cũng không thể theo lời khuyên của Mã-Tư, cũng như không thể tin anh bảo tôi không phải là con của quý ông Điệp-Công. "Ngờ" tôi có thể "ngờ" lắm, nhưng "tin chắc" là phải hay không là con ông Điệp-Công thì tôi "không tin" được.
Thì giờ đi thong thả, thong thả lắm nhưng cứ đi đều. Hết những ngày này lại đến những ngày khác. Hết những tuần lễ này lại đến những tuần lễ khác. Đã đến lúc gia đình tôi phải rời Luân-Đôn để đi các vùng quê trong nước.
Hai chiếc xe ngựa mới sơn lại. Người ta xếp chật ních hàng hóa để đem bán trong những mùa nắng ráo.
Biết bao nhiêu là thứ hàng và khéo xếp làm sao! Đủ thứ: vải, áo đan, mũ vải, khăn vuông, mùi soa, bít-tất, quần đùi, gi-lê, cúc, chỉ, bông, len, kim, kéo, dao cạo, hoa tai, nhẫn, xà phòng, sáp, xi đánh giầy, đá mài, thuốc trừ rận chấy, thuốc tẩy quần áo, thuốc mọc tóc, thuốc nhuộm tóc, vân vân…
Khi chúng tôi ở đó, chúng tôi trông thấy đem ở hầm lên những bao hàng lớn, những bao hàng này đã không được trực tiếp và đàng hoàng đem đến từ hiệu chính đến xóm Hồng-Sư.
Sau cùng, hai xe ngựa đầy hàng ăm ắp, những con ngựa không biết mua ở đâu và từ lúc nào cũng thấy dắt đến. Mọi việc đều chuẩn bị để lên đường.
Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ phải làm gì? Ở lại với ông tôi ở Luân-Đôn để giữ nhà hay sao? Đi bán hàng như Á-Lang, Á-Niên hay sao? Hay chúng tôi phải theo xe hàng để tiếp tục làm nghề diễn trò ở các làng, các tỉnh mà chúng tôi sẽ đi qua? Cha tôi nhận thấy chúng tôi kiếm ăn khá với những cây đàn, nên cho chúng tôi đi theo để diễn trò. Mãi trước hôm đi một ngày, cha tôi mới cho biết ý định đó.
Mã-Tư bảo tôi:
- Về Pháp đi. Đợi lúc nào có cơ hội là chúng ta đi liền.
- Sao lại không đi các miền nước Anh?

- Vì tôi đã bảo cho anh biết là chúng ta ở đây thì nguy hiểm đến nơi rồi.
- Nhưng ở đây may ra chúng ta tìm được bà Mỹ-Lưu.
- Tôi tưởng tìm bà ở Pháp có phần chắc hơn.
- Vậy ta cứ thử tìm ở Anh trước đã. Các việc khác sẽ tính sau.
- Anh có biết anh đáng gì không?
- Không.
- Đáng tôi bỏ anh để về Pháp một mình.
- Anh nói rất phải. Tôi muốn anh trở về Pháp. Tôi biết tôi không có quyền giữ anh. Tôi cũng biết anh rất tốt đã ở lại với tôi. Thôi, anh về đi. Anh sẽ thăm Lệ-Hoa, anh nói cho…
- Tôi sẽ nói cho Lệ-Hoa biết anh là một người ngu xuẩn và độc ác vì anh đã nghĩ rằng tôi sẽ lìa anh trong lúc anh đau khổ. Anh thực đáng thương! Tôi đã làm gì anh để đến nỗi anh có ý kiến đó? Nói đi, cho tôi biết, tôi đã làm gì anh? Không. Phải thế không? Vậy thì cứ theo xe hàng.

Lại một lần nữa, chúng tôi lại phiêu lưu trên đường cái. Nhưng lần này, tôi không được tự do muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì mặc ý. Vì chúng tôi phải theo gia đình Điệp-Công. Tuy nhiên, ra khỏi Luân-Đôn, tôi cảm thấy như người được cởi mở: tôi không phải trông thấy bãi Hồng-Sư nữa, tôi cũng không phải nhìn thấy cái hầm bí mật lúc nào cũng hiện ra trước mặt mặc dầu tôi cố quên đi. Đã bao nhiêu lần, đang đêm tôi giật mình tỉnh dậy vì trong cơn ác mộng, một ánh sáng đỏ đã lọt vào cửa sổ làm tôi hãi hùng. Đó là một ảo tưởng. Cái ánh sáng đỏ kia, tôi đã trông thấy một lần cứ ám ảnh mắt tôi như một ngọn lửa cháy. Chúng tôi bước sau xe hàng. Thay vào những mùi hôi hám của Thanh-Lâm, chúng tôi được thở hít cái không khí trong lành của những miền quê ngoạn mục mà chúng tôi đi qua, những miền chắc chắn không có chữ “Thanh” trong tên gọi, nhưng đượm một màu “xanh” dưới mắt và ríu rít những tiếng chim kêu bên tai chúng tôi.

Ngay hôm đầu cuộc khởi hành, tôi đã được mục kích cha tôi bán hàng. Đi đến một làng đông vui kia, hai chiếc xe dừng lại xếp hàng ở bãi đất công, các cửa ở một bên thành xe hạ xuống, người ta trông thấy ở trên các ngăn có đủ các thứ hàng. Những khách mua và những người tò mò đông hơn, kéo nhau lại xem.

Cha tôi rao:

- Xin xem giá hàng! Xin các ngài xem giá hàng! Không có nơi nào bán rẻ hơn ở đây. Hàng tôi không phải mua nên tôi bán rất rẻ. Có thể nói là tôi không bán, tôi đem biếu các ngài đây. Mời các ngài đến

xem giá!
Mấy người lại coi giá rồi lảng ra và nói nhỏ với nhau:
- Phải là hàng ăn cắp mới bán rẻ thế.
- Chính lão ta đã nói thế!
Nếu họ đưa mắt nhìn tôi lúc đó, họ sẽ thấy sắc đỏ của mặt tôi đã tiết lộ lời dự định của họ là đúng. Tuy họ không nhìn thấy sắc mặt tôi, nhưng Mã-Tư đã nhận thấy. Tối đến, anh mới ngỏ cùng tôi cái điều mà xưa nay anh dè dặt không dám đả động đến.
Anh bảo tôi:
- Anh có thể chịu mãi được cái nhục đó không?
- Nếu anh không muốn cái nhục đó tăng thêm thì anh đừng nhắc đến nó nữa.
- Không phải tôi muốn thế. Tôi muốn anh trở về Pháp. Tôi vẫn bảo ở đây chúng ta sẽ bị tai họa. Bây giờ tôi lại nói thế! Và tôi cảm thấy tai họa đó sắp đến nơi rồi. Anh phải biết chỉ trong mai mốt lính Cảnh-sát sẽ đến xem: sao quý ông Điệp-Công lại bán hàng hạ giá thế? Lúc đó sẽ xẩy ra sao?
- Anh Mã-Tư ơi! Tôi xin anh.
- Vì anh không muốn trông xa, tôi phải trông thay anh. Có ngày người ta giam cả lũ, cả anh, cả tôi nữa. Mà chúng ta có tội tình gì? Lúc đó, chúng ta làm thế nào mà tỏ được nỗi oan? Làm thế nào để bào chữa được? Chúng ta chả ăn phần bánh đã mua bằng tiền bán các hàng đó là gì?
Ý tưởng đó giáng mạnh xuống đầu tôi như một nhát búa, vì từ trước đến giờ tôi không nghĩ tới.
Tôi cố chống lại, không phải là chống với Mã-Tư mà chống với ý tưởng đó. Tôi nói:
- Phần bánh của chúng ta do tay chúng ta kiếm lấy.
Mã-Tư trả lời:
- Cái đó đúng lắm. Và cũng đúng lắm là chúng ta đã hợp tác với những người không làm để kiếm bánh mà ăn…
- Chính điều này mà người ta sẽ trông thấy và người ta chỉ trông thấy điều ấy thôi. Chúng ta sẽ bị giam như những kẻ đó. Nếu chúng ta bị giam về tội ăn trộm thì anh sẽ bị đau đớn hơn tôi. Vì tôi chỉ là một thằng khốn nạn, còn anh, khi anh tìm thấy gia đình anh, gia đình thực của anh thì buồn cho gia đình anh biết bao, nhục cho anh biết bao nếu anh bị tù tội! Vả lại, không phải chúng ta vào nhà lao mà chúng ta có thể tìm thấy gia đình anh. Không phải chúng ta có thể vào nhà lao mà chúng ta có thể báo cho bà Mỹ-Lưu biết Mỹ-Giang đang âm mưu hại cậu An-Tuyên. Bây giờ còn thì giờ, chúng ta nên xa lánh.

- Anh cứ việc đi!
- Sao anh lại xuẩn thế. Chúng ta cùng đi cả hoặc chúng ta cùng bị bắt cả. Khi chúng ta bị bắt, chỉ nay mai thôi, anh sẽ chịu trách nhiệm về việc rủ tôi đi với anh. Rồi anh sẽ xem trách nhiệm đó có nhẹ không? Nếu anh có ích cho những người mà anh không muốn bỏ, thì cái bướng của anh cũng đẹp đấy, nhưng đằng này anh không cần thiết cho người ta lắm. Không có anh người ta vẫn sống được kia mà! Anh nên nghĩ kỹ. Đi ngay thì hơn.
- Vậy, anh cho tôi nghĩ một ngày đã. Chúng ta sẽ định sau.
- Mau lên! Con quỷ đã ngửi thấy mùi thịt tươi rồi, nguy hiểm đã đến chân rồi.
Chưa bao giờ những câu nói, những lý luận, và những lời kêu nài của Mã-Tư làm cho lòng tôi nao núng như lần này. Nghĩ lại những câu anh nói, tôi lại cho sự bất quyết của tôi là hèn và tôi phải nghĩ bề nào cho dứt khoát. Nhưng tình trạng đã làm tôi không dám hành động.
Chúng tôi rời Luân-Đôn đã được gần hai tháng rồi. Chúng tôi đến một thành phố đang mở hội đua ngựa ở ngoại thành. Ở nước Anh, những cuộc đua ngựa không giống như ở Pháp, đua ngựa chỉ là một cuộc giải trí cho những người giầu đến để chưng diện, để xem một con ngựa chạy thi hoặc bỏ ra mấy đồng tiền vàng đánh cá để mua vui. Ở Anh, đua ngựa là một hội hè lớn cho cả một vùng. Không phải chỉ có những con ngựa dự vào cuộc vui. Trên những bãi hoang, trên những đụn cát dùng làm Trường Đua, nhiều đám diễn trò rong, những tài tử lưu đãng, những hàng quán đã đến hội tụ trước mấy ngày, ồn ào rộn rịp như một đám chợ phiên. Chúng tôi kíp đến để giữ chỗ: Mã-Tư và tôi là phường nhạc, gia đình Điệp-Công là hàng buôn. Nhưng đáng lẽ đi ngay đến Trường Đua, cha tôi lại đỗ ở trong tỉnh, có lẽ đã nhìn thấy một cơ hội gì tốt chăng. Đến nơi còn sớm quá, chúng tôi chưa phải giúp việc bày hàng, nên Mã-Tư và tôi rủ nhau ra Trường Đua ở một bãi hoang gần đó. Những lều vải lô nhô như nấm mọc. Từ xa, chúng tôi thấy những đám khói bay lên như chỉ cho chúng tôi biết địa điểm và giới hạn của hý trường. Không mấy lúc chúng tôi đến một đường trũng trong bãi. Chúng tôi trông thấy nhan nhãn những tiệm ăn, quán trọ, những lều, những rạp bằng gỗ, những xe bày hàng hay những cái bàn lộ thiên chung quanh chen chúc những người áo quần rách rưới. Chúng tôi đi qua một bếp lửa, có nồi treo trên, thì nhìn thấy anh Bốp. Gặp chúng tôi, anh mừng quá. Anh và hai người bạn nữa đến đây để làm xiếc, nhưng mấy nhạc công hẹn mà không đến thành ra lỡ việc, vì ngày mai, phải có rồi. Nếu

chúng tôi có thể vào thay các người đó, thực là giúp anh một việc rất lớn. Số tiền thu được sẽ chia làm năm phần. Và cũng dành một ít cho con Lãnh-Nhi.
Mã-Tư đưa mắt hỏi tôi. Muốn làm anh vui lòng, tôi nhận lời ngay, chúng tôi được tự do đi đánh đàn miễn là hết ngày có món tiền tốt đem về.
Chúng tôi thỏa thuận sáng hôm sau sẽ đến hợp tác với anh Bốp và các bạn anh.
Nhưng khi về đến xe hàng, một sự khó khăn hiện ra. Khi tôi báo tin đó cho cha tôi biết, cha tôi bảo rằng:
- Ngày mai ta cần đến Lãnh-Nhi, con không thể đem đi được.
Nghe câu đó, tôi hoảng hốt: người ta lại định dùng Lãnh-Nhi để làm việc bất lương chăng? Nhưng cha tôi đã phá tan mối nghi ngờ đó. Cha tôi nói:
- Lãnh-Nhi thính tai lắm. Nó nghe được những tiếng động rất sẽ, giữ việc canh xe rất tốt. Ở chốn đông người và lộn xộn này, người ta dễ "ăn cắp" của ta. Vậy mai con cứ đi làm với Bốp, nếu đêm về muộn, điều này rất có thể xẩy ra, các con cứ việc đến tìm ta ở quán "Cây Sồi" vì ta sẽ trọ ở đó. Tối nay ta sẽ cho xe về đó.
Quán trọ "Cây Sồi" ở về vùng quê, cách đấy độ hai ba cây số, một nơi vắng vẻ và buồn. Hai vợ chồng chủ quán trông người rất giảo quyệt. Chúng tôi đã ngủ ở đây đêm trước. Đêm về nhà trọ đó cũng không khó, đường thẳng dễ đi, ngại cái là sau một ngày mệt nhọc phải đi bộ hơi xa thôi.
Sáng hôm sau, tôi dắt Lãnh-Nhi chơi loanh qoanh cho nó ăn uống tử tế: không sợ thiếu thốn gì nữa, tôi buộc nó vào bên xe để nó coi giữ. Rồi Mã-Tư, và tôi cùng nhau đến Trường Đua.
Đến nơi, chúng tôi phải cử nhạc ngay, và cứ như thế, không một phút nghỉ ngơi làm cho đến tối. Những đầu ngón tay tôi đau nhức như muôn nghìn cái kim châm. Mã-Tư thổi kèn nhiều quá, nhọc hết cả hơi. Tuy nhiên anh vẫn làm phải tiếp tục làm việc. Bốp và các bạn anh vẫn nhẩy lộn và làm trò, chúng tôi không thể im phắt âm nhạc. Tối đến, chúng tôi tưởng được nghỉ, nhưng anh em lại bỏ lều mình sang quán rượu bên cạnh diễn trò hăng hái hơn trước.
Tôi gẩy đàn như cái máy, được chăng hay chớ, chẳng biết mình gẩy cái gì nữa. Mã-Tư miệng thổi kèn, mắt đờ ra, cũng chẳng biết mình phải làm gì hơn tôi. Đã hai mươi lần Bốp tuyên bố xuất này là xuất chót, đã hai mươi lần chúng tôi lại phải bắt đầu một xuất mới. Rồi cứ thế, kéo mãi cho đến nửa đêm.
Chúng tôi mệt lử. Các bạn chúng tôi dùng sức nhiều hơn chúng tôi

cũng kiệt lực: vì thế trong một trò họ đỡ hụt, cái gậy lớn rơi ngay vào đầu bàn chân Mã-Tư. Đau quá, Mã-Tư rú lên. Bốp và tôi vội vàng lại săn sóc anh. Tôi tưởng anh đến nát bàn chân, nhưng may sao vết thương chỉ rách thịt chảy máu và sưng lên, chứ xương chân không việc gì. Tuy nhiên, Mã-Tư không đi được nữa. Làm thế nào bây giờ? Đành phải để anh ngủ lại xe anh Bốp, còn tôi, một mình, trở về quán trọ Cây Sồi. Tôi cũng cần phải về để biết xem gia đình Điệp-Công định đi đâu?
Mã-Tư giữ tôi hai ba lần, anh bảo tôi:
- Anh đừng về nữa. Sáng mai chúng ta cùng về với nhau.
- Ngộ mai, không tìm thấy ai ở đấy thì sao?
- Như thế càng hay. Chúng ta sẽ được tự do.
- Nếu tôi muốn bỏ gia đình Điệp-Công, thì tôi không làm lối ấy! Vả anh tưởng họ không đuổi kịp ta chăng! Anh thoát đâu được với bàn chân đau ấy?
- Vậy mai chúng ta cùng về cả. Anh đừng đi đêm nay, tôi sợ lắm.
- Sợ gì?
- Tôi không biết, tôi sợ cho anh.
- Anh để tôi đi. Tôi hứa ngày mai sẽ trở lại.
- Nếu người ta giữ anh thì sao?
- Sợ họ giữ thì tôi để cây đàn ở đây. Mai tôi phải lộn đến lấy.
Thế rồi mặc dầu anh Mã-Tư sợ lo cho tôi, tôi cứ ra về, trong lòng không thấy sợ hãi gì.
Sợ ai? Sợ cái gì? Ai làm gì một đứa bé khốn nạn như tôi?
Tôi không sợ sệt chút gì, nhưng lòng tôi thấy cảm động. Từ ngày tới Luân-Đôn đây là lần thứ nhất mà tôi đi một mình không Mã-Tư, không Lãnh-Nhi bên cạnh. Nỗi lẻ loi đó cùng với những tiếng huyền bí của đêm khuya làm tôi nao lòng. Vầng trăng trên đầu tôi tỏa một ánh sáng nhợt nhạt, làm tôi buồn thêm.
Tuy nhọc thực, nhưng tôi bước nhanh và không mấy lúc đã đến nhà trọ Cây Sồi. Tôi nhìn mãi không thấy hai chiếc xe nhà tôi đâu. Chỉ có hai ba chiếc xe bò mui vải, một cái quán lớn bằng gỗ ván và hai chiếc xe chở đồ bưng bít, khi tôi lại gần có tiếng hươu nai ở trong đưa ra. Nhưng chiếc xe ngựa sơn màu rực rỡ của gia đình Điệp-Công ở đâu không thấy.
Đi đi lại lại trước quán Cây Sồi, nhìn qua cửa sổ con, thấy bên trong có ánh đèn, tôi đoán trong nhà còn thức, liền chạy đến gõ cửa. Người chủ quán mặt giảo quyệt, mà tôi đã trông thấy hôm qua, ra mở cửa và giơ đèn soi vào mặt tôi. Ông ta nhận ra tôi nhưng đáng lẽ tránh cho tôi vào, ông ta đặt cái đèn ở phía sau lưng, bước ra nhìn

chung quanh và nghe ngóng độ vài giây rồi lên tiếng bảo tôi:
- Xe nhà anh đi rồi, cha anh dặn tôi bảo anh, đêm nay phải đến Lewes ngay không được chậm trễ. Chúc anh lên đường may mắn!
Rồi ông ta đóng sập cửa lại, không nói hơn gì nữa.
Từ ngày tôi sang nước Anh, tôi đã tập nói tiếng Anh và hiểu rõ câu chủ quán vừa bảo. Nhưng có một tiếng, tiếng quan hệ nhất, tôi không hiểu là gì? "Louisse" ông ta nói thế, là nơi nào? Xứ nào? Tôi không đoán được, vì tôi không biết tiếng "Louisse", người Anh đọc, là chữ Lewes, tên một thành phố mà tôi vẫn nhìn thấy ở trên bản đồ. Vả lại, nếu tôi có biết thành phố đó ở đâu, tôi cũng không thể bỏ Mã-Tư đi ngay lập tức được. Dù kiệt sức rồi, tôi cũng phải trở lại Trường Đua. Tôi trở ra. Một giờ rưỡi sau, tôi đã nằm khoan khoái trên chiếc ổ rơm bên cạnh Mã-Tư trong xe của Bốp. Bằng mấy câu vắn tắt, tôi kể lại chuyện cho Mã-Tư rồi lăn ra ngủ như chết.
Được ngủ vài giờ, tôi đã lại sức. Sáng dậy, tôi muốn đi ngay tỉnh Lewes nhưng lúc đó Mã-Tư còn ngủ. Tôi liền ra xe, chạy lại chỗ anh Bốp. Anh đã dậy trước tôi và đang nhóm lửa. Anh nằm bò ra và hết sức thổi ở dưới đáy nồi. Chợt trông ra ngoài, tôi thấy hình như có người Cảnh-binh đang dắt con Lãnh-Nhi tới chỗ chúng tôi.
Sợ quá, tôi đứng im. Không hiểu sao lại như thế. Con Lãnh-Nhi thấy tôi, giật tuột dây trong tay người Cảnh-binh ra, nhẩy vài cái đến chỗ tôi và chồm lên cánh tay tôi. Người Cảnh-binh đến gần, hỏi tôi:
- Con chó này của anh phải không?
- Vâng.
- Thế thì tôi bắt anh.
Nói xong, người Cảnh-binh nắm chặt tay tôi lôi đi.
Thấy vậy Bốp liền chạy lại hỏi:
- Sao ông lại bắt đứa trẻ này?
- Nó là em anh?
- Không, là bạn tôi.
- Đêm qua, một người đàn ông và một đứa bé dùng thang trèo qua cửa sổ vào Nhà Thờ Thánh Giooc để ăn trộm. Chúng đem con chó này vào để báo động khi có người biết. Nó báo động thật, kẻ trộm hốt hoảng leo ra trốn mất, không kịp mang chó đi. Bắt được con chó này tất nhiên tìm ra thủ phạm. Quả nhiên tóm được một tên. Thế bây giờ người cha ở đâu?
Tôi không biết người Cảnh-binh hỏi Bốp hay hỏi tôi. Tôi không trả lời. Tôi đứng trơ ra.
Tôi hiểu cả những việc đã xẩy ra. Con Lãnh-Nhi có tai thính không phải dùng để coi xe mà để canh cho người ta vào Nhà Thờ ăn trộm.

Xe hàng rút lui vào chập tối không phải có việc về ngủ ở quán trọ Cây Sồi. Xe đó không tới quán trọ được cũng là vì vụ gian bại lộ phải trốn cho nhanh.
Tôi không cần nghĩ đến những kẻ đã chạy thoát rồi. Tôi nghĩ đến tôi. Dù sao, tôi cũng phải chống cãi. Tôi không tố giác ai cả nhưng tôi minh oan: tôi sẽ khai đúng cái thời giờ của tôi đã dùng trong đêm qua.
Khi tôi đang lý luận trong óc như vậy, Mã-Tư thấy tiếng lao xao liền bước ra xe, bước khập khiễng lại cạnh tôi.
Tôi nhờ Bốp nói hộ:
- Anh làm ở cắt nghĩa cho ông ta biết rằng tôi vô tội vì tôi ở đây với anh cho tới một giờ sáng. Rồi tôi đến quán trọ Cây Sồi nói chuyện xong lại trở về đây ngay.
Bốp thông ngôn cho người Cảnh-binh nghe. Nhưng ông ta có vẻ không tin. Trái lại, có ý ngờ tôi.
Ông ta nói:
- Đúng lúc một giờ 15 phút, kẻ trộm vào nhà thờ. Anh bé này ở đây ra đi khoảng một giờ hay trước đó một giờ, rất có thể anh ta cùng một đồng đảng đã trèo vào Nhà Thờ lúc một giờ mười lăm.
Bốp nói:
- Từ đây vào thành phố phải hơn mười lăm phút đồng hồ.
Người Cảnh-binh nói:
- Nếu chạy thì làm gì đến 15 phút, vả có cái gì chứng tỏ lúc đi là một giờ.
Bốp kêu lên:
- Tôi xin thề! Đúng là như thế.
Người Cảnh-binh nói:
- Anh nhận làm chứng à? Cái đó còn phải xét xem lời chứng của anh có giá trị không.
Bốp nóng mặt, nói nghiêm trang:
- Ông phải biết tôi là công dân nước Anh.
Người Cảnh-binh nhún vai không nói gì.
Bốp nói:
- Ông lăng mạ tôi phải không? Tôi sẽ viết cho báo “Thời sự”.
- Trong khi chờ đợi, tôi hãy đưa anh bé này về. Anh ấy sẽ giải thích trước mặt quan Tòa.
Mã-Tư chạy lại ôm lấy tôi. Tôi tưởng anh hôn tôi, nhưng thấy anh trao cho tôi cái thực tế trước rồi đến cảm tình sau.
Anh ghé vào tai tôi, nói:
- Can đảm lên, anh ạ! Chúng tôi không bỏ anh đâu!

Rồi anh mới hôn tôi.
Tôi nói với Mã-Tư bằng tiếng Pháp:
- Anh giữ Lãnh-Nhi lại.
Nhưng người Cảnh-binh hiểu tôi nói gì và bảo:
- Không, không được. Nhờ nó tôi bắt được tên này. Nhờ nó tôi sẽ tóm được những tên khác nữa.
Là lần thứ hai trong đời, người ta bắt tôi. Tôi thấy nhục nhã hơn. Không phải là việc bắt nhầm như vụ đuổi bò ngày nọ. Lần này nếu tôi có được tha chăng nữa, tôi thoát sao không khỏi đau đớn trông thấy những người mà người ta cho tôi là đồng đảng, bị trừng phạt đích đáng?
Bị Cảnh-binh áp giải, tôi phải qua một hàng rào gồm những kẻ tò mò chạy đến đón lối tôi đi. Nhưng họ không la ó, không dọa nạt như bên Pháp, vì những người đến xem ở đây không phải là dân quê, họ toàn là những người, phần đông bất mãn với Cảnh-binh, như chủ quán rượu, chủ hàng rong, tài tử diễn trò, võ sĩ xiếc, nghệ sĩ giang hồ, mà người Anh gọi chung là bọn Tramps, nghĩa là bọn "ma cà-bông".
Cái nhà mà người ta giam tôi không phải là cái nhà giam trò chơi dùng để phơi hành như lần trước tôi bị nhốt ở đấy. Nhà giam này là một nhà giam thực sự, có cửa sổ chắc, bằng những chấn song sắt to tướng, chỉ thoáng nhìn là tiêu tan ngay mọi mầm vượt ngục. Tất cả đồ đạc gồm có cái ghế dài để ngồi và cái võng để nằm.
Tôi ngồi phịch trên cái ghế đó, rầu rĩ âm thầm, nghĩ đến cảnh huống của tôi. Những ý tưởng cứ lộn xộn, rời rạc trong óc tôi. Cái hiện tại đáng hãi hùng biết bao! Cái tương lai lại càng đáng ghê sợ biết bao!
Mã-Tư đã khuyên tôi:
"Can đảm lên! Chúng tôi không bỏ anh".
Nhưng một đứa trẻ như Mã-Tư thì làm gì được? Cả đến một người lớn như Bốp hồ dễ làm gì được để giúp Mã-Tư? Khi người ta bị giam cầm, người ta chỉ có một ý nghĩ là muốn ra thôi.
Không muốn bỏ tôi, hy sinh giúp tôi thì Mã-Tư và Bốp làm thế nào cứu tôi thoát khỏi chốn ngục tù này?
Tôi đến cửa sổ mở ra, lấy tay sờ vào những chấn song, cái nọ bắt tréo cái kia như mắt cáo, vít ở phía ngoài và gắn chặt vào đá. Tôi nhìn bốn bức tường, bức nào cũng dầy gần một mét. Nền thì lát bằng những tấm đá rộng, cánh cửa thì bằng sắt và bọc tôn.
Tôi lại trở ra chỗ cửa sổ. Cửa sổ này trông ra một cái sân dài và hẹp. Ba mặt tường cao đến bốn mét. Cho dù có bạn bè dốc lòng giúp đỡ mấy đi nữa, nhất định người ta không ra thoát cái nhà lao này. Đối với sức mạnh của sự vật, cái tận tâm của bè bạn làm gì nổi? Cái tận

tâm không chọc thủng được tường!
Từ nay đến hôm được gọi ra trước mặt quan Tòa, là ngày người ta sẽ định đoạt số phận của tôi, tôi nghĩ không biết còn phải ngồi ở đây đợi bao nhiêu ngày nữa? Mặc dầu con Lãnh-Nhi có mặt ở Nhà Thờ, liệu tôi có thể bày tỏ nỗi oan của tôi không? Không đổ tội cho những người mà tôi không muốn tố cáo, không thể tố cáo, liệu tôi có thể biện giải cho tôi được không?
Tôi chỉ nghĩ đến chỗ này. Mà chính ở chỗ này, Mã-Tư và Bốp có thể giúp đỡ tôi được. Các bạn tôi sẽ cung khai sự thực để chứng minh rằng hồi một giờ rưỡi tôi không thể nào ở trong Nhà Thờ Thánh Giooc được. Nếu họ khai đúng thế, tôi sẽ thoát nạn mặc dầu cái bằng chứng câm của Lãnh-Nhi của buộc tội tôi.
A! Nếu Mã-Tư không đau chân. Anh đã xoay sở lo liệu cho tôi. Những bây giờ bệnh hoạn thế không biết anh có ra được khỏi xe không? Nếu anh không đi được, Bốp có muốn thay thế anh không? Tôi lo phiền quá, không sao ngủ được mặc dầu thân thể đau như giần. Tôi cũng chẳng buồn động đến đồ ăn người ta mang đến cho tôi. Chán thức ăn nhưng tôi thèm nước. Chốc chốc tôi lại chạy đến vò nước uống một hơi dài, mà vẫn cứ thấy đắng miệng và khát. Khi trông thấy người cai ngục vào phòng giam của tôi, tôi lại mừng rỡ và hy vọng, vì từ khi bị nhốt, tôi cứ rối ruột về một câu hỏi mà tôi không tìm được câu trả lời: “Bao giờ quan Tòa mới hỏi? Bao giờ tôi được cung khai để bào chữa?”
Tôi thường nghe người ta kể chuyện có người tù bị giam hàng tháng không được hỏi đến, có lẽ tôi cũng sẽ cùng số phận đó chăng? Tôi không biết ở nước Anh, cuộc thẩm vấn tội nhân không được để quá hai ngày từ lúc bị bắt đến lúc lấy cung.
Cái vấn đề không giải quyết được đó, tôi liền đem hỏi người cai ngục. Ông ta trông có vẻ không dữ tợn và sẵn lòng cho tôi biết là chắc chắn ngày mai tôi sẽ được ra hầu Tòa.
Vì tôi hỏi ông ta, nên ông ta hỏi lại tôi:
- Vậy anh đã vào Nhà Thờ như thế nào?
Đáp lại câu hỏi đó. Tôi hết sức trình bày những lý do, những bằng cứ tỏ ra tôi bị bắt oan. Nhưng nghe tôi nói, ông ta cứ so vai lên. Tôi nhắc đi, nhắc lại mãi rằng tôi không hề vào Nhà Thờ, ông ta bước ra còn quay lại nhìn tôi và lẩm bẩm:
- Những trẻ ranh ở Luân-Đôn hỏng cả!
Ông ta ra rồi, tôi buồn nản quá. Mặc dầu ông ta không phải là quan Tòa, tôi muốn ông ta thấu nỗi oan cho tôi. Nghe giọng nói, trông nét mặt của tôi, đáng lẽ là ông ta phải nhận là tôi vô tội mới phải.

Tôi đã không làm cho người cai ngục tin tôi thì tôi làm cho quan Tòa tin tôi như thế nào được? Nhưng không sợ, tôi đã có chứng tá nói thay tôi. Nếu quan Tòa không nghe tôi, tất quan Tòa phải tin những bằng chứng vạch rõ cái oan cho tôi.
Nhưng các nhân chứng của tôi sẽ khai thế nào? Tôi đã biết chưa? Trong những chuyện nhà tù mà tôi được biết, có một chuyện nói về cách thông tin cho tội nhân: người ta dấu thư vào trong những thức ăn đem đến cho thân nhân.
Có lẽ Mã-Tư và Bốp đã dùng đến mưu này. Nghĩ thế, tôi bẻ nát miếng bánh người ta đã đưa vào cho tôi, nhưng chẳng thấy gì. Những miếng khoai kèm bánh cũng được nghiền ra như cám mà cũng chẳng thấy có mẩu giấy nào.
Chắc Mã-Tư và Bốp không có tin gì để báo hay đúng hơn, họ không thể báo tin được.
Tôi đành đợi đến hôm sau, không cần nghĩ nữa. Nhưng tôi cứ nghĩ. Tôi nghĩ đến cái đêm ghê gớm vừa qua, sao tôi ngu dại đến thế? Ngu dại không tin cái tâm linh báo nguy của Mã-Tư và không nghe lời anh!
Sáng sớm hôm sau, người cai ngục đem vào cho tôi một vò nước và một cái chậu, bảo tôi rửa mặt để sắp ra trình Tòa. Ông lại nói thêm rằng:
- Thái độ đoan trang, đứng đắn đôi khi cũng là những lời biện giải hùng hồn cho người bị cáo.
Rửa mặt và sửa sang quần áo xong, tôi ngồi xuống ghế. Nhưng không sao ngồi yên được, tôi đứng lên đi đi lại lại trong buồng giam như con chim quay lộn trong lồng.
Tôi muốn dự bị cách bào chữa và những câu trả lời, nhưng lòng tôi sôi lên như người phát điên. Đáng lẽ nghĩ đến những việc bây giờ, tôi lại nghĩ đến những việc đâu đâu, lờ mờ qua trong óc tôi như một bóng đèn ma.
Người cai ngục trở lại và bảo tôi theo ra. Tôi đi bên cạnh ông ta. Sau khi qua nhiều hành lang hẹp và tối, chúng tôi đến trước một cái cửa nhỏ. Cánh cửa mở ra, người cai ngục bảo tôi:
- Vào đi!
Một hơi nóng đưa vào mặt tôi. Tôi nghe thấy những tiếng rì rầm bên trong. Tôi bước vào và tôi thấy tôi đứng ở trong một cái ngăn bằng gỗ. Tôi đã ra công đường.
Mặc dầu lúc đó tôi ngây ngất như mê và những mạch máu dồn dập ở trên đầu tôi như muốn đứt ra, tôi đưa mắt nhìn chung quanh và nhận rõ phòng hội đồng và đám công chúng ngồi chật ở bên dưới.

Phòng đó cao rộng, có những cửa sổ lớn; chia làm hai phần, một phần dành cho Tòa, một phần để cho công chúng.
Ông Chánh Án ngồi trên một cái bục cao nhất. Phía trước mặt ông Chánh Án và ở một cái bục thấp hơn, có ba ông nữa ngồi. Mãi sau này tôi mới biết đó là: ông Lục Sự, ông Thủ-Quỹ thu các khoản tiền phạt và một ông quan Tòa mà người Pháp thường gọi là Biện lý.
Trước mặt tôi, có một ông mặc áo chùng đen, đội tóc giả ngồi ở bàn, đó là Luật Sư của tôi. Sao tự nhiên tôi có một Luật Sư? Ông ta ở đâu đến? Ai đã mời đến cho tôi? Mã-Tư hay Bốp? Không phải là lúc tìm tòi để biết điều đó. Tôi có Luật Sư bênh vực. Thế là đủ.
Trong một khu ghế, tôi nhìn thấy Bốp và hai bạn anh, người chủ quán Cây Sồi và nhiều người khác tôi không quen. Ở một khu khác, tôi trông thấy người Cảnh-binh đã bắt tôi và mấy người nữa đi với người Cảnh-binh ấy.
Đó là những chỗ riêng cho các nhân chứng.
Những hàng ghế dành cho công chúng đều chật ních. Đứng ở bao lơn, tôi nhìn thấy Mã-Tư, mắt chúng tôi giao nhau, hôn nhau. Lập tức tôi thấy phấn khởi hẳn lên. Tôi sẽ được bênh vực. Tôi cảm thấy không bị nặng nề, bị đè ép nữa, bởi những con mắt tò mò chĩa cả vào tôi.
Ông biện lên tiếng đầu tiên. Ông có vẻ vội vàng, trình bày tóm tắt như sau:
- Một vụ trộm đã xẩy ra tại Nhà Thờ Thánh Gioóc. Quân gian là một người đàn ông và một đứa trẻ đã dùng thang, bẻ cửa sổ leo vào. Chúng mang cả một con chó vào để canh cho chúng vơ vét. Hồi một giờ sáng, một người trong phố về khuya thấy trong Nhà Thờ có ánh sáng, đứng lại lắng tai, nghe tiếng lách cách bên trong. Người đó liền chạy đánh thức Cha Sứ. Người ta kéo lên Nhà Thờ rất đông. Con chó sủa mấy tiếng. Khi người ta mở cửa vào thì những kẻ trộm sợ hãi đã tẩu thoát bằng lối cửa sổ bỏ lại con chó, nó không leo thang được. Con chó liền được viên Cảnh-binh Gia-Ry – một nhân viên thông minh và mẫn cán đáng khen – đưa ra ngay Trường Đua và tìm thấy chủ nó, chính là bị cáo đang đứng trước Tòa kia. Còn tên trộm thứ hai, hiện thời đang bị truy nã.
Sau khi nói thêm một vài nhận xét nữa để buộc tội tôi, ông biện lý ngồi xuống.
Một tiếng quát lớn:
- Im!
Lúc đó, ông Chánh Án, không quay về phía tôi. Trông thẳng và như nói cho mình nghe, hỏi tên tôi, tuổi tôi và nghề nghiệp của tôi.

Tôi trả lời bằng tiếng Anh: Tên tôi là Điệp-Công-Phan, 13 tuổi ở với cha mẹ tôi ở xóm Hồng-Sư khu Thanh-Lâm Luân-Đôn. Xong tôi xin phép tòa nói bằng tiếng Pháp, vì tôi ở Pháp từ thuở lên một và mới về Anh được mấy tháng nay.
Ông Chánh Án nghiêm nghị bảo tôi:
- Anh đừng tưởng lừa tôi được. Tôi biết tiếng Pháp.
Tôi kể lại chuyện tôi bằng tiếng Pháp. Tôi hết sức biện bạch rằng không thể nào tôi lại ở Nhà Thờ vào lúc một giờ được, vì trong giờ đó tôi ở Trường Đua và hồi hai giờ thì tôi ở quán trọ Cây Sồi.
Ông Chánh Án hỏi tôi:
- Anh ở đâu hồi một giờ 15 phút?
- Lúc đó tôi đang đi ở đường.
- Có gì làm bằng chứng không? Anh bảo anh ở trên đường đi quán trọ Cây Sồi mà cáo trạng cho rằng lúc đó anh ở Nhà Thờ. Đi từ Trường Đua hồi một giờ kém vài phút, anh có thể gặp đồng đảng đã đem thang đợi sẵn anh ở chân tường Nhà Thờ. Sau khi ăn trộm hụt, anh mới chạy đến quán trọ Cây Sồi.
Tôi cố sức cãi nhưng ông Chánh Án không chịu. Ông hỏi tôi:
- Thế anh cắt nghĩa cho Tòa biết tại sao con chó của anh lại ở trong Nhà Thờ?
- Tôi không cắt nghĩa được vì chính tôi không hiểu gì cả. Con chó đó không đi với tôi. Tôi buộc nó vào cái xe ở nhà từ buổi sáng.
Tôi không nói gì thêm nữa vì tôi không muốn đưa gậy cho người ta đập cha tôi. Tôi nhìn Mã-Tư, anh ta ra hiệu cho tôi nói nữa đi, nhưng tôi không nói nữa.
Tòa gọi một nhân chứng. Tòa bắt người đó phải lấy Phúc âm thề rằng nói thực, không hận thù mà cũng không tình cảm.
Đó là một ông người to mà lùn, trông bệ vệ oai nghiêm mặc dầu mặt đỏ và mũi xanh. Trước khi giơ tay thề, ông ta quỵ chân xuống trước Tòa rồi đứng lên, ưỡn ngực ra: đó là Cha Sứ Nhà Thờ Thánh Giooc.
Ông kể lể dài giòng. Ông nói:
- Tôi rất bực mình, đang ngủ có người đánh thức dậy báo tin có trộm vào Nhà Thờ. Tôi tưởng có kẻ định giễu cợt tôi. Nhưng chả có lẽ người ta lại giễu cợt một người tư cách như tôi. Tôi biết là có việc quan trọng. Tôi liền mặc áo, vì tôi vội vàng quá đánh bắn mất hai chiếc cúc áo gi-lê. Rồi tôi chạy lên Nhà Thờ. Tôi vừa mở cửa ra thì trông thấy… ai? Cái gì?... Một con chó.
Về điểm này tôi không trả lời được, nhưng Luật Sư của tôi, từ nãy đến giờ ngồi im. Bây giờ nắn lại vòng tóc giả, sửa lại hai vai áo, xong đứng dậy lên tiếng:

- Ai đóng cửa Nhà Thờ chiều hôm qua?
Cha Sứ trả lời:
- Tôi đóng, vì là bổn phận của tôi.
- Có chắc thế không?
- Khi tôi làm một việc gì, tôi biết chắc là tôi đã làm việc đó.
- Còn những khi ông không làm?
- Khi không làm thì tôi biết chắc là tôi không làm.
- Tốt lắm. Thế ông có thể thề rằng ông đã không vít con chó đó trong Nhà Thờ không?
- Nếu con chó đó ở trong Nhà Thờ thì tôi đã trông thấy.
- Mắt ông có tinh không?
- Như mắt mọi người.
- Cách đây sáu tháng, ông có đưa đầu vào bụng con bê đã mổ treo ở cửa một cửa hàng thịt không?
Cha Sứ tím mặt lại kêu lên:
- Quan trọng gì việc đó mà phải hỏi đến một người tư cách như tôi?
- Quan trọng lắm, xin ông làm ơn trả lời cho.
- Có, tôi có đụng đầu vào một con vật treo vô ý ở cửa một hàng thịt.
- Ông đã không trông thấy con vật đó chứ?
- Lúc đó tôi mải nghĩ.
- Ông vừa ăn xong thì ông đóng cửa Nhà Thờ, phải không?
- Đúng thế.
- Thế khi ông đụng đầu vào con bê, lúc đó có phải ông vừa ăn xong không?
- Nhưng…
- Ông bảo ông không ăn?
- Có ăn.
- Thế ông dùng thứ rượu bia hay nặng?
- Không dùng thứ nhẹ.
- Mấy ly?
- Hai.
- Không bao giờ uống hơn?
- Đôi khi ba.
- Không bao giờ bốn? Không bao giờ sáu?
- Cái đó ít khi.
- Ăn xong, ông hay uống “Grog” (nước pha rượu và chanh) không?
- Một đôi khi có.
- Ông thích uống “Grog” nhiều hay ít?
- Không ít quá.
- Độ bao nhiêu ly?

- Cái đó tùy lúc.
- Ông có sẵn lòng thề rằng ông không bao giờ dùng đến ba hay bốn ly không?
Cha Sứ đỏ mặt tía tai không trả lời nữa.
Trước khi ngồi xuống, Luật Sư kết luận rằng:
- Cuộc đối thoại này có thể chứng minh rằng con chó vít trong giáo đường bởi một nhân chứng, nhân chứng đó sau bữa ăn đã không nhìn thấy những con bê vì y mãi nghĩ. Đó là tất cả những thắc mắc mà tôi muốn nêu ra và muốn biết rõ.
Nếu tôi dám, tôi đã nhẩy đến ôm lấy Luật Sư hôn. Tại sao con Lãnh-Nhi không có thể bị vít trước ở trong Nhà Thờ được? Có lý lắm chứ? Nếu nó bị nhốt đúng như lời Luật sư thì không phải là tôi đã đưa nó vào. Tôi sẽ vô tội. Vì chỉ có con chó là tang vật buộc tội tôi thôi.
Sau Cha Sứ, đến lượt các người đã theo Cha lên Nhà Thờ đêm đó. Họ đều khai không thấy ai cả, chỉ thấy cửa sổ mà kẻ trộm đã mở toang để tháo thân.
Rồi Tòa nghe nhân chứng của tôi: Bốp và các của anh cũng như người chủ quán Cây Sồi đều khai những thì giờ hiện diện của tôi. Tuy nhiên có một điểm không được rõ rệt. Đó là giờ tôi bắt đầu từ Trường Đua đi. Điểm quan trọng nầy không được chứng minh đích xác.
Cuộc thẩm vấn xong, ông Chánh Án hỏi tôi:
- Có muốn nói thêm gì nữa không?
Tôi đáp:
- Tôi vô tội và xin Tòa minh xét cho.
Ông Chánh Án đọc lại biên bản đã ghi tất cả những lời cung khai mà tôi vừa nghe. Xong ông tuyên bố: “bị cáo sẽ phải gửi sang nhà lao Khu, đợi Hội đồng Hội thẩm xét xem có phải đưa vụ này lên tòa Đại hình không”.
Lên tòa Đại hình! Tôi ngã gục xuống ghế. Than ôi! Sao tôi chẳng nghe lời Mã-Tư!

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XXXIX
BỐP

Tôi lại được đưa về nhà giam cũ. Tôi nghĩ mãi và cho rằng sở dĩ tôi

chưa được tha là vì người ta còn đợi bắt được những người đã vào Nhà Thờ xem có phải tôi là đồng đảng không. Người ta đang lùng bắt phạm nhân, ông biện lý đã bảo thế. Mai đây tôi sẽ đau đớn và nhục nhã phải ngồi trên ghế tòa đại hình với những phạm nhân đó. Bao giờ đến ngày đó? Bao giờ tôi sẽ bị chuyển đi nhà lao Khu? Nhà lao ấy là nhà lao gì? Ở đâu? Có khổ hơn ở đây không?
Những chuyện đó cứ lẩn quẩn trong đầu tôi khiến thời giờ đi nhanh chóng hơn hôm trước. Tôi không nóng ruột nữa. Tôi biết rằng phải đợi. Tôi đứng lên, ngồi xuống, tôi đi đi lại lại. Tôi cố đợi.
Tối hôm ấy, khoảng 10 giờ, tôi nghe thấy tiếng kèn, giọng thổi đó là của Mã-Tư, người bạn tốt đó muốn tỏ cho tôi biết là anh nhớ tôi và săn sóc đến tôi. Tiếng kèn đó ở ngoài đường trước cửa sổ tôi. Mã-Tư đang ở ngoài tường, trên hè phố cách phòng giam của tôi độ vài mét. Hại thay! Mắt tôi không nhìn được thấu qua tường, nhưng nếu mắt không xuyên qua được đá thì âm thanh đã qua được tường.
Ngoài tiếng kèn ra, tôi còn nghe thấy tiếng người đi lại và tiếng cười nói lao xao, biết rằng Mã-Tư và Bốp có lẽ đang diễn trò ở đó – tại sao họ lại chọn chỗ này để diễn. Có phải chỗ này tốt và dễ thu tiền không? Hay là họ định dùng chỗ này để báo tin tức gì cho tôi? Tôi chợt nghe thấy tiếng nói rõ ràng, tiếng anh Mã-Tư kêu to lên bằng tiếng Pháp “Sáng sớm mai nhé!” Rồi tiếp luôn tiếng kèn inh ỏi hơn trước.
Không cần phải suy nghĩ, tôi cũng hiểu ngay câu tiếng Pháp đó không phải là Mã-Tư nói với những khán giả người Anh mà để nói cho tôi nghe. Nhưng tôi không hiểu câu đó có ý gì? Tôi tự đặt hàng chục câu hỏi mà không sao tìm được câu trả lời đích đáng.
Duy có một điều rất rõ rệt là sáng mai tôi phải dậy thật sớm và chú ý. Từ bây giờ cho đến lúc đó tôi phải kiên tâm đợi.
Tôi nằm võng cố ngủ. Tôi nghe tiếng chuông đồng hồ đánh hết giờ ấy đến giờ khác, rồi bất giác đôi cánh của giấc ngủ nhẹ nhàng đưa bổng tôi đi. Khi tôi chợt tỉnh, đêm vẫn dài, những ngôi sao lấp lánh trên nền trời đen. Không một tiếng động. Có lẽ còn lâu mới sáng. Tôi sẽ ngồi xuống ghế, không dám đi lại sợ động, lính đi tuần sẽ chú ý. Tôi ngồi đợi. Chợt đồng hồ đánh bốn giờ. Còn sớm quá. Tuy nhiên tôi không dám ngủ lại. Giá tôi có muốn ngủ lại cũng không sao chợp mắt được vì lúc đó lòng tôi thấy lo lắng nôn nao.
Công việc duy nhất của tôi lúc đó là nằm đếm tiếng chuông đồng hồ. Nhưng lâu làm sao cái khoảng thời gian 15 phút đi từ giờ đến khắc, từ khắc đến nửa giờ, lắm khi lâu quá tưởng chừng như tôi lãng quên không đếm hay máy đồng hồ bị sai.

Tựa vào thành tôi nhìn qua cửa sổ: sao đã mờ, trời hơi trắng ra. Bình minh sắp tới. Tiếng gà gáy xa xa. Tôi đứng dậy, đi bằng đầu ngón chân ra mở cửa sổ. Đó là một công việc thận trọng, tôi làm rất thong thả và nhẹ nhàng. Không để kêu cọt-kẹt. Mở được cửa sổ nhưng tôi nghĩ cũng chẳng ích gì vì những chấn song vẫn xít, những bức tường vẫn dầy. Có điên mới nghĩ việc thoát thân. Thế mà tôi vẫn hy vọng.
Trên trời sao nhạt dần. Khí lạnh ban mai làm tôi sởn người. Tuy nhiên tôi vẫn không rời cửa sổ. Tôi cứ đứng đó nghe, nhìn và không biết mình định nghe, nhìn cái gì. Một bức màn trắng đã tỏa trên trời và ở dưới đất mọi vật bắt đầu nổi rõ ảnh hình. Đó là buổi sớm mai mà Mã-Tư đã hẹn. Tôi nín hơi nghe ngóng, tôi chỉ nghe thấy những tiếng đập của trái tim tôi thôi.
Sau cùng tôi nghe hình như có tiếng cạo cạo vào tường, nhưng tôi không thấy tiếng chân bước, tôi nghe nhầm chăng. Nhưng tôi vẫn lắng tai, tiếng cạo vẫn tiếp tục, rồi thình lình tôi trông thấy một cái đầu đen đen nhô lên trên nóc tường. Mặc dầu lúc đó trời hãy còn tối, tôi biết ngay không phải là Mã-Tư, đó là đầu anh Bốp. Trông thấy tôi đứng sát vào chấn song, anh kêu rất sẽ:
- Suỵt!
Đồng thời, anh lấy tay vẫy tôi đứng xa cửa sổ ra. Tôi không hiểu gì, và nghe anh tôi đứng dịch ra. Lúc đó, tay kia anh cầm vật gì lóng lánh và dài trông như cái ống thủy tinh. Anh ngậm ống đó vào mồm. Tôi biết ngay đó là cái ống xì. Tôi nghe "phụt" một cái, đồng thời có một viên đạn trắng xuyên qua không khí và rơi vào chỗ chân tôi. Thoáng một cái, đầu anh Bốp biến mất sau bức tường và tôi không nghe thấy gì nữa.
Tôi vội nhặt viên đạn. Nó bằng giấy bao chung quanh một hòn chì. Hình như có những hàng chữ nhỏ vạch trên mảnh giấy đó. Nhưng lúc đó trời chưa rạng để đọc. Tôi đành đợi đến sáng rõ. Tôi cẩn thận đóng cửa sổ lại đến võng nằm và giữ chặt viên đạn giấy trong tay. Đợi mãi, vừng đông từ từ rạng và rọi ánh hồng trên tường. Tôi giở giấy ra đọc:
Chiều mai, người ta sẽ chuyển anh đến nhà lao Khu. Anh sẽ đi xe hỏa hạng nhì với một Cảnh-binh. Anh ngồi gần cửa anh lên. Sau khi chạy được 45 phút (phải đếm kỹ) đến chỗ ráp mối của hai đường sắt, xe đi từ từ, anh ra cửa và nhẩy phắt xuống: duỗi thẳng hai tay, lao mình ra và có ý cho chân xuống trước. Tới đất rồi, leo qua bờ bên trái, xe chúng tôi đợi ở đó. Đừng sợ gì cả. Hai hôm sau chúng ta sẽ ở Pháp rồi. Can đảm và hy vọng đi! Nhớ nhẩy lao mình và xuống

bằng chân".
Trốn thoát! Tôi không phải ra tòa Đại Hình, tôi không phải nhìn cái cảnh đau lòng đã diễn ra. A! Anh Mã-Tư can đảm! Anh Bốp tử tế! Anh Bốp đã giúp Mã-Tư cứu tôi: "xe chúng tôi đợi ở đó", một mình Mã-Tư không sao bày được mưu này. Tôi đọc lại giấy: "sau khi chạy được 45 phút, bờ bên trái, chân xuống trước". Nhất định thế, tôi quyết nhảy ra, dù phải tự tử. Chết còn hơn bị coi là kẻ trộm. A! Tất cả những việc đó xếp đặt thật hay quá! "Hai hôm sau, chúng ta ở Pháp!" Tuy nhiên trong cái mừng của tôi vẫn có một ý tưởng buồn rầu: còn Lãnh-Nhi? Nhưng ý tưởng đó bị đánh tan ngay. Mã-Tư không thể bỏ Lãnh-Nhi được. Anh đã tìm cách cho tôi vượt ngục, tất nhiên anh cũng có kế cứu Lãnh-Nhi. Tôi đọc đi đọc lại mẩu giấy hai ba lần nữa rồi tôi cho vào miệng nhai nát và nuốt đi. Bây giờ tôi chỉ còn việc ngủ cho yên. Tôi thực hành khéo quá, đến nỗi người cai ngục phải đánh thức tôi dậy để ăn bữa sáng.
Thời giờ đi quá nhanh. Vào khoảng quá trưa hôm sau, một người Cảnh-binh tôi không quen mặt vào phòng giam và bảo tôi đi. Tôi vững dạ thấy người Cảnh-binh này trạc năm mươi tuổi và trông không khe khắt lắm.
Mọi việc tôi đều theo lời Mã-Tư cả. Khi xe bắt đầu chạy, tôi ngồi lùi dần về cạnh cửa tôi vừa lên. Người Cảnh-binh ngồi trước mặt tôi. Trong toa này chỉ có hai chúng tôi thôi.
Người Cảnh-binh hỏi tôi:
- Em nói tiếng Anh được chứ?
- Ít thôi.
- Em hiểu khi người ta nói chứ?
- Hơi hiểu, khi người ta nói chậm.
- Em ơi! Ta muốn cho em một lời khuyên: Đừng quỷ quyệt với Tòa án! Cứ nói thực đi. Có thành thực thì mới thu phục được lòng yêu của mọi người. Không có gì khó chịu bằng có việc với những kẻ có lỗi hiển nhiên mà còn cãi. Còn những kẻ thú lỗi bao giờ cũng được người ta thương mến mà khoan dung cho, vì thế em nói thực cho ta biết vụ đó xẩy ra như thế nào, ta sẽ thưởng cho em mấy đồng. Em phải biết tiền bạc làm êm dịu phần nào cảnh khổ ở nhà lao.
Tôi định trả lời phắt rằng tôi không có tội gì phải thú cả. Nhưng muốn "thu phục lòng yêu" của người Cảnh-binh – theo từ ngữ của ông ta – tôi nín lặng, không nói gì.
Ông ta cứ tiếp:
- Em cứ nghĩ kỹ đi. Khi nào ở nhà lao, em nhận thấy lời khuyên của ta tốt, em sẽ nhờ người gọi ta, vì không nên thú tội với bất cứ ai, phải

chọn mặt người nào thương mình, như ta chẳng hạn, em đã rõ ta sẵn lòng giúp đỡ em.
Tôi sẽ gật đầu.
- Cứ hỏi ông Đô-Phiên là tên tôi. Em nhớ lấy.
- Thưa ông, vâng.
Tôi đứng ở cạnh cửa lên xuống. Tôi xin phép ông ta nhìn qua cửa kính ra ngoài để xem phong cảnh những làng mạc xe đi qua. Vì ông muốn "thu phục lòng yêu của tôi", ông trả lời cho tôi tha hồ xem. Ông chả sợ gì. Con tầu đang chạy hết tốc độ.
Một lúc lâu, gió đánh vào mặt lạnh quá, ông bỏ chỗ cửa vào ngồi ghế giữa trong toa. Còn tôi, không biết lạnh là gì. Tôi sẽ đưa tay trái vặn sẵn quả nắm ra, tay phải giữ thành cửa.
Lát sau, xe hỏa kéo còi và đi chậm lại. Đã đến lúc: tôi tung cửa, nhẩy mạnh xuống hết sức xa. Tôi lăn xuống hố. May hai tay tôi đã được vào bờ cỏ, nhưng vì rơi xuống mạnh quá, tôi nằm ngất đi.
Khi tôi hồi tỉnh, tôi tưởng tôi vẫn còn ở trên xe hỏa vì tôi thấy chỗ tôi nằm đang bị kéo nhanh và có tiếng bánh xe lăn. Lạ quá, tôi nằm trên một cái ổ cỏ, mặt tôi bị ướt và có vật gì âm ấm vuốt ve trên má, trên trán tôi.
Tôi mở bừng mắt ra. Một con chó, con chó vàng đang cúi xuống liếm vào tôi. Mắt tôi gặp mắt anh Mã-Tư đang quỳ bên cạnh tôi.
Anh rẽ con chó ra, vừa hôn tôi vừa nói:
- Anh thoát nạn rồi!
- Ta ở đâu thế này?
- Trong xe ngựa. Anh Bốp đang đánh xe.
Bốp quay lại hỏi:
- Thế nào, đã khá chưa?
- Tôi không biết, có lẽ khá.
Bốp kêu:
- Cử động tay, cử động chân xem.
Theo lời anh Bốp, tôi duỗi chân duỗi tay trên ổ cỏ. Mã-Tư xem xong, nói:
- Tốt lắm. Không bị gẫy gì cả.
- Việc xẩy ra thế nào?
- Anh nhẩy ở xe ra đúng như lời tôi dặn. Anh lăn vào cái hố. Vì ngã mạnh quá nên anh ngất đi. Đợi mãi không thấy anh bò lên. Tôi liền giữ ngựa cho anh Bốp trèo qua bờ cỏ sang ẳm anh về xe. Chúng tôi đã buồn và lo, tưởng anh chết, may sao anh hồi lại. Thực là sung sướng!
- Còn người Cảnh-binh.

- Ông ta cứ đi vì xe hỏa không dừng.
Đã biết qua những điều cốt yếu rồi; tôi nhìn chung quanh và thấy con chó vàng cứ nhìn tôi bằng đôi mắt hiền dịu như mắt Lãnh-Nhi. Nhưng không phải Lãnh-Nhi, vì Lãnh-Nhi lông trắng.
- Còn Lãnh-Nhi đâu?
Mã-Tư chưa kịp trả lời thì con chó vàng nhẩy vào liếm tay tôi và khóc.
Mã-Tư nói:
- Lãnh-Nhi đấy! Chúng tôi phải nhộm lông nó đi.
Tôi vuốt ve con chó và hôn vào đầu nó.
Tôi hỏi:
- Tại sao anh lại nhuộm đi thế?
- Đó là cả một câu chuyện. Tôi kể cho anh nghe…
Nhưng Bốp không để cho Mã-Tư kể. Bốp bảo Mã-Tư:
- Anh ra cầm cương ngựa cho tôi. Cầm cho chắc để tôi xếp đặt lại cho người ta khỏi nhận rõ xe ta khi qua các trạm gác.
Chiếc xe này có những cái gọng uốn cong để đỡ mui vải. Anh tháo những gọng đó xếp trong xe, gấp tư mui vải đắp cho tôi. Rồi anh bảo Mã-Tư cùng chui xuống mảnh vải đó. Chiếc xe có mui chở người bây giờ hóa thành chiếc xe không mui và chỉ có một người đánh xe. Nếu người ta có đuổi theo chúng tôi, trông thấy xe đó cũng không ngờ vực gì.
Tôi hỏi Mã-Tư nằm dài bên cạnh tôi:
- Chúng ta đi đâu bây giờ?
- Đi Lít-Hăm-Tông, là một cái bến nhỏ ở bờ biển. Ở đó Bốp có người anh là chủ một chiếc thuyền buồm vẫn chạy sang Pháp mua trứng và bơ ở tỉnh Ích- Nhi miền Noóc-Măng-Đi về bán. Nếu chúng ta trốn thoát, sẽ trốn thoát được, là ở anh Bốp cả. Anh ấy làm hết. Chứ tôi một đứa trẻ khốn nạn, thì làm gì được cho anh. Chính Bốp đã bầy mưu nhẩy xe hỏa, bắn thư cho anh. Chính Bốp đã mượn bạn anh xe ngựa tốt cho ta. Và chính Bốp sẽ kiếm tầu đưa chúng ta về Pháp, vì anh phải biết rằng nếu anh bước xuống một chiếc tàu biển là bị bắt ngay. Anh coi, có bạn thì sung sướng biết bao.
- Còn Lãnh-Nhi, ai có ý kiến đem đi?
- Tôi, nhưng chính anh Bốp có ý kiến nhuộm vàng lông nó đi để người ta khỏi nhận ra. Chúng tôi bắt nó ở trong tay viên Cảnh-binh Gia-Ry. Viên Cảnh-binh thông minh mà quan Tòa đã khen – lần này hết thông minh vì đã để người ta lấy mất Lãnh-Nhi mà không biết. Con Lãnh-Nhi đã nhận thấy tôi nên tôi đã sai khiến nó một cách dễ dàng. Vả lại Bốp biết mọi mánh khóe của những tên ăn trộm chó.

- Thế còn chân anh thế nào?
- Khỏi hay gần khỏi, tôi không có thì giờ nghĩ đến.
Những đường giao thông ở Anh không giống ở Pháp. Từ chỗ nọ đến chỗ kia lại có những trạm gác mà người ta phải trả tiền mới đi qua được. Khi chúng tôi tới gần một trạm đó, Bốp bảo chúng tôi im tiếng và không được cựa cạy. Những người đứng canh chỉ trông thấy xe ngựa do một người đánh đi, Bốp bông lơn với họ vài câu rồi cứ thẳng tiến.
Anh có tài làm trò hề nên hóa trang rất khéo. Anh đang đóng vai chủ trại. Giá có người rõ quen anh đứng nói chuyện với anh bây giờ cũng không nhận ra anh.
Xe chúng tôi đi rất nhanh, vì ngựa tốt mà Bốp lại là một tay đánh xe tuyệt giỏi. Tuy nhiên, chúng tôi phải dừng lại một lúc để cho ngựa thở và ăn. Chúng tôi không vào hàng quán nào. Chúng tôi nghỉ ở giữa rừng, tháo cương ra và đeo vào cổ nó một giỏ đầy thóc lấy ở trong xe.
Đêm xuống tối đen. Chúng tôi không sợ bị bắt nữa. Lúc đó tôi liền ngỏ cùng anh Bốp những lời cảm ơn chân thành của tôi, nhưng anh không để tôi nói hết những điều cảm xúc trong lòng tôi.
Anh bắt tay tôi và đáp:
- Anh đã giúp tôi. Hôm nay tôi giúp lại anh. Mỗi người một lần chứ. Vả lại anh là anh của Mã-Tư, đối với một người bạn tốt như Mã-Tư, không ai là người tiếc công cả.
Tôi hỏi anh sắp đến Lít-Hăm-Tông chưa, anh trả lời còn hơn hai dặm nữa mà phải đi nhanh mới được, bởi vì thuyền của người anh anh thứ bảy nào cũng đi Ích-Nhi. Mà nước triều kỳ này có lẽ lên sớm. Hôm nay là thứ sáu rồi. Chúng tôi lại lên xe, Mã-Tư và tôi lại nằm chỗ cũ dưới tấm vải dầy. Con ngựa được ăn và nghỉ ngơi, chạy như bay.
Mã-Tư hỏi tôi:
- Anh có sợ không?
- Có và không. Tôi rất lo bị bắt lại. Nhưng chắc chắn người ta không bắt được tôi. Trốn đi, có phải là nhận mình có lỗi không? Đó là điều mà tôi bứt rứt nhất. Biện bạch chỗ đó làm sao được?
- Chúng tôi đã nghĩ đến điều đó, nhưng Bốp bảo không nên để anh bị giải ra tòa Đại Hình. Đến chỗ đó thì buồn lắm mặc dầu người ta được tha bổng. Tôi không dám nói gì, vì ý tôi chỉ muốn đưa anh về Pháp, tôi sợ nói làm ngãng việc ra.
- Anh đã làm một việc hay. Dù xẩy ra đến thế nào, tôi cũng nhớ ơn hai anh.
- Không xẩy ra gì cả. Anh đừng sợ. Khi xe hỏa tới nơi, người Cảnh-

binh kia sẽ làm tờ trình. Lúc đó người ta mới mở cuộc truy nã. Trong khoảng đó, ta có bao nhiêu là thì giờ để đi xa mà chúng ta lại chạy như phi. Hơn nữa họ biết đâu là ta đi Lít-Hăm-Tông để xuống thuyền. Có thể tin được rằng người ta không biết hành tung của tôi, may ra tôi có thể xuống thuyền đi thoát được. Nhưng tôi không đồng ý với Mã-Tư là người Cảnh-binh phải mất nhiều thì giờ để theo tôi. Đó là một mối lo, là một điều chí nguy. Tuy nhiên, Bốp khéo điều khiển con ngựa hay nên chiếc xe cứ vùn vụt như bay trên con đường quang vắng. Thỉnh thoảng chúng tôi có gặp chiếc xe nào thì gặp, chứ không một xe nào vượt xe chúng tôi.

Những làng mạc chúng tôi đi qua đều yên lặng, thỉnh thoảng mới nhìn thấy một cái cửa sổ có ánh đèn khuya. Một vài con chó để ý đến "cuốc" xe nhanh của chúng tôi, nghếch mõm sủa theo. Chỗ nào phải leo qua dốc, khi vượt xong, Bốp lại cho ngựa nghỉ, chúng tôi xuống xe và áp tai xuống mặt đường để nghe. Nhưng Mã-Tư là người thính tai nhất cũng không nghe thấy tiếng động gì khả nghi. Chúng tôi lữ hành trong bóng tối và trong khoảng im lặng của ban đêm.

Bây giờ không phải là để nấp mà chúng tôi phải nằm trong mui vải, chính là để cho khỏi rét, vì đã lâu gió bắc thổi vào giá lạnh. Chúng tôi liếm môi thấy mặn. Chúng tôi gần đến biển rồi.

Không bao lâu, chúng tôi nhìn thấy một ánh sáng lúc lòe, lúc tắt cách khoảng rất đều: đó là hải đăng.

Chúng tôi đến nơi. Bốp cho xe đi chậm lại, rẽ vào một con đường tắt. Xong anh dừng lại, xuống xe, bảo chúng tôi ở lại giữ ngựa. Anh chạy xem thuyền đã rời bến chưa và chúng tôi đi nhờ thuyền này có trở ngại hoặc nguy hiểm gì không.

Tôi xin thú thực rằng thời gian anh Bốp đi, tôi thấy lâu, lâu quá. Chúng tôi không nói chuyện. Tiếng sóng vỗ vào đá rào rạt đều đều bên tai làm tăng nỗi buồn của chúng tôi. Mã-Tư run người, tôi cũng run run như anh.

Anh bảo tôi:

- Lạnh quá!

Có đúng thế không? Sự thực là mỗi khi một con bò hay một con cừu trong bãi đi ra, nghe tiếng sột soạt là chúng tôi lại run lên không rõ vì rét hay vì sợ.

Sau cùng, chúng tôi nghe thấy tiếng chân người bước trên lối anh Bốp vừa đi. Có lẽ anh đã trở ra. Số phận tôi sắp được định đoạt.

Bốp không ra một mình. Khi anh lại gần, chúng tôi thấy có người theo sau. Người đó to lớn, vận một cái va-rơ bằng vải sơn và đội một cái mũ len.

Bốp nói:
- Đây là anh tôi. Anh tôi bằng lòng nhận các anh xuống thuyền và đưa các anh đi. Bây giờ tôi từ biệt các anh. Để cho người ta biết tôi có mặt ở đây, không có lợi gì.
Tôi cảm ơn anh nhưng anh gạt đi, bắt tay tôi và nói:
- Anh đừng nói thế. Phải giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi người một lần chứ! Một ngày kia ta sẽ gặp nhau. Tôi rất sung sướng đã giúp Mã-Tư, bạn tôi.
Chúng tôi liền theo anh Bốp, đi qua mấy phố yên lặng trong tỉnh. Sau hai ba chỗ ngoẹo, chúng tôi đến bến. Gió biển thổi như hắt vào mặt chúng tôi.
Không nói gì, anh Bốp lấy tay trỏ cho chúng tôi một chiếc thuyền. Chúng tôi hiểu là thuyền của ông. Vài phút sau, chúng tôi đã xuống thuyền. Người ta cho chúng tôi vào một cái buồng con.
Ông nói:
- Hai giờ nữa thì nhổ neo. Các anh ở yên đây, đừng làm huyên náo.
Nói xong, ông khóa cửa buồng lại. Yên lặng Mã-Tư nhẩy vào trong cánh tay tôi và hôn tôi. Anh không run nữa.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XL
THUYỀN THIÊN NGA

Sau khi ông anh Bốp lên bờ, dưới thuyền rất im lặng. Chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng gió thổi qua những cột thuyền và tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền mỗi lúc một tăng thêm.
Hồi lâu, có tiếng chân người đi trên boong, tiếng dây ném xuống thuyền, tiếng máy thả dây cuộn dây, tiếng buồm kéo lên, tiếng bánh lái kèn kẹt. Tự nhiên con thuyền nghiêng hẳn về phía bên trái và tròng trành. Người ta khởi hành. Tôi thoát nạn.
Thoạt tiên, thuyền hơi lắc lư, nhưng rồi mỗi lúc một mạnh hơn. Con thuyền nhào xuống rồi lại nhô lên, sóng đập vào mũi thuyền, vào mạn thuyền bên phải dữ dội.
Tôi cầm tay Mã-Tư nói:
- Thương hại anh quá!
Anh nói:
- Không sao, anh ạ! Tôi đã biết trước. Lúc ngồi trên xe thấy gió thổi

rạp những ngọn cây, tôi biết là sóng to và chúng ta sẽ được khiêu vũ. Bây giờ, quả thực.
Lúc đó, cửa buồng mở ra. Ông anh Bốp quay vào bảo chúng tôi:
- Các anh có lên boong thì lên. Bây giờ không sợ nguy hiểm nữa.
Mã-Tư hỏi:
- Ở chỗ nào khỏi mệt?
- Nằm xuống thì khỏi.
- Cảm ơn ông, tôi nằm vậy.
Mã-Tư liền nằm dài ra sàn.
Thuyền Trưởng nói tiếp:
- Thủy thủ sẽ đem đến các thứ cần dùng cho anh.
Mã-Tư nói:
- Nếu được ngay thì tốt lắm.
- Anh đã mệt lắm à?
- Tôi thấy khó chịu đã lâu…
Tôi lại ngồi cạnh anh, nhưng anh giục tôi lên boong.
- Tôi không việc gì anh ạ. Bây giờ anh thoát nạn rồi, tôi không cần gì cả. Tôi rất sung sướng được say sóng!
Ở trên boong, tôi phải nắm chặt vào dây mới đứng vững được. Tôi nhìn ra biển, trong bóng đêm sâu thẳm, tôi chỉ thấy một lớp bọt trắng gợn lên. Con thuyền nghiêng hẳn về một bên như sắp đổ, nhưng nó không đổ, nhờ sức gió tây, nó vùn vụt rẽ sóng tiến lên.
Tôi quay lại nhìn vào bến. Những ánh đèn chỉ còn là những điểm li ti lấp lánh sau màn sương tối, yếu dần đi rồi lần lượt biến mất hết. Lòng tôi cởi mở, tôi để lời vĩnh biệt nước Anh.
Thuyền Trưởng bảo tôi:
- Nếu gió thổi đều, chiều nay ta có thể đến Ích-Nhi sớm được. Chiếc thuyền "Nguyệt-Thực" này chạy khá lắm.
Phải mất một ngày, hơn một ngày đi trên biển, khổ thay cho Mã-Tư! Nhưng những lớp sóng đã làm anh "say" thì cũng làm cho anh sung sướng! Suốt ngày hôm đó, tôi hết lên boong lại xuống buồng, hết xuống buồng lại lên boong. Buổi chiều, gặp tôi trên boong, Thuyền Trưởng trỏ tay về phía tây-nam, chỗ có một cột khói trắng nổi cao trên nền trời xanh. Ông bảo:
- Đó là tỉnh Bạc-Lơ (Barfleur).
Tôi vội trèo xuống báo tin mừng cho Mã-Tư hay: Chúng tôi đã trông thấy đất Pháp. Nhưng khoảng từ Bạc-Lơ đến Ích-Nhi còn xa, vì phải lượn quanh bán đảo Cốt-Tăng-Tanh (Cotentin) mới đến Ích-Nhi.
Khi thuyền Nguyệt-Thực cập bến, thì tối đã lâu. Thuyền trưởng vui lòng cho chúng tôi ngủ lại ở đấy. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi ân

cần cảm ơn Thuyền Trưởng và từ biệt ông.
Ông bắt mạnh tay chúng tôi và dặn:
- Khi nào các anh muốn trở lại nước Anh thì cứ trở lại đây. Thuyền Nguyệt-Thực rời bến Ích-Nhi vào những ngày thứ ba.
Chúng tôi cảm ơn lòng quý hóa của ông một lần nữa rồi đi vì tôi cũng như Mã-Tư không ai muốn trở lại một nơi mà mình đã sợ và lánh cho nhanh.
Bước chân lên đất Pháp, chúng tôi chỉ còn những quần áo đang mặc trong người và những nhạc khí của chúng tôi thôi. Mã-Tư đã cẩn thận giữ cho tôi cây thụ-cầm mà tôi đã gửi lại ở lều anh Bốp để đi quán trọ Cây Sồi. Còn hai túi đồ đạc của chúng tôi thì vẫn còn để ở trong xe của gia đình Điệp-Công. Chúng tôi rất băn khoăn về việc này, chúng tôi không thể tiếp tục nghề cũ vì không có sơ-mi, không có bít-tất dài và nhất là không có giấy căn cước.
May sao, Mã-Tư còn để dành được 12 phật-lăng, thêm vào đó phần tiền mà anh Bốp đã chia cho chúng tôi sau buổi diễn ở Trường Đua 22 đồng Shillings hay 27 phật-lăng rưỡi, thành ra chúng tôi có gần 40 phật-lăng, một món tiền khá lớn cho chúng tôi.
Mã-Tư đã đem số tiền này biếu cho anh Bốp để đỡ anh những khoản chi tiêu về việc vượt ngục của tôi, nhưng Bốp không nhận, anh nói:
- Ai lại lấy tiền công khi giúp bạn.
Ở thuyền Nguyệt-Thực lên, công việc thứ nhất của chúng tôi là phải tìm mua một cái túi cũ của nhà binh, hai áo sơ-mi, hai đôi bít-tất dài, một miếng xà-phòng, một cái lược, kim, chỉ, cúc và một thứ nữa rất cần thiết là bản đồ nước Pháp.
Thực vậy, bây giờ ở đất Pháp rồi. Chúng tôi biết đi đâu? Đi đường nào? Đi thế nào?
Đó là một vấn đề làm rối óc chúng tôi từ khi ở Ích-Nhi ra đường Bay-ơ (Bayeux).
Mã-Tư nói:
- Theo ý tôi, không có đường nào hơn kém cả, đi sang bên phải hay rẽ sang bên trái cũng được. Tôi chỉ cần có một điều.
- Điều gì?
- Là theo dòng sông lớn, sông con hay sông đào, vì tôi có một ý định.
Tôi chưa kịp hỏi đến ý định của anh, anh nói tiếp:
- Tôi nghĩ cần phải cắt nghĩa ý định của tôi cho anh nghe. Khi mà An-Tuyên còn ốm, mẹ cậu còn phải đưa cậu đi chơi như ngày nào anh đã gặp trên thuyền "Thiên-Nga".
- An-Tuyên không ốm nữa.
- Nghĩa là bệnh tình cậu ấy đã khá, cậu ấy không ốm nặng nữa.

Nhưng cần phải nhờ vào sự săn sóc tận tâm của mẹ cậu thì cậu mới khỏi hẳn được. Vì thế tôi nghĩ, muốn cho bệnh khỏi hẳn, tất mẹ cậu phải đưa cậu đi chơi bằng thuyền trên sông lớn, sông con, các sông đào nào mà Thiên-Nga có thể đi qua được. Nay cứ theo các dòng sông đó, may ta có thể tìm được bà Mỹ-Lưu.
- Ai bảo anh biết thuyền Thiên-Nga còn ở Pháp?
- Không anh bảo cả. Nhưng thuyền Thiên-Nga không thể đi biển được, tất nhiên còn ở Pháp. Chúng ta có nhiều cái may tìm thấy. Giá chúng ta chỉ có một cái may, thì anh có đồng ý với tôi đành liều cái may ấy không? Ý kiến của tôi là nên tìm bà Mỹ-Lưu và không nên quản ngại gì cả.
- Thế còn Lệ-Hoa, An-Sinh, Bằng-Mai, Yến-Chi?
- Trong khi tìm bà Mỹ-Lưu, ta sẽ ghé thăm các bạn đó. Vậy thì phải theo một con sông. Anh xem bản đồ xem con sông nào gần chỗ chúng ta nhất.
Bản đồ được giở ra trên đường cái. Chúng tôi tìm một con sông gần nhất, thì thấy là sông Xen.
Mã-Tư nói:
- Vậy chúng ta theo sông Xen.
- Sông Xen qua Ba-Lê.
- Thì "làm sao"?
- "Làm sao" lắm chứ! Ngày xưa ông Vỹ-Tiên thường bảo tôi muốn tìm ai thì cứ về Ba-Lê mà tìm thì thấy. Nếu Cảnh-binh nước Anh truy nã tôi, đang đợi ở đó nay tôi lại đâm đầu vào, thế chẳng hóa cuộc chạy trốn của ta vô ích lắm sao?
- Thế ra Cảnh-sát cuộc nước Anh có thể cho người sang Pháp để đuổi theo anh?
- Tôi không biết, nhưng việc đó có thể xảy ra được thì không nên về Ba-Lê.
- Sao ta lại không có thể theo sông Xen đến gần Ba-Lê, vòng lối khác để rồi lại theo sông Xen được? Tôi cũng sợ gặp Phú-Lợi.
- Tất nhiên.
- Cứ đi như thế, ta hỏi thăm những chủ thuyền, những người kéo ghe vì thuyền Thiên-Nga có cái hiên lạ kiểu, ai cũng phải nhìn nếu nó đi qua. Nếu không tìm thấy Thiên-Nga ở sông Xen, ta tìm nó ở sông Loa, sông Ga-Ron và tất cả các sông khác ở Pháp, thì thế nào cũng phải thấy!
Tôi không còn lý gì nữa để cãi lại Mã-Tư. Chúng tôi nhất định ngược theo bờ sông Xen.
Nghĩ cho chúng tôi xong rồi, bây giờ chúng tôi phải nghĩ đến Lãnh-

Nhi. Lãnh-Nhi lông vàng thì không phải là Lãnh-Nhi của tôi. Chúng tôi mua xà-phòng đen, gặp chỗ có nước đầu tiên, chúng tôi liền tắm và chải cho nó đến mỏi tay thì thôi.
Thuốc nhộm của Bốp tốt quá, thành ra tốn bao nhiêu xà-phòng, bao nhiêu công chải xát và mất bao nhiêu tuần lễ, bao nhiêu tháng trời, con Lãnh-Nhi mới lấy lại được bộ lông trắng đẹp như xưa.
May sao xứ Noóc-Măng-Đi là miền lắm nước, ngày nào chúng tôi cũng tắm cho Lãnh-Nhi được.
Từ Bay-ơ chúng tôi phải đi qua mấy tỉnh nhỏ mới tới tỉnh Bùi (Bouille) ở trên sông Xen.
Một buổi chiều, đi hết con đường cây cối rậm rạp, chúng tôi đến chỗ ngoẹo. Leo lên đỉnh đồi, Mã-Tư chợt nhìn thấy sông Xen ở trước mặt và reo lên.
Chúng tôi nhìn ra: con sông vòng qua chỗ chúng tôi đứng, nước to nhưng sóng lặng, nước xuôi những con thuyền buồm trắng và những chiếc tàu lớn nhả từng cuộn khói xanh. Hai bên bờ nào là đồng cỏ, nào ruộng mầu, nào rừng cây làm cho phong cảnh thêm mát mẻ, xinh tươi.
Mã-Tư nói:
- Chắc chắn bà Mỹ-Lưu đưa con dạo chơi trên sông này.
- Chúng ta dò hỏi những người ở làng ven sông sẽ rõ.
Tôi không biết việc hỏi thăm người dân xứ Noóc-Măng-Đi rất khó. Họ trả lời vớ vẩn và hỏi lại mình nữa:
“Anh hỏi tàu ở Havre hay tàu ở Rouen?”
“Nó là cái tàu, phải không?”
“Nó là cái thuyền nan? Cái ca-nô? Cái sà-lan?”
Sau khi trả lời tất cả câu hỏi của họ, chúng tôi biết rằng thuyền Thiên-Nga không qua tỉnh Bùi hoặc có qua nhưng về ban đêm chăng, nên không ai nhìn thấy.
Từ tỉnh Bùi đến tỉnh Ru-Ăng (Ruoen), chúng tôi thăm tìm nhưng vô ích. Đến tỉnh En-Bớp (Elbeuf), chúng tôi hỏi, chả ai trông thấy Thiên-Nga. Đến Pô-Dơ (Poses), nơi này ngang sông có đập, thuyền bè xuôi ngược đều phải đi qua. Chúng tôi hỏi, người coi đập trả lời không hề gặp con thuyền lạ đó bao giờ.
Chúng tôi không nản chí, cứ ngược theo bờ sông đi, tới Ba-Lê và quá Ba-Lê.
Chúng tôi đi không những để mỗi ngày tiến thêm một quãng đường mà còn phải dừng lại đây đó để đàn hát, diễn trò để mưu sinh. Sau năm tuần lễ, chúng tôi đi tới Sa-Tăng-Tanh (Charentin).
Đến đây một câu hỏi được nêu ra: chúng tôi phải theo sông Xen hay

theo sông Mạc (Marne) – là sông nhánh đổ vào sông Xen. Ngồi trước tấm bản đồ, tôi do dự không biết chọn đường nào.
May sao, trong khi chúng tôi đang bối rối và ra bến dò hỏi, một người chủ thuyền cho chúng tôi biết là lần thứ nhất, ông ta được trông thấy một con thuyền du lịch có hiên, giống như Thiên-Nga. Mã-Tư vui sướng quá nhẩy nhót trên bến. Anh lấy vĩ-cầm đánh một khúc khải hoàn hùng tráng.
Trong khi đó, tôi tiếp tục hỏi, người chủ thuyền vui lòng trả lời cặn kẽ những câu hỏi của tôi. Tôi không còn ngờ gì nữa. Con thuyền lạ người ta đã gặp chính là Thiên-Nga. Thuyền đó qua bến này cách đây hai tháng và ngược dòng sông Xen.
Hai tháng! Một thời gian quá xa rồi! Nhưng có hề chi. Chúng tôi cứ việc đi rồi chúng tôi phải đuổi kịp, mặc dầu chúng tôi đi bằng chân mà con thuyền thì do ngựa kéo.
Vấn đề thời gian không quan hệ, quan hệ nhất là hiện diện của thuyền Thiên-Nga. Nay Thiên-Nga vẫn còn ở Pháp, thế là chúng tôi vững lòng.
Mã-Tư kêu lên:
- Ai có lý, hở anh?
Tôi chỉ cười và không đáp.
Thiên-Nga ở trước mặt, chúng tôi chỉ có việc theo dọc bờ sông Xen thôi, không cần dừng lại để hỏi ai nữa.
Nhưng đến tỉnh Mô-Rê (Moret), có một sông nhánh chẩy vào sông Xen, chúng tôi lại phải hỏi xem Thiên-Nga theo ngả sông nào. Rồi đến Mông-Rô (Montereau), chúng tôi lại phải hỏi lần nữa.
Lần này, Thiên-Nga đã bỏ sông Xen để sang sông Ôn (Yonne). Người ta bảo thuyền đó đã rời Mông-Rô cách đây hơn hai tháng, trên thuyền có một bà người Anh và một đứa con trai nằm dài trên giường.
Theo sông Ôn, chúng tôi càng đi càng gần nơi Lệ-Hoa ở. Lòng tôi hồi hộp. Tôi mở bản đồ ra xem: đến Goa-Nhi (Joigny), không biết bà Mỹ-Lưu chọn sông đào Buốc-Gô (Bourgogne) hay kênh Niên (Nivenais). Chúng tôi đi tới ngã ba sông Ôn và sông Ác-Măng (Armençon), biết Thiên-Nga vẫn ở sông Ôn: chúng tôi sẽ được qua Đơ-Di và thăm Lệ-Hoa. May ra cô đã thấy bà Mỹ-Lưu và An-Tuyên, cô sẽ kể cho chúng tôi biết.
Từ khi chúng tôi chạy theo Thiên-Nga, đến đâu chúng tôi cũng chỉ diễn cho mau cho chóng để đi. Lãnh-Nhi, một kịch sĩ kiên nhẫn, không hiểu sao chúng tôi lại vội vã thế, không để cho Lãnh-Nhi có thì giờ ngậm bát gỗ ngồi lỳ trước quý khán giả cố tình không mở túi?

Phải biết đợi chứ!
Nhưng chúng tôi không đợi, vì thế số thu nhập càng ngày càng kém. Gia dĩ, số 40 phật-lăng của chúng tôi còn lại cũng mòn dần. Không những không kiếm thêm ra, chúng tôi còn ăn vào vốn. Nhưng Mã-Tư cứ giục.
- Chúng ta đi mau lên để đuổi kịp Thiên-Nga.
Tôi cũng họa theo:
- Chúng ta đi mau lên!
Tối đến, không bao giờ chúng tôi kêu mệt, mặc dầu đã đi những độ quá dài. Không những thế, chúng tôi còn bảo nhau sáng hôm sau đi thật sớm.
Mã-Tư là người thích ngủ, nên vẫn nhắc tôi:
- Sáng mai gọi tôi nhé!
Mỗi khi tôi gọi, không bao giờ anh dậy chậm, sốt sắng sửa soạn đi luôn.
Muốn để dành tiền, chúng tôi hạn chế các khoản chi tiêu. Trời nắng, Mã-Tư tuyên bố không muốn ăn thịt vì "mùa hè ăn thịt thì độc". Chúng tôi chỉ dùng bánh mì và trứng mặn hay chút bơ thôi. Chúng tôi đi qua miền sản xuất rượu vang, mà chúng tôi chỉ uống nước lạnh. Chúng tôi không hề phàn nàn. Tuy vậy Mã-Tư thỉnh thoảng cũng có ý thèm thuồng. Anh nói:
- Tôi mong bà Mỹ-Lưu vẫn còn người đầu bếp cũ, khéo làm những bánh mứt, bánh nhân hạt mơ.
- Chưa bao giờ anh ăn các thứ đó à?
- Tôi đã ăn những bánh khoai. Tôi chưa từng ăn các bánh mứt. Nhưng tôi đã trông thấy. Có phải những thứ bánh vàng vàng có điểm những hạt trăng trắng?
- Hạt hạnh nhân.
- Ô!
Và Mã-Tư há hốc mồm như muốn nuốt cả tấm bánh vào miệng.
Từ Gioa-Nhi đến Ôt-Xe (Auxerre); sông Ôn lượn quanh co. Chúng tôi đi đường tắt nên lợi thì giờ. Nhưng đến Ôt-Xe thì Thiên-Nga đã sang sông Niên và đi nhanh hơn vì nước sông yên lặng. Trên sông này thuyền bè ít đi lại, đến mỗi cửa "đập", chúng tôi lại hỏi, ai ai cũng nhìn thấy chiếc thuyền lạ kiểu ấy.
Không những người ta tả rõ thuyền Thiên-Nga, người ta còn kể trong thuyền có một bà người Anh và một cậu con trai nằm ở cái giường trên boong, dưới cái hiên có hoa có lá và thỉnh thoảng cậu ta ngồi dậy trông ra ngoài. Chúng tôi biết cậu An-Tuyên đã đỡ rồi.
Chúng tôi tới gần Mộc-Văn (Đơ-Di). Còn hai ngày nữa. Còn một

ngày. Còn vài giờ nữa thôi. Sau cùng, chúng tôi nhìn thấy cánh rừng mà chúng tôi đã dạo vào mùa thu trước. Rồi chúng tôi nhìn thấy bờ đập cùng nhà bà Cát-Tường.
Không ai bảo ai, Mã-Tư và tôi cùng rảo bước: chúng tôi không đi nữa mà chúng tôi chạy. Lãnh-Nhi chạy trước chúng tôi. Nó báo tin cho Lệ-Hoa biết để ra đón chúng tôi. Nhưng không có Lệ-Hoa nào ra đón và Lãnh-Nhi thì cúp đuôi chạy trở lại như người bị đuổi đánh.
Chúng tôi liền đứng lại và tự hỏi thế là nghĩa lý gì? Có việc gì xảy ra? Nhưng chẳng ai nói ra và lại tiến bước.
Lãnh-Nhi tiu nghỉu đã về tới chân chúng tôi. Một người đàn ông đang kéo cánh cửa "đập", chúng tôi nhìn kỹ, không phải là ông chú của Lệ-Hoa.
Chúng tôi vào tận nhà. Một người đàn bà mà chúng tôi không quen, đang đi lại trong bếp.
Chúng tôi vào hỏi:
- Bà Suy-Ô (tức Cát-Tường) có nhà không?
Bà ta quay ra nhìn chúng tôi một lúc, hình như chưa hiểu chúng tôi hỏi gì. Sau cùng bà đáp:
- Bà ấy không ở đây nữa.
- Thế bây giờ ở đâu?
- Ở Ai-Cập.
Mã-Tư và tôi ngẩn người, nhìn nhau. Ở Ai-Cập! Chúng tôi không hiểu Ai-Cập là nước nào và ở đâu? Nhưng chúng tôi đoán là xa, xa lắm, ở góc biển bên trời.
- Còn cô Lệ-Hoa? Bà có biết Lệ-Hoa không?
- Lệ-Hoa à? Cô ta đi thuyền với một bà người Anh.
Lệ-Hoa hiện ở thuyền Thiên-Nga! Chúng tôi đã lạc trong giấc mơ chăng?
Nhưng bà ta đã trả lời là chúng tôi đang ở trong cảnh thực bằng câu:
- Anh là Lê-Minh à?
- Phải.
- Vậy thì, khi ông Suy-Ô chết đuối…
- Chết đuối?
- Chết đuối trong "đập". Ông ta trượt chân ngã xuống đập, bị nước cuốn và móc vào một cái đinh ở gầm sà-lan. Đó là cái tai nạn về nghề nghiệp thường xảy ra. Vì thế ông ta chết đuối. Sau đó chồng tôi đến thay. Bà Cát-Tường đảm đang thực nhưng không tránh nổi cảnh khốn quẫn. Khi tiền hết, người ta không thể "đúc" ngay ra được. Có người chủ cũ định thuê bà sang Ai-Cập để trông nom mấy đứa trẻ. Nhưng bà lúng túng không quyết vì còn đứa cháu gái, Lệ-Hoa. May

sao, một chiều kia, có một bà người Anh giong thuyền cho đứa con trai ốm đi chơi, dừng lại ở cửa đập. Người ta nói chuyện. Bà khách kia đang cần một đứa trẻ để làm bạn với con mình cho vui, liền xin Lệ-Hoa để nuôi nấng, dậy dỗ và chữa bệnh cho. Thấy bà khách kia hiền hậu, quá tốt, dịu dàng với kẻ nghèo khó, bà Cát-Tường chấp thuận. Trong lúc Lệ-Hoa lên thuyền theo bà người Anh, bà Cát-Tường sang Ai-Cập. Trước khi từ biệt, Lệ-Hoa không biết nói, ra hiệu cho cô là bà Cát-Tường nhờ tôi một việc: khi nào anh đến thăm cô thì kể lại sự tình cho anh nghe. Vì thế tôi mới biết tên anh là Lê-Minh. Tôi cảm động quá không biết nói câu gì. Mã-Tư sáng suốt hơn tôi, hỏi luôn bà đó:

- Thế bà người Anh ấy đi đâu?

- Đi miền nam nước Pháp hay sang Thụy sĩ. Đáng lẽ Lệ-Hoa phải nhờ người viết thư gởi về đây cho anh biết địa chỉ. Nhưng từ đó tôi không nhận được tin tức gì.

Dịch giả: Hà Mai Anh
Chương XLI
NHỮNG CÁI TÃ ĐẸP NÓI THỰC

Tôi đang sững sờ, không biết tính thế nào, thì Mã-Tư nhanh nhẩu nói:
- Thưa bà, chúng tôi cảm ơn bà.
Rồi anh sẽ cầm tay tôi đưa ra khỏi bếp. Anh nói:
- Chúng ta lên đường đi! Lần này không phải chỉ tìm bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên, chúng ta còn tìm Lệ-Hoa nữa. Có phải hay không? Đáng lẽ chúng ta phải dừng lại ở đây, bây giờ ta được đi ngay. Thế gọi là cái may đây, anh ạ! Chúng ta đã chịu nhiều cái rủi rồi, bây giờ đến lượt hưởng những cái may. Ngọn gió đã đổi chiều! Biết đâu hạnh phúc đang chờ ta! Tiến lên!
Chúng tôi tiếp tục rượt theo Thiên-Nga. Không để mất thì giờ, chúng tôi chỉ dừng lại để ngủ và để kiếm tiền. Ở Đơ-Di là chỗ sông Niên chảy vào sông Loa, chúng tôi phải hỏi thăm, biết Thiên-Nga đã theo sông đào đi Đi-Goăng (Digoin), rồi lại từ Đi-Goăng sang sông Trung để tới Sa-Lông (Chalon).
Xem bản đồ, nếu chúng tôi đi thẳng từ Sa-Ron (Charolles) đến Ma-Công (Mâcon), không theo dòng sông, thì đỡ được mấy ngày đường, nhưng chúng tôi không dám đi lối ấy sợ Thiên-Nga dừng lại ở quãng nào thì chúng tôi phải lộn lại, có phải nhanh nhẩu đoảng không?
Vì thế chúng tôi quyết theo sông Sa-Ôn (Saône), từ Sa-Lông cho tới Ly-Ông.
Đến Ly-Ông chúng tôi lại khó nghĩ, Thiên-Nga đã đi ngược hay xuôi dòng sông Rôn?
Nói cách khác là bà Mỹ-Lưu đã sang Thụy-sĩ hay xuống miền nam nước Pháp?
Lẫn trong đám tầu chạy như mắc cửi trên ngã ba sông Rôn và Sa-Ôn này, thuyền Thiên-Nga có thể bị lu mờ, không ai chú ý. Chúng tôi dò hỏi những người lái thuyền, những người chận sào, những người ở bến, biết chắc chắn thuyền Thiên-Nga đã sang Thụy-sĩ: chúng tôi lại ngược theo sông Rôn.
Mã-Tư hỏi:
- Ở Thụy-sĩ sang Ý được, đó lại là cái may nữa. Cứ theo mãi bà Mỹ-Lưu, cái ngày chúng ta về đến Lục-Ca. Em Tuyết-Nga sẽ sung

sướng biết nhường nào!
Thương cho anh Mã-Tư thân mến và khốn nạn của tôi! Anh đã giúp tôi đi tìm những người thân yêu của tôi, tôi chưa làm gì để anh được gần em gái anh!
Đến Ly-Ông, chúng tôi đi nhanh hơn thuyền vì nước sông chảy xiết, thuyền bè khó ngược hơn là ở sông Xen. Tới Quy-Lô (Culoz), tính ra thời gian Thiên-Nga đi trước chúng tôi chỉ còn có sáu tuần lễ.
Giở bản đồ ra xem. Chúng tôi tin rằng có thể đuổi kịp Thiên-Nga trước khi tới hồ Giơ-Neo (Genève), Thiên-Nga phải đưa bà Mỹ-Lưu đến tận Thụy-sĩ. Yên trí thế, vì chúng tôi không có bản đồ nước này.
Chúng tôi đến tỉnh Sét-Sen, một thành phố ở hai bên bờ sông và nối liền bằng một cầu treo. Chúng tôi ra bến xem thì ủa! Lạ quá! Có phải kia là thuyền Thiên-Nga không? Chúng tôi chạy đến gần. Chính hình dáng nó, chính nó. Nhưng có vẻ là một chiếc thuyền bỏ không, buộc vào cạnh một cái sàn có mái che. Cửa phòng khóa kín, hiên thuyền không có hoa leo nữa.
- Sao lại thế? Có việc gì xẩy ra cho An-Tuyên chăng?
Chúng tôi đứng lại, trái tim dồn dập đến nghẹn thở.
Nhưng đứng lại thì hèn quá. Phải tiến lên. Phải hỏi han xem sao?
Gặp một người đàn ông, chúng tôi hỏi tin. Người đó, chính là người giữ việc coi thuyền, cho chúng tôi biết:
“Bà khách người Anh đi thuyền với hai con, một cậu con trai liệt và một cô gái câm, hiện đang ở Thụy-sĩ. Bà ta phải để thuyền lại đây vì không thể ngược sông Rôn được nữa. Bà ta cùng hai con phải đi xe ngựa trước với một người đàn bà giúp việc. Còn các đầy tớ chở đồ đạc theo sau. Đến mùa thu, bà ta mới về đây lấy thuyền rồi theo sông Rôn xuống miền nam nước Pháp và ở đó cho hết mùa đông.”
Bây giờ, chúng tôi mới thở được.
Mã-Tư hỏi:
- Bây giờ bà khách ấy ở đâu?
- Bà ta hiện thuê một cái nhà miền quê gần bờ hồ Giơ-Neo, ở đầu Vơ-Vay (Vevey) thì phải, tôi không biết đúng chỗ ở, nhưng bà ta nghỉ hè ở đó.
Lên đường đi Vơ-Vay! Đến Giơ-Neo, chúng tôi sẽ mua một bản đồ nước Thụy-sĩ. Chúng tôi sẽ tìm thấy tỉnh ấy hay làng ấy, không khó. Bây giờ Thiên-Nga không chạy trước mặt chúng tôi nữa, bà Mỹ-Lưu đã ở một chỗ nhất định, chúng tôi chỉ có việc tìm, chúng tôi sẽ thấy.
Đi rõng rã bốn ngày, chúng tôi mới đến địa phận Vơ-Vay. Những sườn núi xanh um thoai thoải xuống bên hồ nước biếc. Những biệt thự, những hoa trang lẩn trong đám cây như những tổ chim rải rác

trên sườn non. Trong đám trang thự đó hẳn có nhà bà Mỹ-Lưu ở cùng An-Tuyên và Lệ-Hoa.
Đến Vơ-Vay, chúng tôi chỉ còn ba xu trong túi. Giầy người nào cũng mất cả đế.
Vơ-Vay không phải là một làng nhỏ như chúng tôi tưởng. Đó là một thành phố, to hơn một thành phố, vì thị trấn này nối liền với thành phố Vin-Nơ (Villeneuve) làm một, qua một giải bảy làng trù phú liên tiếp. Trong chỗ đô hội này, nếu chúng tôi chỉ hỏi tin một bà người Anh có một trai ốm và một gái câm thì hỏi đến hàng năm cũng không ai biết. Ở Vơ-Vay và chung quanh hồ đều có người Anh, nhất là đàn bà Anh đến nghỉ mát đông đúc chẳng khác chi một nơi giải trí phong lưu ở chung quanh thành Luân-Đôn vậy.
Tốt hơn hết là chúng tôi tự đi tìm lấy bằng cách đến tất cả mọi nhà người ngoại quốc có mặt ở đây. Đối với chúng tôi, vấn đề này không khó lắm vì chúng tôi chỉ có việc đi diễn trò trong tất cả các phố.
Trong có một ngày, chúng tôi đi hết thành phố Vơ-Vay và thu được một số tiền lớn. Ngày trước, khi chúng tôi định mua bò, mua búp-bê, kiếm được như thế đã lấy làm sung sướng. Nhưng bây giờ mục đích không phải là tìm tiền nên chúng tôi cũng không lấy gì làm thích. Đi khắp mọi phố, chúng tôi không tìm thấy dấu hiệu gì tỏ ra là bà Mỹ-Lưu ở đây.
Hôm sau, chúng tôi kiếm tìm ở miền phụ cận thành phố. Chúng tôi đi thẳng trước mặt chúng tôi và đi cầu may. Qua những ngôi nhà bóng dáng xinh xinh, dù cửa sổ mở hay đóng, chúng tôi cũng hạ đàn xuống trình diễn chơi. Cứ như thế, chúng tôi đi từ hồ lên núi, lại từ núi xuống hồ, nhìn xét chung quanh, hỏi thăm những người thật tử tế. Nhưng chiều đến chúng tôi trở về thất vọng cũng như hôm trước.
Ngày hôm đó, chúng tôi bị hai cái mừng hụt. Có một người không biết tên bà Mỹ-Lưu nhưng chắc là bà, trỏ cho chúng tôi lên đỉnh núi tìm ngôi nhà sơn xanh. Người thứ hai quả quyết rằng người đàn bà Anh có hai đứa con ở ngay bờ hồ, có tìm thấy những "ba người Anh" thực, nhưng không phải bà Mỹ-Lưu!
Sau khi tìm kiếm rất kỹ càng ở miền phụ cận tỉnh Vơ-Vay, chúng tôi bảo nhau đi rộng ra chút nữa về phía Ca-Rang (Clarens) và Mông-Tơ (Montreux), trong lòng hậm hực nhưng không chán nản vì ở đời cái gì không thành công hôm nay thì ngày mai phải thắng lợi, miễn là ta không thoái chí.
Khi chúng tôi đi trên những con đường rộng, hai bên có tường cao. Khi chúng tôi vào những con đường mòn quanh co trong những vườn nho hay nương trái. Khi chúng tôi ra những con đường râm

mát, hai bên có những cây dẻ rườm rà, chận hết ánh sáng để cho những đám rêu mọc mơn mởn như nhung.
Trên những đường lớn, đường nhỏ đó, mỗi bước đi, chúng tôi lại nhìn thấy hai bên có những hàng giậu sắt hoặc gỗ rất hoa mỹ. Bên trong là những lối đi rải cát. Những luống hoa và những bồn cỏ. Những tòa nhà xinh xắn ẩn hiện sau đám lá xanh.
Những thửa vườn đó thực là những chướng ngại vật lớn cho chúng tôi. Nó ngăn trở không cho những người trong nhà nghe rõ tiếng nhạc của chúng tôi.
Vì thế, chúng tôi phải gân cổ, gân tay ra đàn, hát, hoạt động mãi như thế thì còn gì là hơi sức.
Một buổi chiều, khi chúng tôi mở một cuộc hợp tấu ở giữa nơi đường vắng; chúng tôi quay vào hàng giậu sắt, không để ý đến bức tường đằng sau. Tôi hát bài "Tình ca", hát to như gào lên. Hát xong đoạn thứ nhất, tôi toan ca đoạn thứ hai, bỗng nghe ở phía sau tôi có một tiếng kêu rồi có người hát tiếp theo đoạn thứ hai bài hát của tôi, tiếng nhỏ và lạ tai.
Quái! Tiếng ai thế nhỉ?
Mã-Tư hỏi tôi:
- Cậu An-Tuyên hát chăng?
Nhưng không phải cậu An-Tuyên, tiếng cậu tôi đã quen. Đây là tiếng người nào ấy. Đồng thời, con Lãnh-Nhi kêu kít kít mừng rỡ chạy ra, nhẩy chồm vào bờ tường.
Tôi liền hỏi to:
- Ai hát đấy?
Có tiếng trả lời đưa ra:
- Lê-Minh!
"Tên tôi" để "trả lời" tôi! Mã-Tư và tôi ngây người, nhìn nhau.
Chúng tôi đang ngơ ngác chợt tôi nhìn phía sau Mã-Tư. Qua bức giậu thấp trên ngọn tường có chiếc mùi xoa trắng đưa đi đưa lại phất phơ trước gió. Chúng tôi chạy về phía đó.
Đến chân giậu, chúng tôi mới rõ người có cái cánh tay phất mùi xoa ấy chính là… Lệ-Hoa.
Trời ơi! Chúng tôi đã tìm thấy cô, thấy bà Mỹ-Lưu và cậu An-Tuyên rồi!
Nhưng ai đã hát? Ngay lúc đó Mã-Tư và tôi hỏi cô thì được nghe tiếng: "Tôi" do cô nói ra.
A! Lệ-Hoa đã hát được, đã nói được!
Nhiều lần tôi đã được nghe nói, hễ bao giờ Lệ-Hoa cảm xúc mạnh là nói lên được, nhưng tôi không tin.

Bây giờ mới biết người ta nói đúng, Lệ-Hoa đã nói được. Phép mầu đã hiển hiện!
Chợt nghe tiếng và trông thấy tôi, người mà cô tưởng không bao giờ gặp nữa, cô đã cảm xúc đến cực độ! Nghĩ thế, lòng tôi rung động, đứng không vững, tôi phải níu chặt lấy cành rào. Nhưng tôi vẫn nhớ ra, tôi hỏi:
- Bà Mỹ-Lưu đâu? Cậu An-Tuyên đâu?
Lệ-Hoa mấp môi để trả lời, nhưng miệng cô chỉ phát ra những tiếng ngọng nghịu. Nóng ruột, cô lại dùng tay để nói chuyện cho nhanh chóng hơn. Óc cô và lưỡi cô còn vụng chưa khiến được tiếng nói cho rõ ràng.
Tôi nghe lời nói bằng tay của cô – Mà Mã-Tư chẳng hiểu gì – Tôi nhìn xa xa trong vườn thấy ở đầu một lối đi rậm rạp có chiếc xe dài do một người đầy tớ đang đẩy đi. An-Tuyên đang nằm duỗi trong xe, đi sau là mẹ cậu và… tôi cúi mình về đằng trước để nhìn cho rõ… và ông Mỹ-Giang. Tự nhiên tôi thụt đầu xuống và bảo Mã-Tư nấp nhanh đi, không nhớ rằng ông Mỹ-Giang không hề biết mặt Mã-Tư.
Sợ Lệ-Hoa sẽ ngạc nhiên, thấy đùng một lúc mất dạng chúng tôi, tôi sẽ nhô đầu lên và nói nhỏ:
- Đừng cho ông Mỹ-Giang biết tôi ở đây, nếu không ông ta sẽ đuổi tôi về nước Anh.
Cô giơ hai cánh tay lên, kinh sợ.
Tôi nói tiếp:
- Đừng hành động gì. Đừng nói chúng tôi ở đây. Ngày mai, chín giờ, chúng tôi sẽ đến đúng chỗ này. Nhớ ra đây một mình. Bây giờ cô về đi.
Cô ngần ngại.
- Về đi, tôi xin cô, nếu không, cô mất tôi!
Nói xong, nhờ bức tường che khuất, chúng tôi chạy vào nấp trong vườn nho gần đấy, chúng tôi khoan khoái chuyện trò.
Mã-Tư bảo tôi:
- Tôi không đồng ý đợi đến sáng mai mới gặp bà Mỹ-Lưu. Trong thời gian đó, Mỹ-Giang có thể làm hại tính mệnh An-Tuyên được. Tôi muốn gặp bà Mỹ-Lưu ngay bây giờ để báo cho bà… tất cả những điều chúng ta biết. Vì Mỹ-Giang không quen mặt tôi, hắn sẽ không nghĩ đến anh và gia đình Điệp-Công. Sau đó, bà Mỹ-Lưu sẽ định đoạt các việc cho chúng ta.
Anh nói rất phải, tôi để anh đi và dặn anh khi trở lại sẽ tìm tôi ở dưới khóm cây dẻ gần đấy vì chỗ này kín đáo hơn.
Nằm trên đám rêu biếc, tôi đợi mãi không thấy Mã-Tư về. Lòng tôi

bâng khuâng nghĩ ngợi, không biết chúng tôi có khỏi nhầm không. Chợt thấy Mã-Tư về, lại có cả bà Mỹ-Lưu đi sau. Tôi chạy ra đón bà, bà giơ tay, tôi cầm lấy tay bà hôn. Nhưng bà ôm tôi vào lòng, cúi xuống âu yếm hôn vào trán tôi.
Là lần thứ hai được bà hôn tôi, nhưng tôi cảm thấy là lần thứ nhất mà bà hôn tôi một cách nồng nàn tha thiết trong cánh tay bà.
Bà nói:
- Khốn nạn cho con!
Rồi những ngón tay trắng trẻo, mềm mại của bà vén mớ tóc ở trán tôi lên, bà chăm chăm nhìn vào mặt tôi và lẩm bẩm:
- Phải… phải…
Tiếng đó biểu lộ tâm tư của bà trong lúc đó. Tôi cảm động quá không sao hiểu ý bà. Tôi chỉ thấy một nguồn yêu thương trong mắt bà tỏa ra bao trùm lấy tôi. Tôi ngây ngất vì sung sướng.
Không rời mắt nhìn tôi, bà nói:
- Con ơi! Bạn con đã cho ta biết những điều rất quan trọng. Về phần con, con hãy kể lại chuyện con tới nhà Điệp-Công và chuyện ông Mỹ-Giang đến thăm thế nào cho ta nghe.
Tôi đem hết sự thực kể lại. Thỉnh thoảng, bà bảo tôi ngừng lại để hỏi một vài điểm quan trọng. Chưa từng có người nào lại hết sức chăm chú nghe tôi nói đến thế bao giờ. Hai mắt bà cứ đăm đăm nhìn vào mắt tôi.
Khi tôi nói hết, bà nghĩ một lúc rồi bảo tôi:
- Tất cả những việc đó rất nghiêm trọng cho con, cho tất cả mọi người chúng ta. Chúng ta phải thận trọng cho đến khi nào ta hỏi những người khả dĩ chỉ dẫn cho ta. Nhưng ngay từ bây giờ, con coi con cũng như một người quen biết, một người bạn thân – bà lưỡng lự một chút – một người anh em của An-Tuyên, và cũng ngay bây giờ con và bạn con, các con phải từ bỏ cái đời sống khốn nạn của các con đi. Trong hai giờ nữa, các con sẽ lại khách sạn An-Sơn, ta sẽ cho một người thân tín đến lấy buồng trước cho các con. Ta sẽ lại thăm các con ở đó. Bây giờ ta phải từ biệt các con.
Nói xong, bà hôn tôi một lần nữa, bắt tay Mã-Tư và vội vàng trở về.
Tôi hỏi Mã-Tư:
- Anh đã kể những gì cho bà Mỹ-Lưu nghe?
- Tất cả những điều mà bà vừa nói với anh và nhiều điều khác nữa. Bà thực là một người đàn bà kiều diễm, đoan trang.
- Còn An-Tuyên, anh có trông thấy không?
- Có được trông xa, nhưng cũng biết cậu là một người con trai tử tế.
Tôi lại hỏi Mã-Tư về bà Mỹ-Lưu, nhưng anh không muốn trả lời hoặc

anh nói lảng ra chuyện khác.
Theo lời bà Mỹ-Lưu dặn, chúng tôi tìm đến khách sạn An-Sơn. Mặc dầu chúng tôi đeo bộ quần áo của phường hát rong đến nơi, chúng tôi rất được trịnh trọng đón tiếp, một người đầy tớ mặc bộ đồ đen, cà vạt trắng đưa chúng tôi nhận buồng. Phòng chúng tôi lịch sự quá! Có hai cái giường trắng. Cửa sổ trông ra hồ. Chúng tôi nhìn xuống một phong cảnh tuyệt đẹp. Khi chúng tôi nhận phòng rồi, người đầy tớ cứ đứng im, lễ phép đợi lệnh chúng tôi. Thấy chúng tôi không bảo gì, người đầy tớ hỏi:
- Các cậu muốn ăn gì để chúng tôi dọn ra hiên ngồi cho mát.
Mã-Tư hỏi:
- Ở đây có bánh nhân mứt không?
- Có nhiều thứ: bánh nhân đậu, bánh hạt sen, bánh hạnh nhân.
- Thế anh cho các thứ ấy.
- Cả ba thứ?
- Hẳn thế.
- Món ăn đầu, các cậu dùng thịt quay hay dùng rau?
Mỗi câu người đầy tớ hỏi, Mã-Tư lại mở to mắt ra, nhưng không tỏ vẻ bối rối.
Anh đáp:
- Tùy anh, thứ gì cũng được.
Người đầy tớ đi ra.
Mã-Tư bảo tôi:
- Ăn ở đây có lẽ thú hơn ở nhà Điệp-Công nhỉ?
Sáng hôm sau, bà Mỹ-Lưu đến thăm chúng tôi, đưa thợ may đến đo người chúng tôi để may quần áo và sơ-mi. Bà cho chúng tôi biết Lệ-Hoa đang tập nói và thầy thuốc bảo cô đã khỏi bệnh rồi. Bà ở lại chơi với chúng tôi một giờ. Bà đứng dậy về. Bà âu yếm hôn tôi và bắt tay anh Mã-Tư.
Bà đến thăm chúng tôi như thế liên tiếp bốn ngày, mỗi ngày lòng âu yếm của bà càng thấy nồng nàn hơn, tuy nhiên bà vẫn có ý giữ gìn.
Ngày thứ năm, người thị nữ mà tôi đã trông thấy trong thuyền Thiên-Nga ngày xưa đến thay bà. Chị ta bảo rằng bà Mỹ-Lưu ở nhà đợi chúng tôi và có xe đến đón chúng tôi ở cửa khách sạn. Đó là một chiếc xe ngựa không mui. Mã-Tư không lạ lùng lên xe ngồi đàng hoàng như từ thuở bé đã quen đi những thứ xe này. Lãnh-Nhi cũng leo lên đệm ngồi chễm chệ.
Quãng đường không xa lắm. Nhưng tôi cho là ngắn quá vì tôi đi trong giấc mơ. Đầu óc tôi lúc đó đầy những ý tưởng rối lộn, có thể gọi là mê cuồng được.

Người ta đưa chúng tôi vào phòng khách. Bà Mỹ-Lưu, cậu An-Tuyên và Lệ-Hoa đều ở đó. An-Tuyên nằm trên chiếc di-văng. Cậu giơ tay, tôi chạy lại hôn cậu và cô Lệ-Hoa nữa. Tôi lại chỗ bà Mỹ-Lưu, bà hôn tôi và nói:
- Bây giờ là lúc mà con có thể nhận chỗ ở trong gia đình này.
Tôi ngơ ngác nhìn bà, không hiểu sao thì một cánh cửa mở ra, bà Bảo-Liên ở đâu ôm một mớ quần áo trẻ sơ sinh: áo cát-sơ-mia trắng, mũ đăng-ten, giày đan bước ra.
Bà vừa kịp đặt các vật đó xuống bàn thì tôi ôm lấy bà hôn. Trong khi ấy bà Mỹ-Lưu ra lệnh cho một người đầy tớ và tôi nghe thấy tiếng "Mỹ-Giang". Tôi giật mình, xám mặt lại.
Bà Mỹ-Lưu bảo tôi:
- Con không việc gì phải sợ cả. Con lại gần đây để bàn tay con vào tay ta.
Lúc đó, cửa phòng khách mở ra, ông Mỹ-Giang bước vào tươi cười, chìa hàm răng trắng nhọn. Ông chợt thấy tôi, lập tức nụ cười đó biến thành nhăn nhó ghê sợ.
Bà Mỹ-Lưu không để ông ta hỏi, bà chậm rãi nói, giọng run run:
- Tôi mời ông đến đây giới thiệu con trai lớn của tôi mà tôi mới có cái hạnh phúc tìm được – bà bắt tay tôi – thưa ông, đứa con trai ấy đây. Nhưng ông đã biết rõ nó rồi, vì ông đã đến thăm sức khỏe của nó tại nhà người đã bắt trộm nó.
Ông Mỹ-Giang mặt nhợt nhạt, hỏi:
- Thế là nghĩa lý gì?
- Nghĩa là kẻ bắt cóc con tôi đó hiện đang ngồi tù về tội ăn trộm. Nó đã thú nhận tất cả. – Đây là một lá thư chứng minh việc đó – Nó khai đã bắt đứa bé như thế nào, nó đã bỏ đứa bé ở phố Bảo-Tương Ba-Lê và vì sao nó đã cắt hết những dấu hiệu đi. Đây là những quần áo và tã lót con tôi mà người đàn bà quý hóa này nuôi con tôi còn giữ được. Ông có muốn xem lá thư này không? Ông có muốn nhìn lại mớ tã lót này không?
Ông Mỹ-Giang tái mét đứng im, có lẽ lòng ông ta đang nghĩ muốn bóp chết cả chúng tôi. Bỗng ông ta quay ra cửa, nhưng còn nghoảnh lại nói:
- Đợi xem Tòa án xét vụ "nhận vơ" con này!
Rất bình tĩnh, bà Mỹ-Lưu – bây giờ tôi có thể gọi là mẹ tôi – trả lời:
- Ông muốn đưa chúng tôi ra Tòa án thì đưa. Chứ tôi, không bao giờ đưa ra Tòa án người em trai của chồng tôi.
Khi chúng tôi đã nguôi cảm xúc, Mã-Tư lại gần tôi, nói:
- Anh hỏi lại mẹ xem có phải tôi đã giữ kín những lời bà dặn không?

Tôi chưa kịp hỏi, mẹ tôi đã trả lời ngay.
- Khi Mã-Tư kể cho mẹ nghe hết chuyện, mẹ bảo Mã-Tư phải giữ kín, vì tuy mẹ tin Lê-Minh là con mẹ rồi nhưng cũng phải có gì làm bằng chứng tỏ ra là không nhầm. Con ơi! Đau đớn cho con biết bao, nếu sau khi đã công nhận con là con đẻ, rồi lại gọi con bảo rằng ta nhầm! Những bằng chứng ấy, nay đã có rồi, con ta từ nay sum họp suốt đời. Và suốt đời con sống bên mẹ con, em con – mẹ tôi trỏ Lệ-Hoa và Mã-Tư – và những người đã yêu thương con trong những ngày gian khổ.

Vô Gia Đình

Dịch giả: Hà Mai Anh

Chương XLII
TRONG GIA ĐÌNH

Mười năm qua, đã nhiều nhưng hình như vẫn ngắn vì trong những năm đó toàn là những ngày đẹp và vui.
Hiện giờ tôi ở nước Anh, tại Mỹ-Phủ, là đệ trạch của ông cha tôi. Đứa trẻ vô gia đình không nơi nương tựa, bỏ rơi, trơ vơ trên cõi đời. Nổi chìm theo vận may rủi, lênh đênh giẫy dụa trong biển khơi, không một ngọn hải đăng chỉ lối, không một bến để ghé chân, bây giờ không những có mẹ, có em, để yêu dấu và được thương yêu, lại còn có danh vọng vẻ vang và sản nghiệp lớn lao do tiền nhân để lại. Đứa trẻ khốn nạn đã ngủ đêm trong những vựa cỏ, chuồng bò hay ở góc rừng chân núi, nằm dưới ánh sao, bây giờ nghiễm nhiên là chủ một tòa lâu đài lịch sử mà những khách hiếu cổ thường lui tới viếng thăm.
Tòa lâu đài cổ kính đó cách chừng 20 dặm và về phía tây bến Lít-Hăm-Tông – nơi mà chúng tôi vượt sang Pháp tránh nạn ngày nào – ở lưng chừng đồi trong một thung lũng cây cối xanh tốt như rừng mặc dầu ở ngay bờ biển.
Dựng ở trên một nền đất thiên nhiên, tòa nhà hình vuông đứng, bốn góc đâm lên bốn cái tháp tròn cao nhọn. Mặt trước về phía tây và phía nam có những dây đằng hoa và tường vi leo kín. Mặt sau về phía đông, những cây trường xuân cành lá chằng chịt bao quanh, gốc to bằng thân người lớn, tỏ ra trồng đã lâu đời. Những người làm vườn phải luôn xén cắt cho cái màu xanh ấy khỏi lan tràn che kín cả những nét chạm trổ trên khung cửa sổ bằng đá trắng và những bức

chấn song hoa mỹ. Một thửa vườn rộng bao quanh, có những cây cổ thụ mà những lưỡi dao, lưỡi búa chưa từng đụng chạm đến và những bồn cỏ tươi tốt như những tấm thảm xanh. Trong lùm cây dẻ gai rậm rạp, những con quạ khoang chiều chiều về đậu, tiếng kêu báo hiệu khi hoàng hôn xuống cũng như lúc triêu dương lên.
Chính ở Mỹ-Phủ ấy, tôi sống trong gia đình với mẹ tôi, em tôi và vợ tôi.
Sáu tháng sau khi về ở đó, nhiều ngày tôi ngồi hàng giờ trong thư viện lưu trữ các gia phả, chứng thư kỷ lục, văn khế và thư từ cũ của ông cha tôi. Tôi cúi mình trên chiếc bàn gỗ đã đen vì năm tháng để đọc, để viết. Không phải tôi ở đó xem kỹ các văn thư, kỷ lục nói trên mà để tìm và soạn lại những tập ký sự về đời phiêu lưu của tôi.
Chúng tôi sắp làm lễ "rửa tội" cho đứa con đầu lòng, con trai chúng tôi, đặt tên là Tiểu-Mã-Tư. Về dịp "Tẩy Lễ" này tôi định hội họp tất cả những thân bằng cố hữu của tôi trong những ngày gian khổ và thân tặng mỗi người một cuốn ghi chép đời lưu lạc của tôi mà những người đó đã xen vào để tỏ lòng biết ơn về sự cứu giúp cũng như tình thương yêu các vị đó đối với đứa trẻ vô gia đình.
Cuộc đoàn viên lớn đó tôi giữ kín, trừ mẹ và em tôi, để làm ngạc nhiên cho khách mời cũng như cho vợ tôi, nàng sẽ không ngờ được gặp cha, các anh chị và bà cô.
Việc trù hoạch của tôi không có điều gì ngăn trở. Chỉ chiều hôm nay là mọi tân khách đều tề tựu dưới mái nhà tôi và tôi rất sung sướng được trông thấy những người thân yêu hội họp chung quanh bàn tiệc.
Trong dịp vui này, thiếu một người! Dù có đem tất cả châu báu trên đời này, người ta cũng không sao chuộc được những người đã mất. Hỡi thầy kính mến của con ơi! Nếu thầy còn đến bây giờ, con xiết bao sung sướng được phụng dưỡng thầy. Thầy sẽ vứt bỏ được mảnh da cừu và chiếc áo nhung, thầy không phải gào thét "Tiến lên! Các con ơi!" nữa. Trong lúc tuổi già nhàn nhã, thầy có thể ngẩng cao cái đầu bạc phơ và phục hồi tên tuổi. Ông già diễn trò rong Vỹ-Tiên kia sẽ trở lại thành Ca-sĩ đại tài Cát-Băng-Giang như trước. Nhưng cái chết vô tình và tàn nhẫn không cho con được đền ơn thầy bằng cách ấy, thì con tìm cách khác để truy niệm thầy. Ở Ba-Lê, trong nghĩa trang Mông-Pác-Nát (Montparnasse), cái tên chói lọi Cát-Băng-Giang của thầy đã được ghi khắc trên tấm bia mộ của thầy – mẹ con rất tán thành – và bức tượng đồng bán thân của thầy tạc theo chân dung của thầy thời danh tiếng cũng đã dựng ở đó để nhắc lại cái vinh quang của thầy cho những khách đã trọng tài thầy tưởng niệm.

Còn bức tượng bán thân thứ hai của thầy nữa vẫn đặt ở kia, trước mặt con. Khi con viết chuyện này, những bước gian nan buổi đầu lần lượt diễn ra trước mắt con, con lại trông vào mắt thầy, tưởng tượng như thầy vẫn ở bên con. Con không quên thầy, không bao giờ con quên thầy được. Xin thầy tin cho như thế. Trong cuộc sống gian nan của đứa con bỏ rơi, nếu con không sẩy chân, con không vấp ngã, cũng là nhờ thầy, nhờ những bài học của thầy, những tấm gương sáng của thầy. Hỡi thầy tôn kính của con! Trong tất cả các ngày kỷ niệm của gia đình con, bao giờ cũng có một chỗ dành sẵn, chỗ ấy là chỗ của thầy!

Nhưng kìa mẹ tôi đang vào hành lang. Tuổi cao không làm tàn nhan sắc của mẹ tôi. Tôi trông mẹ tôi vẫn như ngày tôi gặp lần thứ nhất trên thuyền Thiên-Nga, cũng phong độ cao quý ấy, cũng gương mặt nhân từ dịu hiền ấy, khác chăng là cái nét buồn âm thầm ngày xưa đã biến mất.

Mẹ tôi tỳ trên cánh tay An-Tuyên, vì bây giờ mẹ không phải đỡ đứa con yếu đuối, ẻo lả như trước. Đứa con ấy bây giờ thành một trang thanh niên khỏe đẹp, ham chuộng thể thao, cưỡi ngựa, bơi thuyền và đi săn rất giỏi. An-Tuyên cẩn trọng khoác tay đưa mẹ tôi vào: coi đó, trái hẳn với lời dự đoán của ông Mỹ-Giang, phép mầu đã hiển hiện: An-Tuyên thoát chết, An-Tuyên đã sống và sống mãi.

Phía sau mẹ tôi, tôi trông thấy một bà già ăn mặc như một người đàn bà quê ở Pháp, hai tay ẵm một đứa con thơ bọc trong tã trắng, người đàn bà đó là bà Bảo-Liên, đứa con thơ đó là con tôi, con trai tôi, Tiểu-Mã-Tư.

Ngay sau khi tôi tìm thấy mẹ tôi, tôi giữ bà Bảo-Liên lại, nhưng bà từ chối và nói: “Không, Lê-Minh ạ! Lúc này không phải là chỗ ta ở đây. Bây giờ con còn phải học để trở nên người có học vấn và có giáo dục để nối dõi ông cha. Ở bên cạnh con, bây giờ ta giúp việc gì được? Con để cho ta về Văn-Ông. Cuộc tạm biệt đó cũng không lâu đâu. Con sẽ lớn lên. Con lấy vợ, rồi con có con. Lúc đó, nếu con muốn và nếu ta còn sống, ta sẽ trở lại gần con để trông nom các cháu cho con. Ta không thể làm vú nuôi cho chúng như ta đã nuôi con ngày xưa, vì ta sẽ già lắm. Nhưng người già vẫn có thể săn sóc các trẻ em được. Người ta có kinh nghiệm. Người ta không ngủ nhiều. Rồi ta sẽ yêu đứa con của con và con hãy tin rằng ta không phải là người để cho họ bắt trộm con con, cũng như họ đã bắt trộm con”. Vì ý bà muốn thế, chúng tôi cũng để bà về. Khi con trai tôi ra đời được ít lâu, chúng tôi cho người đi mời bà, bà bỏ cả quê hương, bỏ cả nhà cửa, bỏ cả bạn bè, bỏ cả con bò mà chúng tôi đã mua cho

bà, để sang Anh-quốc ở với chúng tôi. Vợ tôi nuôi con lấy, còn bà giữ việc trông nom, chăn dắt và chơi với Tiểu-Mã-Tư thôi. Bà khen đó là một đứa bé đẹp nhất mà bà chưa từng trông thấy bao giờ.
An-Tuyên tay cầm tờ báo Thời sự, để xuống bàn viết của tôi và hỏi tôi đã đọc chưa. Tôi nói chưa đọc. An-Tuyên liền lấy ngón tay chỉ vào một tin ở thành Vienne mà tôi dịch như sau:
"Thành phố Luân-Đôn sắp được hân hạnh đón tiếp Ca-nhạc-sĩ kỳ tài Mã-Tư. Mặc dầu những kết quả rất mỹ mãn đã đạt được ở đây. Nhạc sĩ phải tạm biệt chúng ta để sang Anh-quốc do những hợp đồng mà Nhạc sĩ không thể sai hẹn được. Bản báo đã nói nhiều về những cuộc trình diễn ở đây của Mã-Tư. Những cuộc hòa nhạc đó, với tính chất độc sáng và tài năng xuất chúng của một diệu thủ âm nhạc, đã gây một mối khích động lớn trong công chúng. Tóm lại, Mã-Tư là vua vĩ-cầm".
Không cần đọc bài báo đó, tôi cũng biết đứa trẻ hát rong các phố, bạn tôi và học trò tôi, đã thành một tài tử trứ danh. Tôi cùng sống với anh, đã trông thấy anh lớn lên và thiên tài anh nẩy nở. Khi ba chúng tôi, Mã-Tư, An-Tuyên và tôi học tập do một vị giáo sư riêng đào luyện, Mã-Tư chậm tiến về tiếng La-Tinh và Hy-Lạp, nhưng anh rất giỏi về nhạc. Nhạc sư do mẹ tôi thuê dạy anh, phải kinh ngạc về năng khiếu lỗi lạc của anh. Lời tiên tri của ông nhạc sĩ thợ cạo Phi-Nam ở thành Măng-Đê thực ứng nghiệm vậy.
Tuy nhiên, tin tức ở thành Vienne vừa rồi đã làm tôi sung sướng và tự hào hình như chính tôi đã được hoan nghênh và được vỗ tay tán thưởng mà tờ báo đó đã mang dư âm đi khắp mọi nơi. Sao tôi lại không được dự phần? Mã-Tư không phải là bạn tôi, em tôi, là chính mình tôi hay sao? Cho nên cái vinh quang của anh là vinh quang của tôi, mà cái hạnh phúc của tôi là hạnh phúc của anh vậy.
Lúc đó, một người đầy tớ vào đưa cho tôi một bức điện văn mà sở bưu chính vừa cho mang đến.
"Cuộc hải trình ngắn nhất, nhưng mệt nhất. Tôi khó ở quá nên mãi đến Red-Hill mới có sức báo tin cho anh. Khi qua Ba-Lê, tôi rủ cả Tuyết-Nga đi. Chúng tôi sẽ đến Chegford hồi 4 giờ 10 phút. Anh cho xe ra đón".
Mã-Tư
Khi tôi đọc đến đoạn cuối bức điện văn, An-Tuyên tỏ vẻ mừng rỡ bảo tôi:
- Em muốn thân ra đón ở ga Chegford. Em cho lấy xe ngựa lớn nhá?
- Em có ý kiến hay đấy. Em sẽ cùng về với Tuyết-Nga.
Không trả lời, An-Tuyên vội vàng bước ra – tôi liền quay lại bảo mẹ

tôi:
- Đấy mẹ xem, em Tuyên không giấu lòng sốt sắng của em. Cử chỉ đó rất có nghĩa.
- Phải, có nghĩa.
Mẹ tôi nói ba tiếng đó với giọng không bằng lòng. Tôi liền lại bên mẹ tôi, cầm hai tay mẹ hôn và nói bằng tiếng Pháp, thứ tiếng mà tôi vẫn làm mẹ tôi nao lòng. Tôi nói như là ngày còn bé:
- Mẹ quý của con! Mẹ đừng buồn vì An-Tuyên yêu Tuyết-Nga, xin mẹ đừng cho thế là một cuộc hôn nhân không tương đối, một cuộc hôn nhân đẹp thì dòng dõi phải kèm theo với bạc tiền. Nhưng cái gương của con đã chẳng chứng minh rằng người ta có thể sung sướng, sung sướng lắm, sung sướng tuyệt vời với người vợ không dòng sang và không có của mà người ta yêu? Mẹ lẽ nào lại không muốn em con được sung sướng như con hay sao? Mẹ đã xiêu lòng vì con, không nỡ từ chối nguyện vọng của một đứa con đã phải khóc trong 13 năm trời, sao mẹ lại không xiêu lòng vì một đứa con khác. Chẳng lẽ mẹ thương con nọ ghét con kia hay sao?
Mẹ tôi vuốt tóc tôi, hôn tôi và nói:
- Ô! Một đứa con quý! Một người anh tốt! Lòng con chan chứa bao tình thương!
- Con để dành chỗ đó đã lâu, không phải để cho con mà chính là để cho em Tuyên. Mẹ ơi! Em con tìm đâu được một người vợ kiều diễm hơn Tuyết-Nga? Tuyết-Nga há chẳng phải là một hoa khôi nước Ý hay sao? Cái giáo dục mà Tuyết-Nga đã hấp thụ được từ ngày mẹ con ta sang Lục-Ca đưa nàng về Ba-Lê, há chẳng xứng đáng giữ một chỗ ngồi, một chỗ ngồi trong cái xã hội khuôn phép nhất hay sao?
- Con quý Tuyết-Nga vì Tuyết-Nga là em Mã-Tư.
- Chính thế. Không dám nói quanh, con xin thú thực với mẹ rằng con hết sức cầu mong vì mối lương duyên đó sẽ đưa Mã-Tư vào trong gia đình ta.
- An-Tuyên có ngỏ ý ấy cùng con không?
Tôi mỉm cười và đáp:
- Mẹ ơi! Có. Vì nghĩ đến gia trưởng, em con có hỏi ý kiến con.
- Thế gia trưởng?
- Hứa sẽ nói với mẹ giúp cho và…
Nhưng mẹ tôi ngắt lời tôi:
- Kìa vợ con đã đến. Việc An-Tuyên sẽ định sau.
Vợ tôi, chắc quý độc giả đã đoán ra rồi, tôi không cần phải nói nữa, phải không? Vợ tôi là một thiếu nữ có đôi mắt dịu dàng, nét mặt tươi

cười và mau mắn mà quý độc giả đã biết. Đó là Lệ-Hoa. Nàng không câm nữa. Nàng vẫn giữ được những nét tế nhị và nhẹ nhàng khiến cho sắc đẹp của nàng thêm phần duyên dáng. Lệ-Hoa không rời mẹ tôi. Mẹ tôi đã nuôi nấng và chăm nom sự học của nàng. Nàng thành một thiếu nữ xinh đẹp nhất trong các cô gái xinh đẹp. Dưới mắt tôi, nàng có tất cả những nết hay, tất cả tính tốt và tất cả những tài năng vì tôi yêu nàng. Tôi ngỏ ý với mẹ tôi xin nàng làm vợ. Thoạt tiên mẹ tôi ngần ngại, không ưng thuận, căn cứ vào địa vị của hai bên trái nhau. Cuối cùng, mẹ không nỡ từ chối. Điều này làm cho vài người trong gia tộc tôi rất công phẫn.

Trong bốn người bất bình, đường ăn nết ở của Lệ-Hoa đã được lòng ba người. Còn người thứ tư nữa, chỉ đợi chúng tôi đến thăm là vui vẻ cả. Cuộc đi thăm đó đã định vào ngày mai.

Lệ-Hoa vừa vào vừa nói:

- Có việc gì thế? Anh dấu em và chỉ trình với mẹ? Em thấy An-Tuyên vội vã ra ga Chegford. Rồi lại thấy đánh xe ra ga Phe-Ry (Ferry) nữa. Việc gì thế? Bí mật phải không?

Tôi và mẹ tôi chỉ cười và không trả lời. Lệ-Hoa liền ôm cổ mẹ tôi âu yếm hôn và nói:

- Mẹ yêu quý của con, vì mẹ cũng ở trong việc này nên con không e ngại gì. Con biết trước rằng việc gì mẹ làm cũng là để xây đắp thêm cho hạnh phúc của chúng con. Nhưng con xấu quá, hay có tính tò mò!

Thì giờ ra đi. Chiếc xe ngựa tôi cho ra ga Phe-Ry đón gia đình của Lệ-Hoa chỉ về chốc lát.

Muốn trêu tính tò mò của vợ tôi, tôi liền lấy ống viễn kính vẫn dùng để ngắm các tàu biển qua lại, nhưng đáng lẽ tôi giơ ra ngoài biển, tôi lại quay ống kính về phía đường cái mà xe ngựa đón gia đình Lệ-Hoa sắp về.

Tôi bảo Lệ-Hoa:

- Em nhìn vào kính này, tính tò mò của em sẽ được thỏa mãn.

Lệ-Hoa cầm lấy ống kính nhìn, chỉ thấy một dải đường trắng, không thấy một chiếc xe nào.

Đến lượt tôi nhìn, theo giọng phỉnh khách của ông Vỹ-Tiên ngày xưa, tôi nói:

- Sao? Em không nhìn thấy gì trong kính à? Cái kính này rất thần diệu. Anh nhìn qua biển sang đến Pháp. Kìa, trong một ngôi nhà ở kế cận thành Sô (Sceaux), anh trông thấy một người tóc bạc đang giục hai người đàn bà đứng bên cạnh:

“Nhanh lên chứ kẻo lỡ xe hỏa thì tôi không đến được nước Anh dự lễ

Rửa tội cho cháu ngoại tôi. Bà Cát-Tường xin bà mau lên, đã 10 năm nay bà về ở với tôi, bao giờ cũng thấy bà chậm. Sao nữa? Cô Yến-Chi. Muốn nói cái gì? Cô vẫn cứ làm cảnh-sát mãi! Ta trách đùa bà Cát-Tường đấy thôi. Ta biết bà là một người em gái giỏi nhất, cũng như con, Yến-Chi, con là một người con gái giỏi nhất. Tìm đâu cho được một người con gái tốt như con, không chịu lấy chồng để ở nhà phụng dưỡng cha già và cứ đóng mãi vai thần hộ mệnh từ tấm bé, hết lòng săn sóc cho các em trai và em gái? – Rồi trước khi lên đường ông còn dặn những đầy tớ phải trông nom vườn hoa trong khi ông đi vắng – ông nói: Các anh nên nhớ rằng chính ta là một thợ trồng hoa, ta hiểu nghề lắm. Các anh đừng có dối ta!"
Tôi lại quay kính ra chỗ khác như muốn đổi hướng. Tôi nói:
"Bây giờ anh lại trông thấy chiếc tàu biển, một chiếc tàu lớn ở An-Ti (Antille) về và cập bến Hao-Cảng (Havre). Trên tầu có một chàng thanh niên vừa đi du lịch và khảo cứu các giống thực vật ở miền A-Ma-Dôn (Amazone) về: chàng có đem về một lô hoa thảo kỳ dị mà người Âu-châu chưa từng trông thấy bao giờ. Các báo đều đăng tin đó, chàng tên là Bằng-Mai, nổi tiếng là một nhà vạn vật học. Không biết chàng có kịp sang tàu đi Lít-Hăm-Tông để gặp gia đình chàng ở Mỹ-Phủ không? Cái kính thần diệu này đã theo dõi và biết được chàng đã kịp xuống tàu đi Lít-Hăm-Tông và sắp đến nơi."
Tôi lại chĩa kính về một hướng khác và nói:
"Không những tôi trông thấy mà còn nghe thấy hai người khách đang ngồi trong toa: một chàng thanh niên và một cụ già. Cụ già nói: Cuộc đi chơi này rất bổ ích. Chàng thanh niên đáp: Thưa Giáo sư bổ ích lắm – An-Sinh ơi, chuyến này không những anh được hôn mọi người trong gia đình anh, không những chúng ta được bắt tay Lê-Minh, một người bạn nhỏ không quên chúng ta, chúng ta còn được dịp thăm các mỏ ở nước Anh. Anh sẽ quan sát được nhiều và khi trở về có thể cải thiện cho Mỏ Thụy-Khê. Tài năng của anh tôi xem có thể đem lại cho anh một địa vị xứng đáng ở Sở Mỏ. Còn tôi, tôi sẽ tìm tòi các vật hóa thạch đem về làm giầu cho kho tài liệu của tôi, tức kho bảo tàng của tỉnh Văn-Xá. Tiếc rằng ông An-Thiện nhà ta mắc bận không tới được".
Tôi định nói nữa, thì Lệ-Hoa lấy hai cánh tay ôm lấy đầu tôi, che mắt tôi và không cho tôi nói nữa.
Bằng một giọng run run và cảm động, nàng kêu lên:
- Ô! Một cuộc ngạc nhiên êm ái làm sao! Em sung sướng quá!
- Không phải anh mà em phải cám ơn. Chính là mẹ, mẹ đã muốn hội tụ tất cả những người xưa kia đã tử tế với đứa con bỏ rơi của bà để

tỏ lòng nhớ ơn. Nếu em không bịt miệng anh, thì em sẽ biết thêm rằng chúng ta còn đợi anh Bốp, bây giờ thành một kịch sĩ tiếng tăm ở Anh và anh ruột anh nữa, vẫn chỉ huy chiếc thuyền Nguyệt Thực.
Lúc đó, có tiếng một chiếc xe ngựa đỗ, rồi đến cái thứ hai. Chúng tôi chạy ra cửa sổ nhìn: trong xe thứ nhất, Lệ-Hoa nhìn thấy cha, thấy bà Cát-Tường, thấy chị Yến-Chi, anh An-Sinh và anh Bằng-Mai, đủ mặt nhà nàng. Cạnh An-Sinh lại có một ông già, lưng còng, tóc bạc, đó là Giáo-sư. Trong xe thứ hai không mui, Mã-Tư và Tuyết-Nga giơ tay ra hiệu cho chúng tôi. Sau cùng là một cái xe ngựa nhỏ chính tay Bốp cầm cương. Trông anh trang trọng như một thân sĩ. Anh anh ngồi sau, trông vẫn như xưa, một người thủy thủ can đảm và sốt sắng ở bến Ích-Nhi.
Vợ chồng tôi vội vàng xuống thềm đón khách. Một bữa tiệc linh đình hội họp chúng tôi chung quanh bàn. Tất nhiên ai cũng nhắc đến chuyện cũ.
Mã-Tư nói:
- Mới rồi tôi có gặp ở tỉnh Ba-Đê, trong một phòng giải trí, một thân sĩ răng trắng và nhọn: miệng cười luôn mặc dầu vận rủi. Ông ta không biết tôi, có hạ cố xin tôi một đồng bạc để đánh một tiếng bạc ăn chắc – vì họ thông lưng với nhau – nhưng đã rủi lại rủi thêm, ông Mỹ-Giang bị thua nhẵn.
Mẹ tôi nói:
- Anh Mã-Tư ơi! Sao anh lại nói thế? Thằng Lê-Minh nó dám gửi tiền chu cấp chú nó đấy.
- Đúng thế, mẹ ạ.
- Thế ra không có sự ứng báo à?
- Có, ứng báo chứ! Vì ông chú nham hiểm kia sẽ phải chịu ơn những người mà ông ấy theo lòng tham đã làm cho điêu đứng và muốn cho chết đi.
Anh Bốp nói:
- Tôi có tin tức về bọn đồng đảng của ông ta.
Mã-Tư kêu:
- Về tên Điệp-Công độc ác, phải không?
- Không phải Điệp-Công, vì hắn vẫn bị đầy biệt xứ. Tôi muốn nói đến gia đình hắn. Bà vợ say rượu không gục vào bàn, lại nằm lăn vào đống lửa bị chết cháy. Á-Lang và Á-Niên vừa bị tội đồ, sẽ đi theo cha.
- Thế còn bé Cát?
- Con bé được việc săn sóc ông nó hãy còn sống và vẫn ở bãi Hồng-Sư. Ông già có tiền, không sợ chết đói.
Mã-Tư cười to và nói:

- Thương hại con bé, có lẽ nó bị rét lắm. “Ông già không muốn cho ai đến gần lò sưởi của ông ta”.
Ăn cơm mới nói chuyện cũ. Mỗi người nhắc một chuyện. Chúng tôi ai nấy đều có những kỷ niệm chung và ai nấy đều thích thú gợi ra. Đó là những cái dây vô hình khắng khít ràng buộc chúng tôi.
Tiệc mãn, Mã-Tư lại cạnh tôi, bấm tôi ra cửa sổ nói:
- Tôi có một ý kiến. Từ lâu đến giờ chúng ta hòa nhạc mãi cho người ngoài nghe, bây giờ có nên trình diễn cho những người thân yêu của chúng ta xem không?
- Với anh, thì muốn vui phải có âm nhạc? Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, phải âm nhạc, phải âm nhạc! Anh còn nhớ cuộc chạy thi của chúng ta với con bò sữa không?
- Bây giờ anh đàn hát bài “Tình ca Ý” đi.
- Vui lòng! Chính bài đó làm cho Lệ-Hoa khỏi câm.
Chúng tôi liền đem nhạc khí ra. Mã-Tư với trên tường một cây vĩ-cầm đựng trong cái hộp bóng loáng, trong lót nhung xanh. Cây vĩ-cầm đó đem bán hai phật-lăng không đắt. Tôi kéo ở trong cái túi vải ra một cây thụ-cầm bằng gỗ mà mưa nắng đã làm bạc mầu.
Mọi người hoan hỉ vây quanh chúng tôi. Lúc đó, một con chó chạy vào: Lãnh-Nhi.
Con chó có nghĩa đó đã già lắm, tai đã điếc rồi nhưng mắt còn trông rõ. Nằm trên cái đệm, chỗ nó ở, trông thấy cây đàn quen thuộc, nó chạy đến để “diễn trò”. Nó ngậm một cái bát trong miệng. Nó muốn đứng bằng hai chân sau để đi trình diện các “quý khán giả”, nhưng sức đã suy yếu, nó ngồi bệt xuống lấy một chân để vào ngực trịnh trọng chào các vị “khán quan”.
Khi chúng tôi hát xong, Lãnh-Nhi đứng dậy bập bễnh đi vòng quanh để lĩnh tiền. Mọi người đều bỏ tặng phẩm vào cái bát. Lãnh-Nhi sung sướng được một bát đầy đem đến cho tôi. Đó là một kết quả rất rực rỡ chưa từng thấy bao giờ. Những đồng tiền vàng, tiền bạc lộn xộn như vẩy hến trong bát: 170 phật-lăng!
Tôi cúi xuống hôn Lãnh-Nhi như ngày nó đến cạnh an ủi tôi. Cảnh đó làm tôi nhớ lại thời thơ ấu gian nan của tôi, một ý nghĩ vụt nẩy ra trong óc. Tôi liền phát biểu: “Món tiền này sẽ là viên gạch thứ nhất để lập một viện Cứu Tế cho những trẻ đánh đàn rong trong các phố có chỗ nương náu. Còn bao nhiêu, mẹ con tôi xin đảm nhận”.
Mã-Tư tiến lại, hôn tay mẹ tôi và nói:
- Thưa bà, tôi xin bà cho phép tôi góp một phần nhỏ mọn vào công cuộc từ thiện mà bà sắp làm. Số tiền sẽ thu được trong buổi tấu nhạc đầu tiên của tôi tại thành Luân-Đôn bao nhiêu, tôi sẽ xin cúng thêm

vào số bạc Lãnh-Nhi vừa quyên được.
Bản thảo của tôi đưa in thiếu mất một trang. Đó là trang chép lại bài hát "Tình ca" mà tôi vẫn hát. Tiện đây, có anh Mã-Tư, một nhạc sĩ khác hơn tôi, tôi đã nhờ anh chép lại bài đó, như sau:

*TÌNH CA**
Quyết khép cửa sao em độc ác
Khiến bao phen ta nát cõi lòng.
Lửa tâm càng dập càng nồng,
Nghe tên lại nhớ bóng hồng thướt tha
Ta muốn học như là áng tuyết,
Tuyết lạnh lùng mà nết kiên trinh.
Trách em sao khéo vô tình,
Thấy ta vất vưởng em đành làm thinh.
Ta những ước hóa thành trẻ nhỏ,
Xách ấm sành đây đó lang thang.
Giã từ chốn ấy lầu trang:
"Nước đây tôi bán, các nàng có mua?"
Trên gác nọ một cô trông thấy;
Hỏi: "Người nào ngoài ấy đang rao?"
Trông lên ta đáp nghẹn ngào:
"Lệ tình đây chứ, phải nào nước đâu!"

- HẾT -

**Chúng tôi để lời trân trọng cảm ơn Tòa Đại sứ Ý tại Saigon trong thư số 945/F16 ngày 18-5-1958 đã có nhã ý dịch giúp bài Tình ca bằng thổ âm Ý ra Pháp văn, do đó mới có bài ca trên đây. (Dịch giả)*

Nguồn: vinhhoa /vnthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 05/05/2009 12:53:23 SA